HOÀNG MINH MẪN

Windows XP

cho mọi nhà

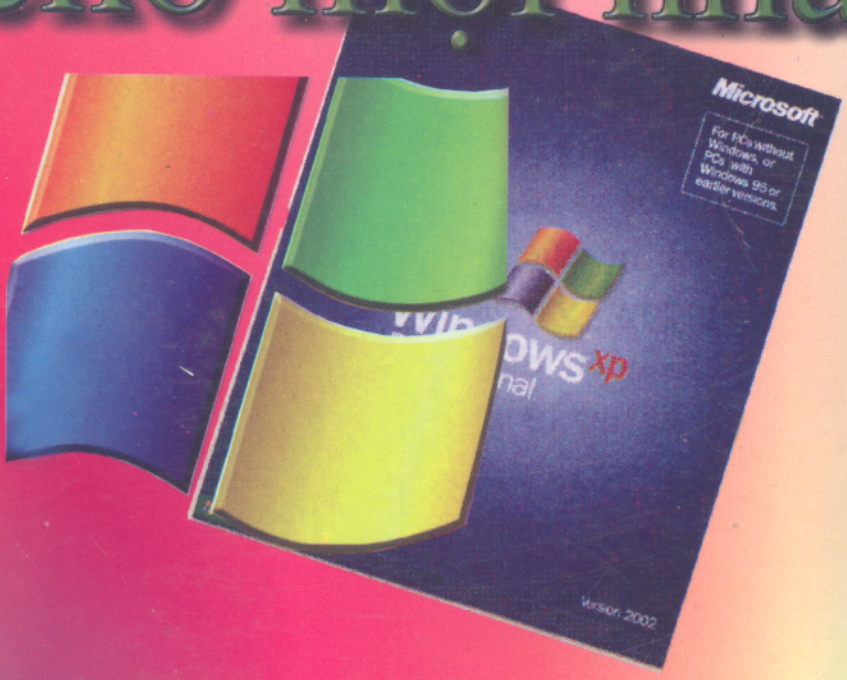

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Windows XP

- Cho Mọi Nhà -

HOÀNG MINH MẪN



Windows XP

- Cho Mọi Nhà -

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Lời nói đầu

Windows XP là một hệ điều hành được Microsoft kết hợp từ hệ điều hành dùng cho cá nhân và hệ điều hành dùng cho công ty. Nó rất mạnh và ổn định vì được xây dựng trên cơ chế hoạt động của Windows 2000 và có giao diện cũng như tính năng hỗ trợ trình điều khiển được thiết lập dựa trên nền của Windows 9X/ME. Cuốn sách này nhằm mục đích giúp các bạn tìm hiểu các tính năng mới và cách hoạt động của hệ điều hành này.

Sách gồm 6 phần

Phần I: **Tìm hiểu Windows XP**. Phần này trình bày các tính năng mới và đã được cải tiến trong Windows XP, hướng dẫn cách tạo tùy biến nền màn hình Windows XP và cách hoạt động của nó.

Phần II: **Làm việc với các file, chương trình, và các thiết bị ngoại vi**. Trong phần này, bạn sẽ xem xét tất cả các công cụ quản lý file trong Windows XP, học cách bổ sung phần mềm và phần cứng mới vào hệ thống và cách điều khiển tính năng in của Windows XP.

Phần III: **Đưa Windows lên trực tuyến**. Phần này bàn về Windows XP và Internet, bao gồm cách nối kết với một ISP, chia sẻ một nối kết Internet và tán gẫu với những người khác qua chương trình Windows Messenger.

Phần IV: **Âm thanh và hình ảnh**. Trong phần này, bạn sẽ học cách Windows XP quản lý việc nhập và xem hình ảnh cũng như cách bạn có thể nghe các file âm thanh kỹ thuật số.

Phần V: **Windows XP trong gia đình và môi trường di động**. Phần này bàn về việc sử dụng Windows XP trên mạng hay trên một máy tính xách tay.

Phần VI: **Bảo trì và xử lý sự cố**. Phần này hướng dẫn bạn tìm sự trợ giúp, bảo trì hệ thống và xử lý các sự cố thường gặp.

Ngoài ra, sách còn có phần phụ lục trình bày thông tin cơ bản về việc nâng cấp hệ thống lên Windows XP, sử dụng các chương trình phụ có sẵn trong XP, và thực thi các tùy chọn truy cập của XP. Đặc biệt sách còn đưa vào phần thủ thuật học nhanh Windows XP bằng hình để các bạn dễ dàng nắm bắt sử dụng Windows XP một cách nhanh nhất.

Với nội dung và cách bố cục như trên, chúng tôi hy vọng sách sẽ là nguồn tài liệu tham khảo quí báu cho các bạn.

Tác Giả



PHẦN 1

Tìm hiểu Windows XP

1. Đối với những người đã từng sử dụng Windows: Những điểm mới và những điểm đã được thay đổi
2. Thay đổi diện mạo và cách hoạt động của Windows

Chương 1

Đối với những người đã từng sử dụng Windows: Những điểm mới và những điểm đã được thay đổi

- *Đôi nét về Windows XP*
- *Hệ điều hành*
- *Những diện mạo mới*
- *Những tính năng mới cho việc sử dụng Internet*
- *Những tính năng mới cho đa người dùng và đa máy tính*
- *Những tính năng mới về audio và video*
- *Những trình tiện ích mới*
- *Tính năng trợ giúp*
- *So sánh với Windows 98 và Windows Me*
- *Thực hiện những tác vụ mà bạn đã từng làm trong Windows 98 và Windows Me*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Trong chương này, bạn sẽ được giới thiệu tất cả những tính năng mới của Windows XP.

Đôi nét về Windows XP

Microsoft có thông lệ khoảng hai năm một lần họ sẽ cho ra đời một phiên bản mới của hệ điều hành Windows. Phiên bản quan trọng gần đây nhất là Windows 95, đây là phiên bản hoàn toàn mới so với phiên bản Windows 3.1 trước đó. Windows 98 (1998), Windows 98 Second Edition (1999) và Windows Me (2000) có bổ sung một số tính năng mới, nhưng về cơ bản thì cũng giống như hệ điều hành của năm 1995.

Qua tất cả những lần nâng cấp này, hệ điều hành Windows 9X/Me đều nhắm vào những người dùng máy tính riêng lẻ. Các công ty được Microsoft khuyến khích sử dụng hệ điều hành mạnh hơn là Windows NT/2000 - ít ra là từ giữa thập niên 1990. Phiên bản dùng cho công ty này được tạo dựa trên hệ điều hành 32 bit, trong khi đó hệ điều hành Windows 9X/Me nhắm vào các người dùng riêng biệt được xây dựng trên các chương trình 16 bit. Thực vậy,

trong hệ điều hành Windows 9X/Me vẫn sử dụng một số tính năng của MS-DOS. Điều này có nghĩa là các phiên bản này chưa phải đã có tính ổn định cao nhất.

Nếu bạn muốn có tính ổn định cao hơn, bạn phải sử dụng hệ điều hành Windows NT/2000 32 bit. Tuy nhiên, Windows 2000 (phiên bản mới nhất trong chuỗi sản phẩm này) không hoàn toàn phù hợp với người dùng cá nhân. Nhiều thiết bị ngoại vi trên máy tính gia dụng không được nó hỗ trợ, nhiều trò chơi phổ biến và các trình ứng dụng cũ hơn không thể chạy trên nó.

Vì lý do này, Microsoft cho ra đời Windows XP. Với XP, Microsoft đã kết hợp hệ điều hành dùng cho người dùng cá nhân và hệ điều hành dùng cho công ty thành một hệ điều hành. Windows XP được xây dựng trên cơ chế hoạt động của Windows 2000, nhưng nó có giao diện và tính năng hỗ trợ trình điều khiển được thiết lập trên nền của Windows 9X/Me. Điều này có nghĩa là Windows XP sẽ ổn định và mạnh mẽ như Windows 2000 và dễ sử dụng như Windows 9X/Me.

Tất cả điều này làm cho Windows XP trở thành phiên bản quan trọng nhất kể từ khi Windows 95 xuất hiện. Có thể bạn không có nhu cầu nâng cấp Windows 98 hay Windows Me, nhưng các cải tiến trong Windows XP có thể làm cho bạn thích nâng cấp hệ điều hành hiện có của mình lên phiên bản này.

Tuy nhiên, việc nâng cấp không phải dễ dàng. Chủ yếu là vì Windows XP có các yêu cầu về hệ thống tương đối khắt khe. (Đó là do việc sử dụng cơ chế hoạt động của Windows 2000 vốn luôn luôn đòi hỏi phải có phần cứng mạnh). Nếu bạn có một máy tính tương đối mới, tương đối mạnh, với nhiều bộ nhớ và khoảng trống đĩa cứng thì bạn có thể thực hiện việc nâng cấp. Nếu máy tính của bạn đã được sử dụng hơn hai năm thì bạn nên giữ nguyên hệ điều hành cũ.

Microsoft cho rằng (và nhiều người cũng đồng ý) tốt nhất nên sử dụng Windows XP trên một máy tính mới tương thích với XP.

Các điểm mới và khác

Khi bạn nâng cấp lên Windows XP, thì bạn sẽ nhận thấy rằng tất cả các thay đổi chủ yếu diễn ra trong hệ điều hành. Kết quả chủ yếu trong việc thay đổi cơ chế hoạt động của Windows 2000 là hệ điều hành trở nên ổn định hơn. Tuy nhiên, điều này không dễ dàng nhận thấy.

Điều dễ dàng nhận thấy là diện mạo mới của hệ điều hành. Mặc dù vậy, khi bạn bắt đầu làm việc với nó, thì Windows XP vẫn có diện mạo và cách làm việc gần giống với tất cả các phiên bản trước của Windows.

Thực ra không có nhiều chức năng mới trong phần chính của hệ điều hành. Nhiều tác vụ trước đây được truy cập bằng cách nhấp phải một đối tượng bây giờ có thể được thực hiện ngay thông qua các ô tác vụ nhạy ngữ cảnh. Các ô này được kích hoạt khi bạn hiển thị các folder trong Web View. Chúng xuất hiện trong tất cả các cửa sổ folder và có các danh sách về những tác vụ phổ biến nhất. Chỉ cần nhấp một tác vụ khi bạn muốn thực hiện một việc gì đó - dễ hơn nhiều so với việc nhấp phải các hạng mục hay các menu xổ xuống.

Dĩ nhiên, Windows XP cũng có các tính năng mới. Tuy nhiên, những người không ưa Microsoft cho rằng phần lớn các tính năng mới này đều không cần thiết. Microsoft xem các tính năng mới được bổ sung này như "những phần mở rộng" của hệ điều hành.

Hầu hết các tính năng mới này trước đây đều đã có sẵn do Microsoft và các công ty phía thứ ba cung cấp. Bây giờ chúng đã được cài đặt sẵn vào hệ điều hành này, vì vậy bạn không cần phải cài đặt chúng một cách riêng lẻ. Điều này rất có lợi đối với bạn. (Nếu bạn thích các phiên bản của Mcrosoft và gây bất lợi đối với nhà cung cấp phía thứ ba.)

Windows XP có một giao diện mới được gọi là "Luna". Luna là giao diện được thay đổi lớn nhất kể từ khi các biểu tượng 3D trong Windows 95 thay thế màn hình phẳng của Windows 3.x.

Các phiên bản khác

Hiện nay Mcrosoft đang tung ra thị trường ba phiên bản khác nhau của Windows XP. Windows XP Home Edition (được trình bày trong sách này) là phiên bản XP dành cho những người dùng ở nhà và các công ty nhỏ. Windows XP Professional được thiết kế để phục vụ các công ty lớn. Windows XP 64 bit Edition được thiết kế để sử dụng cho các ứng dụng cấp trạm làm việc, chẳng hạn như thiết kế các cây cầu và những bộ phim.

Trừ phi bạn đang điều hành một mạng lớn, bạn không cần phải sử dụng XP Professional. Trừ phi bạn có một trạm làm việc (workstation) mạnh và đang chạy bộ xử lý Itanium mới của Intel thì bạn không cần sử dụng phiên bản 64 bit.

Windows XP Home Edition có tất cả các chức năng cần thiết để giúp bạn thực hiện các công việc của một doanh nghiệp nhỏ, bao gồm một Network Setup Wizard đã được cải tiến có thể giúp bạn dễ dàng thiết lập các mạng nội bộ nhỏ hay các nối kết Internet được chia sẻ.

Xét về phương diện nào đó thì Windows XP Professional chính là phiên bản được nâng cấp của Windows XP Home Edition. Những gì bạn có thể thực hiện với XP Home bạn đều có thể thực hiện với XP Pro.

Thay đổi sang phương pháp tiếp cận dựa vào tác vụ

Dù bạn sử dụng phiên bản Windows XP nào thì bạn cũng nhận thấy một thay đổi cực kỳ quan trọng trong cách làm việc của hệ điều hành mới này. Trong khi các phiên bản trước đây của Windows bắt buộc bạn phải chọn một hạng mục và sau đó tìm tác vụ thích hợp trên một menu xổ xuống (hay nhấp phải một hạng mục để hiển thị một menu bật lên) thì Windows XP lại đưa ra một danh sách các tác vụ thường được thực hiện nhất mỗi lần bạn chọn một hạng mục.

Ví dụ, khi bạn chọn một file trong My Computer hay My Documents (như minh họa trong hình 1) thì ô tác vụ sẽ hiển thị một danh sách các tác vụ có thể áp dụng cho file được chọn. Trong trường hợp này, các tác vụ bao gồm Rename this file, Move this file, Copy this file, Publish this file to the Web, E-mail this file, Print this file, hay Delete this file. Bạn vẫn có thể chọn một tác vụ từ

thanh menu (hay nhấp phải file và chọn một tác vụ từ menu bật lên), nhưng hầu hết các tác vụ mà bạn thường sử dụng nhất đều được liệt kê trong ô tác vụ.

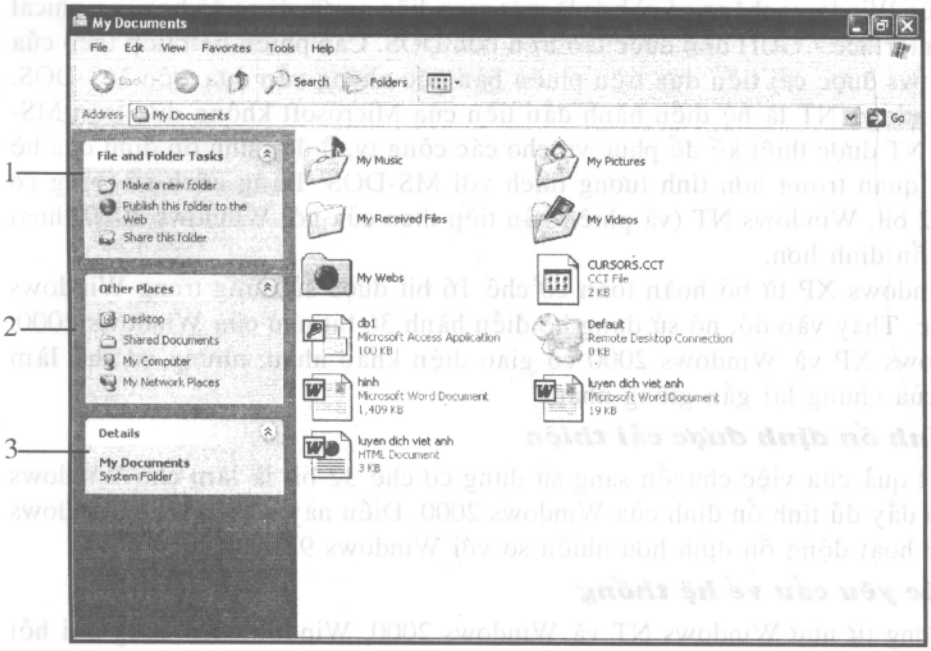

1. Danh sách các tác vụ 2. Các folder quan trọng 3. Các chi tiết về file d. Ô tác vụ

Hình 1.1 Danh sách File and Folder Tasks sử dụng phương pháp tiếp cận mới dựa vào tác vụ của Windows XP.

Windows XP thực hiện phương pháp dựa vào tác vụ này trong toàn bộ hệ điều hành bằng cách sử dụng cái mà Mcrosoft gọi là "giao diện người dùng thông minh". Ví dụ, menu Start đã được cải tiến nhóm các file và các trình ứng dụng thường xuyên được sử dụng nhất với nhau để giúp bạn có thể truy cập nhanh chóng và dễ dàng. Tính năng mới Search Companion hỏi bạn muốn tìm gì, bằng loại tiếng Anh dễ hiểu (trái với việc đòi hỏi phải có các ký tự thay thế và phần đuôi file như tính năng cũ Find đã từng làm) - và sau đó đưa ra các đề nghị bổ sung để giúp bạn giới hạn phạm vi tìm kiếm của mình. Folder My Pictures hiển thị các thumbnail ảnh và các tác vụ có liên quan đến việc quản lý ảnh.

Hệ điều hành

Trong số tất cả các thay đổi trong Windows XP, thì thay đổi lớn nhất lại là thay đổi không thể nhìn thấy bằng mắt. Cơ chế làm việc của Windows XP không giống như cơ chế làm việc trong Windows 9X/Me. Thay vào đó, Windows XP sử dụng cơ chế làm việc cơ bản được sử dụng trong hệ điều hành Windows 2000. Nếu bạn bỏ qua phiên bản OS/2 Warp cũ của IBM (và nhiều người cũng bỏ qua phiên bản này), thì đây là lần đầu tiên một hệ điều hành cấp công ty được dùng cho những người dùng ở nhà.

Một hệ điều hành 32 bit thực sự

Tất cả các hệ điều hành của Mcrosoft trước đây dành cho những người dùng ở nhà đều phát triển từ hệ điều hành cũ MS-DOS 16 bit. Phiên bản đầu tiên của Windows chẳng có gì hơn là một giao diện người dùng đồ họa (graphical user interface - GUI) đẹp được tạo trên nền DOS. Các phiên bản tiếp theo của Windows được cải tiến dựa trên phiên bản gốc nhưng vẫn dựa trên MS-DOS.

Windows NT là hệ điều hành đầu tiên của Microsoft không dựa trên MS-DOS. NT được thiết kế để phục vụ cho các công ty, ở đây tính ổn định của hệ thống quan trọng hơn tính tương thích với MS-DOS. Bằng cách sử dụng cơ chế 32 bit, Windows NT (và phiên bản tiếp theo của nó, Windows 2000) hoạt động ổn định hơn.

Windows XP từ bỏ hoàn toàn cơ chế 16 bit được sử dụng trong Windows 9X/Me. Thay vào đó, nó sử dụng hệ điều hành 36 bit như của Windows 2000. Windows XP và Windows 2000 có giao diện khác nhau, nhưng cơ chế làm việc của chúng lại gần giống nhau.

Tính ổn định được cải thiện

Kết quả của việc chuyển sang sử dụng cơ chế 32 bit là làm cho Windows XP có đầy đủ tính ổn định của Windows 2000. Điều này có nghĩa là Windows XP sẽ hoạt động ổn định hơn nhiều so với Windows 9X/Me.

Các yêu cầu về hệ thống

Tương tự như Windows NT và Windows 2000, Windows XP cũng đòi hỏi phải có một số phần cứng mạnh để khởi động và chạy. Nếu máy tính của bạn đã cũ, thì có thể nó không đủ sức để chạy XP. Và dù cho bạn có một máy tính mới hơn thì có lẽ bạn cũng cần bổ sung thêm bộ nhớ để làm việc với hệ điều hành mới này.

Sau đây là một số đề nghị của Microsoft để có một mức độ tương thích với XP tối thiểu:

- Bộ xử lý 233MHz hoặc hơn trong Intel Pentium/Celeron hay AMD K6/Athlon/Duron
- 128MB RAM
- 1.5 GB khoảng trống đĩa cứng có sẵn.
- SuperVGA (800x600) hoặc monitor có độ phân giải cao hơn
- Ổ đĩa CD-ROM hay DVD

Trên đây là các đề nghị của Microsoft. Còn sau đây là các đề nghị của chúng tôi:

- Ít ra phải sử dụng bộ xử lý Pentium III hay AMD có tốc độ 500MHz hoặc hơn.
- Tăng bộ nhớ của bạn lên mức tối thiểu là 256MB
- Có ít nhất 5GB khoảng trống đĩa có thể sử dụng
- Xác lập độ phân giải màn hình của bạn từ 1024 x 768 trở lên - điều này có nghĩa là ít ra bạn phải có một monitor 17 inch.

Các yêu cầu cơ bản này chỉ áp dụng đối với việc chạy XP với các phần mềm truyền thống. Nếu bạn muốn thực hiện các loại tác vụ khác, thì hệ

thống của bạn phải có các thiết bị ngoại vi thích hợp. Ví dụ:

- Để truy cập Internet, bạn cần phải có một modem 33.6Kbps hoặc hơn, kèm theo một account với nhà cung cấp dịch vụ Internet - hay một nối kết cáp hoặc DSL tốc độ cao.
- Để nối kết mạng, bạn cần phải có một card giao diện mạng (network interface card - NIC) và các nối kết phù hợp với một cơ sở hạ tầng mạng.
- Để hội thảo và nói chuyện điện thoại qua Internet, bạn cần phải có một modem 33.6 Kbps hoặc hơn hay một nối kết mạng, cùng với một microphone, card âm thanh và loa hay bộ tai nghe.
- Để xem DVD, bạn cần phải có một ổ đĩa DVD, card giải mã DVD hay phần mềm giải mã DVD, và 8MB video RAM.
- Để chỉnh sửa video số, bạn cần phải có một card bắt video hay một nối kết IE 1394 FireWire (đối với máy quay video số), cùng với một bộ xử lý 400MHz hoặc hơn.

Sự hỗ trợ phần cứng

Bạn sẽ nhận thấy Windows XP tương thích với hầu hết các loại phần cứng hay các thiết bị ngoại vi. Cụ thể, XP hoàn toàn hỗ trợ các công nghệ sau:

- DVD-RAM với kiểu định dạng FAT32
- Các nối kết IEEE 1393 Firewire
- Mạng không dây IEEE 802.11b WiFi
- Image Mastering API (IMAPI) dùng để tạo đĩa CD-R và CD-RW bằng cách rê và thả
- Các nối kết không dây Infrared Data Association (IrDA)
- Bộ xử lý 64 bit của Intel Itanium (cũng được hỗ trợ bởi phiên bản 64 bit của Windows XP)
- Internet Connection Sharing dùng để chia sẻ một nối kết Internet với nhiều máy tính khác
- Cho phép các mạng nội bộ kết hợp nhiều công nghệ nối kết khác nhau
- Universal Disk Format (UDF) 2.01 dùng cho các đĩa DVD-ROM và DVD
- Universal Plug and Play (UPnP)
- Universal serial bus (USB), bao gồm bàn phím giao diện USB, microphone USB, và microphone mảng (dùng cho hội thảo bằng video và nói chuyện điện thoại)
- Windows Image Acquisition (WIA) dùng cho các thiết bị ảnh tĩnh

Về cơ bản, Windows XP sẽ tương thích với hầu hết các thiết bị phần cứng mà bạn đã có và các phần cứng mà bạn sẽ mua. Điều này chủ yếu là do XP được thiết kế dựa trên cơ chế làm việc của Windows 2000. Bất kỳ trình điều khiển phần cứng nào làm việc trên Windows 2000 cũng sẽ làm việc trên Windows XP.

Tuy nhiên, có lẽ bạn cần phải nâng cấp các trình điều khiển cũ lên phiên bản Windows 2000/XP. Nhiều người nhận thấy rằng khi họ nâng cấp Win-

dows Me lên XP thì nhiều thiết bị cũ không còn hoạt động, rõ ràng là do họ đã cài đặt các trình điều khiển của Windows 9X/Me. Khi họ cài đặt các trình điều khiển của Windows 2000 thì mọi thứ đều hoạt động tốt.

Thủ thuật

Bạn có thể sử dụng các trình điều khiển của Windows 2000 có trên đĩa cài đặt thiết bị của bạn. Nếu không, các trình điều khiển tương thích với Windows 2000 có thể được tải xuống từ Web site của nhà sản xuất.

Windows XP có một tính năng mới có tên là AutoPlay. Tính năng này giúp cho việc sử dụng các phương tiện ghi dữ liệu có thể tháo lắp được trở nên đơn giản. AutoPlay cho phép bạn nối kết một phương tiện ghi dữ liệu mới - bao gồm phiếu chụp (flash card), các đĩa Zip, và đĩa CD - và bắt đầu sử dụng nó ngay lập tức. Khi bạn cài một phương tiện ghi dữ liệu này vào thì AutoPlay sẽ xác định nội dung và tự động khởi động trình ứng dụng cho nó. Điều này có nghĩa là bạn không cần phải khởi động các trình ứng dụng có liên quan bằng tay nữa.

Khả năng tương thích phần mềm

Windows XP không gặp nhiều khó khăn đối với phần cứng, nhưng khả năng tương thích của nó với các phần mềm có thể là cả một vấn đề. Mặc dù Microsoft tuyên bố Windows XP có thể tương thích với 1000 trình ứng dụng hàng đầu chạy trên nền Windows 9X/Me và hầu như tất cả các trình ứng dụng chạy trên nền Windows 2000, nhưng thực tế có thể khác.

Nhiều trình ứng dụng được thiết kế để dùng cho Windows 9X/Me lại không chạy trên nền Windows XP. (Và chúng cũng không chạy trên nền Windows 2000.)

Ví dụ, bạn không thể chạy America Online 6.0 trên nền Windows XP. Mỗi khi bạn khởi động chương trình này thì XP hiển thị một hộp thoại thông báo chương trình này được thiết kế để dùng cho Windows 95 hay Windows 98 và bạn cần cài đặt một phiên bản được cập nhật. Sau khi bạn nhấp nút Details thì nó đưa ra tùy chọn đóng hộp thoại hay khởi động chương trình.

Khi bạn khởi động chương trình thì bạn nhận được một hộp thoại khác. Hộp thoại này thông báo chương trình có thể không hoạt động tốt với phiên bản này của Windows, và đưa ra một tùy chọn "chạy hay đóng" khác. Khi bạn nhấp nút Run Program thì chương trình cố gắng khởi động nhưng không thành công.

Một nguyên nhân gây ra sự cố kiểu này là do nhiều trình ứng dụng cũ không phát hiện đúng hệ điều hành nào đang chạy. Do Windows XP được thiết kế dựa trên Windows 2000, nên các chương trình dựa trên Windows 9X này nghĩ rằng chúng được cài đặt trên nền Windows 2000 - và vì vậy không chịu hoạt động.

Microsoft cố gắng khắc phục vấn đề này bằng cách sử dụng tính năng Compatibility Mode trong Windows XP. Compatibility Mode sử dụng một công

nghệ mới có tên là AppFixes. Nó tự động tìm ra các trình ứng dụng cũ hơn này và lừa chúng nghĩ rằng chúng đang chạy trên một phiên bản cũ hơn, tương thích hơn của Windows.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể sử dụng công nghệ AppFixes theo kiểu thủ công để đánh lừa các trình ứng dụng không được phát hiện một cách tự động. Bạn chỉ cần nhấp phải biểu tượng tắt của trình ứng dụng, chọn Properties, chọn tab Shortcut, chọn tùy chọn Run in Compatibility Mode, và sau đó chọn hệ điều hành mà bạn muốn mô phỏng. Bạn cũng có thể áp dụng chế độ tương thích thông qua Program Compatibility Wizard của XP. Bạn khởi động wizard này bằng cách nhấp nút Start, sau đó chọn All Programs, Accessories, Program Compatibility Wizard.

Microsoft cũng đã tìm cách giải quyết các vấn đề về tính tương thích có thể xảy ra đối với các chương trình trò chơi dựa trên DOS. Windows XP có tính năng hỗ trợ âm thanh tương thích với SoundBlaster và tính năng hỗ trợ video VESA với độ phân giải cao có thể giúp chạy các chương trình trò chơi cũ này.

Những diện mạo mới của Windows XP

Bạn biết rằng Windows XP hoạt động ổn định hơn nhờ vào cơ chế 32 bit của Windows 2000. Bạn biết rằng Windows XP sử dụng một phương pháp thực hiện các tác vụ tạo thuận lợi cho người dùng hơn. Bây giờ chúng ta sẽ xem xét các chi tiết và thử nghiệm các tính năng mới của hệ điều hành này.

Trước tiên chúng ta hãy xem Windows XP đã thay đổi desktop và giao diện người dùng như thế nào.

Màn hình Welcome

Đặc điểm mới đầu tiên của Windows XP mà bạn có thể thấy là màn hình Welcome mới. Màn hình này thay thế màn hình Logon cũ được sử dụng trong các phiên bản trước của Windows.

Màn hình mới Welcome sinh động hơn và tạo điều kiện thuận lợi hơn đối với nhiều người dùng khác nhau. Nó hiển thị một danh sách các người dùng hiện đang được xác lập trên hệ thống của bạn, kèm theo một hình ảnh có liên quan. Hãy nhấp vào một ảnh để đăng nhập với tư cách là người dùng có ảnh đó - không cần gõ nhập - hay nhấp biểu tượng Guest để đăng nhập với tư cách là một khách mời.

Ghi chú

Bạn cũng có thể nhìn thấy màn hình Welcome mới khi bạn chuyển đổi qua lại giữa các người dùng, điều này được thực hiện bằng cách nhấp nút Log Off trên menu Start.

Giao diện người dùng

Khi Windows XP khởi động thì bạn sẽ nhìn thấy sự thay đổi lớn nhất đối với diện mạo của hệ điều hành. Toàn bộ giao diện người dùng đã thay đổi.

Microsoft gọi giao diện mới này là Luna, và nó hấp dẫn hơn nhiều so với

bất kỳ giao diện nào trước đây của Windows. Như bạn có thể thấy trong hình 1.2, nó có các màu sắc sáng hơn với các nút và biểu tượng lớn hơn.

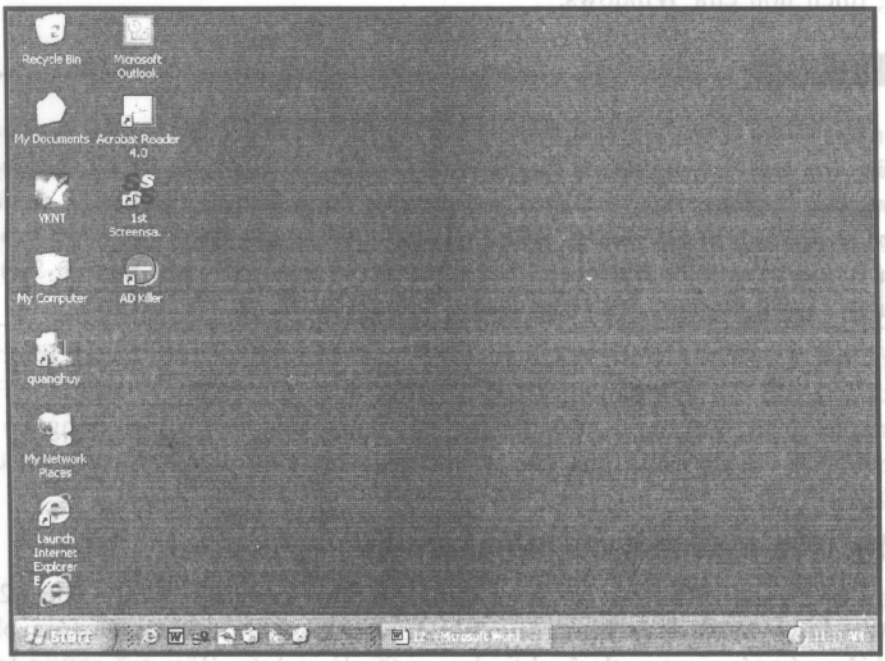

Hình 1.2 Giao diện Luna mới hơn của Windows XP.

Bạn có thể làm cho Luna trông đẹp hơn bằng cách kích hoạt các ảnh hoạt hình và các hiệu ứng 3D. Các hiệu ứng này bao gồm việc tạo hình mờ, làm cho các menu chuyển tiếp bằng cách cuộn hay mờ dần, tạo độ trong suốt cho text và biểu tượng, và tạo các bóng đổ. Một số hiệu ứng này có thể được kích hoạt từ hộp thoại Display Properties, và hộp thoại này có thể được mở từ Windows Control Panel. (Chọn tab Settings, và nhấp nút Effects.) Các hiệu ứng khác phải được kích hoạt từ hộp thoại System Properties và cũng có thể được truy cập từ Control Panel. (Chọn tab Advanced và nhấp nút Settings trong phần Performance.)

Nếu bạn không thích giao diện Luna thì bạn có thể trở lại giao diện Windows cổ điển từ hộp thoại Display Properties. Bạn chỉ cần chọn tab Themes và chọn theme Windows Classic, và XP sẽ có hình thức bề ngoài giống hệt như Windows 98.

Desktop

Có lẽ bạn đã từng thấy nhiều desktop rất lộn xộn với các biểu tượng nằm lung tung. Windows cố gắng làm cho desktop trở nên gọn gàng hơn bằng cách xóa hầu hết tất cả các biểu tượng trong lần cài đặt đầu tiên.

Dĩ nhiên, bạn có thể làm cho desktop của mình lộn xộn trở lại. Những mỗi vài ngày sẽ có một Desktop Cleanup Wizard chạy và đưa bất kỳ biểu tượng nào không được bạn sử dụng trong một thời gian trở lại folder Unused Desk-

top Icons. Kết quả là bạn có một desktop gọn hơn nhiều dù bạn có thích hay không.

ClearType

ClearType là một trong những tính năng ấn tượng nhất và hữu dụng nhất trong Windows XP. Bạn có thể truy cập tính năng này trong hộp thoại Display Properties.

ClearType là một công nghệ rất hiệu quả trong việc làm tăng độ phân giải ngang trên màn hình LCD gấp ba lần.

Control Panel

Microsoft đã làm cho Control Panel dễ sử dụng hơn. Bây giờ nó nhóm các applet (chương trình con) theo loại, trong khung xem Category. Trong khung xem này, bạn không thấy ngang các applet. Thay vào đó, bạn được khuyến khích chọn một hạng mục từ 10 vùng khác nhau, chẳng hạn như Appearances and Themes, User Accounts, và Performance and Maintenance.

Khi bạn nhấp một hạng mục, thì bạn sẽ nhìn thấy các applet truyền thống - kèm theo một danh sách các tác vụ ở bên dưới tiêu đề "pick a task". Bạn có thể nhấp một biểu tượng applet hay một tác vụ, cả hai cách này đều mở applet thích hợp.

Mặc dù khung xem Category này dựa vào tác vụ nhiều hơn, nhưng nó làm cho những người dùng lâu năm thực hiện nhiều thao tác nhấp hơn. Bạn có thể tắt khung xem Category bằng cách nhấp tùy chọn Switch to Category View trong ô tác vụ của Control Panel.

Folder

Các folder được dùng để hiển thị các file trong máy tính của bạn đã được thiết kế lại hoàn toàn trong Windows XP.

Trước tiên, mỗi folder theo mặc định sẽ hiển thị một ô tác vụ nhạy ngữ cảnh. Ô này liệt kê các chi tiết về file hay folder được chọn, và hiển thị một danh sách các tác vụ thường được thực hiện.

Bạn cũng có thể tạo tùy biến cho diện mạo của mỗi folder theo một số cách, bao gồm nhóm các file theo loại hay nhóm các file được sử dụng gần đây nhất với nhau.

My Computer

Như bạn có thể thấy trong hình 1.3, My Computer có diện mạo hoàn toàn khác trong Windows XP. Ngoài ô tác vụ, My Computer bây giờ còn hiển thị các thiết bị trên hệ thống của bạn theo loại. Bạn có thể nhìn thấy một vùng dùng để liệt kê các ổ đĩa cứng, một vùng dùng để liệt kê các thiết bị lưu trữ có thể tháo lắp được, và một vùng dùng để liệt kê các thiết bị khác (chẳng hạn như camera số và máy scan).

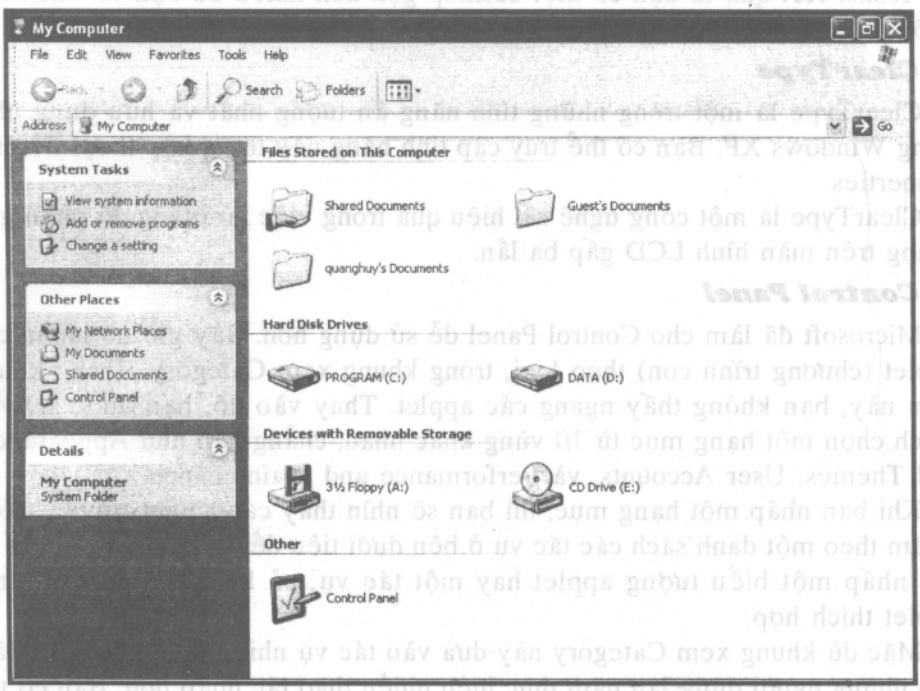

Hình 1.3 My Computer mới của Windows XP - hữu dụng hơn so với các phiên bản trước.

Ngoài ra, danh sách Tasks còn có các liên kết dùng để khởi động hầu hết các tác vụ thường được thực hiện nhất, chẳng hạn như tìm file hoặc folder, hay bổ sung hoặc xóa các chương trình. Các thay đổi này làm cho My Computer trở nên hữu dụng hơn nhiều so với các phiên bản trước đây của Windows.

Menu Start

Menu Start trong Windows XP hoàn toàn khác với menu Start trong các phiên bản trước của Windows. Nó vẫn mở khi bạn nhấp nút Start, nhưng sự tương tự chỉ dừng lại ở đó. Như bạn có thể thấy trong hình 1.4, menu Start mới đã được đơn giản hóa rất nhiều. Phía bên trái của menu là các biểu tượng dùng cho bộ trình duyệt Web và chương trình e-mail, cùng với sáu chương trình khác. Ở bên phải menu là các biểu tượng nhỏ hơn dùng cho các folder quan trọng (My Computer, My Documents, My Music, My Pictures ...) và các trình tiện ích hệ thống chủ yếu (Control Panel, Help and Support ...).

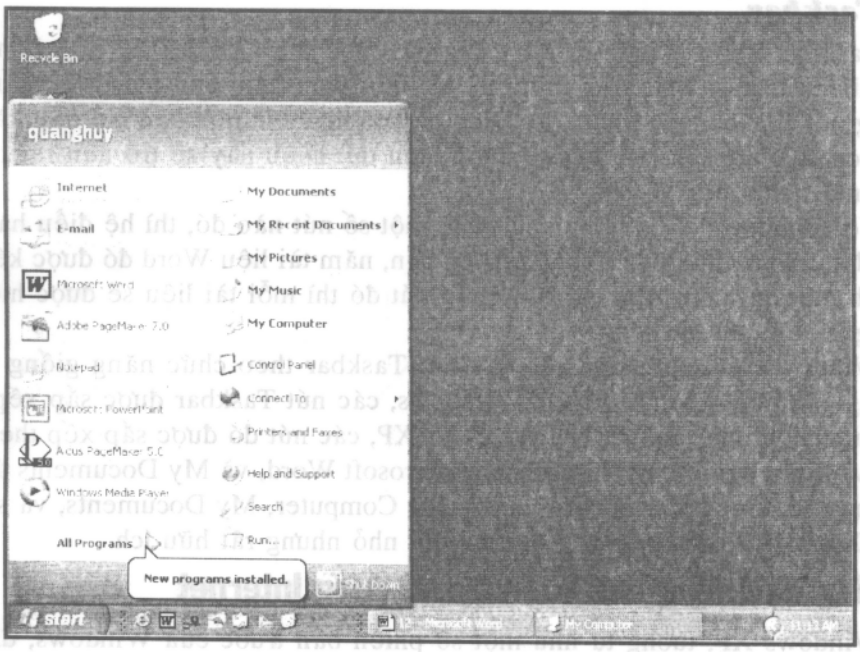

Hình 1.4 Menu Start mới.

Tất cả các chương trình khác đều có thể được truy cập từ liên kết All Programs. Bạn chỉ cần nhấp (hay rà) mũi tên màu xanh lục thì menu truyền thống của các chương trình sẽ bật lên.

Bạn có thể cá nhân hóa menu Start bằng cách làm cho menu hiển thị các chương trình do bạn chọn.

System Tray

Sự thay đổi lớn trong System Tray của Windows XP là nó gọn hơn nhiều so với trước đây.

Trong tất cả các phiên bản trước đây của Windows, hầu như chỉ có trình tiện ích nào chạy ở nền mới được hiển thị trong System Tray. Sau đó Tray ở rộng sang bên trái và chiếm không gian hiển thị đáng kể. Trong hầu hết các trường hợp bạn không cần phải xem tất cả các biểu tượng nhỏ đó, vì vậy Tray bị xem là chiếm nhiều không gian một cách vô ích.

Windows XP chia nội dung của System Tray làm hai nhóm. Nếu một biểu tượng cần được xem thì nó được đặt ở bên phải và luôn luôn được hiển thị. Nếu một biểu tượng không cần thiết phải được nhìn thấy thì nó được đặt ở bên trái và bị giấu đi theo mặc định. Bạn có thể hiển thị tất cả các biểu tượng bằng cách nhấp nút mũi tên bên trái để mở rộng vùng hiển thị. Như bạn có thể thấy trong hình 1.5, có lẽ bạn sẽ thích Tray mới hơn.



Hình 1.5 System Tray mới, hiệu quả hơn.

Taskbar

Taskbar trong Windows XP cũng đã được thiết kế lại để gọn hơn. Với Taskbar cũ, mọi trình ứng dụng và tài liệu đơn được bạn mở đều xuất hiện trong nút Taskbar của chính nó. Điều này có nghĩa là nếu bạn mở năm tài liệu Microsoft Word thì năm nút sẽ được hiển thị. Điều này sẽ trở nên rất tệ nếu bạn mở nhiều cửa sổ.

Với Windows XP, khi bạn sử dụng một số nút nào đó, thì hệ điều hành sẽ bắt đầu nhóm chúng theo loại. Chẳng hạn, năm tài liệu Word đó được kết hợp thành một nút đơn. Bạn chỉ cần nhấp nút đó thì mỗi tài liệu sẽ được hiển thị trong một menu bật lên.

Windows XP cũng sắp xếp các nút Taskbar theo chức năng giống nhau. Trong các phiên bản trước của Windows, các nút Taskbar được sắp xếp theo thứ tự chúng được mở. Trong Windows XP, các nút đó được sắp xếp theo loại - vì vậy nếu bạn mở My Computer, Microsoft Word, và My Documents thì các nút này sẽ được hiển thị theo thứ tự: My Computer, My Documents, và sau đó là Microsoft Word. Đây là một thay đổi nhỏ nhưng rất hữu ích.

Những tính năng mới cho việc sử dụng Internet

Windows XP, tương tự như một số phiên bản trước của Windows, đi kèm với một bộ trình duyệt Web, một client e-mail và một chương trình chuyển tin nhanh. Với XP, bạn sẽ có các phiên bản mới nhất. Bạn cũng sẽ có được các tính năng chia sẻ nối kết Internet đã được cải thiện, và một bức tường lửa được cài đặt sẵn để bảo vệ hệ thống của bạn.

Ghi chú

Bạn không cần phải bắt buộc Windows XP chạy Internet Explorer 6. Phiên bản IE mới nhất này có thể được tải xuống (miễn phí) từ Web, tại địa chỉ www.microsoft.com/windows/ie/.

Tuy nhiên, sự tích hợp Internet của XP không chỉ dừng lại ở việc trình duyệt Web, gởi e-mail, và chuyển tin. Bạn phải nối kết với Internet để kích hoạt Windows XP và nó sẽ sử dụng Internet để tự động cập nhật thông qua tính năng AutoUpdate và Windows Update. XP cũng cho phép bạn gởi e-mail hay xuất bản e-mail trực tiếp đến Web từ bất kỳ folder nào, bằng cách sử dụng các tùy chọn trong Tasks list của folder đó.

Internet Explorer 6

Windows XP đưa vào Internet Explorer 6, một bộ trình duyệt Web mới nhất của Microsoft rất được ưa chuộng trên thị trường. Như bạn có thể thấy trong hình 1.6, IE 6 có diện mạo của giao diện Luna, với các đồ họa mới dùng cho tất cả các nút trên thanh công cụ của nó.

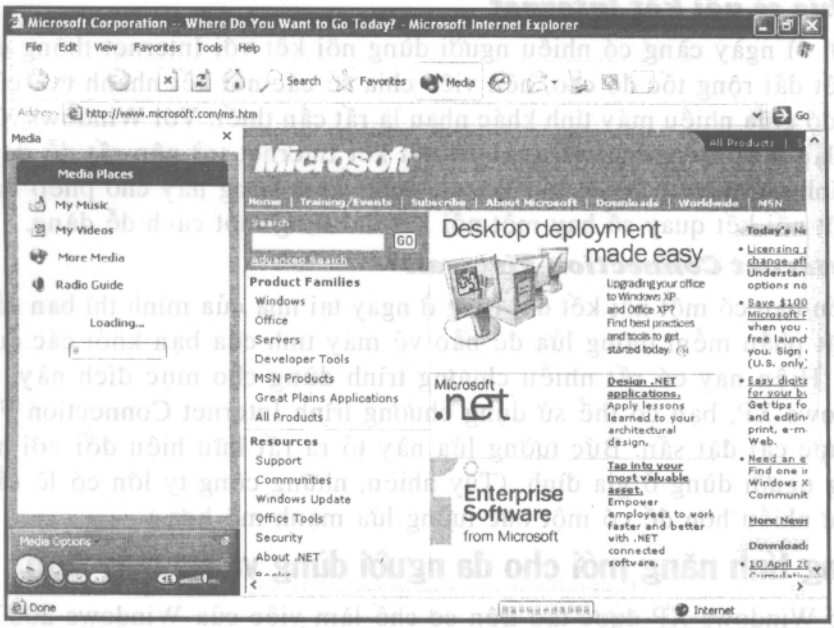

Hình 1.6 XP đưa vào phiên bản Internet Explorer mới nhất, với Media Bar mới.

Outlook Express 6

Outlook Express 6 được đưa vào Windows XP và cũng có thể được tải xuống miễn phí như là một phần của Internet Explorer 6. Thay đổi lớn nhất trong phiên bản này là tính năng dò tìm virus được cải tiến.

Windows Messenger

Một trong những đổi mới quan trọng của Windows XP là chương trình Windows Messenger mới, như minh họa trong hình 1.7. Windows Messenger thay thế các chương trình cũ là MSN Messenger và Netmeeting. Đây là chương trình "tất cả trong một" dùng cho việc chuyển tin nhanh, nói chuyện bằng điện thoại qua Internet, và hội thảo qua video.



Hình 1.7 Hãy sử dụng Windows Messenger để chuyển tin nhanh, thực hiện các cuộc gọi điện thoại qua Internet, và hội thảo bằng video.

Chia sẻ nối kết Internet

Bởi vì ngày càng có nhiều người dùng nối kết với Internet thông qua các nối kết dải rộng tốc độ cao, nên việc chia sẻ các nối kết nhanh (và cũng đắt tiền) đó giữa nhiều máy tính khác nhau là rất cần thiết. Với Windows XP, việc thiết lập một mạng nhỏ để chia sẻ nối kết Internet trở nên rất dễ dàng nhờ vào tính năng Network Setup Wizard mới. Tính năng này cho phép bạn chia sẻ một nối kết quay số hay một nối kết dải rộng một cách dễ dàng.

Internet Connection Firewall

Nếu bạn có một nối kết dải rộng ở ngay tại nhà của mình thì bạn cần phải cài đặt phần mềm tường lửa để bảo vệ máy tính của bạn khỏi các cuộc tấn công. Hiện nay có rất nhiều chương trình dùng cho mục đích này, và với Windows XP, bạn có thể sử dụng chương trình Internet Connection Firewall đã được cài đặt sẵn. Bức tường lửa này tỏ ra rất hữu hiệu đối với hầu hết những người dùng ở gia đình. (Tuy nhiên, những công ty lớn có lẽ cần phải đầu tư nhiều hơn để có một bức tường lửa mạnh mẽ hơn.)

Những tính năng mới cho đa người dùng và đa máy tính

Do Windows XP được tạo trên cơ chế làm việc của Windows 2000 và do Windows 2000 được thiết kế để trở thành một hệ điều hành cho phép mạng đa người dùng, nên XP có các tính năng cho đa người dùng và nối kết mạng. Những tính năng quan trọng trong số các tính năng này là các account người dùng, Home Networking Wizard, và tính năng hỗ trợ nối kết mạng không dây.

Các account người dùng

Windows XP được thiết kế để trở thành một hệ điều hành đa người dùng. Do đó, việc thiết lập nhiều account người dùng khác nhau và chuyển đổi từ người dùng này sang người dùng khác trong XP có thể được thực hiện rất dễ dàng.

Trong Windows XP, bạn có thể thiết lập bao nhiêu người dùng cũng được. Mỗi người dùng có thể ấn định các đặc tính riêng tư, các tài liệu, và các xác lập về tính bảo mật của riêng mình. Bạn có thể chọn một người dùng đăng nhập đầu tiên. Bạn có thể chuyển đổi qua lại giữa các người dùng vào bất kỳ lúc nào bằng cách nhấp nút Log Off trên menu Start, và chọn một người dùng mới từ màn hình Welcome.

Bạn cũng có thể cho phép nhiều người dùng đăng nhập cùng một lúc nhờ vào tính năng mới Fast User Switching. Fast User Switching cho phép bạn đăng nhập vào các người dùng bổ sung mà không cần tắt các trình ứng dụng của người dùng đầu tiên. Đây là một cách rất hay để chia sẻ một máy tính đơn giữa các thành viên trong gia đình.

Network Setup Wizard

Việc thiết lập một mạng được thực hiện dễ dàng nhờ có tính năng Network Setup Wizard của Windows XP. Với tính năng này, bạn không cần phải mất thời gian với nhiều giao thức vào cấu hình. Bạn chỉ cần trả lời các câu hỏi trong

wizard này là bạn đã có thể dễ dàng nối kết hai hay nhiều máy tính với nhau trong một mạng cục bộ. Bạn cũng có thể sử dụng wizard này để thiết lập tính năng chia sẻ nối kết Internet, thậm chí chia sẻ máy in và thiết ngoại vi.

Thiết lập mạng không dây

Nếu bạn có ý định thiết lập một mạng không dây thì Windows XP sẽ hỗ trợ chuẩn IEEE 802.11b 11Mbps (cũng được biết với tên gọi là WiFi). XP cũng hỗ trợ các mạng sử dụng đường dây điện thoại HomePNA. (Tuy nhiên, nó không hỗ trợ chuẩn nối kết không dây mới Bluetooth, mặc dù các hãng bán phần cứng Bluetooth có các trình điều khiển để hỗ trợ các card của họ.)

Những tính năng mới về audio và video

Ngày nay, máy tính cá nhân cũng thường được dùng cho các hoạt động truyền thông đa phương tiện, từ việc xem một bức ảnh đơn giản cho đến việc chỉnh sửa video số. Windows XP đưa một số tính năng cần thiết phục vụ cho việc truyền thông đa phương tiện vào hệ điều hành, vì vậy bạn không còn phải dựa vào các phần mềm của phía thứ ba để thực hiện các tác vụ quan trọng.

Quản lý ảnh số

Windows XP là một môi trường lý tưởng để làm việc với camera số và máy quét (scanner).

Folder My Pictures là nơi bạn lưu tất cả các file ảnh số. Folder này có các chức năng chuyên dùng đối với ảnh giúp đơn giản hóa tiến trình chuyển, trình duyệt, in ấn, và xử lý ảnh. Theo mặc định, My Pictures hiển thị tất cả các ảnh ở dạng thumbnail, như minh họa trong hình 1.8. Bạn có thể lướt qua bất kỳ ảnh nào và xem các chi tiết quan trọng chẳng hạn như độ phân giải, kiểu định dạng, và kích cỡ. Thậm chí bạn có thể hiển thị tất cả các ảnh trong folder này ở dạng một slideshow trên màn hình, hay xác lập một ảnh làm nền desktop.

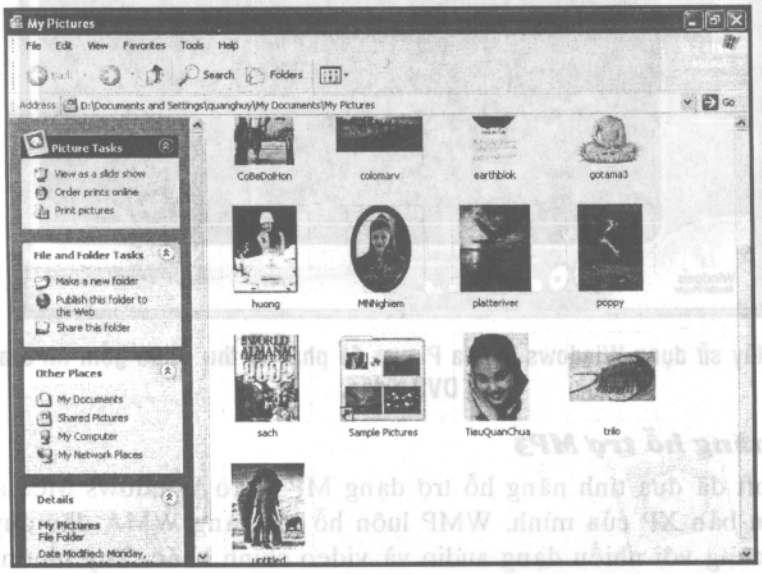

Hình 1.8 Folder My Pictures là nơi bạn lưu, xem và quản lý tất cả các ảnh số.

Đặt in ảnh trên trực tuyến

Folder My Pictures có một phần trên ô tác vụ có tên là Photo Tasks. Một trong các tác vụ của phần này có tên là Order Prints From the Internet. Khi bạn nhấp liên kết này, XP sẽ hiển thị hộp thoại Online Print Ordering cho phép bạn gởi các file ảnh đã được chọn qua Internet đến một nhà in chuyên nghiệp.

Windows Media Player

Việc mở các file audio và video trên máy tính của bạn là một việc rất bình thường, đặc biệt là khi bạn đang ở trên trực tuyến. Windows Media Player (WMP) trong Windows XP là một công cụ tuyệt vời để thực hiện công việc này.

Phiên bản WMP trong Windows XP, được trình bày trong hình 1.9, có một sự cải tiến đáng kể so với các phiên bản trước đây. Thoại nhìn thì phiên bản WMP của XP trông rất giống với các phiên bản trước, nhưng có các cải tiến trong giao diện Luna. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng thanh tác vụ ở bên trái bây giờ có thể được thu ngắn, menu và đường biên của cửa sổ trong phiên bản này đều mang tính tùy chọn.

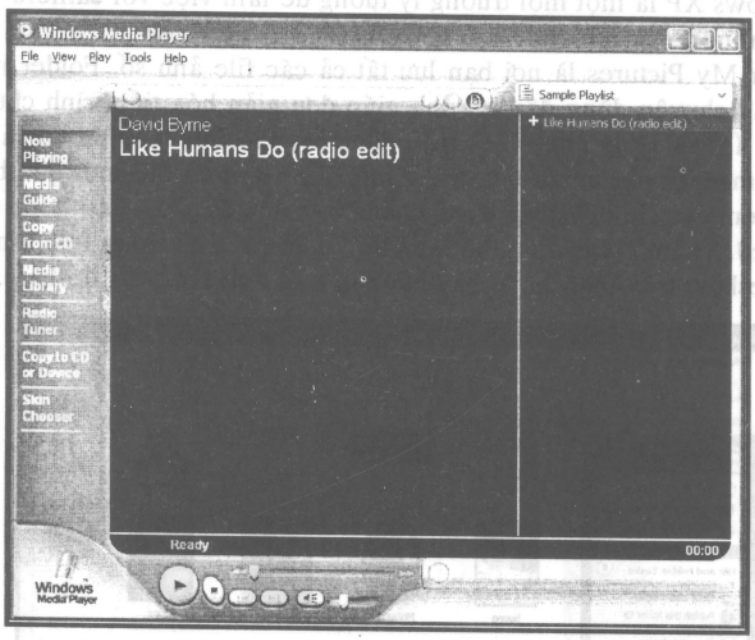

Hình 1.9 Hãy sử dụng Windows Media Player để phát và thu - bao gồm MP3 audio và DVD video.

Tính năng hỗ trợ MP3

Microsoft đã đưa tính năng hỗ trợ dạng MP3 vào Windows Media Player trong phiên bản XP của mình. WMP luôn hỗ trợ dạng WMA độc quyền của Microsoft cùng với nhiều dạng audio và video chính khác. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên nó hỗ trợ dạng MP3.

Tuy nhiên, đừng quá phấn khích đối với việc WMP hỗ trợ MP3. WMP trong phiên bản XP chỉ hỗ trợ chức năng playback MP3, chứ không hỗ trợ sự mã hóa. Tuy nhiên, bạn có thể bổ sung chức năng mã hóa MP3 bằng cách mua một phần mềm bổ sung có tên là MP3 Creation Pack. Khi bạn cài đặt phần mềm này thì bạn sẽ có thể chọn dạng WMA hay MP3 lúc bạn mở các file audio.

Tính năng hỗ trợ DVD

WMP8 có tính năng phát lại toàn màn hình các video DVD. Tuy nhiên, nó không có một bộ giải mã DVD riêng, vì vậy bạn phải sử dụng một thiết bị từ phía thứ ba. Nếu bạn không có phần mềm giải mã DVD thì bạn có thể bổ sung khả năng đó bằng cách mua phần mềm bổ sung DVD Decoder Pack.

Tính năng ghi lên CD

Bạn có thể sử dụng Windows Media Player để ghi các file audio lên một CD-R hay CD-RW, hay bạn có thể ghi trực tiếp lên các CD từ bất kỳ folder nào của Windows. Bạn chỉ cần mở My Computer (hay bất kỳ folder nào), nhấp phải một file, và chọn Send To, Recordable CD. (Bạn cũng có thể rê các file thẳng đến biểu tượng ổ đĩa CD-R/RW.) Khi bạn đã thực hiện xong việc lựa chọn các file, hãy sử dụng My Computer để mở ổ đĩa CD-R/RW và chọn tác vụ Burn CD.

Windows Movie Maker

Windows XP hỗ trợ chuẩn IE1394 Firewire, chuẩn này làm cho việc chuyển các file diễn ra cực nhanh giữa một camera quay hình số và máy tính của bạn. XP cũng có tính năng Windows Movie Maker, một chương trình chỉnh sửa video số xuất hiện lần đầu tiên trong Windows Me.

Windows Movie Maker (xem hình 1.10) cho phép bạn bắt giữ cả video analog và video số, chỉnh sửa nó, bổ sung các phần chuyển tiếp, và các màn hình tiêu đề đơn giản, và lưu kết quả cuối cùng ở dạng Windows Media. Sau đó bạn có thể gởi file được lưu đó trở lại VCR của bạn để ghi lên băng từ.

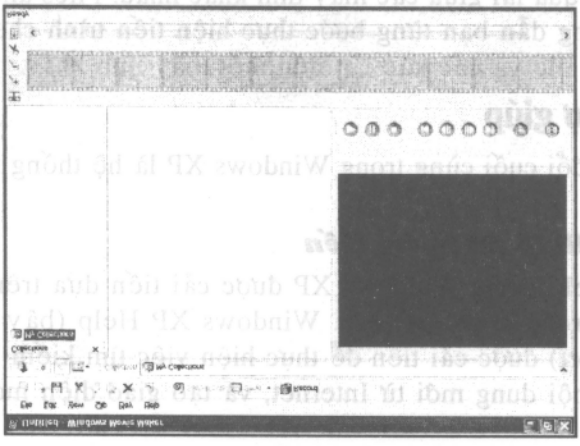

Hình 1.10 Hãy thực hiện các thao tác chỉnh sửa video số đơn giản bằng cách sử dụng Windows Movie Maker.

Những trình tiện ích mới

Windows XP sử dụng lại phần lớn các trình tiện ích trong Windows 98 và Windows Me, nhưng có thêm một số bổ sung và cải tiến quan trọng.

System Restore

System Restore là một trong những trình tiện ích quan trọng nhất được bổ sung vào Windows Me. Trình tiện ích này cũng được tiếp tục sử dụng trong Windows XP.

Trước khi có System Restore, có lẽ bạn phải cài đặt lại toàn bộ hệ điều hành của mình nếu máy tính của bạn gặp sự cố nghiêm trọng. Với System Restore, việc cài đặt lại đã trở thành chuyện của quá khứ. Trình tiện ích này có thể phục hồi hệ thống của bạn trở lại trạng thái trước khi sự cố xảy ra.

Các folder được nén

Việc nén file đã được thực hiện kể từ khi MS-DOS ra đời. Tuy nhiên, gần đây bạn phải thực hiện việc nén file bằng một trình tiện ích của phía thứ ba, chẳng hạn như WinZip.

Bắt đầu từ Windows 98 Plus! Pack cho đến Windows Me, tính năng nén file được đưa vào hệ điều hành thông qua các folder được nén. Tính năng của các folder được nén đã được cải tiến trong Windows XP với một Extraction Wizard mới. Khi bạn nhấp phải một folder được nén và chọn Extract All từ menu bật lên thì Extraction Wizard sẽ khởi động và hướng dẫn bạn từng bước thực hiện tiến trình trích xuất một số hay tất cả các file từ folder được nén.

Điều này nghe có vẻ như là một chuyện nhỏ, nhưng Extraction Wizard có thể giúp bạn không cần phải sử dụng đến phần mềm nén của phía thứ ba. Do Extraction Wizard có thể thực hiện mọi thứ mà WinZip và các chương trình khác thực hiện nên bạn không cần phải có một trình tiện ích khác.

Files and Settings Transfer Wizard

Trình tiện ích mới này trong Windows XP được thiết kế để giúp người dùng di chuyển qua lại giữa các máy tính khác nhau. Files and Settings Transfer Wizard hướng dẫn bạn từng bước thực hiện tiến trình chuyển các tài liệu quan trọng, các file và các xác lập đến một máy tính khác.

Tính năng trợ giúp

Những thay đổi cuối cùng trong Windows XP là hệ thống trợ giúp Help và đăng ký.

Hệ thống Help được cải tiến

Hệ thống Help trong Windows XP được cải tiến dựa trên hệ thống Help được sử dụng trong Windows Me. Windows XP Help (bây giờ được gọi là Help and Support) được cải tiến để thực hiện việc tìm kiếm hiệu quả hơn, tự động cập nhật nội dung mới từ Internet, và tạo giao diện mới thân thiện với người dùng.

Microsoft cũng đã đưa một số công cụ vào hệ thống Help, bao gồm System Configuration Utility, Advanced System Information, và Windows Update.

Theo cách này, tất cả các công cụ được dùng để xử lý sự cố của hệ thống đều nằm ở cùng một vị trí và điều này làm cho việc sử dụng chúng trở nên tiện lợi hơn.

Remote Assistance

Một thành phần mới của hệ thống Windows XP Help có tên là Remote Assistance. Trình tiện ích này cho phép bạn chuyển quyền kiểm soát máy tính của bạn sang một máy tính khác - theo cách này, bạn có thể cho phép một kỹ thuật viên xử lý các sự cố trên hệ thống của bạn mà không cần phải có mặt tại chỗ.

Tất cả những gì bạn phải làm là nối kết máy tính của bạn với Internet để Remote Assistance cho phép người kia làm việc trên máy tính của bạn.

So sánh Windows XP với Windows 98 và Windows Me.

Để thấy tất cả các tính năng mới và đã được thay đổi trong Windows XP, hãy xem bảng 1.1. bảng này so sánh các tính năng quan trọng của Windows XP, Windows 98 và Windows Me.

Bảng 1.1: Những điểm khác nhau cơ bản giữa Windows XP, 98, và Me.

Tính năng	Windows XP	Windows Me	Windows 98
Cơ chế 32 bit	Có	Không	Không
Ô tác vụ	Có	Không	Không
Công nghệ màn hình ClearType	Có	Không	Không
Các folder được nén	Có, được cải tiến	Có	Không
Khung xem các folder được tạo tùy biến	Có	Không	Không
Desktop Cleanup Wizard	Có	Không	Không
Sao chép folder trực tiếp sang CD - R/RW	Có	Không	Không
Tính năng phát lại Video DVD	Có	Không	Không
Chuyển đổi nhanh giữa các người dùng	Có	Không	Không
File and Settings Transfer Wizard	Có	Không	Không
Biểu tượng ẩn trong System Tray	Có	Không	Không
Trình tiện ích Image Preview	Có	Không	Không
Internet Connection Firewall	Có	Không	Không
Internet Connection Sharing	Có, được cải tiến	Có	Có
Internet Explorer 6	Có	Không	Không

Giao diện người dùng Luna	Có	Không	Không
Mã hóa MP3	Tùy ý	Không	Không
Màn hình Welcome đa người dùng	Có	Không	Không
Folder My Music	Có, được cải tiến	Có	Không
Folder My Picture	Có, được cải tiến	Có	Không
Network Setup Wizard	Có, được cải tiến	Có	Không
Đặt in ảnh trên trực tuyến	Có	Không	Không
Các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến	Có, được cải tiến	Có	Có
Outlook Express 6	Có	Không	Không
Màn hình Welcome được cá nhân hóa	Có	Không	Không
Product Activation	Có	Không	Không
Control Panel được thiết lại	Có	Không	Không
My Computer được thiết kế lại	Có	Không	Không
Start menu được thiết kế lại	Có	Không	Không
Remote Assitance	Có	Không	Không
Scanner and Camera Wizard	Có, được cải tiến	Có	Không
Search Companion	Có	Không	Không
System Restore	Có	Có	Không
Phương pháp tiếp cận dựa vài tác vụ	Có	Không	Không
Nhóm các nút trên Taskbar	Có	Không	Không
Hiển thị file ảnh ở dạng Thumbnail	Có	Có	Không
Account người dùng	Có	Không	Không
Web Publishing Wizard	Có	Có	Không
Windows Image Acquisition dùng cho các ảnh số	Có	Có	Không
Windows Media Player	Có, được cải tiến	Có	Không

Windows Messenger	Có	Không	Không
Windows Movie Maker	Có, được cải tiến	Có	Không
Windows Update	Có, được cải tiến	Có	Có

Thực hiện những tác vụ mà bạn đã từng làm trong Windows 98 và Windows Me

Tất cả các tác vụ mà bạn đã từng thực hiện với Windows 98 hay Windows Me đều có thể được thực hiện với Windows XP. Thật vậy trong hầu hết các trường hợp bạn vẫn có thể thực hiện cùng các tác vụ theo cùng một cách. Windows XP chỉ đưa ra cách thức hiệu quả hơn để thực hiện các tác vụ quen thuộc của bạn.

Điều này rõ ràng nhất khi bạn làm việc với các file và các folder. Do tất cả các folder trong Windows XP đều có một ô tác vụ nên bạn có thể sử dụng các liên kết trong ô này để thực hiện các tác vụ quản lý file của mình.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Hệ điều hành này thường được nhiều người mong đợi kể từ khi xuất hiện phiên bản Windows 95. Nếu bạn không nhớ được gì về Windows XP thì hãy cố gắng nhớ 10 điều sau:

1. Windows XP là một hệ điều hành 32 bit kết hợp tính ổn định của Windows NT/2000 với tính tiện dụng Windows 9x/ Me.
2. Bạn cần phải có một PC tương đối mới và tương đối mạnh để chạy Windows XP, với bộ nhớ tối thiểu là 256 MB và một bộ xử lý Pentium III 500MHz.
3. Windows XP có ba phiên bản khác nhau, Windows XP Home Edition có tất cả các tính năng cần thiết phục vụ cho người dùng ở nhà và các công ty nhỏ. Windows XP Professional có thể các chức năng bổ sung được dùng cho các mạng của công ty. Phiên bản thứ ba. Windows XP 64 bit Edition, không phải là sự lựa chọn của hầu hết người dùng - trừ phi bạn có bộ xử lý Itanium 64 bit của Intel.
4. Hầu hết các phần cứng và phần mềm cũ của bạn sẽ hoạt động tốt với Windows XP, mặc dù một số phần mềm có lẽ phải chạy trong Compatibility Mode. Các thiết bị ngoại vi quá cũ có thể gặp sự cố.
5. Windows XP đưa ra một cách thức làm việc dựa vào tác vụ đối với thao tác thông thường. Ô tác vụ trong My Document và các folder khác liệt kê các tác vụ thường được thực hiện nhất.
6. Nếu bạn xem Windows XP trên một monitor phẳng hay một màn hình CD thì hãy mở tính năng ClearType. Tính năng này sẽ làm tăng tính dễ đọc trên màn hình.
7. Bạn có thể cấu hình Windows XP cho nhiều người dùng khác nhau, mỗi người có account người dùng riêng của mình - và dễ dàng chuyển đổi qua lại giữa các người dùng từ menu Start.
8. Windows XP làm cho việc quản lý các file từ các camera số và các

máy scan trở nên dễ dàng - và có một khung xem Thumbnal hữu dụng trong folder My Picture.

9. Tất cả những tính năng mới được cài đặt vào Windows XP sẽ giúp bạn giảm bớt nhu cầu phải sử dụng các trình tiện ích của phía thứ 3, chẳng hạn như Winzip.
10. Nếu bạn muốn tìm các file thuộc về người dùng (chẳng hạn như các file tài liệu hay các file cấu hình) thì chúng thường nằm trong C:\Document and setting\username\folder (hay các folder con có liên quan).

Chương 2

Thay đổi diện mạo và cách hoạt động của Windows

- *Tìm hiểu và sử dụng Control Panel*
- *Tinh chỉnh màn hình*
- *Cấu hình nền Desktop*
- *Làm việc với các bước tắt Desktop*
- *Làm việc với các thanh công cụ, Taskbar, và System Tray*
- *Quản lý menu Start*
- *Thay đổi các cursor*
- *Thay đổi thao tác nhấp*
- *Sử dụng một bộ dưỡng màn hình*
- *Thay đổi các âm thanh hệ thống*
- *Bổ sung và loại bỏ các Font*
- *Cấu hình các cài đặt hệ thống khác*
- *Tạo tùy biến nhiều hơn với Tweak UI*
- *Làm cho Windows XP có diện mạo và cách hoạt động giống như Windows 9X/Me*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Một trong những điều đầu tiên mà bạn thực hiện khi cài đặt một phiên bản mới của hệ điều hành là xử lý các cài đặt desktop và màn hình. Bạn muốn cá nhân hóa Windows sao cho nó có diện mạo và cách hoạt động phù hợp hơn đối với bạn.

Tin tốt là Windows XP chứa một số tùy chọn tạo tùy biến mới để bạn có thể cá nhân hóa hệ thống của bạn theo các cách mà bạn không thể thực hiện trước đó. Tin xấu là những tùy chọn là những tùy chọn này được phân tán khắp nơi trong hệ điều hành. Bạn không thể đi đến một nơi để thực hiện tất cả công việc tạo tùy biến của bạn.

Một số tùy chọn tạo tùy biến được truy cập từ tiện ích Display Properties. Những tùy chọn khác được truy cập từ tiện ích System Properties. Vẫn còn nhiều tùy chọn khác được tìm thấy trong hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties và trong hộp thoại Folder Options.

Tìm hiểu và sử dụng Control Panel

Hầu hết - nhưng không phải tất cả - các cài đặt cấu hình của Windows XP đều được tìm thấy ở một nơi nào đó trong Control Panel.

Theo mặc định, Control Panel chứa nhiều tiện ích cấu hình Windows XP chuẩn chẳng hạn như Add New Hardware và User Accounts. Ngoài ra, nhiều trình ứng dụng và trình tiện ích cài đặt các hạng mục Control Panel riêng của chúng.

Khi bạn nhấp một biểu tượng trong Control Panel, một hộp thoại mở ra cho phép bạn cấu hình các cài đặt riêng biệt của hạng mục đó. Ví dụ, việc nhấp biểu tượng Date and Time sẽ mở tiện ích Date and Time Properties vốn cho phép bạn cài đặt ngày tháng và thời gian của đồng hồ hệ thống của Windows XP.

Mở Control Panel

Bạn mở Control Panel bằng cách nhấp nút Start và sau đó nhấp biểu tượng Control Panel. Như bạn có thể thấy ở hình 2.1, Control Panel trong Windows XP trông khác biệt nhiều so với Control Panel trong các phiên bản trước của Windows.

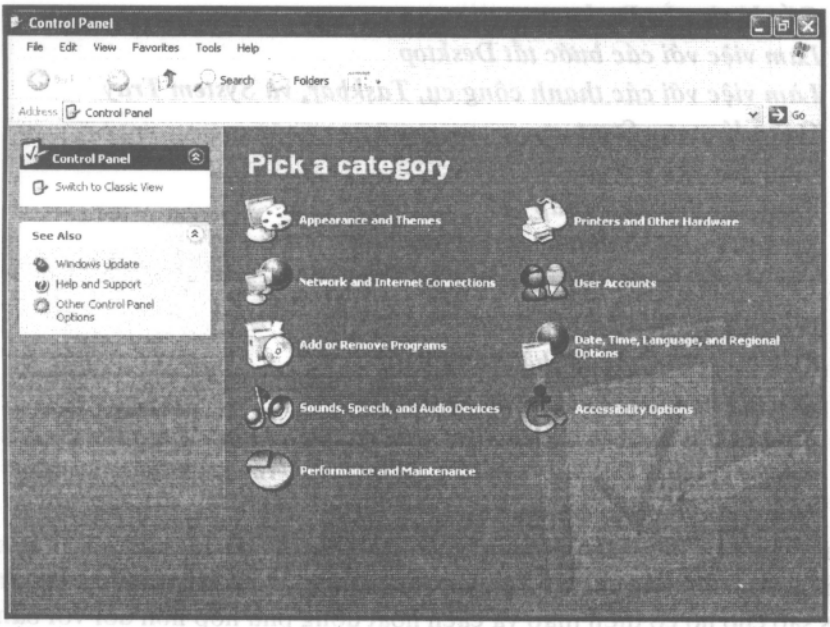

Hình 2.1 Control Panel của Windows XP. Các tác vụ cấu hình được tổ chức theo hạng mục.

Để khởi chạy một applet Control Panel, bạn khởi động bằng cách chọn một hạng mục. Khi trang Pick a task ... xuất hiện (được minh họa ở hình 2.2), nhấp một tác vụ hay nhấp một biểu tượng để mở một trình tiện ích cấu hình riêng biệt. (Khi bạn nhấp một tác vụ, trình tiện ích cấu hình thích hợp được khởi chạy.)

Hình 2.2 Sau khi bạn nhấp một hạng mục Control Panel, bạn phải chọn một tác vụ hay nhấp một biểu tượng để trực tiếp khởi chạy một trình tiện ích cấu hình. Nếu bạn muốn bỏ qua tất cả các bước hạng mục và tác vụ, bạn có thể hiển thị các trình tiện ích Control Panel cùng một lúc - tương tự như cách hoạt động trên Windows 9X/Me. Để chuyển đổi sang khung xem được gọi là "cổ điển" (được minh họa ở hình 2.3), nhấp liên kết Switch to Class View trong trung tâm hoạt động của Control Panel. (Đó là khung lớn nằm bên trái cửa sổ Control Panel.)

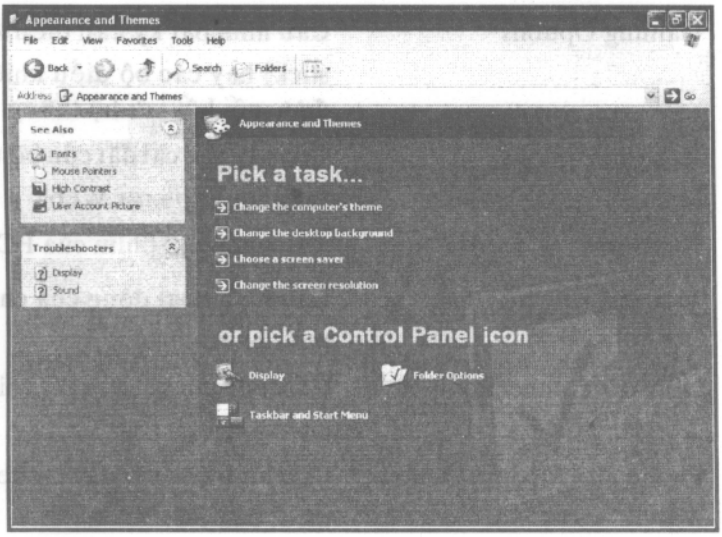

Hình 2.3 Chuyển sang Classic view để hiển thị Control Panel theo cách mà nó thường được hiển thị.

Các hạng mục Control Panel

Bạn có thể thấy được những gì trong Control Panel? Bảng 2.1 trình bày chi tiết một số biểu tượng Control Panel điển hình hơn và một số trình tiện ích cấu hình liên quan của chúng.

Bảng 2.1 Các hạng mục Control Panel điển hình

Biểu tượng	Tên	Mô tả
	Accessibility Options	Cấu hình hệ thống cho những người dùng có các khuyết tật khác nhau.
	Add Hardware	Thêm các thiết bị phần cứng mới vào hệ thống.
	Add or Remove Programs	Thêm phần mềm mới vào hệ thống, hoặc loại bỏ các chương trình phần mềm cũ.
	Date and Time	Điều chỉnh các cài đặt thời gian và ngày tháng của Windows XP.
	Display	Cấu hình các cài đặt cho màn hình desktop.
	Folder Options	Cấu hình diện mạo và cách hoạt động của My Documents và các folder hệ thống khác.
	Fonts	Quản lý các font của hệ thống.

	Gaming Options	Cấu hình bất kỳ cần điều khiển (joystick) hay các bộ điều khiển trò chơi được nối kết với hệ thống.
	Internet Options	Quản lý các cài đặt của bộ trình duyệt Internet Explorer Web.
	Keyboard	Cấu hình bàn phím của PC.
	Mouse	Cấu hình hoạt động của chuột và các thiết bị trỏ khác.
	Network Connections	Cấu hình nối kết của PC với một mạng cục bộ.
	Phone and Modem Options	Cấu hình các cài đặt modem và điện thoại của PC.
	Power Options	Xác định cách thức và khi nào máy tính tắt điện khi không được sử dụng.
	Printers and Faxes	Cấu hình Windows XP để hoạt động với máy in.
	Regional and Language Options	Điều chỉnh các dạng tiền tệ và số.
	Scanners and Cameras	Cấu hình Windows XP để sử dụng camera kỹ thuật số và máy quét.
	Scheduled Tasks	Lập thời biểu các hoạt động bảo trì hệ thống đã chọn.
	Sounds and Audio Devices	Thay đổi các âm thanh mà bạn nghe được khi bạn khởi chạy các hoạt động cụ thể và cấu hình các cài đặt âm thanh của hệ thống.
	Speech	Cấu hình hệ thống để biên dịch từ text sang giọng nói.
	System	Cho phép bạn xem và cấu hình các khía cạnh kỹ thuật của hệ thống máy tính.
	Taskbar and Start Menu	Cấu hình Task và menu Start của Windows.
	User Accounts	Cài đặt máy tính để được sử dụng bởi nhiều người dùng.

Hầu hết những trình tiện ích cấu hình này hoạt động tốt mà không cần cấu hình thêm. Thực tế, bạn không bao giờ phải mở một số trình tiện ích này. Mặt khác, khi bạn muốn cấu hình lại bất kỳ phần nào của hệ thống, bạn có thể tìm thấy những gì bạn cần ngay ở đây trong Control Panel.

Tinh chỉnh màn hình

Windows XP luôn cho phép bạn thay đổi độ phân giải và số màu hiển thị trên màn hình máy tính. Windows XP hoạt động giống như các phiên bản trước đó và bổ sung tính năng cải tiến diện mạo của các màn hình LCD thông qua công nghệ ClearType mới.

Thay đổi độ phân giải màn hình

Giả sử bạn có một video card đủ mạnh, bạn có thể cấu hình màn hình của máy tính để chạy nhiều độ phân giải màn hình khác nhau. Hãy chắc chắn bạn đã chọn cài đặt màn hình thích hợp cho video card. Nếu bạn cài đặt màn hình để chạy với một độ phân giải cao hơn khả năng cho phép của card, thì kết quả bạn sẽ thấy nhiều dữ liệu vô nghĩa trên màn hình, và ngay cả có thể làm hư hại màn hình.

Thủ thuật

Để tận dụng Windows XP, bạn nên cấu hình hệ thống với độ phân giải tối thiểu là 1024x768, chạy với chế độ màu tối thiểu là 16 bit, và nếu video card của bạn có thể xử lý nó, hãy tăng chất lượng màu lên cài đặt cao nhất. Windows XP có diện mạo tốt nhất với màu 32 bit. Bạn sẽ cần một màn hình 17 inch hoặc lớn hơn để xử lý độ phân giải này.

Để thay đổi độ phân giải của màn hình desktop, hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display. (Bạn cũng có thể nhấp phải vào bất kỳ nơi nào trên màn hình nền desktop và chọn Properties từ menu bật lên.)
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, chọn tab Settings (xem hình 2.4).

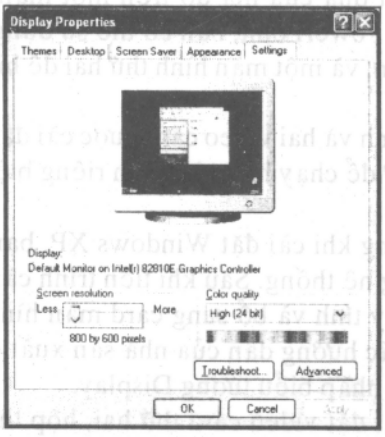

Hình 2.4 Truy cập trình tiện ích Display Properties từ Control Panel, hoặc bằng cách nhấp phải nền desktop vàc chọn Properties.

3. Để thay đổi độ phân giải của màn hình, hãy điều chỉnh thanh trượt Screen Resolution. (Màn hình mẫu thay đổi để phản ánh các cài đặt mới.)
4. Để thay đổi số màu hiển thị (càng nhiều càng tốt), chọn cài đặt mong muốn từ danh sách xổ xuống Color Quality.
5. Nhấp OK để kích hoạt các cài đặt màn hình mới.

Một số trình điều khiển video bổ sung các tab mới vào hộp thoại Display Properties. Nếu như vậy, bạn cần nhấp tab riêng biệt của trình điều khiển này để thực hiện các thay đổi đối với các đặc tính video và màn hình cụ thể.

Thủ thuật

Để xác nhận cấu hình video card của bạn, hãy nhấp nút Advanced để hiển thị hộp thoại Advanced Display Properties rồi sau đó nhấp tab Adapter.

Mở ClearType

ClearType là một công nghệ màn hình mới tăng gấp ba lần độ phân giải ngang trên các màn hình LCD. (Nói cách khác, nó làm cho mọi thứ trông sắc nét hơn và mịn hơn.) Nếu bạn có một màn hình phẳng hay một PC xách tay, chắc chắn bạn muốn mở ClearType.

Để mở ClearType, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trình tiện ích Display Properties, chọn tab Appearance.
2. Nhấp nút Effects.
3. Khi hộp thoại Effects xuất hiện, chọn tùy chọn Use the Following Method to Smooth Edges of Screen Fonts, và chọn ClearType từ danh sách xổ xuống.
4. Nhấp OK rồi sau đó nhấp OK lần nữa.

Cài đặt Windows để sử dụng hai màn hình

Một số hoạt động liên quan đến máy tính thì dễ dàng hơn nếu bạn có thể thấy hai điều cùng một lúc. Ví dụ, các nhà lập trình có thể muốn xem mã của mình trên một màn hình và kết quả của mã đó trên một màn hình thứ hai. Nếu bạn chạy một trang trình diễn PowerPoint, bạn có thể sử dụng một màn hình để hiển thị trang trình diễn của bạn, và một màn hình thứ hai để hiển thị các ghi chú riêng tư của bạn.

Nếu bạn có hai màn hình và hai video card được cài đặt trong hệ thống, bạn có thể cấu hình Windows XP để chạy hai màn hình riêng biệt. Hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Hãy chắc chắn rằng khi cài đặt Windows XP, bạn chỉ có một video card được cài đặt trong hệ thống. Sau khi tiến trình cài đặt Windows XP hoàn chỉnh, hãy tắt máy tính và bổ sung card màn hình thứ hai vào hệ thống. Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản xuất card.
2. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
3. Sau khi bạn đã cài đặt video card thứ hai, hộp thoại Display Settings có một tab mới có nhãn là Monitors, tab này thay thế tab Settings chuẩn, chọn tab Monitors.

4. Màn hình chính của bạn đã được cấu hình một cách chính xác. Chọn tổ hợp màn hình/monitor phụ, và chọn tùy chọn Use This Device as Part of the Desktop. Cài đặt các đặc tính khác khi thích hợp, rê các ảnh màn hình để cài đặt vị trí màn hình thích hợp cho hai monitor.
5. Để thay đổi độ phân giải của monitor thứ hai, hãy nhấp nút Settings và thực hiện các thay đổi thích hợp.
6. Nhấp OK để áp dụng các thay đổi.

Thủ thuật

Bạn cần biết rằng tính năng monitor kép đã luôn không hoạt động một cách hoàn hảo trong các phiên bản trước đó của Windows. Nếu bạn thực sự muốn sự hỗ trợ đa monitor một cách dễ dàng với khả năng hoạt động tốt, hãy xem xét card hình ảnh "đầu kép". Các card đầu kép đặt cả hai card hình ảnh trên một board, do đó bạn không cần phải thêm một card khác vào một khe PCI chậm hơn.

Cấu hình nền desktop

Windows XP trình bày nhiều cách khác nhau để cá nhân hóa diện mạo và cách hoạt động của nền desktop. Thực tế, một trong những điều thú vị về Windows XP là cách mà bạn có thể nhanh chóng làm cho nền desktop có diện mạo giống như nền desktop của bạn, khác với nền desktop của bất kỳ người khác.

Thay đổi desktop theme

Các desktop theme là các tổ hợp cụ thể của giấy dán tường nền, màu, font, cursor, âm thanh, và bộ dưỡng màn hình. Khi bạn chọn một theme mới, diện mạo và cách hoạt động của toàn bộ desktop thay đổi.

Để thay đổi desktop theme, hãy thực hiện các bước sau:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, chọn tab Themes (được minh họa ở hình 2.5).

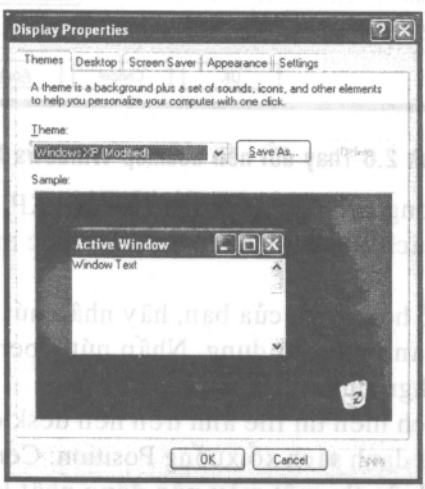

Hình 2.5 Chọn một trong những desktop theme có sẵn trong Windows XP.

3. Chọn một theme mới từ danh sách xổ xuống Theme; theme mới được hiển thị trong cửa sổ Sample.
4. Nhấp OK để chấp nhận theme mới và đóng hộp thoại.

Mặc dù việc thay đổi các theme là cách nhanh nhất để thay đổi diện mạo của tất cả thành phần desktop, nhưng bạn cũng có thể thay đổi riêng mỗi thành phần.

Cá nhân hóa nền desktop

Để làm cho nền desktop trông thú vị, bạn có thể dễ dàng thay đổi mẫu nền hay giấy dán tường của desktop. Bạn có thể chọn từ nhiều mẫu và giấy dán tường (wallpaper) do Windows XP cung cấp, hoặc chọn một ảnh.

Để chọn một mẫu mới hay giấy dán tường mới, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, chọn tab Desktop (được minh họa ở hình 2.6).

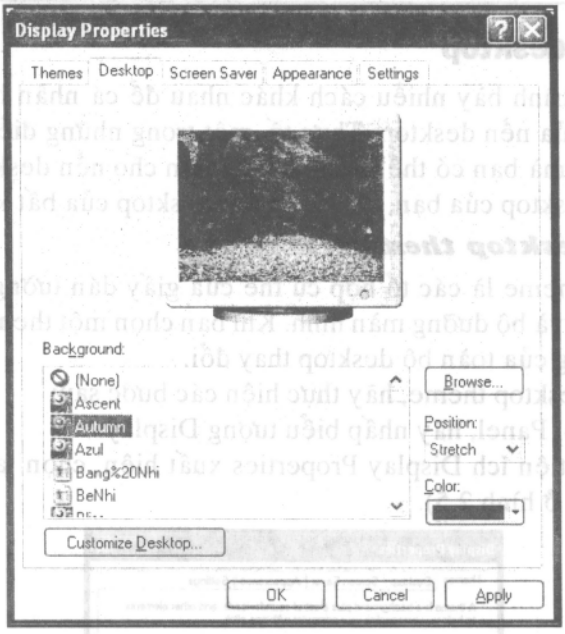

Hình 2.6 Thay đổi nền desktop Windows XP.

3. Để chọn một trong các nền được cài sẵn của XP, hãy thực hiện một lựa chọn từ danh sách Background. Nền mới được minh họa trên màn hình mẫu.
4. Để chọn file đồ họa riêng của bạn, hãy nhấp nút Browse và định hướng sang file mà bạn muốn sử dụng. Nhấp nút Open để thêm file này vào danh sách Background.
5. Để xác định cách hiển thị file ảnh trên nền desktop, hãy chọn một trong các tùy chọn từ danh sách xổ xuống Position: Center, Tile, hay Stretch.
6. Nếu bạn thích hiển thị một màu nền đồng nhất không có hình ảnh, hãy

chọn None từ danh sách Background và chọn một màu từ danh sách Color.

7. Nhấp OK để áp dụng các thay đổi.

Sử dụng một trang Web làm nền

Bạn cũng có thể chọn hiển thị một trang Web dưới dạng một nền desktop. Khi bạn thực hiện điều này, nền desktop của bạn hoạt động giống như một trang Web sống động bất cứ khi nào bạn được nối kết với Internet.

Hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, chọn tab Desktop rồi nhấp nụ Customize Desktop.
3. Khi hộp thoại Desktop Items xuất hiện, chọn tab Web.
4. Để sử dụng trang chủ làm nền desktop, hãy chọn nó từ danh sách các trang Web.
5. Để sử dụng một trang khác làm nền desktop, hãy nhấp nút New để hiển thị hộp thoại New Active Desktop Item. Nhập URL của trang vào hộp Location rồi sau đó nhấp OK.
6. Để tự động cập nhật nội dung của trang Web này, hãy nhấp nút Properties rồi chọn tab Schedule. Chọn tùy chọn Using the Following Schedules rồi sau đó nhấp nút Add. Khi hộp thoại New Schedule xuất hiện, hãy cài đặt thời gian để cập nhật, chọn tùy chọn If My Computer Is Not Connected..., rồi nhấp OK.
7. Nhấp OK để đóng các hộp thoại còn lại.

Thay đổi diện mạo của các cửa sổ và nút

Theo mặc định, Windows XP sử dụng các cửa sổ và nút được bo tròn của giao diện Luna mới. Nếu bạn muốn quay trở về các cửa sổ và nút hình vuông của Windows 9X/Me, bạn có thể thực hiện thay đổi đó từ bên trong hộp thoại Display Properties.

Để thay đổi diện mạo của các cửa sổ và nút của XP, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, chọn tab Appearance.
3. Mở danh sách xổ xuống Windows and Buttons rồi chọn một kiểu khác.
4. Chọn OK để sử dụng các cửa sổ và kiểu nút mới.

Thay đổi sơ đồ màu

Nền desktop Windows XP mặc định sử dụng một tổ hợp màu và font được ấn định sẵn. Nếu bạn không thích tổ hợp này, bạn có thể chọn từ một số sơ đồ khác đã ấn định sẵn.

Để chuyển sang một sơ đồ mới, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, chọn tab Appearance (được minh họa ở hình 2.7).

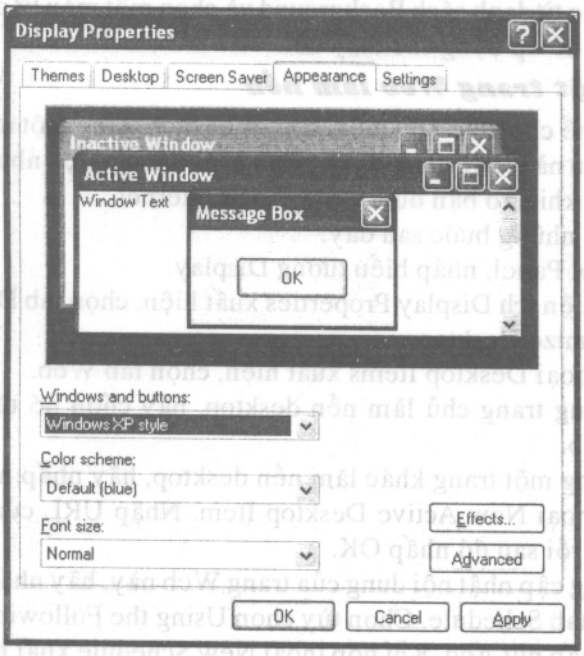

Hình 2.7 Thay đổi diện mạo của Windows XP bằng cách chọn một sơ đồ màu mới.

3. Mở danh sách xổ xuống Color Scheme và chọn một theme mới. (Sơ đồ màu mới được minh họa trong cửa sổ mẫu.)
4. Chọn OK để sử dụng sơ đồ màu được hiển thị.

Trong các phiên bản trước của Windows, bạn có thể thay đổi riêng màu của mỗi thành phần màn hình. Bạn không thể thực hiện điều này trong Windows XP. Bạn phải sử dụng một trong những sơ đồ màu đã chọn sẵn.

Tuy nhiên, nếu bạn nhấp nút Advanced trên tab Appearance, bạn mở một hộp thoại Advanced Appearance dường như cho phép bạn có thể thay đổi các màu của các thành phần màn hình riêng lẻ. Đây không phải là trường hợp như vậy. Hộp thoại này sẽ thay đổi các màu riêng lẻ nếu bạn đã chuyển đổi sang các cửa sổ và nút có kiểu Classic (cổ điển) nhưng không phải như vậy nếu bạn sử dụng các thành phần kiểu XP. (Tuy nhiên, hộp thoại này sẽ cho phép bạn thay đổi kích cỡ của một số thành phần.)

Điều này hơi rắc rối nhưng hãy quen sử dụng các sơ đồ màu XP chuẩn và bỏ qua nút Advanced.

Thêm các hiệu ứng đặc biệt

Tất cả loại hiệu ứng đặc biệt được đi kèm với Windows XP. Những hiệu ứng này được áp dụng vào diện mạo của các thành phần cụ thể hoặc cách mà chúng kéo xuống hay bật lên trên màn hình.

Một số trong những hiệu ứng đặc biệt này có thể được thay đổi từ trình tiện ích Display Properties. Các hiệu ứng đặc biệt khác được thay đổi từ trình tiện ích System Properties.

Đầu tiên hãy xem các hiệu ứng đặc biệt có sẵn với trình tiện ích Display

Properties. Để thay đổi những hiệu ứng đặc biệt này, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties mở ra, chọn tab Appearance rồi nhấp nút Effects.
3. Khi hộp thoại Effects xuất hiện (xem hình 2.8), hãy thực hiện các lựa chọn sau đây:
   - Làm cho các menu và tooltip cuộn hay ẩn hiện bằng cách chọn tùy chọn Use the Following Transition Effect for Menus and Tooltips, và chọn Scroll Effects hay Fade Effect từ danh sách xổ xuống.
   - Hiển thị các bóng đổ bên dưới tất cả menu Windows bằng cách chọn tùy chọn Show Shadows Under Menus.
   - Hiển thị các biểu tượng lớn trên nền desktop bằng cách chọn tùy chọn Use Large Icons.
   - Hiển thị nội dung của các cửa sổ khi chúng được rê bằng các chọn tùy chọn Show Window Contents While Dragging.
   - Che giấu các mẫu tự được gạch dưới trên các mục menu bằng cách chọn tùy chọn Underlined Letters for Keyboard Navigation...
4. Nhấp nút OK để áp dụng các thay đổi.

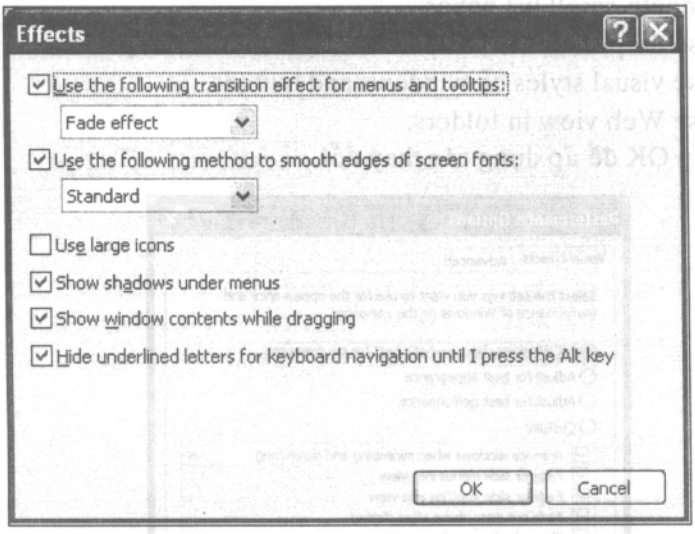

Hình 2.8 Thêm hiệu ứng chuyển tiếp và bóng meu trong hộp thoại Effects.

Bây giờ hãy xem danh sách các hiệu ứng có sẵn từ trình tiện ích System Properties.

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng System.
2. Khi trình tiện ích System Properties mở ra, chọn tab Advanced rồi nhấp nút Settings (trong phần Performance).
3. Khi hộp thoại Performance Options xuất hiện, nhấp tab Visual Effect (xem hình 2.9) và chọn các hiệu ứng sau đây. Hầu hết những hiệu ứng này dễ

hiểu, mặc dù một số hiệu ứng cực kỳ tinh vi. Tất cả làm giảm hoạt động của hệ thống theo một mức độ nào đó.

- Animate windows when minimizing and maximizing
- Draw gradient in window captions.
- Enable per-folder type watermarks.
- Fade in taskbar.
- Fade out menu items after invocation.
- Fade/slide menus into view.
- Fade/slide tooltips into view.
- Hot-track menu items and other elements.
- Show alpha blended selection rectangle.
- Show shadows under menus.
- Show shadows under mouse pointer.
- Show window contents while dragging.
- Slide icons over background images in folders.
- Slide open combo boxes.
- Slide taskbar buttons.
- Smooth edges of screen fonts.
- Smooth-scroll list boxes.
- Use drop shadows for icon labels on the Desktop.
- Use visual styles on windows and buttons.
- Use Web view in folders.

4. Nhấp OK để áp dụng các thay đổi.

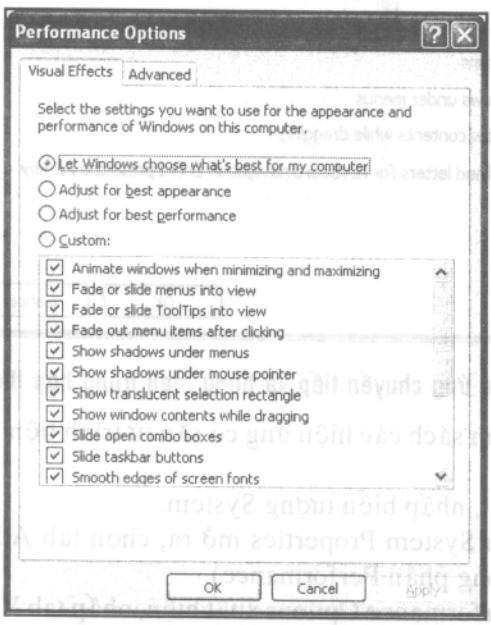

Hình 2.9 Mở và tắt nhiều hiệu ứng hình ảnh khác nhau từ hộp thoại Performance Options.

Thủ thuật

Không phải tất cả hiệu ứng này đều được mở theo mặc định. Nếu bạn muốn nhận được toàn bộ hiệu ứng của giao diện Windows XP mới, bạn phải mở bằng tay những xác lập được tắt theo mặc định.

Như bạn có thể thấy, một số xác lập này sao chép các xác lập trong hộp thoại Effects. Việc tắt hay mở chúng ở một vị trí cũng sẽ tắt chúng tại vị trí khác.

XP cung cấp một cách dễ dàng hơn để chọn các hiệu ứng hình ảnh trong hộp thoại Performance Options. Khi bạn chọn tùy chọn Adjust for Best Performance, tất cả hiệu ứng được mở. Khi bạn chọn tùy chọn Adjust for Best Performance, tất cả hiệu ứng được tắt. (Bạn cũng có tùy chọn để yêu cầu Windows xác định nó cho phép bạn bằng cách chọn tùy chọn Let Windows Choose What's Best for My Computer.)

Nếu hệ thống của bạn có mã lực - đặc biệt trong RAM, và trên card đồ họa - bạn nên thử mở tất cả những hiệu ứng đặc biệt này. Nó thật sự làm cho việc sử dụng Windows trở nên thú vị rất nhiều.

Thủ thuật

Nếu hệ thống của bạn chạy hơi chậm, hãy nhấp nút Best Performance để tắt tất cả hiệu ứng hình ảnh làm lãng phí nguồn tài nguyên.

Làm việc với các bước tắt desktop

Các biểu tượng desktop, được gọi là các bước tắt (shortcut), chỉ là các bước tắt để khởi động các trình ứng dụng và mở các tài liệu. Việc đặt một bước tắt trên nền desktop là một cách khác để khởi chạy các hạng mục từ menu Start hay một folder Windows.

Thay đổi các biểu tượng desktop

Nếu bạn không thích các biểu tượng của My Computer, Recycle Bin, và các hạng mục desktop cơ bản khác thì hãy thay đổi chúng.

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties mở ra, hãy chọn tab Desktop rồi nhấp nút Customize Desktop.
3. Khi hộp thoại Desktop Items xuất hiện, hãy chọn tab General (được minh họa ở hình 2.10).

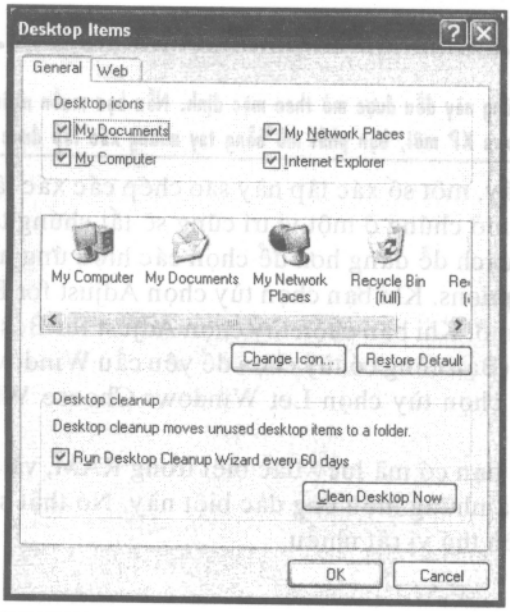

Hình 2.10 Thay đổi các biểu tượng desktop - hoặc chạy Desktop Cleanup Wizard.

4. Chọn các biểu tượng mà bạn muốn hiển thị trên nền desktop; hủy chọn những hạng mục mà bạn không muốn hiển thị.
5. Để thay đổi một biểu tượng, chọn biểu tượng rồi nhấp nút Change Icon.
6. Khi hộp thoại Change Icon xuất hiện, hãy chọn một biểu tượng mới từ những biểu tượng được liệt kê hoặc nhấp nút Browse để chọn một file khác chứa đầy các biểu tượng.
7. Nhấp OK khi đã thực hiện xong.

Bạn có thể chuyển trở về các biểu tượng gốc bằng cách nhấp nút Restore Default.

Tạo các bước tắt mới trên nền desktop

Để đặt một bước tắt mới trên nền desktop, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trong My Computer hay bất kỳ trong folder Windows nào, hãy định hướng sang trình ứng dụng hay tài liệu mà bạn muốn tạo một bước tắt.
2. Nhấp phải biểu tượng file và sau đó chọn Send To, Desktop (Create Shortcut).

Thủ thuật

Bạn cũng có thể tạo một bước tắt bằng cách nhấp phải và rê một biểu tượng file một cách trực tiếp sang nền desktop, hoặc bằng cách nhấp phải trên nền desktop và chọn New, Shortcut từ menu bật lên.

Để loại bỏ một biểu tượng tắt ra khỏi nền desktop, hãy rê nó vào Recycle Bin.

Thay đổi tên của một bước tắt

Khi bạn tạo một biểu tượng tắt mới, các từ "Shortcut to..." được tự động đặt

trước tên của nó. Để thay đổi tên của một bước tắt, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải bước tắt trên nền desktop.
2. Khi menu bật lên xuất hiện, chọn Rename.
3. Bây giờ tên của bước tắt được bật sáng trên nền desktop. Sử dụng các phím Delete hay Backspace để xóa các phần của tên hiện có, và sau đó gõ nhập một tên mới. Nhấn Enter khi bạn đã nhập xong tên mới.

Thay đổi các đặc tính của bước tắt

Bạn có thể thay đổi những điều nhất định về cách hoạt động của một bước tắt. Để thay đổi các đặc tính của một bước tắt, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải biểu tượng tắt và chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Shortcut Properties xuất hiện, hãy nhấp tab Shortcut (xem hình 2.11).



Hình 2.11 Nhấp phải một biểu tượng tắt để thay đổi các đặc tính của nó.

3. Chọn đặc tính mà bạn muốn thay đổi, như được trình bày ở bảng 2.2.
4. Nhấp OK để chấp nhận các thay đổi và đóng hộp thoại, hoặc nhấp Apply để thực hiện các thay đổi trong khi vẫn mở hộp thoại.

Bảng 2.2 Các đặc tính của bước tắt.

Đặc tính	Mô tả
Target	Nhận biết file mà bước tắt mở ra.
Run in	Xác định xem một chương trình cũ hơn sẽ chạy trong chế độ tương thích (Compatibility Mode) của XP hay không.
Start In	Nhận biết folder cụ thể mà từ đó chương trình khởi động.

Shortcut Key	Nhận biết các phím tắt vốn kích hoạt bước tắt.
Run	Xác định xem chương trình có được khởi chạy trong một cửa sổ bình thường, được phóng to hay thu nhỏ.
Comment	Thông tin về file.
Find Target	Nhấp nút này để tìm file chương trình cụ thể của bước tắt này, nếu không được liệt kê chính xác trong hộp Target.
Change Icon	Nhấp nút này để thay đổi biểu tượng được sử dụng cho bước tắt.
Advanced	Nhấp nút này để chạy bước tắt này dưới dạng một người dùng khác, hoặc để chạy trong vùng bộ nhớ riêng biệt.

Ghi chú

Không phải tất cả các đặc tính đều có sẵn cho tất cả các bước tắt.

Sắp xếp các biểu tượng trên nền desktop

Các biểu tượng tắt trên nền desktop giúp bạn dễ dàng truy cập các chương trình, đặc biệt khi bạn sắp xếp chúng theo cách có hiệu quả tốt nhất đối với bạn. Để sắp xếp các biểu tượng, hãy nhấp phải một vùng trống của nền desktop và chọn từ các tùy chọn được trình bày trong bảng 2.3:

Bảng 2.3 Các tùy chọn để sắp xếp các biểu tượng trên nền desktop

Lệnh	Hoạt động
Name	Phân loại các hạng mục theo bảng chữ cái theo tên file.
Size	Phân loại các hạng mục theo kích cỡ file, từ nhỏ nhất đến lớn nhất.
Type	Phân loại các hạng mục theo kiểu file. Các file có cùng một phần mở rộng được nhóm lại với nhau.
Modified	Phân loại các hạng mục theo ngày tháng, từ cũ nhất đến mới nhất.
Auto Arrange	Khi được chọn, tùy chọn này tự động sắp xếp các biểu tượng tại cạnh trái của nền desktop.
Align to Grid	Khi được chọn, các biểu tượng tự động truy chụp sang một lưới ẩn. (Đây là một tùy chọn tốt nếu bạn có nhiều biểu tượng được phân tán xung quanh nền desktop.)
Show Desktop Items	Hiển thị các biểu tượng của My Computer, My Documents, Recycle Bin, và các hạng mục desktop cần thiết khác.
Lock Web Items on Desktop	Khóa các hạng mục trên desktop, do đó bạn không thể vô ý thay đổi chúng.

nó khi bạn cần nó.

1. Nhấp phải một vùng trống của Taskbar rồi chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, hãy chọn tab Taskbar, như được minh họa ở hình 2.12.
3. Chọn tùy chọn Auto-Hide the Taskbar.
4. Nhấp OK để đóng hộp thoại.

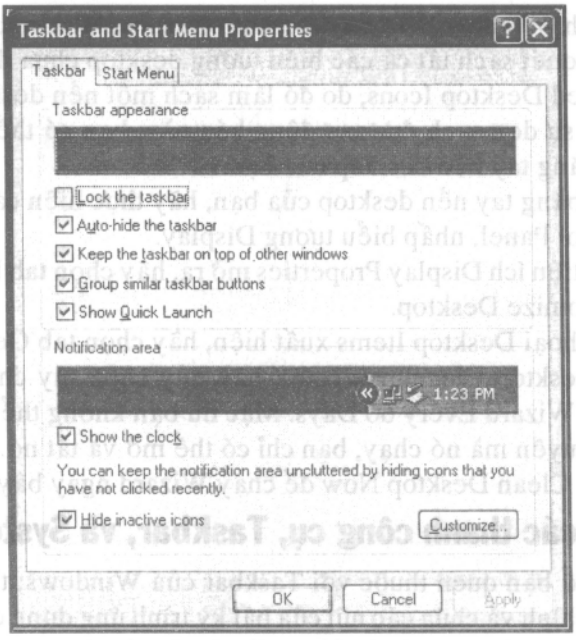

Hình 2.12 Thay đổi diện mạo của Taskbar từ hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties.

Cấu hình này tự động che giấu Taskbar để các trình ứng dụng của bạn có thể sử dụng toàn bộ màn hình. Để hiển thị lại Taskbar, bạn phải di chuyển cursor đến ngay đáy của màn hình. Sau đó Taskbar xuất hiện để bạn sử dụng.

Thủ thuật

Nếu bạn muốn Taskbar luôn hiển thị, hãy chọn tùy chọn Keep the Taskbar On Top Of Other Windows.

Định kích cỡ lại Taskbar

Có thể bạn đã chú ý rằng khi Taskbar được định vị theo chiều ngang, các nút Taskbar trở nên nhỏ hơn, và bạn mở nhiều trình ứng dụng hơn. Nếu bạn mở quá nhiều trình ứng dụng, các nút Taskbar trở nên nhỏ đến nỗi bạn không thể đọc được tên của trình ứng dụng.

Bằng cách điều chỉnh kích cỡ của Taskbar, bạn có thể tạo một Taskbar cao hơn để nhiều nút có thể nằm chồng lên nhau. Ngoài ra, nếu bạn chọn có thể Taskbar nằm dọc theo các cạnh của desktop, bạn có thể muốn điều chỉnh

Ghi chú

Lệnh Align Grid không thực hiện điều gì nếu tùy chọn Auto Arrange được mở bởi vì việc tự động sắp xếp sẽ tự động canh thẳng các biểu tượng. Tắt Auto Arrange nếu bạn muốn phân phối các biểu tượng qua nền desktop, không bề bộn ở cạnh bên trái. Sau đó sử dụng lệnh Align to Grid để canh thẳng chúng trên lưới ẩn tại cùng một vị trí lân cận.

Xóa sạch các bước tắt desktop

Theo mặc định, Windows XP chạy Desktop Cleanup Wizard cách 60 ngày một lần. Wizard này quét sạch tất cả các biểu tượng desktop chưa được sử dụng vào một folder Unused Desktop Icons, do đó làm sạch một nền desktop bề bộn.Nếu bạn không thích sự dọn sạch được tự động hóa này, bạn có thể tắt wizard hoặc chọn làm sạch bằng tay nền desktop của bạn.

Để làm sạch bằng tay nền desktop của bạn, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Display.
2. Khi trình tiện ích Display Properties mở ra, hãy chọn tab Desktop rồi nhấp nút Customize Desktop.
3. Khi hộp thoại Desktop Items xuất hiện, hãy chọn tab General.
4. Để tắt Desktop Cleanup Wizard, hãy hủy chọn tùy chọn Run Desktop Cleanup Wizard Every 60 Days. Mặc dù bạn không thể thay đổi mức độ thường xuyên mà nó chạy, bạn chỉ có thể mở và tắt nó.
5. Nhấp nút Clean Desktop Now để chạy Wizard ngay bây giờ.

Làm việc với các thanh công cụ, Taskbar, và System Tray

Bây giờ có thể bạn quen thuộc với Taskbar của Windows; thanh đặc thường nằm tại đáy màn hình và chứa các nút của bất kỳ trình ứng dụng đang mở vào thời điểm đó. Có thể bạn ít quen thuộc hơn với các thanh công cụ của Windows có diện mạo giống như Taskbar nhưng chứa các nhóm nút cụ thể.

Di chuyển Taskbar

Vị trí mặc định của Taskbar là nằm ngang qua đáy màn hình. Nếu bạn không thích nó nằm ở đó, bạn có thể di chuyển nó đến đỉnh hay đến một trong hai cạnh của màn hình.

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Trỏ vào một phần của Taskbar nơi mà không có nút nào xuất hiện.
2. Nhấp bằng nút chuột trái và rê Taskbar đến một cạnh khác của màn hình. Bạn thấy một đường bóng chỉ ra vị trí mới của Taskbar.
3. Nhả nút chuột.

Windows XP giới thiệu khác niệm về việc khóa Taskbar. Khi Taskbar được khóa, bạn không thể di chuyển nó. Để khóa hay mở khóa Taskbar, hãy nhấp phải một vùng trống của Taskbar rồi chọn hoặc hủy chọn tùy chọn Lock the Taskbar.

Che giấu Taskbar

Nếu bạn chạy Windows XP trên một màn hình nhỏ (ví dụ độ phân giải 640x480), có thể bạn không muốn Taskbar chiếm khoảng trống màn hình mọi lúc. Đối với những tình huống này, Windows XP cho phép bạn che giấu Taskbar và chỉ gọi lại

rộng Taskbar để hiển thị các nút rộng hơn hay hẹp hơn.

Tuy nhiên, Taskbar của bạn được định vị, bạn có thể định lại kích cỡ của nó bằng cách thực hiện các bước tương tự như sau:

1. Đặt cursor tại mép của Taskbar, nơi mà con trỏ trở thành một mũi tên kép. (Nếu Taskbar nằm tại đáy màn hình, chỉ việc trỏ vào mép trên của Taskbar.)
2. Nhấp nút chuột trái và rê mép sang kích cỡ mong muốn.
3. Nhả nút chuột.

Thủ thuật

Nếu bạn làm cho một Taskbar dọc đủ hẹp, chỉ các biểu tượng trình ứng dụng hiển thị, mà không có các từ. (Nếu bạn trỏ vào các biểu tượng, một ToolTip xuất hiện để cho bạn thấy tên của nó.)

Gom nhóm các nút Taskbar

Vấn đề về việc có quá nhiều nút trên một thanh Taskbar quá nhỏ đã được xử lý bởi một tính năng mới trong Windows XP. Theo mặc định, các nút tương tự được nhóm lại với nhau và nhiều tài liệu (của cùng một trình ứng dụng) được xếp tầng lên nhau trên một nút đơn.

Nếu bạn không muốn sử dụng tính năng gom nhóm nút này, hãy mở hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties, chọn tab Taskbar, và hủy chọn tùy chọn Group Similar Taskbar Buttons.

Thêm các thanh công cụ vào Taskbar

Windows XP cũng cho phép bạn neo các thanh công cụ bổ sung vào Taskbar. Mỗi thanh công cụ chứa một nhóm biểu tượng cho phép bạn thực hiện các tác vụ đã chọn - chẳng hạn như khởi chạy các chương trình hay nối kết với các Web site.

Windows XP có một số thanh công cụ được thiết kế sẵn, kể cả các thanh công cụ sau đây (tất cả được minh họa ở hình 2.13):

- **Address** - Thanh công cụ này là một hộp URL. Gõ nhập địa chỉ của bất kỳ trang Web vào hộp này, nhấn Enter, và Windows nối kết với Internet, khởi chạy Internet Explorer và hiển thị thị trang Web mà bạn đã vào.
- **Links** - Thanh công cụ này hiển thị năm liên kết đã chọn (theo mặc định, là năm liên kết trên Web site của Microsoft).
- **Desktop** - Thanh công cụ này hiển thị tất cả biểu tượng tắt hiện có trên nền desktop của bạn. Đây là một cách tốt để chuẩn bị truy cập đến các bước tắt nếu nền desktop của bạn thường xuyên bề bộn.
- **Quick Launch** - Thanh công cụ này hiển thị ba biểu tượng để sử dụng Internet cơ bản: Internet Explorer, Outlook Express và Show Desktop (vốn thu nhỏ tất cả các cửa sổ đang mở trên máy tính để bạn thực sự có thể thấy nền desktop.)

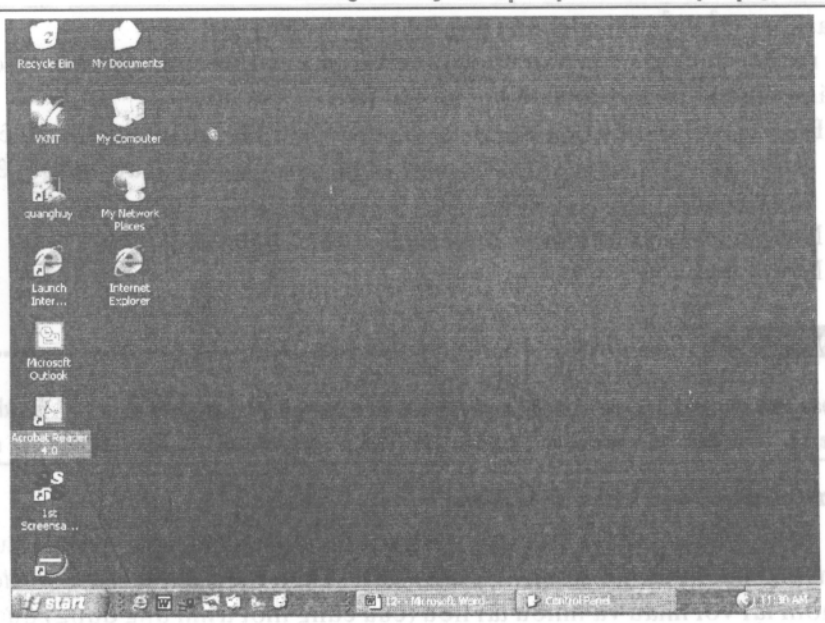

Hình 2.13 Bốn thanh công cụ được cài sẵn vào Windows XP.

Để neo một thanh công cụ vào Taskbar, hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Nhấp phải vào bất kỳ vị trí nào trên Taskbar.
2. Khi menu bật lên xuất hiện, chọn Toolbars, và sau đó chọn thanh công cụ mà bạn muốn hiển thị.

Để loại bỏ một thanh công cụ ra khỏi Taskbar, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải vào bất kỳ vị trí nào trên thanh công cụ để hiển thị menu bật lên.
2. Chọn Toolbars, rồi sau đó hủy chọn thanh công cụ đặc trưng đó.

Thủ thuật

Bạn có thể định lại kích cỡ bất kỳ thanh công cụ mà bạn đã thêm vào Taskbar. Chỉ việc di chuyển cursor đến tận cùng bên trái của thanh công cụ đến khi cursor biến thành một mũi tên kép, nhấp nút chuột trái và rê thanh công cụ sang kích cỡ mong muốn. Bạn cũng có thể xếp các thanh công cụ chồng lên nhau, như minh họa ở hình 2.13.

Thêm các biểu tượng vào thanh công cụ Quick Launch

Microsoft cho phép bạn thêm các biểu tượng riêng vào thanh công cụ Quick Launch.

Cách dễ dàng để thêm một biểu tượng vào thanh công cụ Quick Launch là chọn một biểu tượng chương trình từ menu Programs hay My Computer và rê nó lên trên thanh công cụ. Bạn cũng có thể thêm các biểu tượng bằng cách sử dụng My Computer để mở folder \Documents and Settings\username\Application Data\Microsoft\Internet Explorer\Quick Launch\, và sau đó chọn File, Create

Shortcut. Chú ý rằng đây là một folder ẩn - bạn phải yêu cầu Windows hiển thị các folder ẩn để sử dụng phương pháp này.

Tạo một thanh công cụ mới

Ngoài bốn thanh công cụ đã chọn sẵn, bạn cũng có thể tạo các thanh công cụ cá nhân của bạn.

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải vào bất kỳ vị trí nào trên Taskbar.
2. Khi menu bật lên xuất hiện, chọn Toolbars, rồi sau đó chọn New Toolbar.
3. Khi hộp thoại New Toolbar xuất hiện, chọn một đĩa hay folder hoặc nhập một địa chỉ Web rồi nhấp OK.
4. Bây giờ thanh công cụ mới xuất hiện, được neo vào Taskbar. Nếu bạn đã chọn một đĩa hay folder, nội dung của đĩa hay folder đó xuất hiện trong thanh công cụ. Nếu bạn đã nhập một địa chỉ Web, địa chỉ đó xuất hiện trong thanh công cụ.

Bạn cũng có thể tạo một thanh công cụ bằng cách rê một đĩa hay folder từ My Computer vào Taskbar. Nếu bạn rê một đĩa hay folder từ My Computer đến cạnh khác của màn hình, một thanh công cụ mới được tạo ở đó thay vì trên Taskbar.

Cấu hình các thanh công cụ

Windows XP cung cấp một số cách để bạn tạo tùy biến cách hiển thị các thanh công cụ. Bạn có thể điều chỉnh kích thước của các biểu tượng và diện mạo của các biểu tượng.

1. Nhấp phải vào một vùng trống của thanh công cụ mà bạn muốn cấu hình. Điều này sẽ hiển thị một menu bật lên.
2. Để hiển thị tiêu đề của thanh công cụ, hãy chọn Show Title. Hủy chọn tùy chọn này để che giấu tên của thanh công cụ.
3. Để hiển thị các biểu tượng lớn trên thanh công cụ, chọn View rồi chọn Large. Để hiển thị các biểu tượng nhỏ, chọn View rồi chọn Small.
4. Để hiển thị một nhãn cho mỗi biểu tượng, chọn Show Text. Hủy chọn tùy chọn này để che giấu các nhãn.

Thủ thuật

Để di chuyển một thanh công cụ đến một cạnh kia của màn hình, chỉ việc rê thanh công cụ đến vị trí mong muốn và sau đó nhả nút chuột. Nếu bạn thả thanh công cụ vào giữa màn hình, nó trở thành một cửa sổ mở trên nền desktop.

Quản lý System Tray

System Tray là một phần của màn hình hiển thị các biểu tượng cho các trình tiện ích mà Windows chạy trong nền. Đôi khi các trình ứng dụng khác đặt các biểu tượng riêng của chúng trong System Tray. Đôi khi các biểu tượng của nhóm thứ ba này chỉ định rằng một chương trình chạy và đôi khi tạo dễ dàng cho việc chạy chương trình đó (bằng cách nhấp biểu tượng trong Tray).

Vấn đề đối với System Tray là nó được lạm dụng. Nếu bạn có nhiều trình ứng dụng nhỏ và nhiều chương trình vốn đã cài đặt các biểu tượng riêng của chúng

trong Tray, Tray sẽ trở nên rất bề bộn và bắt đầu mở rộng. Càng nhiều biểu tượng trong Tray thì Tray càng rộng hơn. Nếu Tray trở nên quá rộng, nó bắt đầu mượn khoảng trống từ Taskbar. Bạn chỉ có nhiều khoảng trống như vậy dọc theo đáy màn hình.

Windows XP giới thiệu một giải pháp cho vấn đề về sự quá đông đúc này bằng cách che giấu các biểu tượng System Tray mà bạn thật sự không cần sử dụng. Các biểu tượng quan trọng chẳng hạn như đồng hồ hệ thống vẫn hiển thị mà ngày nay Microsoft gọi là vùng khai báo (Notification Area). Các biểu tượng khác được che giấu đến khi bạn nhấp nút mũi tên trái tại mép của Tray (được minh họa ở hình 2.14).

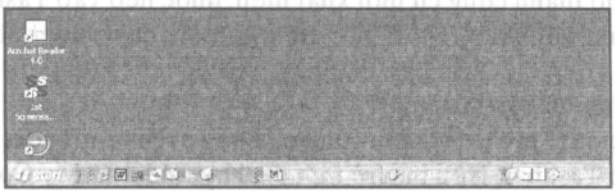

Hình 2.14 Nhấp mũi tên để mở rộng System Tray.

Nếu bạn không muốn che giấu các biểu tượng, bạn có thể tắt tính năng này bằng cách thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải một vùng trống của Taskbar và chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện hãy chọn tab Taskbar.
2. Hủy chọn tùy chọn Hide Inactive Icon.
4. Nhấp OK.

Thủ thuật

Theo mặc định, đồng hồ hệ thống luôn hiển thị trong Notification Area. Nếu bạn không muốn hiển thị đồng hồ, hãy hủy chọn tùy chọn Show the Clock.

Nếu bạn thực sự muốn tìm hiểu các chi tiết, bạn có thể cấu hình trạng thái "che giấu khi không hoạt động" cho mỗi biểu tượng trong khay hệ thống. Chỉ việc đi đến tab Taskbar trong hộp thoại Taskbar and Start MenuProperties rồi nhấp nút Customize. Khi hộp thoại Customize Notifications (như được minh họa ở hình 2.15), chọn một biểu tượng đặc trưng và cài đặt cách hoạt động Hide When Inactive của nó. Chọn hạng mục này để che giấu nó, hủy chọn nó để chắc chắn nó luôn hiển thị.

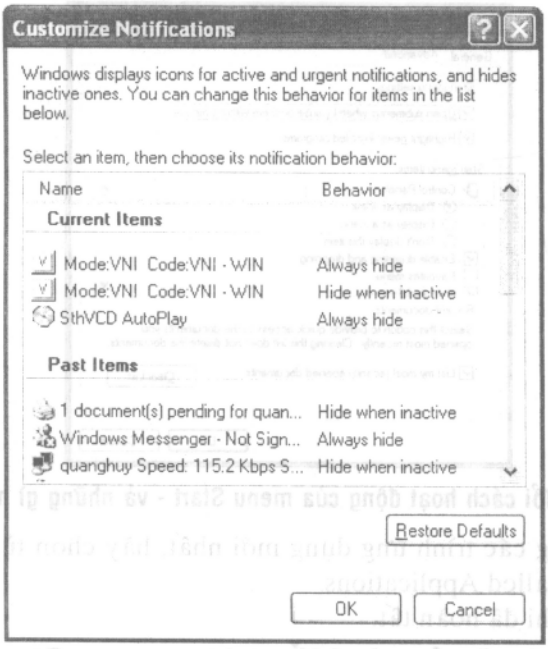

Hình 2.15 Chọn che giấu hay hiển thị mỗi biểu tượng trong System Tray trên cơ sở từng hạng mục.

Quản lý menu Start

Menu Start trong Windows XP khác biệt nhiều so với menu Start mà bạn đã quen thuộc trong các phiên bản trước đó của Windows. Nó thực hiện một công việc tốt là che giấu các thứ mà bạn không sử dụng thường xuyên, trong khi giữ lại các chương trình được sử dụng thường xuyên của bạn lên phía trước và ở chính giữa.

Thay đổi cách hoạt động của menu Start

Windows XP áp dụng nhiều hiệu ứng đặc biệt vào menu Start. Bạn có thể tạo động cho menu Start khi nó mở, buộc các menu con mở ra khi bạn đặt chuột lên trên chúng và bật sáng các trình ứng dụng mới.

Để thay đổi những hiệu ứng đặc biệt này, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải nút Start rồi chọn nút Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, hãy chọn tab Start menu rồi nhấp nút Customize.
3. Khi hộp thoại Customize Start Menu xuất hiện, hãy chọn tab Advanced (được minh họa ở hình 2.16).
4. Để tạo động cho menu Start, hãy chọn tùy chọn Animate Start Menu As It Opens.
5. Để làm cho các menu con mở ra khi bạn trỏ vào chúng, hãy chọn tùy chọn Open Submenus on Hover.



Hình 2.16 Thay đổi cách hoạt động của menu Start - và những gì mà nó hiển thị.

6. Để bật sáng các trình ứng dụng mới nhất, hãy chọn tùy chọn Highlight Newly Installed Applications.
7. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

Thay đổi kích cỡ của các biểu tượng menu Start

Bạn cũng có thể chọn từ hai kích cỡ của các biểu tượng trong menu Start. Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải nút Start rồi chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, chọn tab Start Menu rồi nhấp nút Customize.
3. Khi hộp thoại Customize Start Menu xuất hiện, chọn tab General (được minh họa ở hình 2.17).



Hình 2.17 Thay đổi kích cỡ của các biểu tượng menu Start, cũng như bao nhiêu chương trình mà nó hiển thị.

4. Chọn Small Icons để hiển thị các biểu tượng nhỏ hơn bình thường. Chọn Large Icons để hiển thị các biểu tượng lớn.
5. Nhấp OK.

Hiển thị nhiều hay ít chương trình hơn

Theo mặc định, menu Start hiển thị năm chương trình gần đây nhất mà bạn đã chạy. Bạn có thể cấu hình menu Start để hiển thị mỗi lần nhiều (lên đến chín) hay ít trình ứng dụng hơn.

Để hiển thị nhiều hay ít chương trình hơn, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải nút Start rồi chọn Start từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, hãy chọn tab Start Menu rồi nhấp nút Customize.
3. Khi hộp thoại Customize Start Menu xuất hiện, chọn tab General.
4. Chọn một số mới từ danh sách Number of Programs on Start Menu.
5. Nhấp OK.

Thủ thuật

Nếu bạn muốn khởi động menu Start với một tình trạng rỗng, hãy nhấp nút Clear List. Điều này sẽ mở menu Start mà không có các chương trình hiển thị.

Che giấu hay thay đổi các biểu tượng của bộ trình duyệt và e-mail

Theo mặc định, menu Start hiển thị các biểu tượng của bộ trình duyệt Web và e-mail client của bạn. Đối với hầu hết người dùng, đó có thể là Internet Explorer và Outlook Express. (Nếu bạn đã cài đặt Office trên PC của bạn, Microsot Outlook có thể được hiển thị dưới dạng e-mail client.)

Bạn không cần phải hiển thị những biểu tượng này, và bạn không cần phải liên kết chúng với các chương trình Microsoft.

Hãy thực hiện các bước sau đây để xóa hay cấu hình lại hai hạng mục này:

1. Nhấp phải nút Start rồi chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Start and Start Menu Properties xuất hiện, chọn tab Start Menu rồi nhấp nút Customize.
3. Khi hộp thoại Customize Start Menu xuất hiện, chọn tab General.
4. Để hiển thị các biểu tượng cho bộ trình duyệt hay các e-mail client khác, hãy đi đến phần Show on Start Menu và chọn các chương trình mới từ các danh sách Internet và E-mail.
5. Để không hiển thị một hoặc cả hai biểu tượng này, hãy hủy chọn các tùy chọn Internet và/hoặc E-mail.
6. Nhấp OK khi hoàn tất.

Chọn các biểu tượng nào để hiển thị - và diện mạo

Menu Start mặc định cũng hiển thị các biểu tượng của Control Panel, My Computer, My Documents, My Pictures, My Music, Network Connections, Help and Support, và lệnh Run. Bạn có thể cấu hình Windows XP để không hiển thị bất kỳ trong các biểu tượng này hoặc hiển thị một số biểu tượng dưới dạng các menu.

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải nút Start rồi chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Start and Start Menu Properties xuất hiện, hãy chọn tab Start Menu rồi nhấp nút Customize.
3. Khi hộp thoại Customize Start Menu xuất hiện, chọn tab General.
4. Trong Show These Items trên hộp Start Menu, nhấp As Link để hiển thị một biểu tượng dưới dạng một liên kết với hạng mục chính; As Menu để hiển thị một menu bật lên khi một biểu tượng được nhấp; hay Never để không hiển thị một hạng mục.
5. Nhấp OK khi hoàn tất.

Khi bạn chọn tùy chọn As Link, việc nhấp một biểu tượng sẽ hiển thị hạng mục có liên quan. Ví dụ, khi bạn nhấp biểu tượng My Documents, folder My Documents mở ra trong một cửa sổ riêng biệt.

Khi bạn chọn tùy chọn As Menu, việc nhấp một biểu tượng sẽ hiển thị một menu bật lên có chứa tất cả các tùy chọn trong hạng mục đã chọn. Ví dụ, khi bạn nhấp biểu tượng My Documents, một menu bật lên xuất hiện liệt kê tất cả folder và file trong folder My Documents.

Tùy chọn nào mà bạn chọn phụ thuộc vào cách làm việc của bạn. Nếu bạn muốn làm việc từ các folder, hãy chọn tùy chọn As Link. Nếu bạn muốn làm việc từ các menu, hãy chọn tùy chọn As Menu.

Thêm vĩnh viễn một chương trình vào Start Menu

Nếu bạn hoàn toàn không cảm thấy thoải mái với cách đến và đi của các chương trình từ menu Start, được bảo đảm menu Programs vẫn hiện hữu. Chỉ việc nhấp liên kết All Programs trên menu Start, và menu Programs xuất hiện.

Nếu bạn muốn hiển thị một chương trình trên menu Start hơn là menu Programs, nhưng bạn không muốn biểu tượng biến mất nếu bạn không sử dụng nó, bạn có thể thực hiện được điều này. Bạn có thể thêm vĩnh viễn bất kỳ chương trình nào vào menu Start. Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ menu Start, nhấp liên kết All Programs để hiển thị menu Programs.
2. Định hướng sang chương trình mà bạn muốn thêm vào menu Start, rồi nhấp phải chương trình đó.
3. Từ menu bật lên, chọn Pin to Start Menu.

Chương trình mà bạn đã chọn bây giờ xuất hiện trên menu Start, ngay bên dưới biểu tượng của bộ trình duyệt và e-mail.

Để loại bỏ một chương trình mà bạn đã thêm vào menu Start, hãy nhấp phải biểu tượng của nó và chọn Unpin From Start Menu.

Thủ thuật

Bạn có thể sử dụng phương pháp tương tự này để chỉ thêm file chương trình vào menu Start ngay cả nếu nó không xuất hiện trên menu Programs. Sử dụng My Computer để định hướng sang một file trình ứng dụng, sau đó nhấp phải file và chọn Pin to Start Menu từ menu bật lên.

Thay đổi trở về menu Start cổ điển

Nếu bạn không thích menu Start mới của Windows XP, bạn có thể dễ dàng chuyển đổi trở về phiên bản Windows 9X/Me cổ điển.

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải một vùng trống của Taskbar rồi chọn Properties từ menu bật lên.
2. Khi hộp thoại Start and Start Menu Properties xuất hiện, hãy chọn tab Start Menu (được minh họa ở hình 2.18).

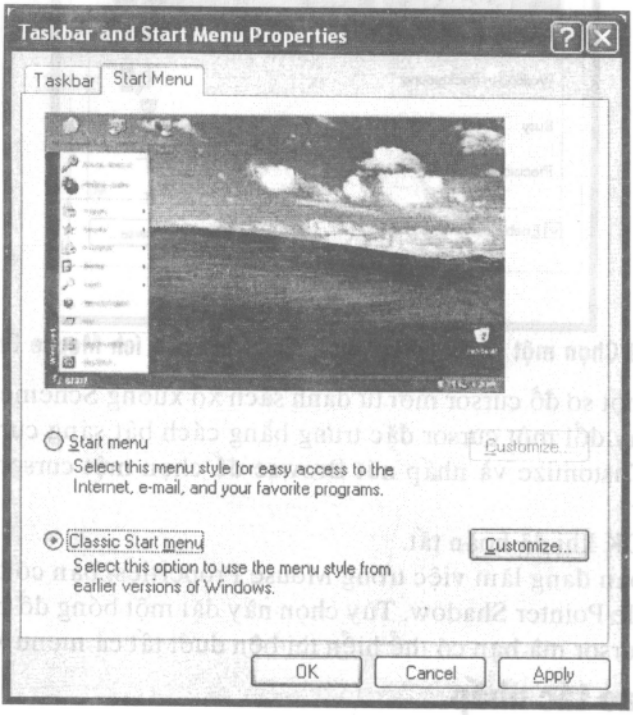

Hình 2.18 Chuyển đổi giữa menu Start mới và menu Start cổ điển.

3. Chọn tùy chọn Classic Start Menu.
4. Nhấp OK.

Thay đổi các cursor

Một hạng mục khác mà bạn có thể cá nhân hóa với Windows XP là cursor scheme (sơ đồ con trỏ) xuất hiện trên màn hình. Các sơ đồ khác nhau sử dụng các loại cursor khác nhau. Bạn có thể chọn từ các cursor bình thường, các cursor 3D, các cursor lớn hơn, các cursor hoạt hình...

Để thay đổi sơ đồ cursor, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Mouse.
2. Khi trình tiện ích Mouse Properties mở ra, hãy chọn tab Pointers (được minh họa ở hình 2.19).

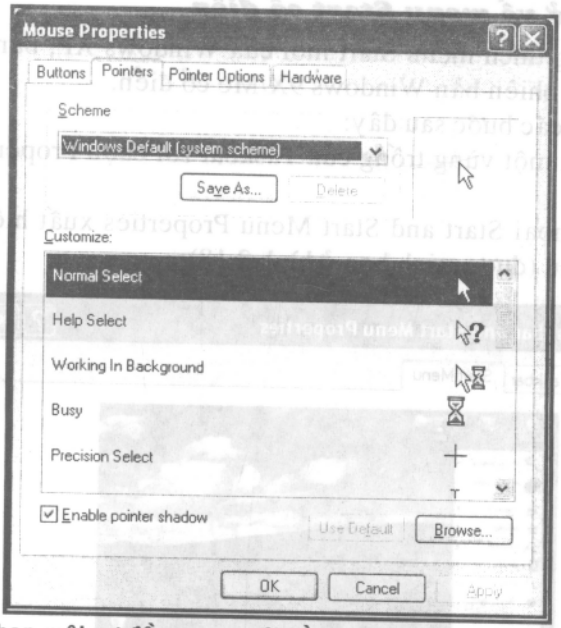

Hình 2.19 Chọn một sơ đồ cursor mới bằng trình tiện ích Mouse Properties.

3. Chọn một sơ đồ cursor mới từ danh sách xổ xuống Scheme. Hoặc, bạn có thể thay đổi một cursor đặc trưng bằng cách bật sáng cursor trong danh sách Customize và nhấp nút Browse để chọn một cursor mới từ folder Cursor.
5. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

Trong khi bạn đang làm việc trong Mouse Properties, bạn có thể muốn chọn tùy chọn Enable Pointer Shadow. Tùy chọn này đặt một bóng đổ bên dưới cursor tương tự như cursor mà bạn có thể hiển thị bên dưới tất cả menu Windows.

Thay đổi thao tác nhấp

Bạn nhấp như thế nào? Bạn có muốn nhấp đôi các biểu tượng trên nền desktop hay không? Bạn có thích nhấp đơn các biểu tượng, theo cùng một cách mà bạn nhấp các hyperlink trên một trang Web hay không? Tên của các biểu tượng có nên là text thuần túy hoặc được gạch dưới như một hyperlink hay không?

Tuy nhiên, bạn thích nhấp, Windows XP có thể cho phép bạn thực hiện điều đó. Bạn phải biết vị trí của các tùy chọn cấu hình dành cho thao tác nhấp trên nền desktop bởi vì chúng không nằm tại một nơi rõ ràng.

Dù tin hay không thì các tùy chọn nhấp của XP dành cho toàn bộ hệ điều hành được đặt trong hộp thoại Folder Options. Hộp thoại Folder Options điều khiển diện mạo và cách hoạt động của My Documents và các folder khác.

Vậy chính xác thì bạn thay đổi cách nhấp của Windows như thế nào? Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Mở folder My Documents, My Computer, hay bất kỳ folder hệ thống khác.
2. Chọn Tools, Folder options để mở hộp thoại Folder Options, như được minh họa ở hình 2.20.

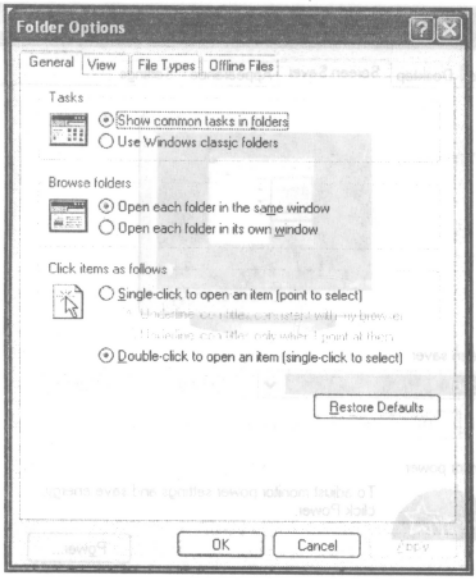

Hình 2.20 Bạn phải mở một folder để thay đổi thao tác nhấp của bạn.

3. Nếu bạn muốn sử dụng thao tác nhấp đôi thông thường, hãy chọn tùy chọn Double-Click to Open an Item.
4. Nếu bạn muốn sử dụng thao tác nhấp đơn giống như Web, hãy chọn tùy chọn Single-Click to Open an Item.
5. Nếu bạn chọn thao tác nhấp đơn, bạn có thể chọn chế độ gạch dưới các tiêu đề của tất cả biểu tượng desktop (Underline Icon Titles Consistent With My Browser) hoặc chỉ gạch dưới các tiêu đề khi một hạng mục được trỏ lên trên (Underling Icon Titles Only When I Point At Them).
6. Nhấp OK để áp dụng các cài đặt của bạn.

Đây có thể là một trong những cài đặt Windows quan trọng nhất, và nó được đặt tại một nơi mà hầu như người dùng không bao giờ tìm thấy.

Sử dụng một bộ dưỡng màn hình

Các bộ dưỡng màn hình (screen saver) hiển thị các thiết kế di động trên màn hình máy tính khi bạn đã không gõ nhập hoặc di chuyển chuột trong một thời gian. Điều này ngăn cản các ảnh tĩnh khỏi in sâu vào màn hình. Ngay cả bạn có thể gán một password vào bộ dưỡng màn hình để chỉ bạn mới có thể kích hoạt lại màn hình.

Để kích hoạt một trong các bộ dưỡng màn hình được đi kèm với Windows XP, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, chọn tùy chọn Display.
2. Khi trình tiện ích Display Settings mở ra, hãy chọn tab Screen Saver, được minh họa ở hình 2.21.

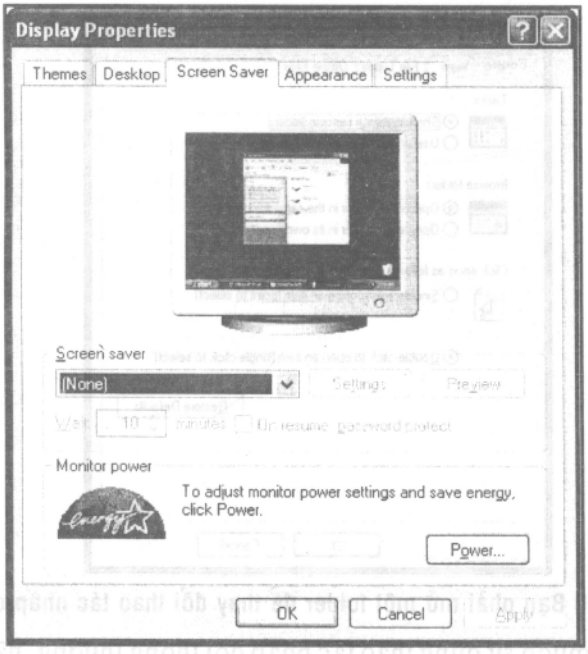

Hình 2.21 Bộ dưỡng màn hình Windows XP.

3. Chọn một bộ dưỡng màn hình từ danh sách xổ xuống Screen Saver. Một mẫu bộ dưỡng màn hình xuất hiện trên màn hình mẫu. Đối với khung xem toàn màn hình, hãy nhấp nút Preview rồi nhấp màn hình để quay trở về từ khung xem trước.
4. Thay đổi các đặc tính của bộ dưỡng màn hình đã chọn bằng cách nhấp nút Settings. Các tùy chọn có sẵn khác biệt cho mỗi bộ dưỡng màn hình mà bạn chọn nhưng thường chứa các cài đặt chẳng hạn như tốc độ và màu. Thực hiện các lựa chọn của bạn và sau đó nhấp OK.
5. Trong phần Wait, chọn số phút mà bạn muốn màn hình không hoạt động trước khi bộ dưỡng màn hình kích hoạt.
6. Nếu bạn muốn hệ thống của bạn hiển thị màn hình chào đón (Welcome screen) khi bộ dưỡng màn hình dừng lại, hãy chọn tùy chọn Return to Welcome Screen. (Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn yêu cầu một password để kích hoạt lại hệ thống sau một thời gian ngưng hoạt động.)
7. Nhấp OK khi hoàn tất.

Thay đổi các âm thanh hệ thống

Tương tự như bạn có thể thay đổi diện mạo của Windows XP, bạn cũng có thể thay đổi cách mà nó phát ra âm thanh.

Mỗi hoạt động trong Windows có thể hoặc có một âm thanh đi kèm với nó. Khi bạn mở máy tính trong lần đầu tiên và khởi chạy Windows, bạn nghe âm thanh khi bạn gặp phải một thông báo lỗi, bạn nghe một âm thanh khác. Khi bạn mở và đóng các trình ứng dụng, bạn có thể nghe nhiều âm thanh hơn.

Khi bạn tập hợp tất cả âm thanh này lại, bạn có một sơ đồ âm thanh - tương tự như một sơ đồ màu nhưng có các âm thanh.

Windows XP cho phép bạn thay đổi toàn bộ sơ đồ âm thanh, hoặc các âm thanh riêng lẻ trong sơ đồ. Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy chọn biểu tượng Sounds and Audio Devices.
2. Khi trình tiện ích Sounds and Audio Devices Properties mở ra, hãy chọn tab Sounds (được minh họa ở hình 2.22).

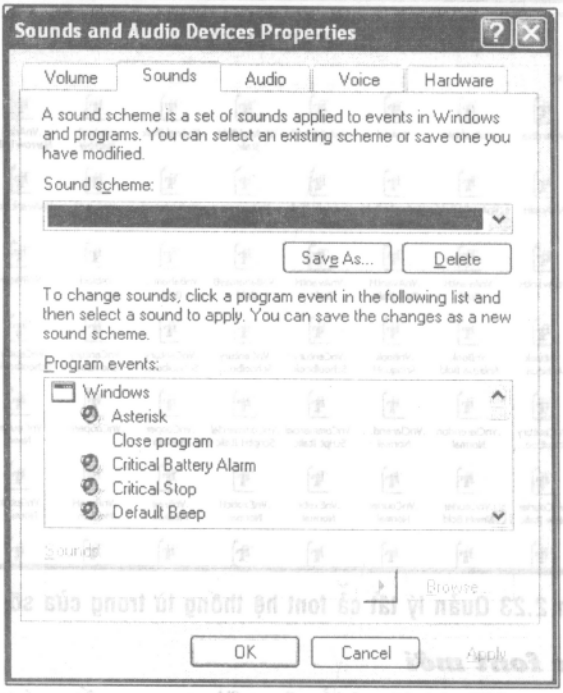

Hình 2.22 Cá nhân hóa các âm thanh mà bạn nghe được khi một điều nào đó xảy ra trên màn hình.

3. Để thay đổi các sơ đồ âm thanh, hãy mở danh sách xổ xuống Sound Scheme và chọn một sơ đồ mới.

4. Để thay đổi một âm thanh riêng lẻ, hãy chọn một hạng mục trong danh sách Program Events và sau đó chọn một âm thanh mới từ danh sách Sounds. (Bạn có thể chọn trong số âm thanh khác nhau bằng cách nhấp nút Browse và định hướng sang file âm thanh âm thanh được lưu trữ trên đĩa cứng.)

5. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

Thêm và loại bỏ các font

Windows XP đi kèm với một số lớn các font phổ biến được cài đặt sẵn để sử dụng trong các chương trình phần mềm ưa thích của bạn. Bạn có thể sử dụng các font này để hiển thị text trên màn hình và để in text từ máy in.

Xem trước các font

Để xem những font nào được cài đặt trên hệ thống của bạn, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Fonts.
2. Khi cửa sổ Fonts hiển thị, như được minh họa ở hình 2.23, hãy nhấp đôi bất kỳ biểu tượng font để xem một mẫu của font đó với các kích cỡ khác nhau.
3. Nhấp nút Print để in một mẫu của font.
4. Nhấp nút Done để đóng cửa sổ hiển thị.



Hình 2.23 Quản lý tất cả font hệ thống từ trong cửa sổ Fonts.

Cài đặt các font mới

Mặc dù Windows XP cài đặt nhiều font file trong suốt quá trình cài đặt, bạn có thể muốn bổ sung thêm các font từ các nhà cung cấp nhóm thứ ba hay các Web site. Để cài đặt một font mới, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Fonts.
2. Khi cửa sổ Fonts xuất hiện, chọn File, Install New Font.
3. Khi hộp thoại Add Fonts xuất hiện, chọn ổ đĩa và folder có chứa các font mà bạn muốn cài đặt.
4. Các font có sẵn tại vị trí mà bạn đã xác định đều được liệt kê bây giờ. Hãy chọn các font mà bạn muốn bổ sung.

Thủ thuật

Để chọn nhiều font, hãy nhấn giữ phím Ctrl trong khi nhấp thêm các font.

5. Chọn hộp kiểm Copy Fonts to Fonts Folder.
6. Nhấp OK để bổ sung các font mà bạn đã chọn.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể cài đặt các font một cách trực tiếp từ My Computer. Chỉ việc sao chép các font file mới từ một đĩa cài đặt và dán chúng vào folder \Windows\Fonts.

Cảnh báo

Việc cài đặt quá nhiều font trên hệ thống không chỉ sử dụng nhiều khoảng trống đĩa mà nó còn sử dụng hết bộ nhớ hệ thống và làm cho hệ thống chạy chậm hơn bình thường.

Nếu hệ thống của bạn chạy hơi chậm, bạn có thể loại bỏ một số font chưa sử dụng, điều này sẽ cải tiến hoạt động của hệ thống và giải phóng một số khoảng trống đĩa.

Loại bỏ các font không cần thiết

Nếu bạn nhận thấy bạn đã cài đặt quá nhiều font trên hệ thống hay các font mà bạn hiếm khi sử dụng, bạn có thể sử dụng Control Panel để xóa các file font này ra khỏi hệ thống.

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Fonts.
2. Khi cửa sổ Fonts xuất hiện, nhấp phải biểu tượng của font mà bạn muốn xóa và chọn Delete từ menu bật lên.
3. Windows hỏi bạn có chắc chắn muốn xóa font này hay không. Chọn Yes để xóa, và file font được hủy cài đặt ra khỏi hệ thống và được gởi đến Recycle Bin.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể xóa các font một cách trực tiếp từ My Computer. Chỉ việc chọn một file font từ folder \Windows\Fonts rồi chọn Delete This File.

Cấu hình các cài đặt hệ thống khác

Có nhiều cài đặt khác mà bạn cần biết.

Cài đặt lại ngày tháng và thời gian

Thời gian và ngày tháng của hệ thống sẽ được tự động cài đặt khi Windows XP được cài đặt lần đầu tiên. Nếu bạn thấy rằng bạn cần thay đổi hoặc xác lập lại các cài đặt ngày tháng và thời gian, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp phải biểu tượng Date and Time.
2. Khi trình tiện ích Data and Time Properties xuất hiện, hãy chọn tab Date & Time (được minh họa ở hình 2.24).

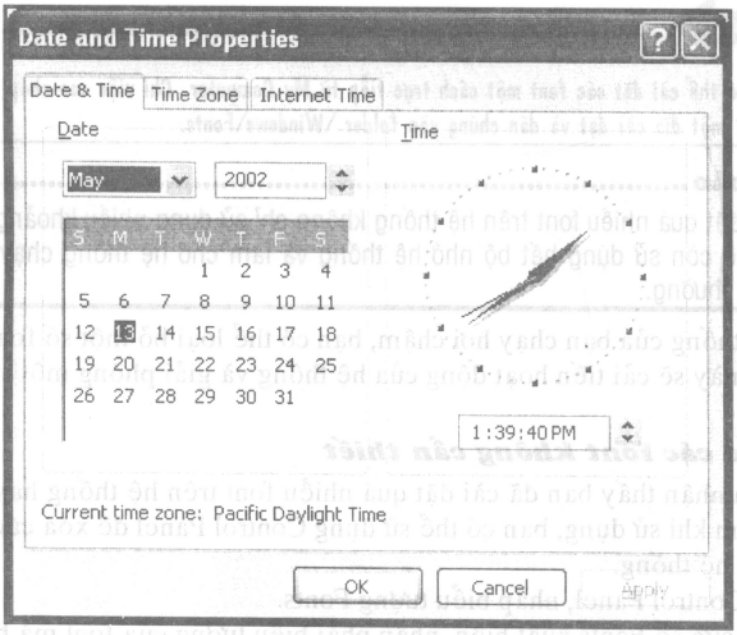

Hình 2.24 Nhấp biểu tượng Date and Time để cài đặt ngày tháng và thời gian của hệ thống.

3. Chọn tháng và năm chính xác từ các danh sách xổ xuống, nhấp đúng ngày trong tháng trên lịch và cài đặt đúng thời gian trên đồng hồ.
4. Bây giờ chọn tab Time Zone. Chọn múi giờ chính xác từ danh sách xổ xuống. Đối với hầu hết các tiểu bang, bạn cũng nên chọn Automatically Adjust Clock for Daylight Saving Changes.
5. Nếu bạn muốn tự động cài đặt đồng hồ của PC từ một server thời gian trên Internet, hay chọn tab Internet Time rồi chọn tùy chọn Automatically Synchronize With an Internet Time Server. Bạn có thể chọn trong số các server khác nhau được liệt kê trong danh sách xổ xuống Server.
6. Nhấp OK.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể truy cập trình tiện ích Date/Time Properties bằng cách nhấp đôi vào thời gian trong System Tray.

Thay đổi các cài đặt vùng

Theo mặc định, các bản sao của Windows XP được bán ở các nước nói tiếng Anh, được cấu hình theo dạng tiền tệ và số của Mỹ. Bằng cách thay đổi các đặc tính cài đặt vùng của XP, bạn có thể chuyển đổi giữa các tập hợp ký tự quốc tế khác nhau, các dạng số, các dạng tiền tệ, và các dạng hiển thị ngày tháng và thời gian. Về mặt cơ bản, điều này cài đặt Windows XP để sử dụng ở các nước khác.

Cảnh báo

Việc thay đổi các dạng ngôn ngữ và quốc gia không làm thay đổi ngôn ngữ được sử dụng trong các menu và hộp thoại của Windows. (Vì điều đó, bạn cần một phiên bản có ngôn ngữ cục bộ của Windows.) Tuy nhiên, nó ảnh hưởng đến dữ liệu trong các trình ứng dụng vốn tận dụng các đặc tính theo vùng.

Để thay đổi các cài đặt vùng của Windows XP, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Regional and Language Options.
2. Khi trình tiện ích Regional and Language Options xuất hiện, hãy chọn tab Region Options để chọn vùng của bạn.
3. Chọn tab Languages để chọn một ngôn ngữ nhập khác.
4. Chọn tab Advanced để chọn các ngôn ngữ cho các chương trình không phải Unicode và các bản chuyển đổi trang mã.
5. Nhấp OK khi hoàn tất.

Cá nhân hóa nhiều hơn với Tweak UI

Tweak UI là một trình tiện ích của Microsoft cho phép bạn tạo tùy biến thêm nền desktop vượt ngoài những gì mà Windows XP thường cho phép bạn thực hiện.

Mặc dù nó được phát triển bởi các kỹ sư Microsoft, Tweak UI không được đính kèm với Windows XP. Thay vào đó, bạn phải tải nó xuống từ Web site của Microsoft và cài đặt riêng nó.

Khi Tweak UI được cài đặt, biểu tượng Tweak UI được tự động thêm vào Control Panel. Điều này sẽ giúp bạn khởi động trình tiện ích này khi bạn muốn cấu hình lại một tham số nào đó của hệ thống.

Ghi chú

Microsoft đang làm việc trên một phiên bản Windows XP của Tweak UI, mà sẽ có sẵn trước thời điểm mà bạn đọc nó. Nó sẽ là một phần của Windows XP PowerToys, một tập hợp các trình tiện ích mà tất cả những người sử dụng thành thạo sẽ cảm thấy cực kỳ hữu dụng. Kiểm tra site Windows XP chính thức của Microsoft (www.microsoft.com/windowsxp/) để biết thêm chi tiết về việc tải xuống Tweak UI và Windows XP PowerToys.

Hãy thực hiện các bước sau đây để cài đặt và chạy chương trình:

1. Định hướng bộ trình duyệt Web của bạn sang www.microsoft.com/ntworkstation/downloads/PowerToys/Networking/NTTweakUI.asp và nhấp liên kết Download Now.
2. Sau khi file được tải xuống, sử dụng My Computer để định hướng sang file được tải xuống. (Nó có thể được lưu trong folder \Windows\temp\). Nhấp phải file để trích các file chương trình.
3. Nhấp phải file tweakui.inf và chọn Install từ menu bật lên.
4. Nếu tiến trình cài đặt Tweak UI mở ra một cửa sổ Help, hãy đóng nó lại. Sau đó mở Control Panel rồi nhấp biểu tượng Tweak UI để khởi chạy trình tiện ích Tweak UI.

5. Nhấp các tab được mô tả trong bảng 2.4 và thực hiện các lựa chọn mà bạn muốn.
6. Nhấp OK để áp dụng các thay đổi và đóng trình tiện ích.

Bảng 2.4 Các cài đặt Tweak UI

Tab	Mô tả
Desktop	Xác định các biểu tượng hệ thống chuẩn nào được hiển thị trên desktop của bạn. Đây là cách để loại bỏ các biểu tượng đã được cài đặt sẵn - chẳng hạn như biểu tượng của Microsoft Network mà bạn không thể xóa được theo cách thông thường.
My Computer	Xác định các ổ đĩa nào được hiển thị trong cửa sổ My Computer, và vị trí của các folder Windows đặc biệt.
Control Panel	Xác định các biểu tượng nào được hiển thị trong Windows Control Panel, một cách thú vị để che giấu các trình tiện ích ít được sử dụng.
Logon	Cho phép bạn tự động nối kết với mạng của bạn lúc khởi động hệ thống và loại bỏ nhu cầu gõ nhập tên người dùng và password của bạn mỗi lần bạn khởi động máy tính.
New	Bổ sung hay loại bỏ các hạng mục ra khỏi menu con New được hiển thị khi bạn nhấp phải nền desktop. Menu con New cho phép bạn tạo các tài liệu mới có các kiểu đã chọn.
Mouse	Định chuẩn tốc độ và độ nhạy rê và nhấp đôi của chuột. Bạn cũng có thể chọn bất kỳ cửa sổ nào mà chuột được đặt trên đó là cửa sổ hoạt động (tùy chọn Activation Follows Mouse), và chọn cách mà bạn sử dụng bánh xe chuột để cuộn.
General	Mở hay tắt các hiệu ứng Windows khác nhau (chẳng hạn như hoạt hình cửa sổ và chế độ cuộn dễ dàng).
Explorer	Thay đổi cách hiển thị các bước tắt trên nền desktop (với các mũi tên nhỏ, mũi tên lớn, không có mũi tên, hay một biểu tượng tùy ý) và mở hay tắt tiền tố "Shortcut to" trên các bước tắt mới. Tab này làm cho Tweak UI trở nên có giá trị.
IE	Mở hay tắt các cài đặt Internet khác nhau, kể cả tính năng phát hiện các thao tác nhấp đôi.
Add/Remove	Loại bỏ các danh sách ra khỏi danh sách các chương trình đã cài đặt trong trình tiện ích Add/Remove Programs. Điều này hoàn toàn hữu dụng nếu việc xóa bằng tay một chương trình để lại

	danh sách của nó trong danh sách Add/Remove Programs.
Boot	Mở hay tắt các tùy chọn khác nhau của cách hoạt động Windows lúc khởi động. Bạn có thể làm cho các phím chức năng có sẵn trong một số giây đã cài đặt sẵn, tự động khởi động Windows GUI, hiển thị màn hình splash của Windows trong khi tải, cho phép phím F4 khởi động một hệ điều hành khác và luôn hiển thị menu boot. Bạn cũng có thể chọn cách chạy ScanDisk lúc khởi động nếu bạn gặp một sự cố hệ thống.
Repair	Tạo lại bất kỳ biểu tượng bị hư hỏng trên nền desktop, cũng như sửa chữa bất kỳ file hệ thống bị hỏng hoặc bị ghi đè, cài đặt lại Registry Editor với các tham số mặc định của nó, và phục hồi các biểu tượng kiểu file mặc định và các liên kết. Đây là một công cụ thú vị trong trường hợp hệ thống của bạn gặp những sự cố mà bạn không thể sửa chữa.
Paranoia	Xóa các cơ chế theo dõi hệ thống khác nhau (các cài đặt Run history, Document history, Find Files history, Find Computer history, Internet Explorer history, và Last User). Cũng mở hay tắt tính năng mở tự động các CD âm thanh hay dữ liệu và tính năng nhập các lỗi vào các file FAULTLOG.TXT.

Ngày nay Windows XP kết nhập một số chức năng mà trước đây chỉ có sẵn với Tweak UI. Ngay cả với một sự sao chép nhỏ, Tweak UI vẫn cung cấp nhiều tùy chọn không có sẵn trong hệ điều hành.

Làm cho Windows XP có diện mạo và cách hoạt động giống như Windows 9X/Me

Nếu bạn không thích diện mạo và cách hoạt động mới của Windows XP, thì bạn có thể làm cho giao diện Windows XP tương tự như giao diện "cổ điển" mà bạn đã quen sử dụng.

Sau đây là cách thực hiện điều này:

1. Mở trình tiện ích Display Properties, chọn tab Themes, chọn Windows Classic từ danh sách xổ xuống, và nhấp Apply.
2. Chọn tab Desktop, chọn Windows 2000 Background, và nhấp Apply.
3. Chọn tab Appearance, chọn Windows Classic Windows and Buttons và Windows Classic Color Scheme, và nhấp Apply.
4. Nhấp nút Effects và hủy chọn các tùy chọn sau đây: Use the Following Fade Effect for Menus and Tooltips, Use the Following Method to Smooth Screen Fonts, Show Shadows Under Menus, và Hide Underlined Letters ... Nhấp OK khi thực hiện xong.

5. Nếu bạn muốn thay đổi các font của các hạng mục desktop riêng lẻ, hãy nhấp nút Advanced để hiển thị hộp thoại Advanced Appearance, như được minh họa ở hình 2.25. Thực hiện các thay đổi đối với các hạng mục riêng lẻ, rồi sau đó nhấp OK.

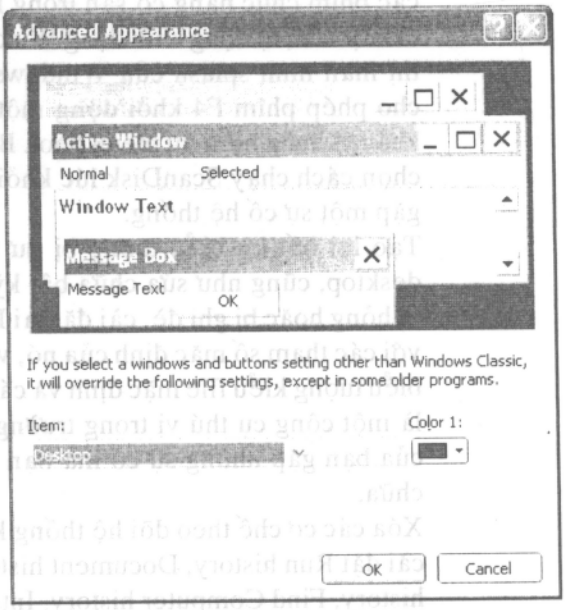

Hình 2.25 Khi bạn chọn theme Windows Classic và sơ đồ màu, bạn có thể thay đổi màu riêng cho mỗi thành phần desktop.

6. Nhấp OK để đóng trình tiện ích Display Properties, rồi mở trình tiện ích System Properties.
7. Chọn tab Advanced rồi sau đó nhấp nút Settings (trong phần Performance). Khi hộp thoại Performance Options xuất hiện, hãy chọn tab Visual Effects rồi nhấp nút Best Performance. Nhấp OK để đóng hộp thoại này, và sau đó nhấp OK một lần nữa để đóng trình tiện ích System Properties.
8. Mở Control Panel và nhấp tùy chọn Switch to Classic View.
9. Từ Control Panel, chọn Tools, Folder Options. Chọn tab General rồi chọn các tùy chọn Use Windows Classic Folders và Double-Click to Open an\Item, rồi sau đó nhấp Apply.
10. Chọn tab View và hủy chọn các tùy chọn sau đây: Show Pop-Up Animation for Folder and Desktop Items, và Use Search Companion for Searching. Nhấp nút Like Current Folder, và sau đó nhấp OK.
11. Nhấp phải nút Start và chọn Properties. Khi hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, chọn tab Start, chọn tùy chọn Classic Start Menu rồi sau đó nhấp Apply.
12. Chọn tab Taskbar và sau đó hủy chọn các tùy chọn sau đây: Group Similar Taskbar Buttons, và Hide Inactive Icons. Nhấp OK khi đã hoàn tất.
13. Mở My Documents, nhấp phải vào bất kỳ vị trí nào trong vùng file, chọn Arrange Items By từ menu bật lên, và hủy chọn Show In Groups.

Nếu bạn thực hiện tất cả bước này, Windows XP có diện mạo và cách hoạt động rất giống với Windows 98 hay Windows Me (xem hình 2.26). Thực tế là bạn phải cấu hình lại quá nhiều cài đặt mới có thể biết được Microsoft đã thay đổi bao nhiêu trong Windows XP.

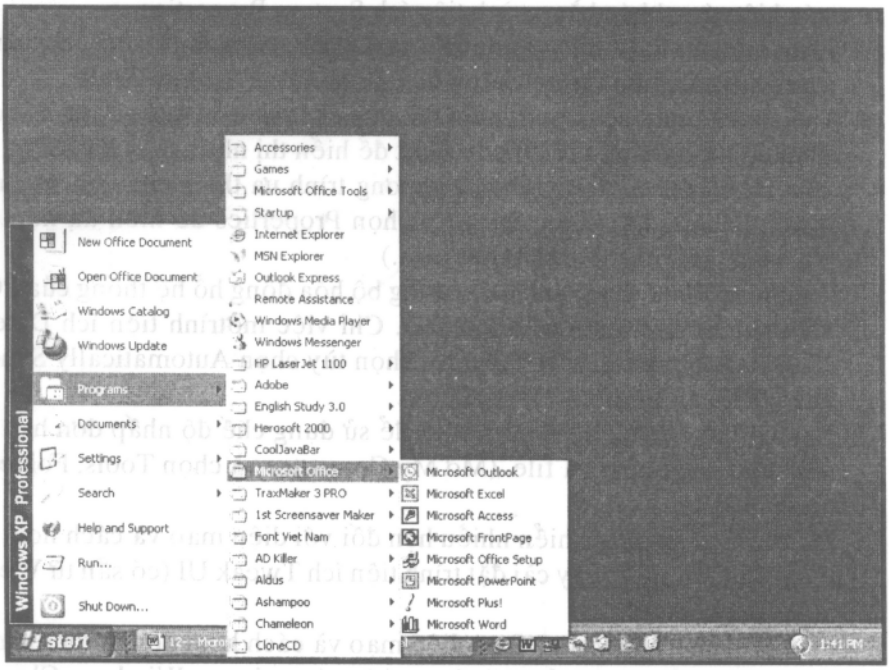

Hình 2.26 Windows 98 hay Windows XP có được cấu hình lại để trông giống như Windows 98 hay không?

Thủ thuật

Nếu bạn không muốn hoàn tất toàn bộ tiến trình này, chỉ việc thực hiện các bước 1, 2, và 3. Điều này sẽ thay đổi các phần chính của giao diện trở về kiểu Windows "cổ điển", điều này đủ tốt cho hầu hết những người sử dụng.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Sau đây là mười điều quan trọng nhất mà bạn cần nhớ về việc cấu hình bản sao của Windows XP:

1. Hầu hết các cài đặt cấu hình của Windows XP được tìm thấy ở một nơi nào đó trong Control Panel. (Trình tiện ích Display Settings là một nơi tốt để tìm kiếm.)
2. Control Panel của Windows XP đã được thiết kế lại để có một phương pháp dựa vào tác vụ mặc dù bạn có thể chuyển nó trở về diện mạo truyền thống của nó bằng cách nhấp liên kết Switch to Classic View.
3. Với Windows XP, bạn có thể thay đổi toàn bộ desktop theme, nền desktop

và sơ đồ màu. Bạn không thể thay đổi các màu của các thành phần desktop riêng lẻ.

4. Nhiều hiệu ứng đặc biệt trong XP làm cho diện mạo trông tinh vi hơn. Một số hiệu ứng này được truy cập bằng trình tiện ích Display Properties, và các hiệu ứng khác bằng trình tiện ích System Properties.
5. Theo mặc định, Windows gom nhóm như các hạng mục trên Taskbar - và che giấu các biểu tượng không hoạt động trong System Tray.
6. Theo mặc định, menu Start hiển thị năm chương trình hoạt động sau cùng. Bạn có thể tạo tùy biến menu Start để hiển thị nhiều hay ít chương trình hơn và để thêm vĩnh viễn các chương trình ưa thích của bạn vào menu Start. (Nhấp phải menu Start rồi chọn Properties để hiển thị hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties.)
7. Windows XP bổ sung tính năng đồng bộ hóa đồng hồ hệ thống của PC với một server thời gian trên Internet. Chỉ việc mởtrình tiện ích Date and Time, chọn tab Internet Time rồi chọn tùy chọn Automatically Synchronize With an Internet Time Server.
8. Bạn có thể cấu hình Windows XP để sử dụng chế độ nhấp đơn hay nhấp đôi các biểu tượng và file. (Mở My Computer và chọn Tools, Folder Options.)
9. Để có được sự điều khiển nhiều hơn đối với diện mạo và cách hoạt động của Windows XP, hãy cài đặt trình tiện ích Tweak UI (có sẵn từ Web site của Microsoft).
10. Để làm cho Windows XP có diện mạo và cách hoạt động tương như như các phiên bản trước của Windows, hãy chọn theme Windows Classic và sơ đồ màu, và sau đó di chuyển qua tất cả các tùy chọn cấu hình và thực hiện các thay đổi nhỏ khi cần thiết.

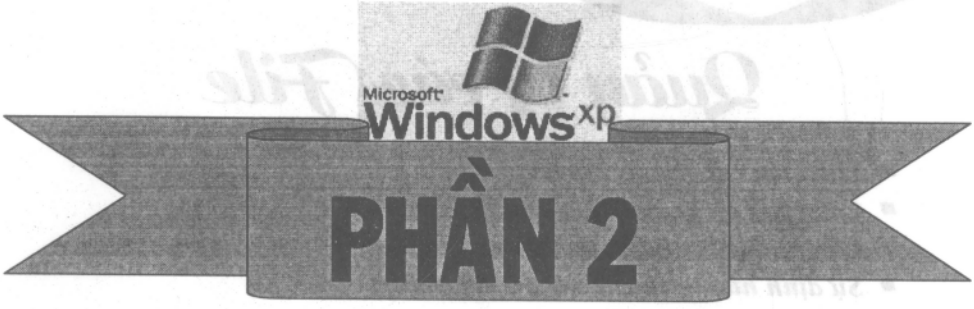

Làm việc với các File, chương trình và các thiết bị ngoại vi

3. Quản lý các file
4. Chạy các chương trình
5. Điều khiển máy in
6. Bổ sung phần cứng mới



Quản lý các File

- *Tìm hiểu các file và Folder*
- *Các công cụ quản lý file của Windows Xp*
- *Cấu hình các khung xem File và Folder*
- *Sự định hướng và các hoạt động cơ bản*
- *Sự quản lý file cơ bản*
- *Nén và giải nén các file*
- *Làm việc với các kiểu file và các phần kết hợp*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Mỗi người sử dụng máy tính phải làm việc với các file. Dù bạn đang tải xuống các file MP3 từ Internet hay chia sẻ các tài liệu Word với bạn bè hay đồng nghiệp, bạn cần biết nhiều tác vụ cơ bản liên quan đến file. Bạn phải biết cách sao chép các file, xóa các file, di chuyển các file, và đặt lại tên cho các file. Và bạn phải biết các công cụ quản lý file nào cần sử dụng để thực hiện các tác vụ này.

Thật ra Windows XP không bổ sung điều gì mới về các thao tác mà bạn có thể thực hiện với các file. Thay vào đó bạn có thể bổ sung một cách dễ dàng hơn nhiều để thực hiện các tác vụ quản lý file cơ bản. Mọi thứ mà bạn cần thực hiện đều có sẵn, chứ không bị ẩn sâu các menu xổ xuống hay che khuất các lệnh nhấp phải.

Ngoài ra, Windows XP cố cho bạn biết những gì cần thực hiện khi bạn chọn một file. Chẳng hạn, nếu bạn chọn một file ảnh, bạn sẽ thấy một danh sách các thao tác liên quan đến hình ảnh. Nếu bạn chọn một file MP3, bạn sẽ thấy một danh sách gồm các thao tác liên quan đến âm thanh. Điều này sẽ giúp ít cho bạn rất nhiều khi bạn cần thực hiện các thao tác nhất định.

Tìm hiểu các File và Folder

Các file và folder trên máy tính giống như các file và folder trong một tủ đựng hồ sơ thông thường. Máy tính là tủ đựng hồ sơ, và nó chứa các folder vốn chứa các file riêng lẻ.

Trên máy tính, mỗi file và folder có một tên duy nhất và nó chiếm một vị trí riêng biệt. Một tên file gồm có một tên chính và một "phần mở rộng" gồm ba ký tự, được cách nhau bởi một dấu chấm. Một tên file tiêu biểu là file.ext.

Các phần mở rộng thường được nhận biết bởi các kiểu file nhất định. Chẳng hạn, các tài liệu Microsoft có một phần mở rộng .dot. Bất kỳ khi nào bạn nhìn thấy một file có phần mở rộng .dot, bạn biết đó là một tài liệu Word.

Ghi chú

Trước Windows 95, các tên file được giới hạn với tám ký tự chính cộng với một phần mở rộng gồm ba ký tự. Bây giờ Windows không còn giới hạn "8 + 3" này nữa. Các tên file có thể chứa đến 255 ký tự, và có thể sử dụng các khoảng trống cũng như các ký tự đặc biệt.

Các File được lưu trữ trên đĩa của bạn trong các folder. Một folder có thể chứa cả các file và folder bổ sung. (Một folder nằm trong một folder được gọi là folder con).

Vị trí chính xác của một file được gọi là đường dẫn và chứa tất cả các folder dẫn đến file. Chẳng hạn một file có tên là filename.doc nằm trong folder hệ thống vốn được chứa trong folder Windows trên ổ đĩa C:\ có một đường dẫn giống như sau: c:\Windows\system\filename.doc.

Việc học cách sử dụng các file và folder là một kỹ năng cần thiết đối với tất cả những người sử dụng máy tính. Bạn có thể cần sao chép các file từ folder này sang folder khác, hay từ đĩa cứng sang đĩa mềm. Thỉnh thoảng, bạn cũng cần xóa các file.

Bất kỳ khi nào bạn phải làm việc trực tiếp với các file hay folder, bạn sử dụng một trong các công cụ quản lý file của Windows XP hay các folder Windows ở cấp độ cao hơn. Bạn sẽ học cách sử dụng mỗi công cụ này trong phần kế tiếp.

Các công cụ quản lý File của Windows XP

Tất cả các công cụ quản lý file chính trong Windows XP đều có diện mạo và hoạt động rất giống nhau, cho dù bạn đang sử dụng My Computer hay My Document (hay bất kỳ folder hệ thống khác). Nó giống như bất kỳ một công cụ duy nhất có nhiều giao diện-và mỗi giao diện được tạo tùy biến cho tác vụ riêng của nó!

My Computer

Công cụ quản lý file chính trong Windows XP là My Computer. Bạn có thể mở My Computer từ biểu tượng trên nền màn hình của nó hay từ menu Start.

My Computer cho phép bạn quản lý các ổ đĩa cứng, các ổ đĩa mạng đã ánh xạ, các ổ đĩa thiết bị ngoại vi, các folder, và các file. Như bạn có thể nhìn thấy ở hình 3.1, My Computer của Windows XP hoàn toàn khá với My Computer trong các phiên bản trước đây của Windows.

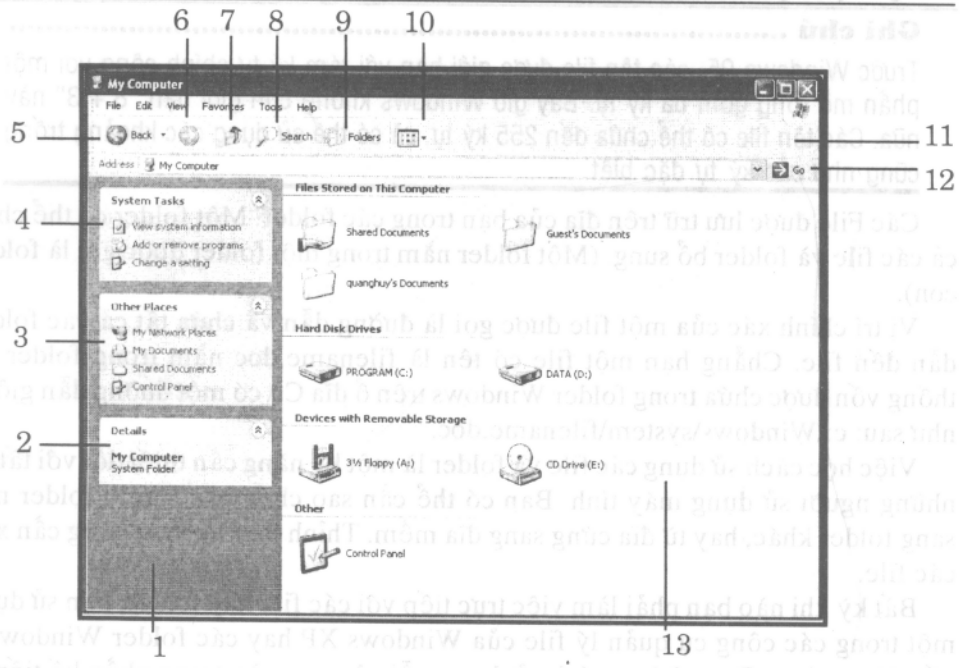

1. Ô hoạt động chính; 2. Các chi tiết về hạng mục được chọn; 3. Các nơi khác; 4. Danh sách tác vụ; 5. Xem hạng mục; 6. Xem hạng mục kế tiếp; 7. Xem lên cấp độ kế tiếp; 8. Tìm các file; 9. Hiển thị ô folder; 10. Thay đổi khung xem các hạng mục; 11. Thanh công cụ; 12. Một địa chỉ; 13. Các thiết bị, ổ đĩa và folder

Hình 3.1 Sử dụng My Computer để truy cập tất cả các thiết bị gắn với hệ thống của bạn.

Theo mặc định, tất cả các thiết bị trên máy tính của bạn được hiển thị và sắp xếp theo loại ở ô bên phải. Ô bên trái là trung tâm hoạt động hiển thị các tác vụ chính, một danh sách Other Places (các công cụ quản lý file khác), và các chi tiết về một hạng mục được chọn.

Thủ thuật

Bạn có thể điều chỉnh chiều rộng của ô trung tâm hoạt động bằng cách nhấp vào mép phải của ô và rê nó để định lại kích cỡ. Bạn có thể mở bất kỳ thiết bị, ổ đĩa hay folder nào bằng cách nhấp vào biểu tượng của nó. Khi bạn mở một hạng mục, các nội dung của nó được hiển thị ở bên phải.

Khi bạn đặt cursor trên một biểu tượng My Computer hiển thị các chi tiết về hạng mục đó trong một Details của trung tâm hoạt động. Danh sách Task cũng thay đổi để phản ánh các tác vụ cụ thể của hạng mục được chọn.

Thanh công cụ ở đầu My Computer giống như thanh công cụ được hiển thị trong tất cả các công cụ quản lý file của Windows XP. Từ thanh công cụ này bạn có thể thực hiện các thao tác sau đây:

- Trở lại hạng mục trước mà bạn đã xem
- Tới hạng mục kế tiếp
- Lên một cấp độ trong hệ thống phân cấp folder

- Tìm kiếm các file hay folder (hiển thị Search Companion)
- Hiển thị một danh sách các folder trong cây phân cấp "cây file"
- Thay đổi khung xem các hạng mục ở ô bên phải

Bạn cũng có thể sử dụng My Computer để sử dụng bộ trình duyệt Web bằng cách nhập URL dành cho một trang Web vào hộp Address. Khi bạn nhập một URL và nhấn Enter, Windows nối kết với Internet (nếu bạn chưa được nối kết) và đưa bạn đến trang được chỉ định.

Windows Explorer

Phiên bản trước của Windows, Windows Explorer là một công cụ quản lý file hiển thị các file trong một "cây" phân cấp. Tuy nhiên trong Windows XP, Windows Explorer không còn tồn tại nữa. Nghĩa là không còn biểu tượng dành cho nó, và ở bất kỳ nơi nào và không có nơi nào dành cho nó trên menu Start.

Đó là bởi vì cây phân cấp Windows Explorer cũ bây giờ có thể được hiển thị trong My Computer. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp vào nút folder trên thanh công cụ My Computer. Như bạn có thể nhìn thấy ở hình 3.2, ô trung tâm hoạt động nằm trượt ra ngoài và được thay bằng một "cây file" liệt kê tất cả các thiết bị, file và các folder trên hệ thống của bạn.

Nhiều người sử dụng thích phương pháp quản lý các file và folder này hơn bởi vì nó cung cấp hai ô để bạn làm việc với các file và folder. Ô folder bên trái chứa tất cả các thiết bị và folder trên hệ thống, theo một cấu trúc giống như hình cây. Ô bên phải hiển thị tất cả các nội dung của bất kỳ các hạng mục nào được chọn trong ô folder.

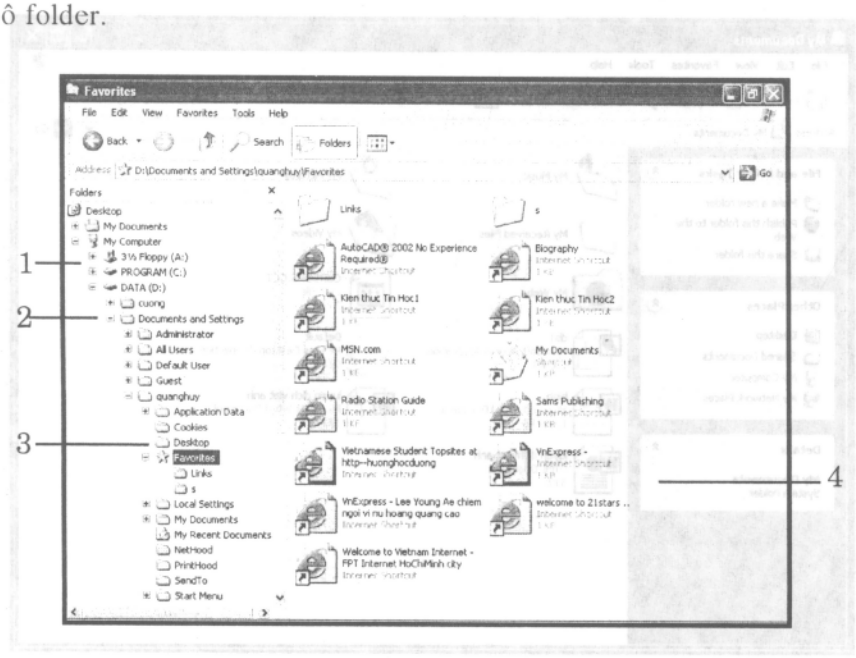

1. Nút Expand folder; 2. Nút Collape folder; 3. Ô Folder; 4. Ô Contents

Hình 3.2 Thay đổi My Computer để nó có diện mạo giống như Windows Explorer bằng cách hiển thị ô Folders.

Trong ô folder, các ổ đĩa hay folder có chứa các ô folder khác có một dấu "+" bên cạnh chúng. Nhấp vào dấu này để mở rộng các folder. Khi ổ đĩa hay folder hoàn toàn được mở rộng, dấu "+" thay đổi thành dấu "-"; nhấp vào dấu"-" để thu hẹp các nội dung trở lại.

My Document và các Folder Windows khác

Windows XP cố nhóm các kiểu file người dùng liên quan vào các folder chính. Các tài liệu cơ bản (dành cho Word, Excel, và các trình ứng dụng khác) được nhóm vào folder My Document. Các file ảnh được nhóm vào folder My Pictures. MP3 và các file audio khác được nhóm vào folder My Music. Các file video kỹ thuật số được nhóm vào folder My Videos. Và các trang Web do người dùng tạo được nhóm vào folder My Web.

Các folder Windows ở cấp độ cao này có nhiều điểm hấp dẫn về chúng. Trước tiên, chúng có diện mạo và hoạt động giống như My Computer-bao gồm cả các ô trung tâm hoạt động mới. Thứ hai, ngoài danh sách Task chuẩn, một số folder này (cụ thể là My Music và My Pictures) có chứa một danh sách bổ sung gồm các tác vụ liên quan đến kiểu file của chúng. Thứ ba, giống như My Computer, bạn có thể chọn một ô folder thay vì ô trung tâm hoạt động bình thường.

Trước tiên chúng ta sẽ xem xét My Document. Hình 3.3 minh họa một folder My Document tiêu biểu. Trong hình này, các folder con nằm trong My Document được nhóm theo tên. Chọn một folder và các chi tiết chính sẽ hiển thị trong một Details của trung tâm hoạt động.

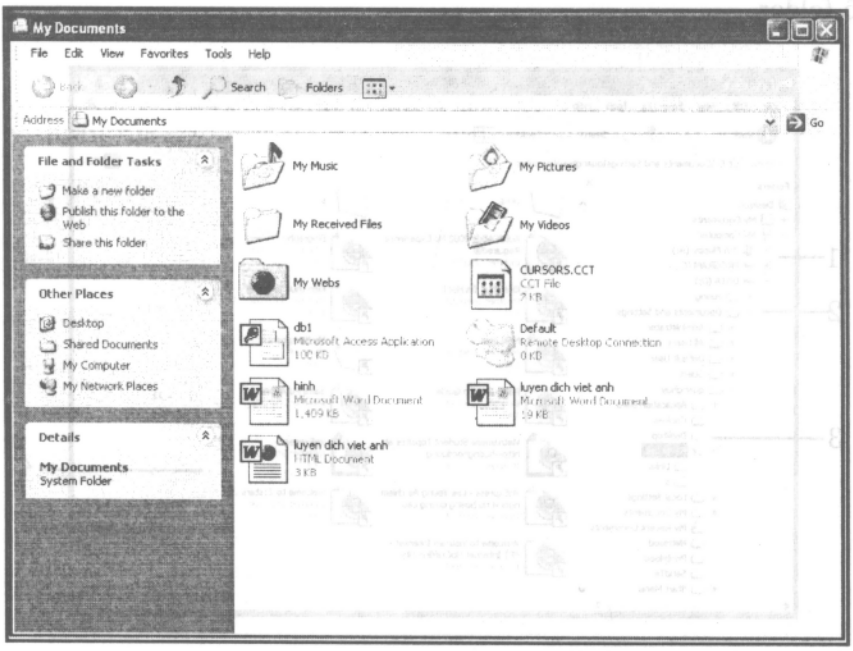

Hình 3.3 My Document có diện mạo và hoạt động giống như My Computer, ngoại trừ việc nó hiển thị các file và folder do người dùng tạo.

Hình 3.4 minh họa một folder khác được hiển thị từ trong My Document. Ở đây, bạn có thể nhìn thấy diện mạo của các file khác nhau, cũng như các mục

Task và Details của trung tâm hoạt động đã thích nghi như thế nào. Trong khung xem này, My Document giống như My Computer. (Thật ra chúng là một công cụ!)

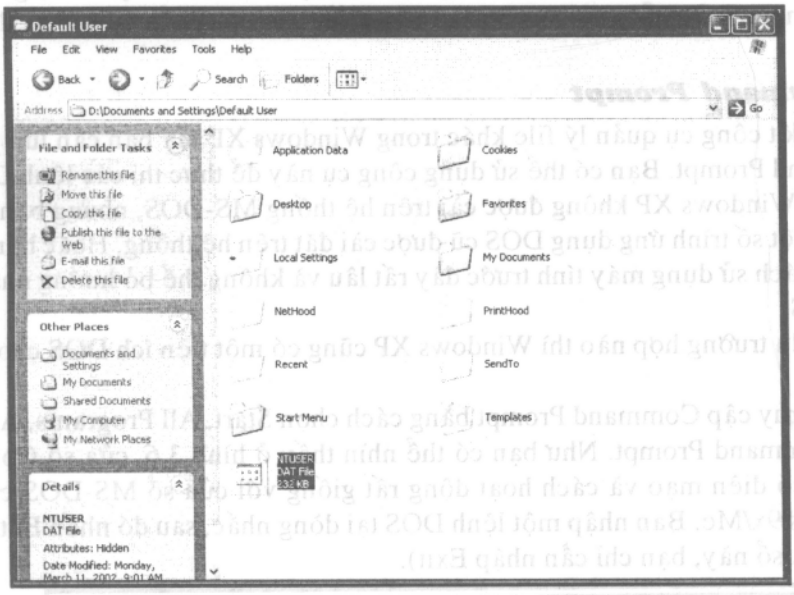

Hình 3.4 Các file riêng lẻ trong folder My Document.

My Pictures, như minh họa ở hình 3.5 là folder con của My Document. Như bạn có thể nhận thấy các file ảnh được hiển thị ở dạng các thumbnails (thay vì các biểu tượng file). Có một Pictures Task mới trong ô trung tâm hoạt động, và một Details cũng hiển thị thumbnailds được chọn cùng với thông tin ảnh chính.

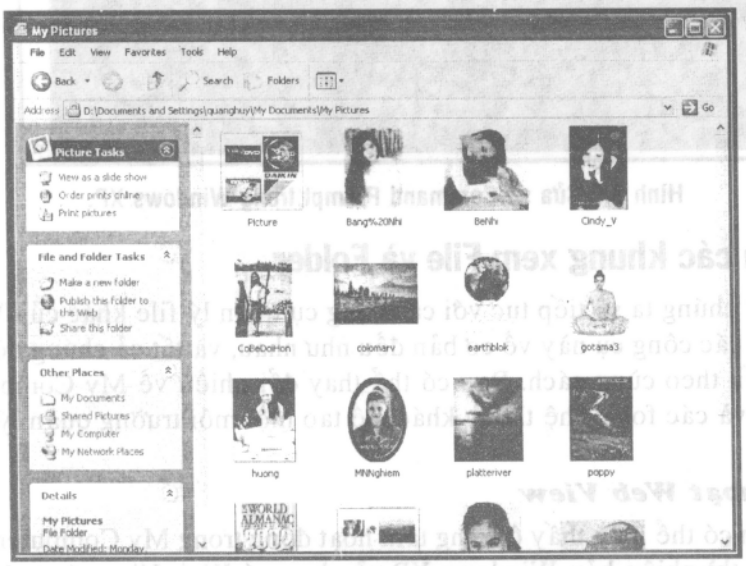

Hình 3.5 My Computer là một biến đổi của My Document, đặc trưng của các file ảnh.

Ghi chú

Xem chương 11 để tìm hiểu thêm thông tin về My Computer.

Các folder khác ở cấp độ cao (My Music, My Video, và My Web) giống như My Computer ở chỗ chúng được tạo tùy biến cho các kiểu file nhất định của chúng.

Command Prompt

Có một công cụ quản lý file khác trong Windows XP mà bạn cần lưu ý, đó là Command Prompt. Bạn có thể sử dụng công cụ này để thực thi các lệnh DOS cũ. Mặc dù Windows XP không được cài trên hệ thống MS-DOS, nhưng bạn vẫn có thể có một số trình ứng dụng DOS cũ được cài đặt trên hệ thống. Hoặc bạn có thể đã học cách sử dụng máy tính trước đây rất lâu và không thể bỏ hướng nhận lệnh của DOS.

Cho dù trường hợp nào thì Windows XP cũng có một tiện ích DOS cho bạn sử dụng.

Bạn truy cập Command Prompt bằng cách chọn Start, All Programs, Accessories, Command Prompt. Như bạn có thể nhìn thấy ở hình 3.6, cửa sổ Command Prompt có diện mạo và cách hoạt động rất giống với cửa sổ MS-DOS cũ trong Windows 9x/Me. Bạn nhập một lệnh DOS tại dòng nhắc, sau đó nhấn Enter. (Để đóng cửa sổ này, bạn chỉ cần nhập Exit).

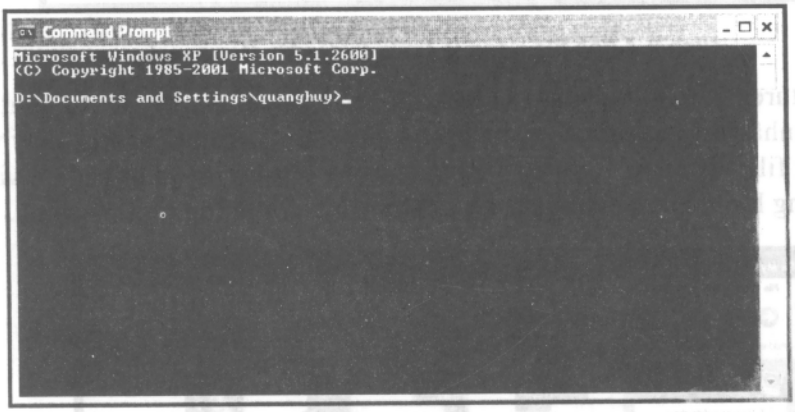

Hình 3.6 Cửa sổ Command Prompt trong Windows XP.

Cấu hình các khung xem File và Folder

Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục với các công cụ quản lý file khác của Windows XP. Tất cả các công cụ này về cơ bản đều như nhau, và tất cả chúng đều có thể tạo tùy biến theo cùng cách. Bạn có thể thay đổi nhiều về My Computer, My Document và các folder hệ thống khác, để tạo một môi trường quản lý file của riêng bạn.

Kích hoạt Web View

Nếu bạn có thể nhìn thấy ô trung tâm hoạt động trong My Computer hay My Document, thì phiên bản Windows XP của bạn có Web View được bật. Web View cho phép hiển thị mỗi folder với nội dung HTML tùy biến, giống như bạn

có thể nhìn thấy trên Word Wide Web. (Thật ra ô trung tâm hoạt động được tạo bởi mã HTML.) Để tận dụng toàn bộ ưu điểm của Windows XP, bạn cần kích hoạt Web View.

Để mở hoặc tắt Web View, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trong folder bất kỳ, chọn Tools, Options.
2. Khi hộp thoại Folder Option, hãy chọn nhãn General (như minh họa ở hình 3.7).

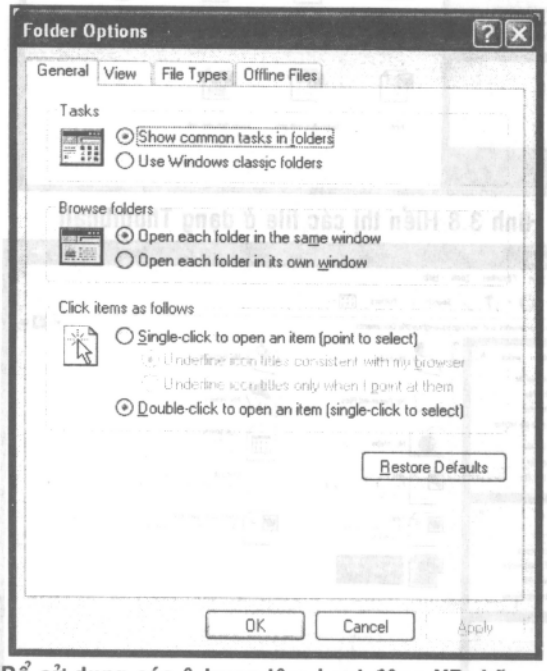

Hình 3.7 Để sử dụng các ô trung tâm hoạt động XP, hãy mở Web View.

3. Trong một Web View, hay chọn tùy chọn Enable Web Content in Folders.
4. Nhấp OK.

Ngoài ra, việc kích hoạt Web View cho Web, bạn xử lý tất cả các biểu tượng file và folder như bạn thực hiện với tất cả các đối tượng trên một trang Web. Thay vì nhấp đúp để khởi động một đối tượng bây giờ bạn có thể nhấp đơn. Chỉ cần chọn tùy chọn Single-Click to Open an Object.

Thay đổi cách hiển thị các file

Bạn có thể chọn xem các nội dung của một folder theo nhiều cách khác nhau. Chỉ cần nhấp nút View và chọn các tùy chọn sau đây:

- **Thumbnails**-Phù hợp nhất với các file ảnh, như minh họa ở hình 3.8.
- **Tiles**-Các biểu tượng lớn với các chi tiết file được chọn, như minh họa ở hình 3.9
- **Icon**-Các biểu tượng nhỏ không có chi tiết file nào như minh họa ở hình 3.10
- **List**-Các tên file không có chi tiết nào, như minh họa ở hình 3.11
- **Details**-Các tên file với các chi tiết được chọn, như minh họa ở hình 3.12

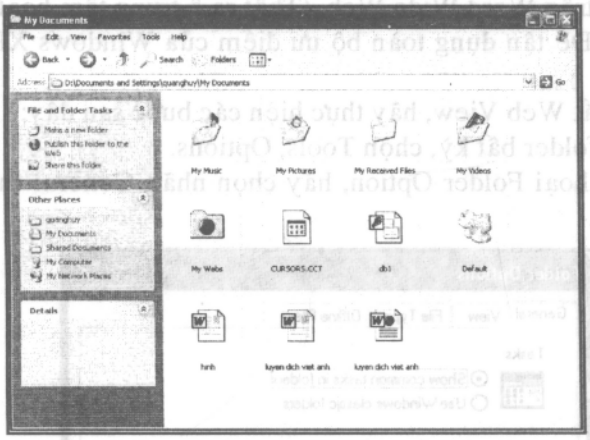

Hình 3.8 Hiển thị các file ở dạng Thumbnail

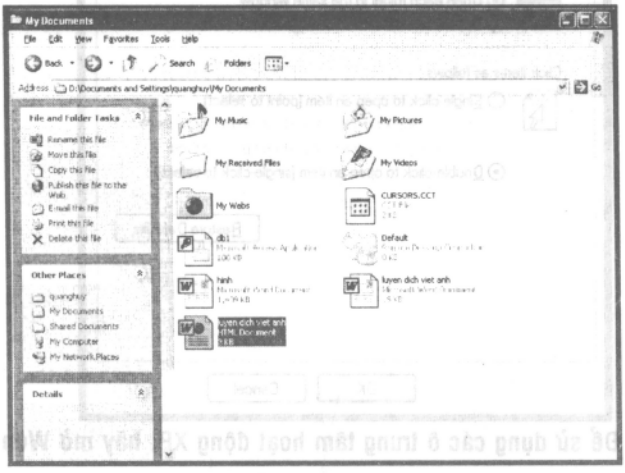

Hình 3.9 Hiển thị các file ở dạng file

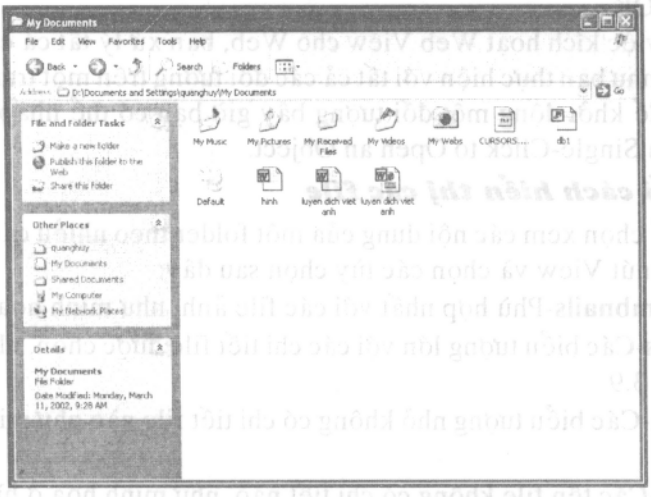

Hình 3.10 Hiển thị các file ở dạng biểu tượng.

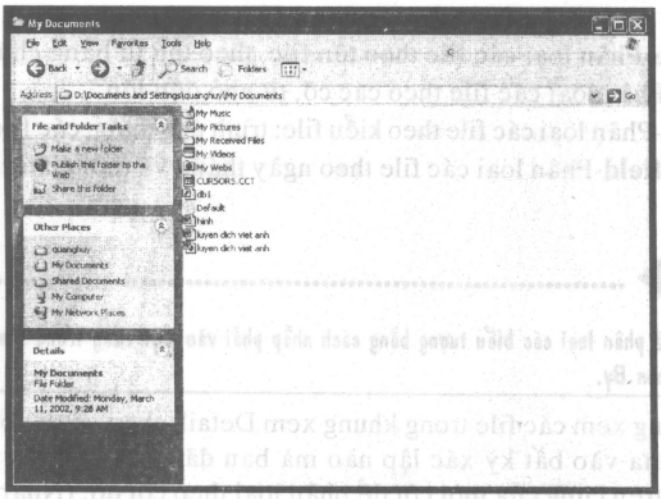

Hình 3.11 Hiển thị các file trong một danh sách.

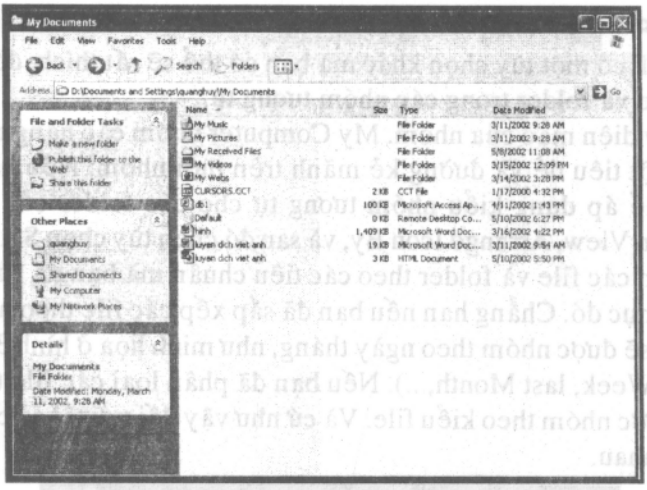

Hình 3.12 Hiển thị các file trong một danh sách chi tiết.

Thủ thuật

Nếu bạn đã di chuyển, sao chép, hay xóa một số file và folder nhưng không nhìn thấy sự thay đổi, bạn cần cập nhật màn hình hiển thị. Chọn View, Refresh, hay nhấn phím F5.

Nếu bạn chọn khung xem Details, bạn có thể chọn những chi tiết nào được hiển thị. Chọn View, Choose Details để hiển thị Details Settings. Chọn các xác lập mà bạn muốn hiển thị, sử dụng các phím Move Up và Move Down để đặt các xác lập theo thứ tự mà bạn muốn. Nhấp OK để xóa cấu hình mới.

Sắp xếp các File và Folder

Khi xem các file trong My Computer hay My Document, bạn có thể phân loại các file và folder theo nhiều cách. Để thực hiện điều này, hãy chọn View, Ar-

range Icon By, sau đó chọn các tùy chọn sau đây:

- **Name**-Phân loại các file theo tên file, theo thứ tự bảng chữ cái.
- **Size**-Phân loại các file theo các cỡ, từ nhỏ đến lớn.
- **Type**-Phân loại các file theo kiểu file: trình ứng dụng, các file cấu hình,...
- **Modifield**-Phân loại các file theo ngày tháng và thời gian chỉnh sửa lần cuối.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể phân loại các biểu tượng bằng cách nhấp phải vào một vùng trống trong folder và chọn Arrange Icon By.

Nếu bạn đang xem các file trong khung xem Details, bạn có thể phân loại các file bằng tay dựa vào bất kỳ xác lập nào mà bạn đã chọn để hiển thị. Chỉ cần nhấp vào phía trên cùng của một cột để phân loại theo cột đó. (Nhấp vào cột lần thứ hai để đảo ngược thứ tự phân loại.)

Nhóm các File và Folder

Windows XP có một tùy chọn khác mà bạn có thể sẽ rất thích, đó là khả năng hiển thị các file và folder trong các nhóm tương tự.

Bạn đã thấy diện mạo của nhóm. My Computer nhóm các hạng mục theo loại thiết bị, với một tiêu đề và đường kẻ mãnh trên mỗi nhóm. Nếu bạn thích kiểu này, bạn có thể áp dụng kiểu nhóm tương tự cho các folder của bạn. Để mở nhóm, hãy chọn View, Arrange Icon By, và sau đó chọn tùy chọn Show In Groups. Windows nhóm các file và folder theo các tiêu chuẩn mà bạn đã sử dụng để sắp xếp các hạng mục đó. Chẳng hạn nếu bạn đã sắp xếp các file theo ngày tháng thì bây giờ chúng sẽ được nhóm theo ngày tháng, như minh họa ở hình 3.13. (Thật ra là Today, last Week, last Month,...). Nếu bạn đã phân loại các file theo kiểu file thì chúng sẽ được nhóm theo kiểu file. Và cứ như vậy đối với tất cả các cách phân loại file khác nhau.

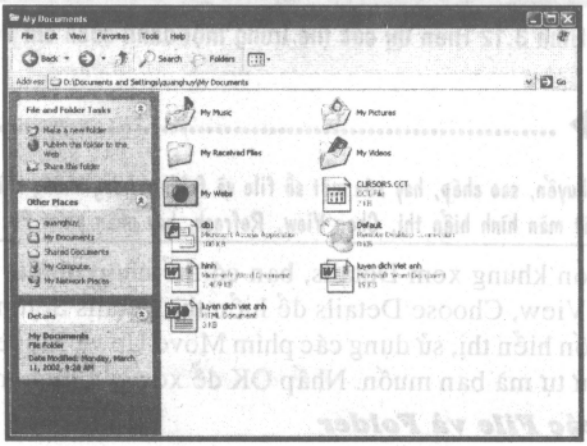

Hình 3.13 Cấu hình Windows XP để nhóm các file theo ngày tháng, kiểu file, tên file, hay kích cỡ.

Các khung xem riêng hay chung

Một điểm hay về việc chọn nhiều khung xem, cách sắp xếp và nhóm là bạn có thể kết hợp tất cả các tùy chọn này theo nhiều cách khác nhau, chẳng hạn bạn có thể hiển thị các chi tiết được sắp xếp và nhóm theo ngày tháng, hay các ngói được sắp xếp và nhóm theo kiểu file.

Bạn cần biết thêm một điều nữa về tất cả các khung xem folder khác nhau này. Bạn có thể chọn các khung xem khác nhau cho các folder khác nhau, hay bạn có thể chọn áp dụng một khung xem tùy biến cho tất cả các folder của bạn.

Theo mặc định, khi bạn tạo tùy biến một folder, khung xem đó thuộc folder đó. Để áp dụng một khung xem folder cho tất cả các folder trên hệ thống, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Mở folder theo cách mà bạn muốn, sau đó chọn Tools, Option.
2. Khi hộp thoại Folder Options xuất hiện, hãy chọn nhãn View (như minh họa hình 3.14).

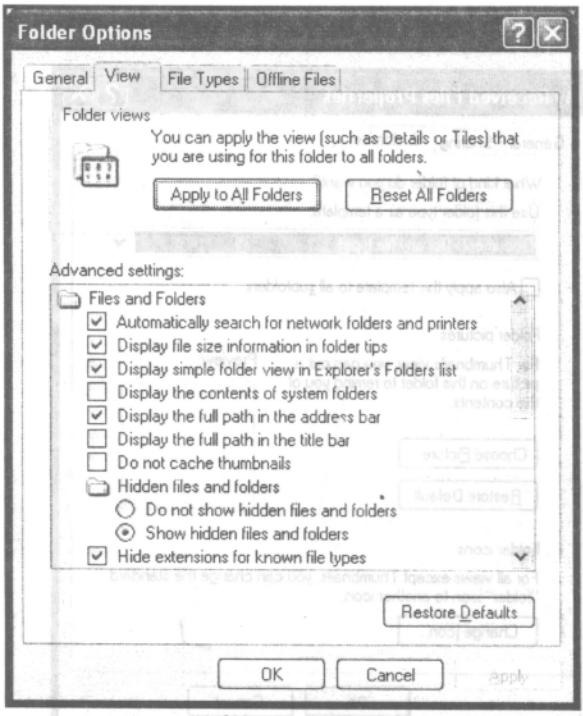

Hình 3.14 Làm cho tất cả các folder có diện mạo giống như folder hiện hành

3. Nhấp nút Like Current Folder.
4. Nhấp nút OK.

Để đưa các folder trở lại trạng thái mặc định của chúng, hãy nhấp nút Reset All Folders.

Thủ thuật

Trong khi bạn đang ở hộp thoại Folder Options, hãy xem xét danh sách Advanced Settings trên nhãn

View. Như bạn có thể nhận thấy, danh sách này chứa nhiều xác lập cấu hình. Hãy ghi nhớ những danh sách này nếu bạn cần thay đổi một trong các xác lập đó.

Thay đổi các biểu tượng Folder.

Windows XP cho phép bạn thay đổi biểu tượng được sử dụng để tiêu biểu cho một folder. Chỉ cần thực hiện một bước sau đây:

1. Từ trong folder, hãy chọn View, Customize This Folder.
2. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy chọn nhãn Customize như minh họa ở hình 3.15.
3. Để chọn một biểu tượng mới cho folder, hãy nhấp nút Change Icon và chọn một biểu tượng mới từ hộp thoại New Icon.
4. Để chọn một hình ảnh cần sử dụng khi folder này được hiển thị trong khung xem thumbnail, hãy nhấp nút Choose Picture và trình duyệt đến file ảnh mà bạn muốn. (Nếu bạn không chọn một ảnh, thì có đến 4 thumbnail từ các tài liệu của folder này hiển thị.)
5. Nhấp OK.

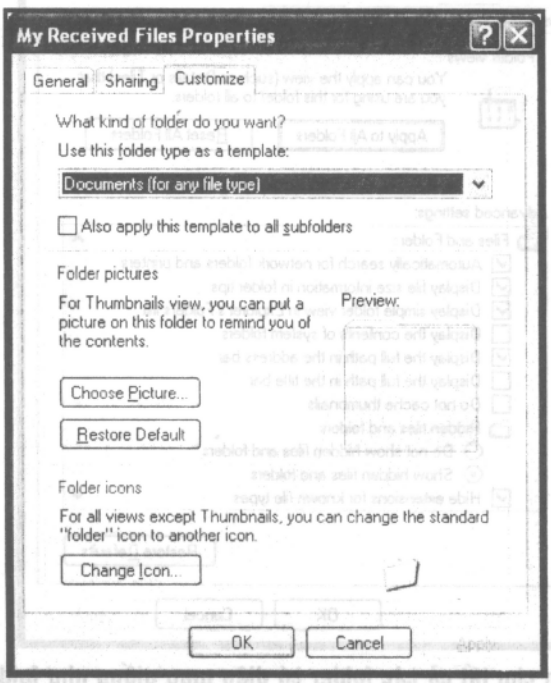

Hình 3.15 Thay đổi các đặc tính của folder hiện hành, bao gồm cả biểu tượng của folder.

Cá nhân hóa menu Send To

Với ô trung tâm hoạt động của Windows XP, bạn có thể sẽ nhận thấy rằng bạn ít thực hiện thao tác nhấp phải. (Trong các phiên bản cũ hơn của Windows, bạn phải nhấp phải để truy cập nhiều tác vụ thông thường. Các tác vụ này bây giờ có trên danh sách tab của ô trung tâm hoạt động).

Điều đó không có nghĩa là bạn hoàn toàn bỏ thao tác nhấp phải. Menu pop-up xuất hiện khi bạn nhấp phải vào một file hay folder vẫn có chứa menu Send To,

đây là một trong những cách nhanh nhất để gởi một file từ nơi này đến nơi khác. Bạn có thể sử dụng menu Send To để gởi một file đến một đĩa khác, đến một folder khác, đến một người sử dụng khác qua e-mail, hay đến một máy in khác để in.

Bởi vì việc sử dụng menu Send To là một cách nhanh chóng để làm việc với các file, nên bạn có thể muốn bổ sung các hành động khác vào menu. Chẳng hạn, bạn có thể muốn tạo một hạng mục Send To dành cho ổ đĩa Zip hay folder thường được sử dụng. Bằng cách này, bạn có thể nhấp vào một file và sử dụng lệnh Send To để sao chép file một cách tự động.

Sau đây là cách để bổ sung các tùy chọn vào menu Send To:

1. Sử dụng My Computer để định hướng đến folder\Document và Setings\username\Send To.
2. Chọn File, New, Shorcut.
3. Khi wizard Create New Shotcut hiển thị, hãy nhập tên của file, folder hay ổ đĩa mà bạn muốn bổ sung vào menu Send To. (Nhấp nút Browser để tìm hạng mục trong hệ thống của bạn.) Nhấp Next để tiếp tục.
4. Nhập tên mà bạn muốn nó xuất hiện trong menu Send To, sau đó nhấp Finish.

Phần kế tiếp bạn nhấp phải một file và chọn Send To, hạng mục mới sẽ xuất hiện trong danh sách các tùy chọn Send To.

Sự định hướng và các hoạt động cơ bản

Bạn đã xem xét cách tạo tùy biến diện mạo của các folder trong Windows XP, bây giờ bạn sẽ tìm hiểu sự định hướng ổ đĩa và folder và các hoạt động cơ bản.

Định hướng các đĩa và Folder

Bạn có thể định hướng qua các đĩa My Computer, My Document, và các folder khác bằng nhiều cách:

- Để xem các nội dung của đĩa hay folder, hãy nhấp vào hạng mục được chọn.
- Để di chuyển lên hệ thống phân cấp các folder đến folder cao nhất kế tiếp hay đĩa, hãy nhấp nút Up trên thanh công cụ.
- Để di chuyển trở lại đĩa hay folder đã được chọn trước đó, hãy nhấp nút Back trên thanh công cụ.
- Để chọn từ history của các đĩa và các folder đã được xem trước đây, hãy nhấp mũi tên hướng xuống trên nút Back và chọn một đĩa hay folder. Xem toàn bộ history bằng cách chọn biểu tượng History trên menu xổ xuống này.
- Nếu bạn đã di chuyển trở lại qua nhiều đĩa hay folder, bạn có thể di chuyển tới folder kế tiếp bằng cách nhấp nút Forward.
- Tiếp đến đĩa hay folder bằng cách nhập đường dẫn trong Address Bar (ở dạng x:\folder\subfolder) và nhấn Enter hoặc nhấp nút Go.

Bạn cũng có thể trực tiếp đến bất kỳ folder nào bằng cách nhấp nút folder để hiển thị Folder, sau đó chọn folder trong danh sách Folder.

Chọn các File và Folder

Đôi khi bạn muốn thực hiện một hành động trên một file đơn. Để chọn file đơn, bạn chỉ cần đặt cursor lên file cho đến khi nó được bật sáng; tên file và biểu tượng thay đổi màu, và thông tin về file được chọn xuất hiện trong vùng Details của ô trung tâm hoạt động. (Nếu bạn đang sử dụng chế độ nhấp đúp, bạn phải nhấp đơn để hiển thị Details.)

Tuy nhiên vào những lần khác, bạn muốn thực hiện một hành động đơn trên nhiều file. Để chọn nhiều file, hãy đặt cursor lên file đầu tiên mà bạn muốn chọn sau đó nhấn giữ phím Ctrl trên bàn phím. Chọn các file bổ sung bằng cách đặt cursor lên chúng cho đến khi chúng được bật sáng.

Tiếp tục nhấn giữ phím Ctrl cho đến khi bạn đã chọn các file mà bạn muốn.

Tạo các Folder

Các Folder trên ổ đĩa cứng được sử dụng để chứa các folder khác hay các file. Chúng cho phép bạn sắp xếp ổ đĩa cứng bằng cách tập hợp các file chung hay các folder con lại với nhau.

Sau đây là cách tạo các folder mới:

1. Định hướng đến ổ đĩa hiện hành hay folder có chứa folder mới.
2. Chọn File, New Folder-hoặc nhấp vào tác vụ Make a New Folder trong ô File and Folder Task trong ô trung tâm hoạt động.
3. Một folder mới trống, mới xuất hiện cùng với tên file "New Folder" được bật sáng. Gõ nhập một tên cho folder (Nhập đè lên tên "New Folder") và nhấn Enter.

Một trong những thay đổi quan trọng nhất của Microsoft là bổ sung lệnh "make new folder" ở nhiều nơi trong mỗi cửa sổ folder. Trước đây bạn chỉ có thể truy cập lệnh này từ menu file. Bây giờ bạn có thể tạo một file mới trực tiếp từ ô trung tâm hoạt động hoặc bằng cách nhấp phải vào một nơi bất kỳ trong folder.

Tìm các File

Việc xác định một file trên hệ thống có thể khó, nhất là với các ổ đĩa cứng dung lượng lớn ngày nay. Windows XP có một tiện ích Search Companion mới giúp bạn dễ dàng tìm các file cụ thể trên hệ thống.

Search Companion thay cho tiện ích file cũ, được tìm thấy trong các phiên bản trước đây của Windows. Nó giúp bạn tinh chỉnh phép tìm.

Để tìm một file cụ thể, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Mở menu Start và nhấp biểu tượng Search. (Cách khác là bạn có thể nhấp vào nút Search trên thanh công cụ trong bất kỳ folder Windows nào.) Thao tác này sẽ hiển thị ô Search Companion, như minh họa ở hình 3.16.

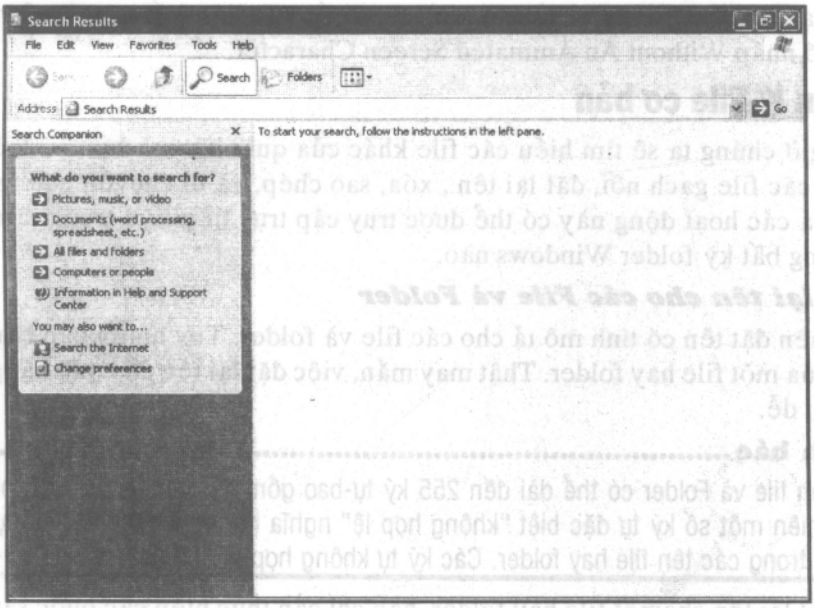

Hình 3.16 Sử dụng Search Companion mới để tìm các file trên đĩa cứng.

2. Chọn kiểu file mà bạn muốn tìm. Nếu bạn không biết chắc kiểu file nào để chọn, hãy chọn All File and Folder.
3. Ô xuất hiện kế tiếp phụ thuộc vào kiểu file nào mà bạn muốn tìm. Trong hầu hết các trường hợp, bạn có thể chọn tìm dựa vào tất cả hay một phần của tên fle, cũng như chọn nơi (ổ đĩa hay folder nào) mà bạn muốn tìm file.
4. Nếu có sẵn (và nếu phù hợp với cách tìm), hãy chọn một hay nhiều tùy chọn tìm kiếm nâng cao, chẳng hạn như file được chỉnh sửa lần cuối cùng khi nào, hoặc các cỡ file.
5. Nhấp nút Search để bắt đầu tìm.
6. Bây giờ Search Companion hiển thị một danh sách các file phù hợp với tiêu chuẩn tìm kiếm cùng với lời khuyên về cách tinh chỉnh cách tìm. Để thu hẹp kết quả tìm kiếm, hãy nhấp vào một trong các phần đề nghị, và thực hiện theo lời khuyên trên màn hình.

Thủ thuật

Cũng như với tiện ích Find cũ, bạn có thể sử dụng các ký tự thay thế khi tìm với Search Companion. Chẳng hạn nếu bạn phải sử dụng dấu sao (*) hay cho nhiều ký tự, việc tìm file * sẽ tìm tên file, kiểu file, và các file. Nếu bạn sử dụng một dấu chấm hỏi (?) hay cho một ký tự việc tìm file? sẽ tìm chỉ các file.

Bạn có thể thay đổi ký tự hoạt hình trong Photoshop Companion hay loại bỏ nó. Để thay đổi ký tự hoạt hình, hãy nhấp vào liên kết trên Change Preferences và sau đó nhấp vào With a Different Character. Windows XP có bốn ký tự cài sẵn trong nó.

Để loại bỏ ký tự Search Companion, hãy nhấp vào liên kết trên Preferences và sau đó nhấp Without An Animated Screen Character.

Sự quản lý File cơ bản

Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu các file khác của quí nhất mà bạn có thể thực hiện với các file gạch nối, đặt lại tên , xóa, sao chép, và di chuyển chúng. Hầu như tất cả các hoạt động này có thể được truy cập trực tiếp từ ô trung tâm hoạt động trong bất kỳ folder Windows nào.

Đặt lại tên cho các File và Folder

Bạn nên đặt tên có tính mô tả cho các file và folder. Tuy nhiên bạn cần thay đổi tên của một file hay folder. Thật may mắn, việc đặt lại tên cho một hạng mục tương đối dễ.

Cảnh báo

Các tên file và Folder có thể dài đến 255 ký tự-bao gồm cả nhiều ký tự đặc biệt. Tuy nhiên một số ký tự đặc biệt "không hợp lệ" nghĩa là bạn không thể sử dụng chúng trong các tên file hay folder. Các ký tự không hợp lệ bao gồm: \ /:*?"<-->|.

Để đặt lại tên chomột file hay folder, bạn chỉ cần thực hiện các bước sau đây:

1. Chọn file hay folder mà bạn muốn đặt lại tên.
2. Nhấp Rename This File từ danh sách File Tasks (hay Rename This Folder từ danh sách Folder Task list).
3. Bây giờ tên file được bật sáng. Gõ nhập một tên mới cho folder (nhập đè lên tên hiện tại) và nhấn Enter.

Thủ thuật

Một cách nhanh hơn để đặt lại tên cho một file là chọn file và nhấn F2 để tự động bật sáng tên file.

Xóa các File và Folder

Khoảng trống đĩa là nguồn tài nguyên mà bạn không muốn hao phí, vì vậy bạn nên xóa các file và folder mà bạn không còn cần nữa.

1. Chọn file hay folder mà bạn muốn xóa.
2. Nhấp Delete This File từ danh sách File Task (hoặc danh sách folder từ danh sách Folder task).

Thủ thuật

Bạn cũng có thể xóa một file bằng cách rê nó từ cửa sổ folder sang biểu tượng Recycle Bin trên nền màn hình, hoặc bằng cách bật sáng nó và nhấn phím Del.

Phục hồi các File đã xóa

Nếu bạn xóa một file và sau đó thấy rằng bạn đã sai lầm, bạn đừng lo Windows XP lưu một file đã xóa trong một file đặc biệt gọi là Recycle Bin. Nếu gần đây bạn đã xóa một file thì nó vẫn còn nằm trong Recycle Bin.

Sau đây là cách phục hồi một file đã xóa:

1. Mở Recycle Bin bằng cách nhấp vào biểu tượng của nó trên nền màn hình.
2. Khi Recycle Bin mở (như hình 3.17), chọn file hay folder mà bạn muốn phục hồi.
3. Nhấp Restore This Iterm từ danh sách Recycle Bin Task.

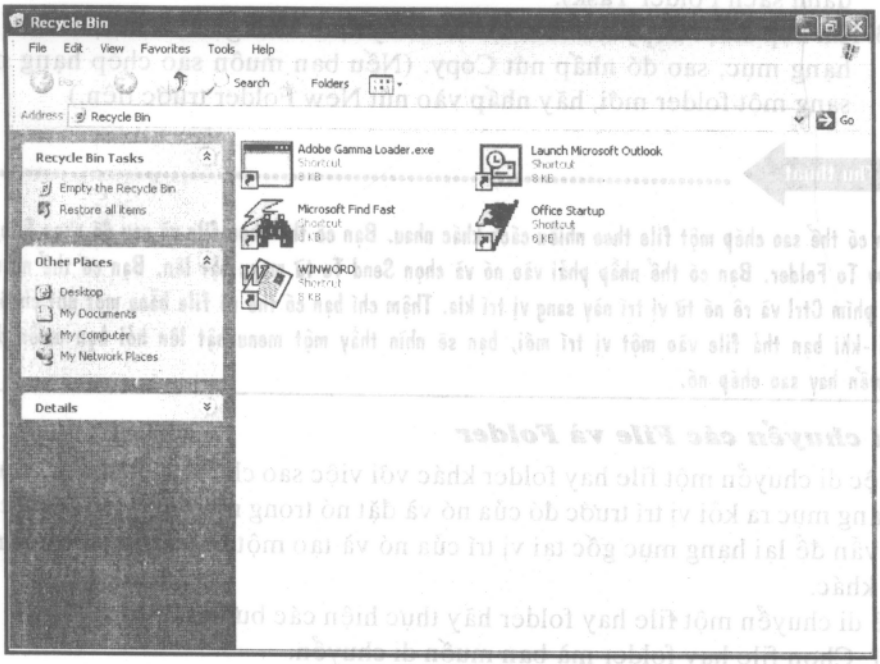

Hình 3.17 Phục hồi File đã xóa từ Recycle Bin

Quản lý Recycle Bin

Recycle Bin là nơi lưu trữ các file mà bạn đã xóa. Theo mặc định, các file đã xóa trong Recycle Bin có thể chiếm 10% khoảng trống đĩa cứng. Khi bạn đã xóa đủ các file vượt quá 10% này, các file cũ nhất trong Recycle Bin tự động được xóa hẳn ra khỏi đĩa cứng.

Nếu bạn muốn xóa các file ra khỏi Recycle Bin bằng tay, hãy thực hiện các bước sau:

1. Nhấp biểu tượng Recycle Bin trên nền màn hình.
2. Khi Recycle Bin hiển thị, hãy chọn Empty Recycle Bin từ danh sách Recycle Bin Task.
3. Khi hộp thoại Confirm File Delete xuất hiện, nhấp Yes để hoàn toàn xóa các file, hoặc nhấp No để tiếp tục lưu trữ các file trong Recycle Bin.

Sao chép các File và Folder

Sao chép một file hay folder là cách bạn đặt một bản sao của nó tại một vị trí khác trong khi vẫn giữ bản gốc tại vị trí của nó.

Sao chép khác với di chuyển. Khi bạn sao chép một hạng mục, hạng mục gốc vẫn còn. Khi bạn di chuyển một hạng mục, hạng mục gốc không còn ở vị trí ban đầu nữa.

Sau đây là các sao chép một file hay folder với Windows XP:

1. Chọn file hay folder mà bạn muốn sao chép.
2. Nhấp Copy This File từ danh sách File task (hoặc Copy This Folder từ danh sách Folder Task).
3. Khi hộp thoại Copy Items xuất hiện, hãy định hướng và chọn vị trí mới cho hạng mục, sao đó nhấp nút Copy. (Nếu bạn muốn sao chép hạng mục sang một folder mới, hãy nhấp vào nút New Folder trước tiên.)

Thủ thuật

Bạn có thể sao chép một file theo nhiều cách khác nhau. Bạn có thể chọn file và sau đó chọn File, Copy To Folder. Bạn có thể nhấp phải vào nó và chọn Send To từ menu bật lên. Bạn có thể nhấn giữ phím Ctrl và rê nó từ vị trí này sang vị trí kia. Thậm chí bạn có thể rê file bằng một nút chuột phải-khi bạn thả file vào một vị trí mới, bạn sẽ nhìn thấy một menu bật lên hỏi bạn muốn di chuyển hay sao chép nó.

Di chuyển các File và Folder

Việc di chuyển một file hay folder khác với việc sao chép nó. Việc di chuyển các hạng mục ra khỏi vị trí trước đó của nó và đặt nó trong một vị trí mới. Việc sao chép vẫn để lại hạng mục gốc tại vị trí của nó và tạo một bản sao của hạng mục ở nơi khác.

Để di chuyển một file hay folder hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Chọn file hay folder mà bạn muốn di chuyển.
2. Nhấp Move This File từ danh sách File Task (hoặc Move This Folder từ danh sách Folder task).
3. Khi hộp thoại Move Item xuất hiện, hãy định hướng và chọn vị trí mới cho hạng mục, sau đó nhấp nút Copy (nếu bạn muốn di chuyển hạng mục sang một folder mới, hãy nhấp nút New Folder trước tiên.)

Thủ thuật

Bạn có thể di chuyển một file bằng nhiều cách khác nhau. Bạn có thể chọn file và sau đó chọn File, Move To Folder. Bạn có thể rê file từ vị trí này sang vị trí khác. Thậm chí bạn có thể thực hiện thao tác nhấp phải và rê như đã nêu trước đây. Khi bạn thả file vào một vị trí mới, bạn sẽ nhìn thấy một menu bật lên hỏi bạn muốn di chuyển hay sao chép nó.

Xóa bảo vệ các File Read Only

Nếu bạn có một file mà bạn muốn hiệu chỉnh hay xóa nhưng bạn không thể thực hiện được, có khả năng file được chỉ định là Read Only (chỉ đọc).

Bạn không thể thay đổi hay xóa các file Read Only, bạn chỉ có thể đọc chúng.

Nếu bạn cần hiệu chỉnh hay xóa một file Read Only, bạn cần thay đổi các thuộc tính của file đó-chẳng hạn như nó được che giấu hay chỉ đọc. Thực hiện các

bước sau đây:

1. Chọn file hay folder mà bạn muốn thay đổi, chọn File, Properties.
2. Khi hộp thoại Properties xuất hiện (xem hình 3.18), chọn nhãn General và sau đó chọn hoặc bỏ chọn các thuộc tính mong muốn. Chẳng hạn, để có thể hiệu chỉnh được file Read Only, hãy bỏ chọn hộp kiểm Read Only.
4. Sau khi bạn thực hiện các thay đổi mong muốn, nhấp OK.

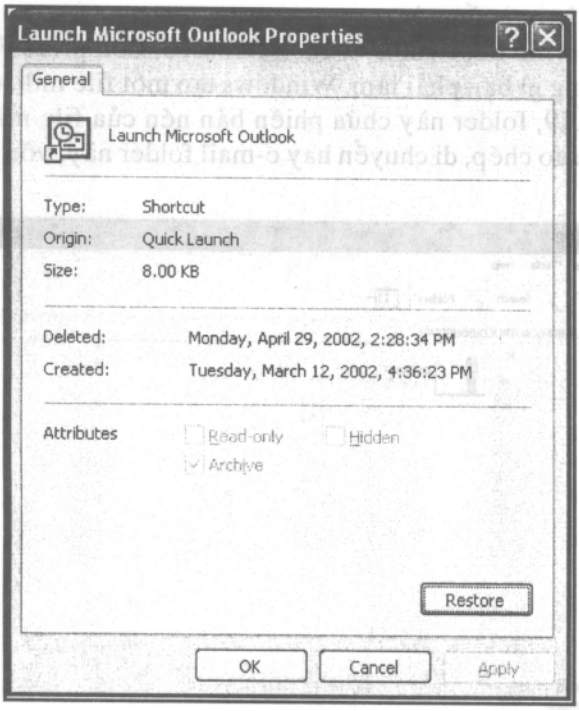

Hình 3.18 Bạn có thể thay đổi các thuộc tính của một file hoặc một Properties.

Bạn có thể thay đổi các thuộc tính file sau đây trong hộp thoại Properties:

- Các file Read Only là các file bạn có thể đọc nhưng không thể hiệu chỉnh hay xóa.
- Các file Hidden là các file-thường là các file hệ thống nhạy-mà bạn không thể xem từ My Computer.
- Các file Achive là các file đã thay đổi kể từ lần sao lưu dự phòng sau cùng.

Nén và giải nén các File

Càng lúc file càng lớn. Nếu bạn muốn gởi một file thật lớn đến một máy tính khác, bạn có thể gặp tất cả các loại sự cố. Nếu bạn đang sao chép file sang đĩa cứng, file có thể quá lớn đến nỗi không thể nào vừa trên một đĩa mềm. Nếu bạn gởi file qua e-mail, file có thể quá lớn đến nỗi nó vượt quá giới hạn về kích cỡ đính kèm của ISP.

Thật may mắn, Windows XP có một cách làm cho các file lớn trở nên nhỏ hơn. Các folder nén nhận các file nén và nén chúng để chúng có kích cỡ nhỏ hơn, điều

này làm cho việc sao chép hay di chuyển chúng trở nên dễ dàng hơn. Sau khi file đã được gởi, bạn giải nén file trở lại trạng thái ban đầu của nó.

Nén một File

Nén một file là mộ tác vụ tương đối dễ trong bất kỳ folder Windows nào. Thậm chí bạn có thể nén nhiều file vào một folder nén duy nhất.

Chỉ cần thực hiện các bước sau đây:

1. Chọn file mà bạn muốn nén.
2. Nhấp phải vào file được chọn và chọn Send To, Compress Folder.

Đó là tất cả những gì bạn phải làm. Windows tạo một file mới, chẳng hạn như folder trong hình 3.19, folder này chứa phiên bản nén của file mà bạn đã chọn. bây giờ bạn có thể sao chép, di chuyển hay e-mail folder này, vốn nhỏ hơn nhiều so với file gốc.

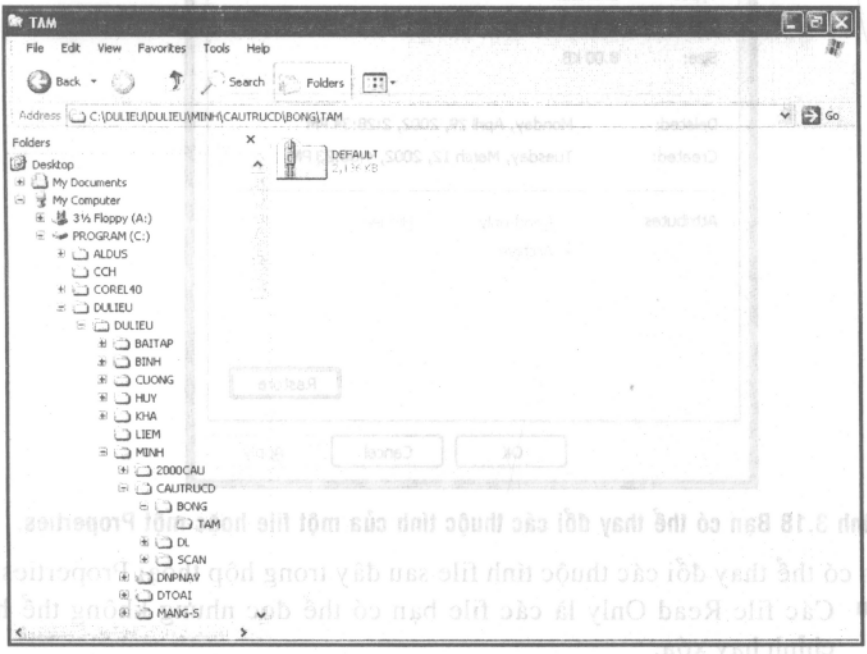

Hình 3.19 Một folder nén.

Thật ra folder nén là một file có phần mở rộng .Zip, vì vậy nó có thể được sử dụng với các chương trình nén/giải nén khác, chẳng hạn như Winzip. Bạn có thể bổ sung các file vào một folder nén bằng cách rê và thả chúng lên biểu tượng folder nén.

Cảnh báo

Nếu bạn cài đặt một chương trình Zip của nhóm thứ ba trên hệ thống, Windows xóa Compressd Folders ra khỏi Send To và thay nó bằng một liên kết với chương trình nén mới.

Một điểm cần lưu ý về các folder của XP là tuy Extraction Wizard có thể trích các file .Zip nhiều đĩa nhưng Windows XP không thể tạo các file nhiều đĩa. Nếu các bạn cần tạo một folder nén quá lớn đến nỗi không thể nằm vừa trên một đĩa

mềm, bạn phải sử dụng một tiện ích của nhóm thứ ba, chẳng hạn như Winzip. (Bạn có thể tải Winzip từ www.winzip.com).

Thủ thuật

Để dễ dàng nhận biết các folder nén, bạn có thể cấu hình Windows XP để hiển thị chúng ở dạng màu xanh. Chỉ cần mở hộp thoại Folder option, chọn nhãn View, và chọn Display Compress file and folder với các tùy chọn màu khác.

Trích các File

Tiến trình giản nén một file thật ra là tiến trình trích. Đó là bởi vì bạn trích các file gốc ra khỏi folder nén.

Trong Windows XP, tiến trình này được thực hiện dễ dàng nhờ sử dụng Extraction Wizard. Sau đây là cách thực hiện:

1. Nhấp phải vào folder và chọn Extract All.
2. Khi Extraction Wizard khởi động, hãy nhấp nút Next.
3. Khi trang Select a Destination xuất hiện, chọn folder mà bạn muốn trích các file sang đó, sau đó nhấp nút Next.
4. Bây giờ wizard trích các file và hiển thị trang Extraction Compress. Nhấp nút Finish.

Thủ thuật

Nếu folder nén có một bộ gồm nhiều đĩa, Extraction Wizard nhắc bạn đặt mỗi đĩa cần thiết vào.

Làm việc với các kiểu File và các phần kết hợp

Khi bạn trình duyệt các file và các folder trên hệ thống, bạn nhận thấy một số file có các biểu tượng nhất định. Các biểu tượng này cho biết đó là kiểu file nào. Tuy nhiên, kiểu file còn xác định nhiều thứ hơn. Nó cũng xác định trình ứng dụng được sử dụng để mở file.

Hiển thị hay che giấu các kiểu File

Windows XP có thể che giấu các kiểu file nhất định-đặc biệt là các file hệ thống đặt biệt. Bởi vì bạn không muốn vô tình xóa hay thay đổi file hệ thống nên việc che giấu các file này là một việc rất hay.

Tuy nhiên bạn có thể gặp trường hợp mà trong đó bạn cần hiệu chỉnh một trong các file hệ thống này. nếu điều này xảy ra, bạn cần biết cách hiển thị file. Để hiển thị tất cả các file đã che giấu trên hệ thống, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Folde Options.
2. Khi hộp thoại Folder Options xuất hiện, hãy chọn nhãn View.
3. Mở hạng mục Hidden Files and Folders và chọn tùy chọn Show hideen Files and Folders.
4. Nhấp OK để áp dụng các thay đổi của bạn.

Kết hợp một kiểu File với một trình ứng dụng

Khi bạn cài đặt một trình ứng dụng mới, nó thường tự động đăng ký các kiểu file. Nghĩa là, Windows kết hợp kiểu file đó với một trình ứng dụng nhất định. Bạn cũng có thể cần kết hợp lại một kiểu file nếu bạn cài đặt lại một chương trình mới ngăn chặn các phần kết hợp file ban đầu và bạn muốn trở lại các phần kết hợp mặc định. Để kết hợp một kiểu file với một trình ứng dụng cụ thể, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Folder Options.
2. Khi hộp thoại Folder Options xuất hiện, hãy chọn nhãn File Type và nhấp nút Change.
3. Khi hộp thoại Open With xuất hiện, hãy chọn trình ứng dụng mà bạn muốn kết hợp với kiểu file. Nếu chương trình mà bạn muốn không được liệt kê, hãy nhấp liên kết Click Here để tìm và chọn một chương trình khác.
4. Nhấp OK.

Thay đổi các biểu tượng cho các kiểu File

Mỗi kiểu file được biểu thị bởi một biểu tượng đặc trưng. Nếu bạn không thích một biểu tượng nào đó, bạn có thể dễ dàng chọn một biểu tượng khác cho bất kỳ file nào.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Folder Options.
2. Khi hộp thoại Folder Options xuất hiện, chọn nhãn File Type.
3. Chọn kiểu file mà bạn muốn thay đổi từ danh sách Registered File Type, và sau đó nhấp nút Advanced.
4. Khi hộp thoại Edit File Type xuất hiện, hãy nhấp nút Change Icon.
5. Khi hộp thoại Change Icon xuất hiện (xem hình 3.20), chọn một biểu tượng mới, hoặc nhấp nút Browser để chọn một biểu tượng từ một file khác.
6. Nhấp OK để áp dụng sự thay đổi của bạn.

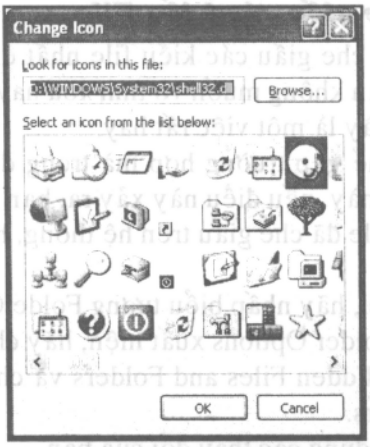

Hình 3.20 Thay đổi biểu tượng kết hợp với một kiểu file cụ thể.

Xóa các kiểu File

Đôi khi bạn nhận thấy các kiểu file đã đăng ký không tồn tại trên hệ thống. Điều này có thể xảy ra ngay sau khi bạn hủy cài đặt một chương trình và các file kết hợp của nó.

Để làm sạch hệ thống bằng cách xóa các kiểu file không sử dụng, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control panel, hãy nhấp biểu tưởng Folder Option.
2. Khi hộp thoại Folder Options xuất hiện, hãy chọn nhãn File Type.
3. Chọn kiểu file mà bạn muốn xóa ra khỏi danh sách Registered File Type, và sau đó nhấp nút Remove.
4. Nhấp OK.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Khi bạn làm việc với các file và folder, có 10 thủ thuật quan trọng nhất mà bạn cần ghi nhớ:

1. Sử dụng My Computer để quản lý tất cả các ổ đĩa và các thiết bị đính kèm với hệ thống. Sử dụng My Document để quản lý các tài liệu.
2. Khi Web View được kích hoạt, My Computer và các folder khác hiển thị một ô trung tâm hoạt động. Ô này chứa một danh sách tab nhạy ngữ cảnh giúp cho việc thực hiện phần lớn các thao tác file trở nên dễ dàng hơn:
3. Trong Windows XP, cả My Computer, My Document, và các folder hệ thống khác đều là một công cụ.
4. Vì Windows Explorer đã được xóa ra khỏi Windows XP nên bạn có thể hiển thị một khung xem "cây file" bằng cách nhấp vào nút folder trong My Computer hay My Document.
5. Các folder My Picture và My Music được tạo tùy biến với các khung xem và các lệnh hữu ít đối với các kiểu file nhất định.
6. Windows XP cho phép bạn hiển thị các khung xem biểu tượng khác nhau, và nhóm các biểu tượng theo kiểu, ngày tháng, kích cỡ, hay tên.
7. Cách nhanh nhất để sao chép một file là nhấp phải vào file và chọn Send To từ menu bật lên.
8. Nếu bạn nhấp phải và rê một file sang vị trí mới, Windows hiển thị một menu bật lên, cho phép bạn sao chép hay di chuyển file.
9. Tất cả các file mà bạn xóa đều được gởi đến folder Recycle Bin. Cho đến khi Recycle Bin đã đầy, bạn có thể phục hồi bất kỳ file nào mà bạn đã xóa gần đây.
10. Để giảm kích cỡ của các file mà bạn muốn sao chép hay e-mail, hãy sử dụng tính năng compress folder của Windows XP- vốn tạo các file .Zip nén.



Chương 4

Chạy các chương trình

- *Bổ sung và xóa phần mềm*
- *Cài đặt các chương trình từ Internet*
- *Khởi động các chương trình*
- *Khởi động các chương trình khi Windows khởi động*
- *Chuyển đổi giữa các chương trình*
- *Sắp xếp các cửa sổ trên nền màn hình*
- *Đóng các chương trình bị làm đông*
- *Mười thủ thuật quan trọng nhất*

Một hệ điều hành có công dụng gì nếu bạn không có bất kỳ phần mềm nào chạy trên đó?

Về nhiều phương diện, hệ điều hành tồn tại như là cơ sở hạ tầng cho phép bạn chạy nhiều chương trình phần mềm trên PC. Nếu hệ điều hành đang thực hiện công việc của nó, bạn hầu như quên rằng nó có ở đó.

Trong chương này, bạn sẽ học cách sử dụng Windows XP để khởi động các chương trình. Bạn cũng sẽ học cách sử dụng Windows XP để cài đặt và xóa các chương trình ra khỏi hệ thống máy tính. Ngoài ra, bạn cũng sẽ tìm hiểu một vài thủ thuật về những gì cần thực hiện nếu một chương trình bị làm đông?

Bổ sung và xóa phần mềm

Khi bạn cần bổ sung một chương trình mới - hay xóa một chương trình cũ - bạn sẽ nhận thấy rằng Windows XP hoạt động rất giống với cách hoạt đông của Windows 9x/Me. Điều này có nghĩa rằng nếu bạn biết cách bổ sung và xóa phần mềm, bạn không phải mất nhiều thời gian để tìm hiểu.

Cài đặt các chương trình mới

Hầu như tất cả các chương trình phần mềm đều có cài sẵn chương trình cài đặt riêng của chúng. Việc cài đặt phần mềm dễ như việc chạy chương trình cài sẵn này.

Nếu chương trình bạn đang cài đặt nằm trên một CD-ROM, tất cả những gì bạn phải thực hiện là đặt CD chính hay CD cài đặt của chương trình vào ổ CD-ROM của máy tính, chương trình cài đặt của chương trình sau đó sẽ khởi động một cách tự động, và tất cả những gì bạn phải làm là thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình.

Nếu chương trình cài đặt không tự động khởi động, bạn phải khởi động nó bằng tay. Để thực hiện điều này, hãy nhấp nút Start, nhấp biểu tượng Run, sau đó nhập x:\setup vào hộp thoại Run. (Thay x bằng mẫu tự của ổ CD-ROM.) Nhấp

OK để mở chương trình cài đặt. (Nếu điều này không hiệu quả, thì có khả năng một số chương trình cũ hơn đặt tên cho các chương trình cài đặt của chúng là Install thay vì Setup, vì vậy hãy thay đổi tên file nếu cần.)

Ghi chú

Nếu bạn đang cài đặt từ các đĩa mềm, bạn khởi động chương trình setup của một chương trình bằng cách đặt đĩa mềm đầu tiên vào ổ đĩa của PC, chọn Start, Run, nhập a:\setup vào hộp thoại Run, sau đó nhấp OK.

Nếu chương trình mà bạn đang cài đặt không có một chương trình setup tự động, hoặc nếu bạn thích cài đặt một chương trình mới bằng tay hơn, bạn có thể chạy trình tiện ích Add or Remove Programs của Windows XP.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Add or Remove Programs.
2. Khi trình tiện ích Add or Remove Programs hiển thị, hãy nhấp nút Add New Programs (như minh họa ở hình 4.1), và sau đó nhấp nút CD or Floppy.
3. Khi hộp thoại Install Program from Floppy Disk or CD-ROM xuất hiện, hãy đặt đĩa cài đặt của chương trình hay CD vào ổ đĩa thích hợp và nhấp nút Next.
4. Bây giờ Windows sẽ tìm chương trình cài đặt và hiển thị dòng lệnh trong hộp thoại Run Installation Program. Nếu Wizard không tìm thấy chương trình cài đặt, hãy nhấp nút Browse để xác định nó bằng tay.
5. Nhấp nút Finish để chạy chương trình cài đặt của chương trình và bảo đảm bạn tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất việc cài đặt.

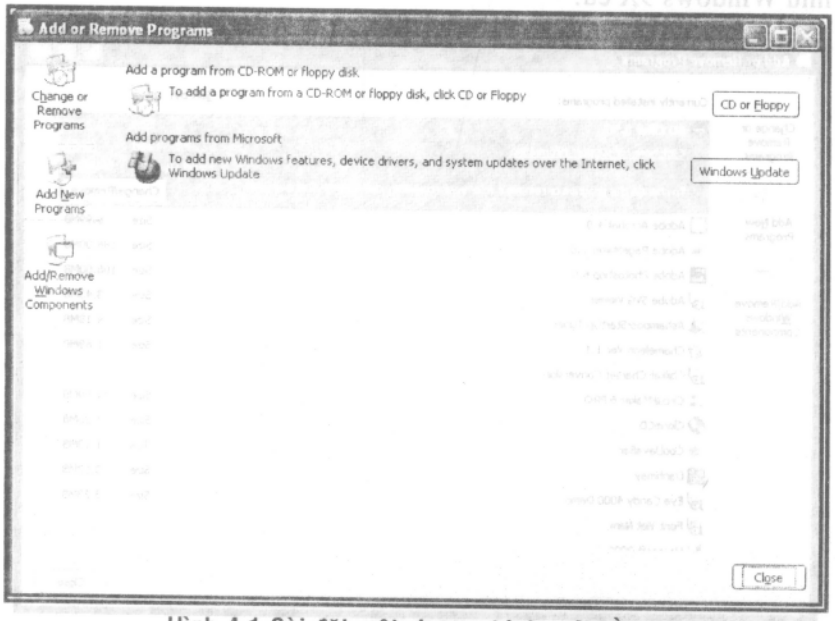

Hình 4.1 Cài đặt một chương trình mới bằng tay.

Xóa các chương trình cũ

Việc xóa một chương trình phần mềm ra khỏi hệ thống có thể đơn giản hay phức tạp.

Phần lớn các chương trình Windows mới hơn có chứa các trình tiện ích riêng của chúng để hủy cài đặt chương trình một cách tự động. Nếu bạn hủy cài đặt một chương trình, bạn nên sử dụng trình tiện ích này. Bạn có thể tìm thấy trình tiện ích hủy cài đặt của chương trình trong folder có chứa các file khác của chương trình.

Nếu bạn muốn xóa một trình ứng dụng Windows vốn không có trình tiện ích hủy cài đặt riêng của nó, bạn nên sử dụng trình tiện ích Add or Remove Programs của Windows. Trình tiện ích này nhận biết mỗi thành phần của trình ứng dụng mà bạn muốn xóa, và tự động xóa chúng ra khỏi đĩa cứng.

Cảnh báo.....

Một chương trình hủy cài đặt hoạt động tốt sẽ không xóa các file cá nhân, ngay cả khi chúng được lưu trữ trong các folder của trình ứng dụng. Tuy nhiên, để bảo đảm an toàn, bạn nên di chuyển các file cá nhân mà bạn muốn giữ lại sang một folder mới trước khi xóa trình ứng dụng.

Để xóa một chương trình phần mềm ra khỏi PC, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Add or Remove Programs.
2. Khi trình tiện ích Add or Remove Programs hiển thị, hãy nhấp nút Change or Remove Programs (như minh họa ở hình 4.2). Phần này trong hộp thoại hơi khác trong Windows 9X, ở chỗ nó cung cấp nhiều chi tiết hơn về cách chương trình được liệt kê. Tuy nhiên các phiên bản của nó giống như Windows 9X cũ.

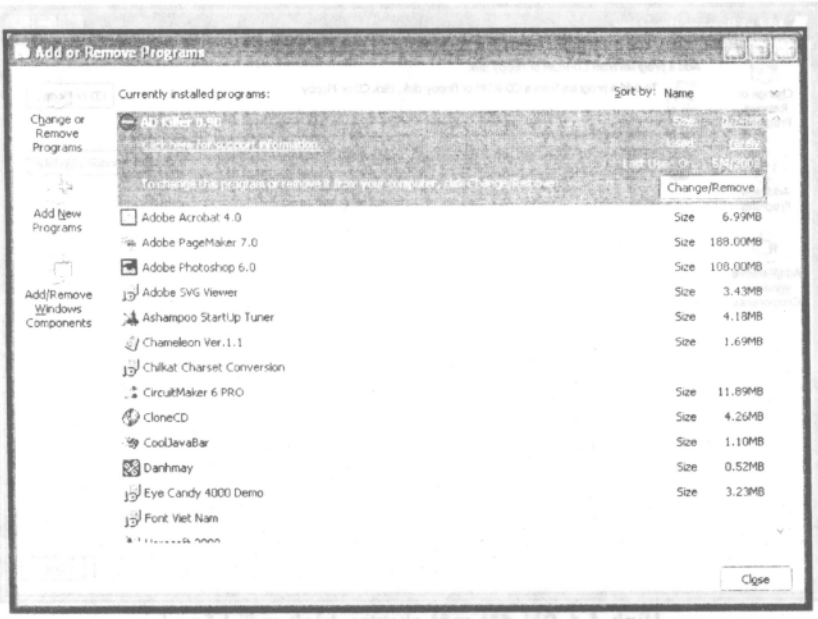

Hình 4.2 Chọn một chương trình để xóa ra khỏi hệ thống.

3. Chọn tên của chương trình từ danh sách Currently Installed Programs, sau đó nhấp nút Change/Remove (đối với một số trình ứng dụng, đây là một nút Remove duy nhất.) Nếu được nhắc, hãy xác nhận rằng bạn muốn tiếp tục hủy cài đặt trình ứng dụng.
4. Trả lời bất kỳ dòng nhắc khác mà trình tiện ích hủy cài đặt đưa ra để xóa chương trình. Một số chương trình, như Microsoft Word có thể yêu cầu bạn đặt các đĩa cài đặt gốc hay CD vào để thực hiện thường trình hủy cài đặt.
5. Sau khi thường trình hủy cài đặt kết thúc, hãy nhấp nút Close để đóng trình tiện ích Add or Remove Program.

Cảnh báo

Nếu bạn đã tạo menu Start hay bất kỳ biểu tượng tắt nào trên nền màn hình bằng tay cho chương trình đã xóa, chương trình hủy cài đặt có thể không biết chúng đang tồn tại-do đó có thể không xóa chúng. Nếu vậy, bạn phải xóa các biểu tượng này bằng tay.

Nếu chương trình mà bạn muốn xóa không có trình tiện ích hủy cài đặt tự động, bạn phải xóa các file của chương trình bằng tay, như sử dụng My Computer. Vấn đề để cố xóa một chương trình theo các cách này là các file khác kết hợp với chương trình thường nằm, rải rác khắp các folder trên ổ đĩa cứng, bạn có thể cần mua một chương trình cài đặt của nhóm thứ ba, chẳng hạn như Norton CleanSweep, (có sẵn tại www.symantec.com/sabu/qdeck/ncs) để tìm và xóa các chương trình ra khỏi hệ thống.

Cài đặt các chương trình từ Interet

Ngày nay, nhiều nhà xuất bản phần mềm đưa các sản phẩm của họ lên Internet, để người sử dụng dễ dàng tải xuống. Tuy nhiên, nó chỉ hoạt động nếu file tải xuống là một file tương đối nhỏ, hoặc nếu bạn có một nối kết tốc độ nhanh của Internet. Nếu bạn cố tải một file lớn qua một kết nối chậm, bạn sẽ trở nên mệt mỏi vì phải chờ tải xuống toàn bộ file.

Tải xuống các chương trình thương mại

Khi bạn tải xuống một chương trình từ một nhà xuất bản phần mềm lớn, tiến trình thực hiện thường khá dễ. Bạn có thể phải đọc một trang về những điều nên làm và không nên làm, chấp nhận hợp đồng đăng ký của nhà xuất bản, sau đó nhấp một nút và bắt đầu tiến trình tải xuống. Sau khi bạn đã chỉ định folder nào trên đĩa cứng bạn muốn lưu file đã tải xuống, tiến trình tải xuống bắt đầu.

Một hộp thoại sẽ cho bạn biết khi nào tiến trình tải xuống kết thúc. Từ đây, việc cài đặt chương trình hầu như giống với việc cài đặt từ CD hay đĩa mềm. Sử dụng My Computer để định hướng đến nơi mà bạn đã lưu file tải xuống, sau đó khởi động file. Chương trình cài đặt của phần mềm sẽ đưa bạn qua các bước còn lại của tiến trình

Thủ thuật

Nếu bạn muốn thực hiện nhiều việc tải xuống, bạn có thể cần tạo một folder My Download riêng biệt trong folder My Document, và sử dụng folder này để chứa tất cả các file mà bạn đã tải xuống.

Tải xuống Shareware và Freeware

Bạn cũng có thể tìm thấy nhiều chương trình shareware và freeware mà bạn có thể tải xuống. Các chương trình này thường được tìm thấy trong các archive lớn dựa vào Web, và có thể được tải xuống dễ dàng với bộ trình duyệt Web.

Các Archive dựa vào Web

Phần lớn nhất của các archive tải xuống này bao gồm hàn ngàng trình ứng dụng và trình tiện ích thuộc các loại khác nhau. Dĩ nhiên bạn sẽ muốn tìm các chương trình tương thích Windows XP-mặc dù bất kỳ chương trình nào hoạt động trên Windows 2000 cũng sẽ hoạt động trên Windows XP.

Nếu bạn đang tìm freeware và shareware, sau đây là một số archive phần mềm tốt nhất để kiểm tra:

- CNET's Download.com (download.cnet.com)
- FileMine (www.filemile.com)
- Jumbo (www.jumbo.com)
- Shareware Place (www.shareware.com)
- Tucows (www.tucows.com)
- ZDNet Downloads (www.zdnet.com/downloads/)

Thủ thuật

Nếu bạn tải xuống nhiều file, hãy kiểm tra trình quản lý tải xuống Go!Zilla (www.gozilla.com). Go!Zilla cho phép bạn lập thời biểu cho các tiến trình kiểm tra tải xuống trong những thời gian có ít người truy cập, sắp xếp và phân loại các file đã tải xuống, và thậm chí tiếp tục lại các tiến trình tải xuống đã bị ngắt mà không phải bắt đầu lại.

Tất cả các archive này cung cấp tiến trình tải xuống dựa vào Web. Một số file site khác sử dụng giao thức khác, được gọi là FTP (File Transfer Protocol) để tải xuống file.

Các server FTP

Các server FTP có thể được truy cập qua phần mềm client FTP đặc biệt, hoặc với bộ trình duyệt Internet Explorer. Bạn truy cập site FTP với IE bằng cách nhập địa chỉ của site FTP vào hộp Address, nhưng với FTP (thay vì HTTP) ở trước địa chỉ. Chẳng hạn, toàn bộ địa chỉ của server Microsoft FTP như sau: ftp://ftp.microsoft.com.

Thủ thuật

Nếu bạn thích tải xuống với một client FTP chuyên biệt, hãy kiểm tra CuteFTP (www.cuteftp.com/

products/cuteftp/), LapLinkFTP (www.lapkinkftp.com), hay WS_FTP (www.ipswitch.com/products/WS_FTP).

Khi bạn truy cập một IE với FTP, các thư mục và thư mục con trên server được hiển thị ở dạng các folder và file trong cửa sổ chính của bộ trình duyệt, như minh họa ở hình 4.3. (Điều này làm cho Internet Explorer có diện mạo và hoạt động giống như My Computer hay My Document.) Việc tải xuống cũng đơn giản như việc nhấp vào một biểu tượng để tìm một file cụ thể.

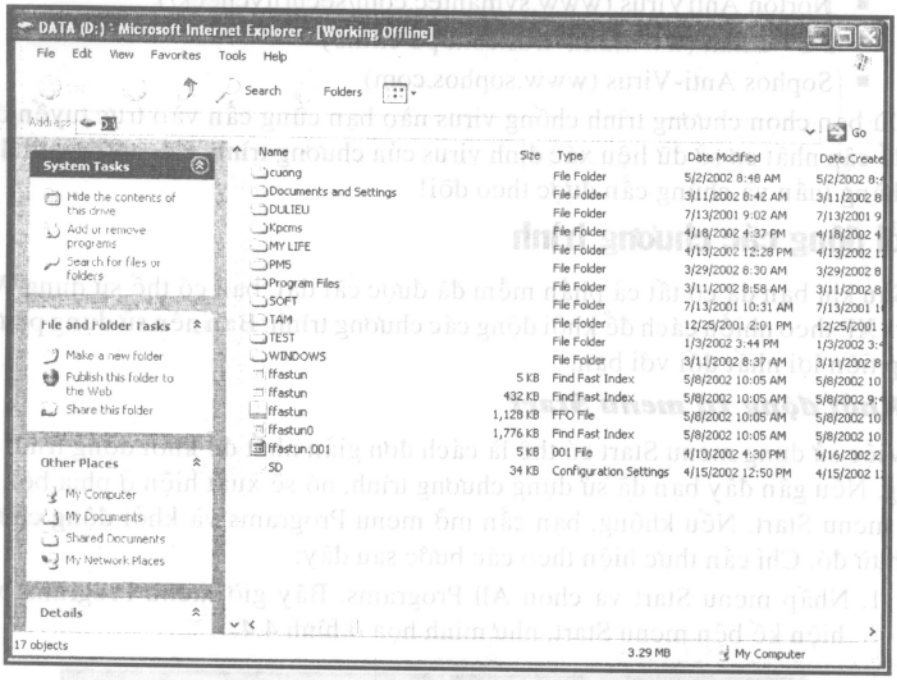

Hình 4.3 Xem các folder và file trên site FTP của Microsoft Internet Explorer.

Bạn có thể tìm danh sách các server FTP tại các Web site sau đây:

- FtpFind (www.ftpfind.com)
- LaplinkFTP (www.laplinkftp.com)
- Lycos FAST FTP Search (ftpsearch.lycos.com)
- TILE.NET/FTP (tide.net/ftp-list)

Kiểm tra Virus

Một virus máy tính là một chương trình độc hại có thể lây nhiễm sang các file khác, và phá hỏng hệ thống máy tính. Virus máy tính thường lây nhiễm qua các file chương trình được tải xuống từ Internet.

Nếu bạn đang tải xuống từ một nhà xuất bản phần mềm thương mại hay một archive phần mềm lớn, bạn có thể không phải lo về việc vô tình tải xuống một virus máy tính. Hầu như tất cả các nhà xuất bản và archive đều kiểm tra virus cho tất cả các file khi chúng được gởi đi và tải xuống.

Tuy nhiên, nếu bạn tải xuống từ một site nhỏ hơn hay độc lập, có khả năng

bạn tải xuống các file bị nhiễm. Các site cung cấp trò chơi và phần mềm không chính thức thường có nguy cơ bị nhiễm virus rất cao.

Windows XP không cung cấp tính năng cài sẵn nào để chống virus máy tính. Nghĩa là bạn cần cài đặt một chương trình chống virus của nhóm thứ ba. Bạn nên sử dụng một trong các chương trình sau đây:

- Dr.Solomon's AntiVirus (www.drxsolomon.com)
- McAfee VirusScan (www.mcafee.com)
- Norton AntiVirus (www.symantec.com/securitycheck/)
- PC - cillan (www.antivirus.com/pc-cillin/)
- Sophos Anti-Virus (www.sophos.com)

Dù bạn chọn chương trình chống virus nào bạn cũng cần vào trực tuyến định kỳ để cập nhật cơ sở dữ liệu xác định virus của chương trình. Các virus mới được tạo hàng tuần và chúng cần được theo dõi!

Khởi động các chương trình

Sau khi bạn đã có tất cả phần mềm đã được cài đặt, bạn có thể sử dụng Windows XP theo nhiều cách để khởi động các chương trình. Bạn nên sử dụng phương pháp tiện lợi nhất đối với bạn.

Khởi động từ menu Start

Việc sử dụng menu Start có thể là cách đơn giản nhất để khởi động trình ứng dụng. Nếu gần đây bạn đã sử dụng chương trình, nó sẽ xuất hiện ở phía bên trái của menu Start. Nếu không, bạn cần mở menu Programs và khởi động chương trình từ đó. Chỉ cần thực hiện theo các bước sau đây:

1. Nhấp menu Start và chọn All Programs. Bây giờ menu Programs xuất hiện kế bên menu Start, như minh họa ở hình 4.4.

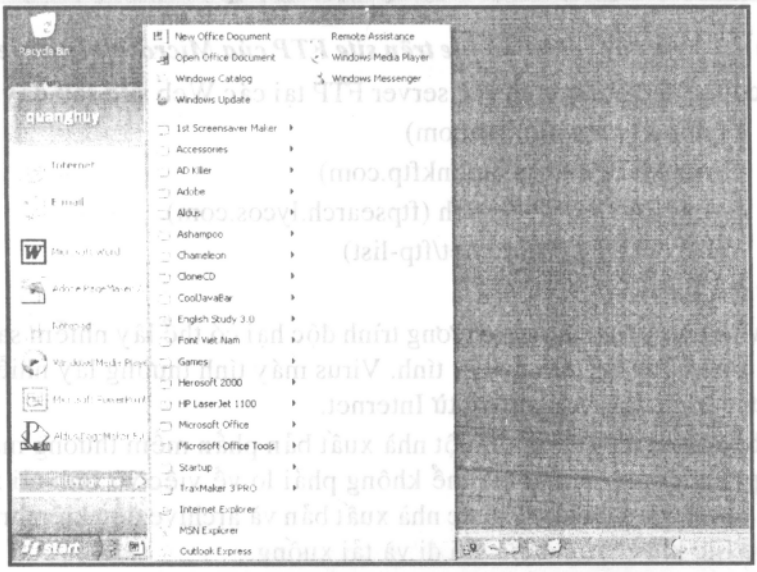

Hình 4.4 Khởi động một trình ứng dụng từ menu Programs.

2. Trỏ đến folder hay tên của trình ứng dụng trong menu. Khi bạn trỏ đến một hạng mục menu với một mũi tên, một menu con hiển thị. Nếu hạng mục mà bạn muốn nằm trên menu con đó, hãy trỏ vào nó. Hạng mục mà bạn trỏ vào bật sáng.
3. Nhấp hạng mục được bật sáng để khởi động trình ứng dụng.

Khởi động từ My Computer

Một cách khác để khởi động các trình ứng dụng là nhấp file trình ứng dụng từ My Computer. Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trong My Computer, hãy định hướng folder có chứa chương trình mà bạn muốn khởi động.
2. Nhấp biểu tượng folder để hiển thị các file được lưu trữ trong folder đó.
3. Nhấp biểu tượng dành cho file trình ứng dụng mà bạn muốn mở. Trình ứng dụng khởi động một cách tự động.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể khởi động trình ứng dụng bằng cách nhấp vào một file và chọn Open từ menu bật lên.

Khởi động từ một biểu tượng tắt trên nền màn hình

Bạn có thể tạo các biểu tượng tắt trên nền màn hình để khởi động các chương trình mà bạn ưa thích. Nhiều người sử dụng nhận thấy rằng việc sử dụng một biểu tượng tắt trên nềm màn hình là cách nhanh nhất để khởi động các chương trình này. Việc nhấp vào một biểu tượng chắc chắn nhanh hơn nhiều so với việc đi qua các lớp menu và folder.

Để khởi động một chương trình từ một biểu tượng tắt trên nền màn hình, tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp và biểu tượng của chương trình.

Khởi động từ lệnh Run

Nếu bạn biết tên và vị trí của chương trình bạn muốn chạy, bạn có thể sử dụng lệnh Run của Windows XP để khởi động chương trình. Lệnh Run là lệnh Windows tương đương của dòng lệnh DOS cũ, khi đề cập đến lệnh khởi động của chương trình.

Để sử dụng lệnh Run, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút Start và sau đó nhấp vào biểu tượng Run.
2. Khi hộp thoại Run xuất hiện, như minh họa ở hình 4.5, hãy nhập đường dẫn và tên của file trình ứng dụng vào hộp Open. Nếu bạn không biết vị trí của file, hãy nhấp nút Browser để tìm nó.
3. Nhấp Nút OK để khởi động chương trình.

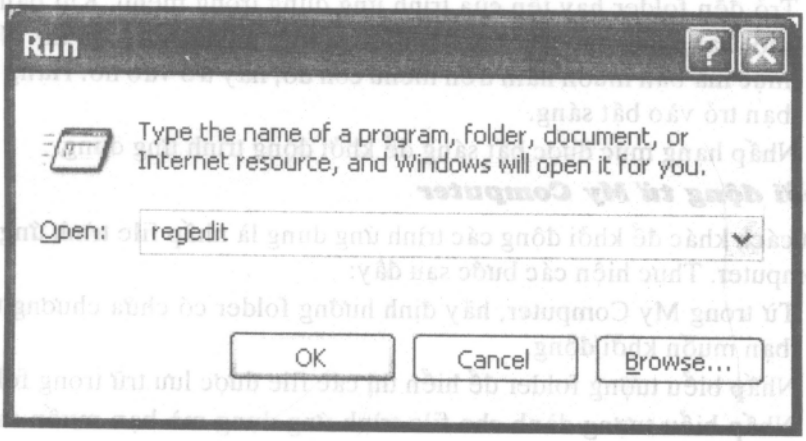

Hình 4.5 Sử dụng lệnh Run để khởi động trực tiếp một chương trình.

Khởi động các chương trình khi Windows khởi động

Nếu bạn muốn một chương trình nào đó luôn khởi động bất kỳ khi nào bạn bật máy tính, bạn có thể bổ sung chương trình đó vào menu Startup của Windows. Các file nằm trong menu Startup sẽ khởi động bất kỳ khi nào Windows khởi động.

Sau đây là cách thực hiện:

1. Từ My Computer, hãy định hướng đến Document and Settings\All Users\Starts Menu\Startup\folder.
2. Chọn File, New, Shorcut.
3. Khi wizard Create Shorcut hiển thị, hãy nhập vào vị trí của chương trình mà bạn muốn khởi động, hoặc sử dụng nút Browser để định hướng đến và chọn folder đó. Nhấp Next.
4. Nhập một tên cho biểu tượng tắt, sau đó nhấp nút Finish.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể bổ sung một chương trình vào menu Startup bằng cách rê biểu tượng dành cho chương trình đó lên trên folder Startup.

Chuyển đổi giữa các chương trình

Sau khi bạn đã chuyển đổi một chương trình, việc chuyển đổi giữa các chương trình đó và chương trình đang mở ra sẽ trở nên dễ dàng. Bạn có thể

- Nhấp vào nút Taskbar của trình ứng dụng.
- Nhấp vào thanh tiêu đề của trình ứng dụng.
- Nhấp vào một phần hiển thị bất kỳ của cửa sổ trình ứng dụng.
- Nhấn giữ phím Alt và sau đó nhấn phím tab nhiều lần cho đến khi cửa sổ trình ứng dụng mà bạn muốn được chọn. (Thao tác này sẽ đưa bạn qua

tất cả các cửa sổ đang mở). Khi bạn ở tại cửa sổ mà bạn muốn, hãy thả phím Alt.

Nếu bạn có nhiều cửa sổ mở cùng lúc, bạn có thể xác định cửa sổ nào đang mở dựa vào thanh tiêu đề của nó. Thanh tiêu đề dành cho chương trình hoạt động sáng hơn, và text của thanh tiêu đề có màu vần sáng. Một thanh tiêu đề không hoạt động sẽ mờ hơn và text của nó có màu trắng xám. Nếu bạn có các cửa sổ xếp chồng trên nền màn hình, cửa sổ nằm ở trên cùng luôn là cửa sổ hoạt động. Nút Taskbar của trình ứng dụng hoạt động giống như nó được ấn vào.

Sắp xếp các cửa sổ trên nền màn hình

Một số người sử dụng thích chạy tất cả các chương trình của họ trên toàn màn hình. Một số khác thích xem tất cả các chương trình đang mở cùng một lần trong các cửa sổ xếp chồng. Tuy nhiên, có một số người thích sắp xếp các cửa sổ gọn gàng trên nền màn hình của họ.

Nếu bạn là người thích sắp xếp các cửa sổ gọn gàng trên nền màn hình, và có thể nhờ Windows sắp xếp các cửa sổ cho bạn. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp phải vào một vùng trống của Taskbar và sau đó chọn một trong các tùy chọn sau đây từ menu bật lên:

- **Cascade Windows** Tạo một ngăn xếp các cửa sổ bắt đầu tại góc trên cùng bên trái của màn hình và tiếp tục đi chéo xuống dưới và sang phải, như minh họa ở hình 4.6.
- **Tile Windows Horizontally** Tạo các dãy cửa sổ nằm ngang trên nền màn hình, như minh họa ở hình 4.7.
- **Tile Windows Vertivcally** Tạo các cột cửa sổ theo chiều dọc, như minh họa ở hình 4.8.

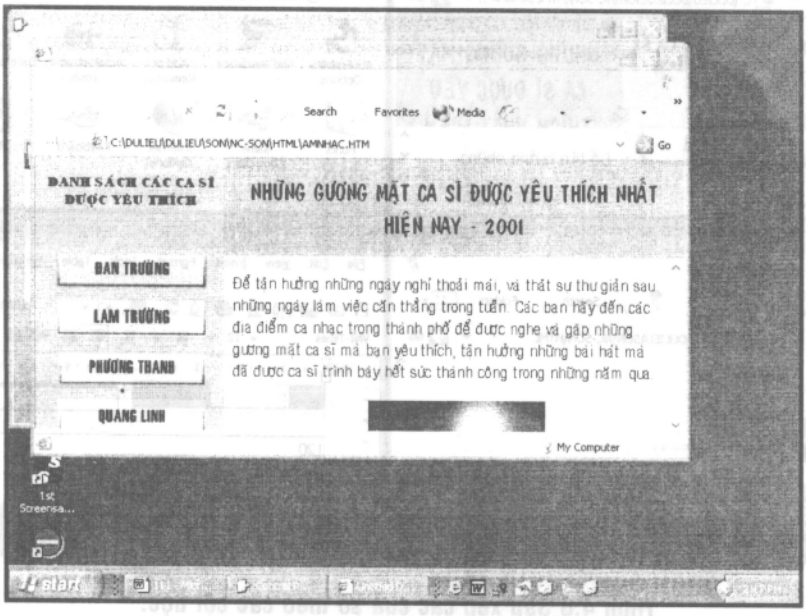

Hình 4.6 Sắp xếp các cửa sổ bằng một hiệu ứng cascade.

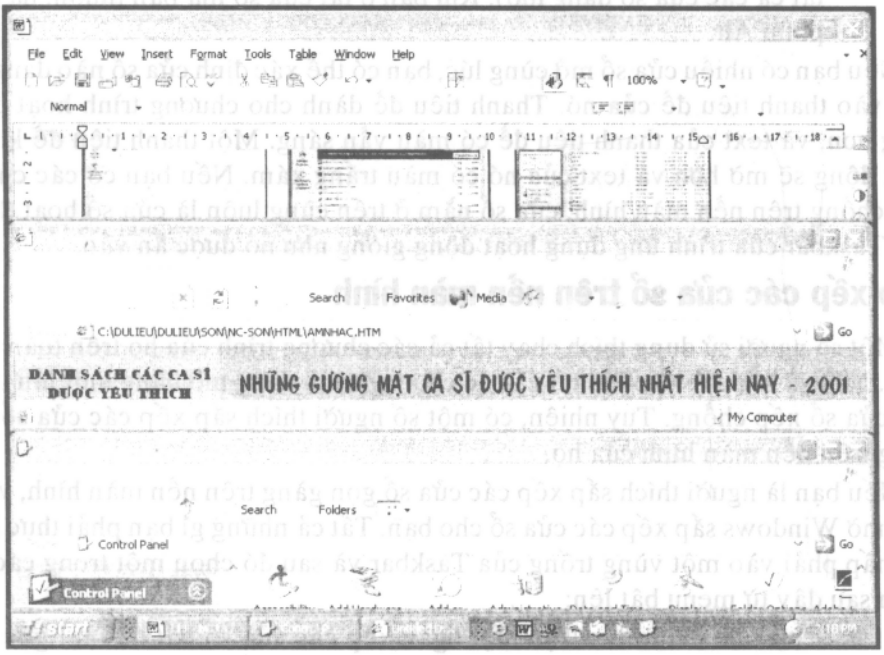

Hình 4.7 Sắp xếp các cửa sổ theo các dãy ngang.

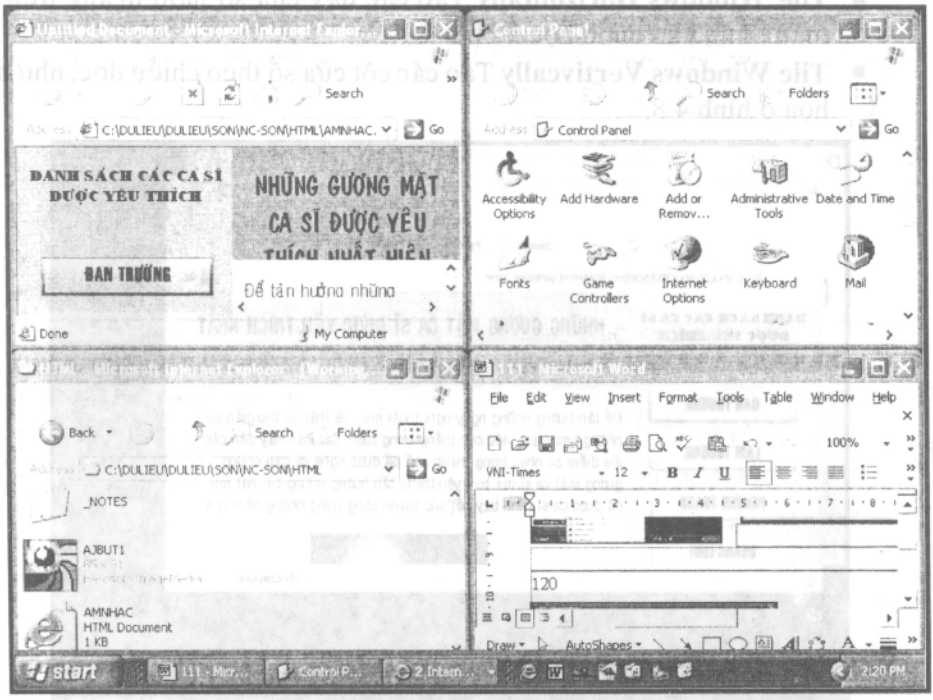

Hình 4.8 Sắp xếp các cửa sổ theo các cột dọc.

Đóng các chương trình bị làm đông

Tuy Windows XP rất mạnh, nhưng có những lúc chương trình bị làm đông. Trường hợp này ít nghiêm trọng hơn so với các phiên bản trước đây của Windows, khi một chương trình bị làm đông có thể làm ngưng toàn bộ hệ thống. Bây giờ khi một chương trình khi bị làm đông, nó ít khi ảnh hưởng đến bất kỳ điều gì khác. Tất cả những gì bạn phải làm là đóng chương trình bị làm đông.

Điểm đầu tiên cần xem xét là chương trình bị ngưng hoạt động hay nó có tốc độ chậm. Nếu máy tính có ít bộ nhớ, một số chương trình có thể mất rất nhiều thời gian để thực hiện các hoạt động phức tạp. Bạn có thể gặp trường hợp này nếu bạn có nhiều chương trình mở cùng lúc, hoặc nếu bạn đang in một file lớn trong khi bạn cố thực hiện một việc khác.

Bạn có thể từ khoảng một phút để xem chương trình có phản hồi hay không. Nếu không, bạn nên cố chuyển đổi sang một chương trình đang mở khác, hoặc từ Windows Taskbar hoặc bằng các nhóm All + Tab để di chuyển qua tất cả những chương trình đang mở.

Nếu chương trình bị làm đông, hãy nhấn Ctrl + ALt + Del để hiển thị Windows Task Manager. Đây là một phiên bản của hộp thoại Close Programs cũ được tìm thấy trong các phiên bản trước đây của Windows, và nó cung cấp nhiều tính năng hơn. Nó sẽ được thảo luận chi tiết hơn ở chương 22, Bây giờ chúng ta chỉ tập trung vào việc sử dụng nó để đóng các chương trình bị làm đông.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể mở Windows Task Manager bằng cách nhấp phải vào Taskbar và chọn Task Manager từ menu bật lên.

Khi Windows Task Manager hiển thị, hãy chọn nhãn Application bật lên (như hiển thị ở hình 4.9). Nhãn này hiển thị một danh sách tất cả các chương trình đang chạy trên hệ thống.



Hình 4.9 Sử dụng Windows Task Manager để gỡ phần mềm bị làm đông.

Bạn nén một chương trình bị làm đông, nó có thể được chỉ ra trong cột Status hoặc có thể không. Trong bất kỳ trường hợp nào, bạn cần chọn chương trình bị làm đông, sau đó nhấp nút End Task.

Nếu điều này không làm cho chương trình đóng lại, hãy trở lại Windows Task Manager và nhấp nhãn Processes, tìm File bị làm đông, hãy chọn nó và sau đó nhấp End Process.

Trường hợp tệ nhất là bạn không thể đóng chương trình bị làm đông cho dù bạn đã cố gắng, và sau đó nó bắt đầu ảnh hưởng đến phần còn lại của hệ thống. Nếu bạn gặp trường hợp này, bạn cần khởi động lại Windows. Nếu mọi việc đã trở nên quá tệ đến nỗi bạn không thể khởi động lại hệ điều hành, bạn phải khởi động lại máy tính bằng cách nhấn Ctrl + Alt + Del hai lần.

Bạn có thể thử nhấn nút on/off của máy tính. Nếu điều này không giải quyết được sự cố, hãy rút dây cắm máy tính, hoặc nếu bạn có một máy tính notebook, hãy rút nguồn dây cắm của nó ra và tháo bộ pin.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Cài đặt, xóa bỏ, và khởi động các chương trình với Windows XP là các hoạt động khá thông thường. Bạn chỉ cần ghi nhớ 10 thủ thuật quan trọng nhất sau đây:

1. Bất kỳ khi nào có thể, hãy sử dụng chương trình cài đặt đi kèm với một chương trình phần mềm mới.
2. Nếu bạn phải cài đặt một chương trình bằng tay, hãy sử dụng trình tiện ích Add or Remove Programs của Windows XP.
3. Bạn cũng sử dụng trình tiện ích Add or Remove Programs, hủy cài đặt các chương trình ra khỏi đĩa cứng.
4. Việc tải xuống và cài đặt một chương trình phần mềm thương mại từ Internet giống như việc cài đặt chương trình từ CD.
5. Nếu bạn tìm các chương trình hay phần mềm để tải xuống, hãy bảo đảm chúng tương thích Windows XP/2000. Nếu bạn không đang tải xuống từ một phần mềm lớn, hãy nhớ kiểm tra virus cho các file.
6. Với Windows XP, bạn có thể khởi động các chương trình từ menu Star, từ My Computer, từ một biểu tượng tắt trên nền màn hình hay từ lệnh Run.
7. Để chuyển đổi giữa các chương trình đang mở, hãy nhấp nút Taskbar thích hợp-hoặc nhấn Alt + Tab để di chuyển sang tất cả các chương trình đang mở.
8. Nếu bạn muốn một chương trình luôn khởi động khi bạn khởi động Windows, bổ sung chương trình đó vào menu Startup.
9. Để sắp xếp tất cả các cửa sổ đang mở gọn gàng trên nền màn hình, hãy nhấp phải vào Taskbar và chọn một trong các tùy chọn xếp tầng hay xếp ngói.
10. Để đóng một chương trình bị làm đông bằng tay, hãy nhấn Ctrl + Alt + Del để mở Windows Task Manager, sau đó chọn chương trình và nhấp nút End.



Điều khiển máy in

- *Bổ sung và xóa máy in*
- *Cấu hình máy in*
- *Quản lý tiến trình in.*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Ngày nay, Windows thực hiện việc quản lý máy in rất tốt đối với nhiều phiên bản. Bạn cài đặt các trình điều khiển máy in thích hợp, cho Windows biết máy in nào là máy in chính (mặc định), và sau đó sẵn sàng in. Trừ khi bạn gặp sự cố trong tiến trình in, việc in đơn giản như việc nhấp nút print từ trong trình ứng dụng mà bạn ưa thích.

Bạn vẫn có thể tạm ngưng và hủy các công việc in đang diễn ra. Bạn vẫn có thể cài đặt nhiều máy in trên hệ thống, và chọn kiểu cho chúng khi đến lúc in. Bạn chỉ cần nhấp và in.

Một đặc tính tương đối mới trong Windows XP là bạn có thể dễ dàng cài đặt một mạng nhỏ, sau đó chia sẻ một máy in giữa nhiều máy tính khác nhau. Nếu bạn quan tâm đến loại chia sẻ máy in này, hãy xem chương 18. Trong chương đó, bạn sẽ học cách sử dụng của Network Setup Wizard của Windows XP. Bạn sử dụng nó để cài đặt tất cả các thiết bị ngoại vi nối mạng.

Bổ sung và xóa máy in

Windows XP cho phép bạn nối kết nhiều máy in với hệ thống như bạn có các cổng dành cho chúng. Thậm chí bạn có thể cài đặt các máy in ảo, (chẳng hạn như phần mềm fax) cho phép bạn "in" ra một file hay chương trình thay vì ra một máy in vật lý.

Trong phần lớn các trường hợp, việc bổ sung một máy in mới vào máy tính đơn giản như việc cắm nó vào.

Bổ sung một máy in cục bộ mới

Nếu bạn có một máy in tương thích Plug and Play, trong phần lớn các trường hợp Windows sẽ nhận biết máy in mới vào lần kế tiếp bạn khởi động Windows. Nếu máy in của bạn không tương thích Plug and Play, Windows XP của bạn sử dụng Printer Wizard để giúp bạn cài đặt.

Để chạy Add printer Wizard, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp vào biểu tượng Printer and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printer and Faxes hiển thị, hãy nhấp biểu tượng Add printer để khởi động Wizard Add Printer. Khi màn hình đầu tiên của wizard xuất hiện, hãy nhấp nút Next.

3. Nếu bạn đang bổ sung máy in vào PC này, hãy chọn tùy chọn Local Printer. Nếu đó là một máy in PnP, bạn cũng nên chọn Automatically Detect and Install My Plug and Play Printer. Nhấp nút Next.
4. Khi màn hình kế tiếp của Wizard xuất hiện, hãy chọn tên của nhà sản xuất máy in trong hộp danh sách Manufactures (xem hình 5.1). Chọn model máy in cụ thể trong một danh sách Printer, sau đó nhấp Next.

Thủ thuật

Nếu máy in của bạn không nằm trong danh sách, hãy chọn Generic Manufacture và generic/Text Only printer ha nhấp nút Have Disk và thực hiện theo các chỉ dẫn để cài đặt các trình điều khiển do nhà cung cấp-cung cấp.

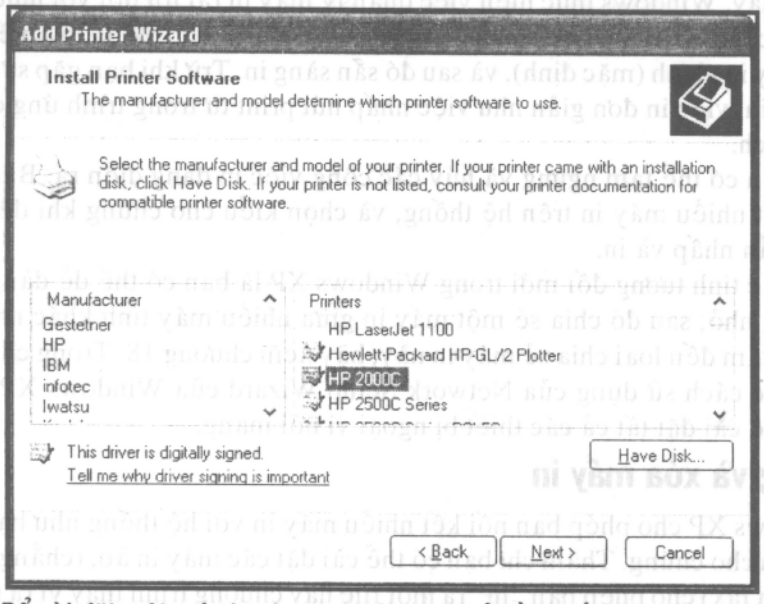

Hình 5.1 Để cài đặt một máy in phục vụ mới, bạn chỉ cần nhấp đúng nhãn hiệu và model từ danh sách.

5. Khi màn hình kế tiếp của Wizard xuất hiện, hãy chọn cổng mà máy in được nối kết với cổng đó, sau đó nhấp Next.
6. Trong hộp text Printer Name, gõ nhập một tên cho máy in hoặc giữ lại tên được hiển thị. Chọn nút tùy chọn Yes nếu bạn muốn nó là máy in mặc định. (Nếu một máy in khác là máy in mặc định, hãy nhấp No). Nhấp nút Next.
7. Trang Printer Sharing xuất hiện. Nếu bạn muốn chia sẻ máy in này với các máy tính khác trên mạng, hãy chọn tùy chọn Share Name và nhập "một tên chia sẻ" cho máy tính. (Đây là tên mà những người khác nhìn thấy khi họ in ra máy in này.) Nếu bạn không muốn chia sẻ, hãy chọn tùy chọn Do Not Share This printer. Nhấp Next.
8. Khi trang kế tiếp xuất hiện, hãy chọn Yes nếu bạn muốn in thử một trang, sau đó nhấp Next.

9. Trang được in thử (nếu bạn đã chọn Yes). Nhấp nút Finish, và các trình điều khiển thích hợp được cài đặt vào hệ thống, tiến trình cài đặt kết thúc.

Cảnh báo

Nếu trang bạn in thử không in chính xác, bạn có thể xử lý sự cố bằng Print Troubleshooter của Windows XP. Chỉ cần nhấp nút Start và chọn Help and Support. Khi cửa sổ Help and Support Service xuất hiện, hãy nhấp liên kết Printing and Faxing, nhấp Printing, sau đó nhấp Fix a Printing Problem. Thực hiện theo các bước chỉ dẫn trên màn hình để theo dõi và xử lý sự cố.

Bổ sung một nối kết với một máy in mạng

Nếu máy tính của bạn là thành phần của một mạng (hoặc một mạng nhỏ trong gia đình), bạn cần bổ sung một nối kết với máy in mạng.

Nếu máy in đã được cấu hình là máy in "chia sẻ" trên máy tính chủ thì công việc đã được thực hiện cho bạn. Trong nhiều trường hợp, các máy in chia sẻ tự động hiển thị trong danh sách máy in của tất cả các máy tính được nối mạng.

Ghi chú

Phần này giả sử máy in được nối kết với một máy tính khác trên mạng. Nếu máy in được nối kết với máy tính hiện hành, bạn không phải thực hiện bất kỳ điều gì ngoài tiến trình cài đặt máy in bình thường.

Nếu máy in chia sẻ không xuất hiện trong danh sách máy in, sau đây là những gì bạn cần thực hiện:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Printers and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printers and Faxes xuất hiện, hãy nhấp biểu tượng Add Printer để khởi động Wizard Add Printer. Khi màn hình đầu tiên của wizard xuất hiện, hãy nhấp nút Next.
3. Để cài đặt một nối kết với một máy tính mạng, hãy chọn tùy chọn Printer Connection và sau đó nhấp Next.
4. Khi nàm hình Specify a Printer xuất hiện (như minh họa ở hình 5.2), hãy nhấp nút Browser For a Printer, và sau đó nhấp Next.

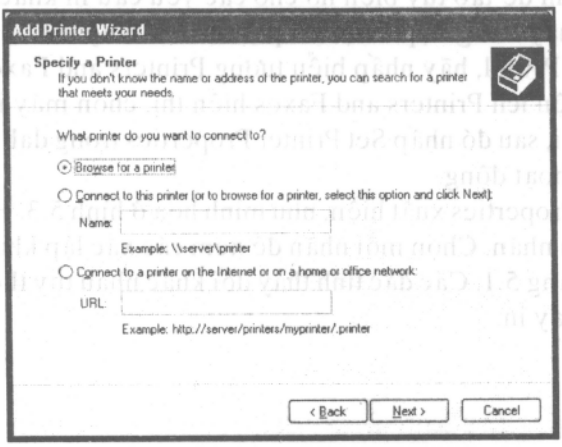

Hình 5.2 Chọn một máy in trên mạng mà bạn muốn chia sẻ.

5. Khi màn hình Browser For a Printer xuất hiện, hãy chọn máy in mà bạn muốn nối kết, và rồi nhấp nút Next.

Ghi chú

Chỉ những máy in được chỉ định là máy in chia sẻ máy có sẵn trong Add Printer Wizard. Như được nêu ở chương 18, bạn xác lập sự chia sẻ máy in từ máy tính mà máy in được gắn với nó.

6. Thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất việc nối kết với máy in mạng.

Xóa một máy in hiện có

Nếu bạn không còn cần một máy in nào đó nữa, bạn có thể xóa nó ra khỏi hệ thống bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Printers and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printers and Faxes hiển thị, hãy chọn máy in mà bạn muốn xóa.
3. Nhấp Delete This Printer trong danh sách Tasks của ô trung tâm hoạt động.
4. Windows hỏi bạn có chắc chắn rằng bạn muốn xóa máy in không. Chọn Yes. Biểu tượng máy in được xóa.
5. Windows hỏi bạn nó có thể xóa các file đã được sử dụng cho chỉ máy in này hay không. Chọn Yes. (Tuy nhiên, nếu bạn muốn gắn lại máy in này sau này, hãy chọ No).

Cấu hình máy in

Thông thường bạn không phải chọn bất kỳ cấu hình nào cho các máy in ngoại trừ những gì xảy ra trong tiến trình cài đặt. Tuy nhiên, bạn có thể phải cấu hình máy in cho các loại công việc in nhất định và điều đó được thực hiện tương đối dễ dàng.

Xác lập các đặc tính máy in

Sau khi bạn cài đặt một máy in trong Windows XP, bạn có thể thực hiện các thay đổi về cấu hình để tạo tùy biến nó cho các yêu cầu in khác nhau. Bạn thực hiện các thay đổi này trong hộp thoại Properties của máy in.

1. Từ Control PAnel, hãy nhấp biểu tượng Printers and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printers and Faxes hiển thị, chọn máy in mà bạn muốn cấu hình lại, sau đó nhấp Set Printer Properties trong danh sách Task của ô trung tâm hoạt động.
3. Hộp thoại Properties xuất hiện, như minh họa ở hình 5.3. Hộp thoại này có chứa nhiều nhãn. Chọn mỗi nhãn để xem các xác lập khác nhau, như liệt kê trong bảng 5.1. Các đặc tính thay đổi khác nhau tùy theo các tính năng của mỗi máy in.

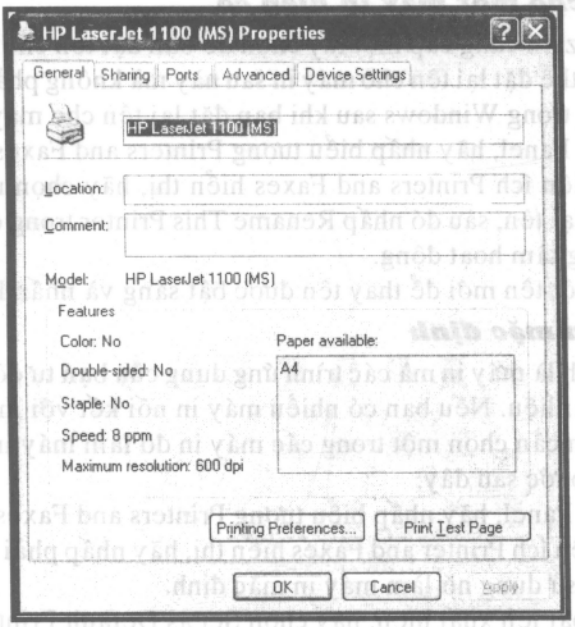

Hình 5.3 Sử dụng hộp thoại Properties để cấu hình máy in.

4. Thay đổi các xác lập như mong muốn, và sau đó chọn OK để lưu các xác lập mới. Chọn Cancel nếu bạn thích hủy tất cả các thay đổi.

Bảng 5.1 Các đặc tính máy in.

Nhãn	Đặc tính
General	Nhập các lời bình chú về máy in này. Nhấp nút Print Test Page để kiểm tra kết quả xuất của máy in. Nhấp nút Printing Preferences để xác lập hướng, thứ tự trang, và thay mặc định cho máy in.
Sharing	Xác định máy in có được chia sẻ bởi những người sử dụng khác trên mạng hay không.
Ports	Chọn và cấu hình cổng mà máy in sử dụng.
Advanced	Xác lập tính có sẵn cho máy in, tính năng cuộn in, và các xác lập cao cấp khác.
Device Settings	Xác định các xác lập cụ thể cho máy in của bạn, chẳng hạn như mật độ in, chất lượng in, và bộ nhớ máy in.

Ghi chú

Các nhãn trong hộp thoại Properties có thể thay đổi khác nhau phụ thuộc vào loại máy in mà bạn có. Chẳng hạn nhiều máy in màu có một nhãn Color Management mà bạn có thể sử dụng để xác lập các tùy chọn màu của máy in. Hãy điều chỉnh các chỉ dẫn độc lập trên các nhãn theo cấu hình cụ thể của bạn.

Đặt lại tên cho một máy in hiện có

Add Printer Wizard cung cấp một tùy chọn để bạn đặt tên cho máy in khi bạn cài đặt nó. Bạn có thể đặt lại tên cho máy in sau này mà không phải cài đặt lại nó. Tên được thay đổi trong Windows sau khi bạn đặt lại tên cho máy in.

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Printers and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printers and Faxes hiển thị, hãy chọn máy in mà bạn muốn đặt lại tên, sau đó nhấp Rename This Printer trong danh sách Task của ô trung tâm hoạt động.
3. Gõ nhập một tên mới để thay tên được bật sáng và nhấn Enter.

Chọn máy in mặc định

Máy in mặc định là máy in mà các trình ứng dụng của bạn tự động sử dụng khi bạn chọn in một tài liệu. Nếu bạn có nhiều máy in nối kết với máy tính-chia sẻ trên một mạng-bạn cần chọn một trong các máy in đó làm máy in mặc định.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Printers and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printer and Faxes hiển thị, hãy nhấp phải vào máy in mà bạn muốn sử dụng nó làm máy in mặc định.
3. Khi menu bật lên xuất hiện, hãy chọn Set as Default Printer.

Thủ thuật

Máy in mặc định xuất hiện kế bên biểu tượng của nó trong cửa sổ Printer and Faxes.

Chọn giữa nhiều máy in

Khi bạn in một tài liệu từ bất kỳ trình ứng dụng Windows nào, tài liệu được in tự động ra máy in mặc định. (Điều này xảy ra khi bạn nhấp nút Print hoặc chọn File, Print).

Nếu bạn muốn in ra một máy in khác, bạn phải thực hiện thêm các bước sau đây:

1. Từ trong trình ứng dụng, hãy chọn File, Print.
2. Khi hộp thoại Print xuất hiện, hãy xổ xuống danh sách Printer và chọn máy in mà bạn muốn sử dụng.
3. Thực hiện các thao tác chọn khác từ hộp thoại này, và sau đó nhấp nút OK để bắt đầu in.

Quản lý tiến trình in

Sau khi bạn đã bắt đầu in, công việc in được gởi trước tiên đến một buffer trên máy tính, sau đó đến một buffer trên máy in. Nếu công việc in khá dài, bạn có thể tạm ngưng hay hủy công việc in giữa chừng.

Quản lý các công việc in từ Print Manager

Print Manager được sử dụng để điều khiển các công việc in được gởi đến máy in. Một trình quản lý riêng biệt dành cho mỗi máy in được cài đặt trên hệ thống. Nếu các công việc mà bạn đã gởi đến một máy in không quá nhỏ đến nỗi chúng được tiếp đến máy in, bạn phải nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong Winddows

System Tray. Sau khi biểu tượng máy in biến mất khỏi System Tray, bạn có thể điều khiển chỉ công việc in tại máy in.

Bạn có thể mở Print Manager bằng cách nhấp vào một biểu tượng máy in trong trình tiện ích Printer and Faxes, hoặc bằng cách nhấp đúp vào biểu tượng máy in System Tray.

Kiểm tra tình trạng in

Khi bạn mở Print Manager bạn có thể nhanh chóng kiểm tra tình trạng in.

Trước tiên, bạn có thể xem xét các công việc in trong hàng đợi và xem tình trạng của chúng (đang in, để tạm ngưng hay đang cuộn in) trong hộp Status như minh họa ở hình 5.4. Bạn cũng có thể xem thanh trạng thái để biết số lượng công việc in còn lại. Chọn View, Status Bar để mở và tắt thanh trạng thái.

Hình 5.4 Sử dụng Print Manager để xem tình trạng của tất cả các công việc in hiện tại.

Tạm ngưng một công việc in

Nếu bạn có nhiều công việc in trên một máy in, bạn có thể chọn tạm ngưng các công việc in nhất định và tiếp tục in tất cả các công việc không bị tạm ngưng.

Để tạm ngưng công việc in, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong Sysatem Tray để mở Print manager.
2. Chọn một hay nhiều tài liệu từ danh sách hàng đợi in.
3. Chọn Document, Pause Printing.

Thu thuật

Để tạm ngưng một tài liệu một cách nhanh chóng, hãy nhấp phải vào hạng mục của nó trong hàng đợi in và sau đó chọn Pause Printing từ menu bật lên.

Việc tạm ngưng công việc in không giống như việc tạm ngưng tất cả các công việc in. Để tạm ngưng tất cả các công việc in hiện tại từ Print Manager, hãy chọn Printer, Pause Printing.

Tiếp tục một công việc in đã tạm ngưng

Thông thường, bạn tạm ngưng một công việc in để bạn có thể bắt đầu lại nó sau này. Có thể bạn muốn đổi sang một loại giấy khác hay đổi toner. Công việc vẫn tạm ngưng trong Print Manager cho đến khi bạn bắt đầu lại hoặc hủy nó.

Để tiếp tục in một công việc in đã tạm ngưng, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong System Tray để mở Print Manager.
2. Chọn tài liệu đã tạm ngưng.
3. Chọn Document, Pause Printing. Tài liệu được chọn không hiển thị tình trạng Paused nữa và bắt đầu in theo vị trí của nó trong hàng đợi.

Hủy một công việc in

Bạn có thể hủy một công việc in trong hàng đợi in ngay cả khi nó đã bắt đầu in.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Mở Print Manager bằng cách nhấp đúp vào biểu tượng máy in trên System Tray.

2. Chọn một hay nhiều tài liệu từ danh sách hàng đợi in.
3. Chọn Document, Cancel Printing.

Thủ thuật

Để hủy in một tài liệu một cách nhanh chóng, hãy nhấp phải vào hạng mục của nó trong hàng đợi in và sau đó chọn Cancel Printing từ menu bật lên.

Cảnh báo

Khi bạn hủy một công việc in, nó biến mất ngay khỏi hàng đợi in. Bạn có thể muốn tạm ngưng công việc in trước tiên để bảo đảm bạn hủy đúng công việc in.

Lọc tất cả các công việc in

Việc lọc sẽ loại bỏ tất cả các công việc in trong hàng đợi. Bạn có thể lọc tất cả các công việc chưa bắt đầu in.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp đúp vào biểu tượng System Tray để mở Print Manager.
2. Chọn Printer, Purge Print Jobs.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Bạn đã biết việc in ấn được thực hiện dễ dàng như thế nào với Windows XP. Sau đây là 10 thủ thuật quan trọng nhất mà bạn cần ghi nhớ:

1. Bạn có thể cài đặt nhiều máy in trên một PC, mặt dù bạn phải chọn trong các máy in này là máy in mặc định.
2. Sử dụng Add Printer Wizard để bổ sung các máy in mới-cả máy in cục bộ và máy in được cài đặt trên các máy tính khác trên mạng.
3. Bạn có thể sử dụng Add Printer Wizard để cho phép chia sẻ một máy in với các máy tính khác trên mạng.
4. Các xác lập dành cho mỗi máy in được xác lập qua các hộp thoại Properties riêng lẻ.
5. Khi bạn có nhiều máy tính được nối kết với hệ thống, hãy sử dụng hộp thoại Print của trình ứng dụng để chọn in ra máy in nào.
6. Windows Print Manager cho phép bạn quản lý tất cả các công việc in đang diễn ra. Bạn mở print Manager bằng cách nhấp vào biểu tượng của một máy in trong hộp thoại Print and Faxes, hoặc bằng cách nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong Windows System Tray.
7. Để tạm ngưng một công việc in, hãy nhấp đúp vào biểu tượng in trong System Tray, chọn công việc in, và sau đó chọn Document, Pause printing.
8. Để tiếp tục một công việc in đã tạm ngưng, hãy nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong System Tray, chọn công việc in, và sau đó chọn Document, Pause printing.
9. Để hủy một công việc in nhất định, hãy nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong System Tray và sau đó chọn Document, Cancel Printing.
10. Để lập tất cả các công việc in trong hàng đợi, hãy nhấp đúp vào biểu tượng máy in trong System Tray và sau đó chọn Printer, Purge Print Jobs.

Chương 6

Bổ sung phần cứng mới

- *Tìm hiểu các cổng*
- *Cài đặt các thiết bị ngoại vi mới*
- *Cập nhật các trình điều khiển thiết bị*
- *Giải quyết các xung đột thiết bị*
- *Các thiết bị ngoại vi phổ biến nhất*
- *Làm việc với các Profile phần cứng*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Trước đây, việc bổ sung phần cứng mới vào một hệ thống máy tính tương đối khó. Bạn phải làm việc với các jumper, cài đặt các trình điều khiển thiết bị bằng tay, và xử lý tất cả các loại file cấu hình hệ thống. Tuy nhiên, nhờ sự cải tiến của hệ điều hành và công nghệ, nên bây giờ việc bổ sung phần cứng mới tương đối dễ.

Tìm hiểu các cổng

Mọi thứ được nối kết với PC qua một loại cổng nào đó. Cổng đơn giản chỉ là một giao diện giữa PC và một thiết bị khác - dù nối kết đó là trong (bên trong bộ hệ thống của PC hay ngoài qua môt bộ nối ở phía sau bộ hệ thống).

Có nhiều loại cổng khác nhau, mỗi loại được tối ưu hóa cho một loại giao tiếp dữ liệu khác nhau. Các loại phần cứng khác nhau nối kết qua các loại cổng khác nhau.

Bạn có thể xem xét tất cả các cổng trên PC, và các thiết bị nối kết với chúng, với trình tiện ích Device Manager của Windows XP. Như bạn có thể thấy trong hình 6.1, Device Manager hiển thị tất cả các thiết bị theo loại. Khi bạn nhấp đúp vào một loại thiết bị, bạn sẽ nhìn thấy các thiết bị thuộc loại đó được cài đặt trên hệ thống. Nhấp đúp vào một thiết bị cụ thể để hiển thị hộp thoại Properties dành cho thiết bị đó.

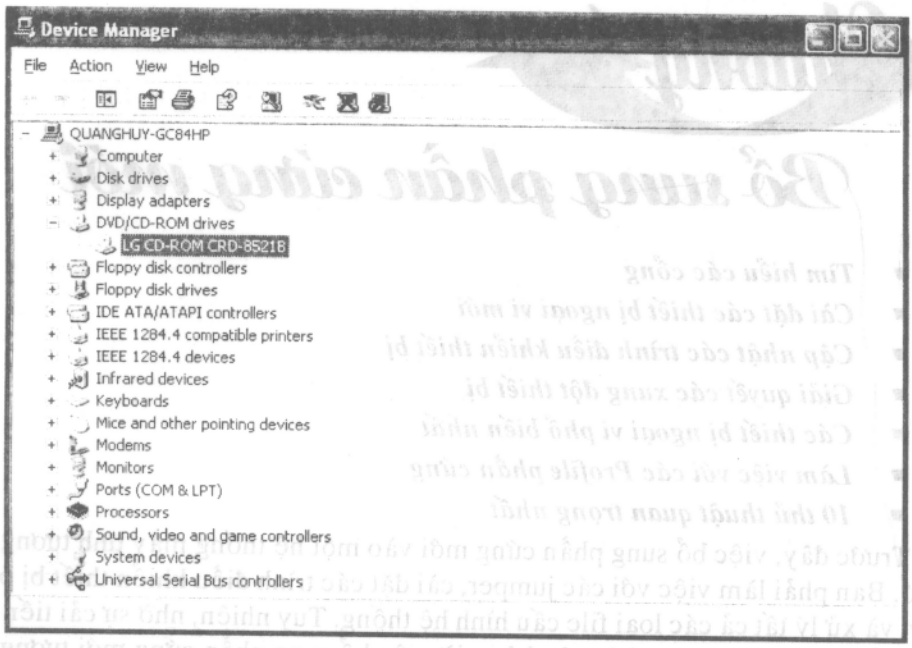

Hình 6.1 Sử dụng Device Manager để xem xét tất cả các cổng và thiết bị trên hệ thống.

Bạn mở Device Manager như sau:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng System để mở trình tiện ích System Properties.
2. Chọn nhãn Hardware, sau đó nhấp nút Device Manager.
3. Khi Device Manager hiển thị, hãy chọn View, Devices by Type.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể mở Device Manager bằng cách nhấp phải vào My Computer và chọn Properties từ menu bật lên.

Các cổng nối tiếp

Cổng nối tiếp là một giao diện cho phép giao tiếp mỗi lần một bit. Điều đó có nghĩa rằng một thiết bị không thể gửi nhiều dòng dữ liệu, và nó cũng có nghĩa là mỗi lần dữ liệu chỉ có thể lưu thông theo một hướng. Các cổng nối tiếp được sử dụng để nối kết các modem, máy in, chuột, và các thiết bị ngoại vi tương tự.

Các cổng song song

Cổng song song là một giao diện có thể xử lý các cuộc giao tiếp theo hai hướng cùng lúc. Các cổng song song thường được sử dụng để nối kết máy in, và thường được gọi là các cổng máy in.

Các cổng USB

Cổng USB (Universal Serial Bus) là một loại cổng nối tiếp mới hơn, nhanh hơn, và thông minh hơn. Các thiết bị USB có thể được bổ sung vào trong khi máy

tính vẫn đang chạy, và được nhận biết tự động bởi hệ điều hành. Bạn có thể sử dụng các cổng USB để nối kết hầu như tất cả các loại thiết bị, bao gồm máy in, máy quét, modem, các ổ CD-ROM/DVD, các ổ đĩa cứng, ổ đĩa Zip, các camera PC, các camera kỹ thuật số, bàn phím, chuột, và gậy điều khiển.

Ghi chú

Windows XP hỗ trợ tiêu chuẩn USB ban đầu, nhưng chưa hỗ trợ tiêu chuẩn USB2 mới hơn - vốn có tốc độ truyền vượt xa các cấp độ FireWire và SCSI.

Các cổng FireWire

FireWire (còn được gọi là IEEE 1394) là một giao diện cho phép truyền dữ liệu tốc độ cao và có khả năng chuyển đổi nóng. Nó thường được sử dụng để nối kết các thiết bị ngoại vi và quay video kỹ thuật số - mặc dù một số ổ đĩa cứng ngoài và CD burner được sản xuất với các nối kết FireWire.

Các cổng SCSI

Cổng SCSI (Small Computer System Interface) là một giao diện song song tốc độ cao. Bạn sử dụng các cổng SCSI để nối kết các đĩa cứng, các ổ CD-ROM và DVD, ổ đĩa Zip, các ổ băng và các phương tiện lưu trữ khối khác - cũng như một số máy quét và máy in.

Các cổng PCMCIA

PCMCIA (Personal Computer Memory Card International Association) đã lập ra tiêu chuẩn dành cho giao diện PC Card được sử dụng trên phần lớn các máy tính xách tay ngày nay . Trên một máy tính xách tay, PC Card có thể được sử dụng để nối kết mọi thứ từ modem, các đĩa cứng thu nhỏ, và bộ nhớ hệ thống bổ sung.

Cài đặt các thiết bị ngoại vi mới

Trong phần lớn các trường hợp, việc nối kết các thiết bị ngoại vi mới của máy tính là một hoạt động đơn giản được thực hiện như sau:

1. Đóng Windows và tắt PC.
2. Nối kết thiết bị mới.
3. Khởi động lại máy tính.
4. Khi Windows khởi động, nó sẽ nhận biết thiết bị mới, và hoặc tự động cài đặt các trình điều khiển thích hợp hoặc yêu cầu bạn cung cấp các trình điều khiển thiết bị (qua CD-ROM hay đĩa mềm).
5. Windows cài đặt các trình điều khiển và kết thúc tiến trình khởi động. Bây giờ thiết bị mới sẽ hoạt động.

Ghi chú

Một trình điều khiển thiết bị là một chương trình phần mềm nhỏ cho phép PC giao tiếp với và điều khiển một thiết bị nhất định. Windows XP có các trình điều khiển thiết bị cài sẵn dành cho nhiều thiết bị ngoại vi phổ biến. Nếu Windows không có một trình điều khiển cụ thể nào, bạn có thể tìm thấy trình điều khiển trên đĩa cài đặt của thiết bị ngoại vi, hoặc trên Web site của nhà sản xuất thiết bị ngoại vi.

Thủ tục trên sẽ hoạt động cả với thiết bị bên ngoài và các board mà bạn lắp vào các khe bên trong của PC.

Việc cài đặt một thiết bị mới được thực hiện dễ dàng nhờ vào sự hỗ trợ hầu như phổ biến của Plug and Play. Cũng chính nhờ PnP mà Windows có thể nhận biết các thiết bị mới được nối kết. Thật ra, nếu bạn đang nối kết một thiết bị FireWire hay USB, bạn không cần phải tắt PC. Nối kết USB thông minh hơn các loại nối kết khác và một USB có thể được cắm vào và hoạt động mà không phải khởi động lại máy.

Tuy nhiên, vẫn có những lúc Windows không nhận biết một thiết bị ngoại vi mới. Sự cố này xảy ra do nhiều nguyên nhân. Thiết bị có thể là một thiết bị cũ hơn không tương thích PnP. Windows không có một bản ghi về thiết bị đó trong cơ sở dữ liệu bên trong của nó hoặc nó cũng có thể là do sự lắp đặt không chính xác.

Cho dù nguyên nhân nào, nếu Windows không nhận biết thiết bị mới, bạn phải cài đặt thiết bị bằng tay. Với Windows XP, sự cài đặt này có thể được tự động hoá nhờ vào Add Hardware Wizard.

Wizard này hướng dẫn bạn từng bước cài đặt. Nó bắt đầu bằng cách cố nhận biết thiết bị mới. Nếu nó vẫn không nhận biết được thiết bị, nó yêu cầu bạn nhận biết thiết bị và cung cấp trình điều khiển thiết bị phù hợp. Ngay sau khi trình điều khiển được cung cấp, hoàn tất việc cài đặt giúp bạn.

Để sử dụng Add Hardware Wizard, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp vào biểu tượng Add Hardware.
2. Khi Add Hardware Wizard hiển thị, nhấp nút Next.
3. Windows lượng giá hệ thống và hiển thị một danh sách các thiết bị được cài đặt, như minh họa ở hình 6.2. Để bổ sung một thiết bị mới, hãy chọn Add a New Hardware Device từ danh sách, và nhấp nút Next.

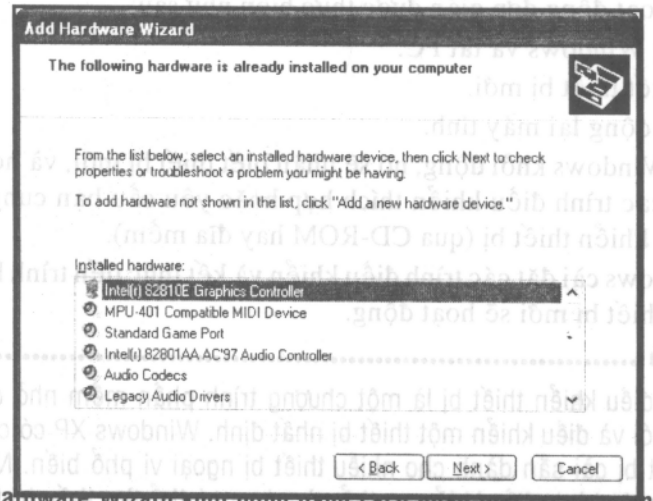

Hình 6.2 Add Hardware Wizard khởi động bằng cách nhận biết tất cả phần cứng được cài đặt trên PC.

4. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, chọn Search For and Install the Hardware Automatically, sau đó nhấp Next.
5. Windows tìm phần cứng PnP mới. Nếu nó có thể nhận biết phần cứng mới, wizard sẽ tiếp tục tiến trình cài đặt. Nếu nó không thể tìm thấy một thiết bị mới, nó sẽ cho bạn biết điều đó. Nếu bạn gặp trường hợp này, bạn hãy nhấp Next để bắt đầu cài đặt bằng tay.
6. Chọn loại thiết bị mà bạn muốn cài đặt, sau đó nhấp Next.
7. Trên màn hình kế tiếp, chọn tên nhà sản xuất và thiết bị. Nếu bạn muốn cài đặt các trình điều khiển đi kèm với thiết bị, hãy nhấp nút Have Disk. Để sử dụng một trình điều khiển Windows cài sẵn, nhấp nút Next.
8. Khi các file cần thiết đã được tải, hãy thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất việc cài đặt.

Cập nhật các trình điều khiển thiết bị

Các trình điều khiển phù hợp nhất với phần cứng được cài đặt khi Windows XP được cài đặt lần đầu tiên, hoặc khi bạn cài đặt một thiết bị ngoại vi mới, tuy nhiên, bạn có thể nâng cấp các trình điều khiển vào bất kỳ lúc nào, nếu bạn có sẵn các trình điều khiển mới. (Các nhà sản xuất thường xuyên cập nhật các trình điều khiển của họ, thường là để xử lý các lỗi hay các điểm không tương thích).

Để nâng cấp một trình điều khiển thiết bị:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng System.
2. Khi trình tiện ích System Properties hiển thị, chọn nhãn Hardware và sau đó nhấp nút Device Manager.
3. Khi trình tiện ích Device Manager hiển thị, hãy chọn View, Devices by Type, và sau đó định hướng thiết bị mà bạn muốn cập nhật.
4. Nhấp đúp vào biểu tượng để mở hộp thoại Properties.
5. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy nhấp tab Driver, và sau đó nhấp nút Upgrade Driver.
6. Khi Hardware Update Wizard xuất hiện (như minh họa ở hình 6.3), hãy chọn Install the Software Automatically và nhấp Next.

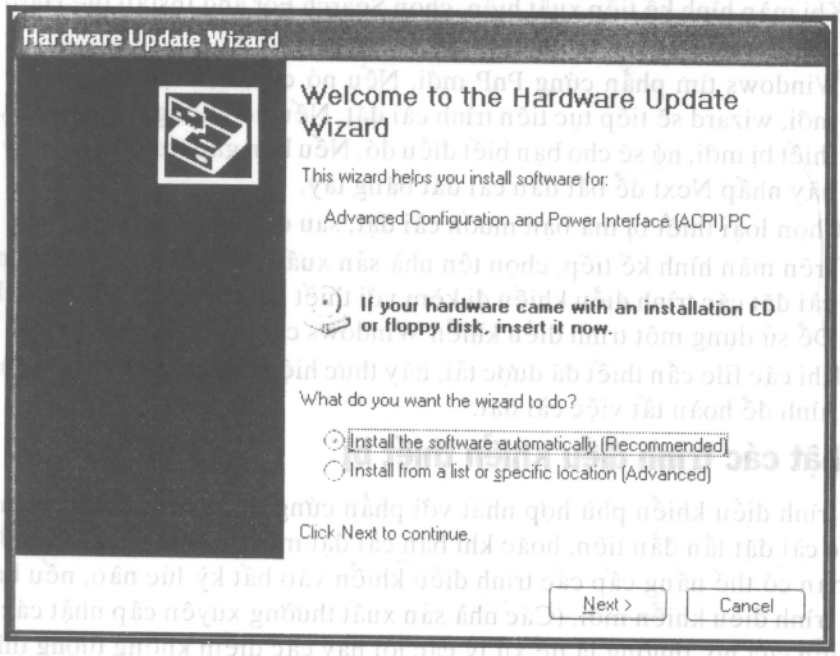

Hình 6.3 Sử dụng Hardware Update Wizard để tìm và cài đặt các trình điều khiển thiết bị.

7. Thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để tìm và cài đặt trình điều khiển đã cập nhật. Nếu bạn có phiên bản mới nhất của trình điều khiển được cài đặt, wizard sẽ cho bạn biết điều này.

Thủ thuật

Nếu bạn nghĩ rằng bạn cần một trình điều khiển thiết bị cập nhật (thuộc bất kỳ loại nào), hãy đến DriverGuide.com(www.driverguide.com), Drivers.com (www.drivers.com), hay WinDrivers.com(www.windrivers.com) Tất cả các site này đều có chứa các cơ sở dữ liệu khổi về các trình điều khiển và các nguồn tài nguyên liên quan, tất cả đều có sẵn để dễ dàng tải xuống.

Giải quyết các xung đột thiết bị

Device Manager cũng có thể được sử dụng để xem xét các xác lập phần cứng và để xác định nơi xảy ra xung đột của các thiết bị. Một xung đột xảy ra khi hai thiết bị cố sử dụng cùng một cổng. Thông thường, bạn có thể giải quyết các xung đột này bằng cách gán một trong các thiết bị cho một cổng khác.

Khi bạn mở Device Manager, hãy tìm các hạng mục có một dấu chấm than hiển thị kế bên tên của chúng. Đây là các thiết bị đang gây xung đột.

Nhấp đúp vào thiết bị gây xung đột để hiển thị hộp thoại Properties, sau đó nhấp vào nhãn General. Bạn sẽ nhìn thấy một thông báo cho biết sự cố và đưa ra các bước xử lý. (Nếu hộp thoại hiển một nút Troubleshooting, nhấp nút này để xử lý sự cố).

Việc thực hiện theo các chỉ dẫn trong hộp thoại này thường sẽ giải quyết được sự cố. Nếu không, hãy ghi ra bất kỳ mã hay số sự cố nào được hiển thị trong hộp thoại Properties. Điều này có thể hữu ích nếu bạn phải xử lý sự hỗ trợ kỹ thuật.

Nếu bạn vừa cài đặt một thiết bị mới và gặp phải sự cố, thì nguyên nhân có thể là do trình điều khiển mới. Windows XP cung cấp một cách để xử lý sự cố này bằng cách cuộn trình điều khiển trở lại phiên bản trước. Chỉ cần chọn nhãn Driver trong hộp thoại Properties dành cho trình điều khiển, và sau đó nhấp nút Roll Back Driver. Windows sẽ hủy cài đặt trình điều khiển mới và cài đặt lại trình điều khiển cũ - điều này sẽ đưa hệ thống của bạn trở lại như trước đây.

Nếu bạn vẫn gặp sự cố, hãy nhấp nút Uninstall để xoá hẳn trình điều khiển gây sự cố, và sau đó bắt đầu lại tiến trình cài đặt.

Ghi chú

Xem chương 24 để tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về việc tìm và xử lý các sự cố hệ thống.

Các thiết bị ngoại vi phổ biến nhất

Khi đề cập đến việc bổ sung thiết bị vào PC, bạn nên tìm hiểu các thiết bị ngoại vi nào là phổ biến nhất. Sau đây là một danh sách các thiết bị phần cứng phổ biến nhất mà bạn có thể bổ sung vào hay nâng cấp hệ thống, cùng với một số thủ thuật về cách Windows XP có thể xử lý các thiết bị mới.

Card video

Nếu bạn muốn hiển thị một hình ảnh có độ phân giải cao hơn trên màn hình máy tính, bạn có thể bắt đầu với một card video có hiệu quả thực thi cao hơn. Điều này đơn giản như việc đổi card cũ lấy card mới. Windows sẽ nhận biết card video mới vào lúc khởi động lại, và thực hiện các thay đổi cấu hình cần thiết một cách tự động.

Cảnh báo

Mặc dù Windows tự động nhận biết card video mới, nhưng không phải lúc nào cũng hủy cài đặt card cũ. Bạn có thể cần thực hiện điều này bằng tay, từ hộp thoại Properties của card video cũ (được truy cập từ Device Manager).

Bạn cũng có thể cài đặt các card video bổ sung để sử dụng với nhiều monitors. Để tìm hiểu thêm về các tính năng hiển thị của Windows XP, hãy xem chương 2.

Card âm thanh

Nếu bạn mở trò chơi ở cấp độ cao, nghe các MP3 tốc độ bit cao, xem phim DVD, hay ghi âm thanh kỹ thuật số, bạn có thể cần nâng cấp card âm thanh của PC. Tuy thay thế là một thủ thuật đơn giản, nhưng bạn có thể cần điều chỉnh cấu hình audio của hệ thống để tận dụng toàn bộ tính năng của card mới.

Bạn có thể cấu hình tất cả các loại đặc tính audio bằng cách nhấp vào biểu tượng Sounds and Audio Devices trong Control Panel. Thao tác này sẽ hiển thị trình tiện ích Sounds and Audio Devices.

Chọn nhãn Audio (như minh họa trong hình 6.4) để chọn và cấu hình các thiết bị cụ thể để mở lại âm thanh, ghi âm thanh, và mở lại MIDI. Chọn nhãn Voice để chọn và cấu hình các thiết bị dành cho việc ghi và mở lại giọng nói. Chọn nhãn Hardware để cấu hình các đặc tính dành cho các trình điều khiển đa phương tiện.

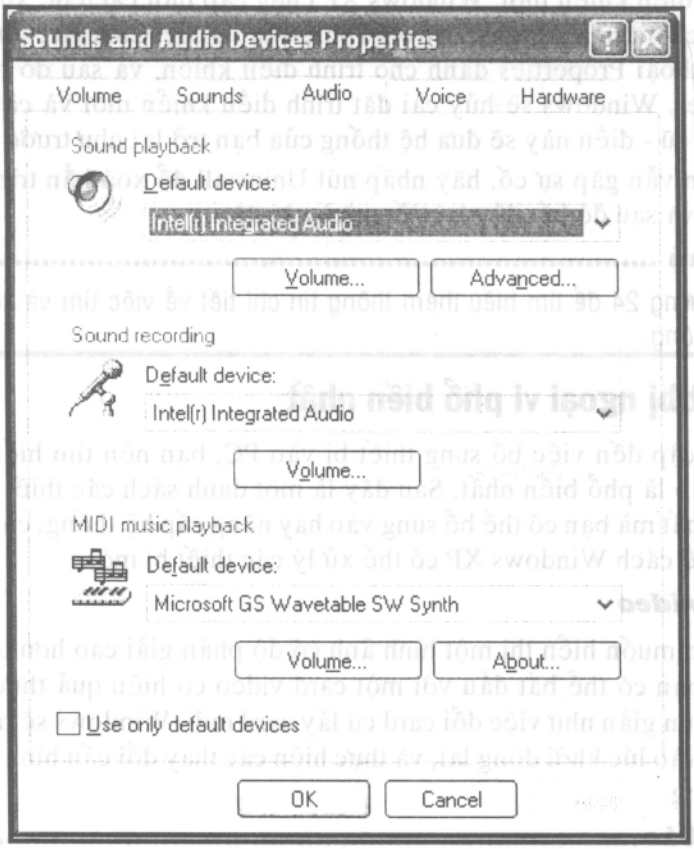

Hình 6.4 Sử dụng trình tiện ích Sounds and Audio Devices Properties để cấu hình card âm thanh mới.

Bàn phím

Việc cài đặt một bàn phím mới đơn giản như là việc lấy bàn phím cũ ra và cắm bàn phím mới vào. Bạn có thể muốn thay bàn phím chuẩn của PC bằng một loại bàn phím có tính lao động học hơn, hoặc bằng một loại bàn phím không dây. Bạn có thể có hai bàn phím cùng lúc - bằng cách bổ sung bàn phím USB vào hệ thống.

Ngay sau khi bạn cài đặt một bàn phím mới, bạn có thể xác lập nhiều đặc tính về cách hoạt động của nó. Cụ thể, bạn có thể xác lập tốc độ lặp lại ký tự, tốc độ nhấp nháy cursor, ngôn ngữ và loại bàn phím. Bạn cũng có thể chọn nhiều ngôn ngữ cho bàn phím và chuyển đổi giữa chúng.

Bạn thay đổi các đặc tính bàn phím bằng cách mở Control Panel và nhấp vào biểu tượng Keyboard. Thao tác này sẽ mở trình tiện ích Keyboard Properties, như

minh họa ở hình 6.5. Phần lớn những gì bạn muốn điều chỉnh đều ằtrên nhãn Speed.

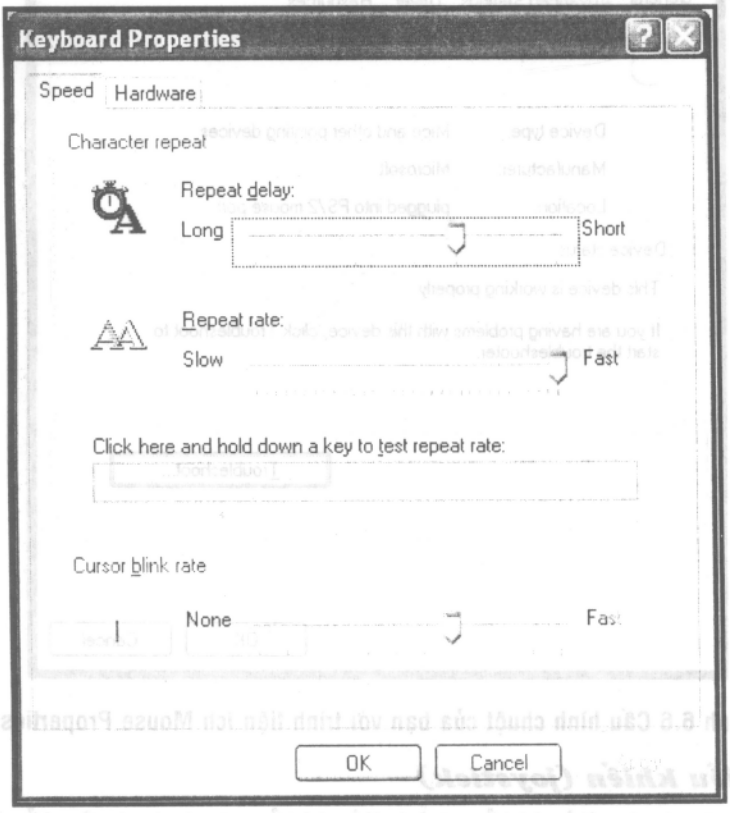

Hình 6.5 Sử dụng trình tiện ích Keyboard Properties để thay đổi nhiều tùy chọn bàn phím, chẳng hạn như tốc độ lặp lại và thời gian trễ

Chuột

Việc thay chuột cũng dễ như việc thay bàn phím. Nếu bạn vẫn đang sử dụng loại chuột đi kèm với PC, bạn nên xem xét các loại mới hơn. Bạn sẽ tìm thấy các loại chuột quang học, chuột không dây và các loại chuột khác (bi tạo vệt, v.v...).

Vì một số chuột có các nút hay bánh xe bổ sung nên có khả năng chuột có chương trình cài đặt riêng của nó. Khi bạn chạy chương trình này, các trình điều khiển thiết bị phù hợp sẽ được cài đặt - và các tính năng bổ sung được bổ sung vào trình tiện ích Mouse Properties của Windows.

Bạn mở trình tiện ích Mouse Properties bằng cách nhấp biểu tượng Mouse trong Control Panel. Như bạn có thể thấy trong hình 6.6, tất cả chuột điều có các nhãn cơ bản như nhau (Buttons, Pointer, Options, và Hardware). Một số loại chuột có thêm các nhãn riêng dành cho các tính năng đặc trưng của chúng. Hãy nhấp qua các nhãn để xem loại chuột của bạn có những tính năng nào - và chọn các xác lập mong muốn.

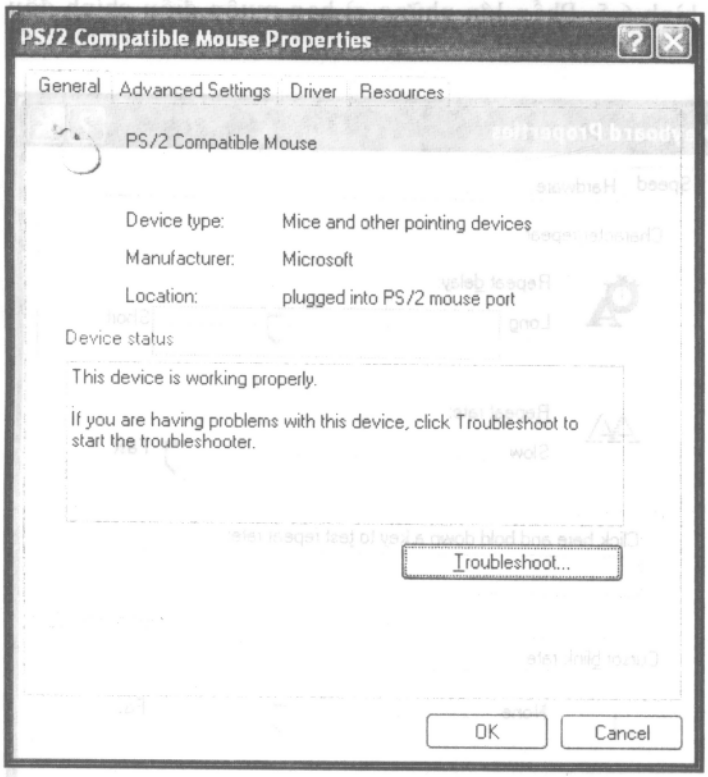

Hình 6.6 Cấu hình chuột của bạn với trình tiện ích Mouse Properties.

Gậy điều khiển (joystick)

Có nhiều loại gậy điều khiển và bộ điều khiển trò chơi có sẵn để sử dụng với các trò chơi PC. Việc nối kết một thiết bị mới cũng đơn giản như việc cắm nó vào (và chạy chương trình cài nếu có).

Bạn có thể cấu hình một bộ điều khiển trò chơi mới bằng cách nhấp vào biểu tượng Game Controllers trong Control Panel. Thao tác này sẽ mở hộp thoại Game Controllers. Chọn nhãn Settings để định chuẩn gậy điều khiển và cấu hình các xác lập bổ sung.

Ghi chú

Xem chương 17 để tìm hiểu thêm thông tin về việc sử dụng Windows XP với các trò chơi và các thiết bị chơi trò chơi.

Modem

Phần lớn các PC mới có kèm theo một modem trong 56.6kbps. Đây là loại modem quay số nhanh nhất ngày nay, vì vậy bạn có thể sẽ không cần cài đặt một modem mới.

Nếu bạn cần cài đặt một modem mới, bạn có thể chọn giữa loại modem trong hay ngoài. Các modem trong ít gây phiền toái hơn, mặc dù bạn phải mở bộ hệ

thống để cắm chúng vào bên trong. Các modem ngoài chiếm một khoảng trống trên bàn làm việc, cần được cắm vào một bộ nguồn, và đôi khi khó cấu hình hơn. Nếu phải chọn lựa, bạn hãy chọn loại modem trong.

Khi bạn cần thay đổi các xác lập dành cho modem, hãy nhấp vào biểu tượng Phone and Modem Options trong Control. Thao tác này để mở trình tiện ích Phone and Modem Options, trong hộp thoại này bạn có thể xác lập nhiều tùy chọn cấu hình.

Để cài đặt trình điều khiển, tính năng thực thi, và cách xác lập khác dành cho modem, hãy chọn nhãn Modems, chọn modem, và nhấp nút Properties. Để cấu hình các modem quay số, hãy chọn nhãn Dialing Rules, chọn vị trí của bạn, và nhấp nút Edit. Hộp thoại Edit Location hiển thị (như minh họa hình 6.7), cho phép bạn chỉ định việc modem sẽ quay số nào để liên lạc với một tuyến bên ngoài, dù tính năng chờ được gọi có cuộc tắt hay không.

Thủ thuật

Nếu bạn dự định sử dụng modem từ một vị trí khác, hoặc từ một phòng trong khách sạn, hãy nhấp nút New trên nhãn Dialing Rules để tạo một vị trí mới với các qui tắc quay số khác.

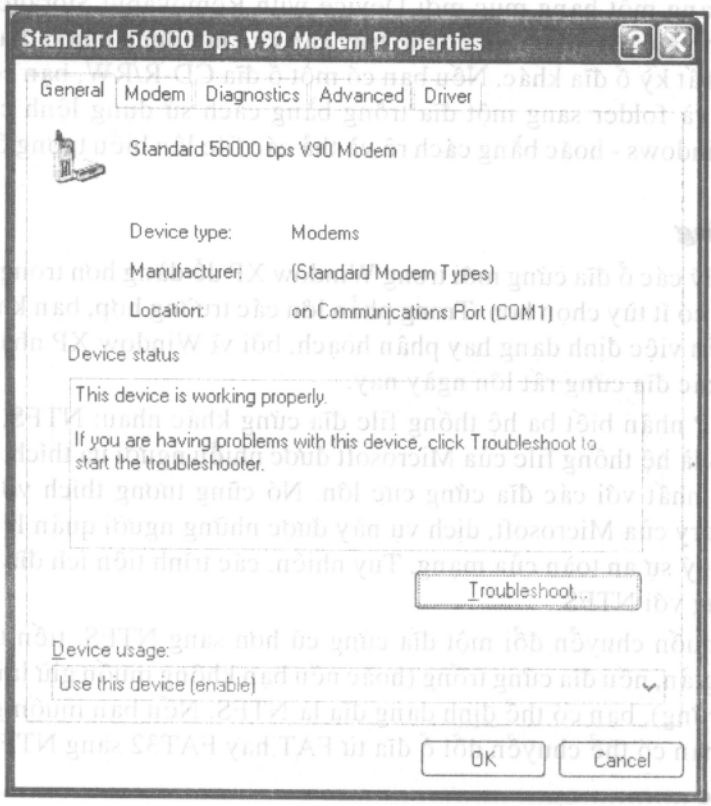

Hình 6.7 Đừng quên xác lập các qui tắc quay số cho modem - hay tạo các qui tắc mới cho các vị trí mới.

Nếu bạn đang cài đặt hệ thống để sử dụng với một nối kết Internet dải rộng - qua DSL hay qua một modem cáp- tiến trình cài đặt sẽ hoàn toàn khác. Bạn vẫn sẽ sử dụng một modem (thường được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ Internet), nhưng modem sẽ nối kết với một card mạng trong PC của bạn, hoặc qua cổng USB của PC. Xem chương 7 để tìm hiểu thêm thông tin về loại nối kết này.

Các ổ DVD và CD-ROM

Phần lớn các PC có kèm theo một ổ CD-ROM hay DVD chuẩn (ổ DVD cũng sẽ đọc các đĩa CD-ROM). Nếu bạn có một ổ CD-ROM, bạn có thể cần nâng cấp hoặc bổ sung một ổ DVD. Bạn cũng có thể muốn bổ sung một ổ recordable/ rewritable CD để ghi CD.

Ghi chú

Recordable CD được gọi là CD-R, và rewritable CD được gọi là CD-RW. Phần lớn các ổ đĩa có thể ghi cả hai loại CD này, và được gọi là các ổ CD-R/RW.

Ngay sau khi bạn bổ sung một ổ DVD hay CD mới vào PC, bạn không phải thực hiện nhiều việc cấu hình. Hoặc nó hoạt động hoặc không. Nếu nó hoạt động thì tốt. Nếu không thì bạn cần xử lý các sự cố.

Khi một ổ DVD hay CD được cài đặt chính xác, nó sẽ xuất hiện trong My Computer ở dạng một hạng mục mới Device with Removable Storage, kế bên các ổ đĩa mềm và ổ đĩa Zip. Bạn có thể truy cập các nội dung của ổ đĩa như bạn thực hiện với bất kỳ ổ đĩa khác. Nếu bạn có một ổ đĩa CD-R/RW, bạn có thể sao chép các file và folder sang một đĩa trống bằng cách sử dụng lệnh copy bình thường của Windows - hoặc bằng cách rê và thả các file lên biểu tượng ổ đĩa CD-R/RW.

Ổ đĩa cứng

Việc quản lý các ổ đĩa cứng mới trong Window XP dễ dàng hơn trong Window 9X/Me, bởi vì có ít tùy chọn hơn. Trong phần lớn các trường hợp, bạn không phải thực hiện nhiều việc định dạng hay phân hoạch, bởi vì Window XP nhận biết và làm việc với các đĩa cứng rất lớn ngày nay.

Window XP nhận biết ba hệ thống file đĩa cứng khác nhau: NTFS, FAT, và FAT32. NTFS là hệ thống file của Microsoft được nhiều người ưa thích, bởi vì nó hoạt động tốt nhất với các đĩa cứng cực lớn. Nó cũng tương thích với dịch vụ Active Directory của Microsoft, dịch vụ này được những người quản lý mạng sử dụng để quản lý sự an toàn của mạng. Tuy nhiên, các trình tiện ích đĩa mới nhất chưa hoạt động với NTFS.

Nếu bạn muốn chuyển đổi một đĩa cứng cũ hơn sang NTFS, tiến trình thực hiện khá đơn giản, nếu đĩa cứng trống (hoặc nếu bạn không muốn giữ lại tất cả dữ liệu trên đĩa cứng), bạn có thể định dạng đĩa là NTFS. Nếu bạn muốn giữ lại dữ liệu của đĩa, bạn có thể chuyển đổi ổ đĩa từ FAT hay FAT32 sang NTFS.

Cảnh báo

Sau khi bạn chuyển đổi từ FAT32 sang NTFS, bạn không thể quay trở lại. Nếu bạn đang sử dụng NTFS, bạn không thể khởi động máy tính từ DOS. Ngoài ra,

bạn không thể chuyển đổi sang NTFS nếu bạn đang sử dụng một hộp dual-OS, chẳng hạn như nếu bạn đang chạy cả Linux và Windows từ cu2ng đĩa cứng - hoặc chạy một phiên bản cũ hơn của Windows cùng với XP.

Để chuyển đổi một thiết bị hiện có, bạn hãy mở trình tiện ích Command Prompt rồi chạy lại lệnh sau đây:

convert x: /fs:ntfs

X được thay bằng mẫu tự ổ đĩa mà bạn muốn chuyển đổi.

Sau đây là cách định dạng ổ đĩa:

1. Từ trong My Computer, hãy chọn File, Format.
2. Khi hộp thoại Format Disk xuất hiện (như minh họa ở hình 6.8), hãy xác nhận dung lượng của ổ đĩa, chọn NTFS as the File System, và chọn Default Allocation Size as the Allocation Unit Size.
3. Nhấp Start để bắt đầu tiến trình định dạng.

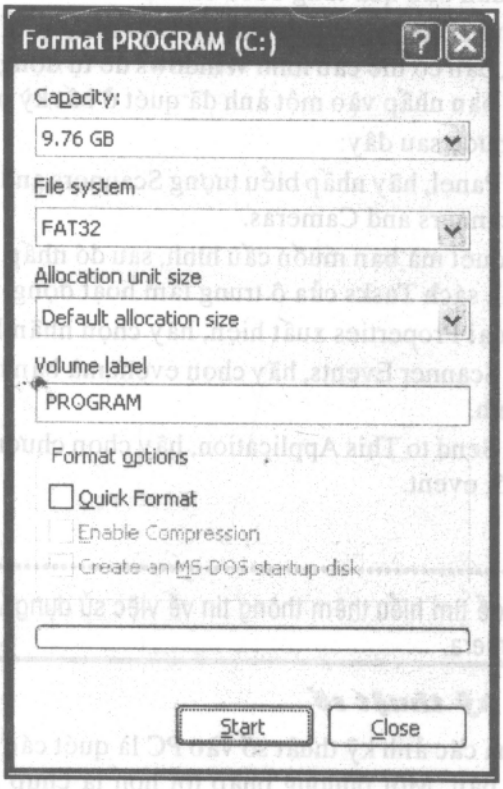

Hình 6.8 Việc định dạng một ổ đĩa cứng được thực hiện dễ dàng.

Thu thuật

Việc định dạng một ổ đĩa sẽ xoá hẳn mọi dữ liệu trên ổ đĩa. Bạn không thể định dạng ổ đĩa cứng có chứa thông tin hệ thống của PC (thường là ổ đĩa c:).

Máy quét

Máy quét để bàn là một thành phần quan trọng trong các hệ thống PC của nhiều người sử dụng. Chúng tương đối dễ cài đặt và sử dụng.

Nếu phải chọn lựa, hãy chọn một máy quét nối kết qua cổng USB hay FireWire của máy tính. Các máy quét USB và FireWire đòi hỏi rất ít sự cài đặt. Khi bạn nối kết máy quét, Windows XP sẽ nhận biết nó và bắt đầu tiến trình cài đặt trình điều khiển. Nếu bạn may mắn, Windows sẽ có trình điều khiển thiết bị dành cho máy quét. Nếu không, bạn phải đặt đĩa cài đặt của máy quét vào để tải xuống trình điều khiển thích hợp.

Nếu Windows không nhận ra máy quét của bạn, bạn có thể bổ sung máy quét vào hệ thống qua trình tiện ích Scanners và Cameras mới. Chỉ cần nhấp vào biểu tượng Scanners and Cameras trong Control panel, và khi trình tiện ích hiển thị, hãy nhấp vào biểu tượng Add Device. Scanner and Camera Installation Wizard khởi động, hướng dẫn bạn qua từng bước cài đặt.

Khi máy quét được cài đặt, bạn có thể liên kết máy quét với một chương trình cụ thể. Chẳng hạn, bạn có thể cấu hình Windows để tự động mở một chương trình hiệu chỉnh ảnh khi bạn nhấp vào một ảnh đã quét ở bất kỳ nơi nào trên hệ thống.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Scanners and Cameras để mở trình tiện ích Scanners and Cameras.
2. Chọn máy quét mà bạn muốn cấu hình, sau đó nhấp View Device Properties từ danh sách Tasks của ô trung tâm hoạt động.
3. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy chọn nhãn Events.
4. Trong mục Scanner Events, hãy chọn event mà bạn muốn liên kết với một chương trình.
5. Trong mục Send to This Application, hãy chọn chương trình mà bạn muốn liên kết với event.

6 Nhấp OK

Ghi chú

Xem chương 12 để tìm hiểu thêm thông tin về việc sử dụng Windows XP với các máy quét và camera.

Các camera kỹ thuật số

Một cách để đưa các ảnh kỹ thuật số vào PC là quét các bức ảnh hiện có bằng một máy quét để bàn. Một phương pháp tốt hơn là chụp các bức ảnh bằng kỹ thuật số và sau đó chuyển các file kỹ thuật số đó sang đĩa cứng.

Bạn chụp các bức ảnh kỹ thuật số bằng một camera kỹ thuật số. Camera kỹ thuật số nối kết với một PC theo cách rất giống với các máy quét - lý tưởng nhất là qua cổng USB của hệ thống. Thật ra, cách Windows XP xử lý các camera kỹ thuật số giống như cách nó xử lý máy quét. Sử dụng trình tiện ích Scanners and Cameras để vừa cài đặt camera và cấu hình nó, sau đó làm việc với nó từ My Computer như bạn thực hiện với bất kỳ thiết bị khác.

Các Camera PC

Một camera PC là một camera nhỏ nằm ở phía trên hay bên cạnh camera máy tính, và truyền các ảnh video trực tiếp đến máy tính. Bạn có thể sử dụng các camera PC để chụp các bức ảnh kỹ thuật số hay các băng video của chính bạn, sau đó bạn có thể gửi qua e-mail hay gửi trên Web site của bạn. Bạn cũng có thể sử dụng một camera PC để tạo một Webcam, đây là một dòng hình ảnh trực tiếp, được cập nhật vài phút một lần, và được truyền qua Web cho tất cả mọi người xem.

Ngày nay, các Webcam rất phổ biến, một phần là nhờ các camera PC khá rẻ và dễ sử dụng. Nếu bạn mua một loại USB, việc cài đặt nó cũng dễ như việc cắm nó vào. Windows xử lý camera PC như nó xử lý bất kỳ loại thiết bị nhập khác, chẳng hạn như một camera kỹ thuật số. Nhiệm vụ chính của bạn là nối camera với phần mềm Webcam, cấu hình phần mềm Webcam để nó hoạt động với Web site của bạn và ghi mã Web site để hiển thị các hình ảnh Web site.

Có nhiều Web site cung cấp các dịch vụ điều khiển Webcam. Phần lớn các site này cũng cung cấp thông tin và phần mềm cần thiết để cài đặt Webcam của riêng bạn. Nếu bạn thực sự quan tâm đến Webcasting các hoạt động của bạn qua Internet, hãy kiểm tra thông tin và các dịch vụ tại AllCam (www.allcam.com), Camarades (www.camarades.com), Webcam World (www.webcamworld.com), hoặc Webcam Resource (stage.webcamresource.com).

làm việc với các file phần cứng

Đối với những người sử dụng máy tính laptop, Windows XP cho phép bạn tạo nhiều profile phần cứng dành cho PC, mỗi profile có nhiều cấu hình khác nhau, để thay đổi thiết bị mà bạn sử dụng. Một máy laptop được sử dụng có hay không có trạm neo cố định là một hệ thống chính để tạo các profile bổ sung - một profile dành cho hoạt động cố định, và một profile thứ hai dành cho chế độ di động.

Các profile phần cứng khó sử dụng, vì vậy rất ít người sử dụng chúng. Thực tế là Windows XP thực hiện tốt việc nhận biết những gì được nối kết và những gì không được nối kết, để bạn không cần phải tạo các profile riêng cho các vị trí khác nhau.

Tuy nhiên, nếu bạn muốn tạo chúng, hãy xem mục dưới đây.

Tạo các profile phần cứng mới

Bạn tạo một profile mới bằng cách sao chép và đặt lại tên cho một profile hiện có. Khi một profile phần cứng được bật sáng và được sao chép, cấu hình chính xác của nó có trong bản sao mới. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là gán một tên mới để phản ánh cấu hình mới.

Sau đây là cách bạn tạo một profile phần cứng mới:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng System để mở trình tiện ích System Properties.
2. Chọn nhãn Hardware và sau đó nhấp nút Hardware Profiles.
3. Khi hộp thoại Hardware Properties xuất hiện (xem hình 6.9), hãy chọn một profile phần cứng (chẳng hạn Original Configuration) và nhấp nút Copy.

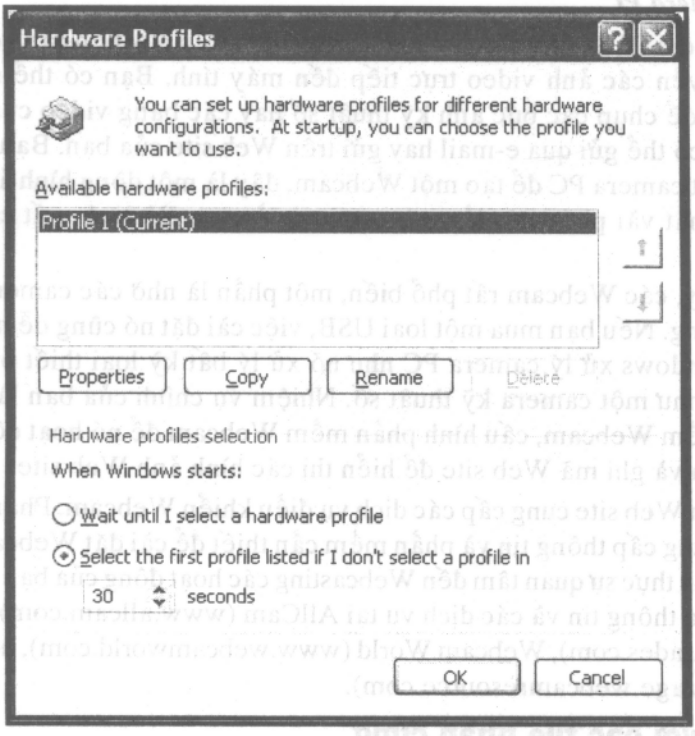

Hình 6.9 Tạo một profile phần cứng mới cho máy tính laptop.

4. Khi hộp thoại Copy Profile xuất hiện, hãy gõ nhập một trang mới cho profile đè lên tên gốc trong trường To, sau đó nhấp OK.

Cấu hình các profile phần cứng

Ngay sau khi bạn đã tạo một profile mới, bạn có thể cấu hình nó bằng cách chọn các thiết bị nào được sử dụng bởi profile đó. Sau đây là cách thực hiện:

1. Mở Device Manager và nhấp đúp một thiết bị.
2. Khi hộp thoại Properties dành cho thiết bị xuất hiện, chọn nhãn General và xổ xuống danh sách Device Usage. Nếu bạn muốn sử dụng thiết bị này trong profile hiện hành, hãy chọn Use This Device; nếu bạn không muốn sử dụng thiết bị này, hãy chọn Do Not Use This Device In the Current Hardware Profile.
3. Lặp lại bước 2 đối với bất kỳ thiết bị nào mà bạn muốn kích hoạt hay hủy kích hoạt cho profile phần cứng hiện hành.

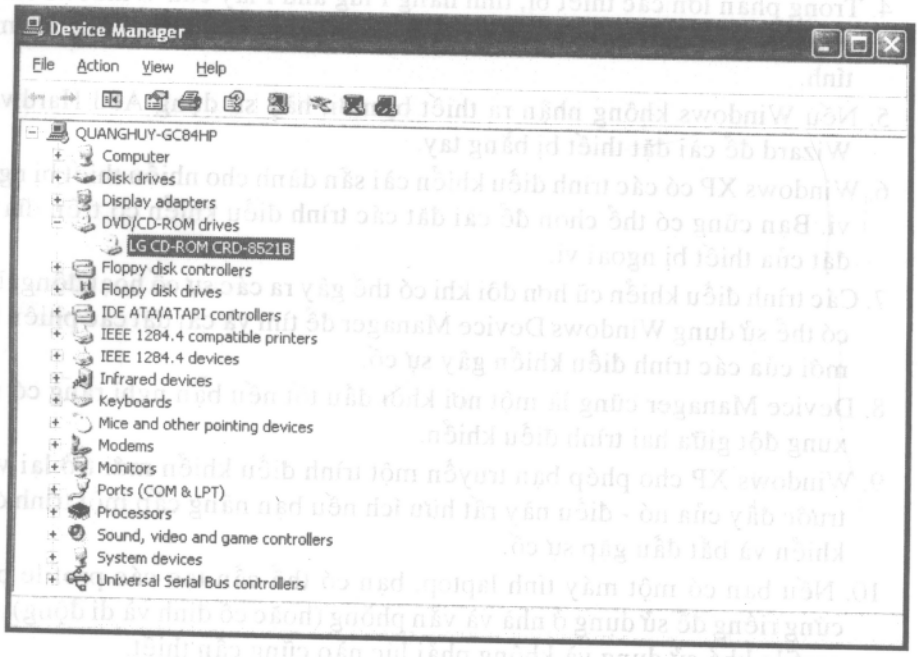

Bạn cũng có thể cấu hình một số xác lập chung cho mỗi profile phần cứng.

1. Trong hộp thoại Hardware Profile, hãy chọn profile mà bạn muốn cấu hình, sau đó nhấp nút Properties.
2. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, nếu bạn đang cấu hình một máy tính xách tay thì hãy chọn trạng thái cố định cho profile này. Bạn cũng nên chọn tùy chọn Always Include This Profile As an Option When Windows Starts, sau đó nhấp OK.
3. Trở lại hộp thoại Hardware Profile, chọn để Windows chờ cho đến khi bạn chọn profile phần cứng, hoặc chọn profile được liệt kê đầu tiên nếu bạn không thực hiện chọn.
4. Nhấp OK khi đã thực hiện xong.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Bổ sung phần cứng không phải là một việc khó. Chỉ cần ghi nhớ 10 thủ thuật quan trọng nhất sau đây:

1. Bạn có thể bổ sung tất cả các loại thiết bị ngoại vi vào máy tính, bao gồm cả các card video, âm thanh, bàn phím, chuột, gậy điều khiển, modem, các DVD và CD-ROM, ổ đĩa cứng, máy quét, camera kỹ thuật số, và camera PC.
2. Chọn đúng cổng dành cho thiết bị ngoại vi mà bạn đang bổ sung.
3. Khi phải chọn lựa, hãy chọn nối kết FireWire hay USB - cả hai đều nhanh và thông minh và bạn không cần phải khởi động lại PC khi bạn bổ sung một thiết bị mới.

4. Trong phần lớn các thiết bị, tính năng Plug and Play của Windows XP sẽ cho bạn biết một thiết bị ngoại vi mới ngay khi bạn khởi động lại máy tính.
5. Nếu Windows không nhận ra thiết bị mới, hãy sử dụng Add Hardware Wizard để cài đặt thiết bị bằng tay.
6. Windows XP có các trình điều khiển cài sẵn dành cho nhiều thiết bị ngoại vi. Bạn cũng có thể chọn để cài đặt các trình điều khiển có trên đĩa cài đặt của thiết bị ngoại vi.
7. Các trình điều khiển cũ hơn đôi khi có thể gây ra các sự cố hoạt động. Bạn có thể sử dụng Windows Device Manager để tìm và cài đặt các phiên bản mới của các trình điều khiển gây sự cố.
8. Device Manager cũng là một nơi khởi đầu tốt nếu bạn nghĩ rằng có một xung đột giữa hai trình điều khiển.
9. Windows XP cho phép bạn truyền một trình điều khiển mới trở lại vị trí trước đây của nó - điều này rất hữu ích nếu bạn nâng cấp một trình điều khiển và bắt đầu gặp sự cố.
10. Nếu bạn có một máy tính laptop, bạn có thể cần tạo các profile phần cứng riêng để sử dụng ở nhà và văn phòng (hoặc cố định và di động). Các profile khó sử dụng và không phải lúc nào cũng cần thiết.

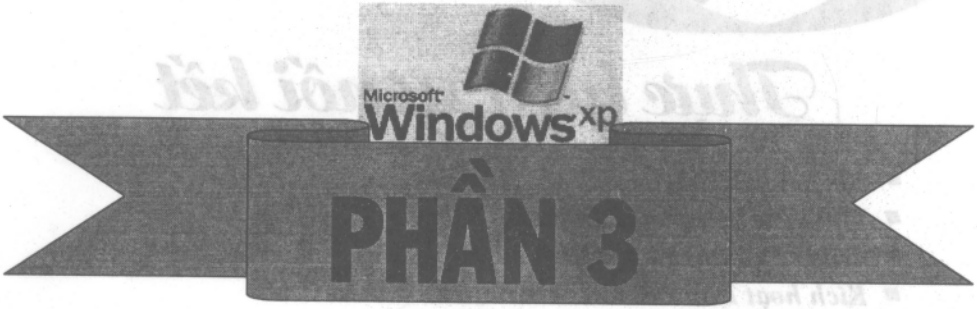

Đưa Windows lên trực tuyến

7. Thực hiện sự nối kết
8. Trình duyệt Web với Internet Explorer
9. Gởi và nhận E-mail với Outlook Express
10. Tán gẫu trực tuyến với Windows Messenges

Chương 7

Thực hiện sự nối kết

- *Nối kết qua MSN*
- *Tìm hiểu Broadband Internet*
- *Chia sẻ một nối kết Internet*
- *Kích hoạt Firewall*
- *Mười thủ thuật quan trọng nhất*

Web đã được kết nhập vào Windows XP. Từ sự cài đặt ban đầu, Windows sử dụng Internet để kích hoạt và đăng ký hệ điều hành, vào phần Help and Support, điều này đã đưa bạn đến Web khi bạn cần sự trợ giúp nâng cao, Windows phụ thuộc vào Internet.

Thực tế, thật khó tưởng tượng khi sử dụng Windows XP mà không được liên kết với Internet. Nếu bạn không được nối kết, thì bạn không thể thực hiện nhiều điều. Bạn không thể nhận được các thông tin cập nhật tự động cho hệ điều hành. Bạn không thể tìm kiếm các trình điều khiển bị thiếu hoặc lỗi thời. Bạn không thể liên lạc Microsoft nếu bạn cần sự trợ giúp.

Quan trọng nhất, nếu bạn không được nối kết với Internet, bạn không thể thực hiện mọi thứ khác mà bạn đã quen thực hiện trên trực tuyến.

Cấu hình một Account mới

Nếu bạn nâng cấp một hệ điều hành hiện có lên thành Windows XP, nối kết Internet cũ của bạn sẽ vẫn ở đó, đợi bạn thực hiện một nối kết. Không có gì trong tiến trình xử lý bất kỳ thông tin nối kết hiện có.

Nếu bạn đã mua một PC mới, bạn cần cài đặt một nối kết Internet mới từ bên trong Windows XP. Bạn thực hiện điều này với New Connection Wizard, một trình tiện ích đặc biệt tự động hóa tiến trình tạo và cấu hình các nối kết Internet mới.

Bạn có thể sử dụng New Connection Wizard để cài đặt một Internet account hoàn toàn mới, hoặc để cấu hình hệ thống cho một account hiện có với ISP. Tất cả những gì bạn cần thực hiện là nhập thông tin thích hợp và wizard thực hiện phần công việc còn lại kể cả cài đặt e-mail của bạn và các account newsgroup USENET.

Tạo một Account hoàn toàn mới

Nếu bạn chưa có một account với một ISP (Internet Service Provider), bạn có thể sử dụng New Connection Wizard để tìm và đăng ký một ISP. Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút Start, sau đó chọn Connect To, Show All Connections. Khi cửa sổ Network Connections mở ra, hãy chọn Create a New Connection từ

panel Network Tasks. Khi hộp thoại New Connection Wizard xuất hiện, nhấp nút Next.

2. Khi màn hình Network Connection Type xuất hiện, hãy chọn tùy chọn Connect to the Internet rồi sau đó nhấp nút Next.
3. Khi màn hình Getting Ready xuất hiện (xem hình 7.1), chọn tùy chọn Choose From a List of Internet Providers.
4. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, chọn tùy chọn Select From a List of Other ISPs, sau đó nhấp nút Finish.

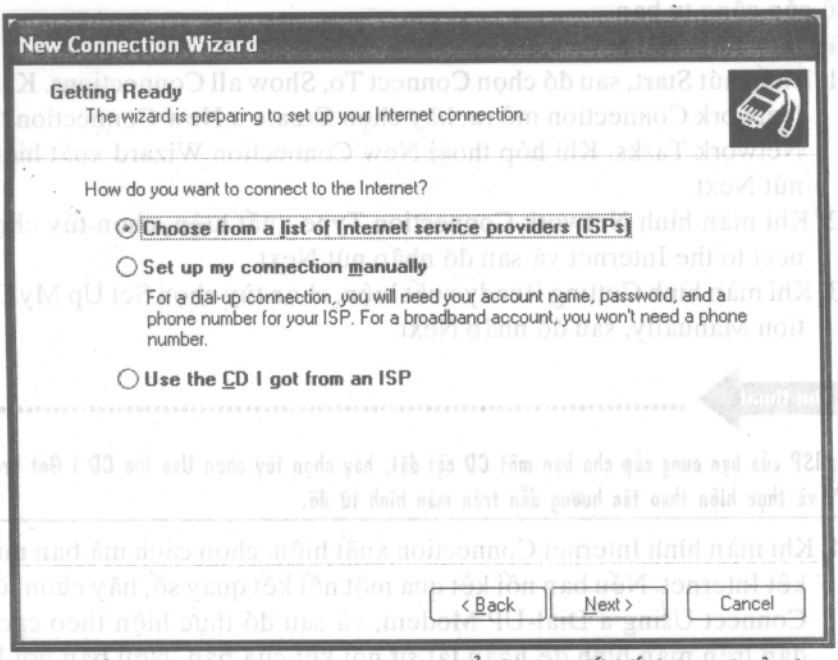

Hình 7.1 Sử dụng New Connection Wizard để cài đặt nối kết Internet của bạn.

5. Bây giờ Windows mở cửa sổ Online Services. Bạn có thể chọn từ một trong các nhà cung cấp được liệt kê ở đây, hoặc nhấp biểu tượng Refer Me to More Internet Services Providers.
6. Nếu bạn chọn tìm kiếm nhiều ISPs, bây giờ wizard quay số vào Microsoft Internet Referral Service và tải xuống một danh sách các ISPs có sẵn. Chọn một ISP từ danh sách này và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để đăng ký một account mới.

Cảnh báo

Microsoft Internet Referral Service không lúc nào cũng chính xác hay hoàn chỉnh và không thể tìm thấy tất cả ISPs có sẵn trong vùng của bạn. Nếu nó không thể tìm thấy bất kỳ ISPs, bạn cần nhận thông tin đăng ký ISP riêng của bạn và sau đó nhập thông tin bằng tay thông qua tùy chọn thứ hai trong Internet Connection Wizard.

Khi bạn đã chọn ISP, wizard thực hiện mọi thứ khác cho bạn kể cả cài đặt một nối kết mới trong Windows.

Bạn có thể xem chi tiết của mỗi nối kết trên PC của bạn bằng cách nhấp biểu tượng Internet Options từ bên trong Control Panel, và sau đó chọn tab Connection. Chọn một nối kết từ danh sách Dial-Up Settings, sau đó nhấp nút Settings.

Cài đặt một nối kết quay số bằng tay, LAN hay nối kết dải rộng

Nếu bạn đã có một account được cài đặt với ISP, bạn có thể tạo một nối kết cho ISP đó bằng cách nhập bằng tay các cài đặt của nó. Bạn sử dụng kỹ thuật tương tự để cài đặt một nối kết cáp hay DSL hoặc một nối kết được tạo qua mạng cục bộ của công ty bạn

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút Start, sau đó chọn Connect To, Show all Connections. Khi cửa sổ Network Connection mở ra, hãy chọn Create a New Connection từ panel Network Tasks. Khi hộp thoại New Connection Wizard xuất hiện, nhấp nút Next.
2. Khi màn hình Network Connection Type xuất hiện, chọn tùy chọn Connect to the Internet và sau đó nhấp nút Next.
3. Khi màn hình Getting Ready xuất hiện, chọn tùy chọn Set Up My Connection Manually, sau đó nhấp Next.

Thủ thuật

Nếu ISP của bạn cung cấp cho bạn một CD cài đặt, hãy chọn tùy chọn Use the CD I Got From an ISP, và thực hiện thao tác hướng dẫn trên màn hình từ đó.

4. Khi màn hình Internet Connection xuất hiện, chọn cách mà bạn muốn nối kết Internet. Nếu bạn nối kết qua một nối kết quay số, hãy chọn tùy chọn Connect Using a Dial-UP Modem, và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất sự nối kết của bạn. Nếu bạn nối kết qua một nối kết DSL hay nối kết modem cáp vốn yêu cầu sự nối kết bằng tay, hãy chọn tùy chọn Connect Using a Broadband Connection That Requires a User Name and Password. Nếu bạn nối kết qua một nối kết LAN, modem cáp hay DSL "luôn được mở", hãy chọn tùy chọn Connect Using a Broadband Connection That Is Always On. Nhấp Next khi bạn đã thực hiện sự lựa chọn của mình.
5. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình cho loại nối kết đặc trưng của bạn. Có thể bạn cần nhập tên người dùng, password của bạn và thông tin cụ thể về ISP của bạn. Bây giờ wizard hoàn tất sự nối kết của bạn.

Chuyển một account hiện có sang PC của bạn

Nếu bạn đã có một account với một ISP (nhưng nằm trên một PC khác), bạn sẽ cần chuyển các cài đặt đó sang PC Windows XP mới của bạn. Với các phiên bản trước đó của Windows, bạn hãy thực hiện điều này bằng tay - bằng cách ghi ra các cài đặt từ PC cũ của bạn và sau đó nhập lại chúng bằng tay vào máy mới.

Với Windows XP, toàn bộ tiến trình này được tự động như là một phần của File and Settings Transfer Wizard. Khi bạn sử dụng các cài đặt chính từ PC này

đến PC khác.

Để tìm hiểu cách sử dụng File and Settings Transfer Wizard, hãy xem phần "Chuyển tải các File và cài đặt"

Nối kết qua MSN

Nếu bạn chưa đăng ký một ISP (Internet Service Provider) Microsoft sẽ rất thích nếu bạn đã đăng ký dịch vụ trực tuyến độc quyền của họ. Dịch vụ này được gọi là MSN (trước đây thường được gọi là Microsoft Network) hoạt động như một ISP thông thường và một dịch vụ trực tuyến thương mại cạnh tranh trực tiếp với America Online. Mặc dù không có đều gì trong Windows buộc bạn phải đăng ký MSN, nhưng Microsoft chắc chắn sẽ làm mọi cách để làm cho MSN dễ đăng ký.

MSN được liệt kê dưới dạng một trong các ISP có sẵn khi bạn chạy New Connection Wizard. Khi bạn chọn tùy chọn MSN, chương trình đăng ký MSN khởi chạy. Từ đó, việc đăng ký MSN dễ dàng như việc thực hiện theo các hướng dẫn trên hình (và cung cấp thông tin cá nhân thích hợp kể cả số thẻ tín dụng của bạn)

MSN là một ISP thích hợp mặc dù nội dung độc quyền của nó không rộng rãi như nội dung được tìm thấy trên AOL. Bạn sử dụng chương trình MSN Explorer, được minh họa ở hình 7.2, để truy cập tất cả tính năng của MSN. MSN Explorer là một phiên bản được tạo tùy biến của bộ trình duyệt Internet Explorer, nhưng có nhiều đặc tính nội dung hơn được cài sẵn - tương tự như các hoạt động của giao diện AOL.



Hình 7.2: Bạn truy cập MSN với MSN Explorer, có diện mạo và cách hoạt động giống như Internet Explorer.

Tìm hiểu Broadband Internet

Ngay cả nối kết quay số tối ưu nhất với Internet chậm đi đáng kể. Điều này thường là một sự cố thực sự khi càng nhiều Web sites bổ sung và càng nhiều file

đồ họa và đa phương tiện lớn hơn. Bởi vì mỗi hạng mục đơn trên một trang Web đã được tải xuống máy tính của bạn trước khi bạn xem nó, đường dẫn dữ liệu quay số 56.6 kbp điển hình không đủ lớn để tải xuống mọi thứ cùng một lúc.

Đây là lý do tại sao việc truy cập một số trang Web phải mất một thời gian dài. Ngay cả việc tải xuống các file lớn hoặc nhận e-mail có các phần đính kèm lớn mất thời gian lâu hơn.

May thay, cách mà bạn có thể tăng tốc sự nối kết của bạn với Internet. Tất cả những gì mà bạn có thể thực hiện là kết thúc nối kết quay số của bạn và đăng ký một dịch vụ broadband Internet.

Một nối kết dải rộng là một nối kết kỹ thuật số nối điểm, ít nhất nhanh gấp 10 lần một nối kết quay số tương đồng điển hình. Trong khi các modem DSL và cáp là những phương pháp phổ biến nhất của dải rộng của Internet, thực sự có 5 loại nối kết dải rộng khác nhau ngày nay: ISDN, DSL, cáp kỹ thuật số, vệ tinh kỹ thuật số và truy cập vô tuyến bằng dải rộng.

Bất kể loại dải rộng mà bạn chọn, Windows XP có thể xử lý nó. Trong trường hợp của cáp ISDN và vô tuyến dải rộng, XP xử lý nối kết Internet như nó thường thực hiện đối với một nối kết mạng. Sau đó bạn chạy Internet Connection Wizard và thông báo cho nó biết rằng bạn đang nối kết qua mạng cục bộ. Điều đó dễ dàng và nhanh chóng.

ISDN

ISDN là từ viết tắt của Integrated Services Didital Network. Nó là công nghệ nối kết kỹ thuật số đầu tiên và vẫn được sử dụng ở khắp nơi trên thế giới.

Mặc dù ISDN nhanh hơn các modem tương đồng nhưng nó chậm hơn nhiều so với các dạng dải rộng khác. ISDN nối kết với tốc độ 128 kbp, tốc độ này chỉ nhanh gấp đôi một nối kết 56.6kbp. Điểm bất lợi lớn đối với ISDN là nó thường đắt tiền hơn các loại dải rộng nhanh hơn. Và việc nối kết là một điều khó khăn. Chỉ chọn ISDN nếu bạn không có sẵn các tùy chọn khác.

DSL

DSL (Gigital Subscriber Line) là công nghệ dải rộng phát triển nhanh nhất ngày nay. Nó được sử dụng trên các đường dây điện thoại hiện có và tương đối dễ lắp đặt và cấu hình.

DSL cung cấp các tốc độ tối thiểu là 384kbps - và thường có tốc độ là 500kbp đến 1Mbp.

Cáp kỹ thuật số

Các modem cáp rất phổ biến vì chúng nối kết với các đường dây cáp kỹ thuật số tương tự. Dẫn đến các hộ gia đình trên khắp cả nước. Nó là một nối kết rất dễ dàng và nhanh chóng.

Cáp kỹ thuật số cung cấp một nối kết nhanh hơn những gì mà bạn thường có được với DSL tại gia đình.

Vệ tinh kỹ thuật số

Công ty tương tự cung cấp dịch vụ vệ tinh kỹ thuật số DIRECTV cũng cung cấp sự truy cập Internet dựa vào vệ tinh DirectPC. Với DirectPC bạn có thể chọn

từ một dịch vụ một chiều (vệ tinh nhanh đến PC của bạn, các tuyến điện thoại chậm hơn quay trở về Internet) hay dịch vụ hai chiều mới nhất (các tín hiệu nhanh xuống từ Internet, và các tín hiệu nhanh trở về từ đĩa vào không gian).

Một ưu điểm là bạn có thể sử dụng cùng một đĩa cho các dịch vụ Internet kỹ thuật số và dịch vụ truyền hình kỹ thuật số. Các tốc độ nối kết xuôi dòng là khoảng 400kbp. Tuy nhiên, dịch vụ vệ tinh hai chiều thường có giá gấp đôi

Truy cập vô tuyến dải rộng

Các hệ thống dải rộng vô tuyến sử dụng công nghệ sóng vi ba để truyền và nhận dữ liệu Internet với các tốc độ dải rộng mà không cần đến các dây hay cáp. Tất cả những gì mà bạn cần thực hiện là lắp anten đặc biệt lên trên máy nhà (và một modem trong PC của bạn), và sau đó bạn có thể sẵn sàng thực hiện nối kết.

Sự truy cập vô tuyến dải rộng nhanh hơn DSL, và hầu như nhanh bằng các nối kết modem khác tốt nhất. Hầu hết những người sử dụng muốn có tốc độ khoảng 1Mbp với các nối kết vô tuyến.

Chia sẻ một nối kết Internet

Bạn có nhiều PC tại gia đình hay không ? Nếu vậy, có thể bạn muốn chúng đều được nối kết với Internet.

Điều này đặc biệt đúng nếu bạn có một nối kết dải rộng dẫn vào nhà của bạn. Với một nối dải rộng bạn có đủ băng thông để nối kết nhiều máy tính với Internet cùng một lúc bằng cách chia sẻ một nối kết Internet.

Windows XP có công nghệ ICS (Internet Connection Sharing) đặc biệt, công nghệ này cho phép một máy tính có "cổng nối" quản lý một nối kết Internet được chia sẻ cho các máy tính khác trên mạng gia đình của bạn. Bạn kích hoạt ICS thông qua Network Setup Wizard có được đề cập chi tiết hơn trong chương 18, bây giờ, chúng ta sẽ tập trung vào việc sử dụng wizard để cài đặt một nối kết Internet chia sẻ.

Thông thường bạn sẽ cần lắp các card mạng vào một trong các máy tính của bạn. Bạn có thể đính kèm các card 10Mbps hay các card 100Mbps. Một trong hai loại sẽ nhanh hơn tốc độ của nối kết dải rộng (đối với các tác vụ nối mạng chẳng hạng như chuyển tải các file giữa các máy, bạn nên sử dụng các card nhanh hơn).

Với ICS, máy tính cổng nối được gọi là máy chủ và tất cả máy tính khác trên mạng được gọi là client. Máy chủ và client phải được cài đặt riêng biệt như được mô tả trong các phần sau.

Cài đặt máy chủ

Trước khi bạn có thể cấu hình ICS trên máy chính, đầu tiên bạn phải lắp đặt hai card mạng (Điều này chỉ dành cho PC chủ các PC khác chỉ cần một PC cho mỗi máy). Trong PC chủ, một card được dùng để nối với modem DSL, cáp, vệ tinh hay modem dải rộng vô tuyến và card thứ hai được dùng để nối với hub mạng.

Một khi bạn đã lắp đặt các card và cấu hình các card, có hai cách mà bạn có thể kích hoạt Internet Connection Sharing.

Nếu bạn đã chạy mạng gia đình, bạn không cần chạy Network Setup Wizard

để cài đặt ICS. Tất cả những gì bạn cần phải thực hiện là thực hiện hai cách sử dụng sau đây:

1. Mở Control Panel và nhấp biểu tượng Network Connection.
2. Khi trình tiện ích Network Connection khởi chạy, hãy nhấp phải biểu tượng của nối kết Internet mà bạn muốn chia sẻ, và chọn Properties từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Properties xuất hiện (xem hình 7.3), hãy chọn tab Advanced và chọn tùy chọn Allow Other Network Users to Connect Through This Computer's Internet Connection.
4. Nhấp OK để kích hoạt ICS.

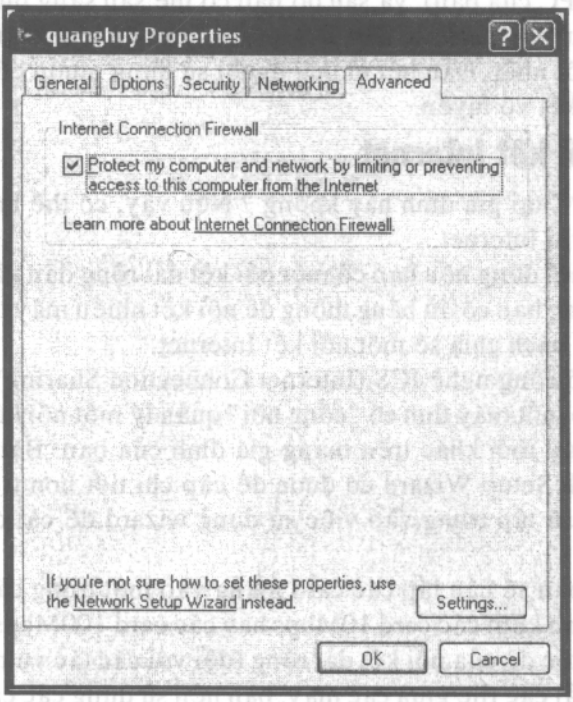

Hình 7.3 Nếu mạng của bạn đã chạy, việc kích hoạt Internet Connection Sharing sẽ dễ dàng hơn việc chọn một hộp kiểm .

Bây giờ nếu bạn lắp đặt mạng gia đình, bạn có thể kích hoạt ICS thông qua Network Setup Wizard. Bạn khởi động wizard bằng cách nhấp nút Start rồi sau đó chọn All Programs, Accessories, Communications, Network Setup Wizard.

Khi bạn chạy Home Networking Wizard, bạn muốn chọn tùy chọn This Computer Connects Directly to the Internet, như minh họa trong hình 7.4 . Bạn cũng sẽ phải chọn nối kết Internet nào mà bạn muốn chia sẻ cũng như card mạng nào trong hai card mạng được nối kết với những gì (Một card nối kết với modem dải rộng, card kia nối kết với mạng gia đình - có thể qua một hub).

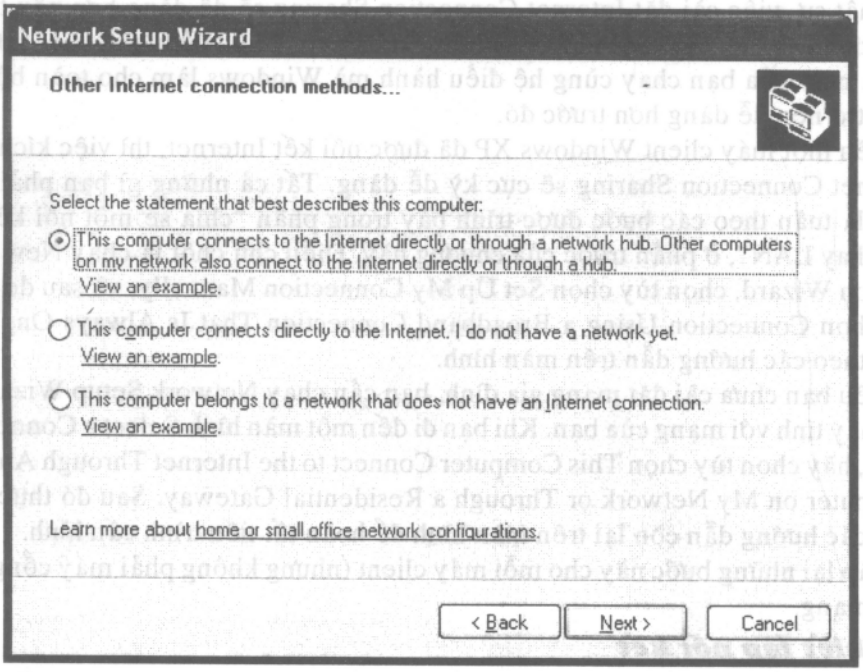

Hình 7.4 Sử dụng Network Setup Wizard để cài đặt Internet Connection Sharing.

Bây giờ đến lúc phải cấu hình máy tính khác trên mạng của bạn.

Lắp đặt các máy tính Client

Bạn phải xác định mỗi máy client trên mạng của bạn để chia sẻ nối kết Internet. Nếu các máy tính đều chạy Windows XP, thì tiến trình khá đơn giản. Nếu bất kỳ trong các mạng chạy các phiên bản trước đây của Windows, thì bạn sẽ cần chạy Network Setup Wizard một cách trực tiếp từ đĩa cài đặt Windows XP.

Internet Connection Wizard Sharing của Windows XP chỉ hoạt động với các máy tính chạy Windows XP, Windows 2000, Windows Me hay Windows 98. Nếu bạn có một PC chạy Windows 95, bạn cần nâng cấp PC đó lên thành một phiên bản mới hơn của Windows, hay sử dụng một trình tiện ích chia sẻ nối kết của nhóm thứ ba. (Tiến trình này tương tự đối với Macs - sẽ cần một trình tiện ích của nhóm thứ ba để chia sẻ nối kết của bạn với một máy tính Macintosh).

Để chạy Network Setup Wizard trên một máy trước XP, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Chèn đĩa CD Windows XP vào ổ đĩa CD-ROM của PC.
2. Khi chương trình cài đặt khởi chạy, hãy nhấp tùy chọn Perform Additional Tasks.
3. Khi màn hình tiếp theo xuất hiện, hãy chọn Set Up a Home or Small Office Network.
4. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để kích hoạt Internet Connection Sharing.

Thật sự, việc cài đặt Internet Connection Sharing sẽ dễ dàng hơn nếu tất cả máy tính của bạn chạy Windows XP. Bạn không chỉ ít vấn đề tương thích hơn khi tất cả máy của bạn chạy cùng hệ điều hành mà Windows làm cho toàn bộ tiến trình trở nên dễ dàng hơn trước đó.

Nếu một máy client Windows XP đã được nối kết Internet, thì việc kích hoạt Internet Connection Sharing sẽ cực kỳ dễ dàng. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là tuân theo các bước được trình bày trong phần "chia sẻ một nối kết dải rộng hay LAN", ở phần trước của chương này. Điều chủ chốt là chạy New Connection Wizard, chọn tùy chọn Set Up My Connection Manually, và sau đó chọn tùy chọn Connection Using a Broadband Connection That Is Always On. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Nếu bạn chưa cài đặt mạng gia đình, bạn cần chạy Network Setup Wizard để nối máy tính với mạng của bạn. Khi bạn đi đến một màn hình Select a Connection Type, hãy chọn tùy chọn This Computer Connect to the Internet Through Another Computer on My Network or Through a Residential Gateway. Sau đó thực hiện theo các hướng dẫn còn lại trên màn hình để hoàn tất tiến trình cấu hình.

Lặp lại những bước này cho mỗi máy client (nhưng không phải máy cổng nối) trên mạng.

Thiết lập nối kết

Sau khi bạn đã khởi động lại máy tính sau cùng trên mạng, Internet Connection Sharing sẽ hoàn toàn hoạt động trên tất cả PC của bạn. Miễn là máy tính cổng nối của bạn được nối với nối kết dải rộng và được mở, tất cả các PC khác cũng sẽ có một nối kết trực tiếp, luôn được mở.

Cảnh báo

Nếu PC chủ của bạn không được mở, các PC khác sẽ không thể nối kết với Internet.

Kích hoạt firewall

Khi bạn nối kết Internet qua một nối kết dải rộng, nối kết của bạn luôn mở. Không giống như một nối kết quay số, trong đó bạn phải quay số mỗi lần bạn muốn lên trực tuyến, một nối kết dải rộng luôn bạn được nối kết liên tục với Internet. Không cần quay số, không cần đợi, đây là một nối kết luôn mở.

Điểm bất lợi đối với một nối kết luôn mở là các hackers dễ dàng xâm nhập vào hệ thống của bạn từ Internet. Thực tế, nếu bạn có nhiều máy tính, chia sẻ một nối kết, một hacker có thể xâm nhập vào toàn bộ mạng của bạn và truy cập dữ liệu trên tất cả máy tính.

Bạn có thể bảo vệ máy tính của bạn ngăn ngừa kiểu xâm nhập dựa vào Internet bằng cách cài đặt một firewall bức tường lửa giữa máy tính cổng nối và Internet. Phần mềm Firewall hoạt động giống như một người gác cổng ngăn chặn những người dùng không mong muốn.

Một firewall hoạt động bằng cách kiểm tra tất cả sự lưu thông giữa máy tính / mạng của bạn và Internet. Nó mang tính lựa chọn về thông tin gì được truyền qua và nó cũng hoạt động để giúp che giấu các máy client trên mạng của bạn khỏi

những người sử dụng khác trên Internet. Thực tế, các máy tính của bạn được bảo vệ bởi vì những người dùng khác không thể thấy chúng từ phía bên kia của firewall.

Có sẵn nhiều chương trình firewall của nhóm thứ ba kể cả BlackICE Defender (www.networkice.com/products/blackice_defender.html), McAfee Firewall (www.mcafee.com), và Norton Personal Firewall (www.symantec.com/securitycheck/). Tuy nhiên, với Windows XP bạn không cần phải đầu tư vào một trong những chương trình bổ sung này; XP chứa firewall được cài sẵn riêng của nó.

Internet Connection Firewall (ICF) của Windows XP là một firewall cơ bản thích hợp nhất cho các mạng nhỏ. Nếu bạn có một vài máy tính được nối kết trong một mạng gia đình hay văn phòng nhỏ, ICF thực hiện một công việc thích hợp là bảo vệ các máy tính của bạn tránh khỏi sự xâm nhập bên ngoài.

Internet Connection Firewall được tự động kích hoạt khi bạn cài đặt một nối kết Internet chia sẻ thông qua Home Networking Wizard. Bạn cũng có thể kích hoạt (hoặc hủy kích hoạt), firewall bằng tay bằng cách thực hiện những bước sau đây:

1. Từ máy chủ (cổng nối), mở Control Panel rồi nhấp biểu tượng Network Connection.
2. Khi trình tiện ích Network Connection mở ra, hãy nhấp phải nối kết Internet mà bạn muốn nối kết rồi chọn Properties từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Propeties xuất hiện, chọn tab Advenced và chọn tùy chọn Internet Connection Firewall. (Hủy chọn hộp này để tắt firewall)
4. Nhấp OK để kích hoạt firewall.

Một khi bạn đã kích hoạt ICF, có một số cài đặt cao cấp mà bạn có thể cấu hình. Hầu hết những người dùng không bận tâm với những cài đặt này. Nhưng nếu bạn chạy Web site riêng của bạn hoặc chỉ muốn làm quen với các cài đặt người dùng cao cấp, bạn có thể muốn xem những cài đặt này.

Bạn truy cập các cài đặt firewall từ tab Advanced của hộp thoại Properties dành cho nối kết Internet của bạn. Nhấp nút Settings để hiển thị hộp thoại Advanced Settings (xem hình 7.5) và bạn sẽ thấy ba tab có chứa các cài đặt kỹ thuật. Đừng lẫn lộn với những cài đặt này nếu bạn không quen thuộc chúng. Hãy tham khảo sách hướng dẫn Windows XP hay Microsoft Knowledge Base nếu bạn cần thêm thông tin.

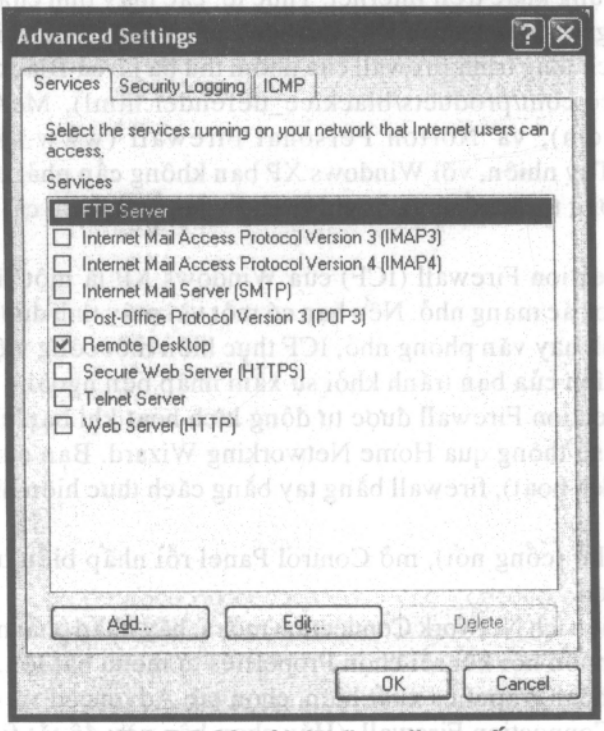

Hình 7.5 Các cài đặt firewall cao cấp

10 thủ thuật quan trọng nhất

Việc cấu hình Windows XP cho bất kỳ loại nối kết Internet nào đều rất dễ dàng hơn, hãy nhớ 10 điểm chính sau đây:

1. Nếu bạn đã có một account với một ISP, bạn có thể sử dụng New Connection Wizard để tạo một nối kết với các cài đặt hiện có.
2. Nếu bạn chưa có một ISP account, hãy sử dụng New Connection Wizard để tìm một ISP trong vùng của bạn rồi sau đó đăng ký trên trực tuyến.
3. Windows XP cũng cho phép bạn nối kết Internet thông qua một LAN, hoặc qua một nối kết dải rộng. Chạy New Connection Wizard và chọn tùy chọn Set Up My Connection Manually.
4. Như bạn có thể mong đợi Microsoft nổ lực rất nhiều để khuyến khích bạn sử dụng MSN cho ISP của bạn. Nếu bạn cần một ISP mới, MSN là một lựa chọn thích hợp và bạn không cần phải sử dụng giao diện MSN Explorer, nếu bạn không muốn.
5. Nếu bạn muốn một nối kết Internet nhanh hơn, bạn nên sử dụng nối kết quay số và một nối kết dải rộng (Windows XP xử lý tất cả loại dải rộng từ ISDN đến vô tuyến dải rộng).
6. DSL là một nối kết dải rộng đi qua các tuyến điện thoại. Các tốc độ nối kết điển hình nằm trong dải 384kbps đến 1Mbps.
7. Nhiều hệ thống các cáp kỹ thuật số cung cấp các nối kết dải rộng bằng modem cáp. Tốc độ nối kết điển hình từ 500kbps đến 2Mbps.

8. Một loại nối kết dải rộng phổ biến khác là bằng một hệ thống vệ tinh kỹ thuật số. Bạn có thể nhận được dịch vụ DirectPC trong các phiên bản một chiều hay hai chiều với các tốc độ nối kết trong phạm vi 400kbps.
9. Nếu bạn có một nối kết Internet tốc độ cao, bạn có thể chia sẻ nó với tất cả máy tính tại gia đình của bạn thông qua Internet Connection Sharing. Bạn cài đặt ICS bằng Network Setup Wizard của Windows XP. (Nếu mạng của bạn đã được cài đặt và chạy, bạn không cần phải chạy wizard này. Chỉ việc mở hộp thoại Properties dành cho nối kết mà bạn muốn chia sẻ, chọn tab Advanced, và chọn tùy chọn thích hợp để mở Internet Connection Sharing).
10. Để bảo vệ bất kỳ máy tính được nối bằng một nối kết dải rộng luôn mở, hãy kích hoạt Internet Connection Firewall của Windows XP. Phần mềm này hoạt động như một đối tượng bảo vệ giữa các máy tính của bạn và Internet và bảo vệ mạng gia đình của bạn tránh khỏi sự thâm nhập từ bên ngoài.



Trình duyệt Web với Internet Exeplorer

- *Giới thiệu Internet Explorer 6*
- *Cá nhân hóa với giao diện của bộ trình duyệt*
- *Cấu hình bộ trình duyệt*
- *Trình duyệt an toàn*
- *Tăng tốc bộ trình duyệt*
- *Làm việc với các Web site*
- *Các bộ trình duyệt khác*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Ngày nay bộ trình duyệt Internet Explorer là một phần thiết ye61u của Windows và Windows XP chứa phiên bản mới nhất và hoàn hảo nhất của Internet Explorer-Internet Explorer 6 (IE6).

IE6 là một chương trình đa năng, được cập nhật để phản ánh giao diện Luna của XP và chứa đầy các tính năng mới và hữu dụng. IE6 sẽ là bộ trình duyệt mà bạn sẽ sử dụng để lướt trên Web. Nó không phải là bộ trình duyệt duy nhất có sẵn (xem phần cuối chương này để biết một số tùy chọn khác), nhưng nó là bộ trình duyệt phổ biến nhất.

Giới thiệu Internet Explorer 6

Trước khi đi sâu vào các tính năng của IE6, chúng ta hãy tìm hiểu ngắn gọn một số điểm cơ bản của Internet Explorer.

Giao diện Internet Explorer

Internet Explorer 6 tương tự như hầu hết các phiên bản trước của chương trình nhưng có một diện mạo và cách hoạt động linh hoạt hơn và một số biểu tượng hình ảnh mới. Theo mặc định, các nút thanh công cụ được hiển thị theo dạng text thu nhỏ, do đó diện mạo mới có thể hơi quen thuộc. (Phần sau của chương này sẽ trình bày cách thay đổi diện mạo của nút).

Hình 8.1 trình bày chi tiết khác nhau của giao diện IE6

Trình duyệt Web cơ bản

Nếu bạn quen thuộc với Internet, bạn đã biết cách sử dụng IE6 để lướt trên Web. Hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Khi bạn khởi động Internet Explorer trong lần đầu tiên, nó tải trang chủ đã ấn định sẵn.

Thủ thuật

Để thay đổi trang chủ của Internet Explorer, hãy chọn Tools, Internet Optiopns, chọn tab General và nhập một URL mới vào hộp Address trong phần Home Page. Ngay cả dễ dàng hơn, bạn có thể rê biểu tượng của một trang từ hộp Address lên trên nút Home trên thanh công cụ.

2. Nhập một địa chỉ Web mới vào hộp Address rồi nhấn Enter (hoặc nhấp nút Go). Internet Explorer tải trang mới.
3. Nhấp bất kỳ liên kết trên trang Web hiện hành. Internet Explorer tải trang mới.
4. Để quay trở về trang trước, hãy nhấp nút Back. Nếu bạn đã sao lưu dự phòng một số trang và bạn muốn quay trở về trang mà bạn đã xem sau cùng, hãy nhấp nút Forward.
5. Để quay trở về trang khởi đầu, hãy nhấp nút Home.

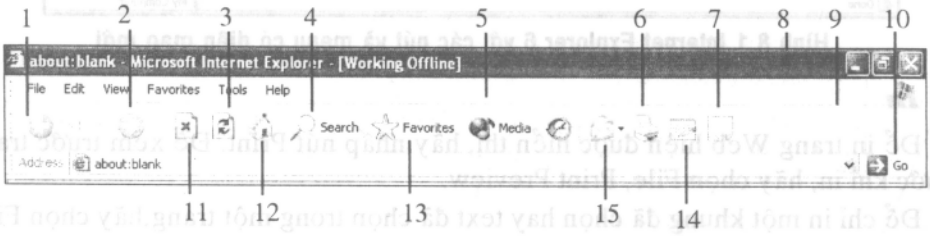

1. Quay trở về trang trước; 2. Tiến đến trang kế tiếp; 3. Làm mới trang hiện hành; 4. Hiển thị khung Search; 5. Hiển thị khung History; 6. In trang này; 7. Nối kết với một server thảo luận; 8. Thanh menu; 9. Thanh công cụ; 10. Thanh Address; 11. Ngưng tải trang hiện hành; 12. Quay trở về trang chủ; 13. Hiển thị khung Favorites; 14. Hiệu chỉnh mã HTML của trang này; 15. Khởi động Outlook Express để sử dụng e-mail

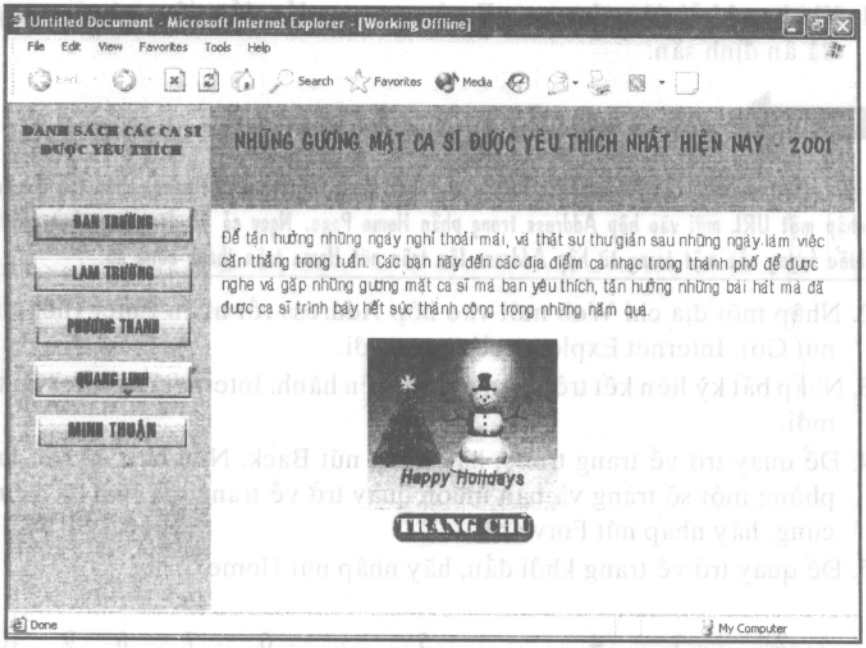

Hình 8.1 Internet Explorer 6 với các nút và menu có diện mạo mới

In

Để in trang Web hiện được hiển thị, hãy nhấp nút Print. Để xem trước trang trước khi in, hãy chọn File, Print Preview.

Để chỉ in một khung đã chọn hay text đã chọn trong một trang,hãy chọn File, Print để hiển thị hộp thoại Print. Hãy thực hiện các lựa chọn thích hợp ở đây, sau đó nhấp nút OK để bắt đầu in.

Cá nhân hóa giao diện của bộ trình duyệt

Có nhiều cách mà bạn có thể thay đổi diện mạo của IE6. Bạn có thể bổ sung hay xóa các nút ra khỏi thanh công cụ, bổ sung các liên kết cá nhân của bạn vào thanh Links hoặc quyết định panel nào trong nhiều panel cạnh bên mà IE6 gọi là Explorer 3 hiển thị.

Di chuyển các thanh

Thay đổi dễ dàng nhất mà bạn có thể thực hiện sẽ liên quan đến thanh khác nhau hiển thị trên màn hình. Theo mặc định, bạn có một thanh công cụ, một thanh Address và một Taskbar. Bạn chọn chế độ không hiển thị bất kỳ trong những thanh này hoặc hiển thị chúng theo một thứ tự khác.

Trước khi bạn có thể làm quen với bất kỳ trong những thanh công cụ, đầu tiên bạn phải mở khóa chúng (đây là một tính năng mới của IE6). Bạn mở khóa tất cả thanh công cụ cùng một lúc bằng cách chọn View Toolbar và sau đó hủy chọn tùy chọn Lock the Toolbars. Khi tùy chọn này được chọn, bạn không thể di chuyển hay hiệu chỉnh bất kỳ trong số các thành phần màn hình của IE6.

Việc di chuyển một thanh công cụ sẽ dễ dàng như việc lấy đường nét đứt nhỏ nằm ở tận cùng bên trái của thanh công cụ và sau đó rê thanh này đến một vị trí mới. Bạn có thể xếp các thanh công cụ chồng lên nhau hoặc di chuyển chúng để chúng có chung một hàng đơn. Bạn cũng có thể định kích cỡ lại chúng trong một hàng bằng cách rê cạnh trái của thanh công cụ.

Để chọn các thanh công cụ nào được hiển thị, hãy chọn View Toolbars và sau đó chọn hoặc hủy chọn các tùy chọn Standard Buttons, Address Bar, hay Link. (Standard Buttons là cách mà IE6 tham chiếu thanh công cụ chính).

Thủ thuật

Nếu bạn muốn hiển thị một trang Web hoàn toàn sạch với lệnh giao diện tối thiểu của bộ trình duyệt, hãy sử dụng chế độ toàn màn hình của IE6.Chỉ việc nhấn F11 hoặc chọn View, Full Screen), và trang Web của bạn sẽ hiển thị trên toàn màn hình với chỉ một thanh công cụ thu nhỏ hiển thị. Nhấn F11 lần nữa để quay trở về chế độ bình thường.

Tạo tùy biến thanh công cụ

Nếu bạn không thích các nút thanh công cụ chuẩn của Internet Explorer thì hãy thay đổi chúng.

Điều đầu tiên mà bạn có thể thay đổi là cách mà các nút được hiển thị. Với IE6 bạn có thể hiển thị các biểu tượng lớn (được minh họa ở hình 8.2), các biểu tượng nhỏ (xem hình 8.3), các nhãn text hay text đã chọn nằm bên phải (xem hình 8.4). Bạn truy cập những tùy chọn này bằng cách chọn View, Toolbar, Customeize, và thực hiện các thay đổi thích hợp trong hộp thoại Customize Toolbar (Xem hình 8.5).

Bạn cũng có thể sử dụng hộp thoại Customize Toolbar để bổ sung loại bỏ hay sắp xếp lại các nút thanh công cụ. Để thêm một nút, hãy chọn nút từ danh sách bên tay trái và nhấp nút Add. Để loại bỏ một nút, hãy chọn nó từ danh sách bên tay phải rồi nhấp nút Remove. Để sắp xếp lại các nút, hãy chọn nút để di chuyển trong danh sách bên tay phải rồi nhấp nút Move Up hay Move Down. Nhấp nút Close khi bạn làm xáo trộn mọi thứ.

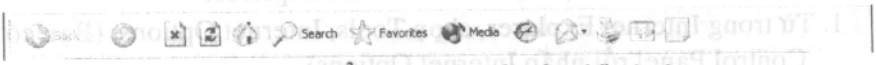

Hình 8.2 Các biểu tượng lớn với các nhãn text

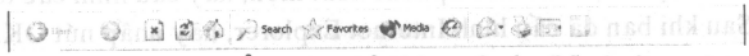

Hình 8.3 Các biểu tượng nhỏ không có các nhãn text.

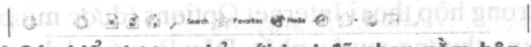

Hình 8.4 Các biểu tượng nhỏ với text đã chọn nằm bên phải.

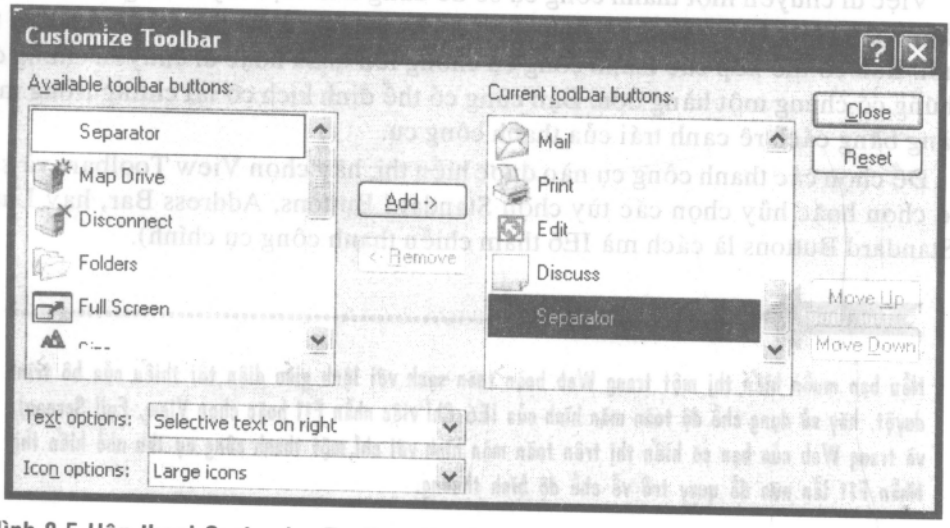

Hình 8.5 Hộp thoại Customize Toolbar-đây là nơi mà bạn mà bạn thực hiện các thay đổi mong muốn đối với thanh công cụ IE6.

Thêm các liên kết

Thanh Links cho phép bạn đặt các liên kết ưa thích của bạn ngay phía trước. Khi bạn bổ sung một Web site vào thanh Links, bạn có thể nhảy đến site đó bằng cú nhấp vào một nút. Để bổ sung một site vào thanh Links, bạn phải rê biểu tượng của site này từ thanh Address lên trên thanh Links. Bạn có thể sắp xếp lại các nút trên thanh Links bằng cách rê chúng từ vị trí này sang vị trí khác.

Cấu hình bộ trình duyệt

Bạn có thể thay đổi nhiều tùy chọn trong Internet Explorer để làm cho nó thích hợp với những nhu cầu cá nhân của bạn. Ví dụ, bạn có thể muốn thay đổi màu của các liên kết mà bạn đã xem hoặc nếu bạn quan tâm đến vấn đề an toàn, bạn có thể muốn mở các cảnh báo khi nhập vào một site không an toàn.

Để thay đổi cấu hình mặc định của Internet Explorer:

1. Từ trong Internet Explorer, chọn Tools, Internet Options. (Bạn có thể mở Control Panel rồi nhấp Internet Optiops).
2. Khi hộp thoại Internet Options xuất hiện, hãy cấu hình các tùy chọn.
3. Sau khi bạn đã cấu hình Internet Explorer, hãy nhấp nút OK.

Các tùy chọn của tab General

Tab General trong hộp thoại Internet Options (được minh họa ở hình 8.6) sẽ là tab mà bạn sử dụng thường xuyên nhất. Đây là nơi mà bạn có thể:

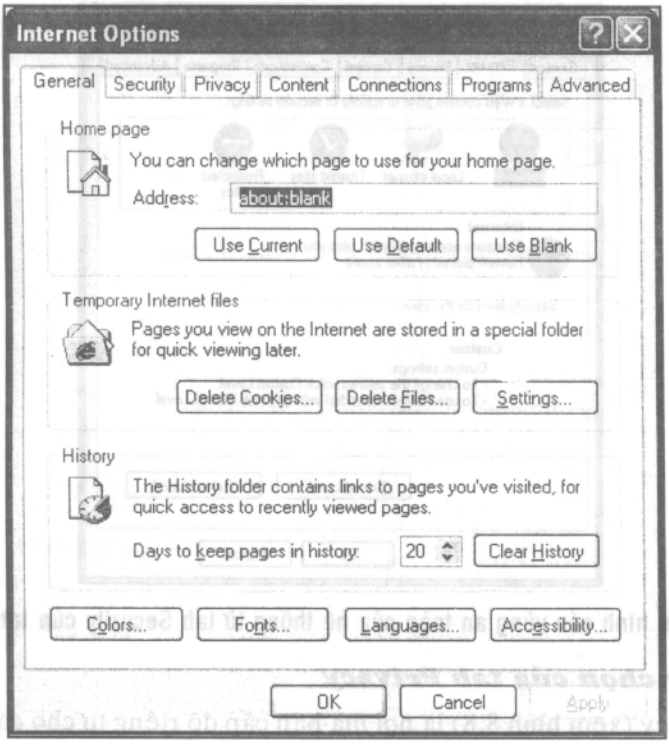

Hình 8.6 Quản lý trang chủ, các file tạm thời, và bảng danh sách lịch sử trình duyệt từ tab General của Internet Options.

- Cài đặt trang khởi đầu mặc định (mà IE6 gọi là trang chủ) cho bộ trình duyệt xóa tất cả file cookie ra khỏi máy tính.
- Xóa tất cả file Internet tạm thời và chọn bao nhiêu khoảng trống đĩa được giữ lại trong file tạm thời này.
- Chọn bao nhiêu ngày để lưu trữ danh sách lịch sử về các Web site mà bạn đã xem hoặc xóa hoàn toàn danh sách lịch sử.
- Thay đổi nền, text và các màu, và liên kết mặc định của bộ trình duyệt.
- Thay đổi các font mặc định được hiển thị trong bộ trình duyệt.
- Thay đổi ngôn ngữ mặc định để hiển thị trong bộ trình duyệt.
- Cấu hình các tùy chọn truy cập đã chọn.

Các tùy chọn của tab Security

Tab Security (xem hình 8.7) là nơi mà bạn gán các vùng nội dung cho bộ trình duyệt của bạn. Bạn sử dụng các vùng nội dung để bảo đảm sự an toàn của hệ thống trong khi bạn trình duyệt các trang Web riêng lẻ.

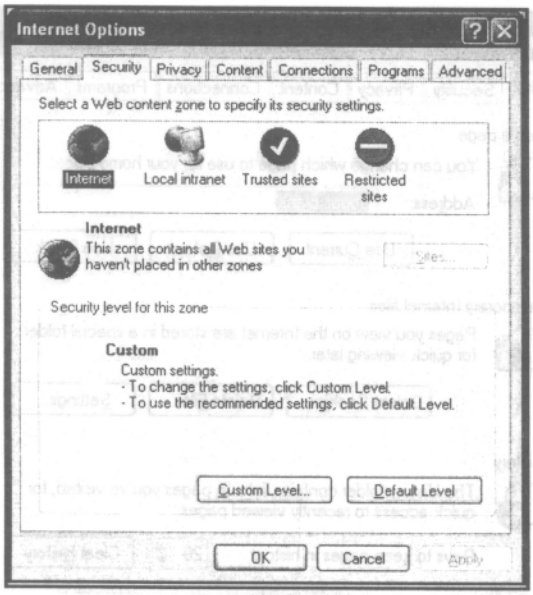

Hình 8.7 Cấu hình các vùng an toàn của hệ thống từ tab Security của Internet Options

Các tùy chọn của tab Privacy

Tab Privacy (xem hình 8.8) là nơi mà bạn cấp độ riêng tư cho các site mà bạn xem.

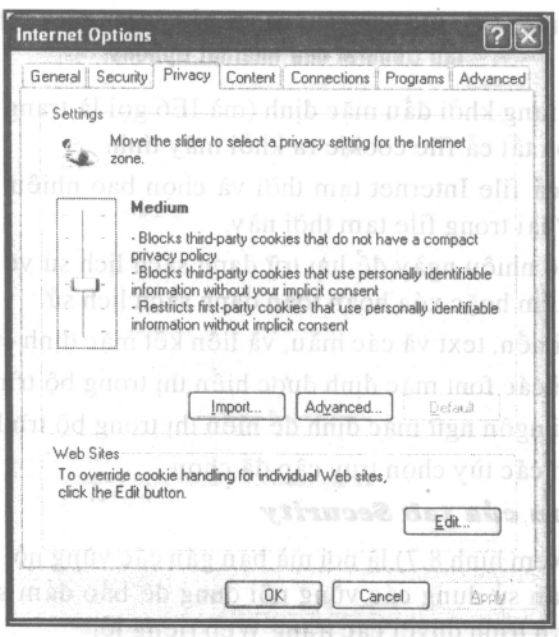

Hình 8.8 Quản lý chế độ bảo vệ tính riêng tư của bộ trình duyệt từ tab Privacy của Internet Options.

Các tùy chọn của tab Content

Tab Content (xem hình 8.9) cho phép bạn chọn lấy nội dung Web có thể được xem bằng bộ trình duyệt của bạn. Bạn có thể mở Content Advisor để làm cho các loại Web site nhất định không thể truy cập được, để bảo vệ người sử dụng trẻ tuổi tránh khỏi nội dung không thích hợp.



Hình 8.9 Cấu hình IE6 để ngăn chặn nội dung không thích hợp từ tab Content của Internet Options.

Các tùy chọn của tab Connections

Tab Connections (xem hình 8.10) là nơi mà bạn quản lý tất cả nối kết Internet được cài đặt trên PC của bạn. Bạn có thể thay đổi các cài đặt của bất kỳ nối kết hiện có, hoặc nhấp nút Setup để tạo một nối kết mới sử dụng New Connection Wizard. Bạn cũng có thể sử dụng tab này để yêu cầu hệ thống của bạn không bao giờ quay số một nối kết (nếu bạn đã nối kết qua một LAN hay modem giải rộng luôn mở), quay số bất cứ khi nào một nối kết nối mạng không hiện diện hoặc luôn quay số một nối kết cụ thể

Các tùy chọn Programs

Tab Programs (xem hình 8.11) thiết kế các chương trình trợ giúp nào được sử dụng cho các chức năng nào liên quan đến Internet. Ví dụ, bạn có thể sử dụng tab này để thiết kế FrontPage làm bộ hiệu chỉnh HTML của bạn và Outlook Express làm e-mail client của bạn.

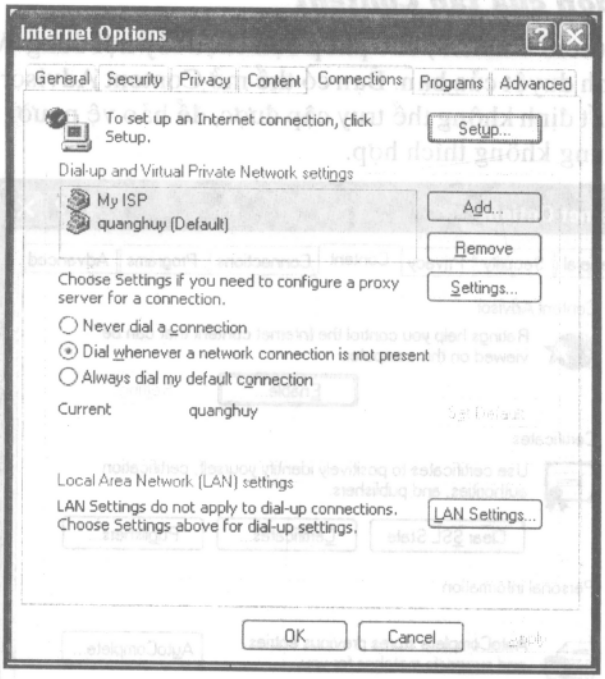

Hình 8.10 Quản lý tất cả nối kết Internet của bạn từ tab Connections của Internet Options.

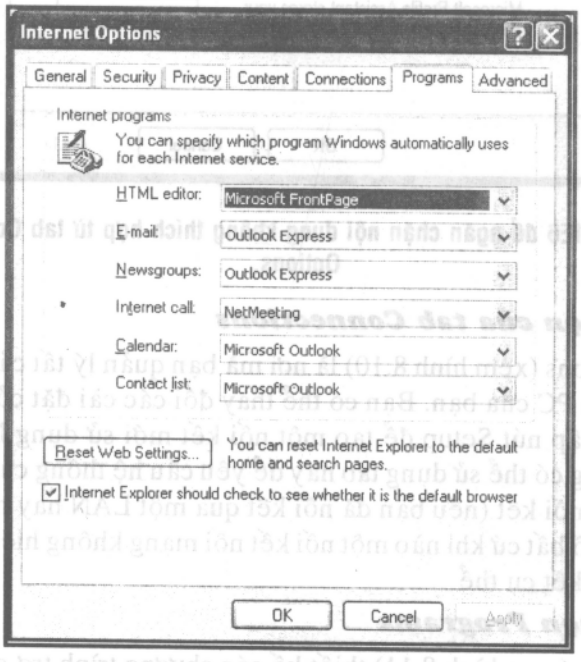

Hình 8.11 Chỉ định các chương trình trợ giúp mặc định từ tab Programs của Internet Options.

Các tùy chọn của tab Advanced

Tab Advanced (xem hình 8.12) có thể là một tab mà bạn thường tránh sử dụng mặc dù nó chứa một số cấu hình hữu dụng nhất.

Về mặc cơ bản, tab này liệt kê tất cả cài đặt cấu hình bằng cách sử dụng một cấu trúc hình cây có rất nhiều tùy chọn từ việc tự động kiểm tra các thông tin cập nhật của bộ trình duyệt để mở hay tắt console Java của IE6. Nếu bạn không nhìn thấy một tùy chọn cụ thể ở bất kỳ nơi khác, thì có thể nó nằm ở một nơi nào đó trên tab này.

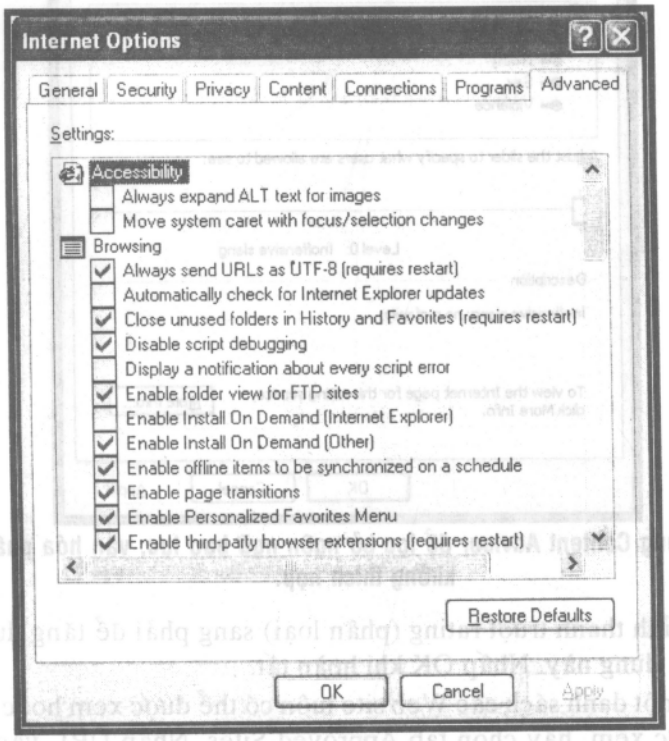

Hình 8.12 Cấu hình tất cả loại cài đặt hữu dụng từ tab Advanced của Internet Options.

Trình duyệt an toàn

Trong các tab trong hộp thoại Internet Properties xử lý các trình duyệt an toàn hơn. Đặc biệt, IE6 chứa các tính năng giúp bạn tăng tính riêng tư, tính an toàn và bảo vệ con cái của bạn tránh khỏi nội dung trang Web không thích hợp.

Content Advisor

IE6 chứa Content Advisor vốn có thể được sử dụng để ngăn chặn sự truy cập các site đáp ứng tiêu chuẩn đã ấn định. Ví dụ, bạn có thể cấu hình Content Advisor để ngăn chặn tất cả site có chứa nội dung đồi trụy hoặc chứa ngôn ngữ xấu.

Sau đây là cách một kích hoạt và cấu hình Content Advisor:

1. Từ hộp thoại Internet Options, chọn tab Content.

2. Từ bên trong phần Content Advisor, nhấp nút Enable. (Nếu bạn được nhắc nhập một password, hãy nhập nó bây giờ).
3. Hộp thoại Content Advisor xuất hiện, như được minh họa ở hình 8.13, chọn một tab Ratings và chọn một hạng mục (Language, Nudity, Sex hay Violence).

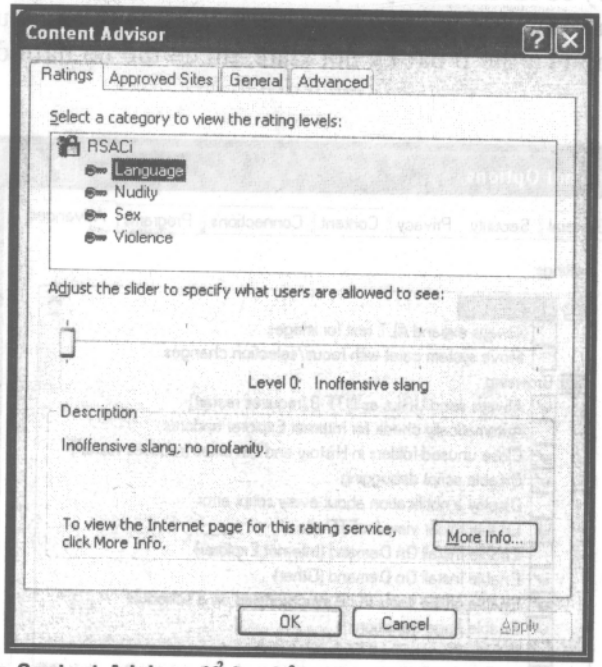

Hình 8.13 Sử dụng Content Advisor để lọc bỏ ngôn ngữ bạo lực, văn hóa phẩm đồi trụy không thích hợp.

4. Điều chỉnh thanh trượt rating (phân loại) sang phải để tăng dung sai của loại nội dung này. Nhấp OK khi hoàn tất.
5. Để tạo một danh sách các Web site luôn có thể được xem hoặc không bao giờ được xem, hãy chọn tab Approved Sites. Nhập URL vào hộ Allow This Web Site rồi sau đó nhấp nút Always để luôn xem site bất kể sự phân loại của nó) hay thoát nút Never để hoàn toàn ngăn chặn sự truy cập đến site).
6. Nhấp OK và bạn sẽ được nhắc tạo một password giám sát. Sau khi bạn nhập một password rồi nhấp OK, Content Advisor sẽ được kích hoạt.
7. Để tắt Content Advisor, hãy quay trở về tab Content trong hộp thoại Internet Options rồi nhấp nút Disable (lần nữa bạn sẽ được nhắc nhập password giám sát (Supervisor Password; nhập password Windows của bạn rồi nhấp OK).

Các vùng an toàn

Internet Explorer kết nhập một công nghệ được gọi là ActiveX. ActiveX được phát triển bởi Microsoft, cho phép các nhà thiết kế Web bổ sung nhiều nội dung hoạt động và đa phương tiện vào các trang của họ. Thật không may, ActiveX cũng đưa ra một khe hở tiềm ẩn cho hệ thống máy tính của bạn.

Các control ActiveX có thể được tự động tải xuống từ một trang Web xuống máy tính của bạn. Hầu hết thời gian các control ActiveX là những thứ tốt bổ sung chức năng các trang Web của bạn. Tuy nhiên, đôi khi các control ActiveX có thể được sử dụng để cấu hình các nguồn tài nguyên của hệ thống và ngay cả ghi sang đĩa cứng của bạn. Kết quả là những nhà phát triển thông thạo có thể sử dụng ActiveX để xâm nhập vào hệ thống của bạn, tải lên thông tin cá nhân và tải xuống các virus và các chương trình có hại khác.

Cách giải quyết của Microsoft đối với những vấn đề an toàn ActiveX là cho phép bạn cài đặt các vùng an toàn khác nhau cho các Web site khác nhau. Mỗi vùng an toàn được gán các cấp độ an toàn Low, Medium, hay High.

Những cấp độ an toàn này được áp dụng vào trang Web khác bằng cách gán mỗi trang vào một vùng an toàn cụ thể. IE6 cho phép bạn gán bốn vùng khác nhau:

- **Internet Zone**-Đây là vùng mặc định của IE6. Bất kỳ site không được xem trước đó sẽ rơi vào vùng này. Mức độ an toàn mặc định là Medium.
- **Local Internet Zone**-Vùng này chuyên dụng cho các trang của Internet cục bộ của công ty. Bạn không thể thêm các site vào vùng này. Mức độ an toàn mặc định là Medium.
- **Trusted Sites Zone**-Vùng này chứa các site mà bạn biết là an toàn. Mức độ an toàn mặc định là Low.
- **Restricted Sites Zone**-Vùng này chứa các site mà bạn không tin cậy. Mức độ an toàn mặc định là High.

Theo mặc định, tất cả Web site được gán vào Internet Zone sẽ được gán vào Web site vào Trusted Sites hay Restricted Sites, hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Từ hộp thoại Internet Options, chọn tab Security.
2. Chọn biểu tượng Trusted Sites hay Restricted Sites rồi nhấp nút Sites.
3. Khi hộp thoại zone xuất hiện, nhập URL cho site mới vào hộp Add This Web Site To the Zone, sau đó nhấp nút Add.
4. Nhấp OK khi đã thực hiện, sau đó nhấp OK lần nữa để đóng hộp thoại Internet Options.

Ghi chú

Nếu bạn chọn Local Internet Zone, bạn sẽ thấy một hộp thoại liên quan đến các tùy chọn Intranet/proxy server/firewall khác nhau. Nhấp nút Advanced để thêm trang hiện hành này vào vùng này.

Vùng an toàn cho trang Web hiện hàng luôn hiển thị bên cạnh phải của thanh trạng thái Internet Explorer.

Các tùy chọn ưu tiên về tính riêng tư

Tính riêng tư Internet liên quan đến thông tin cá nhân nào của bạn được chia sẽ bởi một Web site cụ thể. Thông tin cá nhân này có thể được lưu trữ trên một cookie hoặc trên cơ sở dữ liệu hoặc Web.

Ghi chú

Một cookie là một file nhỏ, được lưu trữ trên máy tính, file này chứa thông tin về các lần tham quan một Web site cụ thể. Ví dụ, một site có thể lưu trữ tên người dùng vào một password trong một cookie. Lần tiếp theo khi bạn tham quan site đó, thông tin cookie của bạn được đọc và được xử lý.

Nếu bạn quan tâm đến cách sử dụng thông tin cá nhân của bạn, hãy đi đến tab Privacy của hộp thoại Internet Options. Tại đây bạn có thể cài đặt Privacy Preferences có thể cho phép của bạn. Có ba cài đặt để chọn:

- **Low**- tại cài đặt này, bộ trình duyệt của bạn cho phép cookie từ tất cả site và không kiểm tra để tìm bất kỳ chính sách riêng tư khác hoặc báo cáo. Nói cách khác mỗi site có thể được truy cập.
- **Medium**-Đây là cài đặt riêng tư mặc định của IE6. Tại cài đặt này, bộ trình duyệt của bạn cho phép sử dụng các cookie từ tất cả site nhưng không cho phép sử dụng bất kỳ cookie không thích hợp của các nhóm thứ ba để lưu các cookie trên hệ thống của bạn. Bộ trình duyệt cũng sẽ kiểm tra chính sách riêng tư của một site và so sánh chính sách đó với các tùy chọn ưu tiên của bạn.
- **High**-Cài đặt này cung cấp mức độ bảo vệ cao nhất nhưng cũng sẽ ngăn chặn sự truy cập đến một số lớn các site. Tại cài đặt này , bộ trình duyệt của bạn ngăn cấm bất kỳ cooike nào khỏi được lưu sang hệ thống của bạn (bởi vì nhiều site phụ thuộc vào cookie Để hoạt động một cách chính xác, bạn không thể nhập vào những site này tại cài đặt này.)

Tăng tốc bộ trình duyệt

Có nhiều cài đặt mà bạn có thể điều chỉnh để tăng tốc tính năng trình duyệt Web. Nếu bạn nối kết qua một nối kết chậm đáng kể, bạn nên xem xét lại cấu hình những cài đặt này.

Cài đặt một Cache lớn hơn

IE6 sử dụng một phần để lưu trữ các trang Web và hình ảnh đã xem trước đó. Khoảng trống đĩa này được gọi là một Cache, và nó càng lớn thì bộ trình duyệt của bạn sẽ càng tải lại các trang cũ nhanh hơn. Cải tiến tốc độ đáng kể nhất mà bạn có thể thực hiện bắt nguồn từ việc định lại kích cỡ cache này. Cache càng lớn thì bộ trình duyệt càng nhanh khi xem các trang mà bạn đã xem trước đó.

Dĩ nhiên, nếu bạn chọn một cache quá lớn, bạn sẽ sử dụng hết khoảng trống đĩa có giá trị. Do đó, bạn phải chọn sự hòa hợp giữa kích cỡ và hoạt động nếu bạn liên tục đợi các trang ưa thích của mình tải, cache của bạn có thể quá nhỏ, chọn một cài đặt lớn hơn, xem điều đó có tác động đến hoạt động như thế nào.

Thủ thuật

Nếu bạn có một đĩa cứng rất lớn (10GB+) có nhiều khoảng trống chưa sử dụng, hãy xem xét việc gán giữa 500MB và một GB vào cache.

Để thay đổi kích cỡ cache của IE6, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ hộp thoại Internet Options, chọn tab General.
2. Trong phần Temporary Internet Files, nhấp nút Settings.
3. Khi hộp thoại Settings xuất hiện (xem hình 8.14), hãy đi đến phần Temporary Internet Files và điều chỉnh thanh trượt sang kích cỡ mong muốn tính bằng MB.
4. Nhấp OK để chấp nhận kích cỡ cache mới này.



Hình 8.14 Sử dụng hộp thoại Settings để điều chỉnh cache đĩa của IE6.

Thủ thuật

Nếu đĩa cứng của bạn quá đầy (hoặc nếu bộ trình duyệt cứ tải các phiên bản cũ của các trang cụ thể), bạn nên xóa cache bộ trình duyệt. Bạn thực hiện điều này bằng cách nhấp nút Selete Files trên tab General của hộp thoại Internet ptions.

Đừng kiểm tra để tìm các thông tin cập nhật

Dĩ nhiên, một cache không có ít lợi gì nếu bộ trình duyệt của bạn tải xuống mỗi thành phần đơn mỗi lần bạn xem một trang. Hoạt động sẽ nhanh hơn nếu bạn yêu cầu bộ trình duyệt sử dụng cache. Theo cách này, IE6 sẽ chỉ kiểm tra để tìm nội dung mới.

Cảnh báo

Nếu bạn hoàn toàn tắt chế độ xác minh trang, bạn có nguy cơ là không luôn tải nội dung trang Web mới nhất.

Để cấu hình chế độ xác minh trang Web này, hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Từ hộp thoại Internet Options, chọn tab General và sau đó nhấp Settings.
2. Khi hộp thoại Settings xuất hiện, hãy đi đến phần Check For Never Version of Stored Pages, và thực hiện phần lựa chọn mong muốn của bạn. Bạn có thể chọn từ Every Visit đến Every Time You Start Internet Explorer (đây là cài đặt mặc định), Automatically hay Never.
3. Nhấp OK để kích hoạt các cài đặt mới.

Tắt hình ảnh

Một điều khác quan trọng hơn mà bạn có thể thực hiện để tăng tốc độ trình duyệt là không tải hình ảnh. Trong khi phương pháp này rõ ràng giảm đi sức hấp dẫn của hầu hết các trang Web, nhưng nó có thể giúp bạn xử lý hầu hết các nối kết Internet cực kỳ chậm.

Sau đây là cách ngăn cản IE6 khỏi tải hình ảnh của các trang Web:

1. Từ trong hộp thoại Internet Optiopns, chọn tab Advanced.
2. Cuộn xuống phần Multimedia và hủy chọn tùy chọn Show Pictures.
3. Nhấp OK.

Làm việc với các Web Site

Một khi bạn đã cấu hình IE6 theo ý thích của bạn, đến lúc bạn phải bắt đầu trình duyệt Web. Có một số đặc tính đặc trưng của IE6 giúp bạn theo dõi các site mà bạn xem hoặc để tìm những site tại nơi đầu tiên.

Quản lý các Site ưa thích của bạn

Khi bạn tìm thấy một trang Web mà bạn thích, bạn có thể thêm nó vào danh sách Favorites của IE6. Với tính năng này, bạn có thể truy cập bất kỳ trong các site ưa thích của bạn bằng cách chọn nó từ danh sách.

Để thêm một trang vào danh sách Favorites:

1. Đi đến trang mà bạn muốn thêm.
2. Chọn Favorites, Add Favorites để hiển thị hộp thoại Add Favorites.
3. Xác nhận tên của trang rồi sau đó nhấp nút Create In để mở rộng hộp thoại.
4. Chọn folder mà bạn muốn đặt liên kết vào đó rồi sau đó nhấp OK.

Để xem một trang trong danh sách Favorites của bạn:

1. Nhấp nút Favorites. Cửa sổ trình duyệt tự động tách thành hai khung. Các hạng mục ưa thích của bạn được hiển thị trong khung bên trái, như được minh họa ở hình 8.15.

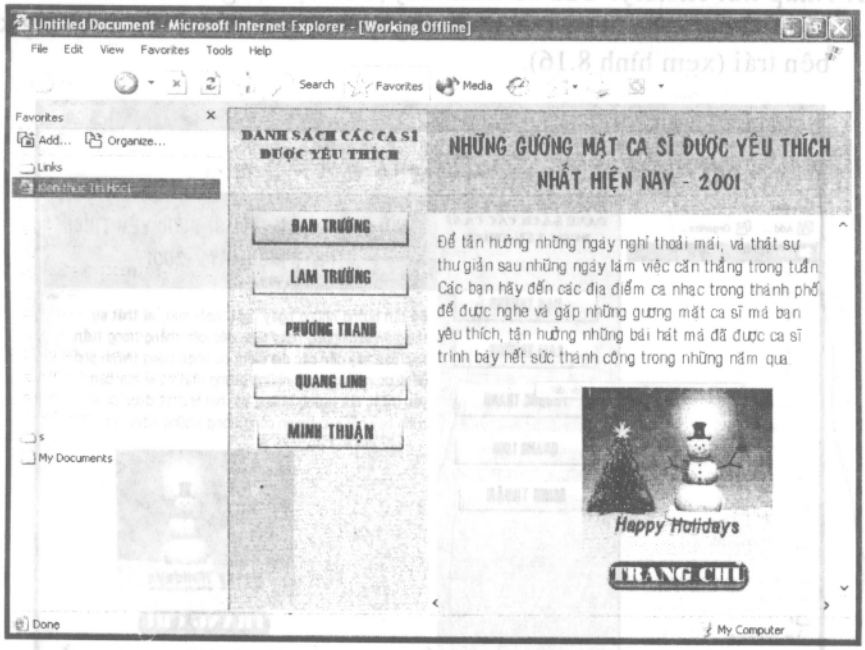

Hình 8.15 Nhấp nút Favorites để hiển thị khung Favorites; nhấp vào bất kỳ liên kết nào để hiển thị trang đó trong khung bên phải.

2. Nhấp bất kỳ folder trong khung Favorites để hiển thị nội dung của folder đó.
3. Nhấp một trang ưa thích và trang đó sẽ được hiển thị trong khung bên phải.
4. Nhấp lại nút Favorites để che giấu khung Favorites.

Thủ thuật

Nếu bạn bổ sung nhiều trang vào danh sách Favorites, nó có thể trở nên bề bộn. Để sắp xếp lại danh sách Favorites, hãy sử dụng chuột để rê một trang ưa thích vào folde hay vị trí mới. Để xóa một hạng mục ưa thích (favorite) chỉ việc bật sáng nó rồi nhấn Delete.

Xem lại danh sách History

Internet Explorer có hai cách theo dõi các trang Web mà bạn đã xem để bạn có thể dễ dàng xem lại chúng mà không cần phải nhập lại URL.

Để xem lại một trong các trang mà bạn đã xem, hãy nhấp mũi tên hướng xuống trên nút Back. Điều này sẽ mở ra một menu xổ xuống chứa chính trang sau cùng mà bạn đã xem. Bật sáng bất kỳ trang trên menu này để nhảy trực tiếp đến trang đó.

Để xem lại các trang mà bạn đã xem cách đây vài ngày, bạn sử dụng khung History của IE6. Thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút History. Cửa sổ trình duyệt sẽ tự động tách thành hai khung, vo71i danh sách lịch sử về nhiều ngày vừa qua được hiển thị trong khung bên trái (xem hình 8.16).

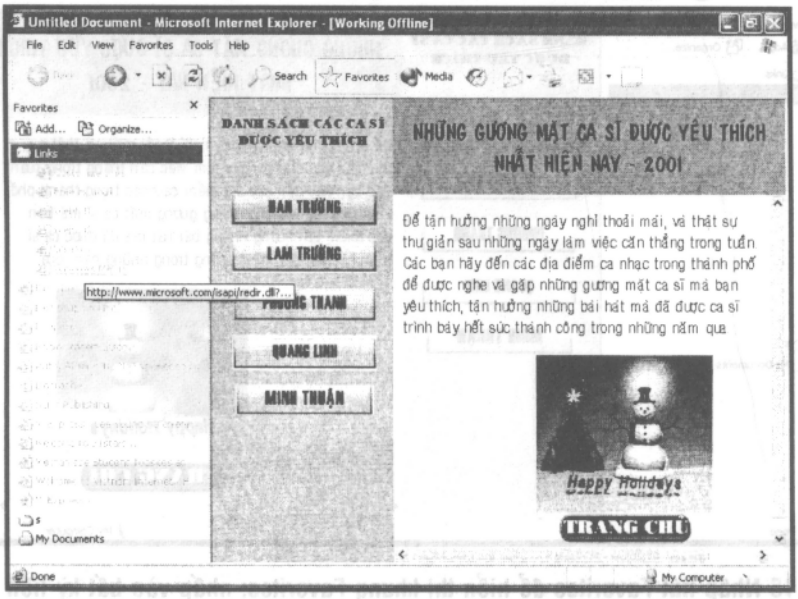

Hình 8.16 Nhấp nút History để xem lại các trang mà bạn đã xem gần đây được sắp xếp theo ngày và theo site.

2. Danh sách History của bạn được sắp xếp vào các folder dành cho mỗi trong nhiều ngày vừa quả. Nhấp bất kỳ folder trong History để hiển thị các site mà bạn đã xem vào ngày đó.
3. Mỗi site mà bạn đã xem vào một ngày cụ thể sẽ có folder con riêng của nó. Nhấp một folder con để hiển thị các trang mà bạn đã xem trong site cụ thể đó.
4. Nhấp một trang cụ thể để hiển thị trang đó trong khung bên phải.
5. Nhấp lại nút History để che giấu khung History.

Thủ thuật

Để phân loại các site trong khung History theo site, theo ngày được xem gần đây nhất, hãy mở menu View xổ xuống trong khung và thực hiện một lựa chọn mới để tăng hay giảm số ngày hiển thị danh sách History, hãy chọn Tools, Internet Options và sau đó đi đến phần History của tab General và nhập một giá trị mới cho Days to Keep Pages in History. (Giá trị mặc định là 20).

Tìm kiếm các Site

Internet Explorer có hai tính năng làm cho việc tìm kiếm trên Web trở nên dễ dàng hơn. Trong cả hai trường hợp, bạn có thể bắt đầu cuộc tìm kiếm từ trong bộ trình duyệt, mà không cần phải đi trực tiếp đến Yahoo! hay Goodle hoặc bất kỳ site tìm kiếm khác.

Tính năng đầu tiên được gọi là Autosearch, cho phép bạn nhập một cơ hội tìm kiếm trực tiếp vào thanh Address. Chỉ việc nhập một dấu hỏi được theo sau bởi một hay nhiều từ tìm kiếm (ví dụ như: *?red balloon*) sau đó nhấn Enter. Bây giờ IE6 sẽ bắt đầu tìm kiếm và hiển thị kết quả trong cửa sổ trình duyệt.

Thủ thuật

Để chọn dịch vụ tìm kiếm nào được sử dụng khi bạn tìm kiếm từ thanh Address, hãy nhấp nút Search để mở Search Companions rồi sau đó nhấp Customize để hiển thị cửa sổ Customize Search Settings. Bây giờ nhấp nút Autosearch rồi chọn dịch vụ tìm kiếm nào mà bạn sử dụng.

Tính năng tìm kiếm IE6 thứ hai là Search Companion. Khi bạn nhấp nút Search, IE6 hiển thị khung Search Companion được minh họa ở hình 8.17. Nhập câu hỏi của bạn vào hộp text. Sau đó nhấp nút Search và bắt đầu tìm kiếm.

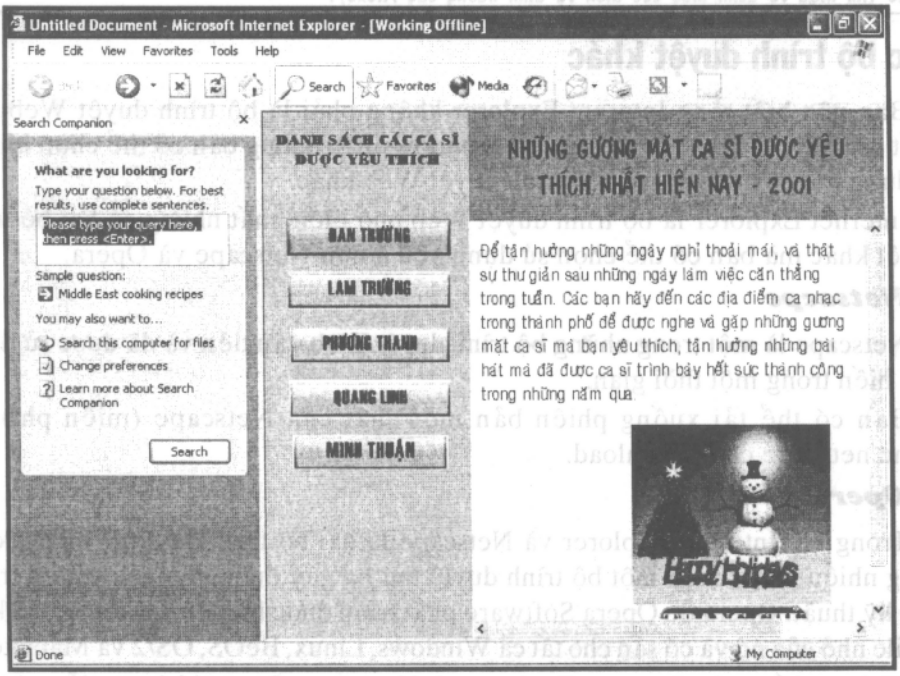

Hình 8.17 Nhấp nút Search để bắt đầu tìm kiếm Web trong bộ trình duyệt.

Bây giờ Search Companion sẽ cho ra kết quả từ công cụ tìm kiếm ưa thích của bạn cùng với một số hoạt động khác được đề nghị, tất cả được liệt kê trong khung Search Companion. Có thể hoạt động hữu dụng nhất nếu tập hợp kết quả đầu tiên không thỏa mãn mong muốn của bạn là tự động gởi kết quả của bạn đến và đến các công cụ tìm kiếm khác. Nhấp tùy chọn này và Search Companion hiển thị một danh sách các công cụ tìm kiếm khác và hiển thị kết quả từ công cụ đầu tiên trên danh sách. Nhấp bất kỳ công cụ tìm kiếm khác để sử dụng nó cho việc tìm kiếm bổ sung.

Thu thuật

Để tạo tùy biến các dịch vụ tìm kiếm mà Search Companion sử dụng, hãy nhấp tùy chọn Change Preferences trong khung Search Companion, sau đó chọn Change Internet Search Behavior. Khi khung Internet Search Behavior, bạn có thể chọn dịch vụ tìm kiếm nào mà bạn muốn sử dụng theo mặc định, hoặc bạn có thể chọn tắt Search Companion và quay trở về cuộc tìm kiếm Internet cổ điển.

Thu thuật

Sau khi bạn đã cập nhật một Web site cụ thể hãy chọn Tools, Show Related Links. Điều này sẽ hiển thị một khung RelatedList có chứa một danh sách các Web site có liên quan một phần đến trang được hiển thị. Đặc tính này được mở bằng công nghệ do Alexa cung cấp (Đi đến www.alexa.com để tìm hiểu về danh mục các dịch vụ định hướng của Alexa).

Các bộ trình duyệt khác

Bạn nên biết rằng Internet Explorer không phải là bộ trình duyệt Web duy nhất có sẵn. Mặc dù IE6 đi kèm với Windows XP, nhưng bạn có thể chọn không sử dụng nó và sử dụng một bộ trình duyệt Web khác.

Internet Explorer là bộ trình duyệt Web phổ biến nhất nhưng có hai bộ trình duyệt khác mà bạn có thể chọn sử dụng nếu muốn-Netscape và Opera.

Netsacpe

Netscape là một trong những bộ trình duyệt Web đầu tiên và đã được sử dụng phổ biến trong một thời gian.

Bạn có thể tải xuống phiên bản mới nhất của Netscape (miễn phí) tại home.netscape.com/download.

Opera

Trong khi Internet Explorer và Netscape là hai bộ trình duyệt Web được sử dụng nhiều nhất thì có một bộ trình duyệt thứ ba gây được nhiều sự chú ý trong giới kỹ thuật. Opera do Opera Software phát triển được biết đến vì tốc độ và kích cỡ file nhỏ của nó và có sẵn cho tất cả Windows, Linux, BeOS, OS/2 và Macintosh.

Không giống như Internet Explorer và Netscape, Opera không miễn phí. Đi đến www.opera.com để biết thêm thông tin và để tải xuống phần mềm này.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Nếu bạn giống như hầu hết những người sử dụng, bạn trình duyệt Web ít nhất mỗi ngày một giờ. Điều này có nghĩa rằng bạn sử dụng nhiều Internet Explorer 6 đi kèm với Windows XP.

Hãy nhớ 10 điểm quan trọng sau đây:

1. Windows XP chứa một phiên bản mới của Internet Explorer, phiên bản 6, phiên bản này trình bày giao diện Luna mới và một số chức năng cải tiến.
2. Trước khi bạn có thể tạo tùy biến các thanh công cụ của IE6, đầu tiên bạn

phải mở khóa chúng (chọn View, Toolbar, sau đó hủy chọn Lock the Toolbar).

3. Bạn có thể di chuyển các thanh công cụ của IE6, che giấu hoặc hiển thị các thanh công cụ riêng lẽ hoặc bổ sung-xóa-sắp xếp lại các nút trên thanh công cụ chính.
4. Hầu hết các tùy chọn cấu hình của IE6 được tìm thấy trong hộp thoại Internet Options (chọn Tools, Internet Options, hoặc nhấp biểu tượng Internet Options trong Control Panel của Windows).
5. Các cài đặt được sử dụng nhiều nhất được tìm thấy trên tab General, từ đây bạn có thể cài đặt trang Home của bộ trình duyệt, xóa các file tạm thời, cài đặt kích cỡ của cache đĩa, xóa các cookie và quản lý các file History.
6. Để quản lý các nối kết Internet, hãy đi đến tab Connection. (Bạn cũng có thể khởi động New Connection Wizard từ đây.)
7. Để lọc bỏ các site có chứa nội dung không phù hợp, hãy đi đến tab Content và kích hoạt Content Advisor.
8. Bạn có thể lưu các Web site ưa thích của bạn sang danh sách Favorites. Nhấp Favorites để chọn một site từ danh sách Favorites của bạn.
9. Bạn có thể tìm kiếm trực tiếp từ bộ trình duyệt bằng cách nhập một câu hỏi (được đứng trước bằng một dấu hỏi ?) vào thanh Address.
10. Để vấn tin nhiều công cụ tìm kiếm, hãy nhấp nút Search để hiển thị Search Companion.

Chương 9

Gởi và nhận E-Mail bằng Outlook Express

- *Giới thiệu Outlook Express 6*
- *Cấu hình Outlook Express*
- *Ngăn ngừa các vi rút E-mail*
- *Gởi và nhận E-mail*
- *Gởi các thông báo lạ mắt*
- *Nối kết với Web Mail*
- *Làm việc với các Folder và các quy tắc thông báo*
- *Sử dụng Address Book*
- *Sử dụng Outlook Express với các Newsgroup*
- *Các Client E-mail/ Newsreader khác*
- *Mười thủ thuật quan trọng nhất*

Windows XP có một chương trình đa năng theo dạng Outlook Express. Outlook Express được sử dụng cho e-mail và để truy cập các newsgroup Usenet. Nó tương tự như phiên bản của Microsoft Express đi kèm với Microsoft Office, ngoại trừ không có các chức năng lập thời biểu và quản lý thông tin liên lạc. Điều đó làm cho nó trở thành một chương trình dễ dàng hơn, dễ học và dễ sử dụng.

Phiên bản mới nhất của Outlook Express, phiên bản 6, không khác nhiều so với phiên bản 5. Các điểm khác biệt chính là giao diện Luna của XP và tính năng ngăn ngừa các vi rút e-mail có hiệu quả hơn.

Giới thiệu Outlook Express 6

Cửa sổ cơ bản của Outlook Express được chia thành ba khung, như được minh họa ở hình 9.1. Khung bên trái trên cùng được gọi là danh sách Folder, đây là nơi mà bạn truy cập Inbox của bạn và các folder khác. Khung nằm bên trái dưới cùng là danh sách Contacts, và nó chứa tất cả tên trong Address Book. Khung bên phải trên cùng là khung Message, và nó liệt kê tất cả thông báo lưu trữ trong folder được chọn. Khung phải dưới cùng là khung View, và nó hiển thị nội dung của thông báo đã chọn.

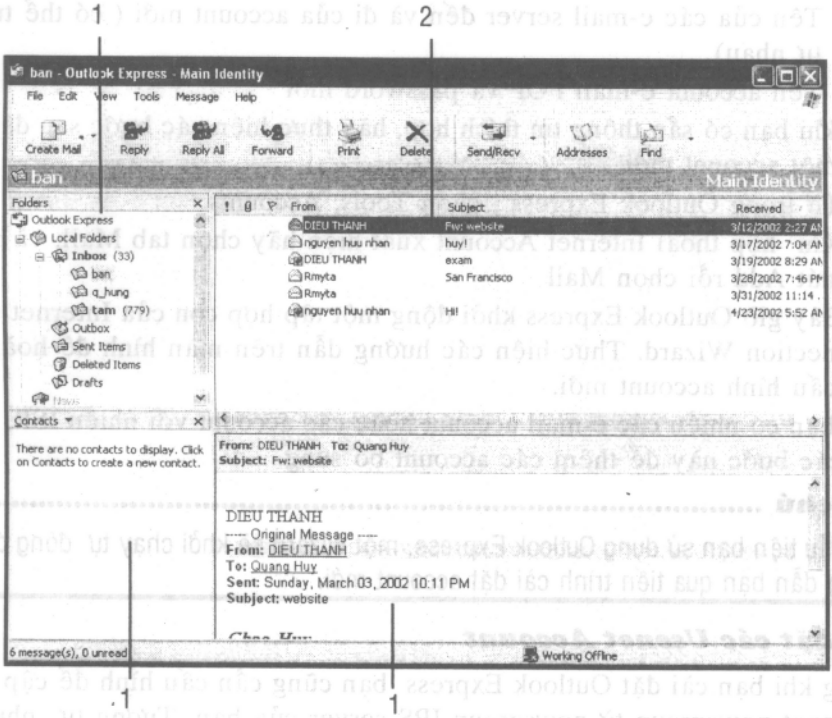

1 Danh sách folder ; 2 Khung Message; 3 Danh sách Contact, 4 Khung Preview

Hình 9.1 Cửa sổ chính của Outlook Express được chia thành bốn khung

Bạn truy cập thông báo e-mail đến bằng cách nhấp biểu tượng Indox trong danh sách Folder. Các tiêu đề thông báo của Inbox được hiển thị trong khung Masseage. Chọn tiêu đề thông báo và nội dung của thông báo đó được hiển thị trong khung Preview.

Cấu hình Outlook Express

Trước khi bạn có thể sử dụng Outlook Express, bạn phải cấu hình nó cho account e-mail và newgroup hiện hành. Bạn cũng có thể cấu hình lại giao diện để diện mạo hơi tinh vi hơn tương tự như diện mạo của chương trình Microsoft Outlook.

Cài đặt các e-mail Account

Outlook Express phải được cài đặt cho mỗi và mọi account e-mail mà bạn có thể có. Nếu bạn đã sử dụng Internet Connection Wizard để tạo nối kết Internet của bạn, Outlook Express được tự động cấu hình vào thời điểm đó. Nếu bạn không sử dụng Internet Connection Wizard thì bạn cần cấu hình Outlook Express bằng tay. Bạn cũng phải cấu hình bằng tay Outlook Express nếu bạn muốn bổ sung e-mail account mới vào danh mục của bạn.

Để thêm một e-mail account mới vào Outlook Express, bạn sẽ cần có sẵn thông tin sau đây:

- Địa chỉ e-mail (theo dạng xxx@xxx.xx) cho account mới.

- Tên của các e-mail server đến và đi của account mới (có thể tương tự nhau)
- Tên account e-mail POP và password mới

Một khi bạn có sẵn thông tin thích hợp, hãy thực hiện các bước sau đây để cài đặt một account mới:

1. Từ trong Outlook Express , chọn Tools, Accounts.
2. Khi hộp thoại Internet Account xuất hiện hãy chọn tab Mail, và nhấp nút Add rồi chọn Mail
3. Bây giờ Outlook Express khởi động một tập hợp con của Internet Connection Wizard. Thực hiện các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất cấu hình account mới.

Nếu bạn có nhiều các e-mail account hoặc các account với nhiều ISP, hãy lập lại các bước này để thêm các account bổ sung.

Ghi chú

Lần đầu tiện bạn sử dụng Outlook Express, một wizard sẽ khởi chạy tự động để hướng dẫn bạn qua tiến trình cài đặt account mới.

Cài đặt các Usenet Account

Trong khi bạn cài đặt Outlook Express bạn cũng cần cấu hình để cập nhật các Usenet newsgroup từ newsgroup IPS server của bạn. Tương tự như với cài đặt e-mail, nếu bạn đã sử dụng Internet ConectionWizard để nối kết Internet, Outlook Express được tự động cấu hình vào thời điểm đó, nếu không bạn sẽ phải cấu hình bằng tay cho newsgroup server của bạn.

Theo các bước sau đây:

1. Từ trong Outlook Express, chọn Tools, Account để hiển thị hộp thoại Internet Account.
2. Chọn tab News, nhấp Add, và chọn News.
3. Bây giờ Outlook Express khởi chạy một tập hợp con của Internet Conection Wizard. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất cấu hình account của bạn.

Thủ thuật

Outlook Express cho phép bạn truy cập nhiều news server. Ví dụ, bạn muốn truy cập newsgroup server tại ISP của bạn để tìm các newsgroup chuẩn, nhưng truy cập news server của Microsoft (msnews.microsoft.com) để tìm các nội dung thảo luận riêng biệt đối với phần mềm Microsoft. Đây là một chiến lược tốt cho bạn tìm kiếm các newsgroup không có sẵn trên một server cụ thể.

Cá nhân hóa giao diện

Cửa sổ Outlook Express có thể được cấu hình cho nhiều khung xem khác nhau. Ví dụ, bạn có thể muốn thay đổi khunh xem hình cây truyền thống của

danh sách Folder thành một sidebar được điều khiển bằng biểu tượng giống như sidebar được sử dụng trong Microsoft Outlook.

Hình 9.1 minh họa cửa sổ Outlook Express trong cấu hình chuẩn. Hình 9.2 minh họa một cấu hình khác biệt với thanh Outlook nằm bên trái, thanh folder nằm ở trên cùng, và khung preview nằm dưới khung message.

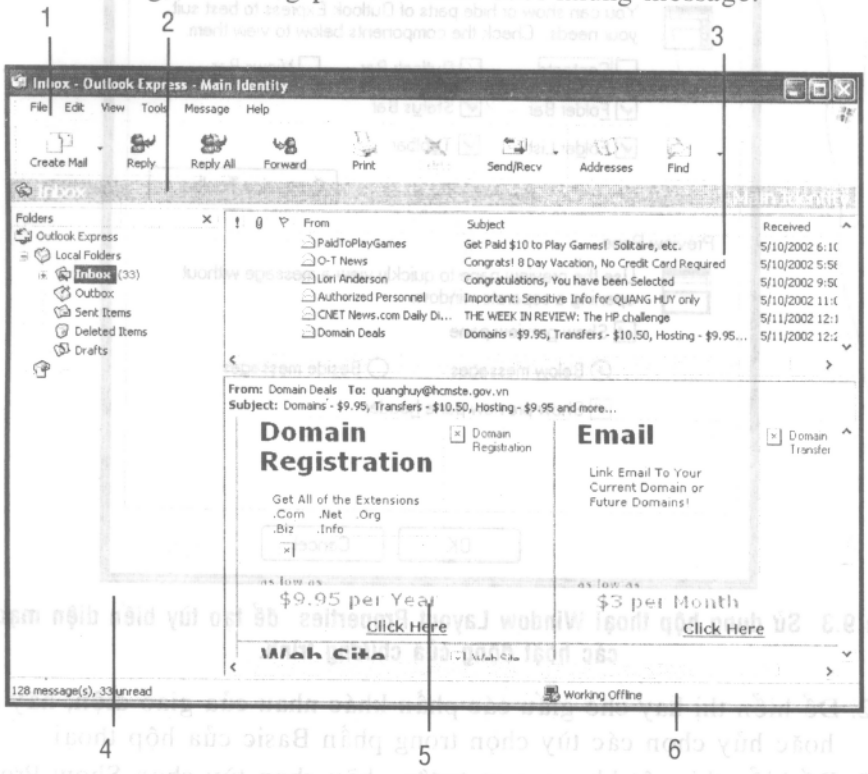

1 Thanh Outlook (mọi thứ trong vùng xám chứa các biểu tượng như inbox, pearson, v.v...); 2 Khung Preview (e-mail cá nhân); 3 Thanh Status (toàn bộ dòng cho biết số thông báo chư được đọc và biểu tượng); 4 Thanh công cụ (mọi thứ trên dòng chỉ định trả lời tất cả, xóa...), 5 Thanh Folder (nhấp để hiển thị cây folder); 6 Khung Message (tất cả thông báo)

Hình 9.2 Một cấu hình khác của Outlook Express, mô phỏng diện mạo và cách hoạt động của Microsoft Outlook

Để cấu hình cửa sổ của Outlook Express :

1. Chọn View, Layout để hiển thị hộp thoại Window Layout Properties, như được minh họa ở hình 9.3

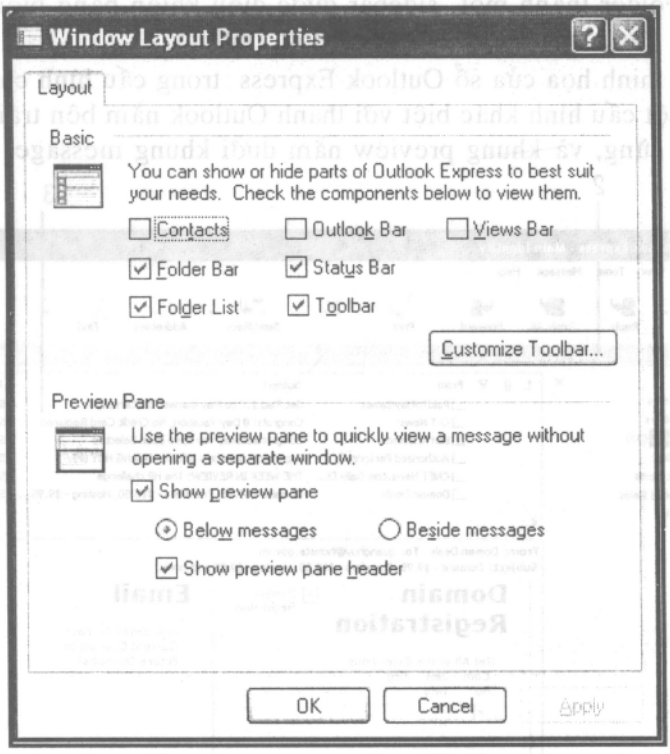

Hình 9.3 Sử dụng hộp thoại Window Layout Properties để tạo tùy biến diện mạo và các hoạt động của chương trình.

2. Để hiển thị hay che giấu các phần khác nhau của giao diện, hãy chọn hoặc hủy chọn các tùy chọn trong phần Basic của hộp thoại
3. Để hiển thị một khung xem trước, hãy chọn tùy chọn Show Preview Pane. Bạn cũng có thể chọn hiển thị khung xem trước nằm bên dưới hoặc nằm bên cạnh các thông báo của bạn, và để hiển thị một tiêu đề cho khung xem trước.
4. Để bổ sung, xóa hay sắp xếp lại các nút trên thanh công cụ, hãy nhấp nút Customize Toolbar. Khi hộp thoại Customize Toolbar mở ra, hãy thực hiện các lựa chọn của bạn.(Bạn cũng có thể cấu hình cách hiển thị các nút với các biểu tượng lớn hay nhỏ, không có nhãn, các nhãn bình thường, hoặc text được chọn nằm bện phải).
5. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

Bạn cũng có thể chọn các cột nào được hiển thị trong khuôn Message. Chọn View Colums để hiển thị hộp thoại Colums. Chọn những cột mà bạn muốn hiển thị và hủy chọn những coệt mà bạn muốn che giấu. Sử dụng các nút Move Up và Move Down để sắp xếp lại các cột theo ý thích của bạn, sau đó nhấp OK.

Ngăn ngừa các vi rút E-mail

Một trong những vấn đề chính đối với Internet là tất cả sự giao tiếp nhanh chóng đều tạo điều kiện cho các vi rút máy tính lây lan một cách nhanh chóng. Mỗi cách mà bạn có thể giao tiếp trên trực tuyến cũng lá một cách để lây lan vi rút.

E-mail không phải là trường hợp ngoại lệ. Một trong những cách phổ biến hơn để lây lan vi rút là thông qua các phần đính kèm và thông báo e-mail. Các phần đính kèm sẽ được thảo luân chi tiết ở phần sau của chương này, bởi vỉ vi rút chỉ là một file máy tính, do đó các vi rút có thể được gởi dễ dàng cùng với các thông báo e-mail.

Trước đây máy tính không thể bị nhiễm vi rút do nhận hay đọc e-mail. Thật sự bạn phải chạy hay mở một file được đính kèm với một e-mail để lây nhiễm vi rút. (Và đây là cách phổ biến nhất để lây lan vi rút bằng con đường e-mail).

Tuy nhiên, bởi vì một vi rút có thể được nhúng vào mã HTML thông qua Active X hay Java, một vi rút có thể được lây lan bằng việc đọc thông báo e-mail có dạng HTML. Đây là một phương pháp được sử dụng tương đối ít để lây lan vi rút và Microsoft đã đưa ra các chương trình sửa tạm cho phần mềm của nó khi các vi rút mới thuộc loại này được tìm thấy.(Đi đến www.microsoft.com/technet/security/ để tìm danh sách mới nhất về các bản thông báo an toàn của Microsoft).

Vi rút có thể được tìm thấy trong nhiều loại file khác nhau. Các loại file phổ biến nhất của vi rút là .EXE, .VBS, .BAT, .COM, hoặc .PIF. Các vi rút cũng có thể được nhúng vào các file Word hay Excel bằng cách mã macro VisualBasic. Máy của bạn không thể bị nhiễm vi rút từ một file ảnh, vì thế việc xem các file .JBG, GIF, .TIF, hoặc .BMP sẽ tuyệt đối an toàn.

Nếu bạn nghĩ về điều đó thì việc tránh lây nhiễm vi rút là điều khá dễ dàng. Đừng mở bất bất kỳ file .EXE, .VBS, .BAT, .COM, hoặc .PIF mà bạn nhận được bằng e-mail- đặc biệt chúng bắt nguồn từ những người mà bạn không biết.

Thủ thuật

Bạn có lo lắng về một file thập chí một file .DOC của Word có thể chứa vi rút hay không? Hãy mở file trong Notrpad hay Wordpad. Cả hai chương trình này mở bất kỳ chương trình dưới dạng text thuần túy, do đó bạn có thể đọc nội dung ở đó mà không phải kích hoạt bất kỳ mã vi rút tiềm ẩn.

Cách tốt nhất để hoàn toàn bảo vệ máy của bạn tránh khỏi các vi rút e-mail là không bao giờ mở bất kỳ phần đính kèm e-mail. Điều đó có thể quá nghiệm trọng đối với hầu hết người dùng đo đó Outlook Express 6 đã bổ sung các tính năng chống vi rút mà bạn nhận thấy rất hữu dụng.

Bạn truy cập tính năng chống vi rút của Outlook Express bạn cách chọn Tools, Options để hiển thị hộp thoại Options, sau đó chọn tab Security. Như bạn có thể thấy ở hình 9.4, nữ phần trên cùng của tab này dành cho việc chống vi rút.

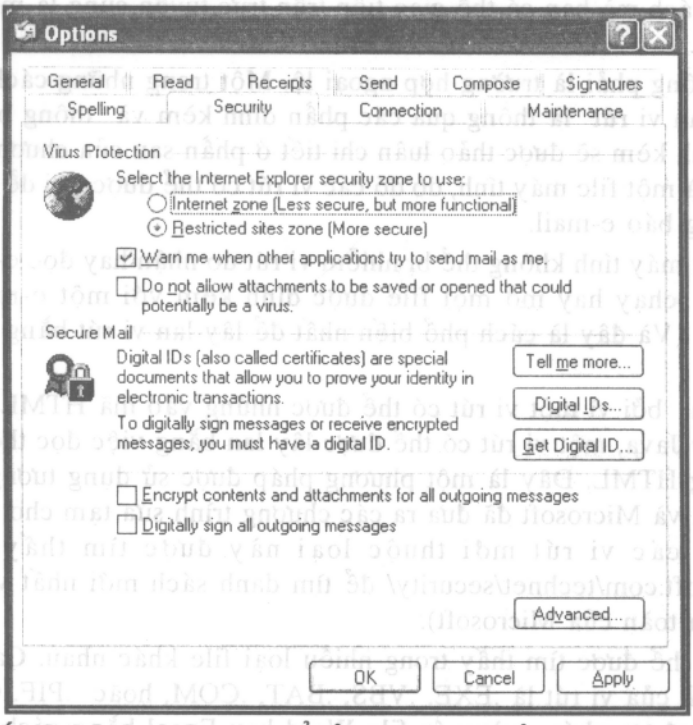

Hình 9.4 Cấu hình Outlook Express để bảo vệ máy tính của bạn tránh khỏi các vi rút e-mail.

Các tính năng chính ở đây là hai hộp kiểm. Hộp kiểm thứ nhất, Warn Me When Other Applicaytions Try to Send E-mail As me, bảo vệ máy tính củab tránh khỏi các vi rút tấn công Outlook Express để tự gởi e-mail chính chúng đến những người liên lạc của bạn. Tùy chọn thứ hai, Do Not Allow Attachments To Be Saved or Opened That Could Potentially Be a Virut, ngăn chặn việc nhận bất kỳ file .EXE, .VBS, hoặc .PIF.

Để đạt được khả năng bảo vệ tối ưu bạn nên chọn cả hai tùy chọn này. Sự cố duy nhất mà bạn có thể gặp phải là nếu bạn cần nhận được một file ứng dụng hợp lệ (phần mở rộng .EXE) của một người dùng khác. Với tùy chọn thứ hai được mở, bạn không thể nhận được chương trình này.

Dĩ nhiên, giải pháp là để lại tùy chọn được chọn đến khi bạn biết bạn sẽ nhận được một file .EXE. Sau đó bạn có thể hủy chọn tùy chọn này, nhận file, sau đó quay trở về và mở lại tùy chọn này.

Gởi và nhận E-mail

Trong trường hợp bạn mới sử dụng e-mail, thì đây là thời điểm để trình bày nhanh cách sử dụng e-mail Outlook Express .

Đọc một thông báo e-mail

Nếu bạn đã nhận các thông báo e-mail mới, chúng sẽ được lưu trữ trong Inbox của Outlook Express. Để đọc một thông báo mới

1. Nhấp biểu tượng Inbox trong danh sách Folder. Bây giờ tất cả các thông báo đang đợi sẽ xuất hiện trong khung Message.
2. Nhấp tiêu đề thông báo của thông báo mà bạn muốn đọc. Điều này sẽ hiển thị nội dung của thông báo trong khung Preview.
3. Để hiện thị thông báo trong một cửa sổ riêng biệt, hãy nhấp đôi thông báo trong khung Message.

Trả lời một thông báo e-mail

Việc trả lời một thông báo e-mail dễ dành như việc nhấp một nút. Chỉ thực hiện những bước sau đây:

1. Chọn thông báo trong khung Message sau đó nhấp nút Reply to Author trên thanh công cụ (hoặc bạn có thể nhấp nút Reply to Tất cả để trả lời tất cả người nhận thông báo hoặc bạn có thể nhấp nút Forward để gởi thông báo đến một người nhận hoàn toàn khác.)
2. Một cửa số Re:xuất hiện, như được minh họa ở hình 9.5. Bây giờ người gởi thông báo gốc được liệt kê trong hộp: với chủ đề của thông báo gốc được tham chiếu trong khung Subject: Thông báo gốc được trích dẫn trong vùng text của cửa sổ với > đứng trước text gốc.

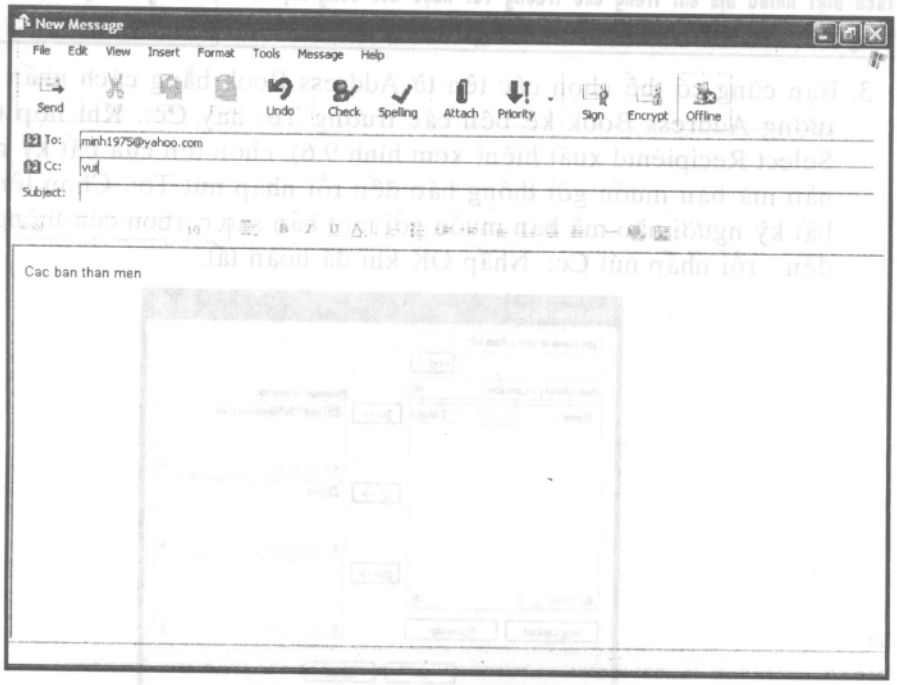

Hình 9.5 Việc trả lời một thông báo tương tự việc tạo một thông báo mới nhưng với txt của thông báo gốc được tự động trích dẫn.

3. Gõ nhập thư trả lời của bạn trong vùng text nằm phía trên text trích dẫn.
4. Nhấp Send để gởi thư này đến Outbox của bạn.

Thủ thuật

Nếu không được cấu hình lại, Outlook Express không tự động gởi các thông báo mới lên Internet khi bạn nhấp nút Send. Nút Send chỉ gởi thông báo đến Outbox của bạn. Để gởi tất cả thông báo đang đợi từ Outbox của bạn lên Internet, hãy nhấp Send and Receive trên thanh công cụ chính của Outlook Express.

Tạo một thông báo e-mail mới

Việc tạo một thông báo e-mail mới tương tự như việc trả lời một thông báo đã nhận. Hãy thực hiện các bước sau:

1. Nhấp nút New Mail.
2. Khi hộp thoại New Message xuất hiện hãy nhập địa chỉ e-mail của người nhận vào trường To: và địa chỉ của bất cứ người nào mà bạn muốn nhận một bản sao carbon vào hộp Cc:.

Thủ thuật

Tách biệt nhiều địa chỉ trong các trường To: hoặc Cc: bằng một dấu ; nhưng không có khoảng trắng như sau: fflintstone@bedrock.com;gjetson@sprockets.com.

3. Bạn cũng có thể chọn các tên từ Address Book bằng cách nhấp biểu tượng Address Book kế bên các trường To: hay Cc:. Khi hộp thoại Select Recipientd xuất hiện(xem hình 9.6), chọn tện của bất kỳ người nào mà bạn muốn gởi thông báo đến rồi nhấp nút To:. Chọn tên của bất kỳ người nào mà bạn muốn gởi một bản sao carbon của thông báo đến rồi nhấp nút Cc:. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

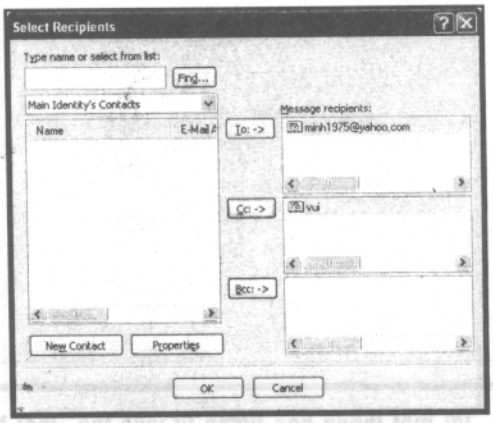

Hình 9.6 Sử dụng Outlook Express để tự động thêm những người nhận vào thông báo mới của bạn.

4. Nhập chủ đề của thông báo vào trương Subject:
5. Di chuyển cursor đến vùng thông báo chính và gõ nhập thông báo của bạn.
6. Bạn có thể chọn thông báo bằng dạng text thuần túy hoặc dạng HTML (các thông báo HTML sẽ được đề cập ở phần kế tiếp). Nếu bạn chọn gởi nó theo dạng HTML, bạn có thể sử dụng các nút định dạng trên thanh công cụ để thêm text, in đậm, in nghiêng, gạch dưới hay canh thẳng. Để chọn định dạng HTML, hãy chọn Format, Rich Text(HTML).

Thủ thuật

Nếu bạn gõ nhập một Web HTML chuẩn vào một thông báo e-mail HTML. Outlook Express sẽ tự động tạo một liên kết cho bạn- bạn không cần phải tạo nó bằng tay.

7. Nếu bạn gởi thông báo theo dạng HTML, bạn có thể thêm các màu nền và hình ảnh. Nếu bạn chỉ muốn sử dụng một mày nền, chọn Format, Bachground, Color, rồi sau đó chọn một màu từ danh sách màu. Nếu bạn muốn sử dụng một ảnh nền, hãy chọn Format, Background Picture, và sau đó nhập tên của file hình ảnh mà bạn muốn sử dụng. Bạn cũng thể thêm một âm thanh nền vào thông báo bằng cách chọn Format, Background, Sound.
8. Khi thông báo của bạn được hoàn tất, hãy gởi nó đến Outbox bằng cách nhấp nút Send.

Gởi các thông báo thú vị

Có thể bạn đã quen thuộc với các thông báo e-mail không chứa những gì ngoại trừ text thuần túy, đơn điệu. Bạn không cần phải thực hiện điều đó theo cách như vậy. Outlook Express cho phép bạn gởi e-mail với định dạng HTML thú vị, các chữ ký các nhân và các file đính kèm.

Tạo HTML Mail

Hầu hết các thông báo e-mail, chỉ là text thuần túy- bởi vì đó là tất cả những gì bạn gởi trong hầu hết các trường hợp. Nhưng Outlook Express cũng có thể gởi và nhận text được định dạng đầy đủ với các nền và màu, các hyperlinks HTML được nhúng vào.

Bạn có thể mở định dạng HTML cho một thông báo cụ thể bằng cách chọn Format, Rich Text (HTML) từ cửa sổ thông báo. Bạn tắt định dang HTML bằng cách chọn Format, Plain Text.

Bạn có thể cấu hình Outlook Express để thông báo của bạn được gởi theo dạng HTML theo mặc định. Chỉ việc chọn Tools, Options để hiển thị hộp thoại Options, sau đó chọn tab Send và chọn tùy chọn HTML trong phần Mail Sending Format. Nếu bạn thích gởi tất cả thông báo của bạn chỉ theo dạng text, chọn Plain Text.

Cảnh báo

Một số chương trình e-mail trước đây sẽ không thể hiển thị định dạng HTML lạ mắt và có thể loại bỏ HTML. Do đó nếu bạn gởi thông báo đến một người dùng mà không biết họ có thể nhận được e-mail HTML hay không? Bạn sẽ muốn gởi thông báo đó dưới dạng một thông báo chỉ text (không phải HTML).

Sử dụng Stationary

Outlook Express cho phép bạn tạo các nền và text tùy biến cho các thông báo của bạn. Khi bạn tạo stationery này, nó được dùng làm nền mặc định cho tất cả các thông báo mới được định dạng HTML.

Để tạo một stationery mặc định cho thông báo mới:

1. Chọn Tools, Options để hiển thị hộp thoại Options.
2. Chọn tab Compose.
3. Chọn tùy chọn Mail trong phần Stationery và sau đó nhấp Select.
4. Khi hộp thoại Select Stationery xuất hiện, chọn một dạng rồi nhấp OK.

Thêm một chữ ký

Một phần quan trọng của bất kỳ thông báo e-mail là " chữ ký" của bạn, một thông báo có hai hay ba dòng thêm vào phần dưới cùng của tất cả thông báo. Để tạo một chữ ký trong Outlook Express, hãy làm các bước sau:

1. Chọn Tools, Options để hiển thị hộp thoại Options.
2. Chọn tab Signatures.
3. Nhấp nút New và thêm text của địa chỉ vào hộp Edit Signature.
4. Chọn tùy chọn Add Signatures to Out Message .(Nếu bạn không muốn thêm chữ ký của bạn vào các thư trả lời và các thư chuyển tiếp hãy chọn tùy chọn Don't Add Signatures to Replies and Forwards.)
5. Nhấp OK.

Các chữ ký không phụ thuộc vào HTML. Chúng có thể được thêm vào bất kỳ thông báo e-mail, có dạn text thuần túy hay HTML.

Làm việc với các file đính kèm

Một số thông báo e-mail có các file bổ sung được đính kèm với thông báo thư. Việc đính kèm các file vào một thông báo e-mail là một cách gởi thông báo từ người dùng này đến người dùng kia trên Internet .

Bạn có thể đính kèm các loại file nào vào các thông báo e-mail? Sau đây là một danh sách ngắn:

- Hình ảnh, chẳng hạn như các bức ảnh gia đình của bạn
- Audio, chẳng hạn như file nhạc MP3 hay audio clip từ chương trình truyền hình ưa thích của bạn.
- Các Video Clip, chẳng hạn như các file được chụp từ các bộ phim gia đình được ghi băng.
- Các tài liệu, chẳng hạn như các file xử lý từ của Microsoft Work hay

các trang bảng tính của Microsoft Excel.

Nếu một thông báo chứa một file đính kèm bạn sẽ thấy một biểu tượng kẹp giấy trong tiêu đề thông báo và một nút hình kẹp giấy của tiêu đề khung xem trước. Khi bạn nhận một thông báo có một file đính kèm, bạn có thể mở nó hoặc lưu nó sang ổ cứng.

Để xem hay mở một file đính kèm, hãy nhấp nút paperclip (kẹp giấy) trong tiêu đề khung Preview, sau đó nhấp tên file của file đính kèm. Điều này sẽ mở file đính kèm trong trình ứng dụng đi kèm của nó (Nếu bạn được hỏi có muốn lưu hoặc xem file đính kèm hay không, hãy chọn View)

Để lưu một file đính kèm sang ổ đĩa cứng, nhấp nút paperclip trong tiêu đề khung preview sau đó chọn Save Attachments. Khi hộp thoại Save Attachments xuất hiện, hãy chọn một vị trí cho file rồi nhấp nút Save.

Nếu bạn muốn đính kèm một file vào một thông báo e-mail đi, hãy bắt đầu một thông báo mới của nó và nhấp nút Attach trong thanh công cụ của thông báo. Khi hộp thoại Insert Attachments xuất hiện, hãy xác định file mà bạn muốn gởi và nhấp Attach. File đính kèm bây giờ được liệt kê trong trường Attach: mới bên dưới trường Subject:. Khi bạn nhấp Send, thông báo e-mail và file đính kèm của nó được gởi chung đến Outbox.

Nối kết với Web Mail

Nếu bạn giống như hầu hết những người dùng, bạn sẽ có một e-mail account POP chuẩn với ISP của bạn và một e-mail account phụ với một nhà cung cấp e-mail dựa vào Web như Hostmail hay Yahoo! Mail. Ưu điểm của một Web mail account là bạn có thể kiểm tra account đó từ bất kỳ máy tính nào bằng cách sử dụng bộ trình duyệt Web. Đó cũng là một cách thú vị để thiết lập một đặt tính nhận dạng thứ hai trên Internet.

Outlook Express cho phép bạn thêm vào cấu hình cơ bản của nó các e-mail account dựa vào Web. Theo cách này bạn có thể sử dụng Outlook Express để gởi và nhận thông báo qua lại Hostmail và các dịch vụ Web mail khác.

Sau đây là cách cài đặt nó:

1. Từ trong Outlook Express, chọn Tools, Accounts để hiển thị hộp thoại Internet Accounts.
2. Chọn tab Mail và nhấp Add, Mail.
3. Khi màn hình Your Name của Internet Connections Wizard xuất hiện, nhập Dislay Name của bạn, và nhấp Next.
4. Trên màn hình Internet E-mail Address, chọn Internet Connections Wizard That I'd Like to Use, nhập địa chỉ đó rồi nhấp Next.
5. Trên màn hình E-mail Server Name, mở danh sách sổ xuống My Incoming Mail Server và chọn HTTP.
6. Nếu bạn cài đặt Outlook Express dành cho Hostmail. Mở danh sách sổ xuống My HTTP Mail Server Provider và chọn Hotmail. Nếu bạn

cài đặt một dịch vụ khác, chọn Other.

7. Nhập URL của e-mail server của dịch vụ của bạn vào hộp Incoming Mail Server, sau đó nhấp Next.

Cảnh báo

Trong hầu hết các trường hợp URL của e-mail server của dịch vụ không phải là URL mà bạn sử dụng truy cập dịch vụ. Bạn sẽ cần có địa chỉ server từ dịch vụ Web mail của bạn trước kh cấu hình Outlook Express-và phải nhớ nhập đầy đủ địa chỉ kể cả http://.

8. Khi màn hình Internet Mail Logon xuất hiện, nhập tên account và password của bạn vào các khoảng trống thích hợp, chọn tùy chọn Remember Password, rồi nhấp Next.
9. Khi màn hình Congratulations xuất hiện, nhấp Finish.

Khi bạn quay trở về Outlook Express bạn sẽ thấy một danh sách mới cho nhà cung cấp Web Mail của bạn trong danh sách Folder. Bây giờ bạn có thể truy cập Web Mail account này như bạn thường thực hiện đối với POP e-mail account.

Làm việc với các Folder và các quy tắc thông báo

Việc đọc e-mail là một tác vụ đơn giản đến khi bạn nhận được nhiều e-mail. Đôi khi bạn nhận được thông báo e-mail chỉ là những thông báo vặt.

Thật may thay e-mail có một cách tổ chức và quản lý số thông báo được gởi dồn dập. Tất cả những cần phải thực hiện là phân chia các thông báo thành các folder giống như các thông báo trong tủ đựng hồ sơ của bạn.

Quản lý các folder.

Outlook Express cho phép bạn lưu trữ các thông báo trong các folder. Ví dụ, Inbox là một folder. Bạn có thể tạo càng nhiều folder theo ý của bạn và sử dụng chúng để xắp xếp các thông báo mà bạn muốn.

Để tạo một folder mới, hãy đi đến danh sách Folder và chọn Local Folders. Chọn File, New, Folder để hiển thị hộp thoại Create Folder, nhập một tên cho folder mới và nhấp OK.

Bạn có thể xếp lồng folder trong các folder con bằng cách chọn một folder khác và bắt đầu thực hiện thủ tục ở trên. Bạn cũng có thể chọn các folder nào hiển thị trên thanh Outlook (Nếu bạn đã hiển thị thanh Outlook) bằng cách nhấp phải folder và chọn Add To Outlook Bar.

Sử dụng quy tắc thông báo

Bạn có thể gán cho các folder nhiều nhãn theo mẫu tự bảng chữ cái hoặc theo người gởi. Trong bất cứ trường hợp nào, folder ở đó và đợi được sử dụng.

Outlook Express chứa một tập hợp bộ quy tắc thông báo cho phép bạn xác định những gì phải thực hiện khi nhận thông báo từ những người gởi cụ thể. Ví dụ bạn có thể thiết lập một quy tắc vốn tự động gởi bất kỳ thông báo từ Uncle Bob đến folder "Message From Uncle Bob", hoàn toàn bỏ qua Inbox

thông thường của bạn nếu bạn quản lý các quy tắc thông báo thì bạn sẽ thực sự xóa sạch nhiều thứ bề bộn đó trong Inbox.

Để tạo một quy tắc thông báo mới, hãy hoặc các bước sau đây:

1. Từ Outlook Express, chọn Tools, Message Rules, Mail. Điều này mở hộp thoại New Mail Rule, như được minh họa ở hình 9.7

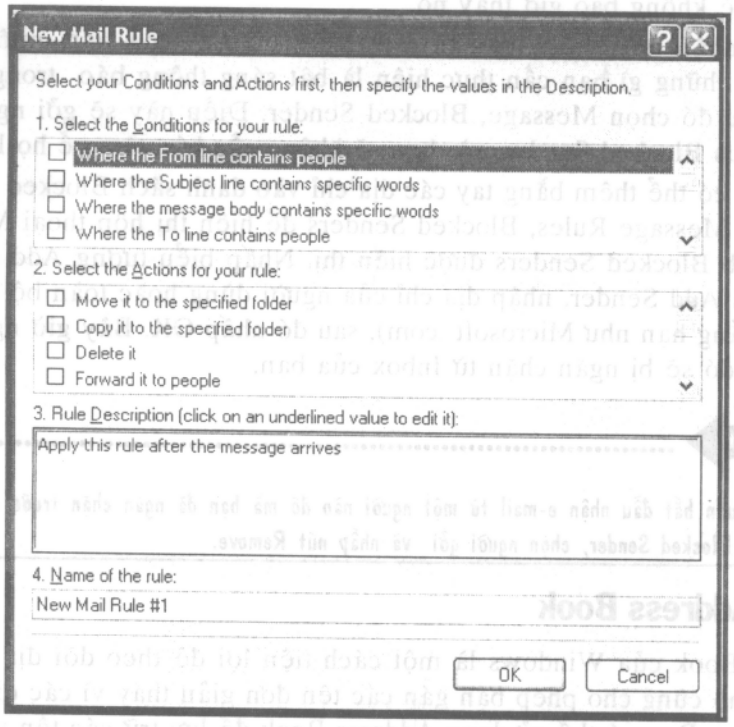

Hình 9.7 Tạo các quy tắc thông báo để quản lý các thông báo mà bạn nhận được.

2. Chọn điều kiện từ danh sách trên cùng. Ví dụ, để quản lý thư từ những người gởi cụ thể, bạn chọn Where the From Line Contain People.
3. Chọn một hoạt động từ một danh sách thứ hai. Ví dụ, để gởi một thông báo đến một folder cụ thể, bạn chọn Move It To the Specified Folder.
4. Quy tắc mà bạn tạo bây giờ xuất hiện trong hộp Rule Description. Bạn vẫn phải xác định các người gởi hay folder mà bạn muốn quy tắc áp dụng vào đó. Nhấp bất kỳ text được gạch dưới màu xanh dương để thực hiện các mục chọn riêng biệt.
5. Nhập một tên cho quy tắc vào hộp Name of the Rule, sau đó nhấp OK.

Ngăn chặn các thông báo không mong muốn

Khi nói đến e-mail không mong muốn, thì spam lại được xếp hạng sau vi rút. Thực tế, bạn sẽ nhận nhiều spam hơn là vi rút.

Trong khi người ta không thể nào loại bỏ hoàn toàn spam nhưng Outlook Express có thể được cấu hình để ngăn chặn các thông báo từ những người gây phiền toái. Bạn cũng có thể sử dụng tính năng này để ngăn chặn những

thông báo từ những người mà bạn không muốn biết đến nữa.

Theo yêu cầu của bạn, Outlook Express có thể bổ sung những người dùng cụ thể (hoặc toàn bộ các miền Internet) vào danh sách Blocked Sender của nó, thông qua một loại quy tắc thông báo được cài sẵn. Khi e-mail được nhận từ bất kỳ địa chỉ trên danh sách này, nó gởi ngay lập tức đến folder Deleted Items. Bạn sẽ không bao giờ thấy nó.

Khi bạn nhận một thông báo từ một người nào đó mà bạn muốn ngăn chặn, tất cả những gì bạn cần thực hiện là bật sáng thông báo trong khung Message, sau đó chọn Message, Blocked Sender. Điều này sẽ gởi người gởi đến danh sách Blocked Sender, và bạn sẽ không cần bận tâm về họ lần nữa.

Bạn cũng có thể thêm bằng tay các địa chỉ vào danh sách Blocked Sender. Chọn Tools, Message Rules, Blocked Senders để hiển thị hộp thoại Message Rules với tab Blocked Senders được hiển thị. Nhấp biểu tượng Add để hiển thị hộp thoại Add Sender, nhập địa chỉ của người dùng hoặc toàn bộ một tên domain (chẳng hạn như Microsoft .com), sau đó nhấp OK. Bây giờ người gởi hay domain đó sẽ bị ngăn chặn từ Inbox của bạn.

Thủ thuật

Nếu bạn muốn bắt đầu nhận e-mail từ một người nào đó mà bạn đã ngăn chặn trước đó hãy quay về tab Blocked Sender, chọn người gởi và nhấp nút Remove.

Sử dụng Address Book

Address Book của Windows là một cách tiện lợi để theo dõi địa chỉ của mọi người, nó cũng cho phép bạn gán các tên đơn giản thay vì các địa chỉ e-mail phức tạp. Bạn có thể sử dụng Address Book để lưu trữ các tên và thông tin địa chỉ e-mail của những người mà bạn muốn gởi e-mail đến thường xuyên nhất.

Để thêm một contact mới vào address book (sổ địa chỉ), hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trong Outlook Express, nhấp nút Addresses trên thanh công cụ. (Bạn cũng có thể chọn Tools, Address Book.)
2. Khi cửa sổ Address Book xuất hiện, như minh họa hình 9.8) nhấp nút New và sau đó chọn New Contact.

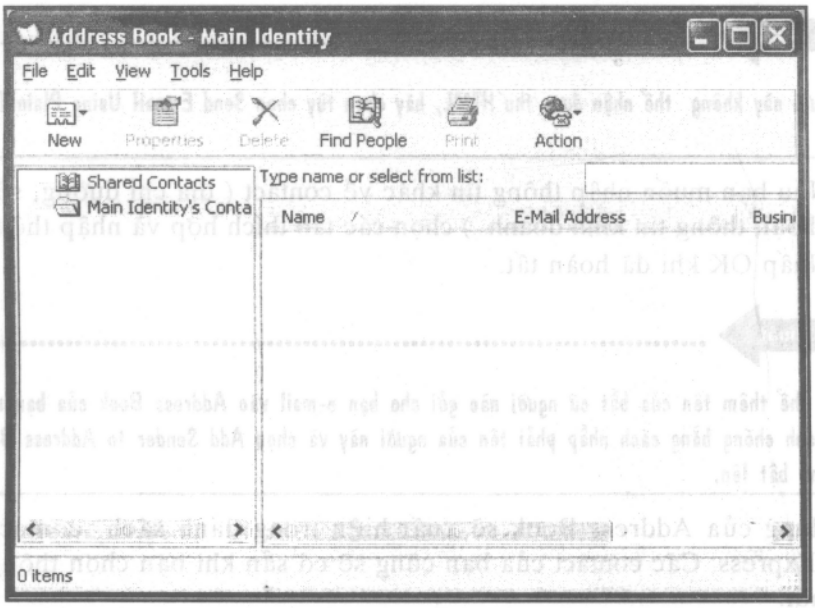

Hình 9.8 Sử dụng Windows Address Book để quản lý tất cả người nhận e-mail của bạn.

3. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, chọn tab Name (xem hình 9.9). Nhập tên và họ của contact mới cũng như tên mà bạn muốn hiển thị trong Address Book Dislay. Bây giờ nhập địa chỉ e-mail của người đó. Nhấp nút Add để đăng ký mỗi địa chỉ e-mail mới.

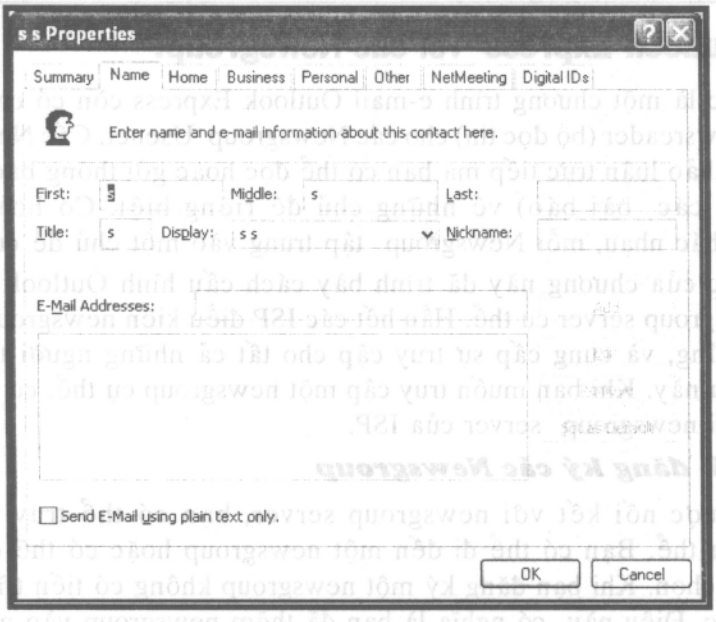

Hình 9.9 Thêm các tên contact mới vào Address Boook của bạn.

Thủ thuật

Nếu người này không thể nhận được thư HTML, hãy chọn tùy chọn Send E-mail Using Plain Text Only.

4. Nếu bạn muốn nhập thông tin khác về contact (địa chỉ đường, số điện thoại, thông tin kinh doanh...) chọn các tab thích hợp và nhập thông tin.
5. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

Thủ thuật

Bạn có thể thêm tên của bất cứ người nào gởi cho bạn e-mail vào Address Book của bạn một cách nhanh chóng bằng cách nhấp phải tên của người này và chọn Add Sender to Address Book từ menu bật lên.

Nội dung của Address Book sẽ xuất hiện trong danh sách contact của Outlook Express. Các contact của bạn cũng sẽ có sẵn khi bạn chọn thông báo e-mail mới.

Thủ thuật

Nếu bạn gõ nhập vài mẫu tự đầu tiên của tên của một contact vào trường To: hay Cc: của một thông báo mới Outlook Express sẽ tự động điền vào phần tên và địa chỉ còn lại của contact này từ Address Book.

Sử dụng Outlook Express với các Newsgroup.

Ngoài việc là một chương trình e-mail Outlook Express còn có chức năng như là một newsreader (bộ đọc tin) cho các Newsgroup Usenet. Các Newsgroup là các bảng thảo luận trực tiếp mà bạn có thể đọc hoặc gởi thông báo đến đó (được gọi là các bài báo) về những chủ đề riêng biệt. Có hơn 40.000 Newsgroup khác nhau, mỗi Newsgroup tập trung vào một chủ đề cụ thể.

Phần trước của chương này đã trình bày cách cấu hình Outlook Express cho một newsgroup server cụ thể. Hầu hết các ISP điều kiển newsgroup server riêng của chúng, và cung cấp sự truy cập cho tất cả những người thuê bao những dịch vụ này. Khi bạn muốn truy cập một newsgroup cụ thể, có thể bạn sẽ nối kết với newsgroup server của ISP.

Chọn và đăng ký các Newsgroup

Khi ba được nối kết với newsgroup server, bạn có thể truy cập các newsgroup cụ thể. Bạn có thể đi đến một newsgroup hoặc có thể đăng ký các nhóm đã chọn. Khi bạn đăng ký một newsgroup không có tiến trình đăng ký chính thức. Điều này có nghĩa là bạn đã thêm newsgroup vào một danh sách favorites của bạn. Bạn có thể nhảy đến một trong các nhóm đã đăng ký một cách dễ dàng hơn và tìm kiếm một nhóm từ 40.000 hay toàn bộ nhóm

được cung cấp bởi Usenet.

Để tìm và truy cập một newsgroup, hãy thực hiện những bước sau:

1. Từ trong Outlook Express, nhấp biểu tượng trong Folder của newsgroup server cụ thể của bạn.
2. Nếu bạn hiện chưa đăng ký bất kỳ newsgroup nào, bạn sẽ được nhắc xem một danh sách liệt kê tất cả newsgroup. Nhấp Yes và thực hiện bước 4.
3. Nếu bạn đã đăng ký một hay nhiều newsgroup thì bây giờ bạn sẽ thấy một danh sách các newsgroup đã đăng ký của bạn. Nhấp đôi vào một newsgroup để xem nội dung của nó, hay nhấp nút Newsgroup trên thanh công cụ để xem một danh sách liệt kê tất cả newsgroup có sẵn.
4. Khi hộp thoại Newsgroup Subscriptions xuất hiện (xem hình 9.10), nhấp tab All (nằm ở đáy hộp thoại) và chọn newsgroup từ danh sách chính. Bạn có thể cuộn qua danh sách để tìm kiếm một nhóm cụ thể bằng cách nhập các từ khóa vào hộp Dislay Newsgroup Which Contain.
5. Nếu bạn muốn thêm newsgroup này vào danh sách đăng ký của bạn, hãy nhấp Subscribe, hoặc nhấp đôi loại newsgroup.
6. Để chọn một newsgroup từ danh sách được đăng ký của bạn, nhấp tab Subscribe mà bạn muốn đọc.
7. Để đi trực tiếp đến newsgroup đã chọn, hãy nhấp nút Go To.

Một khi bạn đã nhập vào một newsgroup, thì bạn có thể xem các bài báo, trả lời các bài báo, soạn và gởi các bài báo riêng.

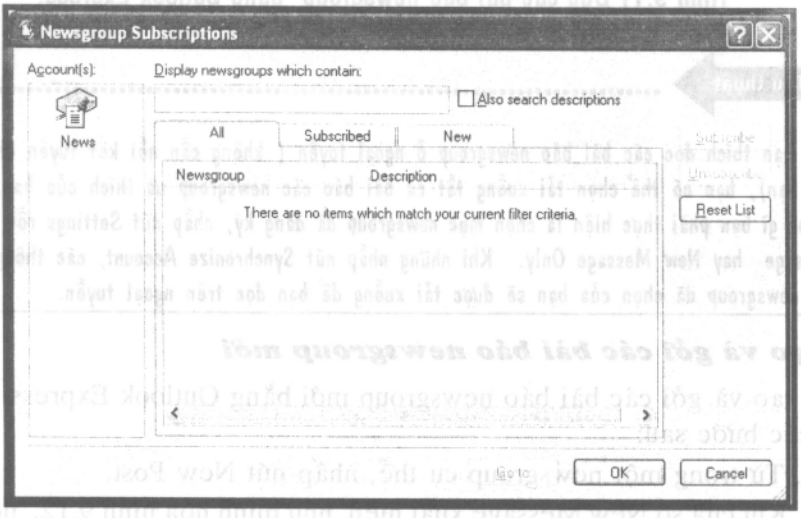

Hình 9.10 Tìm kiếm các newsgroup cụ thể bằng Outlook Expres.

Đọc các bài báo Newsgroup

Trong Outlook Express, các bài báo từ newsgroup đã chọn được hiển thị theo cùng một cách như các thông báo e-mail. Như bạn có thể thấy ở hình

9.11, tất cả bài báo từ một newsgroup được hiển thị trong khung Message; thông báo đã chọn được hiển thị trong khung Preview. Bạn có thể đọc một thông báo trong khung Preview hoặc nhấp đôi tiêu đềw thông báo để xem bài báo trong cửa sổ riêng của nó.

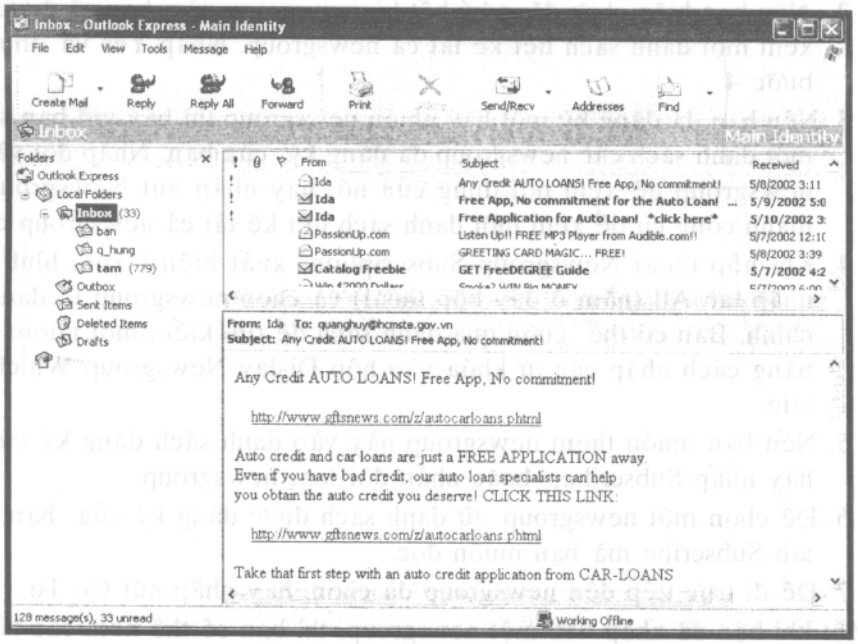

Hình 9.11 Đọc các bài báo newsgroup bằng Outlook Express.

Thủ thuật

Nếu bạn thích đọc các bài báo newsgroup ở ngoại tuyến (không cần nối kết tuyến điện thoại của bạn), bạn có thể chọn tải xuống tất cả bài báo các newsgroup ưa thích của bạn. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là chọn mục newsgroup đã đăng ký, nhấp nút Settings rồi chọn All Message hay New Message Only. Khi những nhấp nút Synchronize Account, các thông báo từ các newsgroup đã chọn của bạn sẽ được tải xuống để bạn đọc trên ngoại tuyến.

Tạo và gởi các bài báo newsgroup mới

Để tạo và gởi các bài báo newsgroup mới bằng Outlook Express, hãy thực hiện các bước sau:

1. Từ trong một newsgroup cụ thể, nhấp nút New Post.
2. Khi cửa sổ New Message xuất hiện, như minh họa hình 9.12, newsgroup đã chọn được hiển thị trong trường Newsgroup.

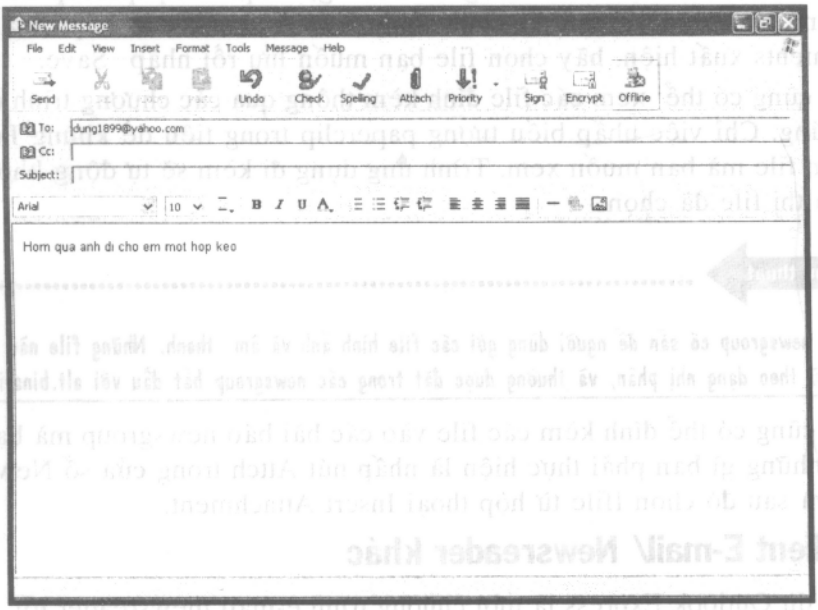

Hình 9.12 Soạn một bài báo mới trong Outlook Express.

3. Để gởi đến các newsgroup mới, nhấp biểu tượng trong trường Newsgroup. Khi hộp thoại Newsgroup xuất hiện, chọn một hay nhiều newsgroup từ danh sách, nhấp nút Add, sau đó nhấp OK. (Để hiển thị tất cả newsgroup, hủy nhấp nút Show Only Subscribed Newsgroup.)
4. Nhập một chủ đề vào trường Subject, và sau đó gõ nhập text của bài báo trong cửa sổ chính.
5. Nhấp nút Send để gởi bài báo này đến các newsgroup đã chọn.

Hãy cẩn thận trước khi nhấp nút Send. Khi một bài báo được gởi, tất cả mọi người trên thế giới đều có thể xem nó!

Xem, lưu và gởi các file đính kèm

Giống như các thông báo e-mail, các bài báo newsgroup cũng có thể chứa các file đính kèm.Outlook Express cho phép bạn xem nội dung của các file đính kèm trong khung Preview. Bạn cũng có thể lưu các file đính kèm vào ổ đĩa cứng của bạn.

Ghi chú

Không giống như hoạt động của các file đính kèm e-mail, Outlook Express tự động hiển thị biểu tượng paperclip trong tiêu đề của một bài báo newsgroup. Biểu tượng papercip chỉ xuất hiện sau khi bạn đã xem file đính kèm của bài báo.

Hầu hết các file đính kèm các bài báo newsgroup là các file hình ảnh. Để xem một file đính kèm hình ảnh, tất cả những gì bạn cần thực hiện là chọn tiêu đề bài báo trong khung Message. Hình ảnh đính kèm sẽ tự động hiển thị trong khung Preview.

Để lưu một file đính kèm sang ổ đĩa cứng, nhấp nút paperclip trong tiêu đề khung Preview, và sau đó chọn Save Attachments. Khi hộp thoại Save Attachments xuất hiện, hãy chọn file bạn muốn lưu rồi nhấp Save.

Bạn cũng có thể xem các file đính kèm thông qua các chương trình đi kèm của chúng. Chỉ việc nhấp biểu tượng paperclip trong tiêu đề khung Preview rồi chọn file mà bạn muốn xem. Trình ứng dụng đi kèm sẽ tự động khởi động và hiển thị file đã chọn

Thủ thuật

Nhiều newsgroup có sẵn để người dùng gởi các file hình ảnh và âm thanh. Những file này được lưu trữ theo dạng nhị phân, và thường được đặt trong các newsgroup bắt đầu với alt.binaries.

Bạn cũng có thể đính kèm các file vào các bài báo newsgroup mà bạn gởi. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp nút Attch trong cửa sổ New Message, và sau đó chọn ffile từ hộp thoại Insert Attachment.

Các Client E-mail/ Newsreader khác

Mặc dù Outlook Express là một chương trình e-mail /newsreader tốt, nhưng bạn không sử dụng nó nếu bạn không muốn. Có sẵn một số chương trình khác, kể cả:

- **Agent** và **Free Agent** (www.forcinc.com/agent/) là hai phiên bản của chương trình newsreader phổ biến nhất. Khôn phải của Microsoft. Agent là một chương trình thương mại có chức năng là bộ đọc tin và thư đa năng kể cả các tính năng cao cấp. Các bộ lọc triệt, theo dõi và quản lý tính năng gởi chéo... Free Agent là một phiên bản miễn phí của Agent với một tập hợp tính năng nhỏ hơn, dành riêng cho bộ đọc tin.
- **Eudora** (www.eudora.com) là một trong những chương trình e-mail cũ nhất trên thị trường. Eudora có những tính năng tương tự với Outlook Express và có sẵn trong cả phiên bản miễn phí (hỗ trợ bởi nhà quảng cáo) và phiên bản được thanh toán.
- **Microsoft Outlook** (www.microsoft.com/office/outlook/) là một loại phiên bản công ty của Outlook Express. (Một cách khác để nghĩ về Outlook là nó giống như Outlook Express trên steroids.) Outlook có chức năng e-mail tương tự như Outlook Express, nhưng bổ sung thêm tính năng quản lý, liên lạc mạnh mẽ và một trình quản lý thông tin cá nhân PIM đa năng, và trình lập biểu. Vì Outlook được đính kèm với Microsoft Office, nó là chương trình e-mail mà nhiều công ty lựa chọn.
- **Netscape Message** (home.netscape.com/download/) là một chương trình newsreade/ e-mail đi kèm với bộ trình duyệt Web Netscape Masseger. Netscape miễn phí và có chức năng hoạt động.

- **Netscape Masseger** (home. Netscape.com/download/) là một newsreade tự động việc truy tìm thông báo, với các chức năng chuyên biệt dùng để tìm kiếm và tải xuống các thông báo với các file MP3 và file hình ảnh đính kèm theo,
- **NewShark** (www,wmsoft.com) là newsreadc có khả năng hoạt động cao được tối ưu hóa để tải xuống các file nhị phân lớn.
- **RoboNews** (www.robonews.com) là một newsreader tự động tải xuống các loại file nhị phân đã xác định và hiển thị các file hình ảnh trong một thư viện ảnh hay slide show.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Trong tất cả chương trình phụ đi kèm với Windows XP, Outlook Express có thể là một chương trình mà bạn sử dụng thường xuyên nhất. Hãy nhớ mười điểm quan trong sau đây:

1. Bạn có thể sử dụng Outlook Express cho cả e-mail và các newgroup Usenet.
2. Bạn không cần phải chấp nhận giao diện mặc định Outlook Express. Chọn View, Layout để làm cho Outlook Express có diện mạo giống như Microsoft Outlook.
3. Outlook Express chứa chức năng chống virus e-mail được tạo sẵn (bạn nên nhớ không mở bất kỳ file đính kèm có phần mở rộng.EXE, .VBS, hay .PIF)
4. Nếu bạn muốn ngăn chặn tất cả e-mail khỏi một người chuyên gửi Spam, chọn Messege, Block Sender.
5. Bạn có thể sử dụng các quy tắc thông báo của Outlook Express để tự động phân loại các thông báo đến vào các folder riêng biệt.
6. Outlook Express có thể được cấu hình để nhận e-mail POP thông thường (từ ISP account) và e-mail dựa vào Web chẳng hạn như Hotmail.
7. Khi bạn không thích các thông báo text thuần túy thì bạn có thể mở chức năng HTML của Outlook Express gửi các e-mail định dạng lạ mắt đi kèm với các nền đồ họa.
8. Một cách dễ dàng để gửi một file đến một người dùng khác là đính kèm file vào một thông báo e-mail. Với Outlook Express, điều này dễ dàng cho việc nhấp nút Attach và chọn file mà bạn muốn đính kèm.
9. Sử dụng Address Book để lưu trữ các tên và địa chỉ e-mail của những người mà bạn liên lạc thường xuyên. Bạn có thể thêm từ một người nhận từ Address Book bằng cách nhấp các nút To: hay Cc: khi bạn soạn thông báo e-mail mới.
10. Khi bạn sử dụng Outlook Express để đọc các bài báo newsgroup, bạn có thể xem trực tiếp các file đính kèm hình ảnh trong khung Preview.

Chương 10

Tán gẫu trực tuyến với Windows Messenger

- *Giới thiệu Windows Messenger*
- *Nối kết*
- *Tìm Contact mới*
- *Gởi thông báo một đối một*
- *Tán gẫu theo nhóm*
- *Gọi điện thoại qua Internet*
- *Hội thảo bằng Video*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Nếu bạn giống như nhiều người sử dụng Internet, bạn muốn tán gẫu trực tiếp với những người dùng khác. Và nếu bạn thích tán gẫu, có thể bạn thực hiện việc tán gẫu thông qua tính năng gởi thông báo nhanh.

Tính năng gởi thông báo nhanh cho phép bạn giao tiếp với bạn bè, gia đình và đồng nghiệp của bạn trong thời gian thực. Nó nhanh hơn e-mail và ít hỗn tạp hơn các phần tán gẫu. Chỉ có bạn và một người dùng khác và phần mềm gởi thông báo nhanh.

Đến khi Windows XP được tung ra, phần mềm gởi thông báo nhanh của Microsoft là MSN Messenger và nó đã liên kết (ở một phần nào đó) với dịch vụ trực tiếp MSN của Microsoft. MSN Messenger là một chương trình rất giống như AOL Install Messenger (AIM) và ICO và Yahoo! Messenger.

Microsoft cũng đã phân phối một chương trình được gọi là NetMetting, chương trình này hoạt động giống như một chương trình gởi thông báo nhanh, ngoại trừ nó thực hiện công việc hội thảo bằng audio và video trên Web. Microsoft có thêm công nghệ điện thoại trên Internet hoạt động tương tự như trong NetMetting.

Với Windows XP, Microsoft đã lấy tất cả chương trình và công nghệ đó và kết hợp chúng lại với nhau để tạo thành một chương trình rất dễ sử dụng được gọi là Windows Messenger. Tương tự như MSN Messenger, Windows Messenger thực hiện công việc gởi thông báo nhanh. Tương tự như NetMetting, Windows Messenger thực hiện cuộc hội thảo bằng audio và video. Nó cũng cho phép bạn thực hiện các cuộc gọi điện thoại trên Internet đến những người dùng máy tính khác.

Windows Messenger thực hiện tất cả điều

Giới thiệu Windows Messenger

Hầu hết những người dùng sẽ sử dụng Windows Messenger là một chương trình gởi thông báo nhanh. Nó hoàn toàn tương thích với MSN Messenger. Do đó bạn có thể trò chuyện trực tuyến với bất kỳ người nào đang sử dụng một trong hai chương trình. (Phổ biến như với các dịch vụ gởi thông báo nhanh, bạn không thể sử dụng Windows Messenger để trò chuyện với bất kỳ người nào bằng cách sử dụng AIM, ICQ hay Yahooh! Messenger. Những chương trình này không thể giao tiếp với nhau).

Như bạn có thể thấy ở hình 10.1, Windows Messenger trong giống như MSN Messenger trước đây. Hầu như tất cả lệnh và menu đều tương tự nhau, do đó nếu bạn sử dụng MSN Messenger, thì bạn sẽ chạy Windows Messenger.

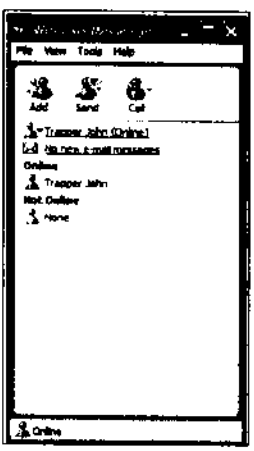

Hình 10.1 Nó có thể giống như MSN Messenger nhưng nó thật sự là Windows Messenger.

Chức năng của Windows Messenger

Bạn có thể thực hiện điều gì với Windows Messenger? Sau đây là một danh sách ngắn:

- Gởi các thông báo nhanh đến những người dùng Windows Messenger và MSN Messenger khác.
- Thực hiện các cuộc hội thảo trong nhóm với những người dùng Messenger khác.
- Thực hiện các cuộc hội thảo trực tiếp trong một nhóm có sử dụng âm thanh và video.
- Tạo và theo dõi các danh sách liên lạc về những người dùng Messenger khác.
- Xem ai trên danh sách contact của bạn đang ở trực tuyến vào thời điểm đã định.
- Gởi và nhận các file qua lại những người dùng Messenger khác.
- Gọi điện thoại đến một máy tính khác.
- Gọi điện thoại cho bất kỳ người nào có điện thoại (với chi phí phụ).

- Mời một người dùng Messenger khác tham gia một trò chơi trực tuyến.
- Mời một người dùng Messenger khác vận hành máy tính của bạn bằng cách điều khiển từ xa (sử dụng tính năng Remote System của Windows XP), được thảo luận ở chương 20).
- Nhận một thông báo khi bạn nhận e-mail Hotmail mới.
- Nhận các thông báo liên quan đế cổ phiếu và chứng khoáng của bạn.

Bạn cần những gì để sử dụng nó

Để sử dụng các tính năng gởi thông báo cơ bản, bạn chỉ cần một máy tính, một nối kết Internet và một bản sao của Windows XP. Để sử dụng các tính năng điện thoại, bạn cần một card âm thanh toàn kép và loa cũng như một microphone được nối với máy tính. (Bạn có thể thay thế một headset cho loa và microphone). Để thực hiện các cuộc gọi bằng video hay tổ chức các cuộc hội thảo bằng video, hãy bổ sung một camera PC.

Ngoài ra, nếu bạn sử dụng Windows Messenger bạn cần đăng ký Microsoft Passport. Dĩ nhiên, nếu bạn đăng ký bất kỳ dịch vụ Microsoft khác chẳng hạn như Hotmail, bạn đã có một Passport. Đó là Microsoft theo dõi bạn (hoặc bạn có thể dễ dàng sử dụng nhiều dịch vụ với một ID và password).

Ghi chú

Windows Messenger và Passport là các phần sáng kiến .NET của Microsoft. Thực tế, dịch vụ Windows/MSN Messenger được gọi chính thức là .NET Messenger Service

Nối kết

Để khởi chạy Windows Messenger, và đăng ký dịch vụ này, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút Start và chọn All Programs, Windows Messenger.
2. Khi Windows Messenger mở, nhấp liên kết Click Here To Sign (Một khi bạn đã đăng ký ban đầu, bạn sẽ không cần phải lập lại tiến trình đăng ký này).
3. Khi hộp thoại .NET Messenger Service xuất hiện, nhập địa chỉ e-mail Passport (Hotmail), chọn tùy chọn Sign Me In Automatically, sau đó nhấp OK.

Đó là tất cả những gì bạn được thực hiện, bây giờ bạn được đăng ký và được nối kết với dịch vụ. Bây giờ bạn có thể gởi các thông báo đến những người dùng khác hoặc nhận các thông báo của những người dùng này.

Hãy lưu ý rằng việc đóng chương trình Windows Messenger sẽ đưa bạn thoát ra khỏi dịch vụ. Messenger vẫn chạy trong nền, tìm các thông báo và báo động ngang cả khi nó bị đóng lại. Nghĩa là nếu bạn không hủy nối kết bằng tay bằng cácch chọn File, Sign Out. (Bạn có thể nhấp biểu tượng Windows Messenger trong thanh tác vụ Windows, rồi sau đó nhấp Sign Out từ menu bật lên).

Tìm các Contact mới

Windows Messenger đều nói về việc lập các contact (người liên lạc) và giao tiếp với những contact đó. Cách tốt nhất để thực hiện điều này là tạo một danh sách contact liệt kê những người mà bạn thường xuyên liên lạc.

Thêm các Contact

Thêm một contact vào danh sách của bạn, hãy thực hiện các bước sau:

1. Nhấp nút Add để mở Add a Contact Wizard, được minh họa ở hình 1.2.

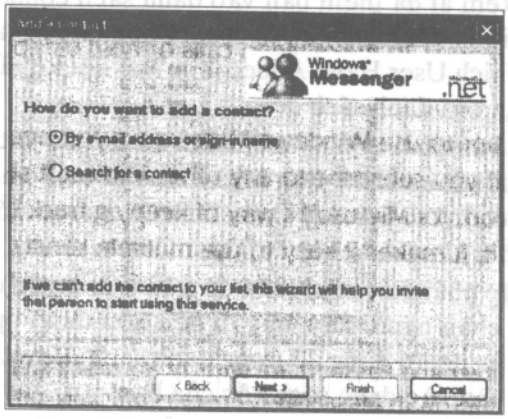

Hình 1.2 Sử dụng Add a Contact Wizard để thêm các tên vào danh sách contact của bạn.

2. Nếu bạn biết tên đăng ký hay địa chỉ e-mail của người dùng, hãy chọn tùy chọn By E-Mail Addressor Sign In Name, sau đó nhấp nút Next. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, nhập tên hay địa chỉ rồi nhấp Finish.
3. Nếu bạn không biết tên hay địa chỉ của người này, hãy chọn tùy chọn Search for a Contact rồi nhấp nút Next. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, nhập càng nhiều thông tin càng tốt, chọn nơi mà bạn muốn tìm kiếm (trong Address Book cá nhân của bạn hoặc trong thư mục thành viên Hotmail) rồi nhấp nút Next. Sau đó wizard sẽ cho ra một danh sách các tên tương ứng. Chọn người mà bạn muốn, sau đó nhấp Next để kết thúc việc thêm các tên vào danh sách contact của bạn.

Ghi chú

Khi bạn tìm kiếm một người dùng khác, bạn chỉ tìm kiếm qua danh sách các người dùng Hotmail. Vì tất cả người dùng Messenger có một password, tất cả người dùng Passport sẽ có một địa chỉ Hotmail, đây là một phương pháp tốt để sử dụng. Hãy nhớ rằng bạn không tìm kiếm từ Internet mà bạn chỉ tìm những người dùng Hotmail.

Nếu bạn có thêm một contact không phải là một người dùng Messenger, bạn nhận được một thông báo cho biết rằng Microsoft không thể để lộ ra địa chỉ e-mail của một người cho người khác biết. Sau đó bạn có tùy chọn để yêu cầu

Microsoft gởi một e-mail đến người đó yêu cầu người này cài đặt Messenger, đăng ký dịch vụ và liên lạc với bạn.

Một khi bạn thêm các danh sách và contact, chúng xuất hiện trong cửa sổ Messenger chính. Các contat hiện trên trực tuyến sẽ được liệt kê trong phần Online. Những người không được liệt kê thì không ở trên trực tuyến. Để loại bỏ một contact ra khỏi danh sách của bạn, tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp phải tên rồi chọn Delete Contact.

Trở thành Contact của người khác

Nếu bạn muốn xem ai đã thêm bạn vào danh sách contact của họ, hãy chọn Tools, Options để hiển thị hộp thoại Optiopns. Chọn tab Privacy, sau đó nhấp nút View. Hộp thoại Which User Have Added You? sẽ liệt kê tất cả danh sách khác mà bạn và một phần của danh sách đó.

Theo mặc định, bạn phải đồng ý trước khi có thể được thêm vào danh sách contact của một người dùng khác. Bạn có thể thay đổi điều này bằng cách đi đến hộp thoại Options, chọn tab Privacy (xem hình 10.3), sau đó hủy chọn tùy chọn Alert Me When Other User Add Me To Thier Contact List.

Có thể bạn sẽ gặp phải một người nào đó trên trực tuyến mà bạn không muốn giao tiếp. Để ngăn chặn người này, hãy đi đến hộp thoại options, chọn tab Privacy, và chọn tên của người dùng đó trong danh sách Allow. Nhấp nút Block, và bạn có thêm người này vào danh sách gốc của bạn.

Theo một phương cách tương tự, bạn có thể tránh mọi người bằng cách nhấp danh sách All Other Users và sau đó nhấp nút Block. Điều này sẽ ngăn bất kỳ người nào trên dịch vụ khỏi thấy bạn hoặc liên lạc với bạn.

Khi bạn ngăn chặn một người dùng (hay tất cả người dùng) thì những người khác không thể nhìn thấy bạn. Bạn không xuất hiện trên trực tuyến cũng như ngoại tuyến.

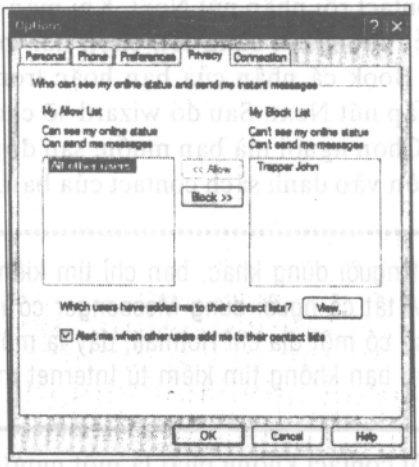

Hình 10.3 Sử dụng tab Privacy để kiểm soát ai thấy bạn và ai không thấy bạn.

Nếu bạn muốn xuất hiện ở dạng ngoại tuyến khi bạn thật sự trên trực tuyến do

đó bạn có thể thấy những người khác (mà không bị những người khác thấy), hãy quay trở về cửa sổ Messenger chính rồi nhấp phải liên kết cho tên của bạn. Chọn Appear Offline từ menu bật lên và mọi người sẽ nghĩ bạn không sử dụng máy tính mặc dù bạn vẫn ở đó.

Ghi chú

Khi bạn ở ngoại tuyến giống như vậy thì bạn có thể gởi thông báo đến người dùng khác. Bạn sẽ cần nhấp phải tên của bạn lần nữa và chọn Online để quay trở về trực tuyến để giao tiếp.

Có sẵn những tùy chọn khác khi bạn nhấp phải tên của bạn trong cửa sổ chính. Bạn có thể chọn báo cho những người khác biết bạn đang bận (Busy), đi vắng (Away), gọi điện thoại (On the Phone),ra ngoài ăn cơm trưa (Out to Lunch), hoặc bạn sẽ quay trở về ngay (Be Right Back). Những thông báo này sẽ xuất hiện kế bên tên của bạn trong các danh sách contact của người dùng khác.

Gởi thông báo một đối một

Windows Messenger cho phép bạn gởi các thông báo một đối một cơ bản hoặc sử dụng Messenger để gởi các file và e-mail.

Gởi một thông báo

Để gởi một thông báo nhằm để một người khác sử dụng, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp đôi tên của contact mà bạn muốn gởi thông báo.
2. Khi cửa sổ Conversation mở (xem hình 10.4) nhập thông báo ở phần dưới của cửa sổ và sau đó nhấp nút Send (hay nhấn Enter).
3. Thông báo của bạn sẽ xuất hiện ở phần trên cùng của cửa sổ, thư trả lời của contact của bạn cũng vậy.

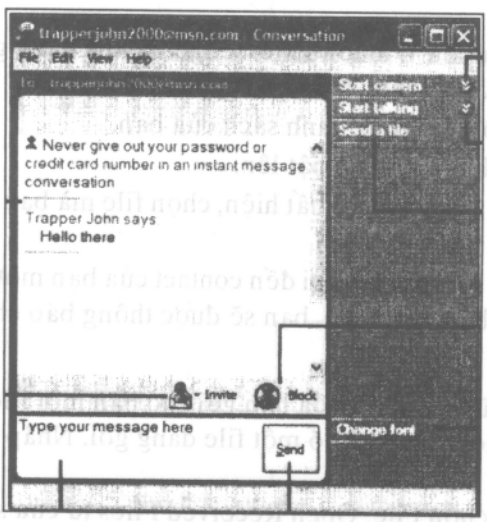

Hình 10.4 Hội thảo bằng các thông báo nhanh.

Tiếp tục thảo luận giống như vậy, thông báo này đến thông báo kia. Toàn bộ phần hội thảo của bạn sẽ hiển thị ở phần trên cùng của cửa sổ và bạn có thể cuộn lên để đọc lại các thông báo trước.

Bạn có thể thay đổi kiểu font, màu, style, và kích cỡ của thông báo bằng cách nhấp liên kết Change Font. Khi hộp thoại Change My Messafe Font xuất hiện, chọn các cài đặt mà bạn muốn, sau đó nhấp OK. Thông báo kế tiếp mà bạn gởi sẽ phản ánh định dạng mới mà bạn phải chọn.

Nhận một thông báo

Khi một người khác gởi cho bạn một thông báo nhanh, Windows phát ra một tiếng beep nhỏ và sau đó hiển thị ở góc phải phía dưới của màn hình. Để mở và trả lời thông báo đó, hãy nhấp cảnh báo.

Nếu bạn vô ý bỏ qua cảnh báo, Windows sẽ hiển thị một nút thông báo nhấp nháy trong thanh tác vụ. Bạn có thể nhấp nút này để đọc thông báo của bạn.

Gởi e-mail

Bạn không chỉ gởi các thông báo nhanh đến những người trên danh sách contact của bạn mà bạn còn có thể gởi các thông báo e-mail trực tiếp từ Windows Messenger.

Chỉ việc nhấp phải một tên trê danh sách của bạn rồi chọn Send mail từ menu bật lên. Điều này sẽ khởi động Internet Explorer, gởi nó đến Hotmail site và tải trang Compose. Viết thông báo của bạn và gởi nó như bạn thường thực hiện đối với thông báo Hotmail.

Ghi chú

Nếu bạn không có một Hotmail account, kỹ thuật này sẽ khởi chạy chương trình e-mail bình thường của bạn.

Gởi một File

Một tính năng khác của Windows Messenger là khả năng gởi một file trực tiếp đến người dùng khác. Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp phải một tên trong danh sách của bạn.
2. Chọn Send a File từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Send a File xuất hiện, chọn file mà bạn muốn gởi và sau đó nhấp Open.

Bây giờ Windows Messenger gởi đến contact của bạn một yêu cầu chuyển tải file khi contact này chấp nhận file, bạn sẽ được thông báo cho biết.

Mở một File

Nếu một trong những contact của bạn gởi cho bạn một file, bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết rằng bạn có một file đang gởi. Nhấp liên kết trong thông báo để mở file.

Hoặc, bạn có thể chọn File, Open Received Files từ cửa sổ Messenger chính. Điều này sẽ mở một folder có chứa tấtcả file đã gởi cho bạn. Tìm Find mà bạn muốn mở, sau đó nhấp nó.

Tán gẫu theo nhóm

Khi bạn gởi các thông báo nhanh qua lại giữa hai người dùng, Điều này được gọi là một cuộc hội thảo ngay khi bạn có thể tiếp tục các cuộc hội thảo thật sự với hơn hai người, Windows Messenger cũng cho phép bạn thêm những người dùng khác vào cuộc hội thảo của bạn.

Khi bạn muốn có một cuộc thảo luận theo nhóm, bạn phải bắt đầu với một cuộc hội thảo một đối một. Một khi bạn đã trao đổi các thông báo với một người khác (và mở một cửa sổ Conversation), thì bạn có thể thêm những người khác vào cuộc hội thảo đó.

Để thêm một người dùng khác vào một cuộc hội thảo hiện có,hãy nhấp Invite, To Join This Conversation rồi sau đó chọn một tên. Đó là tất cả những gì bạn phải thực hiện. Khi người dùng mới trả lời thư mời của bạn, thông báo của người này sẽ xuất hiện trong cửa sổ Conversation.

Ghi chú

Các cuộc hội thảo có thể xảy ra giữa tối đa là năm người (bốn người cộng với bạn).

Gọi điện thoại qua Internet

Bạn có thể dễ dàng sử dụng Windows Messenger để thực hiện một cuộc gọi điện thoại bằng Internet giữa các máy tính. Ngay khi Messenger được cài đặt, một cuộc gọi điện thoại chỉ là một cuộc hội thảo có âm thanh.

Nếu bạn đã có mặt trong một cuộc hội thảo bằng cách gởi thông báo và bạn muốn thêm âm thanh, hãy nhấp liên kết Start Talking trong cửa sổ Conversation.

Để bắt đầu một cuộc hội thảo mới có âm thanh, hãy nhấp nút Call, sau đó chọn contat mà bạn muốn gọi. Nhấp Computer từ menu bật lên và bạn sẵn sàng trò chuyện.

Thủ thuật

Hoặc, bạn có thể nhấp phải một contact trong danh sách Online của bạn và chọn Call, Computer.

Cả bạn và người dùng kia phải có loa và microphone (hay bộ headset) để thực hiện một cuộc hội thảo bằng giọng nói.

Khi bạn mở tính năng giọng nói của Messenger, một loạt các control âm thanh xuất hiện trong thanh nằm bên cạnh của cửa sổ Conversation (xem hình 10.5). Bạn có thể sử dụng những control này để điều chỉnh âm lượng của cuộc hội thảo hoặc để tắt microphone. Để kết thúc phần giọng nói của cuộc hội thảo, hãy nhấp nút Stop Talking.



Hình 10.5 Sử dụng các control âm thanh để điều chỉnh hệ thống của bạn cho các cuộc hội thảo bằng giọng nói.

Ghi chú

Lần đầu tiên bạn thử thực hiện một cuộc gọi bằng giọng nói, Messenger sẽ chạy một wizard để thử nghiệm và điều chỉnh loa và microphone.

Hội thảo bằng Video

Khi bạn thêm âm thanh vào một cuộc hội thảo dựa vào text, bạn sẽ có được một cuộc gọi điện thoại qua Internet. Khi bạn thêm video trực tiếp vào một cuộc hội thảo, bạn sẽ có được một cuộc hội thảo bằng video.

Nói cách khác, một cuộc hội thảo bằng video là một cuộc hội thảo Messenger thông thường có video được thêm vào.

Để thêm video vào một cuộc hội thảo hiện có, hãy nhấp liên kết Start Camera. Điều này sẽ hiển thị một cửa sổ monitor, trong đó ảnh của người dùng kia sẽ xuất hiện, ảnh của bạn sẽ xuất hiện trong một cửa sổ tương tự. Trong cửa sổ Conversation của người dùng kia (hình 10.6 minh họa một cuộc hội thảo bằng video đang tiến triển). Nếu bạn cũng muốn xem hình của mình, hãy nhấp liên kết Options rồi chọn tùy chọn Show My Video as Picture-in Picture.



Hình 10.6 Bạn và một người dùng khác có thể thực hiện một cuộc hội thảo bằng video từ bên trong Windows Messenger.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Điều thú vị về Windows Messenger là nó làm cho mọi thứ trở nên dễ dàng. Không có gì khó khăn về việc thêm và cấu hình các camera và microphone. Tất cả những gì mà bạn thực hiện là gởi một thông báo bắt đầu một cuộc hội thảo và sau đó thêm âm thanh, hình ảnh.

Windows Messenger dễ sử dụng hơn NetMetting trước đó và không khó hơn MSN Messenger trước đây. Bây giờ nếu bạn chỉ có thể sử dụng Windows Messenger để giao tiếp với những người sử dụng AOL.

Hãy nhớ những điểm quan trọng sau đây khi bạn muốn nói chuyện trên trực tuyến:

1. Windows Messenger thay thế cả MSN Messenger và Microsoft NetMetting. Nó là một chương trình gởi thông báo nhanh, chương trình này cũng cung cấp tính năng điện thoại bằng Internet và tổ chức hội thảo bằng video.
2. Windows Messenger tương thích với MSN Messenger do đó bạn có thể giao tiếp với những người sử dụng Windows Messenger và MSN Messenger.
3. Để sử dụng Windows Messenger, bạn cần một Microsoft Passport.
4. Bạn tạo một danh sách các contact mà bạn muốn giao tiếp. Bạn có thể điền danh sách này bằng cách tìm kiếm các contact trong Address Book cá nhân của bạn hoặc danh sách những người đăng ký Microsoft Hotmail.
5. Khi bạn lên trực tuyến, tên của bạn xuất hiện trong cửa sổ Online Messenger. Bạn có thể chọn hiển thị một thông báo bên cạnh tên của bạn (Busy, At Lunch...) hoặc xuất hiện ngoại tuyến khi bạn thật sự ở trên trực tuyến. Phương cách thứ hai là một cách thú vị để tránh khỏi những người khác trong khi bạn cũng biết rằng họ có ở trên trực tuyến hay không.
6. Để gởi một thông báo nhanh, hãy nhấp đôi một tên trong danh sách contact.
7. Bạn không chỉ có thể gởi các thông báo nhanh đến contact của bạn mà bạn còn có thể gởi các file và thông báo e-mail.
8. Để thực hiện một cuộc tán gẫu theo nhóm, hãy bắt đầu một cuộc hội thảo với người dùng đầu tiên và sau đó mời những người dùng khác tham gia vào cuộc hội thảo của bạn.
9. Để thực hiện một cuộc gọi điện thoại giữa cácPC đến một người dùng Messenger khác, hãy nhấp nút Call, chọn contact rồi sau đó nhấp My Computer (hãy chắc chắn microphone và loa hoạt động).
10. Để bắt đầu một cuộc hội thảo bằng video, hãy khởi đầu một cuộc hội thảo bằng text thông thường và sau đó nhấp liên kết sang camera. Điều này sẽ mở ra một cửa sổ monitor trong Messenger, do đó bạn có thể thấy người ở phía bên kia của cuộc hội thảo.

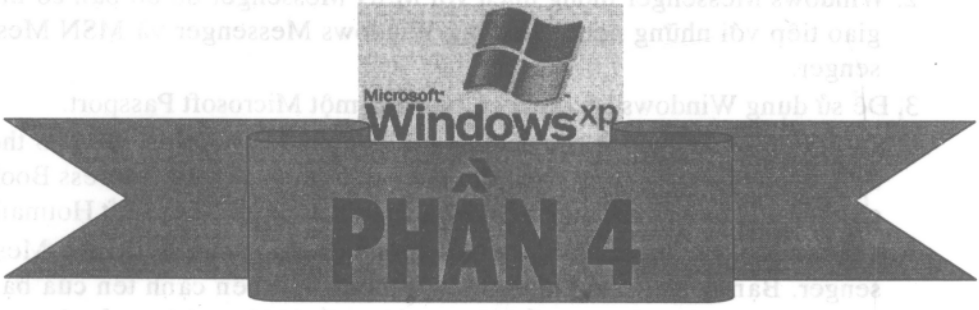

Âm thanh và hình ảnh

11. Làm việc với hình ảnh
12. Làm việc với các camera kỹ thuật số và máy quét
13. Sử dụng Windows Media Player
14. Mở và ghi Audio MP3 và WMA
15. Mở và hiệu chỉnh phim kỹ thuật số

Chương 11

Làm việc với hình ảnh

- *Làm việc với My Pictures*
- *Theo dõi chi tiết*
- *Các khung xem khác nhau*
- *Hiệu chỉnh các file ảnh*
- *Làm việc với các file ảnh*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Nếu bạn có nhiều hình ảnh trên máy tính của bạn và bạn có một camera kỹ thuật số thì bạn có thể gởi tất cả các hình ảnh đó sang ổ đĩa cứng. Nếu bạn cũng có một máy quét thì bạn cũng có thể quét những bức ảnh cũ mà bạn đã chụp vào máy tính trước khi bạn có thể sử dụng camera kỹ thuật số. Có nhiều hình ảnh mà bạn có thể tải xuống từ Web và những hình ảnh mà bạn bè và gia đình của bạn gởi cho bạn bằng e mail.

Làm việc với những hình ảnh đó-hiệu chỉnh, lưu trữ, gởi chúng đến những người dùng khác sẽ mất nhiều thời gian. Trước khi có Windows XP thì điều đó không dễ dàng. Sau cùng Windows XP đã có tất cả những tính năng đó. Dựa vào những tính năng mới được giới thiệu trong Windows Me, Windows XP là hệ điều hành đầu tiên của Microsoft có thể chụp những bức ảnh kỹ thuật số.

Chương kế tiếp sẽ trình bày cách hoạt động của Windows XP với các máy quét và các camera kỹ thuật số. Chương này tập trung vào những tính năng quản lý hình ảnh của hệ điều hành - cách mà bạn có thể sử dụng Windows để xem, lưu trữ và in các hình ảnh kỹ thuật số.

Làm việc với My Picture

Điểm chủ chốt để quản lý hình ảnh của Windows XP là folder My Picture. Đây là file folder tương tự như My documents nhưng được tạo tùy biến cho các hoạt động liên quan đến hình ảnh.

Folder My Pictures mặc định (xem hình 11.1), hiển thị tất cả file ảnh dưới dạng các thumbnails. Điều này tốt hơn nhiều so với việc hiển thị các file ảnh dưới dạng các biểu tượng hay danh sách file- bạn thật sự có thể thấy file mà bạn đang làm việc.

Folder con - với các thumbnails hiển thị

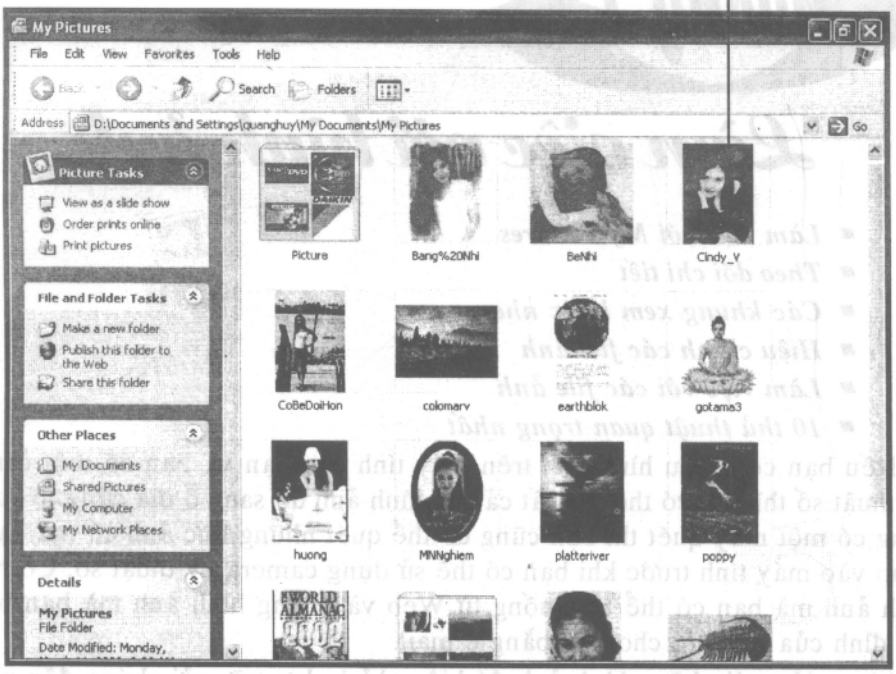

Hình 11.1 Folder My Picture của Windows XP - tất cả các file ảnh được hiển thị dưới dạng thumbnails

Folder My Picture chứa một danh sách Tasks tùy biến, tương tự như danh sách được tìm thấy trong mọi folder của Windows XP. Nhưng nó cũng chứa một danh sách Tasks đặt biệt. Những Picture Tasks này là những hoạt động riêng biệt đối với sự quản lý ảnh chẳng hạn như đăng ký bản in các bức ảnh và xem các file ảnh dưới dạng một slive show.

Folder My Pictures cũng chứa một số tùy chọn xem gây sức hấp dẫn đối với những người làm việc nhiều với các bức ảnh kỹ thuật số. Các khung xem My Pictures khác nhau sẽ được thảo luận trong phần "Các khung xem khác nhau" ở phần sau của chương này.

Theo dõi chi tiết

Nếu bạn quan tâm đến nghệ thuật nhiếp ảnh kỹ thuật số, bạn sẽ đánh giá tất cả chi tiết ảnh mà Windows XP theo dõi và hiển thị. Với một vài thao tác nhấp chuột, Windows XP sẽ hiển thị một lượng thông tin gây ấn tượng về các file ảnh của bạn, kể cả khi ảnh không được chụp, với loại camera nào, với những cài đặt nào.

Sau đây là một số chi tiết mà Windows XP theo dõi cho những ảnh kỹ thuật số của bạn:

- Kiểu file (.JPG, .TIF, ...)

- Kích thước ảnh (tính bằng pixel)
- Độ phân giải ngang và dọc
- Độ sâu bit (màu)
- Nhãn hiệu và loại camera được sử dụng
- Khẩu độ của thấu kính
- Cự ly chủ thể
- Chế độ flash
- Tiêu cự
- Số F
- Thời gian phơi sáng
- Ngày tháng tạo

Ghi chú

Windows XP có thể chỉ theo dõi thông tin đó đã được ghi bởi camera kỹ thuật số. Hầu hết các camera kỹ thuật số thu thập thông tin này (được gọi là thông tin EXIF) và lưu trữ nó cùng với mỗi file ảnh riêng lẻ.

Để hiển thị chi tiết cơ bản về một file tất cả những gì bạn phải thực hiện là đặt chuột lện trên biểu tượng file hay thumbnail của file. XP sẽ hiển thị một menu bật lên kiểu ToolTip liệt kê kích thước ảnh, ngày tháng mà ảnh được chụp, camera nào được sử dụng và kích cỡ file và kiểu file.

Để hiển thị chi tiết hoàn chỉnh về một file cụ thể, hãy nhấp phải file rồi chọn Properties từ menu bật lên. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy chọn tab Summary, xem hình 11.2. Đây là nơi mà bạn sẽ tìm thấy tất cả các thông tin mà bạn yêu cầu.

Ghi chú

Nếu các chi tiết nâng cao không thể hiển thị, hãy nhấp nút Advance trên tab Summary.

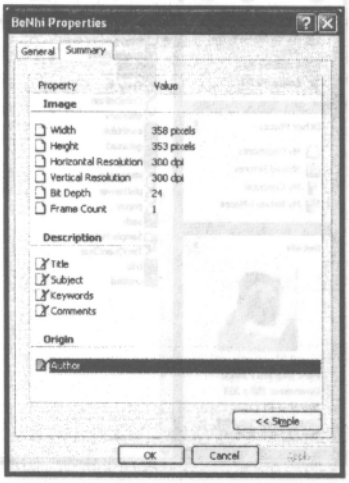

Hình 11.2 Windows XP lưu trữ vô số thông tin về các bức ảnh mà bạn đã chụp.

Các khung xem khác nhau

Trong khi khung xem mặc định trong My Pictures hoàn hảo đối với hầu hết người dùng, nhưng có những tùy chọn xem khác mà bạn có thể muốn kiểm tra. Bạn cũng có thể truy cập những tùy chọn xem này trong bất kỳ folder có chứa các file ảnh kể cả các folder con mà bạn tạo trong folder My Pictures.

Hiển thị các thumbnail

Nếu My Pictures hiển thị các biểu tượng thay vì các thumbnail, thì việc chuyển đổi trở lại khung xem thumnail là một điều dễ dàng. Chỉ việc chọn View, Thumbnail và tất cả ảnh của bạn sẽ được tạo thumbnail.

Nếu bạn thích một khung xem file thông thường hơn, thì việc chuyển đổi sang một khung xem nào đó không phải khung xem thumbnail là điều dễ dàng. Chỉ việc mở menu xổ xuống View rồi chọn Tiles, Icons, List hoặc Details.

Thủ thuật

Nếu bạn chọn hiển thị các file ảnh dưới dạng các ngói, biểu tượng hay tên file, file đã chọn vẫn sẽ được hiển thị dưới dạng một thumbnail trong phần Details của khung trung tâm hoạt động.

Hiển thị (và phân loại theo) chi tiết

Nếu bạn chọn khung xem Details trong My Pictures, các chi tiết được liệt kê sẽ riêng biệt đối với các loại file mà bạn xem. Như bạn có thể thấy ở hình 11.3, khung xem Details của My Pictures gồm có các cột chuẩn cho name, size, type và modified của file. Nó cũng chứa các cột riêng biệt của ảnh dành cho Picture Taken On và Dimensions.

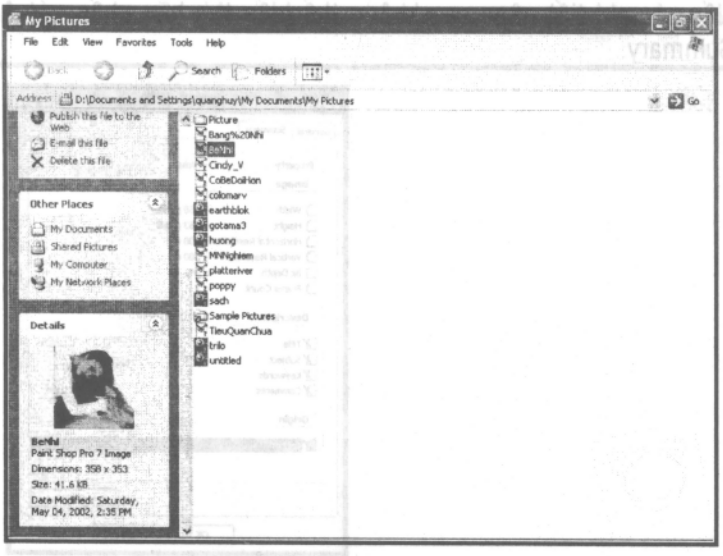

Hình 11.3 Sử dụng khung xem Details hiển thị kích thước của mỗi ảnh, và khi nào mỗi ảnh được chụp.

Bạn có thể phân loại các file trong khung xem Details bằng cách nhấp vào bất kỳ tiêu đề cột. Nhấp lần thứ hai để đảo ngược thứ tự được liệt kê.

Ngay cả nếu bạn không hiển thị trong khung xem Details, bạn vẫn có thể phân loại các file bằng các trường Picture Taken On hoặc Dimensions. Chỉ việc chọn View, Arrange Icons By, và chọn Picture Taken On hoặc Dimensions. (Tùy chọn này hoạt động tốt hơn khi bạn mở đặc tính Show In Groups)

Xem một Filmstrip (Dải phim)

Nếu các thumnails quá nhỏ đối với bạn, sẽ có một chế độ xem My Pitures khác. Chọn View, Filmstrip để hiển thị chế độ Filmstrip của My Pictures. Như bạn có thể thấy ở hình 11.4, ảnh đã chọn được hiển thị trong một cửa sổ lớn nằm ở phần trên cùng của khung, cùng với nhiều nút điều khiển độ xem ảnh.

Nhấp nút Next để tiến đến ảnh kế tiếp trong folder hoặc chỉ đặt chuột lên trên một ảnh để hiện thị nó trong cửa sổ lớn.

Xem một Slide Show

Một tính năng thú vị nhưng không thực tế cho lắm của folder My Pictures là khả năng hiển thị toàn bộ nội dung của các folder dưới dạng một slide show trên màn hình. Tất cả những gì mà bạn phải thực hiện là nhấp tùy chọn View As a Slide Show trong khung Pistures Tasks, và ảnh đầu tiên trong folder được hiển thị trong chế độ toàn màn hình. Cách 5 giây một lần ảnh sẽ thay đổi vì Slide show duyệt qua tất cả ảnh trong folder và sau đó bắt đầu lại tại phần khởi đầu.



Hình 11.4 Xem các ảnh trong chế độ Filmstrip của My Pictures.

Nếu bạn muốn chạy bằng Slide show, bạn phải thực hiện tất cả lệnh di chuyển chuột. Điều này sẽ hiển thị một thanh công cụ nhỏ nằm ở góc phải phía trên của màn hình. Bạn có thể nhấp các nút trên thanh công cụ này để tạm dừng và bắt đầu lại Slide show, di chuyển lên xuống bằng tay và thoát Slide show và quay trở về chế độ bình thường.

Xem trước một ảnh

Cho đến thời điểm này tất cả việc xem ảnh đều xảy ra trong folder My Pictures. Điều gì xảy ra nếu bạn muốn xem một ảnh với toàn kích cỡ?

Windows XP có trình tiện ích Windows Picture and Fax Viewer riêng của nó. Bất cứ khi nào bạn nhấp một file trong My Pictures, Picture and Fax Viewer khởi động và ảnh đã chọn sẽ hiển thị. Như bạn có thể thấy ở hình 11.5, Picture and Fax Viewer chứa cùng một chức năng như Viewer Filmstrip, với các nút được bổ sung để định kích cỡ lại, thu phóng, in, ghi thông tin ảnh lưu file (bằng một tên mới), và xóa file.

Ghi chú

Windows Picture and Fax Viewer thay thế trình tiện ích Imaging for Windows hơi lạ thường được đưa vào các phiên bản trước đây của Windows.

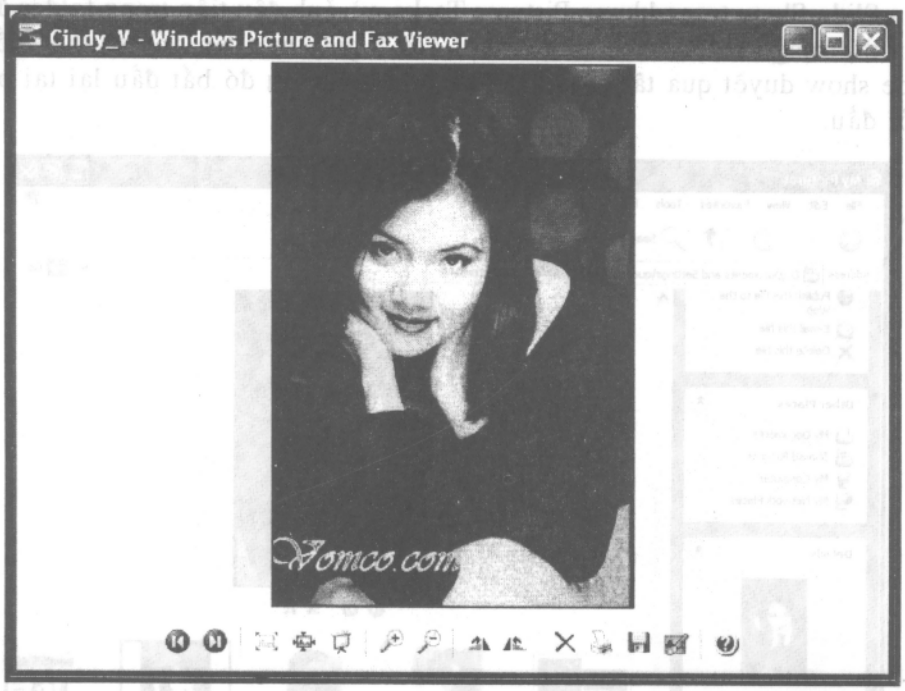

Hình 11.5 Xem một ảnh toàn kích cỡ bằng View Picture and Fax Viewer.

Hiệu chỉnh các file ảnh

Microsoft không có một chương trình hiệu chỉnh ảnh trong Windows XP. Điều này có nghĩa là bạn có thể sử dụng chương trình đồ họa nhóm thứ ba để hiệu chỉnh các file ảnh của bạn. Có nhiều chương trình trên thị trường bạn có

thể đã cài đặt một trong những chương trình đó trên hệ thống của bạn. (Mỗi camera kỹ thuật số hay máy quét mà bạn đã cài đặt đi kèm với trình hiệu chỉnh riêng của nó).

Sau đây là những chương trình đồ họa phổ biến trên thị trường:

- Adobe PhotoDeluxe (www.adobe.com/products/photodeluxe/)
- Adobe Photoshop (www.adobe.com/product/photoshop/)
- Corel Photo-Paint (www.corel.com)
- JASC Paint Shop Pro(www.jasc.com)
- MGI PhotoSuite (www.mgisoft.com/photo/)
- Micrografx Picture Publisher (www.micrografx.com/mgxproducts/picturepublisher.asp)
- Microsoft PictureIt! (pictureitproducts.msn.com)

Ghi chú

Nếu bạn có Microsoft Office 97 hoặc mới hơn, nó chứa một bộ hiệu chỉnh nhỏ đơn giản được gọi là Microsoft Photo Editor. Nó nằm trong folder Microsoft tools. Nó thường không được cài đặt theo mặc định, bạn có thể thêm nó vào từ CD.

Bạn có thể tạo các file ảnh vào bất kỳ trong chương trình này bằng tay hoặc bạn có thể cấu hình Windows Xp để khởi chạy một trong những chương trình này thay vì Image Preview khi bạn nhấp vào một file ảnh.

Để cài đặt lại chương trình nào mở một file riêng biệt, hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Nhấp phải bất kỳ file có một kiểu riêng biệt rồi sau đó chọn Properties từ menu bật lên.
2. Chọn các General rồi nhấp nút Change.
3. Khi hộp thoại Open With xuất hiện, chọn một chương trình đi kèm với kiểu file này. Nếu chương trình mà bạn muốn không được liệt kê, hãy nhấp Click Here và định hướng sang chương trình mà bạn muốn sử dụng.
4. Nhấp OK khi đã hoàn tất.

Cảnh báo

Thủ tục này tác động đến tất cả file có kiểu đã chọn chứ không phải file đã chọn.

Lần kế tiếp bạn nhấp một file có kiểu này, chương trình đã chọn sẽ khởi động với file đã chọn hiển thị.

Thật không may, nếu bạn muốn quay trở về sử dụng trình Image Preview, thì đó không phải là một thủ tục đơn giản. Bạn phải chọn Tools, Folder Options để hiển thị Folder Option, sau đó chọn tab File Type. Chọn kiểu file mà bạn muốn hiệu chỉnh, sau đó nhấp nút Restore. Điều này sẽ phục hồi Image Preview dưới dạng viewer mặc định cho kiểu file đó.

Làm việc với các file ảnh

Phần này sẽ trình bày một số tác vụ riêng biệt về việc hiệu chỉnh ảnh được kết nhập vào folder My Pictures.

In ảnh

Nếu bạn có một máy in màu, bạn có thể tạo ra một bản in chất lượng tốt về các file ảnh. Thực tế, một số nhà sản xuất cung cấp các máy in được thiết kế riêng để in ảnh. Nếu bạn chụp nhiều bức ảnh kỹ thuật số, một trong những máy in này sẽ là sự đầu tư thích hợp. Việc in một ảnh từ bên trong folder My Pictures sẽ dễ dàng cho việc nhấp một liên kết. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là chọn ảnh mà bạn muốn in, sau đó hãy nhấp liên kết Print Pictures trong khung Pictures Tasks. Bây giờ Windows XP khởi động Photo Printing Wizard, Wizard này sẽ hướng dẫn bạn thực hiện tiến trình in qua từng bước. Bạn phải chọn máy in nào mà bạn muốn sử dụng, loại giấy nào mà bạn muốn in trên đó, và bao nhiêu (và kích cỡ gì) các bản in để in trên một trang (xem hình 11.6). Khi bạn hoàn tất Wizard, tiến trình in bắt đầu, như bạn đã ấn định.

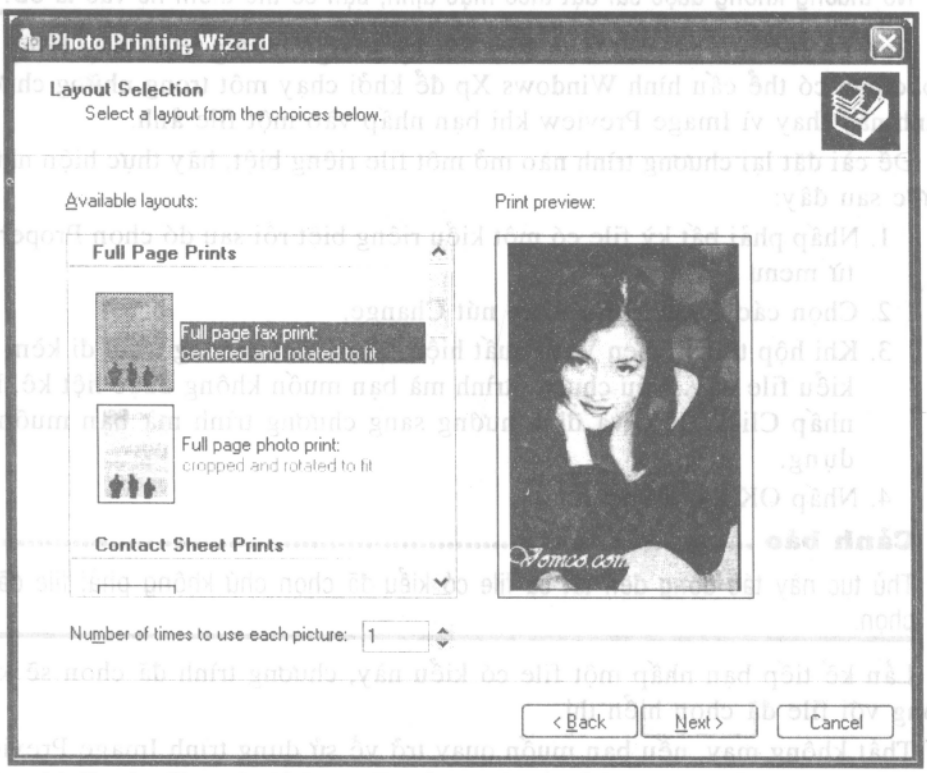

Hình 11.6 Sử dụng Photo Printing Wizard để xác định cách thức và bao nhiêu ảnh để in trên một trang.

Đăng ký các bản in

Nếu bạn không có một bản in có chất lượng ảnh, bạn vẫn cần phải sử

dụng một dịch vụ ảnh chuyên nghiệp. Có một số cách mà bạn có thể tạo các bản in từ các bức ảnh kỹ thuật số:

- Sao chép các file ảnh sang đĩa và gởi đĩa đến dịch vụ ảnh tại địa phương của bạn.
- Đi đến web site của một dịch vụ ảnh trực tuyến và chuyển các file ảnh của bạn lên internet.
- Sử dụng tùy chọn Order Prints From the Internet trong folder My Pictures của Windows XP.

Tùy chọn thứ nhất thì thông thường nhất và có thể tiện lợi nhất cho nhiều người. Không tốn chi phí nào cả.

Tùy chọn thứ hai sẽ hấp dẫn đối với những người đã nối kết với thế giới trực tuyến. Ngay cả bạn có thể nhận thấy giá cả rẻ tiền hơn mặc dù bạn sẽ phải thanh toán để nhận lại các bản in của mình.

Tùy chọn thứ ba là tùy chọn tiện lợi nhất trong tất cả các tùy chọn. Microsoft đã sắp xếp một số sites dịch vụ ảnh trực tuyến để cung cấp dịch vụ cho những người sử dụng Windows. Microsoft liên kết với những site này từ trong folder My Pictures.

Nếu bạn muốn đăng ký các bản in từ trong Windows XP, đó là một thủ tục đơn giản. Tất cả những gì mà bạn phải thực hiện là chọn các file mà bạn muốn in và sau đó nhấp tùy chọn Order Prints from the Internet trong khung Picture Tasks. Điều này sẽ khởi động Print Ordering Wizard.

Wizard này cho phép bạn chọn dịch vụ nào mà bạn muốn sử dụng (xem hình 11.7), cũng như loại nào và bao nhiêu bản in để tạo. Bạn sẽ phải điền vào tất cả thông tin vận chuyển và thanh toán. Nhưng sau đó bạn sẽ nhận được các bản in trong một vài ngày tương tự như bạn thường thực hiện nếu bạn đã đăng ký stite đó mà không cần sự trợ giúp của Microsoft.

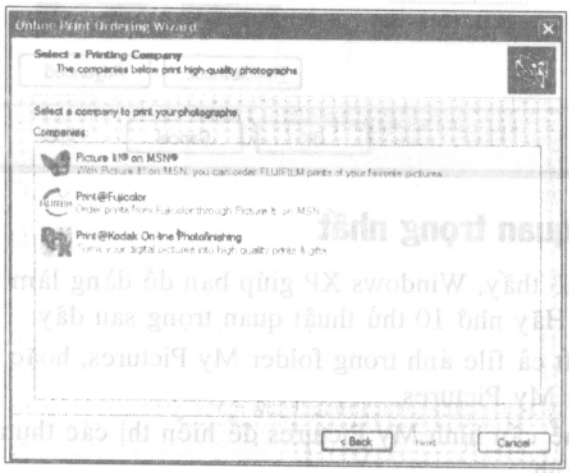

Hình 11.7 Sử dụng Internet Ordering Wizard để đăng ký các dịch vụ ảnh từ trong folder My Pictures.

Biến một bức ảnh thành nền Desktop

Có một điều sau cùng là bạn có thể thực hiện từ trong folder My Pictures. Chỉ với một vài thao tác nhấp chuột, bạn có thể chọn bất kỳ ảnh trong folder để trở thành nền màn hình Windows của bạn.

Tất cả những gì bạn phải thực hiện là chọn một file, sau đó nhấp tùy chọn Set As Desktop Background trong khung Picture Tasks. Thu nhỏ cửa sổ My Pictures để bạn có thể thấy nền desktop và bạn có thể thấy file đã chọn bây giờ là nền desktop.

Bạn có thể thay đổi nền thành một ảnh khác thông qua phương pháp thông thường của hộp thoại Display Properties, phương pháp này được thảo luận ở chương 2)

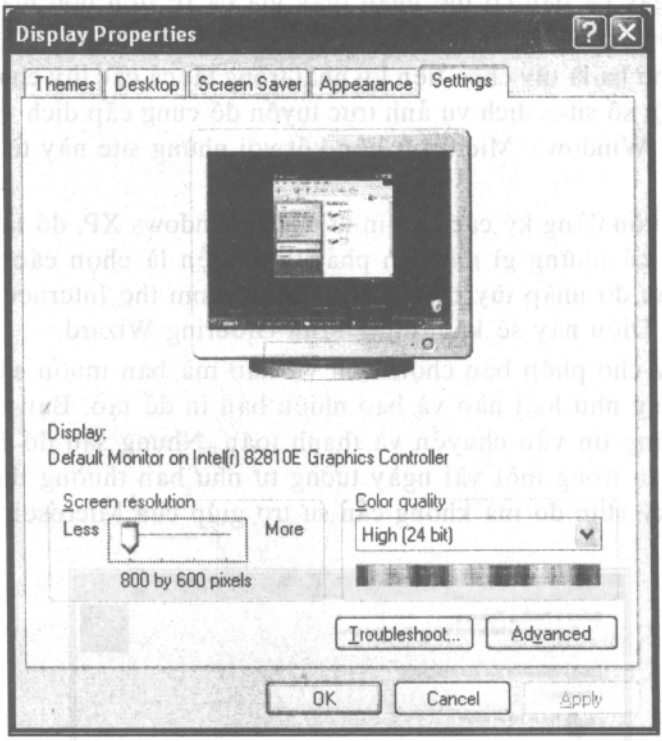

10 thủ thuật quan trọng nhất

Như bạn có thể thấy, Windows XP giúp bạn dễ dàng làm việc với các file ảnh kỹ thuật số. Hãy nhớ 10 thủ thuật quan trọng sau đây:

1. Lưu trữ tất cả file ảnh trong folder My Pictures, hoặc trong một folder con trong My Pictures.
2. Bạn có thể cấu hình My Pictures để hiển thị các thumbnail của tất cả các file ảnh.
3. Hiển thị hộp thoại Properties để xem thông tin chi tiết về file kể cả khi nào ảnh được chọn, loại camera nào mà bạn sử dụng và các xác lập của nó là gì.

4. Để xem một phiên bản lớn hơn của một file đã chọn hãy chuyển sang chế độ Filmstrip của My Pictures.
5. Để xem một phiên bản toàn kích cỡ của một file, hãy nhấp file để khởi động trình tiện ích Windows Picture and Fax Viewer.
6. Chế độ Slide Show hiển thị tất cả file trong folder My Pictures trong một slide show liên tục trong chế độ toàn màn hình.
7. Bạn có thể cấu hình Windows XP để tự động khởi chạy một chương trình hiệu chỉnh ảnh bằng cách nhấp nút change trong hộp thoại Properties.
8. Việc in các ảnh kỹ thuật số được đơn giản hóa bằng Photo Printing Wizard.
9. Nếu bạn muốn, bạn có thể đăng ký các bản in chuyên nghiệp của các file của bạn từ bên trong My Pictures, bằng cách sử dụng Internet Print Ordering Wizard.
10. Nhấp tùy chọn Set As Desktop Background để sử dụng bất kỳ file ảnh làm nền màn hình Windows của bạn.

Chương 12

Làm việc với các camera kỹ thuật số và máy quét

- *Cài đặt và cấu hình với một camera kỹ thuật số hay máy quét*
- *Quét ảnh*
- *Tải ảnh lên từ một camera kỹ thuật số*
- *Làm việc với các ảnh trong camera*
- *Mười thủ thuật quan trọng nhất*

Chương 11 đã trình bày những chức năng về quản lý ảnh mới của folder My Pictures, chương này trình bày cho bạn cách lấp đầy folder đó bằng các file ảnh từ camera kỹ thuật số và các máy quét.

Windows XP kết nhập một tiêu chuẩn mới, có sẵn đầu tiên trong Windows Me, được gọi là Windows Image Acquisition (WIA). WIA cho phép các dịch vụ tạo ảnh tương thích kết nhập trực tiếp vào shell Windows. Trên nền Windows XP, bất kỳ camera kỹ thuật số WIA hay máy quét có thể được truy cập từ hộp thoại Open của bất kỳ trình ứng dụng nào. Ví dụ, bạn có thể truy cập Microsoft Paint hay Paint Shop Pro, chọn File, Open và xem nội dung của camera kỹ thuật số hay máy quét được liệt kê trong hộp thoại Open. Theo cách này bạn có thể làm việc với các ảnh kỹ thuật số mà không cần phải sao chép chúng trước tiên sang đĩa cứng của PC.

Bất kỳ camera kỹ thuật số hay máy quét đính kèm với máy tính của bạn đều có thể nhìn thấy được từ My Computer, và có thể được xem phải được truy cập như bạn thường thực hiện đối với một ổ đĩa cứng. Bạn cũng có thể sử dụng Scanner and Camera Wizard mới của Windows XP để chọn các ảnh nào mà bạn muốn sao chép sang PC của bạn.

Cài đặt và cấu hình một camera kỹ thuật số hay máy quét

Việc cài đặt một camera kỹ thuật số hay máy quét thì cực kỳ dễ dàng, nếu thiết bị tương thích Plug and Play và bạn sử dụng một nối kết USB. Với kiểu cài đặt này, Windows sẽ nhận biết camera hay máy quét của bạn ngay khi bạn cắm nó vào và cài đặt các trình điều khiển thích hợp một cách tự động.

Nếu Windows không nhận biết camera hay máy quét của bạn, bạn có thể sử dụng trình tiện ích Scanners and Cameras để cài đặt thiết bị mới trên hệ thống. Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Scanners and Cameras.
2. Khi trình tiện ích Scanner and Cameras xuất hiện, nhấp biểu tượng Add Device.
3. Khi Scanner and Camera Installation Wizard xuất hiện, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để nhận biết nhãn hiệu và nhà sản xuất thiết bị (được minh hoạ ở hình 12.1) và cài đặt các trình điều khiển thích hợp.

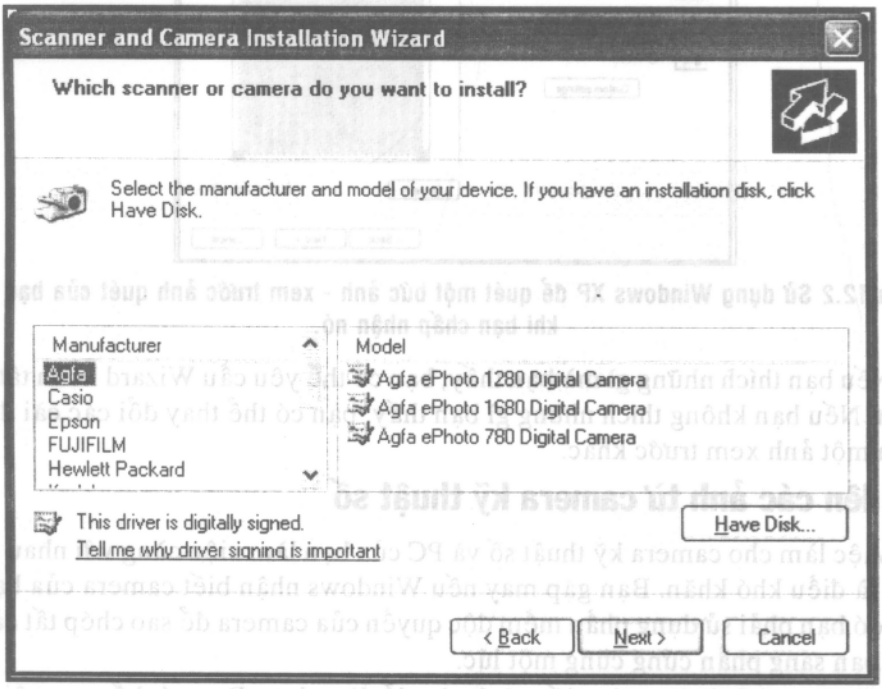

Hình 12.1 Sử dụng Scanner and Camera Installation Wizard để cài đặt bằng tay một thiết bị thu ảnh mới.

Khi bạn thoát Wizard, camera hay máy quét mới sẽ xuất hiện dưới dạng một thiết bị trong cửa sổ Scanner and Camera.

Nếu bạn muốn một chương trình hiệu chỉnh ảnh đặc trưng để khởi động bất cứ khi nào bạn sao chép ảnh từ camera hay máy quét, nhấp phải biểu tượng thiết bị rồi chọn Properties từ menu bật lên. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, chọn tab Events, chọn một event (sự kiện) từ danh sách Select An Event, nhấp tùy chọn Start This Program, rồi sau đó chọn trình ứng dụng mà bạn muốn liên kết với event đó.

Quét ảnh

Khi Windows nhận biết một sự kiện quét (scan event) - nghĩa là khi bạn quét - nó khởi động Scanner and Camera Wizard. Như bạn có thể thấy ở hình 12.2, phần máy quét của Wizard này cho phép bạn điều khiển các quét ảnh của bạn. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là chọn một trong các tùy chọn Picture Type

(Color Picture, Black and White Picture hay Text, hoặc Custom), Wizard sẽ hiển thị một cửa sổ xem trước về những gì mà bạn đang quét.

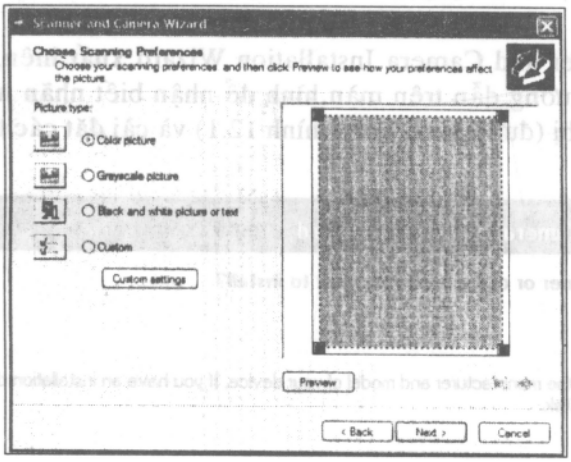

Hình 12.2 Sử dụng Windows XP để quét một bức ảnh - xem trước ảnh quét của bạn trước khi bạn chấp nhận nó.

Nếu bạn thích những gì mà bạn thấy, bạn có thể yêu cầu Wizard hoàn tất việc quét. Nếu bạn không thích những gì bạn thấy, bạn có thể thay đổi các cài đặt và xem một ảnh xem trước khác.

Tải lên các ảnh từ camera kỹ thuật số

Việc làm cho camera kỹ thuật số và PC của bạn làm việc cùng với nhau trước đây là điều khó khăn. Bạn gặp may nếu Windows nhận biết camera của bạn và sau đó bạn phải sử dụng phần mềm độc quyền của camera để sao chép tất cả ảnh của bạn sang phần cứng cùng một lúc.

Windows XP đã làm cho tiến trình này dễ dàng hơn. Bạn có thể xem nội dung camera kỹ thuật số từ My Computer, hoặc bạn có thể sử dụng Scanner and Camera Wizard để quản lý các ảnh của bạn.

Khi bạn nối kết camera kỹ thuật số (hay chèn media card của camera vào một bộ đọc) Windows hiển thị hộp thoại Choose Picture to Copy. Vào thời điểm này bạn có thể chọn từ bốn hoạt động riêng biệt:

Thủ thuật

Bạn cũng có thể hiển thị hộp thoại này bằng cách chọn tác vụ Get Picture From Camera or Scanner trong folder My Computer.

- **Acquire Photos** - Chọn tùy chọn này để chọn các bức ảnh để sao chép sang đĩa cứng.
- **View a Slide Show of the Images** - Chọn tùy chọn này và Windows hiển thị slide show toàn màn hình trình diễn hình ảnh hiện được lưu trữ trong camera của bạn. Không cần phải sao chép ảnh.

- **Print the Pictures** - Tùy chọn này cho phép bạn in các bức ảnh riêng lẻ và không cần phải sao chép chúng trước tiên sang đĩa cứng.
- **Open Folder to View Files** - Chọn tùy chọn này khi bạn muốn xem, xoá, đổi tên, hoặc quản lý camera.

Thủ thuật

Để thực hiện cùng một hành động mỗi lần bạn nối kết camera, hãy chọn tùy chọn Always Do the Seleted Action.

Khi bạn chọn Acquire Photos (rồi nhấp OK), Scanner and Camera Wizard khởi động. Như bạn có thể thấy ở hình 12.3, các thumbnail của tất cả ảnh hiện được lưu trữ trong camera của bạn (hoặc trên media card). Bạn không cần sao chép tất cả các ảnh này sang đĩa cứng - mặc dù bạn có thể thực hiện điều này, bằng cách nhấp tùy chọn Select All. Chỉ việc chọn những bức ảnh nào mà bạn muốn sao chép, rồi sau đó nhấp nút Next.

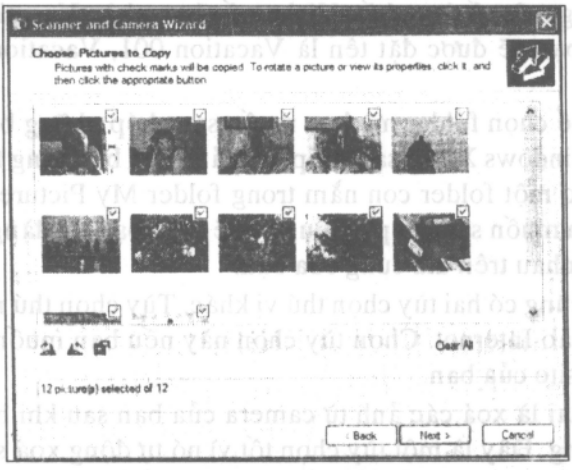

Hình 12.3 Chọn tất cả các ảnh mà bạn muốn sao chép sang đĩa cứng.

Bây giờ màn hình Select a Picture Name and Destination xuất hiện, xem hình 12.4. Đây là nơi bạn chọn folder đích và các tên file cho folder của bạn.

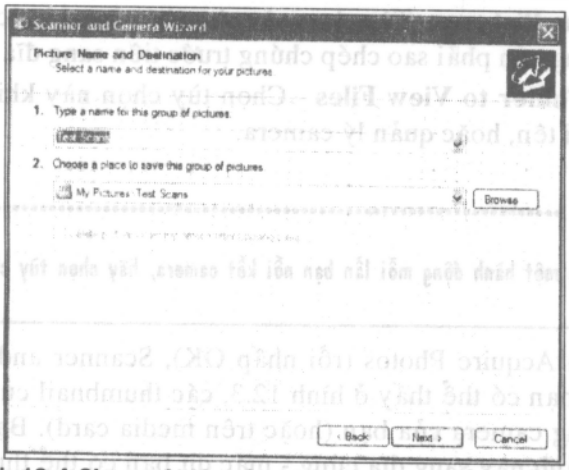

Hình 12.4 Chọn một tên và vị trí cho các bức ảnh của bạn.

Windows XP đặt tên cho tất cả các bức ảnh của bạn bằng một tên file chung, được theo sau bằng một số duy nhất. Ví dụ, nếu bạn nhập Vacation làm tên ảnh, các bức ảnh của bạn sẽ được đặt tên là Vacation 001, Vacation 002, Vacation 003.

Bạn cũng có thể chọn folder mà bạn muốn sao chép những bức ảnh sang đó. Theo mặc định, Windows XP sẽ sao chép hình ảnh của bạn sang folder My Computer. Bạn nên tạo một folder con nằm trong folder My Pictures dành cho mỗi nhóm ảnh mới bạn muốn sao chép. Điều này sẽ giúp bạn dễ dàng theo dõi tất cả các bức ảnh khác nhau trên đĩa cứng của bạn.

Màn hình này cũng có hai tùy chọn thú vị khác. Tùy chọn thứ nhất là sao chép các ảnh của bạn vào Internet. Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn gởi những bức ảnh này lên Web site của bạn.

Tùy chọn thứ hai là xoá các ảnh từ camera của bạn sau khi bạn đã sao chép chúng sang đĩa cứng. Đây là một tùy chọn tốt vì nó tự động xoá sạch bộ nhớ của camera kỹ thuật số, do đó bạn không cần phải xoá bằng tay những bức ảnh cũ.

Sau khi bạn đã nhập tất cả thông tin này, hãy nhấp nút Next. Bây giờ Wizard sẽ sao chép các ảnh được chọn của bạn sang đĩa cứng. Bạn có thể sử dụng tất cả đặc tính của folder My Pictures (được thảo luận ở chương 11, phần "làm việc với các ảnh") để xem, hiệu chỉnh và quản lý các ảnh của bạn.

Làm việc với các ảnh trong camera

Điều thú vị là bạn không cần phải sao chép các bức ảnh từ camera của bạn sang đĩa cứng để làm việc với chúng. Windows XP có một số chức năng quản lý ảnh cơ bản mà có thể sử dụng với các bức ảnh hiện được lưu trữ trong camera kỹ thuật số của bạn.

Như bạn có thể nhớ, khi bạn nối kết camera với máy tính của bạn, bạn sẽ được bốn tùy chọn khác nhau. (Bạn cũng có thể hiển thị các tùy chọn này bằng cách chọn biểu tượng camera trong trình tiện ích Scanners and Cameras rồi nhấp tùy chọn Get Pictures trong ô trung tâm hoạt động.) Bạn chọn tùy chọn Acquire Pic-

tures để sao chép các ảnh sang đĩa cứng của bạn, nhưng bạn có thể chọn một trong những tùy chọn khác để làm việc với các ảnh trong khi chúng vẫn nằm trong camera của bạn.

Nếu bạn muốn in các bức ảnh đã chọn từ camera, chọn tùy chọn Print the Pictures. Tất cả các bức ảnh trong camera của bạn sẽ được hiển thị, và bạn phải chọn các bức ảnh nào mà bạn muốn gởi bức ảnh của bạn.

Nếu bạn muốn xoá hoặc đổi tên các ảnh trong camera của bạn, hãy chọn tùy chọn Open Folder to View Files. Điều này sẽ hiển thị nội dung của camera hay media card trong một folder giống như My Pictures. Bạn có thể sử dụng các lệnh trong folder này để thực hiện nhiều tác vụ quản lý file với các bức ảnh của bạn.

Nếu camera của bạn chứa nhiều file film, bạn có thể mở những film này trên PC của bạn bằng cách chọn tùy chọn Play the Video Files. Vì nhiều camera kỹ thuật số cũng vẫn còn cho phép bạn ghi lại các film MPEG ngắn, tùy chọn này là một cách thú vị để xem flim mà không cần phải sao chép chúng trước tiên sang đĩa cứng.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Windows XP làm cho tiến trình làm việc với camera hay máy quét trở nên dễ dàng. Bạn chỉ việc cắm thiết bị vào và làm việc thông qua Scanner and Camera Wizard.

Dĩ nhiên, những điều này sẽ giúp bạn nếu bạn nhớ mười điểm chính sau đây:

1. Windows XP có công nghệ Windows Image Acquisition (WIA) mới giúp bạn dễ dàng là việc với các ảnh từ camera kỹ thuật số và máy quét.
2. Nội dung của camera kỹ thuật số hay máy quét xuất hiện trong hộp thoại Open bất kỳ phần mềm hiệu chỉnh ảnh.
3. Nếu Windows không nhận biết camera hay máy quét của bạn khi bạn nối kết nó đầu tiên, hãy mở trình tiện ích Scanners and Cameras rồi nhấp biểu tượng Add Device để chạy Scanner and Camera Installation Wizard.
4. Khi bạn quét một ảnh bằng máy quét Scanner and Camera Wizard của Windows XP sẽ cho phép bạn xem trước và cấu hình ảnh đã quét.
5. Scanner and Camera Wizard cũng khởi động bất cứ khi nào bạn nối một camera kỹ thuật số với PC của bạn. Bạn có thể chọn từ nhiều tác vụ khác nhau, kể cả sao chép các bức ảnh sang PC của bạn, in các ảnh trực tiếp từ camera của bạn, chạy một slide show toàn màn hình trình diễn các bức ảnh camera, hoặc thực hiện các hoạt động quản lý file điển hình - trong khi các ảnh vẫn nằm trong camera.
6. Bạn sử dụng Scanner and Camera Windows để chọn các ảnh nào để sao chép từ camera của bạn sang đĩa cứng, tên gì để đặt cho những ảnh đó và nơi để sao chép chúng sang đó.
7. Theo mặc định, Scanner and Camera Wizard sao chép các bức ảnh của bạn sang folder My Pictures. Có thể bạn muốn tạo các folder con nằm trong folder My Pictures để quản lý tất cả các bức ảnh khác nhau của bạn

một cách dễ dàng hơn.

8. Bạn cũng có thể sử dụng Scanner and Camera Wizard để tải trực tiếp các bức ảnh lên Web site của bạn.
9. Khi bạn tùy chọn tùy chọn Delete Pictures From My Camera After Copying Them, bạn không cần trở về và xoá bằng tay các bức ảnh đã lưu trữ trong camera kỹ thuật số.
10. Một khi bạn đã sao chép các bức ảnh sang đĩa cứng, bạn có thể sử dụng các lệnh trong folder My Pictures để xem, hiệu chỉnh và quản lý các bức ảnh của bạn.

Chương 13

Sử dụng Windows Media Player

- *Tìm hiểu các file Media kỹ thuật số*
- *Giới thiệu Windows Media Player*
- *Việc cấu hình WMP*
- *Mở các file Audio*
- *Nghe Radio trên Internet*
- *Xem các phim DVD*
- *Sắp xếp các file Media*
- *Sử dụng các Media Player khác*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Bạn có thể sử dụng PC để nghe đĩa nén, dò các chương trình phát thanh vô tuyến ở khắp nơi trên thế giới, xem phim DVD, và ghi lại các bộ sưu tầm nhạc riêng của bạn.

Có nhiều phần mềm bộ giao thức âm mà bạn có thể sử dụng để thực hiện các hoạt động mở lại và ghi lại, Windows XP có một chương trình có thể thực hiện tất cả các tác vụ này. Windows Media Player (WMP) là một tiện ích phát lại và ghi lại chuyên xử lý mọi thứ từ tính năng phát lại CD và DVD đến radio trên Internet và tính năng mã hoá MP3.

Nếu bạn đã sử dụng một phiên bản trước của WMP thì bạn sẽ ngạc nhiên bởi những cải tiến của player trong Windows XP. Những tính năng mới gồm có tính tương thích MP3 (để sử dụng tính năng phát lại, bạn sẽ cần một chương trình phụ để ghi lại các file MP3), một giao diện trông đẹp hơn, các phần minh hoạ mới và bộ nhớ thông tin được cải tiến cho các file media kỹ thuật số.

Ghi chú

Phiên bản của WMP trong Windows XP là phiên bản 8.0, nhưng được gọi chính thức là Windows Media Player for Windows XP.

Tìm hiểu các file Media kỹ thuật số

Trong thế giới máy tính, tất cả dữ liệu luôn được lưu trữ theo dạng kỹ thuật số. (Trong một file kỹ thuật số, thông tin được tập hợp từ một loạt các bit 0 và 1) Kỹ thuật số tốt hơn tương đồng ở điểm không bị nhiễu và biến dạng. Một bản sao kỹ

thuật số, nếu được ghi lại cách chính xác, có thể là một bản sao chính xác. Một bản sao chính xác không thể được tạo ra bằng các sử dụng phương pháp tương đồng.

Trong thế giới audio và video, trước đây nhạc và phim thường được lưu trữ không theo dạng kỹ thuật số. (Các đĩa Vinyl và các băng video VHS đều là dạng tương đồng.) Tuy nhiên, với sự ra đời của các đĩa nén (CD) và các đĩa video kỹ thuật số (DVD), nhạc và phim bắt đầu được lưu trữ theo dạng kỹ thuật số.

Khi nhạc và phim có dạng kỹ thuật số, chúng có thể được dễ dàng kết nhập vào môi trường máy tính. Đối với một máy tính, file kỹ thuật số đều tương tự như một file khác đặc biệt khi nó được lưu trữ.

Do đó nếu bạn có thể lưu trữ nhạc và phim kỹ thuật số trên PC của bạn, thì tại sao bạn không sử dụng PC của mình để mở lại? Bạn có thể thực hiện điều này nếu bạn có phần mềm media player thích hợp. Có dạng file khác nhau để lưu trữ audio và video kỹ thuật số, và các media player khác nhau tương thích với các dạng khác nhau.

Windows Media Player đi kèm với Windows XP có thể đọc và ghi nhiều file media kỹ thuật số phổ biến nhất ngày nay. Để tìm hiểu xem dạng mà bạn chọn có tương thích với WMP hay không, hãy xem bảng 11.3. Như bạn có thể thấy chỉ nhiều dạng phổ biến (dạng chính trong số những dạng file kỹ thuật số là Quick Time của Apple và RealMedia của RealNetwork) không thể được xem bằng Windows Media Player.

Bảng 13.1Các dạng file kỹ thuật số của Windows Media Player

Dạng	Phần mở rộng file
CD audio	.CDA
Indeo (Intel) Video Technology	.IVF
Macintosh AIFF audio	.AIF, .AIFC, .AIFF
Windows Media (audio và video)	.ASF, .ASX, .WAX, .WMV, .WVX, .WMP, .WMX
Native Windows formats (audio và video)	.AVI, .WAV
Moving Picture Experts Group (audio và video)	.WPEG, .WPG, .M1V, .M3U, .MP3, .MPA, .MPE, .MPV2
Musical Instrument Digital Interface (MIDI)	.MID, .MIDI, .RMI
UNIX AU audio	.AU, .SND

Giới thiệu Windows Media Player

Bạn khởi động Windows Media Player bằng nhấp nút Start và chọn All Programs, Windows Media Player. WMP khởi động trong chế độ Full của nó. như minh hoạ ở hình 13.1

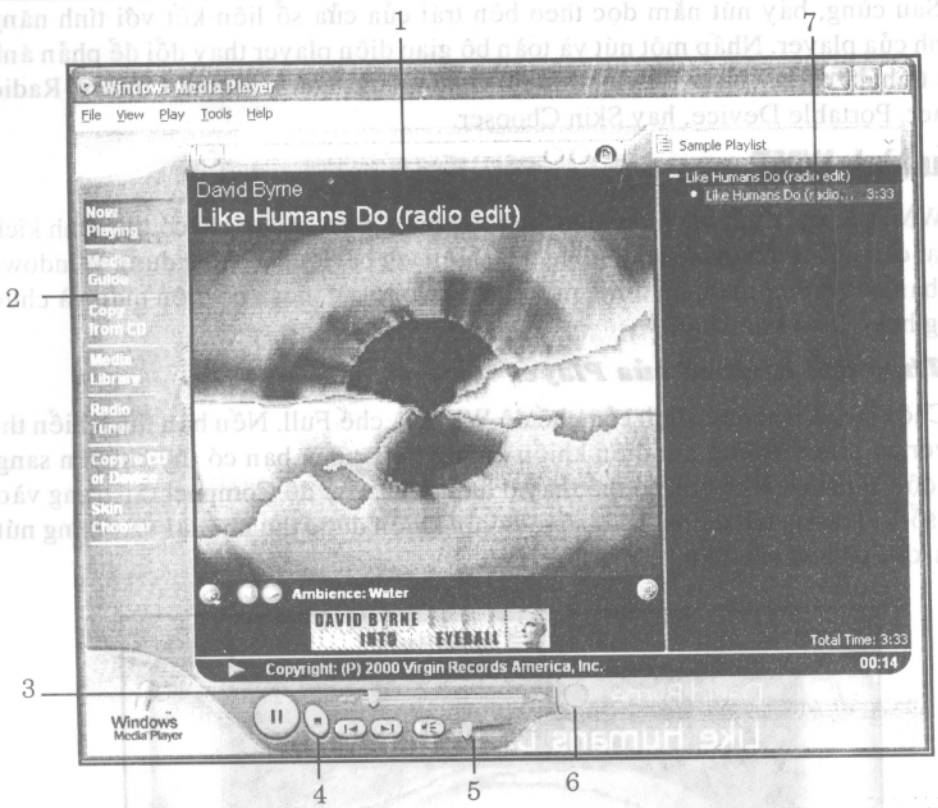

1. Cửa sổ Video/visualization; 2. Các tính năng; 3. Thanh trượt Seek; 4. Các nút điều khiển Playback; 5. Âm lượng; 6. Nút chuyển sang chế độ compact; 7. Playlist

Hình 13.1 Windows Media Player dành cho Windows XP - sử dụng WMP để phát lại audio và video và dành cho các nhu cầu ghi.

Nếu bạn sử dụng WMP để xem một file phim hay một file video khác, ảnh hiển thị trong cửa sổ Windows nằm ở giữa player. Nếu bạn sử dụng WMP để nghe nhạc, vùng này có thể sử dụng để hiển thị những gì mà Microsoft gọi là "visualizations." (Phần minh hoạ) .(Hãy xem một visualization như là một loại giấy dán tường sống động di chuyển cùng với nhạc.)

Các nút điều khiển playback của WMP luôn nằm ở đáy cửa sổ. Ở đây bạn sẽ tìm thấy các nút di chuyển thông thường bao gồm Play/Pause, Stop, Rewind, và Fast Forward. WMP cũng gồm có các nút Next track và Previous track cùng với một nút điều khiển âm lượng và nút mute (tắt âm thanh).

Bên phải cửa sổ là vùng Playlist. Các track riêng lẻ của một CD hay một DVD sẽ được liệt kê ở đây. Vùng này cũng hiển thị các bảng nhạc trong playlist mà bạn tạo.

Giữa các nút điều khiển playlist và cửa sổ video/visualization là một vùng được gọi là Now Playing Tools. Vùng này có thể hiển thị các control riêng biệt cho loại file mà bạn mở. Ví dụ, nếu bạn mở một file DVD, vùng này có thể hiển thị các nút Variable Play Speed và Next Frame.

Sau cùng, bảy nút nằm dọc theo bên trái của cửa sổ liên kết với tính năng chính của player. Nhấp một nút và toàn bộ giao diện player thay đổi để phản ánh đặc tính đã chọn - Now Playing Media Guide, CD Audio, Media Library, Radio Tuner, Portable Device, hay Skin Chooser.

Cấu hình WMP

WMP là một thiết bị có thể được tạo tùy biến. Bạn không chỉ có thể định kích cỡ lại cho nó, như bạn có thể thường thực hiện với bất kỳ trình ứng dụng Windows mà bạn còn thể hiển thị nó trong một chế độ Compact, hoặc có diện mạo và chức năng hoàn toàn khác biệt.

Thay đổi kích cỡ của Player

Chế độ hiển thị mặc định của chế độ WMP là chế Full. Nếu bạn thích hiển thị player có tất cả những nút điều khiển không liên quan, bạn có thể chuyển sang chế độ Compact. Như bạn có thể thấy ở hình 13.2, chế độ Compact tập trung vào cửa sổ Video/visualization. Một số nút điều khiển được thu nhỏ lại và những nút điều khiển khác che dấu.

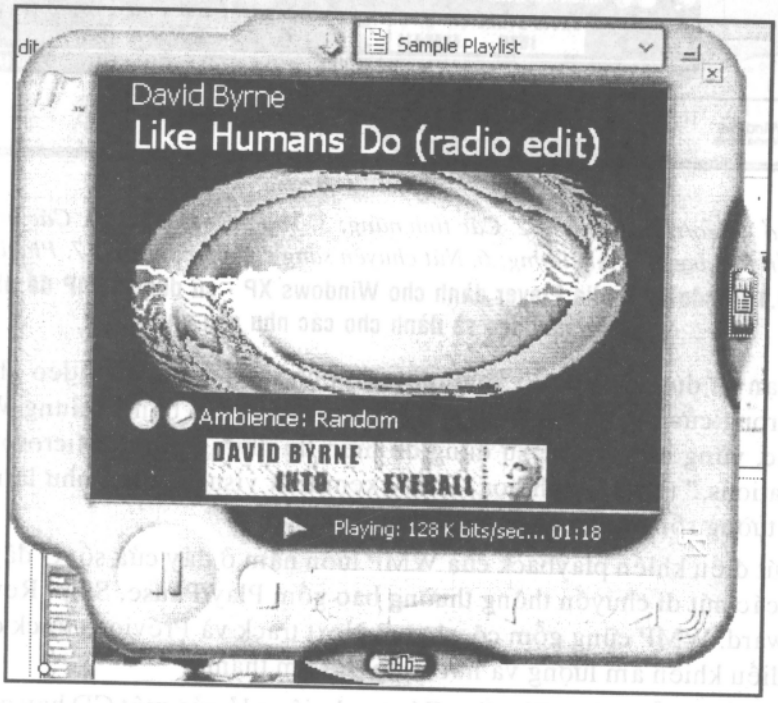

Hình 13.2 Windows Media Player trong chế độ compact.

Khi bạn ở trong chế độ Compact, một cửa sổ neo nhỏ xuất hiện ở góc trái dưới cùng của nền desktop. Bạn có thể nhấp cửa sổ neo để quay trở về chế độ Full, hoặc để một file mới.

Bạn chuyển sang chế độ Compact bằng cách nhấp nút Switch to Compact Mode nằm ở bên phải phía dưới cửa sổ WMP bằng cách chọn View, Compact Mode.

Cho dù bạn ở trong chế độ Full hay chế độ Compact, bạn có thể định kích cỡ lại cửa sổ WMP chính bằng tay. Khi bạn định lại kích cỡ cửa sổ chính, kích cỡ cửa sổ video/visualization cũng thay đổi. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là sử dụng chuột để chụp bất kỳ cạnh hay góc nào của cửa sổ, rồi rê nó sang một kích cỡ mới.

Thủ thuật

Định lại kích cỡ cửa sổ WMP để xem một phim DVD với kích cỡ lớn hơn.

Bạn có thể định kích cỡ lại cửa sổ video khi bạn đang xem một phim DVD. Chọn View, Zoom, rồi sau đó chọn tỷ lệ thu phóng mới.

Hoặc nếu bạn thích hơn, bạn có thể xem một file DVD bằng cách sử dụng toàn bộ màn hình máy tính. Chỉ việc nhấp nút Full Screen (nằm ở góc phải phía dưới của cửa sổ video) hoặc chọn View, Full Screen, và phim sẽ lấp đầy màn hình. Nhấn Esc để trở về chế độ xem bình thường.

Thay đổi diện mạo

Nếu bạn không thích diện mạo mặc định của WMP bạn có thể thay đổi nó. WMP cho phép bạn thay đổi giao diện cơ bản của nó bằng cách áp dụng các skin (giao diện) mới. Skin là một giao diện hoàn chỉnh chứa khung cửa sổ và nền và các nút điều khiển. Thực tế, một số skin có ít nút control hơn giao diện WMP mặc định.

Ghi chú

Hầu hết các skin được sử dụng trong chế độ Compact của WMP.

Để biết về cách mà các skin khác nhau có thể thay đổi diện mạo của WMP, hãy xem hình 13.3 và 13.4. So sánh skin này với skin mặc định của WMP trong hình 13.2. Đây là một cách thú vị để trang trí media player.

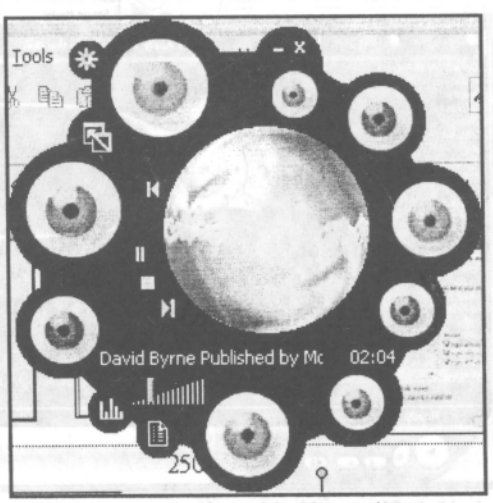

Hình 13.3 WMP với skin Optik.

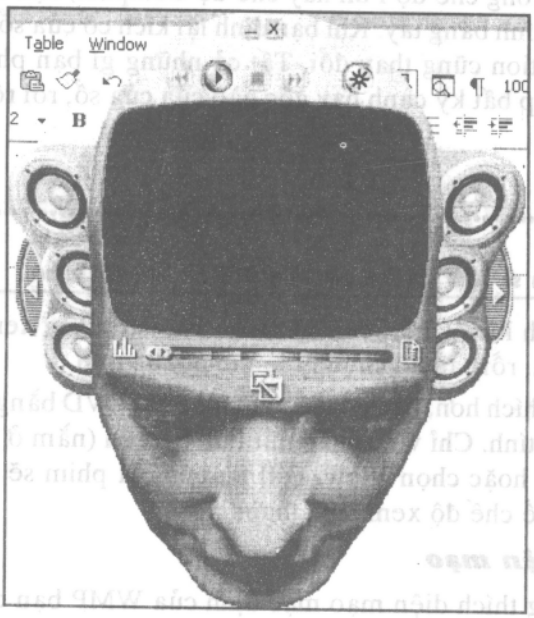

Hình 13.4 WMP với skin Headspace.

Để thay đổi các skin hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Với WMP trong chế độ Full, Nhấp nút Skin Chooser.

2. Chọn một skin từ danh sách bên trái. Skin mà bạn chọn sẽ được xem trước trong cửa sổ nằm ở cạnh bên phải (xem hình 13.5).

3. Nhấp nút Apply Skin. Bây giờ WMP sẽ chuyển sang chế độ Compact với skin mới được ứng dụng.

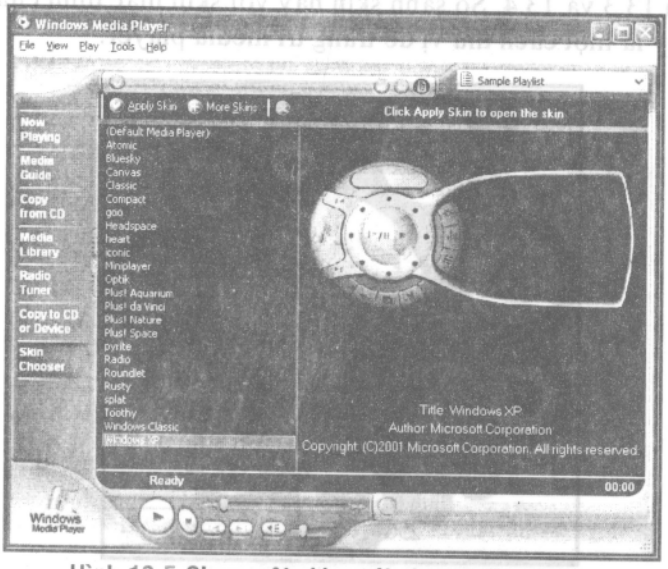

Hình 13.5 Chọn một skin mới cho media player.

Thủ thuật

Bạn thay đổi các skin khi bạn đang ở trong chế độ Compact bằng cách nhấp cửa sổ neo (Anchor Windows) và chọn Select a New Skin từ cửa sổ bật lên.

Windows XP có nhiều skin được cài sẵn nhưng có sẵn nhiều skin từ Internet tại Web site WindowsMedia.com của Microsoft. Chỉ việc nhấp nút Skin (trong cửa sổ Skin Chooser), và WMP sẽ khởi chạy Internet Explorer và nối kết với Web site WindowsMedia.com. Chọn một skin mới và thực hiện các hướng dẫn trên màn hình để tải nó xuống hệ thống của bạn.

Thay đổi các Visualization

Rõ ràng Microsoft nghĩ rằng bạn sẽ trở nên chán nghe nhạc cũ đơn điệu khi thiếu sự kích thích bằng hình ảnh. Vì lý do đó, nó cung cấp một số visualization mở trên màn hình khi bạn nghe bất kỳ file chỉ audio hay chương trình phát thanh.

Một visualization là một vệt màu và những hình dạng di chuyển theo tiếng nhạc. Các visualization hiển thị tại nơi mà ảnh video thường được hiển thị.

WMP chứa nhiều visualization mà bạn có thể xem trong khi nghe nhạc. Các visualization được nhóm thành các tập hợp dựa vào các chủ đề. Bạn có thể chọn một visualization riêng biệt để xem, và ngay cả (đối với một số visualization) cấu hình các đặc tính visualization riêng biệt.

Để chọn một visualization, hãy chắc chắn bạn đang ở trong màn hình Now Playing trong chế độ Full, sau đó chọn View, Visualization. Chọn một tập hợp rồi sau đó chọn một visualization riêng lẻ.

Thủ thuật

Bạn có thể duyệt qua tất cả các visualization có sẵn bằng cách nhấp nút Previous Visualization và Next Visualization ngay bên dưới cửa sổ visualization.

Có sẵn nhiều visualization trên Internet. Chỉ việc chọn Tools, Download Visualizations để đi đến Web site WindowsMedia.com và trình duyệt để tìm các tập hợp visualization mới.

Một số tập hợp visualization cho phép bạn cá nhân hoá diện mạo - màu được sử dụng, tốc độ .... Để tạo tùy biến visualization, chọn Tools, Options để hiển thị hộp thoại Options. Chọn tab Visualization, chọn tập hợp mà bạn muốn tùy biến, sau đó nhấp nút Properties. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, cài đặt các tùy chọn mong muốn.

Thay đổi các cài đặt Audio và Video

Ngoài các skin và visualization, có một số cài đặt hữu dụng trong WMP mà bạn muốn cấu hình.

Ví dụ, bạn có thể sử dụng bộ cân bằng hình ảnh được cài sẵn của WMP để tinh chỉnh tính năng phát lại audio của PC. Chọn View, Now Playing Tools, Graphic

Equalizer để hiển thị bộ cân bằng (equalizer) nằm bên dưới cửa sổ video/visualization (xem hình 13.6). Hãy chắc chắn bộ cân bằng được nhấp, sau đó rê các nút điều khiển bộ cân bằng sang dạng mà bạn thích.

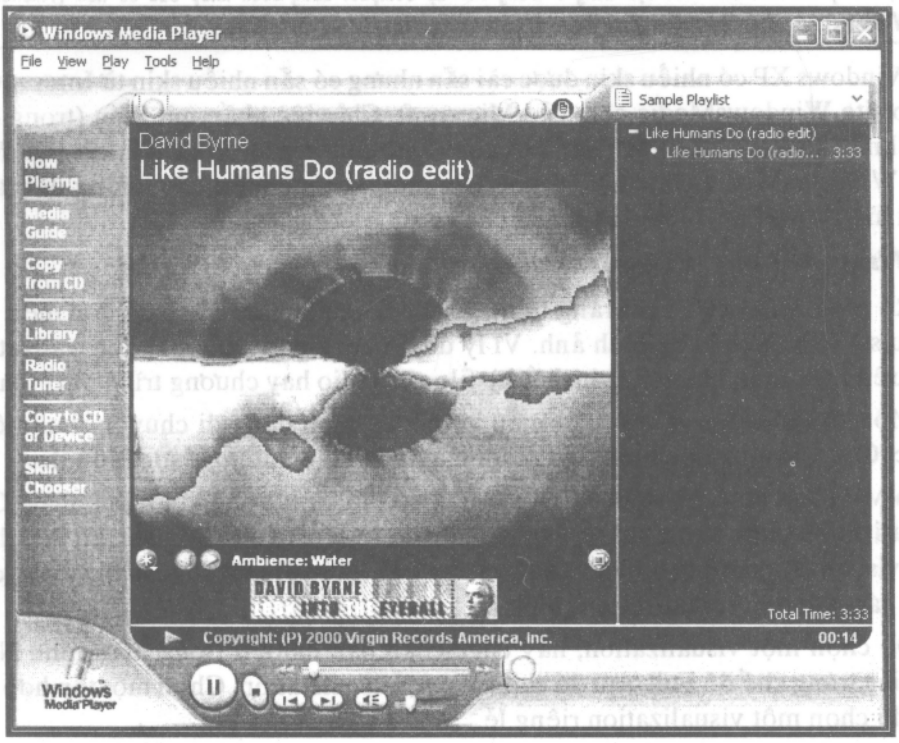

Hình 13.6 Tinh chỉnh bass và treble bằng bộ cân bằng đồ thị của WMP.

WMP cũng gồm có các hiệu ứng audio kỹ thuật số - hoặc những gì Microsoft gọi là SOS Wow Effects. Bạn truy cập những hiệu ứng này bằng cách chọn View, Now Playing Tools, SRS Wow Effects. Hãy chắc chắn nút điều khiển được nhấp để mở, sau đó điều chỉnh các nút điều khiển như sau:

- Để cải tiếng âm bass, rê thanh trượt TruBass sang phải. Để giảm thiểu âm bass, rê thanh trượt sang trái.
- Để mở rộng hiệu ứng stereo âm thanh nổi, rê thanh trượt WOW Effect sang phải. Để thu hẹp hiệu ứng stereo, rê thanh trượt sang trái.
- Để tối ưu hoá âm thanh cho các loa hay headphone, nhấp nút bên dưới nút On và chọn từ Headphones, Normal Speaker, hay Large Speaker.

Nếu bạn mở một DVD, bạn có thể điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và màu sắc, độ bảo hoà của ảnh. Chỉ việc chọn View, Now Playing Tools, Video Settings để hiển thị những nút điều khiển video này, và điều chỉnh các thanh trượt khi cần thiết.

Cấu hình các tùy chọn Player

Có nhiều tùy chọn chương trình mà bạn có thể cấu hình. Chúng có sẵn trên các

tab riêng biệt trong hộp thoại Options. (Bạn chọn hộp thoại này bằng cách chọn Tools, Options.)

Bảng 13.2 trình bày chi tiết những cài đặt cấu hình nào mà bạn có thể điều chỉnh.

Bảng 13.2 -Các tùy chọn của Windows Media Player được trình bày theo từng tab.

Tab	Tùy chọn
Player	Sự thường xuyên cập nhật phần mềm, các cài đặt Internet, và cách hiển thị player trên nền desktop
Copy Music	Vị trí của các file được lưu trữ, dạng file nào (Windows Media hay MP3) được dùng để sao chép / ghi, và chất lượng của nhạc được sao chép.
Devices	Các cài đặt phát lại và sao chép của audio CD và các thiết bị audio xách tay.
Performance	Tốc độ nối kết và tính năng đệm cho streaming media cũng như các cài đặt để gia tốc phần cứng video
Media Library	Cài đặt các quyền truy cập cho các site Internet và các trình ứng dụng
Visualization	Thêm và cấu hình các visualization của WMP
Formats	Cài đặt các dạng file nào mà WMP sẽ là player mặc định cho dạng đó
DVD	Cài đặt các nút điều khiển và các cài đặt ngôn ngữ / audio để phát lại DVD
Network	Cấu hình các giao thức mạng và các cài đặt proxy để phát lại streaming media

Mở các file Audio

Bây giờ chúng ta sẽ sử dụng WMP để mở các file audio

Mở lại bình thường

Bạn có thể sử dụng WMP để mở các file audio được lưu trữ trên máy tính của bạn hoặc được tải xuống từ Internet hoặc để mở lại các bản nhạc từ một audio CD bình thường.

Tính năng phát lại CD sẽ bắt đầu một cách tự động khi bạn chèn một CD vào ổ đĩa CD của PC. Để mở lại một file audio kỹ thuật số, đầu tiên bạn phải tải file đó vào player (chọn File, Open).

Các nút điều khiển di chuyển của player được đặt ở đáy cửa sổ chính. Bạn bắt đầu mở lại bằng cách nhấp nút Play hoặc tạm dừng mở lại bằng cách nhấp nút Pause. Bạn ngừng phát lại hoàn toàn bằng cách nhấp nút Stop.

Thủ thuật

Nếu bạn không thích sử dụng các nút điều khiển di chuyển này, chỉ việc mở menu xổ xuống Play rồi chọn Play/Pause hay Stop.

Bạn không cần mở toàn bộ bài hát từ đầu đến cuối. Vị trí mà bạn đang nghe trong một bản nhạc được chỉ định bằng thanh trượt Seek. Bạn có thể di chuyển thanh trượt đến bất kỳ vị trí nào trong bản nhạc và tiếp tục phát lại từ điểm và bạn đã chọn.

Bạn cũng có thể chọn mở các bản nhạc trên một CD theo thứ tự ngẫu nhiên. Chỉ việc chọn Play, Shuffle, và WMP sẽ xáo trộn thứ tự một cách ngẫu nhiên qua các bản nhạc trên CD.

Điều chỉnh âm lượng và âm thanh

Nếu âm thanh quá lớn (hoặc không đủ lớn), bạn có thể thay đổi âm lượng bằng cách rê thanh trượt Volume sang bên phải (lớn hơn) hay sang trái (nhỏ hơn). Nếu bạn cần tắt âm thanh nhanh chóng hãy nhấp nút Mute nằm bên trái thanh trượt Volume. Nhấp nút Mute để mở lại âm thanh.

Xem thông tin file

Hầu hết các file video và các file CD có thông tin về nội dung của chúng được nhúng trong các file riêng lẻ. Để xem các thông tin này, chọn View, Now Playing Tools, Media Information. Chi tiết về bản nhạc hiện được mở sẽ hiển thị bên dưới cửa sổ video/visualizations.

Để xem thông tin chi tiết về artist hay album hiện hành, hãy đi đến màn hình Media Library, chọn một bản nhạc rồi nhấp nút Media Details. Điều này sẽ hiển thị thông tin về album đã chọn. Nhấp Artist Profile để xem thông tin về artist (nghệ sĩ).

Nếu bạn đang nghe một CD, bạn có thể tìm thấy nhiều thông tin hơn trên màn hình CD Audio. Chỉ việc chọn một bản nhạc rồi nhấp Album Details để hiển thị thông tin về Album hiện hành. Nhấp nút Artist Profile để xem thông tin về artist.

Ghi chú

Để truy cập bất kỳ thông tin bổ sung này, bạn phải nối kết với Internet. WMP đi đến Internet để truy tìm thông tin về bất kỳ CD hay DVD bạn đang mở.

Nghe radio trên Internet

Nhiều đài radio trên thế giới truyền thông trên Internet bằng cách sử dụng streaming audio. Với streaming audio, tính năng phát lại có thể bắt đầu trước toàn bộ một file được tải xuống. Vì radio trực tiếp không có các file để tải xuống, nó được chuyển xuống máy tính của bạn. Bạn có thể sử dụng WMP để nghe nhiều chương trình radio trên Internet.

Cảnh báo

Radio trên Internet được tạo dòng theo dạng RealMedia (RealAudio hay RealVideo) không thể được mở bằng WMP. Đối với những file này, bạn sẽ cần player RealMedia của RealNetwork, được thảo luận ở phần sau của chương này.

Bước đầu tiên để nghe radio trên Internet là tìm một đài mà bạn muốn nghe. WMP có thể truy cập Internet và hiển thị một trang Web có đài radio Internet tương thích, như được minh hoạ ở hình 13.7. (Trang này được điều khiển bởi site của WindowsMedia.com của Microsoft) Tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp nút Radio Tuner để hiển thị màn hình chứa đầy những danh sách, đây là một nơi tốt để bạn bắt đầu muốn nghe các chương trình phát thanh streaming audio.

Bạn có thể tìm kiếm các đài theo dạng, dãy tần số (AM hay FM) ngôn ngữ, vị trí, tính hiệu, tần số hay từ khoá. Khi bạn tìm thấy một đài mà bạn muốn thêm vào danh sách các danh sách xác lập sẵn, hãy chọn đài rồi nhấp nút Add. Các đài đã xác lập sẵn của bạn sẽ hiển thị trên cạnh trái của màn hình.

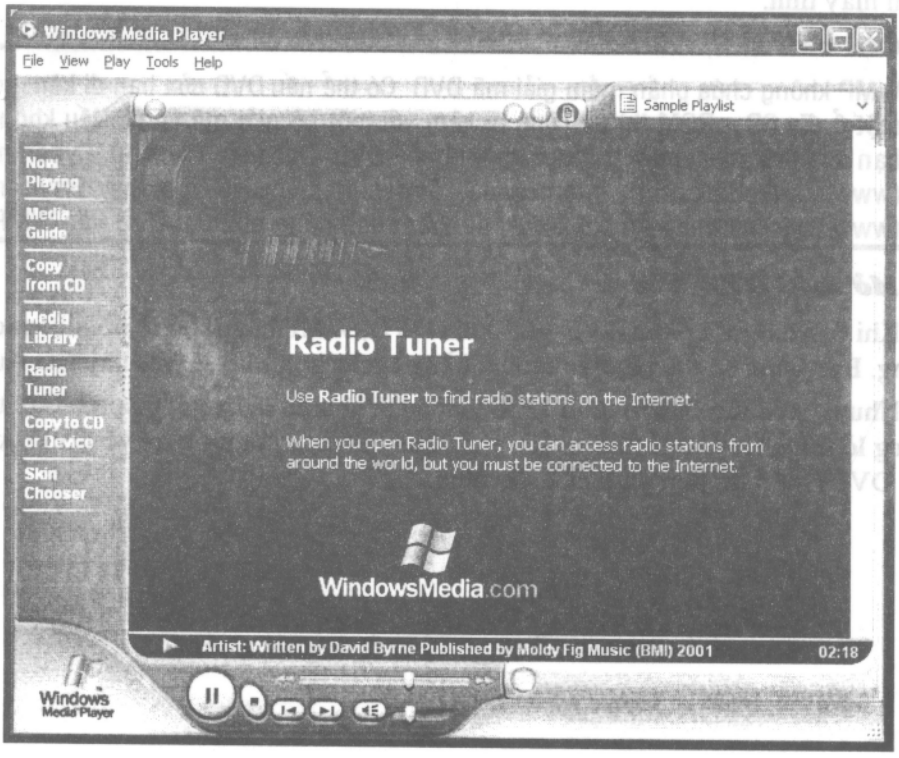

Hình 13.7 Đi đến trang Radio Tuner để xem danh sách chứa đầy các đài radio trên Internet.

Cũng có nhiều Web site chứa các thư mục và các liên kết với hàng trăm và hàng ngàn đài radio trên Internet. Sau là những đài radio tốt nhất trong những thư mục radio Internet này:

- **Internet Radio List** (www.internetradiolist.com)

- **Live@**(www.live-at.com)
- **Radio-Locator** (www.radio-lacator.con)
- **Web-Radio** (www.web-radio.com)
- **What's On Web Radio** (www.whatsonwebradio.com)

Khi bạn tìm thấy một trên trong những trang này mà bạn muốn thêm và danh sách cài đặt sẵn của bạn, hãy chọn File, Add to Media Library, Add Currently Playing Track. Điều này sẽ thêm đài vào Media Library của bạn (được thảo luận ở phần sau của chương này). Sau đó bạn có thể đi đến màn hình Media Library, tìm đài trong playlist All Audio, và thêm bản nhạc vào một playlist mà bạn đã tạo riêng cho mình.

Xem các phim DVD

Nếu bạn có một đĩa DVD - ROM trong máy tính và phần mềm giải mã DVD thích hợp được cài đặt, bạn có thể sử dụng WMP để mở các phim DVD trên màn hình máy tính.

Ghi chú

WMP không chứa phần mềm giải mã DVD. Có thể nếu DVD của bạn đi kèm với một ổ đĩa CD - ROM thì nó cũng đi kèm với một bộ giải mã DVD. Nếu không bạn có thể mua một trong các thiết bị DVD Decoder Pack từ Cyberlink (www.gocyberlink.com), InternetVideo (www.Internetvideo.com) hay Ravisent (www.ravisentdirect.com/xppaks/), để thêm tính năng phát lại DVD vào WMP.

Mở một DVD Video

Khi bạn đặt một phim DVD vào ổ đĩa DVD, WMP bắt đầu mở nó một cách tự động. Bạn cũng có thể bắt đầu mở lại bằng cách chọn Play, DVD hay CD Audio.

Như bạn có thể thấy ở hình 13.8, video DVD hiển thị trong cửa sổ. Các track riêng lẻ trong DVD được hiển thị trong vùng Playlist và thông tin về DVD (kể cả bìa DVD) hiển thị bên dưới cửa sổ video.



1. Nhấp để mở menu của DVD; 2. Cửa sổ Video; 3. Các đoạn trích phim

Hình 13.8 Xem một phim DVD bằng Windows Media Player.

Cảnh báo

Bạn phải được nối kết với Internet dành cho WMP để tìm và hiển thị thông tin DVD và ảnh bìa này

Định hướng các menu DVD

Hầu hết tất cả DVD đi kèm với các menu được cài sẵn. Những menu này thường đưa bạn đến những đặc tính trên đĩa và cho phép bạn chọn các tùy chọn phát lại khác nhau và nhảy đến các cảnh cụ thể.

Để mở các menu chính của DVD, hãy chọn View, DVD Features, Title Menu. Để hiển thị menu chứa các đặc tính DVD hãy chọn View, DVD Features, Top Menu. Khi menu có các đặc tính hiển thị, bạn có thể nhấp bất kỳ những tùy chọn trên màn hình để nhảy đến một đặc tính cụ thể.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể nhảy đến các đặc tính của DVD bằng cách nhấp nút menu của WMP được đặt ngay bên dưới cửa sổ.

Thay đổi các tùy chọn Audio

Nhiều DVD đi kèm với một track âm thanh bằng ngôn ngữ tiếng Anh cũng như

các track âm thanh bằng các ngôn ngữ khác. Một số DVD đi kèm với các loại audio khác nhau - mono, Dolby Pro Logic surround, Dolby Digital 5.1 surround, ... Những DVD khác đi kèm với lời bình luận từ đạo diễn hay các ngôi sao của bộ phim trên một track audio riêng biệt.

Bạn có thể chọn audio track nào mà bạn nghe bằng cách chọn View, DVD Features, Audio, và Language Tracks. Điều này sẽ hiển thị danh sách liệt kê các tùy chọn audio có sẵn. Chọn track mà bạn muốn nghe, sau đó thoải mái thưởng thức phim.

Mở phim với vận tốc chậm hay nhanh

WMP cung cấp nhiều tính năng playback (phát lại). Bạn có thể cho dừng lại một frame (khung) tĩnh, mở tiến tới frame này đến frame kia, hoặc mở frame với vận tốc nhanh hay chậm.

Để truy cập những đặc tính playback này, bạn phải chọn View, Now Playing Tools, DVD Controls. Điều này hiển thị hàng loạt các nút điều khiển trong vùng Now Playing Tools của cửa sổ WMP, xem hình 13.9



Hình 13.9 Sử dụng các nút điều khiển DVD để mở lại với tốc khác nhau.

Để mở phim với tốc độ chậm, hãy rê thanh trượt Variable Play Speed sang trái. Để mở phim với tốc độ nhanh hơn bình thường, rê thanh trượt sang phải. Để quay trở về bình thường hãy nhấp nút Play.

Thủ thuật

Nếu bạn rê thanh trượt sang trái dấu tâm, bạn thật sự bắt đầu mở phim để nó chạy ngược lại.

Để dừng lại phim và hiển thị một khung tĩnh, nhấp nút Pause. Để tiến đến một lần một frame, hãy nhấp nút Next Frame. Nhấp nút Play để trở về chế độ playback bình thường.

Thủ thuật

Bạn có thể chụp nhanh bất kỳ màn hình frame riêng lẻ bằng cách chọn View, DVD Features, Capture Image. (Nếu bạn dừng phim trước tiên, bạn có thể dễ dàng chọn phim nào để bắt giữ.) Ảnh tĩnh được bắt giữ sang Clipboard Windows và sau đó có thể được dán vào bất kỳ trình ứng dụng hiệu chỉnh ảnh.

Hiển thị phụ đề và Closed Captions

Nhiều DVD chứa các phụ đề bằng các ngôn ngữ khác. Để mở các phụ đề, chọn View, DVD Features, Subtitles and Captions, và sau đó chọn phụ đề mà bạn muốn xem.

Các DVD khác chứa chế độ thuyết minh dành cho những người bị khiếm thính. Bạn có thể xem closed caption bằng cách chọn View, DVD Features, Subtitles and Captions, Closed Captions.

Cảnh báo

Bạn không thể hiển thị cả tiêu đề và closed caption cùng lúc.

Sắp xếp các file Media

Windows Media Player có chức năng hoạt động không chỉ như một media player mà còn có chức năng hoạt động như là một trình quản lý media. Bạn có thể sử dụng tính năng Media Library của WMP để sắp xếp tất cả các file kỹ thuật số trên máy tính của bạn cũng như các liên kết với nội dung kỹ thuật số trên Internet.

Chú ý rằng Media Library khác với các playlist của WMP. Media Library chứa tất cả các file media của bạn, trong khi đó các playlist chứa những danh sách liệt kê mà bạn tạo riêng.

Bạn xem và quản lý các file từ màn hình Media Library của WMP (xem hình 13.10). Nhấp nút Media Library để hiển thị màn hình này.

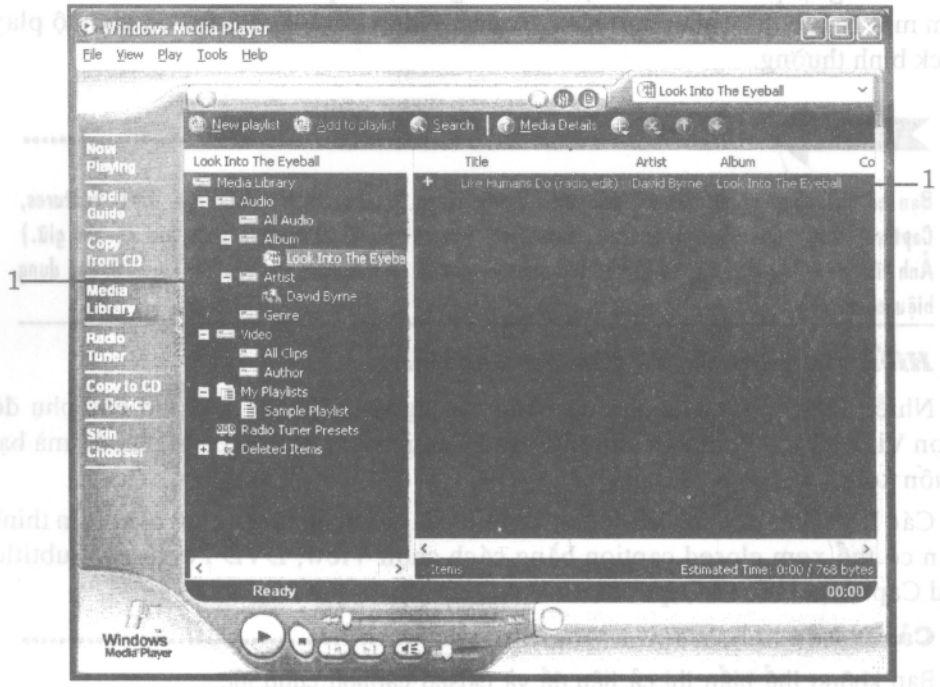

1. Các hạng mục; 2. Nội dung và chi tiết của các hạng mục

Hình 13.10 Quản lý các file kỹ thuật số của bạn từ Media Library của WMP.

Tìm kiếm các media

Để thêm các file media vào Media Library của bạn, bạn phải tìm chúng. Một trong những nơi đầu tiên để tìm các file là đĩa cứng của PC.

Để tìm kiếm các file media on máy tính của bạn, chọn Tools, Search for Media Files. Khi hộp thoại Search for Media Files xuất hiện, hãy chọn các ổ đĩa và folder nào mà bạn muốn tìm kiếm, sau đó nhấp nút Search. Bây giờ WMP sẽ bắt đầu tìm kiếm và thêm bất kỳ file media kỹ thuật số mà nó tìm thấy vào các hạng mục All Audio hay All Clips (dành cho các file video).

Nếu bạn thêm quá nhiều file vào Media Library, bạn cần tìm kiếm Library để tìm ra các file cụ thể. Để thực hiện điều này, hãy nhấp nút nằm ở phần trên cùng của màn hình Media Library. Khi hộp thoại Search Library for Media xuất hiện (xem hình 13.11), nhập tiêu chuẩn tìm kiếm của bạn rồi nhấp nút Search Now. Kết quả tìm kiếm sẽ hiển thị trong playlist Search Results.

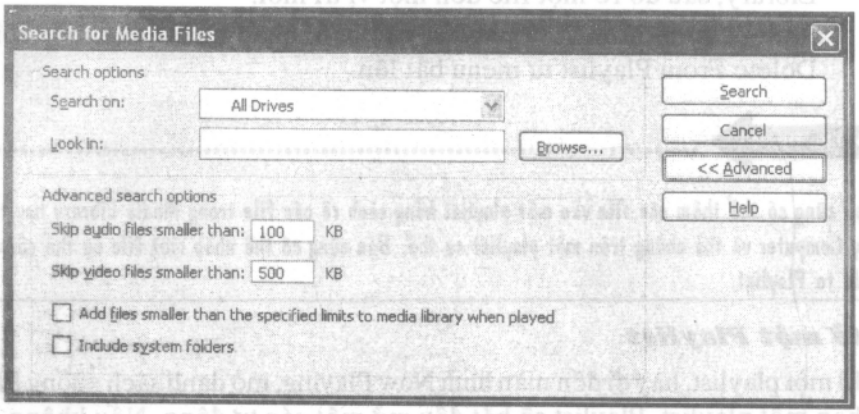

Hình 13.11 Tìm kiếm các file media kỹ thuật số trong Media Library.

Thêm các file vào Media Library

Bạn có thể các file mới vào Media Library của bạn từ các đĩa nén, các Internet site, hay những vị trí khác trên đĩa cứng hay mạng của bạn. Bảng 13.3 trình bày các thêm các kiểu file khác nhau.

Bảng 13.3 Cách thêm các file vào Media Library của bạn.

Kiểu file	Hướng dẫn
CD audio track	Chọn Select File, Add to Media Library, Add Currently Playing Track
File (trên PC hay mạng)	Chọn Select File, Add to Media Library, Add File.
File (trên Internet)	Chọn Select File, Add to Media Library, Add URL

Sau khi bạn thêm một file vào Media Library, bạn có thể mở nó bằng cách chọn trong danh sách track, rồi nhấp nút Play. Để xoá một file từ Media Library, nhấp phải track rồi chọn Delecte From Library từ menu bật lên.

Làm việc với các Playlist

Một cách dễ dàng hơn để làm việc với các file ưu thích của bạn là tạo một playlist được tạo tùy biến. Bạn có thể mở tất cả các bản nhạc trong một playlist bằng một thao tác duy nhất, thao tác này dễ dàng hơn nhiều so với việc chọn riêng những bản nhạc.

Để tạo một playlist, hãy thực hiện các bước sau:

1. Từ màn hình Media Library, nhấp nút New Playlist.
2. Khi hộp thoại Playlist xuất hiện, hãy nhập một tên cho playlist của bạn, sau đó nhấp OK.
3. Để thêm một file vào playlist của bạn, hãy chọn file từ bên trong một hạng mục Media Library, nhấp nút Add to Playlist, và sau đó chọn playlist.
4. Để sắp xếp lại các hạng mục trong playlist, hãy chọn playlist trong Media

Library, sau đó rê một file đến một vị trí mới.

5. Để hủy bỏ một track từ playlist của bạn, nhấp phải hạng mục rồi chọn Delete From Playlist từ menu bật lên.

Thủ thuật

Bạn cũng có thể thêm các file vào một playlist bằng cách rê các file trong Media Library hay trong My Computer và thả chúng trên một playlist cụ thể. Bạn cũng có thể nhấp một file cụ thể rồi chọn Add to Playlist.

Mở một Playlist

Mở một playlist, hãy đi đến màn hình Now Playing, mở danh sách xuống Playlist, rồi chọn một playlist. Playlist sẽ bắt đầu mở một các tự động. Nếu không, tất cả những gì bạn phải thực hiện là nhấp nút Play. Tất cả track trong playlist của bạn sẽ mở, mỗi lần một track, mỗi lần một track, theo thứ tự liệt kê.

Để nhảy qua một track trong một playlist, bạn hãy nhấp nút Next hoặc chọn Play, Next. Để lặp lại một track bạn thích, chọn track rồi sau đó chọn Play, Repeat. Bạn cũng có thể mở các track trong một playlist theo thứ tự ngẫu nhiên bằng các chọn Play, Shuffle.

Sử dụng các Media Player khác

Windows Media Player không phải là media player duy nhất. Có sẵn những media player khác trên thị trường.

RealPlayer

RealPlayer (có sẵn tại www. real.com/player/) là streaming media player được sử dụng nhiều nhất ngày nay. Điều này là do đa số các Web site sử dụng dạng RealMedia để gởi nội dung streaming media của chúng. Khi bạn đi bạn đi đến một Web site và nhấp liên kết để bắt đầu phát lại streaming audio hay streaming video, có thể RealPlayer sẽ khởi động tự động - có thể nó đã được cài đặt trên PC của bạn.

Ghi chú

Tương tự với hầu hết các media player, có các phiên bản miễn phí và được thanh toán của RealPlayer. Đối với hầu hết các người sử dụng, phiên bản miễn phí lại được sử dụng nhiều hơn.

QuickTime Player

QuickTime Player của Apple là một media player được sử dụng chủ yếu để phát lại (playback) các phim và video clip có dạng QuickTime. Trong khi các phim QuickTime không phổ biến như các file Windows Media hay RealMedia, nhưng vẫn có nhiều phim QuickTime trên Web. Bạn có thể tải xuống một bản sao của player từ www.apple.com/quicktime/.

Winamp

Khi nói về việc mở các file kỹ thuật số, thì MP3 là dạng phổ biến nhất, và Winamp là player MP3 thông dụng nhất. Các MP3 sẽ được thảo luận ở chương kế tiếp, bạn có thể tải xuống một bản sao miễn phí của Wimamp từ www.winamp.com.

MusicMatch Jukebox

Trong Winamp là player MP3 thông dụng nhất thì MusiMatch Jukebox là bộ mã mã MP3 thông dụng nhất. Bạn có thể tải xuống một bản sao miễn phí của MusicMatch Jukebox từ www.musicmatch.com.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Khi người dùng ngày càng trở nên thoải mái khi sử dụng máy tính của mình để mở các file audio và video, Windows Media Player trở thành một phần thiết yếu hơn của Windows.

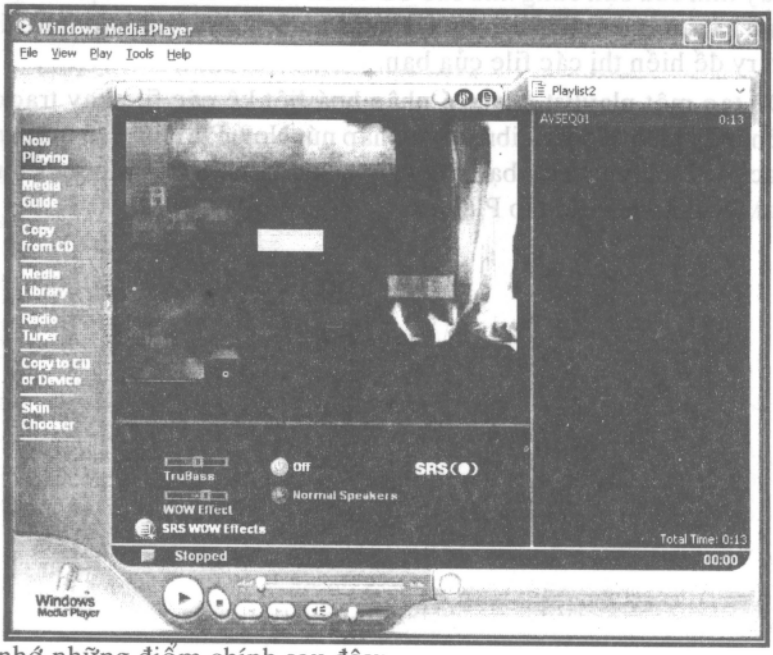

Hãy nhớ những điểm chính sau đây:

1. Phiên bản mới nhất của Windows Media Player chứa một giao diện tinh vi hơn, tính tương thích của MP3, tính năng playback của DVD và tính năng sao chép các file sang CD qua các audio player xách tay. Nó cũng không có sẵn dưới dạng một trình ứng dụng độc lập - nó chỉ là một phần của Windows XP.
2. Bạn có thể hiển thị WMP trong chế độ Full hay Compact. Hoặc, khi bạn xem các phim DVD, bạn có thể chuyển sang chế độ toàn màn hình.
3. Bạn có thể thay đổi diện mạo của WMP bằng cách chọn các skin mới. (Nhấp nút Skin Chooser rồi chọn một skin mà bạn thích!)

4. Để mở một CD với WMP, tất cả những gì bạn phải thực hiện là chèn CD và một ổ đĩa CD-ROM và nhấp nút Play.
5. Nếu bạn nối kết Internet, WMP sẽ lên trực tuyến và tải xuống thông tin chi tiết về CD hay DVD mà bạn đang mở.
6. Bạn có thể sử dụng WMP để nghe các đài radio trên Internet. Chỉ việc nhấp nút Radio Tuner và tìm loại đài mà bạn muốn nghe.
7. Nếu bạn có một ổ đĩa CD-ROM trong PC của bạn, WMP sẽ mở lại các phim DVD. Các đoạn trích đĩa được hiển thị trong khung playlist và bạn có thể hiển thị menu chính của đĩa bằng cách chọn View, DVD Features, Title Menu.
8. Để truy cập các nút điều khiển playback DVD đặc biệt của WMP (chẳng hạn như chuyển động chậm và tiến đến frame kế tiếp), chọn View, Now Playing Tools, DVD Controls.
9. WMP cho phép bạn lưu trữ và phân loại các file media kỹ thuật số trên máy tính của bạn cũng như các CD track và các file đã chọn trên Internet. Bạn sắp xếp các file của bạn trong Media Library; nhấp nút Media Library để hiển thị các file của bạn.
10. Để tạo một playlist được cá nhân hoá liệt kê các file hay track, hãy đi đến màn hình Media Library và nhấp nút New Playlist. Để thêm một file/track vào playlist của bạn, hãy chọn file/track trong Media Library, rồi sau đó nhấp nút Add to Playlist.

Chương 14

Mở và ghi audio MP3 và WMA

- *Giới thiệu Audio kỹ thuật số*
- *Tìm kiếm và tải các File Audio kỹ thuật số*
- *Sao chép (cắt) các CD Track sang PC*
- *Sao chép các Files Audio sang một CD*
- *Các bộ cắt và bộ sao chép khác*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Nghe nhạc và tải nhạc xuống từ Web là một điều thú vị. Thay vì mua một CD tại một cửa hiệu nhạc thì bạn có thể tải xuống nhạc mà bạn thích từ Internet. Sau khi nghe những bản nhạc ưa thích nhất của mình từ đĩa cứng, sao chép các bộ sưu tập CD, hoặc sao chép nhạc mà bạn muốn sang thiết bị video mà bạn muốn nghe.

Có một số chương trình media player/recorder có thể xử lý tất cả các tác vụ này cho bạn. Windows Media Player (WMP) là một trong số những chương trình đó. Và bởi vì nó được đính kèm miễn phí với Windows XP, thì tại sao chúng ta lại không sử dụng nó?

Chương 13 đã trình bày những hoạt động cơ bản của WMP. Chương này đặc biệt sẽ trình bày cho bạn cách sử dụng WMP để tải xuống lưu trữ và sao chép các file audio kỹ thuật số.

Một trong những tính năng mới của phiên bản Windows XP của WMP là khả năng ghi lại các file audio MP3. WMP có thể phát lại các file MP3 nhưng đây là player Microsoft đầu tiên có thể ghi lại các file MP3 - miễn là bạn có bộ MP3 Creation Pack. Phần mềm này bổ sung những tính năng mã hoá MP3 và WMP. Nếu không có bộ MP3 Creation Pack, WMP sẽ chỉ mã hoá các file có dạng WMA.

Giới thiệu Audio kỹ thuật số

Sự ra đời của audio kỹ thuật số cho phép bất kỳ người nào có một máy tính cá nhân có thể sao chép các bản nhạc từ các đĩa mềm và lưu trữ những bản sao này trên đĩa cứng của máy tính. Audio kỹ thuật số cũng cho phép bất kỳ người dùng PC có một nối kết Internet có thể trao đổi các bản nhạc với những người dùng khác và tại xuống các bản sao của những bản nhạc mà những người dùng khác đã tạo. Ngoài ra, audio kỹ thuật số cho phép những người dùng tải xuống các bản nhạc ưa thích của họ sang các thiết bị audio xách tay và nghe chúng.

Chương vừa rồi đã giải thích ghi nhạc và phim bằng kỹ thuật số ngày nay. Có nhiều cách khác nhau để tạo một bản ghi bằng kỹ thuật số, điều này tạo ra nhiều dạng file khác nhau cho audio kỹ thuật số.

Trong tất cả dạng file có sẵn, dạng file phổ biến nhất là dạng MP3. Đó là do MP3 là dạng đầu tiên được sử dụng rộng rãi để kết hợp âm thanh chất lượng tốt với các file tương đối nhỏ.

Nhưng MP3 không phải là file audio kỹ thuật số duy nhất đã được sử dụng ngày nay. Microsoft đang đề nghị sử dụng dạng Windows Media Audio (WMA), dạng này mang lại chất lượng tương tự như MP3 bằng một phần hai kích cỡ ban đầu.

Cả hai dạng MP3 và WMA này sẽ được thảo luận trong các phần tiếp theo

Mp3 Audio

PM3 là một dạng file audio kỹ thuật số nén nhạc để vừa với file máy tính có kích cỡ hợp lý trong khi duy trì âm thanh có chất lượng gần giống CD. Một bản nhạc chỉ trong 3 phút có dạng MP3 sẽ chiếm khoảng 3MB của đĩa.

Dạng MP3 là một phần mở rộng của công nghệ Motion Picture Experts Group (MPEG) Layer 3 (phần mở rộng file MP3 là phần được viết tắt của MPEG Layer 3). MP3 và các dạng MPEG khác lưu trữ nhạc kỹ thuật số, và trong tiến trình nén dữ liệu để chiếm khoảng trống ít hơn khoảng trống ban đầu mà nó đã sử dụng. Phương pháp nén dữ liệu của MP3 giảm các file âm thanh kỹ thuật số theo tỉ lệ 12:1.

Ngoài việc nén dữ liệu trong một file audio, MP3 cho phép bạn chọn tốc độ lấy mẫu nhạc gốc. Tốc độ lấy mẫu càng thấp thì kích cỡ file càng nhỏ và chất lượng âm thanh càng kém.

Như một ví dụ, một đĩa nén bình thường lấy mẫu nhạc với tốc 44.1kHz. Nói cách khác, nhạc được lấy mẫu bằng kỹ thuật số 44.100 lần mỗi giây. Mỗi mẫu dài 16 bit. Khi bạn nhân tốc độ lấy mẫu với với kích cỡ mẫu và số kênh (hai kênh cho stereo) kết quả bạn sẽ có một tốc độ bit. Đối với các CD, bạn nhân 44.100 x 16 x 2, và kết quả là 1.400.000 bit trên giây (1.400kbps).

Khoảng trống mà những bit này chiếm có thể tăng nhanh chóng. Nếu bạn nghe một bản nhạc chỉ trong 3 phút được ghi lại với tốc độ 44.1kHz, kết quả bạn sử dụng 32MB của khoảng trống đĩa. Trong khi bản nhạc đó có thể dễ dàng nằm trên một CD 650MB, nhưng vì nó quá lớn không thể tải xuống trên một nối kết Internet quay số có tốc độ 56.6Kbps.

Sức hấp dẫn của định dạng MP3 là ở chỗ nó kết hợp phương pháp nén với phương pháp lấy mẫu tốc độ bit thấp hơn. Bằng cách ghi lại với các tốc độ bít thấp hơn, bạn sẽ có được các file nhỏ và tải xuống nhanh hơn.

Ví dụ, nếu bạn chọn mã hoá một file MP3 với tốc độ bit 128kbps, bản nhạc 32MB tương tự chỉ trong 3 phút sẽ nén xuống thành một bản nhạc 3MB. File này đủ nhỏ để tải xuống một cách dễ dàng nối kết quay số.

Dĩ nhiên sự cố đối với việc nén các file theo mức độ này là chất lượng âm

thanh giảm đi. Tốc độ bit càng thấp, âm thanh càng kém. Tốc độ bit càng cao file càng lớn.

Khi bạn ghi một file MP3, bạn nên sử dụng tốc độ bit nào? Bảng 14.1 trình bày một số tốc độ bit phổ biến nhất và mô tả chất lượng âm thanh của mỗi tốc độ bit.

Bảng 14.1. Các tốc độ bit MP3

Tốc độ bit	Chất lượng âm thanh
56Kbps	Thích hợp để chỉ ghi giọng nói. Âm thanh được nén rất nhiều, tương tự như radio AM.
64Kbps	Không khác biệt so với 56Kbps. Vẫn được nén rất nhiều, không thích hợp cho nhạc.
96Kbps	Tương thích với radio FM có chất lượng kém nhất. Âm thanh được nén nhiều, thiếu toàn bộ dải động.
112Kbps	Được cải tiến đáng kể hơn 96Kbps
128Kbps	Âm thanh được nén ít. Tương tự như radio MP bình thường, nhưng có chất lượng không bằng CD. Có thể đây là tốc độ bit phổ biến nhất để mã hoá.
160Kbps	Âm thanh hơi dịu hơn và được nén nhiều hơn so với âm thanh gốc
192Kbps	Âm thanh tương tự như âm thanh gốc, nhưng có dải động hơi giới hạn.
256Kbps	Chất lượng gần giống chất lượng của âm thanh gốc nhưng vẫn có âm thanh bị nén ít.
320Kbps	Có chất lượng gần giống CD. Đây là tốc độ bit cao nhất có thể có với tiêu chuẩn MP3 hiện hành.

Nếu bạn mã hoá các MP3 để sử dụng trên máy tính của bạn hoặc với thiết bị MP3 xách tay, tốc độ 128Kbps có thể mang lại chất lượng đủ tốt. Nếu bạn mã hoá các file MP3 để mở lại trên một hệ thống audio có độ trung thực cao, có thể bạn sẽ muốn sử dụng tốc độ bít 256Kbps mặc dù tốc độ 192Kbps vừa đủ.

Windows Media Player cơ bản đi kèm với Windows XP sẽ mở lại các file MP3 (có bất kỳ tốc độ bit được ghi), nhưng sẽ không ghi lại các file MP3.

Nếu bạn muốn ghi lại các file MP3 bằng WMP, bạn có một trình tiện ích phần mềm bổ sung được gọi là MP3 Creation Pack. Để phần mềm bổ sung này có sẵn trong 3 phiên bản khác nhau, mỗi phiên bản một bộ mã hoá MP3 khác nhau. 3 phiên bản này đã được CyberLink, InterVideo, và Ravisent tung ra thị trường.

Khi bạn cài đặt một bộ chương trình MP3 Creation Pack, bạn nhận thấy rằng hộp thoại Options của WMP (được thảo luận ở phần sau) bây giờ cho phép bạn chọn giữa tính năng ghi lại dạng WMA và dạng MP3. (nếu không có Creation Pack, bạn chỉ cần có tùy chọn WMA). Sau đó bạn có thể chọn trong số các tốc độ bit khác nhau và sử dụng WMP như bạn thường thực hiện để cắt các file MP3 sang đĩa cứng.

Windows Media Audio

WMA cung cấp tính năng bảo vệ bản quyền tốt hơn so với dạng MP3, vốn là một vấn đề lớn đối với ngành âm nhạc. Không giống như các file MP3, bạn có thể bảo vệ các file MP3 tránh khỏi sự phân phối, sao chép và chia sẻ bất hợp pháp. Điều này có nghĩa bạn không còn có thể tải xuống các bản nhạc ưa thích của bạn - không còn miễn phí.

Cách mà sự bảo vệ bản sao MP3 hoạt động là mỗi CD khác mà bạn sao chép đều phải có đăng ký. Về mặt lý thuyết, giấy đăng ký này sẽ ngăn cản những người khác khỏi ăn cắp hay sao chép nội dung.

Khi bạn sử dụng Windows Media Player để sao chép nội dung được bảo vệ từ máy tính của bạn sang một CD hay một thiết bị xách tay, giấy đăng ký được sao chép cùng với bản nhạc. Khi bạn cố mở bản nhạc được bảo vệ bằng bản sao trên một thiết bị khác, nó sẽ không mở.

Khi bạn thực hiện việc ghi WMA, bạn có một lựa chọn tương tự về tốc độ bit mà bạn thực hiện đối với các file WMA. Tốc độ bit càng cao chất lượng âm thanh càng cao và kích cỡ file càng lớn. Tốc độ bit càng thấp, chất lượng âm thanh càng thấp và khoảng trống đĩa cần thiết sẽ càng giảm đi.

Một số trong những điều này liên quan đế sự thực là các file WMA có thể được mã hoá với các tốc độ bit thấp hơn các file MP3 có chất lượng âm thanh tương đương.Bảng 14.2 So sánh chất lượng tốc độ bit giữa hai dạng

Bảng 14.2 So sánh chất lượng tốc độ bit giữa dạng Audio WMA và MP3

Tốc độ bit MP3	Tốc độ bit WMA tương đương	Chất lượng âm thanh
64Kbps	48Kbps	Thích hợp chỉ cho giọng nói
128Kbps	96Kbps	Tương tự như radio FM
192Kbps	128Kbps	Tương tự như âm thanh gốc
320Kbps	192Kbps	Chất lượng gần giống CD

Tương tự với dạng MP3, bạn thực sự nhận ra sự khác biệt giữa các tốc độ bit WMA. Một bảng ghi 48Kbps có âm thanh giống như radio AM, trong khi một bảng ghi 192Kbps có chất lượng gần giống CD.

MP3 với WMA: Dạng nào tốt nhất?

Microsoft muốn bạn nghĩ rằng WMA là dạng tốt hơn MP3 bởi vì nó mang lại chất lượng tương tự nhưng với kích cỡ file chỉ bằng nữa kích cỡ ban đầu. Sự khác biệt lớn là WMA có sự bảo vệ bản sao nhưng MP3 thì không.

Thực tế bạn có thể sử dụng dạng MP3 khi bạn thực hiện việc ghi chép. Nó là dạng được hỗ trợ bởi tất cả thiết bị audio xách tay mới nhất. Tuy nhiên, các bản nhạc mà bạn tải xuống có sẵn theo bất kỳ dạng mà chúng có - dạng MP3, WMA hay một dạng mới hơn, tốt hơn. Bởi vì Media Player có thể mở cả hai dạng này, chúng đều cần thiết cho nhu cầu thưởng thức âm thanh kỹ thuật số của mọi người.

Tìm kiếm và tải xuống các file audio kỹ thuật số

Với tất cả file MP3 và WMA trên Internet, làm cách nào bạn tìm được những file mà bạn muốn và đưa chúng vào máy tính của bạn?

Để tải xuống một file audio PC của bạn, bạn phải nối kết Internet và thực hiện những bước sau đây:

1. Sử dụng Internet Explorer để định hướng sang một site lưu trữ audio kỹ thuật số.
2. Tìm kiếm site để tìm ra bản nhạc mà bạn muốn tải xuống, rồi sau đó nhấp liên kết "down load now".
3. Xác định vị trí trên đĩa cứng để lưu trữ file đã tải xuống vào đó, sau đó nhấp nút Save.

Trên một nối kết 56.6Kbps chuẩn, việc tải xuống một bản nhạc dạng MP3 điển hình sẽ mất khoảng 10-15 phút. File tương tự này sẽ chỉ mất 1 phút hay 2 phút để tải xuống qua một nối kết dải rộng.

Thủ thuật

Một khi bạn đã tải xuống một bản nhạc, bạn sẽ muốn thêm nó vào WMP Media Library, và có thể thêm nó vào một playlist tùy ý. Hãy thực hiện theo các hướng dẫn ở chương 13 để thực hiện những tác vụ này.

Có hàng trăm Web site dành cho việc tải xuống các file audio. Hầu hết những site này trình bài các file theo dạng MP3.

Những site nhạc kỹ thuật số thường cho phép bạn tìm kiếm theo artist (nghệ sĩ) hay tựa đề bản nhạc (song title), và một số file nhạc cho phép bạn tìm kiếm hoặc trình duyệt theo thể loại. Đa số những site này lưu trữ các bản sao của các file trên server riêng của chúng, tuy nhiên, một số site tìm kiếm các site khác trên Web để tìm ra bản nhạc mà bạn đang tìm kiếm.

Sau đây là những site nhạc kỹ thuật số những site nhạc tốt nhất:

- **AMPCATS.COM** (www.ampcast.com)
- **ARTIST direct** (www.artistdirect.com)
- **Audiofind** (www.audiofind.com)
- **EMusic** (www.emusic.com)
- **GetMusic** (www.getmusic.com)
- **Liquid.com** (www.liquid.com)
- **Listen.com** (www.listen.com)
- **Lycos MP3 Search** (music.lycos.com)
- **MP3.com** (www.mp3.com)
- **MTV.com** (www.mtv.com)
- **MusicNet** (www.musicnet.com)

- **Musicseek** (www.musicseek.com)
- **passport** (www.passport.com)
- **sonicnet.com** (www.sonicnet.com)
- **Tunes.com** (www.tunes.com)

Thủ thuật

Nếu bạn tìm kiếm thông tin chung về việc mở và ghi lại các file MP3, hãy xem MP3 (www.mp3.com), và askMP3 portal (www.mpeg.org/MPEG/mp3.html), đây là một phần của Web site MPEG.ORG.

Ngoài những nơi lưu trữ nhạc kỹ thuật số này, cũng có các site và phần mềm cho phép bạn hoán đổi các file audio kỹ thuật số với những người dùng khác. Những dịch vụ hoán đổi file này chẳng hạn như Napster sẽ giúp bạn tìm những người dùng khác có các bản nhạc mà bạn muốn. Sau đó bạn nối kết trực tiếp với máy tính của người dùng nó và sao chép file mà bạn muốn từ máy tính nó sang máy tính của bạn.

Sau đây là những dịch vụ chia sẻ file trong số những dịch vụ chia sẻ file phổ biến nhất

- **AIMster** (www.aimster.com)
- **Audio Galaxy Satellite** (www.audiogalaxy.com/satellite)
- **BearShare** (www.bearshare.com)
- **Gnutella** (gnutella.wego.com)
- **iMesh** (www.imesh.com)
- **KaZaA Media Desktop** (www.kazaa.com)
- **MusicCity Morpheus** (www.musiccity.com)
- **Napster** (www.napster.com)

Sao chép (cắt) các CD Track sang PC

Bước kế tiếp trong cuộc cách mạng audio kỹ thuật số là học cách sao chép các rack từ các CD ưa thích nhất của bạn sang đĩa cứng. Nếu bạn có một đĩa cứng đủ ớn, bạn có thể lưu trữ toàn bộ một thư viện các CD hay các track riêng lẻ - và sau đó chọn từ thư viện này để sao chép các CD riêng của bạn.

Tiến trình sao chép các file từ một CD sang đĩa cứng theo dạng MP3 hay WMA này được gọi là tiến trình "cắt". Windows Media Player giúp bạn dễ dàng cắt các bản nhạc ưa thích nhất của bạn.

Xác lập dạng và chất lượng

Trước khi bạn bắt đầu sao chép, đầu tiên bạn cho WMP biết dạng nào mà bạn muốn sử dụng cho các file đã cắt - MP3 hay WMA (Hãy nhớ rằng tùy chọn MP3 sẽ chỉ xuất hiện nếu bạn đã cài đặt MP3 Creation Pack). Bạn cũng phải chọn nút chất lượng để ghi.

Sau đây là cách xác lập dạng và chất lượng:

1. Từ bên trong Windows Media Player, chọn Tools, Options.
2. Khi hộp thoại Options xuất hiện, chọn tab Copy Music, xem hình 14.1

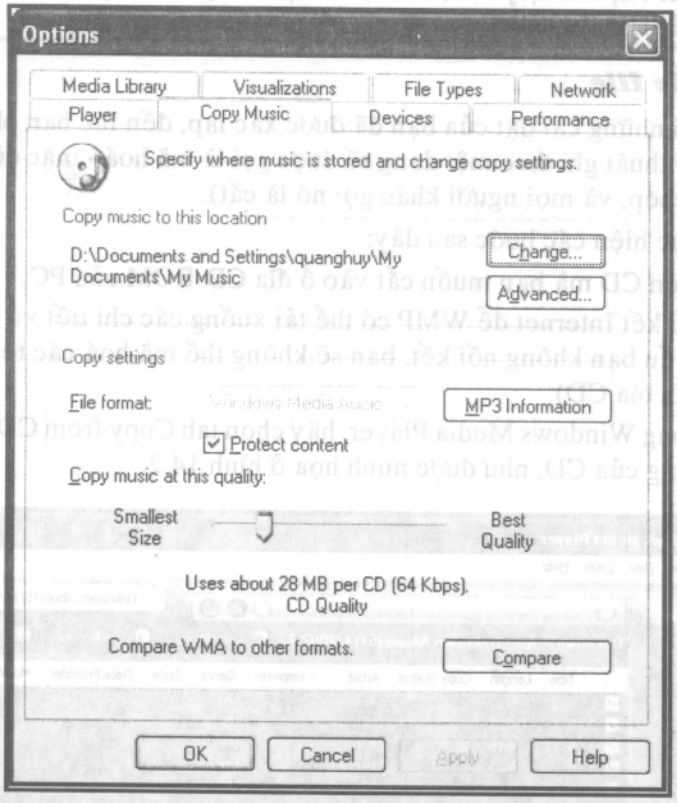

Hình 14.1. Trước khi sao chép một file, hãy chọn dạng và chất lượng nào mà bạn muốn sử dụng.

3. Trong Copy Settings, mở danh sách xổ xuống File Format và chọn Windows Media Audio hay MP3 (nếu bạn không cài đặt MP3 Creation Pack, bạn sẽ không có tùy chọn này ở đây - tùy chọn duy nhất sẽ là Windows Media Audio).
4. Nếu bạn không có lý do cụ thể để muốn bảo vệ bằng bản sao các file mà bạn cắt, hãy hủy chọn Protect Content. (Tùy chọn này chỉ có sẵn với các file Windows Media).
5. Sử dụng thanh trượt Copy Music At This Quality để cài đặt tốc độ bit cho các file được cắt của bạn. Di chuyển thanh trượt sang trái để có được các file nhỏ hơn và đạt được chất lượng âm thanh kém hơn. Di chuyển thanh trượt sang phải để có được các file lớn hơn và đạt được chất lượng âm thanh.
6. Nhấp OK khi đã thực hiện xong.

Thủ thuật

Khi bạn sao chép theo dạng WMA, mức độ 96 hay 128Kbps sẽ là một sự hòa hợp giữa kích cỡ file và chất lượng âm thanh.

Cắt các file

Một khi những cài đặt của bạn đã được xác lập, đến lúc bạn phải bắt đầu ghi (về mặt kỹ thuật ghi theo một dạng số được gọi là mã hoá - mặc dù Microsoft gọi nó là sao chép, và mọi người khác gọi nó là cắt).

Hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Chèn CD mà bạn muốn cắt vào ổ đĩa CD-ROM của PC.
2. Nối kết Internet để WMP có thể tải xuống các chi tiết về album và track (Nếu bạn không nối kết, bạn sẽ không thể mã hoá các tên track hay các ảnh bìa CD).
3. Trong Windows Media Player, hãy chọn tab Copy from CD để hiển thị nội dung của CD, như được minh họa ở hình 14.2.

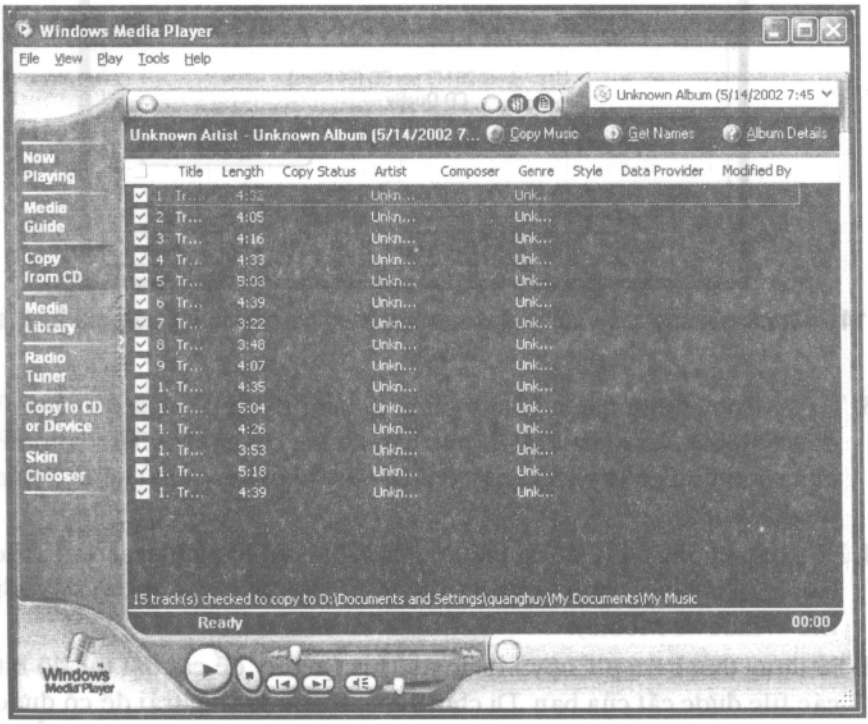

Hình 14.2. Sẵn sàng sao chép các track đã chọn của album - chỉ việc nhấp nút Copy Music.

4. Đặt một dấu kiểm bên cạnh các track mà bạn muốn sao chép.
5. Nhấp nút Copy Music.

WMP bắt đầu sao chép các track mà bạn đã chọn theo dạng mà bạn chọn và với mức chất lượng mà bạn đã chọn.

Nếu bạn không xác định trong hộp thoại Options, các track được ghi vào folder My Music và một folder con dành cho artist và bên trong folder con đó là một folder con khác dành cho CD riêng biệt này. Như bạn có thể thấy ở hình 14.3, folder dành cho album hiển thị ảnh bìa của CD.

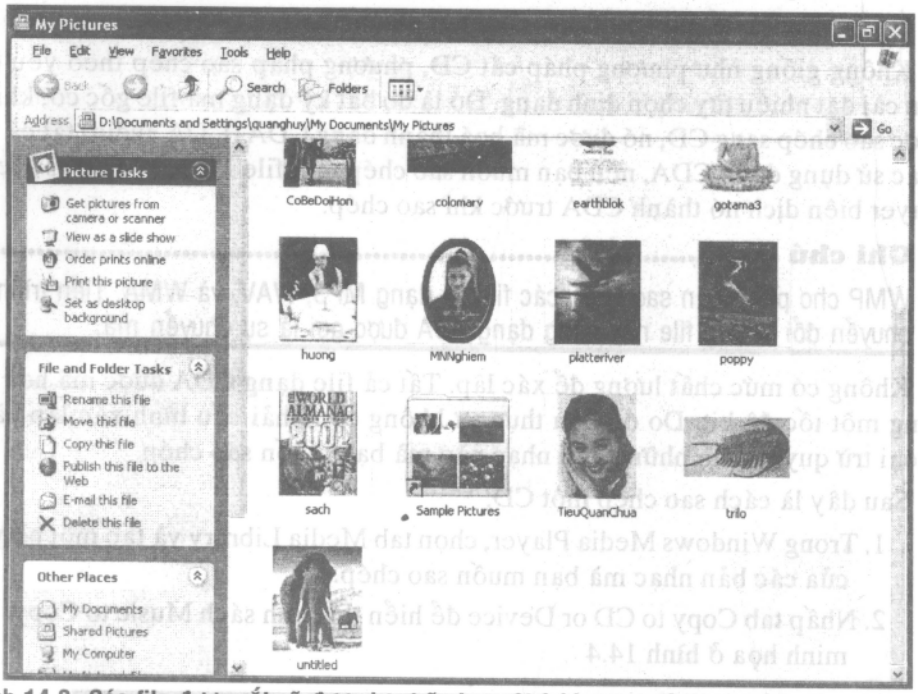

Hình 14.3. Các file được cắt sẽ được lưu trữ cho một folder con dành cho CD riêng biệt đó.

Sao chép các file Audio sang một CD

Nếu bạn có thể sao chép các bản nhạc từ một CD sang đĩa cứng, điều gì sẽ ngăn cản bạn khỏi đi theo hướng khác - theo hướng các file từ đĩa cứng của bạn sang một CD recordable/rewritable?

Giả sử các bản nhạc không được bảo vệ bằng bản sao.

Khi tiến trình ghi các CD riêng của bạn được gọi là sao chép một CD. Phiên bản Windows XP của Windows Media Player giúp bạn dễ dàng sao chép các CD nhạc của bạn.

Hầu như bạn có thể sao chép bất kỳ file audio từ đĩa cứng sang một CD rỗng. Bạn có thể sao chép các bản nhạc mà bạn đã cắt từ các CD khác cũng như các file MP3 hay WMA mà bạn đã tải xuống hoặc hoán đổi Internet. Miễn là các file nằm trên đĩa cứng của bạn, chúng có thể được sao chép.

Để sao chép một CD, bạn cần một ổ đĩa CD-R hay CD-RW trong PC. Nhiều PC mới đi kèm với một ổ đĩa CD-R/RW chuẩn.

WMP cho phép bạn sao chép các CD sang dạng CD-R (recordable) hay CD-RW (rewritable). Các CD-R có thể chỉ được ghi một lần nhưng có thể chơi trên bất kỳ thiết bị CD nào. Các CD-RW có thể được sao chép nhiều lần nhưng chỉ có thể được mở trong các CD-RW ổ đĩa tương thích - các đĩa CD-RW thường không mở trong các thiết bị CD bình thường. (Điều này có nghĩa rằng bạn có thể muốn ghi theo dạng CD-R).

Cách dễ nhất để ghi là ghi toàn bộ một playlist.

Không giống như phương pháp cắt CD, phương pháp sao chép theo yêu cầu bạn cài đặt nhiều tùy chọn định dạng. Đó là do bất kỳ dạng mà file gốc có, khi nó được sao chép sang CD, nó được mã hoá thành dạng CDA (CDA audio) tất cả CD nhạc sử dụng dạng CDA, nếu bạn muốn sao chép một file MP3, Windows Media Player biên dịch nó thành CDA trước khi sao chép.

Ghi chú

WMP cho phép bạn sao chép các file có dạng MP3, WAV, và WMA. Tiến trình chuyển đổi những file này sang dạng CDA được gọi là sự chuyển mã.

Không có mức chất lượng để xác lập. Tất cả file dạng CDA được mã hoá với cùng một tốc độ bit. Do đó bạn thực sự không cần phải cấu hình xác lập nào - ngoại trừ quyết định những bản nhạc nào mà bạn muốn sao chép.

Sau đây là cách sao chép một CD:

1. Trong Windows Media Player, chọn tab Media Library và tạo một playlist của các bản nhạc mà bạn muốn sao chép.
2. Nhấp tab Copy to CD or Device để hiển thị danh sách Music to Copy, như minh họa ở hình 14.4

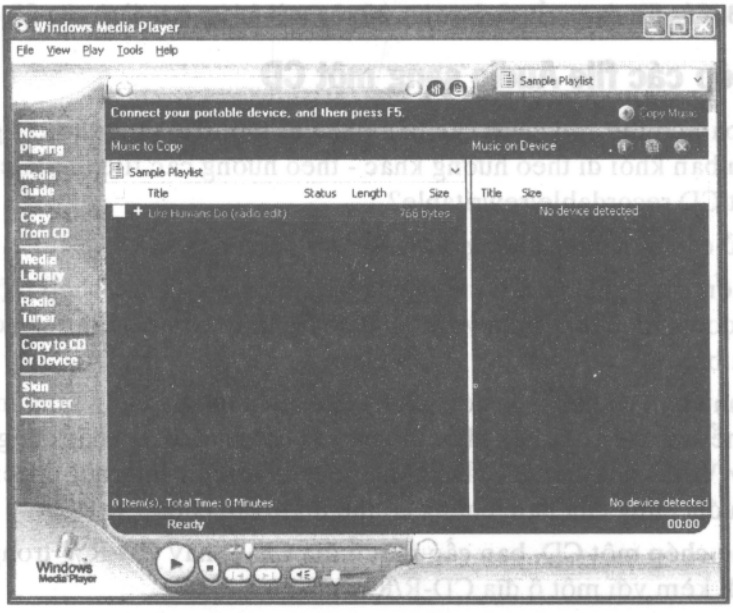

Hình 14.4. Sao chép một CD có các file từ đĩa cứng

3. Nhấp phần Music to Copy để hiển thị tất cả playlist, sau đó chọn playlist hay album mà bạn muốn sao chép.
4. Chèn một CD rỗng vào ổ đĩa CD-R/RW.
5. Chọn ổ đĩa CD-R/RW từ danh sách Music On Device của WMP.
6. Nhấp nút Copy Music.
7. Bây giờ WMP kiểm tra các file mà bạn muốn sao chép, chuyển đổi chúng sang dạng CDA và sao chép chúng sang CD của bạn.
8. Khi toàn bộ tiến trình hoàn tất, WMP hiển thị một thông báo Closing Disk dành cho bản nhạc sau cùng trên playlist của bạn. Tiến trình sao chép sẽ không hoàn chỉnh đến thông báo này.

Cảnh báo

Nếu bạn cố sao chép quá nhiều nhạc sang CD, WMP sẽ hiển thị một thông báo "May Not Fit" trong cột Status của các bản nhạc. WMP sẽ cố sắp xếp những bản nhạc này nằm vừa trên CD nhưng có thể không còn chỗ dành cho chúng.

Ghi chú

Bạn sử dụng một tiến trình tương tự để sao chép các bản nhạc sang các thiết bị audio xách tay. Chỉ việc nối kết thiết bị xách tay của bạn, chọn các bản nhạc playlist mà bạn muốn sao chép, chọn thiết bị từ danh sách Music On Device, và sau đó nhấp nút Copy Music.

Các bộ cắt và bộ sao chép

Trong khi các WMP tuyệt hảo đối với việc ghi các file dạng WMA, nhưng nó không cắt nó để ghi các file MP3. Để cắt các file MP3 từ CD, bạn sẽ cần một bộ mã hoá cho phép bạn ghi lại bằng cách sử dụng toàn bộ tốc độ bit có sẵn, mà không cần phải mua một chương trình phụ đắt tiền.

Nếu bạn quan tâm về việc mã hoá các file MP3, hãy xem một danh sách sau đây liệt kê một số phần mềm cắt MP3 phổ biến:

- **AltoMP3 Maker** (www.yuansoft.com)
- **AudioCatalyst** (www.xingtech.com)
- **Grace Amp** (www.graceamp.musicdot.com)
- **Magix MP3 Maker** (www.magix.net)
- **MusicMatch Jukebox** (www.musicmaych.com)
- **Realjukebok** (www.real.com/jukebox/)
- **RioProt Audio Manager** (www.rioport.com/software)
- **SuperSonic** (www.gosupersonic.com)

MusicMatch jukebox là hai chương trình mã hoá MP3 rất đa năng.

Khi bàn về việc sao chép các file audio sang CD thì WMP thực hiện công việc này rất tốt. Đây là một danh sách phần mềm sao chép audio CD phổ biến:

- **Easy CD Creator** (www.roxio.com)

- **Nero** (www.ahead.de)
- **SIREN Jukebox** (www.sonicfoundry.com/products/)

10 thủ thuật quan trọng nhất

Trên Internet có vô số nhạc. Nhiều nhạc có sẵn miễn phí. Một số thì buộc bạn trả phí mới có thể thưởng thức nhạc. Ở một trong hai trường hợp, bạn có thể sử dụng Windows Media Player để quản lý và mở các file được cắt và được tải xuống và để sao chép những file đó sang CD. Hãy nhớ 10 điểm chính sau đây:

1. MP3 là dạng audio kỹ thuật số phổ biến nhất ngày nay.
2. Windows Media Audio (WMA) của Microsoft cạnh tranh với MP3 , thứ hạng mang lại kích cỡ file nhỏ hơn và khả năng bảo vệ bằng bản sao tốt hơn với cùng một mức chất lượng âm thanh.
3. Khi bạn sao chép một bản nhạc từ CD sang đĩa cứng, tiến trình này được gọi là cắt CD. Khi bạn sao chép một bản nhạc từ đĩa cứng sang CD, tiến trình này được gọi là sao chép CD.
4. Đối với hầu hết những người dùng, MP3 là dạng cần lựa chọn để cắt các bản nhạc được từ CD. Khi tải xuống nhạc từ Internet, có thể bạn muốn tìm các file có dạng MP3 và WMA.
5. Tốc độ bit mà bạn chọn để ghi một file MP3 hay WMA sẽ quyết định sự cân bằng giữa chất lượng file và chất lượng âm thanh.
6. Nếu bạn chỉ ghi giọng nói, hãy sử dụng tốc độ bit 64Kbps của MP3 hay tốc độ 48Kbps của WMA. Nếu bạn muốn phát lại nhạc có chất lượng FM, hãy sử dụng tốc độ bit 128Kbps hay tốc độ 96Kbps của WMA. Nếu bạn muốn chất lượng gần giống CD, hãy sử dụng tốc độ 256Kbps của MP3 hay tốc độ 192Kbps của WMA.
7. Bạn có thể tìm thấy tất cả loại bản nhạc tại các site nhạc kỹ thuật số Internet, chẳng hạn như MP3.com. Bạn cũng có thể hoán đổi các file audio một cách trực tiếp với những người dùng khác thông qua một dịch vụ trao đổi file chẳng hạn như Napster hay Gnutella.
8. Windows Media Player chuẩn chỉ có tính năng cắt các file dạng WMA. Nếu bạn muốn cắt các file MP3 bằng WMP, bạn sẽ cần cài đặt bộ chương trình phụ MP3 Creation Pack.
9. Nếu bạn quan tâm việc ghi các file MP3, bạn sẽ muốn sử dụng một player không phải Windows Media Player, chẳng hạn như MusicMatch jukebox. Nếu bạn quan tâm đến việc sao chép các file audio sang CD, hãy kiểm tra SIREN jukebox (trước đây được gọi là Architect).
10. Khi bạn sao chép các file sang CD, file MP3 WAV, hoặc WMA được tự động biên dịch thành dạng CDA chuẩn để mở lại trên CD.

Chương 15

Mở và hiệu chỉnh phim kỹ thuật số

- *Giới thiệu Windows Movie Maker*
- *Tập hợp nội dung nguồn*
- *Hiệu chỉnh Video*
- *Lưu phim*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Chương này giới thiệu những tính năng hiệu chỉnh video đã được cài sẵn vào Windows XP. Trình tiện ích Windows Movie Maker được giới thiệu đầu tiên trong Windows Me là một chương trình hiệu chỉnh Windows dễ sử dụng. Tất cả những gì bạn phải thực hiện là nối camcorder (máy quay video) hay VCR với PC của bạn, sau đó bạn sẵn sàng hiệu chỉnh các phim gia đình của mình trên máy tính cá nhân của bạn bằng phương pháp kỹ thuật số.

Giới thiệu Windows Movie Maker

Windows Movie Maker thật sự không phải là một phần của hệ điều hành, nó là một trình tiện ích đi kèm với hệ điều hành, giống như Microsoft Calculator hay Microsoft Paint đã luôn được đính kèm với Windows.

Tìm hiểu giao diện

Bạn khởi động Windows Movie Maker bằng cách nhấp nút Start và sau đó chọn All Programs, Accessories Windows Movie Maker. Như bạn có thể thấy ở hình 15.1 cửa sổ Movie Maker được chia thành bốn phần chính:

- **Collections**-Danh sách Collections hiển thị tất cả audio, video và các ảnh tĩnh được đưa vào đề án hiện hành của bạn.
- **Clips**-Vùng này hiển thị các video clip riêng lẻ trong đề án của bạn.
- **Workspace**-Vùng này nằm ở đáy cửa sổ, hiển thị các cảnh chính và được dùng để hiểu chỉnh phim. Workspace có thể được xem trong khung xem Storyboard hay Timeline.
- **Monitor**-Cửa sổ này dùng để xem trước khi bạn hiệu chỉnh nó.

Những thành phần cần thiết

Windows Movie Maker có những yêu cầu thiết bị chặt chẽ hơn Windows XP. Bộ xử lý của bạn càng nhanh thì bạn cài đặt càng nhiều bộ nhớ và đĩa cứng càng

lớn, bạn càng dễ dàng sử dụng Movie Maker để hiệu chỉnh các phim gia đình của bạn hơn.

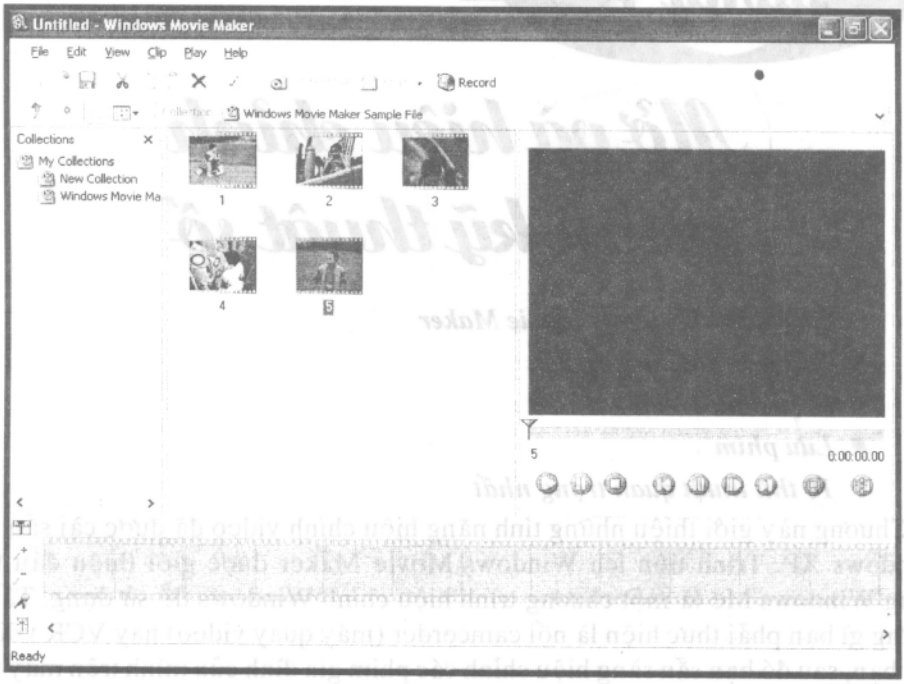

Hình 15.1 Windows Movie Maker-tất cả nhu cầu hiệu chỉnh phim của bạn đều nằm trong một chương trình dễ sử dụng.

Sau đây là những yêu cầu hệ thống tối thiểu mà Microsoft ấn định:

- Máy Pentium II có tốc độ 300MHz hoặc bộ xử lý tương đương.
- 64MB RAM.
- 2GB khoảng trống đĩa cứng chưa sử dụng
- Thiết bị bắt giữa Audio (microphone).
- Thiết bị bắt giữa Video (board bắt giữ video từ tương đồng sang kỹ thuật số).
- Nối kết Internet và một chương trình e-mail (không cần thiết, nhưng được đề nghị để gởi các file phim trên Internet).

Một vấn đề chính cần xem xét là loại camcorder hay VCR mà bạn có vì điều này quyết định cách mà nội dung nguồn của bạn (phim được ghi băng) được đưa vào PC của bạn.

Nếu bạn có một thiết bị ghi không phải kỹ thuật số cũ hơn, bạn sẽ cần lắp đặt một card thu video từ tương đồng sang kỹ thuật số trong PC của bạn. Bạn sẽ cắm thiết bị ghi vào các ổ cắm trong card này. Nó sẽ biến đổi các tín hiệu tương đồng từ thiết bị ghi thành audio và video kỹ thuật số mà máy tính có thể hiểu được. Bạn sẽ cần lắp đặt board này nếu thiết bị board của bạn có một trong các dạng sau

đây: VHS, VHS-C, SVHS, 8mm hay Hi8..

Nếu bạn có một trong những thiết bị ghi kỹ thuật số (DV) mới nhất, bạn không cần một card thu video. Những gì bạn cần là một giao diện IE 1394 FireWire. Loại nối kết này đủ nhanh để xử lý dòng dữ liệu kỹ thuật số lớn chuyển từ thiết bị ghi DV vào PC. Bạn sẽ cần một nối kết Firewire nếu thiết bị ghi của bạn có dạng Digital8 hay MiniDV.

Tìm hiểu các kiểu File

Khi bạn bắt đầu hiệu chỉnh phim, bạn sẽ nhận thấy rằng Windows Movie Maker sử dụng ba kiểu file khác nhau. Những kiểu file này là:

- **File Project**-Đây là kiểu file "thùng chứa" với phần mở rộng file.MSWMM. File project chứa tất cả clip và thông tin sử dụng trong việc hiệu chỉnh dự án (project) hiện hành. Nó không chứa bản thân phim-file đó phải được tạo sau khi bạn đã thực hiện việc hiệu chỉnh trong file dự án.
- **File Movie**-Khi bạn thực hiện thao tác cắt dán và chèn, bạn tập hợp tất cả phần lại với nhau và lưu chúng dưới dạng một file Movie đã hoàn chỉnh. Các phim được tạo theo dạng Windows Media Video với phần mở rộng .WMV.
- **File Collections**-Đây là một file cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin về các bộ sưu tập và các clip của bạn. Nó không chứa bản thân các clip mà chỉ phục vụ là một pointer chỉ đến các phần đó. File này có một phần mở rộng .COL.

Tập hợp nội dung nguồn

Trước khi bạn có thể hiệu chỉnh phim, bạn phải có một thứ nào đó để hiệu chỉnh. Điều này có nghĩa là nhập bất cứ video và audio nào mà bạn muốn đưa vào phim đã hoàn chỉnh.

Đối với hầu hết các phim, nội dung nguồn chính của bạn là các băng video gốc. Bạn sẽ sử dụng Windows Movie Maker để ghi băng vì bạn mở nó lại trên VCR hay trên camcorder. Bạn có thể nhập nội dung từ nhiều băng video, trường hợp bạn muốn hiệu chỉnh nhiều băng ngắn hơn lại với nhau vào một phim dài hơn.

Nếu bạn muốn thêm nhạc nền hay lời tường thuật bằng giọng nói, đó là những thành phần khác mà bạn cần tập hợp. Ngoài ra, bất kỳ card tiêu đề mà bạn muốn đưa vào, được tạo (trong một chương trình hiệu chỉnh hình ảnh) sau đó được nhập vào Windows Movie Maker.

Mỗi hạng mục mà bạn kết hợp phải được đưa vào bộ sưu tập của bạn dành cho dự án này. Các phim mà bạn ghi sẽ được đưa vào dưới dạng các clip mà bạn có thể sắp xếp lại và xóa và xử lý để hiệu chỉnh đề án của bạn. (Bạn cũng có thể phân tách các clip lớn thành các clip nhỏ, phần này sẽ được đề cập sau).

Một khi bạn đã tập hợp tất cả những thành phần thì bạn có thể bắt đầu hiệu chỉnh.

Bắt đầu một dự án mới

Trước khi bạn nhập bất kỳ nội dung nguồn, bạn phải có một thứ nào đó để nhập nó vào. Thứ đó gọi là một đề án và bạn bắt đầu một đề án bằng cách chọn File, New, Project. Bạn có thể mở một đề án bằng cách chọn File, Open, project.

Ghi từ một Camcorder hay VCR

Nếu bạn có một camcorder hay VCR tương đồng, bạn phải nối nó với board thu video được lắp đặt trong PC. (Nếu PC của bạn không có một board thu video thì bạn cần phải mua một board). Nếu bạn có một DV camcorder hay VCR, bạn nối nó qua nối kết FireWire của PC.

Một khi bạn đã nối kết và mở camcorder hay VCR, hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Chọn File, Record.
2. Khi hộp thoại Record xuất hiện, (xem hình 15.2) hãy chắc chắn bạn đã ghi từ đúng thiết bị. Nếu không hãy nhấp Change Device và chọn thiết bị thích hợp,

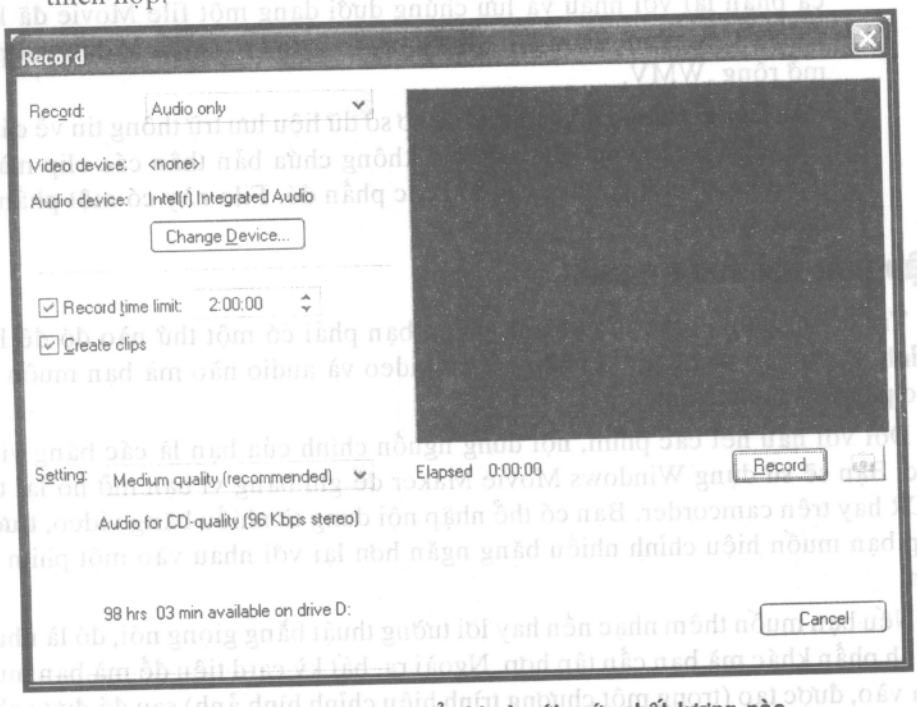

Hình 15.2 Chọn những gì để ghi và với mức chất lượng nào.

Ghi chú

Bạn cũng có thể sử dụng hộp thoại Record để ghi nội dung chỉ audio từ các microphoe và CD.

3. Chọn danh sách xổ xuống Record và chọn loại nội dung nguồn mà bạn muốn ghi.

4. Mở danh sách xổ xuống Setting rồi chọn mức chất lượng ghi mà bạn muốn Medium Quality thể hiện một sự cân bằng tốt giữa chất lượng audio/ video và kích cỡ file (chất lượng càng cao, các file phim sẽ càng lớn).
5. Nhấp các tùy chọn Record Time Limit và Create Clips. Khi bạn chọn tạo các clip, Movie Maker phân chia các video lớn thành các phần nhỏ hơn, có thể được quản lý (một clip mới được tạo mỗi lần toàn bộ một khung khác được phát hiện trong video nguồn để khi bạn chuyển đổi từ chế độ tạm dừng đến bắt đầu ghi.
6. Nhấp nút Record.
7. Nhấn nút Play trên VCR hay camcorder.
8. Tiến trình ghi sẽ tự động dừng lại sau 2 giờ hoặc khi bạn nhấp nút Stop.
9. Khi tiến trình ghi dừng lại, hộp thoại Save Windows Media File xuất hiện. Nhập một tên vào vị trí cho file này rồi nhấp Save.

Các clip mới mà bạn tạo bây giờ sẽ xuất hiện trong vùng clip của cửa sổ Movie Maker

Nhập các File khác

Trong khi hầu hết những dự án của bạn chủ yếu sẽ gồm có các phim được ghi từ băng video, nhưng bạn có thể đưa vào một số loại nội dung nguồn khác. Ví dụ, bạn có thể hiệu chỉnh trong các clip phim mà bạn tải xuống từ Internet hoặc các bản nhạc mà bạn cắt từ các CD ưa thích của bạn hay các title slide mà bạn tạo trong một chương trình hiệu chỉnh ảnh. Bảng 15.1 Có thể liệt kê tất cả kiểu file khác nhau có thể được nhập vào Windows Movie Maker.

Bảng 15.1 Các kiểu file có thể được chấp nhận để được vào Windows Movie Maker.

Loại file	Kiểu file
Video	ASF, AV1, M1V, MP2, MPA, MPE, MPEG, MPG, WMV
Audio	AIF, AIFC, AIFF, AU, MP3, SND, WAV, WMA
Các ảnh tĩnh	BMP, DIB, GIF, JFIF, JPE, JPEG, JPG

Có một vài điểm lạ thường mà bạn nên biết khi bạn nhập một số những file này vào Movie Maker. Sau đây là những điểm lạ thường đó.

- Khi bạn nhập một file, chính file này thật sự không di chuyển hoặc được sao chép. Thay vào đó, Movie Maker tạo một clip vốn chỉ vào file gốc. Điều này có nghĩa rằng nếu bạn di chuyển hay xóa file gốc Movie Maker sẽ không còn chỉ vào đúng vị trí.
- Khi bạn nhập một file video, Movie Maker sẽ phân chia nó thành nhiều clip dựa vào các chuyển tiếp cảnh. Do đó đừng bực mình khi bạn nhập một file đơn và thấy nhiều clip xuất hiện trong cửa sổ Movie Maker.
- Khi bạn nhập một ảnh tĩnh dài hơn chiều rộng của nó, nó sẽ được định kích cỡ lại hay được tạo khung để nằm vừa trong một màn hình truyền hình chuẩn có tỷ lệ 4:3.

Việc nhập một file là điều đơn giản. Hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Chọn bộ sưu tập mà bạn muốn nhập vào.
2. Chọn File, Import.
3. Khi hộp thoại Select File to Import xuất hiện, định hướng sang và chọn file mà bạn muốn nhập.
4. Nhấp nút Open.

File mà bạn đã nhập bây giờ sẽ xuất hiện dưới dạng một hay nhiều clip trong vùng clip của Movie Maker.

Hiệu chỉnh Video

Việc tạo phim của bạn được thực hiện trong vùng Workspace nằm ở đáy cửa sổ Movie Maker. Bạn tạo một phim bằng cách rê các clip vào Workspace. Bạn có thể chèn các clip theo bất kỳ thứ tự nào và nhiều lần nếu bạn muốn. Một khi các clip nằm trong Workspace, bạn có thể rê chúng theo một thứ tự khác. Đây là cách mà bạn hiệu chỉnh dòng Movie của bạn.

Theo mặc định, Workspace được hiển thị trong khung xem này dễ dàng nhất đối với việc xem cách mà tất cả clip được sắp xếp lại với nhau.

Khi bạn đưa dòng Movie cơ bản vào đúng vị trí, bạn có thể chuyển đổi Workspace sang khung xem Timeline, (xem hình 15.3). Trong khung xem này bạn thấy sự định thời gian của mỗi đoạn và có thể phủ chồng nhạc nền và lời tường thuật.

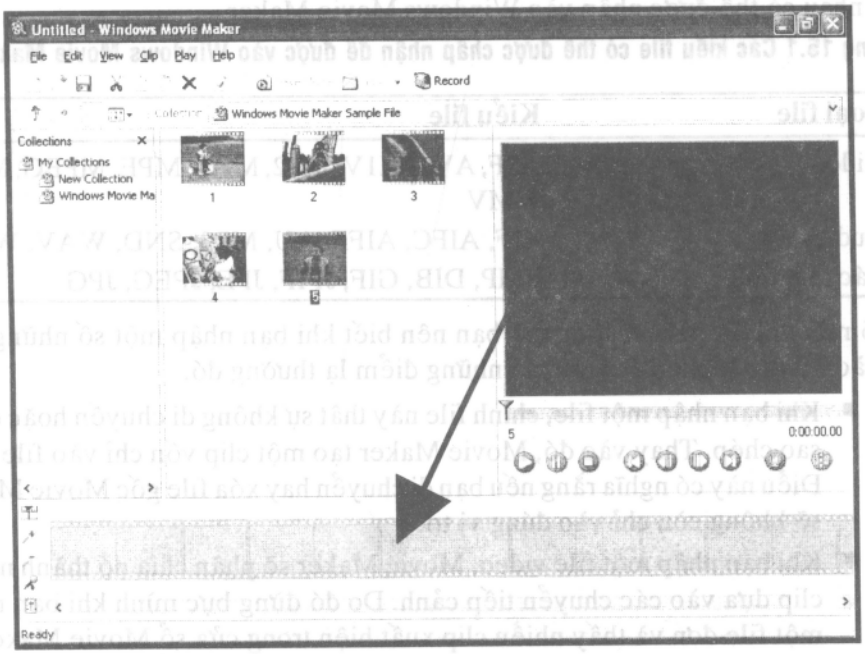

Hình 15.3 Hiển thị Workspace trong khung xem Timeline.

(Bạn có thể chuyển đổi khung xem bằng cách nhấp nút Timeline/Storyboard nằm ở bên trái phía trên của Workspace).

Khi bạn làm việc, bạn có thể xem trước dự án của bạn đang tiến triển bằng Movie MakerMonitor. Chỉ việc chọn một hay nhiều clip trong Workspace, sau đó nhấp nút Play trên Monitor.

Làm việc với các Clip

Làm việc với các clip của Movie Maker thì hơi mang tính trực giác. Chỉ việc rê các clip vào đúng vị trí và di chuyển chúng theo ý thích của bạn.

Thêm một Clip

Để thêm một clip vào dự án của bạn, hãy sử dụng chuột để rê nó vào đúng vị trí trong Workspace. Bạn có thể thêm một clip nhiều lần để lập lại nó trong các phần khác nhau của phim.

Di chuyển một Clip

Để di chuyển một clip từ vị trí này sang vị trí khác, hãy chọn nó bằng chuột và rê nó đến vị trí mới. Các clip xung quanh sẽ được sắp xếp lại khi clip được thả vào vị trí mới của nó.

Loại bỏ một Clip

Nếu sau cùng bạn chỉ có một clip mà bạn không muốn đưa vào, chỉ việc chọn nó rồi sau đó chọn Edit, Delete.

Xén một Clip

Đôi khi một clip có chiều dài hơn bạn thật sự muốn. Bạn có thể loại bỏ các phần dư ra khỏi một clip bằng cách xén nó từ đầu hay cuối.

Bạn xén một clip bằng cách xác lập các điểm xén của nó. Có một điểm xén đầu và một điểm xén cuối và mọi thứ bên ngoài hai điểm này sẽ bị xén.

Cách dễ nhất để xác lập các điểm xén là hiển thị Workspace trong khung xem Timeline và sau đó chọn clip để xén. Hai núm xén xuất hiện bên trên clip đã chọn (xem hình 15.4) và bạn có thể sử dụng chuột để di chuyển các núm để xén.



Hình 15.4 Điều chỉnh các núm xén bằng chuột khi làm việc trong khung xem Timeline.

Thu thuật

Các núm xén dễ làm việc hơn khi bạn mở rộng Timeline bằng cách nhấp nút Zoom In.

Bạn cũng có thể xén một clip trong thời gian thực bằng cách mở clip trong Monitor. Trong khi clip đang mở, hãy chọn clip, Start End Trim Point để xác lập phần đầu của vùng cần được xén. Chọn Clip, Set Trim Point để xác lập phần cuối của vùng cần được xén.

Tách một Clip

Khi bạn bắt đầu hiệu chỉnh phim, có thể bạn sẽ nhìn thấy rằng các phần cắt và phần hiệu chỉnh mà bạn muốn thực hiện đôi khi nằm ở giữa một clip. Khi điều này xảy ra, bạn có thể tách clip thành hai phần và sau đó làm việc với mỗi phần của clip một cách riêng biệt.

Để tắt một clip hãy thực hiện những bước sau đây:

1. Từ vùng Clips, chọn clip mà bạn muốn tắt và bắt đầu mở nó trên Monitor.
2. Khi bạn đi đến điểm mà bạn muốn tách, hãy nhấp nút Pause. (Sau đó bạn có thể cho clip chạy lùi và tiến tới để tìm điểm tách chính xác).
3. Chọn Clip, Split.

Bây giờ bạn đã tạo hai clip riêng biệt. Clip thứ nhất giữ lại tên của clip gốc. Clip thứ hai có tên gốc với số một trong các dấu ngoặc đơn (1).

Kết hợp nhiều Clip

Bạn có thể muốn kết hợp hai hay nhiều clip gần kề thành một clip đơn để làm cho chúng dễ làm việc hơn trong Workspace. Để thực hiện điều này, hãy chọn các clip (bằng cách nhấn giữ Ctrl trong khi nhấp mỗi clip) và sau đó chọn Clip, Combine. Clip đã kết hợp giữ lại tên của clip thứ nhất mà bạn đã chọn.

Làm việc với các phần chuyển tiếp

Một khi bạn đã tập hợp tất cả clip, bạn có thể xem cách mà phim phát bằng cách chọn tất cả clip và mở chúng trên Monitor.

Để tạo một phim thú vị hơn, bạn có thể thêm các phần chuyển tiếp chuyên biệt giữa mỗi cảnh trong phim. Windows Media Player cho phép bạn tạo các phần chuyển tiếp cross-fade trong đó các khung sau cùng trong clip đầu tiên mờ dần đi khi các khung ban đầu của clip thứ hai dần dần xuất hiện.

Để tạo một phần chuyển tiếp, Workspace phải nằm trong khung xem Timeline. Sau đó tất cả những gì bạn phải thực hiện là rê clip thứ hai để nó phủ chồng lên clip thứ nhất vùng có bóng chỉ định chiều dài của phần chuyển tiếp.

Bạn có thể thay đổi chiều dài của phần chuyển tiếp bằng cách rê clip thứ hai sang trái hay phải với lượng gia số nhỏ. Nếu bạn rê clip thứ hai sang phải hơi xa. Bạn sẽ loại bỏ phần chuyển tiếp.

Làm việc với Audio

Hầu hết các video clip cũng sẽ có một audio đệm. Bạn có thể phủ chồng audio bổ sung lên audio gốc bằng cách chèn các audio clip vào timeline.

Ghi chú .....

Để làm việc với các audio clip, Workspace phải hoạt động trong chế độ Timeline.

Chèn Audio

Bạn chèn một audio clip theo cùng một cách mà bạn chèn một video clip. Điểm khác biệt là audio clip hiển thị bên dưới video clip trong Workspace, trong những gì được gọi là thanh audio (Bạn có thể thấy một audio clip trong thanh audio ở hình 15.5).

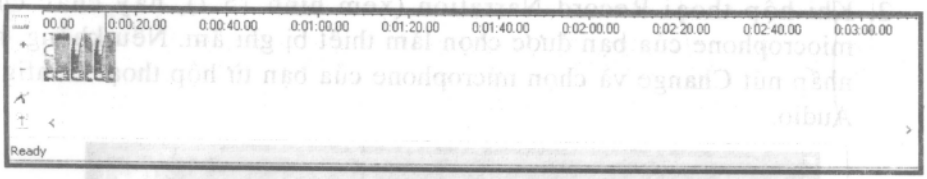

Hình 15.5 Chèn các audio clip nền vào thanh audio của Workspace.

Trộn các mức Audio

Khi bạn chèn một audio clip, nó mở cùng một lúc với audio từ video clip hiện hành. Thật sự audio được hợn 50/50 cho mỗi clip. Ngay cả bạn có thể chèn các audio clip phủ chồng miễn là hai clip không bắt đầu mở và dừng lại tại những điểm tương tự nhau. Lần nữa, âm thanh từ các clip sẽ được trộn bằng nhau.

Nếu bạn không thích việc trộn mức audio tự động, bạn có thể điều chỉnh các mức âm thanh cho mỗi clip bằng tay. Theo cách này, bạn có thể xác lập audio clip của bạn cho nhạc nền hay âm thanh xung quanh và xác lậo video clip của bạn cho lời thoại ở phía trước.

Để xác lập bằng tay các mức audio, hãy chọn Edit, Audio Levels. Khi hộp thoại Audio Levels xuất hiện (xem hình 15.6), hãy điều chỉnh thanh trượt sang trái hay phải. Để trộn audio của Video Track, hãy di chuyển thanh trượt hướng đến Video Track nhiều hơn. Để trộn Audio Track, hãy di chuyển thanh trượt hướng sang Audio Track nhiều hơn. Khi bạn di chuyển thanh trượt đến cuối, track kia sẽ bị tắt tiếng.

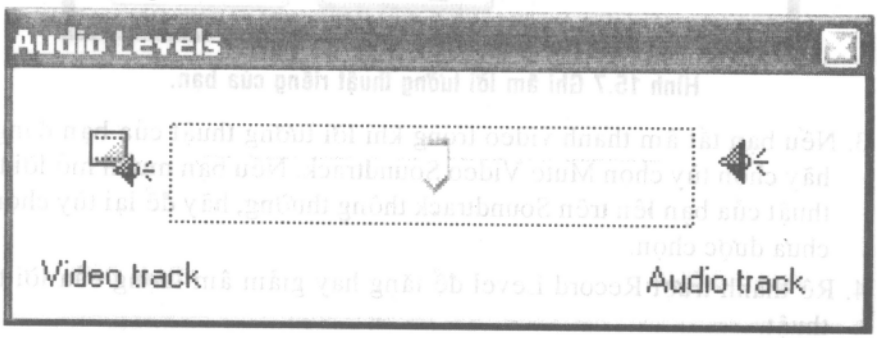

Hình 15.6 Sử dụng hộp thoại Audio Levels để điều chỉnh hòa trộn giữa âm thanh nền và âm thanh tiền cảnh.

Ghi chú

Mức độ trộn audio mà bạn xác lập trong hộp thoại Audio Levels sẽ ảnh hưởng đến âm thanh qua toàn bộ phim.

Ghi âm lời tường thuật

Nếu bạn có một microphone được nối vào máy tính, bạn có thể thêm một lời tường thuật vào phim của bạn. Đưa Workspace vào khung xem Timeline và thực hiện những bước sau đây:

1. Chọn File, Record Narration.
2. Khi hộp thoại Record Narration (xem hình 15.7), hãy chắc chắn miocrophone của bạn được chọn làm thiết bị ghi âm. Nếu không, hãy nhấp nút Change và chọn microphone của bạn từ hộp thoại Configure Audio.



Hình 15.7 Ghi âm lời tường thuật riêng của bạn.

3. Nếu bạn tắt âm thanh video trong khi lời tường thuật của bạn đang mở, hãy chọn tùy chọn Mute Video Soundtrack. Nếu bạn muốn mở lời tường thuật của bạn lên trên Soundtrack thông thường, hãy để lại tùy chọn này chưa được chọn.
4. Rê thanh trượt Record Level để tăng hay giảm âm lượng của lời tường thuật.
5. Nhấp nút Record và bắt đầu nối. Nhấp Stop khi đã thực hiện xong.
6. Khi hộp thoại Save Narration Track Sound File xuất hiện, nhập một tên cho file tường thuật của bạn rồi nhấp Save.

Bây giờ lời tường thuật của bạn được lưu dưới dạng một audio clip và được tự động chèn vào Workspace. Bây giờ bạn có thể hiệu chỉnh và di chuyển track tường thuật, như bạn đã thực hiện với bất kỳ audio track nào.

Lưu phim

Bạn lưu dự án của bạn bằng cách chọn File, Save Project. Điều này không lưu một file phim, nó chỉ lưu các phần của dự án.

Khi dự án của bạn đã hoàn toàn được hoàn tất, là khi bạn thật sự tạo phim. Chọn File, Save Movie và hộp thoại Save Movie (xem hình 15.8) hiển thị từ đây, bạn phải chọn chất lượng playback, nhập một tựa đề rồi nhấp OK. Sau đó Windows Maker tạo phim của bạn và lưu nó dưới dạng một file có dạng WMV. (Hãy kiên nhẫn-việc tạo một phim có thể mất nhiều thời gian).

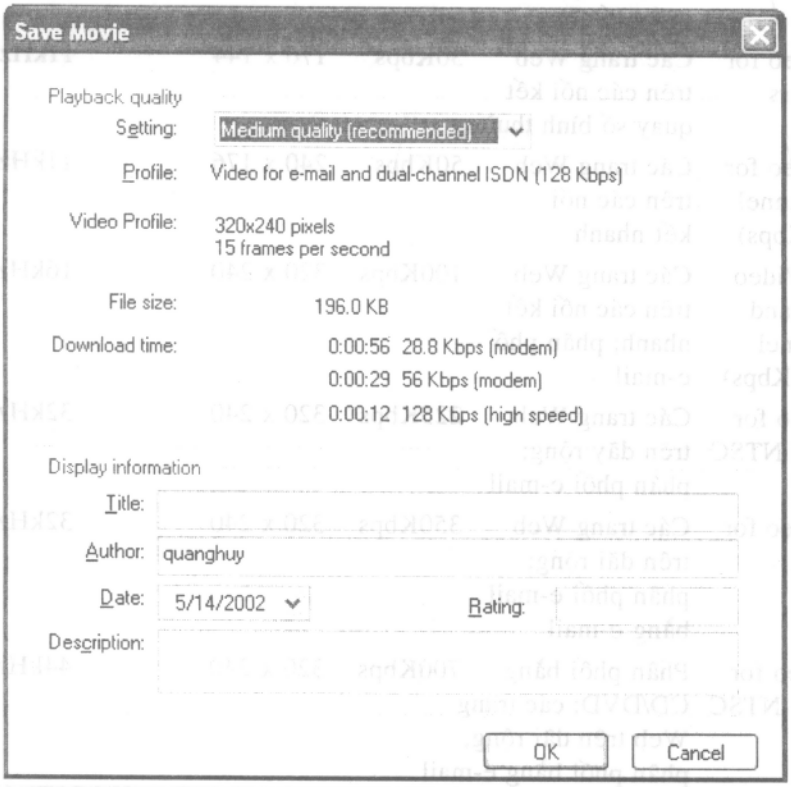

Hình 15.8 Chọn một mức chất lượng playback và lưu dự án của bạn dưới dạng một phim có dạng WMV.

Việc chọn mức chất lượng thích hợp là điều quan trọng. Chất lượng càng cao, kích cỡ file càng lớn (các file phim có thể thật sự rất lớn,thật sự nhanh). Bạn có thể tạo các file nhỏ hơn bằng cách giảm chất lượng nhưng nếu chất lượng quá kém thì người xem không thể nào thưởng thức trọn vẹn bộ phim.

Đó là lý do tại sao bạn phải làm cho chất lượng playback phù hợp với mục đích sử dụng. Khi bạn mở danh sách xổ xuống Setting, bạn sẽ được giới thiệu ba mức chất lượng (Low, Medium và High), cũng như một tùy chọn Other. Khi bạn chọn tùy chọn Other, bạn có thể mở danh sách xổ xuống profile, danh sách này cung cấp bảy tùy chọn chất lượng-ba tùy chọn gốc cộng với thêm bốn tuỳ chọn.

Bạn nên sử dụng xác lập chất lươ5ng nào? Bảng 15.2 trình bày chi tiết các xác lập chất lượng của Movie Maker và mục đích sử dụng của chúng.

Bảng 15.2 Các tùy chọn chất lượng Playback của Windows Movie Maker.

Xác lập chất lượng	Cách sử dụng được đề nghị	Tỷ lệ bit video	Video hiển thị kích cỡ (được tính bằng các pixel)	Các đặc tính Audio
Other: Video for Web Servers (28.8Kbps)	Các trang Web trên các nối kết quay số chậm	20Kbps	160 x120	8kHz
Other: Video for Web Servers (56Kbps)	Các trang Web trên các nối kết quay số bình thường	30Kbps	176 x 144	11kHz
Other: Video for Single-Channel ISDN (64Kbps)	Các trang Web trên các nối kết nhanh	50Kbps	240 x 176	11kHz
Medium: Video for E-mail and Dual Channel ISDN (128Kbps)	Các trang Web trên các nối kết nhanh; phân phố e-mail	100Kbps	320 x 240	16kHz
High: Video for Broadband NTSC (256Kbps)	Các trang Web trên dãy rộng; phân phối e-mail	225Kbps	320 x 240	32kHz
Other: Video for Broadband (384Kbps)	Các trang Web trên dãi rộng; phân phối e-mail bằng e-mail	350Kbps	320 x 240	32kHz
Other:Video for Broadband NTSC (768Kbps)	Phân phối bằng CD/DVD; các trang Web trên dãi rộng; phân phối bằng e-mail	700Kbps	320 x 240	44kHz.

Sau đây là điểm quan trọng nếu bạn muốn hiển thị phim của bạn trên một trang Web tại nơi mà bạn muốn người dùng nối kết thông qua nối kết quay số, sử dụng xác lập Other: Video for Web Servers (56Kbps). Nếu bạn muốn phim của bạn được xem từ CD recordable/rewritable hay DVD, hoặc nếu bạn muốn xuất phim của bạn sang băng video, hãy sử dụng xác lập Other: Video for Broadband NTSC (768Kbps).

Sau khi bạn đã lưu phim, bạn có thể sử dụng Widows Media Player để xem nó. Mở folder my Video rồi nhấp phim mà bạn muốn xem. WMP sẽ tự động khởi động và bắt đầu mở phim.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Như bạn có thể thấy Windows Movie Maker là một chương trình hiệu chỉnh video kỹ thuật số rất tốt. Nó không đa năng như một số chương trình khác trên thị trường. Nếu bạn muốn sử dụng những chương trình hiệu chỉnh video khác, kiểm tra Adobe Premiere (www.adobe.com/products/premiere/) hay Ulead MediaStudio Pro (www.ulead.com/msp/). Cả hai chương trình này mang lại những hiệu ứng chuyển tiếp chuyên nghiệp, những hiệu ứng đặc biệt.

Khi bạn sử dụng Windows Movie Maker hạy nhớ 10 điểm chính sau đây:

1. Windows Movie Maker là một chương trình hiệu chỉnh video kỹ thuật số mà bạn có thể sử dụng để hiệu chỉnh các phim gia đình của bạn được ghi trên băng video.
2. Để đạt được kết quả tốt nhất, hãy duy trì dạng kỹ thuật số qua toàn bộ tiến trình. Điều này có nghĩa rằng ghi phim gốc của bạn theo dạng Digital8 hay MiniDV.
3. Khi bạn sử dụng một camcorder Digital8 hay MiniDv, bạn nối camcorder với PC của bạn qua một nối kết với IE 1394 FireWire. Khi bạn sử dụng một camcorder tương đồng, bạn phải lắp đặt một board thu video từ tương đồng sang kỹ thuật số trong PC của bạn và nối với board đó.
4. Ngoài các phim được ghi băng, bạn cũng có thể nhập các file audio, các ảnh tĩnh và những file video khác vào dự án của bạn.
5. Các phần của dự án của bạn được gọi là các clip.
6. Bạn tập hợp phim của bạn bằng cách rê các clip vào Workspace nằm ở đáy cửa sổ Movie Maker.
7. Để tạo một phần chuyển tiếp cross-fade giữa các clip, hãy rê clip thứ hai sau cho nó nằm chồng lên phần cuối của clip thứ nhất.
8. Bạn có thể thêm nhạc nền bằng cách rê một audio clip nằm chồng lên các clip video. Audio từ cả audio clip và videdo clip sẽ mở một cách tự động, được hòa trộn 50/50.
9. Bạn có thể cắm một microphone vào ổ cắm và ghi âm lời tường thuật riêng của bạn. Bạn có thể chọn track lời tường thuật của bạn chồng lên soundtrack hiện có hoặc tắt âm thanh của track trong khi lời tường thuật của bạn đang được nở.
10. Khi lưu dự án của bạn dưới dạng một file phim, hãy chọn xác lập Other: Video for Web Servers (56Kbps) nếu bạn dự định tải phim này lên trang Web của bạn. Chọn xác lập Other: Video for Broadband NTSC (768Kbps) nếu bạn dự định phân phối phim này qua CD hay DVD.



PHẦN 5

Windows XP trong gia đình và môi trường di động

16. Làm việc với nhiều người sử dụng
17. Chơi game
18. Cài đặt một mạng gia đình hay mạng doanh nghiệp nhỏ
19. Sử dụng Windows XP trên các máy tính xách tay

Chương 16

Làm việc với nhiều người sử dụng

- *Lập kế hoạch cho nhiều người sử dụng (User)*
- *Các loại User*
- *Cài đặt các User mới*
- *Hiệu chỉnh các xác lập Used*
- *Chuyển đổi các User*
- *Chia sẻ hay không chia sẻ file và folder*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Nếu bạn đang sử dụng máy tính cá nhân ở nhà, có khả năng bạn không phải là người duy nhất sử dụng nó. Chồng hoặc vợ hoặc các con của bạn có thể sử dụng nó. Điều này làm cho PC trở thành một máy đa người dùng, dù bạn có thích hay không.

Hệ điều hành WIndows 9X / ME là hệ điều hành chỉ một người dùng. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng nó với nhiều người dùng.

Ngược lại, Windows NT / 2000 là hệ điều hành đa người dùng. Nó được tạo để điều khiển nhiều người dùng trên nhiều máy tính qua một mạng công ty. Việc điều khiển nhiều người dùng là cần thiết đối với NT / 2000.

Vì Windows XP được tạo trên WIndows 2000 nên nó kế thừa tính năng đa người dùng của OS công ty. Thậm chí XP còn bổ sung một số tính năng mới về cách điều khiển nhiều người dùng để dễ dàng chia sẻ một PC giữa nhiều người.

Lập kế hoạch cho nhiều người sử dụng (User)

Tại sao bạn cần cài đặt máy tính cho nhiều người sử dụng?

Bạn có thể có nhiều người sử dụng mấy tính của bạn với chỉ một tên user duy nhất. Vấn đề đối với phương pháp này là những người khác có thể truy cập tất cả các file của bạn bằng cách sử dụng PC của bạn - điều này có thể không tốt. Ngoài ra bạn có thể gặp phải bất kỳ sự thay đổi nào do những người sử dụng khác thực hiện đối với giao diện, hay gặp phiền toái khi phải cấu hình lại các thứ theo cách mà bạn thích.

Một trường hợp khác là mỗi người sử dụng cấu hình Windows theo sở thích riêng của mình. Khi mỗi người sử dụng khởi động máy Windows hiển thị các xác lập dành cho người sử dụng nó. Ngoài ra, mỗi người sử dụng có các file riêng của mình mà những người khác không thể truy cập.

Ngoài ra, người sử dụng chính của hệ thống (được gọi là người quản lý máy tính) có thể kiểm soát những gì mà những người khác có thể thực hiện khi họ mở máy. Chẳng hạn, bạn có thể không cho phép một số người (chẳng hạn như trẻ em) cài đặt phần mềm riêng của họ trên máy. Là người quản lý, bạn có quyền đó.

Các loại User

Windows XP cho phép bạn tạo nhiều user account. Mỗi user chọn tên account, hình ảnh, và password riêng của mình. Thậm chí mỗi user có folder My Documents riêng, cách biệt với My Documents của những user khác.

Mỗi user account có thể được bảo vệ bằng một password. Bất kỳ người nào cố truy cập vào các file của user đó mà không có password sẽ bị từ chối truy cập. Trừ khi user đã đánh dấu chia sẻ cho các file và folder của mình cho tất cả mọi người đều có thể truy cập folder chia sẻ mà không cần phải có password.

Có 3 loại user account khác nhau mà bạn có thể thiết lập trên máy tính:

- **Computer administrator account** - Đây là account chính trên PC. Người quản lý máy tính là một account có thể thực hiện các thay đổi trên toàn hệ thống máy tính, cài đặt phần mềm, và truy cập tất cả các file trong hệ thống - thậm chí cả các file được tạo bởi một account khác. Người quản lý máy tính cũng có thể tạo, xóa, và hiệu chỉnh các account của các user khác.

Ghi chú

Có thể có trên một computer administrator account trên mỗi máy tính.

- **Limited account** - Loại account này dành cho những người sử dụng máy tính nhưng không quản lý nó. Một user có một limited account không thể cài đặt phần mềm hay phần cứng nhưng có thể truy cập các chương trình có trên máy tính. Những người có limited account có thể hiệu chỉnh các xác lập account của mình nhưng không thể thay đổi password.
- **Guest account** - Loại này dành cho những người không có user account chính thức trên máy tính. Những người này không thể cài đặt phần mềm hay phần cứng, và không có folder My Documents của mình. Dĩ nhiên, họ có thể truy cập phần mềm đã cài đặt trên máy tính. Guest account phù hợp cho những người chỉ muốn kiểm tra e-mail.

Khi bạn đang cài đặt Windows XP để sử dụng ở nhà, điều đầu tiên bạn cần thực hiện là cài đặt chính bạn với một computer administrator account. Sau khi

bạn đã cài đặt account riêng của mình, bạn có thể cài đặt các account cho những người khác trong gia đình.

Cài đặt các user mới

Chỉ người quản lý máy tính mới có thể bổ sung user mới vào hệ thống. Sau đây là cách thực hiện:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng User Accounts.

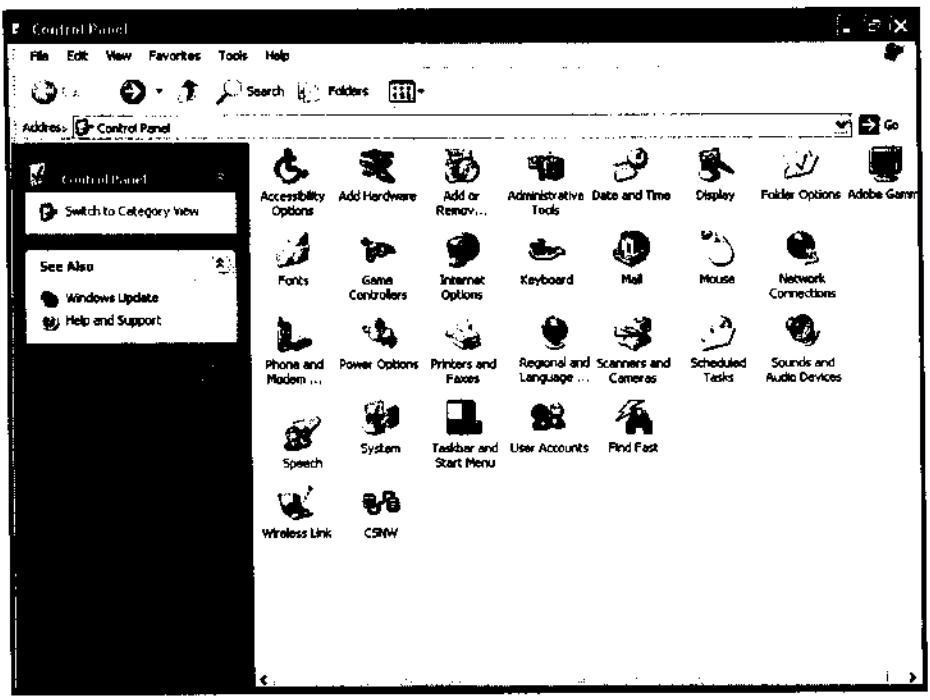

2. Khi trình tiện ích User Accounts hiển thị (xem hình 16.1), hãy chọn Create a New Account.
3. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, hãy nhập một tên cho account và nhấp Next.
4. Trên màn hình kế tiếp, hãy chọn các tùy chọn Computer Administrator hoặc Limited, sau đó nhấp nút Create Account.

Bây giờ Windows XP tạo account mới, và ngẫu nhiên gán một hình ảnh sẽ xuất hiện kế bên tên user. Bạn hay user có thể thay đổi hình ảnh này vào bất kỳ lúc nào.

Bạn cũng có thể gán một password cho account mới này. Theo mặc định không có một password nào được gán. Nhưng nếu bạn thực hiện theo các chỉ dẫn trong mục "Thay đổi các xác lập của một user khác" của chương này, bạn có thể tạo một password và yêu cầu user nhập nó bất kỳ khi nào họ muốn sử dụng máy tính.

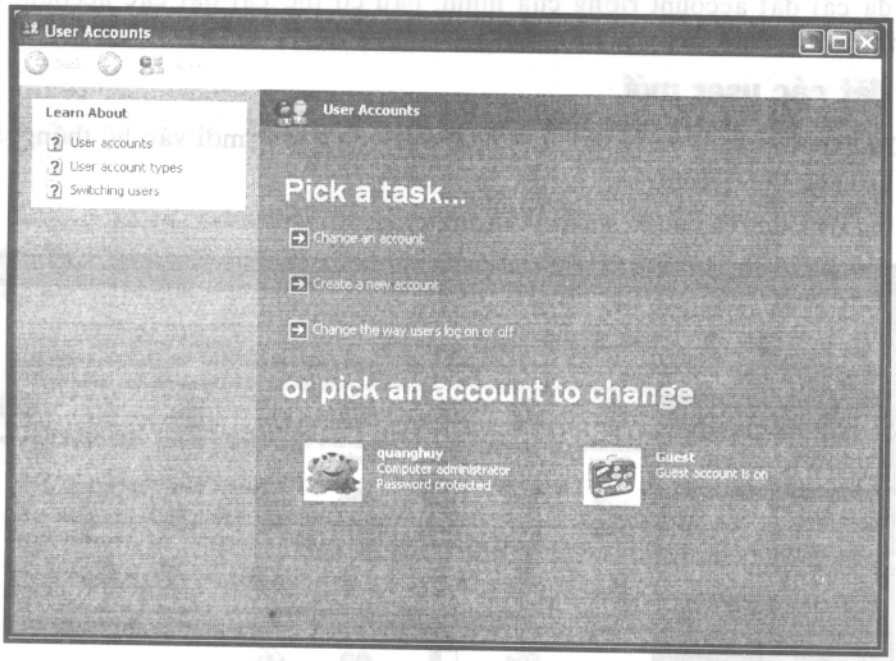

Hình 16.1 Sử dụng trình tiện ích User Accounts để tạo và thay đổi user account.

Khi bạn bật máy tính, màn hình Welcome của Windows XP hiển thị. Tất cả các user đã đăng ký được liệt kê trên màn hình này. Nhấp tên user hay hình ảnh của bạn và nhập password (nếu cần), sau đó bạn khởi động Windows như là user được chọn, với sự truy cập vào các file và các xác lập riêng của bạn.

Hiệu chỉnh các xác lập user

Nếu bạn không thích cách cài đặt của một user account, bạn có thể thay đổi nó.

Thay đổi các xác lập của một user khác

Là người quản lý máy tính, bạn có thể thay đổi bất cứ điều gì bạn muốn về account của bất kỳ người sử dụng giới hạn nào. Bạn có thể thay đổi tên account hay hình ảnh, hoặc password hay loại account. Thậm chí bạn có thể xóa account, nếu bạn muốn.

Cảnh báo

Những người sử dụng giới hạn chỉ có thể thay đổi account của mình. Họ không thể thay đổi account của bất kỳ người khác.

Để thay đổi các xác lập của một user, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng User Accounts.

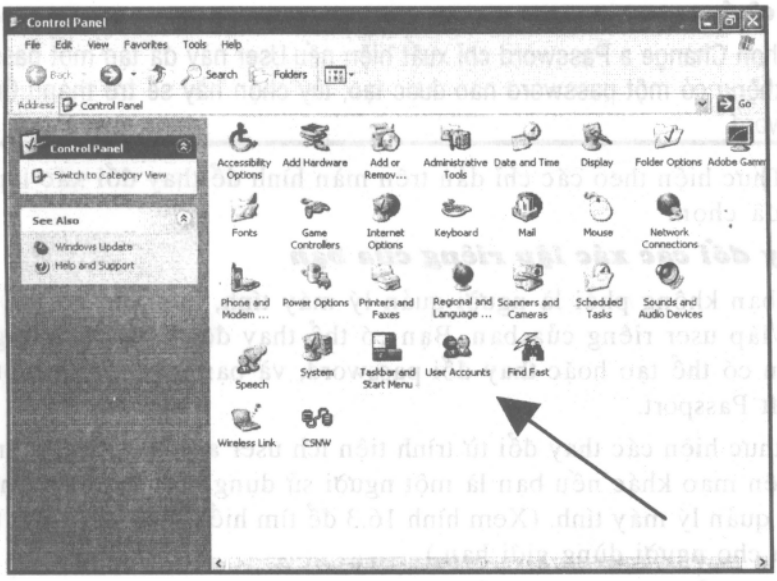

2. Khi trình tiện ích User Accounts hiển thị, hãy chọn Change an Account.
3. Khi màn hình Pick an Account to Change xuất hiện, hãy chọn account mà bạn muốn hiệu chỉnh.
4. Khi màn hình What Do You Want to Change xuất hiện (như minh họa ở hình 16.2), hãy chọn một trong các tùy chọn sau đây: Change the Name, Change the Password, Remove the Password, Change the Picture, Change the Account Type, hoặc Delete The Account.

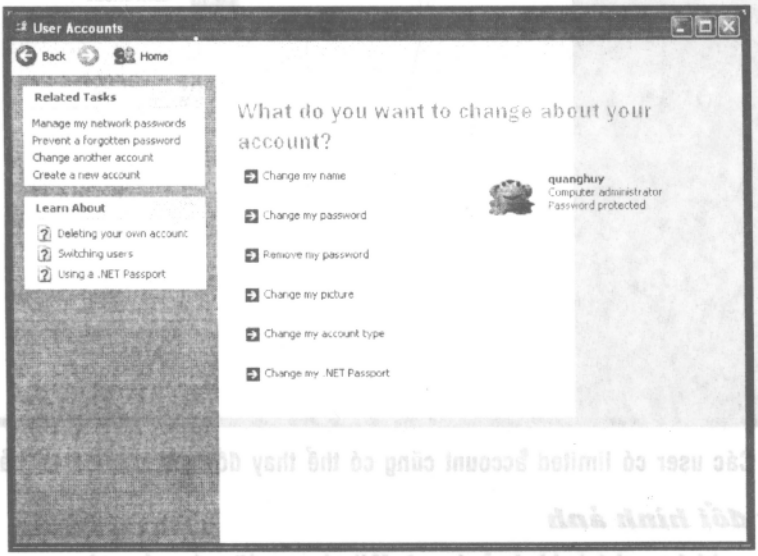

Hình 16.2 Người quản lý máy tính có thể thay đổi bất kỳ điều gì về account của người khác.

Ghi chú

Tùy chọn Change a Password chỉ xuất hiện nếu User này đã tạo một password. Nếu không có một password nào được tạo, tùy chọn này sẽ trở thành Create a Password.

5. Thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để thay đổi xác lập mà bạn đã chọn.

Thay đổi các xác lập riêng của bạn

Nếu bạn không phải là người quản lý máy tính, bạn vẫn có thể thay đổi các xác lập user riêng của bạn. Bạn có thể thay đổi hình ảnh cùng với tên user, bạn có thể tạo hoặc thay đổi password, và bạn có thể tạo một account Microsoft Passport.

Bạn thực hiện các thay đổi từ trình tiện ích user account, trình tiện ích này sẽ có diện mạo khác nếu bạn là một người sử dụng giới hạn chứ không phải là người quản lý máy tính. (Xem hình 16.3 để tìm hiểu diện mạo của trình tiện ích dành cho người dùng giới hạn.)

Để thay đổi một xác lập, tất cả những gì bạn phải thực hiện là chọn trên màn hình chính này, sau đó thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình.

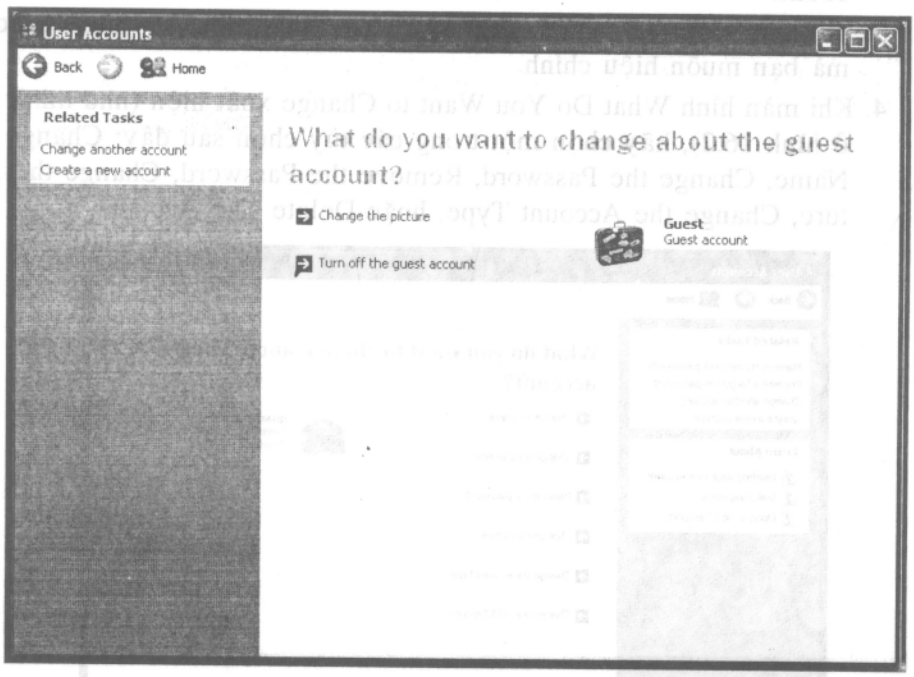

Hình 16.3 Các user có limited account cũng có thể thay đổi các xác lập cơ bản của họ.

Thay đổi hình ảnh

Nếu bạn không thích hình ảnh mà Windows đã gán cho tên user của bạn, bạn có thể thay đổi nó một cách dễ dàng. Thậm chí bạn có thể chọn đặt bức ảnh cá nhân kế bên tên của bạn.

Sau đây là cách thực hiện:

1. Từ trình tiện ích User Account, hãy chọn Change My Picture.
2. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, như minh họa ở hình 16.4, hãy chọn một trong các hình ảnh được liệt kê và nhấp nút Change Picture, hoặc ...
3. Nhấp nút Browse for More Pictures. Hộp thoại Open bây giờ sẽ hiển thị các nội dung của folder My Pictures. Hãy chọn bất kỳ hình ảnh nào bạn muốn (thậm chí một bức ảnh chụp bạn), sau đó nhấp nút Open. Khi bạn trở lại màn hình trước đó hãy chắc chắn rằng ảnh mới này được chọn, sau đó nhấp nút Change Picture.

Tạo hoặc thay đổi Password

Nếu bạn có nhiều user truy cập cùng một PC, thì mỗi user nên có một password riêng. Bằng cách này, các user khác không thể truy cập dữ liệu cá nhân hay các xác lập của họ. Vì các user phải nhập một password để vào account của mình nên nếu bạn không biết password, bạn không thể vào được.

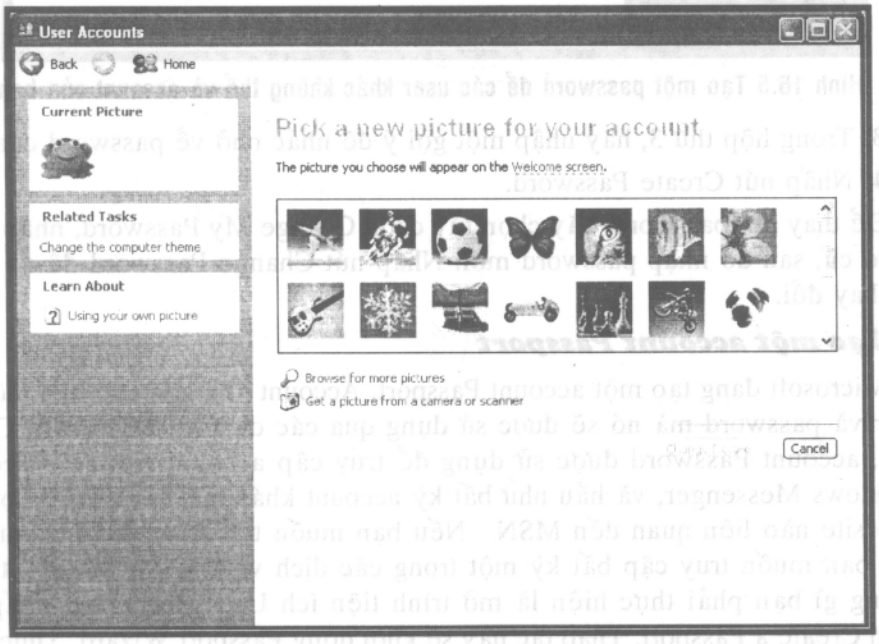

Hình 16.4 Nếu bạn không thích ảnh d9u7o75caccount, bạn có thể thay đổi nó.

Để tạo một password mới cho account, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trình tiện ích User Accounts, hãy chọn tùy chọn Create a Password.
2. Khi màn hình Create a Password for Your Account xuất hiện, như minh họa ở hình 16.5, hãy nhập password mới vào hộp đầu tiên, nhập một lần nữa vào hộp thứ hai.

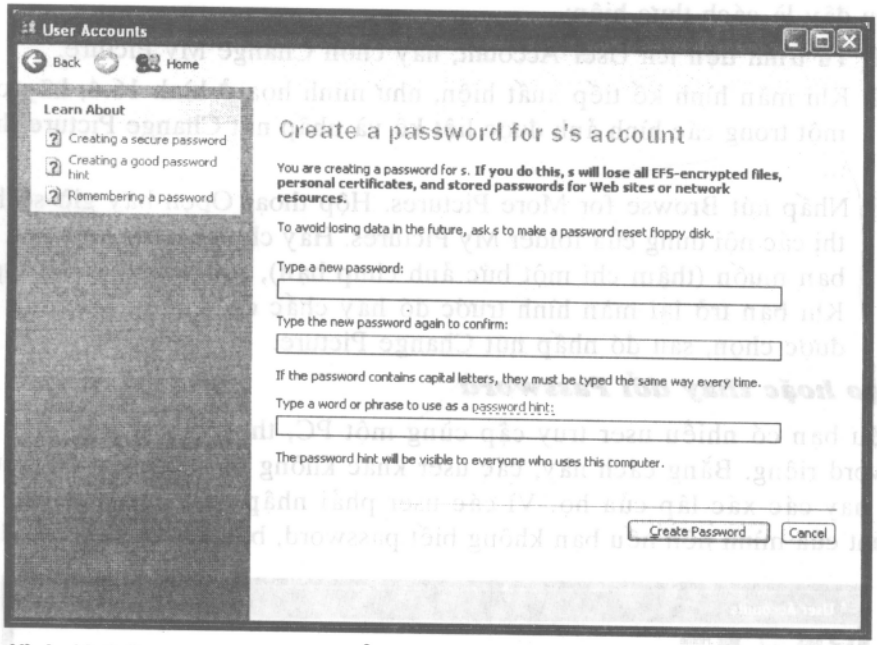

Hình 16.5 Tạo một password để các user khác không thể và account của bạn.

3. Trong hộp thứ 3, hãy nhập một gợi ý để nhắc nhở về password của bạn.
4. Nhấp nút Create Password.

Để thay đổi password, hãy chọn tùy chọn Change My Password, nhập password cũ, sau đó nhập password mới. Nhấp nút Change Password để áp dụng sự thay đổi.

Tạo một account Passport

Microsoft đang tạo một account Passport. Account này gán cho bạn một tên user và password mà nó sẽ được sử dụng qua các dịch vụ Microsoft. Chẳng hạn, account Password được sử dụng để truy cập account Hotmail, account Windows Messenger, và hầu như bất kỳ account khác mà bạn có trên bất kỳ web site nào liên quan đến MSN. Nếu bạn muốn tạo Passport account - và nếu bạn muốn truy cập bất kỳ một trong các dịch vụ của Microsoft - tất cả những gì bạn phải thực hiện là mở trình tiện ích User Accout và nhấp tùy chọn Create a Passport. Thao tác này sẽ khởi động Passport Wizard. Thực hiện theo các chỉ dẫn của wizard để nhập thông tin cá nhân phù hợp và tạo account của bạn.

Ghi chú .....

Bạn phải nối kết Internet để tạo Microsoft Passport.

Chuyển đổi các User

Một tính năng mới của Windows XP là bạn không phải khởi động lại máy tính để chuyển đổi các user.

Trong các phiên bản trước đây của Windows, cách duy nhất để thay đổi các user là khởi động lại máy tính và đăng nhập với tư cách là một user khác. Windows XP sử dụng Fast User Switching để chuyển đổi user mà không phải khởi động lại. Thật ra, khi bạn chuyển đổi sang một user khác và sau đó trở lại, tất cả các chương trình và tài liệu đang mở vẫn ở đó, vẫn mở và đang chạy.

Ghi chú

Khi bạn có tính năng Fast User Switching được kích hoạt, các chương trình không tự động thoát khi user thoát máy tính. Chẳng hạn, nếu bạn đang làm việc trong một tài liệu Word và con của bạn muốn kiểm tra e-mail, bạn có thể chuyển đổi các user trong vài phút, sau đó chuyển trở lại account của bạn. Khi bạn chuyển trở lại, tài liệu Word vẫn đang mở trên nền màn hình.

Kích hoạt Fast User Switching

Để Fast User Switching hoạt động, bạn phải bật nó. (Và chỉ người quản lý máy tính mới có thể thực hiện điều này.) Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trình tiện ích User Accounts, hãy chọn tùy chọn Change the Way Users Log On or Off.
2. Khi màn hình kế tiếp xuất hiện, hãy chọn cả hai tùy chọn Use the Welcome Screen và User Fast User Switching.
3. Nhấp OK.

Cảnh báo

Khuyết điểm duy nhất của việc sử dụng Fast User Switching là nó làm cho máy tính chạy chậm hơn khi có nhiều user tải vào. (Đó là do các chương trình của các user tiếp tục chạy trong nền.) Nếu hệ thống quá chậm, hãy tắt Fast User Switching và để cho các user tải vào và ngắt như họ đã từng làm trong các phiên bản trước đây của Windows. Fast User Switching chiếm nhiều RAM. Ngoài 256MB RAM cơ bản mà TechTV Labs đề nghị, bạn nên bổ sung thêm 64MB RAM khác cho mỗi user sẽ sử dụng Fast User Switching.

Chuyển đổi các user

Để chuyển đổi các user trong Fast User Switching, tất cả những gì bạn phải làm là nhấp nút Start, nhấp nút Log Off, sau đó chọn Switch User từ hộp thoại Log Off Windows. Khi màn hình Welcome xuất hiện, hãy nhấp user cần chuyển đổi và nhập password (nếu có).

Windows bây giờ sẽ tải user kế tiếp, với tất cả các xác lập hoạt động của user đó. Điều này có nghĩa là instance này của Windows có thể khác với instance đã xuất hiện trên màn hình cách đây vài giây.

Đó là bởi vì Windows XP tự động lưu các xác lập dành cho mỗi user và kích hoạt các xác lập của user đó khi user tải vào. Vì vậy, nếu bạn đã chọn một wallpaper và user kế tiếp chọn một wallpaper khác, wallpaper sẽ thay đổi.

Khi bạn chuyển trở lại account của bạn, tất cả các xác lập lại thay đổi.

Chia sẻ hay không chia sẻ các file và folder

Việc bạn chia sẻ PC của bạn với các user khác không có nghĩa là bạn muốn chia sẻ tất cả các tài liệu. Windows XP cung cấp cho bạn tùy chọn để chia sẻ các file và folder chính, hoặc không chia sẻ chúng.

Để tạo tình riêng tư cho một folder, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Bằng cách sử dụng My Computer hay My Documents, hãy nhấp phải vào bất kỳ một trong các folder sau đây: Desktop, Start Menu, Favorites, hoặc My Documents (và bất kỳ folder con của nó).
2. Chọn Properties từ menu bật lên, sau đó chọn nhãn Sharing, như minh họa ở hình 16.6.

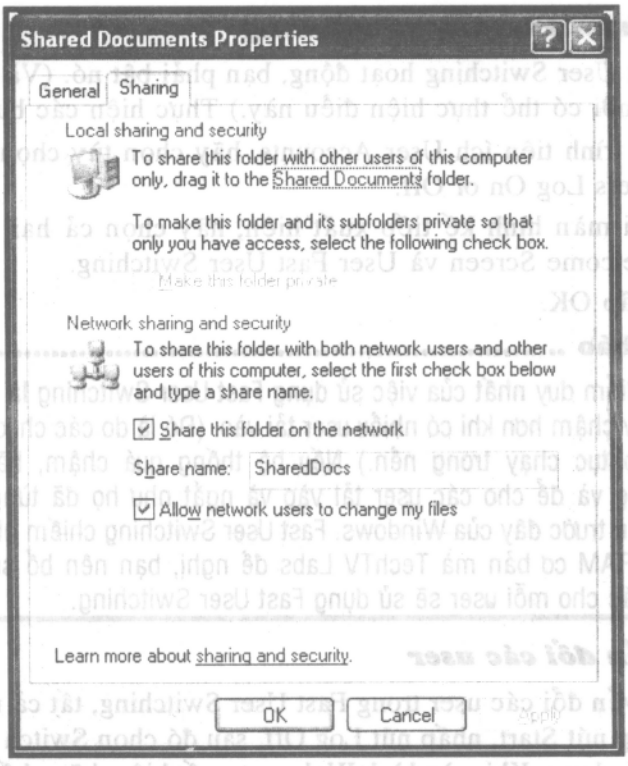

Hình 16.6 Chia sẻ hay không chia sẻ folder là một quyết định quan trọng cần đưa ra khi bạn có nhiều user trên cùng PC.

3. Xóa chọn tùy chọn Share This Folder On the Network, hoặc ...
4. Nếu bạn muốn chia sẻ folder này, hãy chọn tùy chọn Share this Folder On the Network. Nếu bạn muốn các nội dung của folder là chỉ đọc, hãy xóa chọn tùy chọn Allow Network Users to Change My Files. Nếu không, hãy chọn tùy chọn này.
5. Nhấp OK.

Sau đây là một vài điểm về tùy chọn này. Trước tiên, chỉ các folder nhất định mới có thể được chia sẻ - cụ thể là các folder Desktop, Start Menu, Favorites, và My Documents. (Bất kỳ folder con nào trong folder My Documents cũng có thể được chia sẻ.)

Thứ hai, khi bạn tạo tính riêng tư cho một folder, tất cả các folder con của nó cũng có tính riêng tư. Ví dụ, nếu bạn tạo tính riêng tư cho My Documents, thì My Music và My Pictures cũng có tính riêng tư.

Tương tự đối với sự chia sẻ. Nghĩa là, khi bạn chia sẻ folder chính, tất cả các folder con cũng được chia sẻ. Điểm khác biệt là bạn có thể vào và tắt sự chia sẻ đối với mỗi folder con một cách riêng lẻ.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Cách mà Windows XP điều khiển nhiều user là rất hay. Nó dễ sử dụng và trực giác. Bạn có thể sử dụng các password nếu bạn muốn, hoặc không. Và các xác lập cá nhân luôn ở đó chờ bạn bất kỳ khi nào bạn tải vào. Sau đây là 10 thủ thuật quan trọng nhất mà bạn cần ghi nhớ:

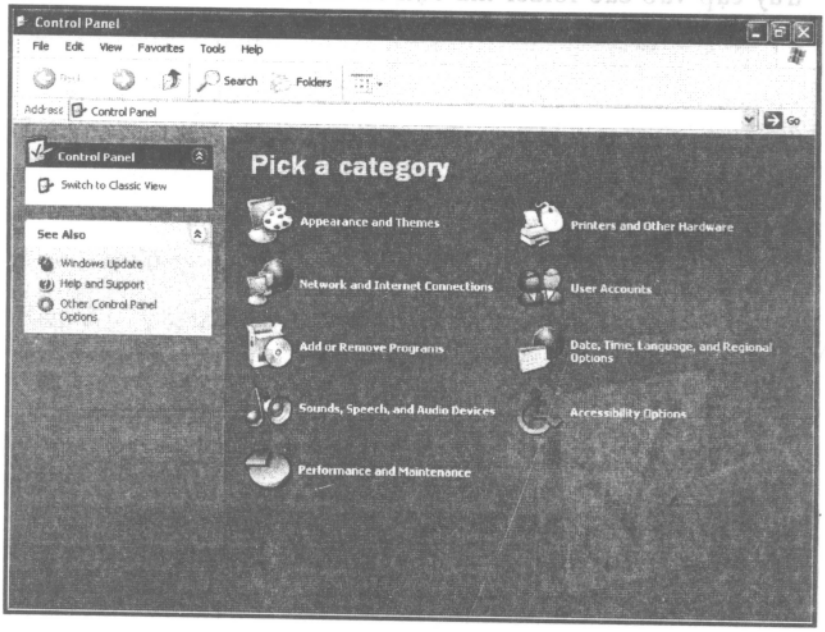

1. Không giống như các phiên bản trước đây của Windows, Fast User Switching của Windows XP cho phép bạn chuyển đổi các user mà không phải khởi động lại PC.
2. Tuy nhiên, Fast User Switching sử dụng nhiều bộ nhớ hệ thống. Bạn phải dành ít nhất 256MB RAM cho mục đích sử dụng cơ bản, và 64MB RAM khác cho mỗi user sẽ sử dụng Fast User Switching.
3. Có ba loại user account trong Windows XP: computer administrator account, limited account, và guest account.

4. Chỉ người quản lý máy tính mới có thể tạo các account mới.
5. Những người có limited account có thể hiệu chỉnh các xác lập account riêng của mình, nhưng người quản lý máy tính có thể hiệu chỉnh các xác lập của mỗi user. (Thậm chí xóa user nếu họ muốn.)
6. Mỗi user có thể chọn hình ảnh user và password riêng của mình.
7. Dù user cấu hình Windows, nhưng các xác lập đó luôn được áp dụng khi họ tải vào.
8. Để chuyển đổi các user mà không phải thoát, hãy nhấp nút Start, nhấp nút Log Off và sau đó chọn Switch User. Nếu bạn muốn thoát hẳn, hãy nhấp nút Start, nhấp nút Log Off, và sau đó chọn Log Off.
9. Khi bạn chuyển đổi các user mà không thoát, tất cả các chương trình và tài liệu đang mở vẫn ở đó để chờ bạn chuyển trở lại account của bạn.
10. Bạn có thể chọn chia sẻ các file và folder cá nhân hoặc không. Khi bạn tắt tính năng chia sẻ file và folder, không có user nào khác có thể truy cập vào các folder mà bạn đã chọn.

Chương 17

Chơi game

- *Cài đặt và cấu hình các bộ điều khiển game*
- *Tạo một hệ thống chơi game tốt hơn*
- *Tìm hiểu DirectX*
- *Xử lý các sự cố game*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Windows XP là hệ điều hành dựa vào PC tốt nhất dùng để chơi game.

Cài đặt và cấu hình các bộ điều khiển game

Bước đầu tiên khi chuẩn bị Windows XP để chơi game là lắp và cài đặt tất cả các bộ điều khiển game mà bạn ưa thích. Dù bạn sử dụng một gậy điều khiển (joystick) hay một bộ điều khiển nút hay một bánh xe, việc nối kết mọi thứ là một tác vụ tương đối dễ.

Các bộ điều khiển USB

Các loại bộ điều khiển dễ nối kết nhất là các loại nối kết qua một cổng USB. Tất cả những gì bạn phải làm là lắp bộ điều khiển vào, Windows sẽ nhận biết thiết bị mới và cài đặt các trình điều khiển thích hợp một cách tự động.

Nếu XP không nhận biết bộ điều khiển mới, bạn có thể cài đặt bộ điều khiển bằng tay qua Add Hardware Wizard. Xem chương 6 để tìm hiểu thêm thông tin.

Các bộ điều khiển cổng game và cổng nối tiếp

Nhiều bộ điều khiển game được thiết kế để nối với cổng game chuyên biệt của PC, hoặc với một cổng nối tiếp chưa được sử dung. Loại nối kết này ít tự động hơn loại nối kết USB.

Sau đây là cách thực hiện:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Game Controllers.
2. Khi trình tiện ích Game Controllers mở, hãy nhấp nút Add.
3. Khi hộp thoại Add Game Controllers xuất hiện (xem hình 17.1), hãy chọn loại thiết bị mà bạn đang cài đặt. (Nếu thiết bị không được liệt kê ở đây, hãy nhấp nút Custom và cấu hình Windows XP cho thiết bị mới của bạn.)
4. Xổ xuống danh sách Port và chọn cổng mà bộ điều khiển sẽ được nối kết với.

5. Nhấp OK khi đã thực hiện xong.



Hình 17.1 Cài đặt một bộ điều khiển game mới bằng tay.

Kiểm tra một bộ điều khiển

Sau khi bạn đã cài đặt một bộ điều khiển game mới, bạn có thể kiểm tra nó bằng cách thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trình tiện ích Game Controllers, hãy chọn bộ điều khiển mà bạn muốn kiểm tra.
2. Nhấp nút Properties, sau đó chọn nhãn Test.
3. Thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để di chuyển hay nhấn mỗi nút điều khiển, bao gồm tất cả các đệm và nút.

Nếu bộ điều khiển không đạt 100%, bạn cần định chuẩn nó.

Định chuẩn một bộ điều khiển

Để định chuẩn một bộ điều khiển game, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trình tiện ích Game Controllers, hãy chọn bộ điều khiển mà bạn muốn định chuẩn.
2. Nhấp nút Properties, sau đó chọn nhãn Settings.
3. Nhấp nút Calibrate.
4. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để định chuẩn thiết bị cụ thể đó.

Tạo một hệ thống chơi game tốt hơn

Để chơi các game PC ngày nay, bạn cần một hệ thống máy tính hoàn toàn cập nhật. Thật vậy, chơi game đòi hỏi một hệ thống mạnh hơn là thực hiện các trình ứng dụng máy tính truyền thống như xử lý từ và số.

Thiết bị cần thiết đầu tiên là một bộ xử lý mạnh, như Pentium 4 hay AMD Athlon, chạy với tốc độ 1 GHz hoặc hơn. Bạn cũng cần một bộ nhớ tối thiểu 256MB.

Bởi vì các game chiếm nhiều khoảng trống đĩa nên bạn cần ít nhất một đĩa cứng 40GB. Bạn cũng cần một ổ CD/DVD-ROM bởi vì nhiều game mới được phát triển trên các DVD đơn thay vì trên nhiều CD.

Bạn cần một card âm thanh 3D chất lượng cao, và một card video 3D 32MB hoặc 64MB với bộ gia tốc đồ họa. Bạn cũng cần một hệ thống loa với một loa phụ có tần số thấp. Bạn cũng nên xem xét việc sử dụng bốn loa vệ tinh thay vì hai.

Sau cùng, để chơi các game lớn, bạn cần một monitor lớn. Một monitor 17 inch là tối thiểu.

Rõ ràng, một PC có các chi tiết kỹ thuật này có khả năng chạy Windows XP mà không gặp bất kỳ sự cố nào. Vấn đề chính là bạn phải bảo đảm hệ thống của bạn có đủ công suất để chạy các game mới nhất và hay nhất.

Tìm hiểu DirectX

Windows XP hỗ trợ DirectX 8.0, đây là một bộ API cung cấp đầy đủ sự truy cập vào các tính năng cao cấp của phần cứng có tính năng thực thi cao. DirectX hoạt động để tạo các ảnh 3D được gia tốc bởi phần cứng và các hiệu ứng nhạc và âm thanh thu hút người nghe.

DirectX hoạt động trong nền để kết hợp các tham số của game với các tính năng phần cứng của PC. Bằng cách này, ngay cả các game sử dụng nhiều phương tiện nhất cũng có thể tận dụng toàn bộ ưu điểm của các card và các chip video và audio mới nhất.

Có bảy thành phần chính của DirectX:

- **DirectDraw** - Hoạt động với card video của PC để hiển thị đồ họa 2D.
- **Direct3D** - Hoạt động với card video để mô phỏng các đồ họa 3D.
- **DirectSound** - Hoạt động với card audio để cung cấp chức năng chọn âm thanh và các chức năng khác liên quan đến việc mở lại audio kỹ thuật số.
- **DirectMusic** - Hoạt động với card audio để chuyển tải nhạc MIDI chất lượng cao dành cho track âm thanh nền của game.
- **DirectInput** - Cung cấp dữ liệu nhập trực tiếp cho các gậy điều khiển (joystick) và các thiết bị nhập khác - bao gồm các bộ điều khiển game mới nhất.

- DirectPlay - Hỗ trợ các nối kết game qua một modem, LAN, hay Internet - và cần thiết đối với các game trực tuyến/mạng có nhiều người chơi.
- DirectShow - Cung cấp tính năng thu và mở lại các file đa phương tiện ở nhiều dạng khác nhau, bao gồm ASF, AVI, DV, MPEG, MP3, WAV, và WMV; Directshow cũng có tính năng thu video, mở lại DVD, hiệu chỉnh và kết hợp video, và nhận các tín hiệu truyền hình.

Ngoài chơi game, các thành phần DirectX này còn được sử dụng cho nhiều mục đích khác. Bất kỳ trình ứng dụng đa phương tiện nào cũng có thể sử dụng DirectX để cải tiến audio và video. Tuy nhiên, các game tận dụng những gì mà DirectX cung cấp. Và do Windows XP hỗ trợ phiên bản mới nhất của DirectX, nên bạn có thể chạy các game mới nhất trên phần cứng mới nhất với hiệu ứng cao nhất.

Xử lý các sự cố game

Nếu bạn cần kiểm tra các tính năng của hệ thống, hãy sử dụng một game. Các hệ thống hoạt động tốt với các loại trình ứng dụng khác thường bộc lộ các điểm yếu của chúng khi được kiểm tra với các game PC mới nhất.

Các sự cố về tính tương thích

Ngoài tính tương thích cao với các game và trình ứng dụng cũ hơn, còn có nhiều yếu tố. Thứ nhất, Microsoft đã bổ sung sự hỗ trợ âm thanh tương thích SoundBlaster vào Windows XP, cũng như sự hỗ trợ video VESA với độ phân giải cao, điều này rất cần thiết để chạy một số game cũ hơn.

Thứ hai, XP có một chế độ tương thích mới có khả năng làm cho các game và trình ứng dụng khác nghĩ rằng chúng đang chạy trên một hệ điều hành cũ hơn. Vì vậy, nếu một game được thiết kế để chạy trên chỉ Windows 95, bạn có thể chuyển sang chế độ tương thích và làm cho game nghĩ rằng Windows XP là Windows 95.

Nếu bạn gặp sự cố khi chạy một game cũ hơn, sau đây là cách xử lý:

1. Từ trong My Computer, hãy tạo một biểu tượng tắt cho chương trình gây ra sự cố. (Hoặc, nếu một biểu tượng tắt cho chương trình đã có trong menu Programs, hãy định hướng đến biểu tượng tắt đó.)
2. Nhấp phải vào biểu tượng tắt và chọn Properties từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy chọn nhãn Compatibility (như minh họa ở hình 17.2).

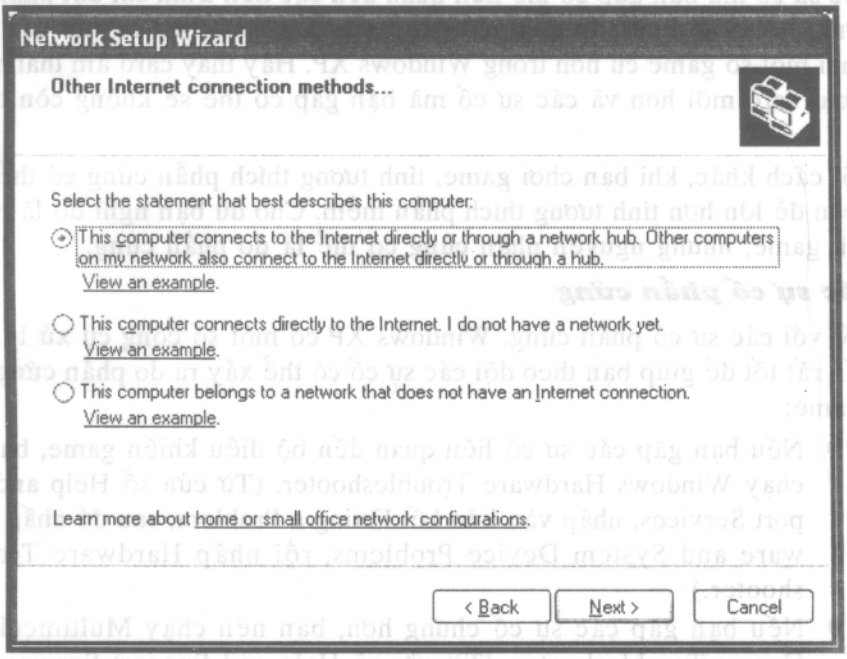

Hình 17.2 Nếu bạn gặp sự cố khi chạy một game cũ hơn, hãy cấu hình nó để chạy trong chế độ tương thích.

4. Chọn tùy chọn Run This Program In Compatibility Mode For, sau đó xổ xuống danh sách và chọn hệ điều hành nào bạn muốn mô phỏng. (Bạn có thể chọn mô phỏng Windows 95, Windows 98, Windows NT4, hoặc Windows 2000.)
5. Nếu bạn cần chạy một chương trình ở một chế độ có độ sâu màu và độ phân giải màn hình thấp hơn, hãy chọn các tùy chọn Run in 256 Colors và/hoặc Run in 640x480 Screen Resolution.
6. Nhấp OK.

Nếu cách xử lý trên không làm cho game cũ đó khởi động và chạy, bạn đừng thất vọng. Bạn nên tìm Microsoft Knowledge Base (support.microsoft.com/directory/) để xem có báo cáo nào về sự cố liên quan đến game của bạn hay không, và nếu có thì các cách xử lý nào có sẵn.

Bạn cũng có thể kiểm tra Compatibility Center của Microsoft để xem một game có tương thích với máy tính của bạn hay không. Bạn có thể nối kết với Compatibility Center bằng cách mở Help and Support Services của XP và nhấp Compatible Hardware and Software Link. (Bạn sẽ cần mở một nối kết Internet để kiểm tra cơ sở dữ liệu này.)

Một nơi khác để kiểm tra các sự cố về tính tương thích là Web site NT Compatible (www.ntcompatible.com/0.shtml). Site này liệt kê hàng trăm game khác nhau, và cho biết chúng có tương thích với các phiên bản khác nhau của Windows hay không.

Các sự cố mà bạn gặp có thể liên quan đến các tiến trình cài đặt phần cứng cũ hơn. Chẳng hạn, nếu bạn có một card âm thanh cũ, bạn có thể gặp sự cố khi chơi một số game cũ hơn trong Windows XP. Hãy thay card âm thanh bằng một loại card mới hơn và các sự cố mà bạn gặp có thể sẽ không còn tồn tại nữa.

Nói cách khác, khi bạn chơi game, tính tương thích phần cứng có thể sẽ là một vấn đề lớn hơn tính tương thích phần mềm. Cho dù bạn nghĩ đó là một sự cố của game, nhưng nguyên nhân cũng có thể là do phần cứng.

Các sự cố phần cứng

Đối với các sự cố phần cứng, Windows XP có một số công cụ xử lý sự cố cài sẵn rất tốt để giúp bạn theo dõi các sự cố có thể xảy ra do phần cứng dành cho game:

- Nếu bạn gặp các sự cố liên quan đến bộ điều khiển game, bạn nên chạy Windows Hardware Troubleshooter. (Từ cửa sổ Help and Support Services, nhấp vào liên kết Fixing a Problem, sau đó nhấp Hardware and System Device Problems, rồi nhấp Hardware Troubleshooter.)
- Nếu bạn gặp các sự cố chung hơn, bạn nên chạy Multimedia and Games Troubleshooter. (Từ cửa sổ Help and Support Services, hãy nhấp vào liên kết Fixing a Problem, nhấp Games, Sound, and Video Problems, rồi nhấp Games and Multimedia Troubleshooter.)
- Nếu bạn gặp các sự cố liên quan đến DirectX, bạn nên chạy DirectX Diagnostic Tool. (Từ cửa sổ Help and Support Services, hãy nhấp vào liên kết Fixing a Problem, nhấp Games, Sound, and Video Problems, rồi nhấp Troubleshooting DirectX.)

Bạn cũng có thể kiểm tra Compatibility Center của Microsoft, như đã nêu trước đây, để xem có sự cố tương thích nào liên quan đến audio, video, hay thiết bị điều khiển trên hệ thống của bạn hay không.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Cách tốt nhất để xem một game có hoạt động trong Windows XP hay không là cài đặt nó và chơi thử. Nếu nó hoạt động thì tốt. Nếu không, bạn có thể phải thử nhiều tùy chọn khác nhau có sẵn.

Sau đây là mười thủ thuật quan trọng nhất mà bạn cần ghi nhớ:

1. Bạn có thể nối kết bộ điều khiển game qua một cổng USB, cổng game, hay cổng nối tiếp - mặc dù nối kết USB là dễ nhất.
2. Bạn có thể kiểm tra và định chuẩn bộ điều khiển game trong trình tiện ích Game Controllers, được truy cập từ Control Panel.
3. Để chơi các game PC ngày nay, bạn cần một hệ thống có công suất cao với một bộ xử lý nhanh, nhiều bộ nhớ và khoảng trống đĩa cứng, một ổ CD/DVD-ROM, các card âm thanh và video 3D.

4. Windows XP hỗ trợ phiên bản mới nhất của DirectX (phiên bản 8) để chơi game.
5. Đối với tính tương thích với các game 16 bit cũ hơn, Windows XP cung cấp sự hỗ trợ video SoundBlaster và VESA.
6. Nếu bạn gặp sự cố khi chạy một game cũ hơn, hãy mở hộp thoại Properties của nó và chọn một chế độ tương thích cũ hơn - điều này sẽ làm cho game nghĩ rằng nó đang chạy trên một phiên bản cũ hơn của Windows.
7. Nếu bạn không biết chắc một game hay thành phần phần cứng có tương thích với Windows XP hay không, hãy mở Help and Support Services và nhấp vào liên kết Compatible Hardware and Software để truy cập Compatibility Center của Microsoft.
8. Một nơi khác để kiểm tra tính tương thích của game là NT Compatible (www.ntcompatible.com/0.shtml).
9. Nếu bạn gặp sự cố, có khả năng nguyên nhân là do phần cứng cũ hơn hay không theo tiêu chuẩn chứ không phải do các game mà bạn cố chơi.
10. Để theo dõi các sự cố liên quan đến phần cứng, hãy sử dụng Hardware Troubleshooter, Multimedia and Games Troubleshooter, hoặc DirectX Diagnostic Tool.

Chương 18

Cài đặt một mạng gia đình hay mạng doanh nghiệp nhỏ

- *Tìm hiểu các loại mạng khác nhau*
- *Cài đặt mạng*
- *Chạy Network Setup Wizard*
- *Cài đặt sự chia sẻ mạng*
- *Truy cập các file, máy in và các máy tính khác trên mạng*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Trong gia đình của bạn có thể có nhiều máy tính: một để bạn làm việc, một để vợ hoặc chồng của bạn sử dụng, và một dành cho các con của bạn. Thậm chí bạn cũng có thể có thêm một máy tính laptop.

Ngoài tất cả các máy tính trên, bạn có thể có nhiều thiết bị ngoại vi: có thể là một hoặc hai máy in, một máy quét, và một camera PC. Bạn cũng có thể có một camera kỹ thuật số hay một ổ Zip ngoài.

Và có Internet. Bạn có một nối kết và tất cả các máy tính đó. Và mọi người đều muốn vào trực tuyến cùng lúc.

Khi bạn cần chia sẻ các file, hay máy in hay một nối kết Internet, bạn cần nối kết tất cả các máy tính vào một mạng. Chính xác là mạng cục bộ (LAN).

Trước đây việc cài đặt và cấu hình một LAN tương đối khó, dù trong gia đình, trong một doanh nghiệp nhỏ, hay trong một công ty lớn. Bạn phải xử lý các router, công tắc, hub, và tất cả các loại giao thức cũng như cấu hình. Chưa kể đến việc bạn phải cài đặt các cáp đồng trục hay cáp cặp xoắn, và các card mạng trong mỗi PC.

Ngày nay, với sự ra đời của các card mạng, hub, và các cáp, việc lắp đặt một mạng trở nên dễ dàng hơn nhiều so với trước đây. Và nhờ vào Windows XP, việc cài đặt mỗi PC trên mạng cũng tương đối dễ.

Tất cả những gì bạn phải làm là nối kết mọi thứ lại với nhau, sau đó chạy Network Setup Wizard của Windows XP. Công nghệ Universal Plug and Play của XP đủ thông minh để nhận ra các thiết bị nào được cài đặt ở nơi nào và thực hiện hầu như mọi cấu hình cho bạn. Bạn phải trả lời một hoặc hai câu hỏi - dĩ nhiên bạn phải lắp đặt tất cả các card và cáp.

Với Windows XP, không có lý do nào để không cài đặt một mạng gồm nhiều PC trong gia đình của bạn hay trong một doanh nghiệp nhỏ.

Tìm hiểu các loại mạng khác nhau

Một mạng máy tính là một mạng gồm hai hay nhiều máy tính được nối kết lại với nhau. Khi các máy tính được nối kết với nhau, chúng có thể gởi và nhận các tín hiệu điện tử, điều này cho phép chúng giao tiếp với nhau (thường là qua e-mail), hay chia sẻ các thứ. Các máy tính trên một mạng có thể chia sẻ các file - nghĩa là một máy tính có thể truy cập các file trên một máy tính khác. Chúng có thể chia sẻ máy in, bằng cách gởi các yêu cầu in qua mạng đến PC được nối kết với máy in. Chúng có thể chia sẻ một nối kết Internet, dù qua một modem truyền thống hay một loại nối kết dải rộng. Thậm chí chúng có thể chia sẻ các trình ứng dụng phần mềm.

Khi bạn có nhiều máy tính được nối kết với nhau như vậy, tất cả các user của bạn hầu như có thể làm việc như một máy tính thật sự lớn. Khi bạn được nối kết theo cách này bạn có cần phải biết một file nằm ở đâu, hay một máy in được nối kết với máy tính nào không? Bạn chỉ làm công việc của bạn, và truy cập các nguồn tài nguyên mà bạn cần, bất kể chúng ở đâu.

Các điểm cơ bản về mạng

Việc nối kết tất cả các máy tính này lại với nhau thật sự khá đơn giản. Mỗi máy tính phải có một card giao diện mạng (NIC) được cài đặt và cấu hình. Nếu bạn nối kết trên hai máy tính trong mạng, mỗi card mạng phải được nối kết với một hub, đây là một thiết bị đơn giản có chức năng giống như trục bánh xe và là điểm trung tâm trong mạng. Mỗi máy tính phải được cấu hình để nó là thành phần của mạng, và để chia sẻ các file, các folder, và các thiết bị ngoại vi được chỉ định.

Về mặt vật lý, việc nối kết một mạng tương đối dễ. Bạn có thể chọn loại mạng hữu tuyến hay vô tuyến, bạn có thể tìm thấy mọi thứ mà bạn cần cho mỗi loại mạng nằm trong "bộ công cụ nối mạng" đã được lắp ráp sẵn. Các bộ này thường chứa các card, các cáp và các hub mà bạn cần để lắp đặt mạng, cùng với các chỉ dẫn để thực hiện.

Phần cấu hình trong khi cài đặt một mạng được điều khiển bởi hệ điều hành. Với Windows XP, điều này được thực hiện một cách dễ dàng.

Network Setup Wizard của Windows XP hướng dẫn bạn từng bước cài đặt và cấu hình mạng. Bạn chạy wizard trên mỗi PC được nối kết với mạng, và cho nó biết về mọi thứ mà bạn đã nối kết, chẳng hạn như máy in, hay một nối kết Internet mà bạn muốn chia sẻ.

Wizard thực hiện mọi việc, và khi nó thực hiện xong, mạng sẽ chạy và sẵn sàng để bạn sử dụng.

Ghi chú

Network Setup Wizard trên các máy tính đang chạy Windows XP, Windows Me, Windows 98, và Windows 2000. Nếu bạn có một máy tính đang chạy một hệ điều hành khác, bạn cần sử dụng phần mềm nối mạng của nhóm thứ ba.

Các tùy chọn nối kết

Khi nối kết mạng, bạn có nhiều tùy chọn. Sau đây là các loại mạng chính mà bạn cần xem xét.

Các mạng Ethernet

Một mạng Ethernet là một mạng hữu tuyến. Bạn cài đặt Ethernet NIC trên mỗi PC, và nối kết các card qua cáp Ethernet. Tuy loại mạng này rất dễ cài đặt và chi phí thấp nhưng bạn phải xử lý tất cả các cáp. Dữ liệu được truyền với tốc độ 10Mbps hay 100Mbps, tùy thuộc vào thiết bị mà bạn cài đặt.

Một mạng Ethernet 100Mbps được gọi là Fast Ethernet. Một số card và hub được ghi nhãn 10/100 bởi vì nó có thể xử lý tiến trình truyền dữ liệu với tốc độ 10Mbps hoặc 100Mbps, phụ thuộc vào khả năng của thiết bị khác trên mạng.

Ghi chú

Nếu bạn nối kết mạng với một nối kết modem cáp hay DSL, bạn cần ít nhất một phần của mạng là mạng Ethernet. Đó là bởi vì phần lớn các modem cáp và DSL được thiết kế để nối kết với một card Ethernet trong PC. (Sau đó bạn có thể tạo một cầu nối giữa nối kết Ethernet và một loại mạng khác, nếu cần.)

Các mạng vô tuyến

Các mạng vô tuyến sử dụng các tín hiệu tần số radio (RF) để nối kết máy tính này với máy tính kia. Ưu điểm lớn nhất của mạng vô tuyến là bạn không phải chạy bất kỳ cáp nào-đây là một điểm rất thuận lợi nếu bạn có một ngôi nhà lớn với các máy tính nằm ở mỗi đầu.

Windows XP hỗ trợ tiêu chuẩn nối mạng vô tuyến IEEE 802.11b, vốn có khả năng tăng tốc độ lên đến 11Mbps. Đây là loại mạng vô tuyến được sử dụng trong các công ty lớn, nó mạnh và rất ổn định.

Ghi chú

Tên chính thức của tiêu chuẩn nối mạng vô tuyến 802.11 là WiFi (wired fidelity). WiFi cho phép bạn nối kết với các điểm truy cập mạng vô tuyến ở cách xa PC của bạn đến 150 feet.

Một lý do khác để xem xét cài đặt một mạng vô tuyến 802.11b là các điểm truy cập mạng WiFi đang được cài đặt ở nhiều nơi. Sự thực thi 802.11b của Windows XP là để bạn có thể di chuyển từ vùng này đến vùng kia, và PC sẽ được cấu hình cho điểm truy cập mới, hoàn toàn tự động. Điều này có nghĩa là bạn có thể chuyển đổi giữa các mạng vô tuyến mà không phải khởi động lại.

Một loại mạng vô tuyến khác, cũng được hỗ trợ bởi Windows XP, là HomeRF. Các mạng HomeRF thường có chi phí thấp hơn các mạng 802.11b, nhưng chậm hơn. Chẳng hạn, hệ thống vô tuyến HomeFree của Diamond truyền dữ liệu với tốc độ 1Mbps, và hệ thống AnyPoint Wireless của Intel truyền với tốc độ lên đến 1.6Mbps.

Các mạng điện thoại

Nếu bạn không muốn chạy cáp và cũng không muốn chi phí cao của một mạng vô tuyến 802.11 (hay tốc độ thấp của một hệ thống HomeRF), bạn hãy xem xét việc nối kết mạng qua các tuyến điện thoại trong nhà.

Mạng điện thoại đem lại sự tiện lợi giống như một mạng vô tuyến, nhưng có tốc độ truyền dữ liệu cao hơn và đáng tin cậy hơn. Với công nghệ nối mạng qua tuyến điện thoại (thường được gọi là HomePNA, dựa vào các đặc tính kỹ thuật được phát triển bởi Home Phone Networking Alliance), bạn nối kết mỗi máy tính với một adapter được cắm vào một ổ cắm phone chuẩn. Các tín hiệu dữ liệu được gởi từ máy tính qua adapter vào tuyến điện thoại trong nhà, được tiếp nhận bởi một adapter khác và PC ở nơi khác trên mạng.

Ghi chú

Bởi vì một adapter trên mạng HomePNA gởi tín hiệu của nó ở một tần số khác nên mạng máy tính có thể chia sẻ tuyến điện thoại với sự lưu thông dữ liệu và giọng nói khác.

Có nhiều sản phẩm HomePNA trên thị trường, phổ biến nhất là bộ AnyPoint Home Network của Intel. Adapter AnyPoint chuẩn cắm vào một cổng song song USB trên PC, sau đó nối kết với tuyến điện thoại gần nhất. (Hub không cần thiết.)

Cài đặt mạng

Trước khi bạn chạy Network Setup Wizard, bạn phải lập kế hoạch và nối kết tất cả các thành phần mạng. Sau đây là một vài hướng dẫn chung về cách cài đặt tốt nhất.

Trước tiên, hãy vẽ sơ đồ mạng. Đưa vào mọi thứ bạn muốn nối kết, bao gồm cả máy in, máy quét, các tuyến điện thoại, hay các modem cáp/DSL.

Kế bên mỗi máy tính trên sơ đồ, hãy cho biết phần cứng nào được nối kết với PC đó. Chẳng hạn, một PC có thể được nối kết với một máy in, một PC khác với một modem quay số. Nếu một máy tính có cài đặt các card mạng, hãy ghi chú điều đó.

Nếu bạn muốn chia sẻ một nối kết Internet, hãy xác định PC nào sẽ là máy chủ. Đây thường sẽ là PC nằm gần modem dải rộng hay quay số nhất. (Lưu ý máy chủ phải có hai card được cài đặt để tính năng Internet Connection Sharing của Windows XP hoạt động).

Xác định loại adapter mạng nào mà bạn sẽ sử dụng: Ethernet, vô tuyến, hay điện thoại. Sau đó lập danh sách tất cả phần cứng mà bạn cần mua, bao gồm các card mạng, hub (nếu bạn đang chạy một mạng Ethernet) và các cáp. Nhớ mua các cáp đủ dài để bạn có thể chạy chúng đến nơi cần thiết.

Ghi chú

Cho dù bạn nối kết một mạng vô tuyến hay mạng điện thoại, PC chủ vẫn có một card Ethernet để kích hoạt tính năng Internet Connection Sharing. Card Ethernet sẽ nối với nối kết Internet, trong khi card vô tuyến hay card điện thoại sẽ nối kết với phần còn lại của mạng.

Kế tiếp, hãy đến một cửa hiệu máy tính ở địa phương và mua tất cả máy tính và cáp cần thiết. Nhớ kiểm tra các bộ công cụ có sẵn. Chọn bộ có một số hoặc tất cả thiết bị mà bạn cần.

Bước kế tiếp là cài đặt tất cả phần cứng. Bạn cần cài đặt một card mạng trong mội PC (và hai trong PC chủ). Với Plug and Play, việc này thường dễ như việc tắt PC, cài đặt card, và sau đó bật PC lên trở lại. Windows XP sẽ nhận biết card mới và cài đặt các trình điều khiển thích hợp một cách tự động.

Ghi chú

Xem chương 6 để tìm hiểu thêm thông tin về việc cài đặt phần cứng mới cho PC.

Trước khi thực hiện bước kế tiếp, bạn phải tắt tất cả các máy tính và máy in. Sau đó hãy chạy tất cả các cáp cần thiết, nối chúng với mỗi máy tính và hub trong mạng. Ngay sau khi tất cả máy tính được nối kết, bạn có thể bật chúng trở lại.

Bảo đảm PC chủ có một nối kết Internet hoạt động, sau đó chạy Network Setup Wizard trên PC đó. Ngay sau khi PC chủ đã được cấu hình, hãy chạy wizard trên các PC khác, mỗi lần một PC.

Ngay sau khi PC cuối cùng đã được cấu hình, mạng được cài đặt và chạy. Lúc đó bạn có thể cấu hình các thiết bị ngoại vi và các folder để chia sẻ (hay không chia sẻ) qua mạng, và trở lại bất kỳ điều gì bạn đã thực hiện trước đây. Bảng 18.1 Liệt kê các thiết bị mà bạn sẽ cần cho mỗi PC trên mỗi loại mạng.

Bảng 18.1 Các thiết bị cần thiết cho mỗi loại mạng

Loại mạng	PC chủ	Các PC khác
Ethernet	Card mạng Ethernet (2) hub mạng Ethernet (1 dành cho toàn mạng) Modem (quay số hay dảy rộng).	Card mạng Ethernet (1)
Vô tuyến	Adapter mạng vô tuyến (1) card mạngEthernet (1) Modem (quay số hay dải rộng)	Adapter mạng vô tuyến (1)
Điện thoại	Adapter mạng HomePNA (1) card mạng Ethernet (1) Modem (quay số hay dải rộng)	Adapter mạng HomePNA (1)

Nếu bạn đang nối kết một mạng Ethernet, bạn cũng cần một mạng Ethernet để chạy từ hub đến máy tính chủ và các cáp bổ sung để nối mỗi PC khác với hub. Nếu bạn đang nối kết một mạng điện thoại, bạn sẽ cần các cáp điện thoại để nối kết mỗi PC (cả PC chủ) với lỗ cắm điện thoại gần nhất. Và cho dù bạn đang cài

đặt loại mạng nào và nếu bạn đang nối kết với một modem dải rộng, bạn cần một cáp Ethernet để chạy từ modem đến PC chủ.

Chạy Network Setup Wizard

Sau khi bạn đã nối kết các máy tính lại với nhau, Network Setup Wizard của Windows XP sẽ hướng dẫn bạn từng bước cài đặt mạng gia đình ngay sau khi wizard chạy, bạn có thể chia sẻ các nguồn tài nguyên như các file, máy in và một nối kết Internet với một máy tính trên mạng.

Network Setup Wizard phải được chạy trên mỗi máy tính trên mạng. Bạn bắt đầu bằng cách chạy wizard trên máy tính chủ.

Thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút Start và sau đó chọn All Programs, Accessories, Communications, Network Setup Wizard.
2. Nhấp nút Next để di chuyển qua các màn hình giới thiệu. Khi bạn đến màn hình Select a Connection Method (như minh họa ở hình 18.1), hãy chọn tùy chọn đầu tiên, This Computer Connects Directly to the Internet-The Other Computers In My Home Network Connect to the Internet Through This Computer. Nhấp Next.

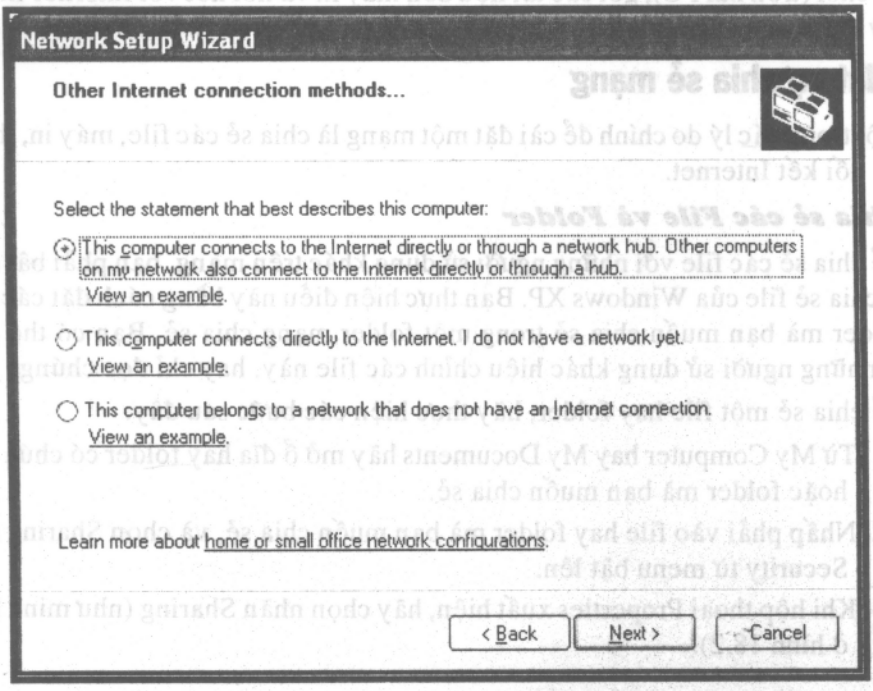

Hình 18.1 Sử dụng Home Network Wizard để cấu hình PC mà bạn đã nối kết với Internet.

3. Khi màn hình Select Your Internet Connection xuất hiện, hãy chọn Internet Connection mà bạn sẽ sử dụng cho mạng. Nhấp Next.

4. Khi màn hình Give This Computera Description and Name xuất hiện, hãy nhập một nội dung mô tả cho PC này (thường là nhãn hiệu và loại), cùng với một tên duy nhất (chẳng hạn như "Main Computer"). Nhấp Next.
5. Khi màn hình Ready to Apply Network Settings xuất hiện, hãy nhấp nút Next, sau đó thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất việc cấu hình mạng.

Ngay sau khi bạn đã chạy Network Setup Wizard trên PC chủ, bạn phải chạy nó trên tất cả các PC khác trên mạng. Nếu một máy tính đang chạy Windows XP, bạn có thể chạy wizard như đã nêu trước đây. Nếu một máy tính đang chạy Windows 98, Windows Me, hay Windows 2000, bạn cần chạy wizard từ CD cài đặt Windows XP. (Đặt CD vào và sau khi màn hình chính xuất hiện, hãy chọn Use Windows Support Tools, rồi chọn Tools, Network Setup Wizard.)

Khi bạn chạy wizard trên một PC không phải là PC chủ, bạn cần chọn tùy chọn This Computer Connects to the Internet Through Another Computer In My Home Network. Sau đó thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình và để cho XP hoàn tất việc cấu hình mạng giúp bạn.

Ngay sau khi tất cả các máy tính được cấu hình, mạng của bạn có đầy đủ chức năng. Bây giờ bạn có thể chia sẻ các file giữa các PC, mở các game gồm nhiều người chơi (trên hai PC), gởi các tài liệu đến máy in và nối kết với Internet-nối từ bất kỳ PC nào trên mạng.

Cài đặt sự chia sẻ mạng

Một trong các lý do chính để cài đặt một mạng là chia sẻ các file, máy in, thậm chí cả nối kết Internet.

Chia sẻ các File và Folder

Để chia sẻ các file với những người sử dụng khác trên mạng, bạn phải bật tính năng chia sẻ file của Windows XP. Bạn thực hiện điều này bằng cách đặt các file và folder mà bạn muốn chia sẻ trong một folder mạng chia sẻ. Bạn có thể cho phép những người sử dụng khác hiệu chỉnh các file này, hay chỉ đọc chúng.

Để chia sẻ một file hay folder, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ My Computer hay My Documents hãy mở ổ đĩa hay folder có chứa file hoặc folder mà bạn muốn chia sẻ.
2. Nhấp phải vào file hay folder mà bạn muốn chia sẻ, và chọn Sharing and Security từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy chọn nhãn Sharing (như minh họa ở hình 18.2).

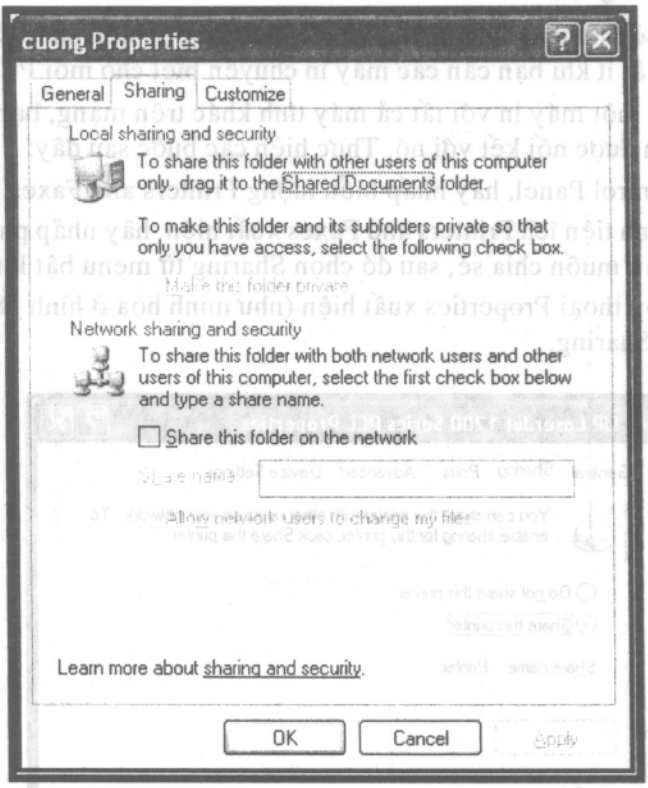

Hình 18.2 Cấu hình sự chia sẻ file qua mạng

4. Chọn tùy chọn Share This Folder On the Network.
5. Nếu bạn muốn file này là file chỉ đọc (read only), hãy xóa chọn tùy chọn Allow Network User to Change My Files. Nếu bạn muốn những người sử dụng khác có thể hiệu chỉnh file của bạn, hãy chọn tùy chọn này.
6. Nhấp OK.

Bạn cần thực hiện điều này cho mỗi file hay folder mà bạn muốn chia sẻ. Nếu bạn chọn chia sẻ một folder, tất cả các file và folder con trong folder đó cũng được đánh dấu chia sẻ.

Chia sẻ thiết bị và các ổ đĩa

Bạn không chỉ có thể chia sẻ các file và folder riêng lẻ mà còn chia sẻ các ổ đĩa-bao gồm các ổ đĩa cứng, các ổ CD-ROM hoặc DVD, và các ổ đĩa có thể tháo rời, chẳng hạn như các đĩa Zip. Chỉ cần thực hiện các bước sau đây:

1. Từ trong My Computer, hãy chọn thiết bị hay ổ đĩa mà bạn muốn chia sẻ.
2. Từ danh sách Tasks của ô trung tâm hoạt động, hãy chọn Share This Disk Drive, Share This CD, hay Share This Disk.

Chia sẻ máy in

Việc chia sẻ một máy in giữa nhiều máy tính là một biện pháp rất hiệu quả về mặt chi phí. Rất ít khi bạn cần các máy in chuyên biệt cho mỗi PC trong nhà.

Để chia sẻ một máy in với tất cả máy tính khác trên mạng, bạn cần cấu hình PC mà máy in được nối kết với nó. Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Printers and Faxes.
2. Khi trình tiện ích Printers and Faxes xuất hiện, hãy nhấp phải vào máy in mà bạn muốn chia sẻ, sau đó chọn Sharing từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Properties xuất hiện (như minh họa ở hình 18.3), hãy chọn nhãn Sharing.

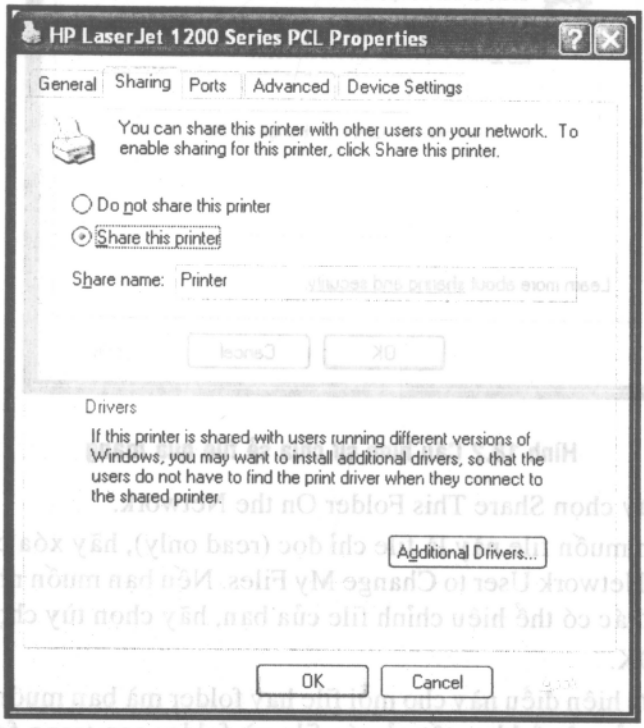

Hình 18.3 Cấu hình PC chủ của máy in để chia sẻ máy in với phần còn lại của mạng.

4. Chọn tùy chọn Share Name và nhập một tên cho máy in. (Thường là nhãn hiệu và số model.)
5. Nếu có một máy tính trên mạng chạy hệ điều hành khác Windows XP, bạn cần cài đặt các trình điều khiển máy in dành cho hệ điều hành đó. Nhấp nút Additional Drivers để hiển thị hộp thoại Additional Drivers, kiểm tra các hệ điều hành đang được sử dụng trong mạng. Nhấp OK để cài đặt các trình điều khiển.
6. Khi bạn trở lại hộp thoại Properties, hãy nhấp OK.

Ngay sau khi PC chủ của máy in được cấu hình, máy in này bây giờ sẽ xuất

hiện tự động trên các PC khác trên mạng. Bạn có thể kiểm tra điều này bằng cách mở trình tiện ích Printers and Faxes trên các PC khác và tìm máy in vừa được nối mạng. Nếu máy in không xuất hiện, bạn có thể nhấp biểu tượng Add Printer để bổ sung máy in mạng vào PC đó.

Chia sẻ một nối kết Internet

Khi bạn chạy Network Setup Wizard, bạn đã kích hoạt Internet Connection Sharing dành cho mạng của bạn. Nếu máy tính chủ được nối kết với Internet, tất cả các máy tính khác đều có sự truy cập đồng thời vào Internet.

Xem chương 7 để tìm hiểu thêm về việc chia sẻ để nối kết Internet

Truy cập các File, máy in và các máy tính khác trên mạng

Ngay sau khi bạn đã cài đặt tất cả các máy tính để chia sẻ file, folder và máy in, bạn làm thế nào để truy cập tất cả file, folder, và máy tính đó? Điều này rất dễ, miễn sao bạn biết nơi để truy cập.

Windows XP hiển thị tất cả các máy tính, máy in, ổ đĩa, folder, và các nguồn tài nguyên chia sẻ khác trên mạng trong folder My Network Places. Bạn mở folder này bằng cách nhấp vào biểu tượng My network Places trên nền màn hình, hoặc bằng cách nhấp vào liên kết My network Places trong một PC của ô trung tâm hoạt động.

Như bạn có thể nhìn thấy ở hình 18.4, tất cả các folder, các file và các thiết bị chia sẻ đều được hiển thị tự động trong cửa sổ My Network Places. Bạn có thể nhấp vào một trong các biểu tượng này để mở nguồn tài nguyên cụ thể đó.

Để xem tất cả các máy tính trong workgroup, hãy nhấp vào liên kết Network Computers trong ô Network Tasks. Cửa sổ kế tiếp sẽ hiển thị tất cả các máy tính mà máy tính này được nối kết với chúng.

Để hiển thị tất cả máy tính trên toàn mạng, hãy nhấp vào liên kết Microsoft Windows Network trong ô Other Places. Cửa sổ kế tiếp sẽ hiển thị tất cả các mạng mà máy tính này được nối kết. Nhấp vào một biểu tượng mạng để hiển thị tất cả máy tính đang được nối kết. (Mạng gia đình của bạn có thể có nhãn Mshome.)

Ghi chú

Một máy tính sẽ được hiển thị chỉ khi nó được bật và được nối kết với mạng. Bất kỳ máy tính nào được nối kết với mạng nhưng đã được tắt sẽ không được hiển thị.

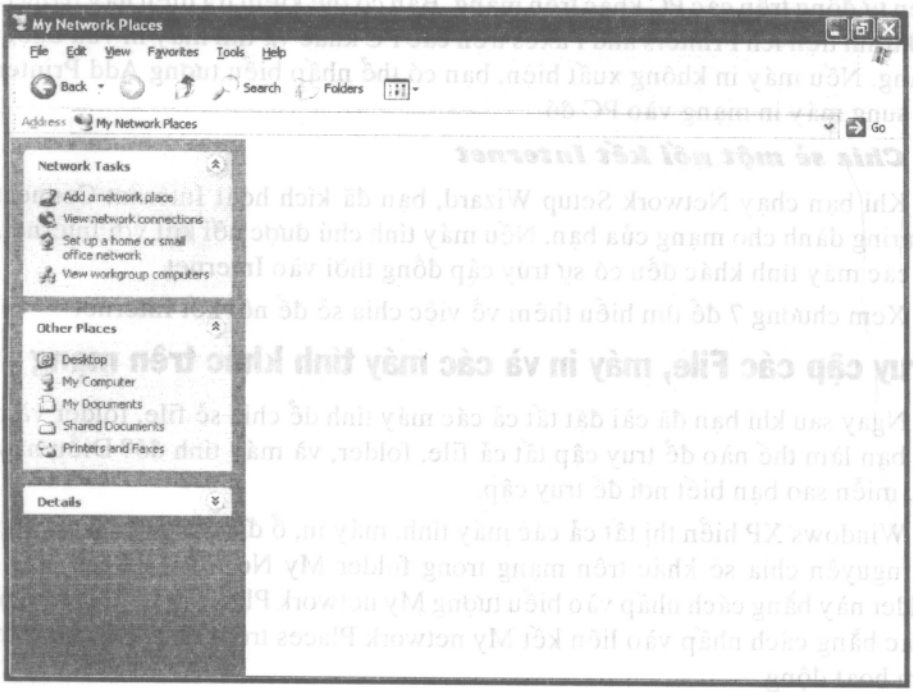

Hình 18.4 Sử dụng My Network Places để truy cập tất cả các nguồn tài nguyên chia sẻ trên mạng.

Bạn cũng có thể tạo các biểu tượng tắt trong folder My Network Places cho các file và folder trong các folder chia sẻ. (Điều này giúp bạn dễ dàng đến một file hay folder mà không phải nhấp qua một loạt các folder con.) Chỉ cần nhấp vào liên kết Add a Network Place trong ô Network Task, và thực hiện theo các chỉ dẫn trong Add Network Place Wizard.

Tìm các máy tính khác trên mạng

Nếu máy tính của bạn được nối kết với một mạng lớn, chỉ các máy tính trong workgroup của bạn mới được hiển thị trong cửa sổ My Network Places. bạn có thể xem tất cả các máy tính trên mạng bằng cách nhấp vào biểu tượng entire Network, hoặc bạn có thể tìm các máy tính cụ thể bằng cách sử dụng Search companion của Windows XP, thực hiện các bước sau đây:

1. Nhấp nút search trên thanh công cụ My Network Places.
2. Khi Search Companion hiển thị, hãy nhập tên của máy tính mà bạn muốn tìm vào hộp Computer Name.
3. Nhấp nút Search để liệt kê tất cả các máy tính có tên đó trên mạng.

Thủ thuật

Bạn có thể sử dụng các ký tự thay thế trong tên máy tính nếu bạn không biết chắc tên của máy

tính. chẳng hạn để tìm một tổ hợp gồm nhiều ký tự, hãy sử dụng một dấu *, việc tìm BOB* sẽ cho ra BOBS, BOBIE, hay BOBBY.

Truy cập một file hay folder chia sẻ

Nếu một file hay folder đã được đánh dấu chia sẻ, bạn sẽ dễ dàng truy cập hạng mục đó từ một máy tính trên mạng. Tất cả những gì bạn phải làm là mở folder My Network Places và di chuyển qua các ổ đĩa và folder chia sẻ cho đến khi bạn đến các hạng mục mong muốn.

Ngay sau khi bạn tìm thấy file hay folder đó, bạn có thể làm việc trên nó giống như bạn thực hiện với một file hay folder trên PC của bạn. thậm chí bạn có thể sao chép file hay folder đó sang PC của bạn.

Cảnh báo

Bạn không thể hiệu chỉnh bất kỳ file nào đã được đánh dấu là read only (chỉ đọc) trên mạng.

In ra một máy in mạng

Nếu bạn đã cấu hình các PC để chia sẻ một máy in, bạn có thể in ra máy in đó từ bất kỳ PC nào trên mạng. Máy in mạng chia sẻ xuất hiện ở dạng một mục chọn máy in cho tất cả các trình ứng dụng trong tất cả các PC.

Khi bạn in một tài liệu từ một trình ứng dụng, hãy chọn File, Print. Khi hộp thoại Print xuất hiện, hãy chọn máy in mạng từ danh sách Name.

Khi bạn nhấp OK để bắt đầu in, công việc in của bạn sẽ được gởi từ PC hiện hành, qua mạng, đến PC được nối kết với máy in, sau đó đến máy in để in. Tất cả chỉ bằng một thao tác nhấp nút!

10 thủ thuật quan trọng nhất

Khi bạn lập kế hoạch nối kết mạng, hãy ghi nhớ 10 thủ thuật quan trọng nhất sau đây:

1. Khi bạn muốn chia sẻ thông tin, file, máy in, hay một nối kết Internet giữa hai hay nhiều máy tính, bạn cần nối kết các máy tính đó trong một mạng.
2. Bạn có thể chọn tạo một mạng Ethernet (hữu tuyến),mạng vô tuyến (sử dụng các tín hiệu RF), hay một mạng nối kết qua các tuyến điện thoại trong nhà. Một mạng Ethernet nhanh nhất và rẻ nhất mặc dù bạn có thể phải xử lý việc chạy nhiều cáp.
3. Khi bạn nối kết một mạng Ethernet, bạn phải cài đặt một card giao diện mạng trong một máy tính, sau đó nối kết mỗi card với một hub mạng.
4. Home Network Wizard của Windows XP đơn giản hóa tiến trình cài đặt và cấu hình mạng. Chỉ cần cài đặt phần cứng và chạy wizard (trên mỗi máy tính), mạng của bạn sẽ khởi động và sẵn sàng để bạn sử dụng.
5. Để chia sẻ một nối kết Internet, máy tính được nối kết với Internet (được gọi là PC chủ), phải có hai card mạng được cài đặt-một đến modem, và một đến hub mạng.

6. Ngay sau khi mạng được cài đặt, bạn có thể cấu hình các ổ đĩa riêng lẻ, các folder và các file sẽ được chia sẻ với các máy tính trên mạng khác. (Sử dụng nhãn Shared trong hộp thoại file/folder.)
7. Để chia sẻ một máy in với các máy tính khác trên mạng, bạn phải bật tính năng chia sẻ máy in trên PC mà máy in được nối kết với nó. Bạn cũng phải bổ sung máy in đó (bằng cách sử dụng Add Printer Wizard) vào mỗi PC trên mạng.
8. Tất cả nội dung của mạng, tất cả máy tính, các file và các folder chia sẻ, và tất cả các máy in chia sẻ được hiển thị trong folder My Network Places.
9. Nếu một thiết bị hay máy tính không xuất hiện trong folder My Network Places, hãy nhấp vào biểu tượng Entire Network. Bạn cũng có thể tìm các máy tính riêng lẻ trên một mạng lớn bằng cách nhấp vào Search For Computer.
10. Khi bạn truy cập một file hay folder chia sẻ, nó giống như việc truy cập hạng mục đó trên PC của riêng bạn. Thậm chí bạn có thể sao chép hay di chuyển file hay folder đó sang PC của bạn.

Chương 19

Sử dụng Windows XP trên máy tính xách tay

- *Cải tiến màn hình với ClearType*
- *Tối ưu hóa bộ pin*
- *Nối kết hai PC với một nối kết mạng trực tiếp*
- *Điều khiển một máy tính khác bằng Remote Desktop Connection*
- *Sử dụng Briefcase để đồng bộ hóa các file*
- *Làm việc với các file ngoại tuyến*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Windows XP có nhiều tính năng mới và cải tiến mà những người sử dụng máy tính xách tay rất quan tâm. Các tính năng này giúp bạn dễ dàng xem những gì bạn đang thực hiện, tăng tối đa thời gian tồn tại của bộ pin, giúp bạn chia sẻ và đồng bộ hóa các file với PC hay mạng gia đình của bạn. Ngoài ra còn có một tính năng remote desktop mới đi kèm với Windows XP Professional nhằm cho phép bạn truy cập PC để bàn khi bạn đang đi công tác.

Cải tiến màn hình với ClearType

Hãy xem hình 19.1. Hình này minh họa một trang được hiển thị trên một màn hình máy tính LCD tiêu biểu. Có thể bạn không thấy bất kỳ điều gì lạ hay sai với màn hình này, bởi vì bạn đã quen nhìn thấy nó kể từ khi các màn hình màu ra đời.

Nhưng so sánh màn hình đó với màn hình ở hình 19.2, bạn sẽ thấy các hình dạng rời rạc và các nét lồi lõm của màn hình đầu tiên, đặc biệt khi so với các chữ thẳng và các nét tròn của màn hình thứ hai.

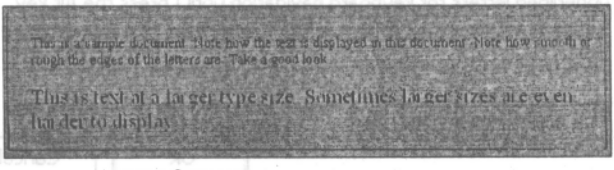

Hình 19.1 Text được hiển thị trên một màn hình máy tính LCD tiêu biểu

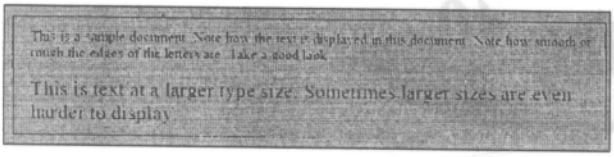

Hình 19.2 ... và text được hiển thị trên một màn hình LCD với ClearType được bật.

Màn hình đầu tiên là màn hình máy tính với ClearType không được bật. Màn hình thứ hai có ClearType được bật.

Như đã nêu trong chương 2, ClearType là một công nghệ màn hình mới tăng độ phân giải màn hình cao lên gấp ba lần trên các màn hình LCD. Nếu bạn đang sử dụng một máy tính xách tay có nhãn hiệu hay model bất kỳ, bạn phải bật ClearType.

Để bật ClearType, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Dispay.
2. Khi trình tiện ích Display Properties xuất hiện, hãy chọn nhãn Appearance.
3. Nhấp nút Effects.
4. Khi hộp thoại Effects xuất hiện (như minh họa ở hình 19.3), hãy chọn tùy chọn Use the Following Method to Smooth Edges of Screen Fonts, và chọn ClearType từ danh sách xổ xuống.

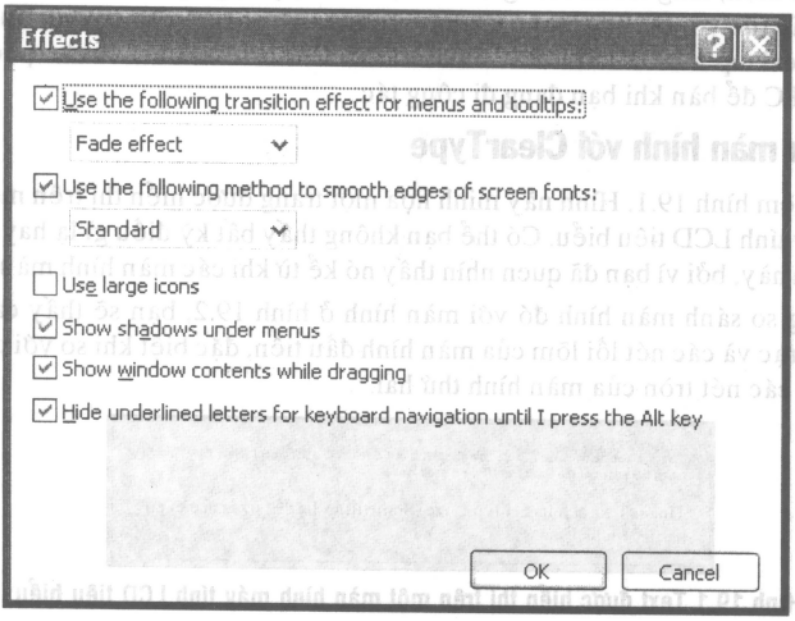

Hình 19.3 Bật ClearType từ hộp thoại Effects.

5. Nhấp OK rồi nhấp OK lần nữa.

Tối ưu hóa bộ pin

Bây giờ, chúng ta sẽ tối ưu hóa bộ pin bằng cách kéo dài thời gian tồn tại của nó.

Để kéo dài thời gian tồn tại của bộ pin, phần lớn các máy tính xách tay có các tính năng bảo toàn năng lượng đặc biệt. Phụ thuộc vào nhãn hiệu và model, monitor có thể trắng sau một khoảng thời gian không hoạt động. Hoặc ổ đĩa cứng có thể đã tắt. Hoặc toàn bộ PC đã chuyển sang chế độ hibernation (ngủ đông).

Windows XP có một trình tiện ích Power Optons vốn giúp bạn quản lý sự tiêu thụ điện của máy tính xách tay. Với trình tiện ích Power Options bạn có thể cấu hình monitor và sử dụng đĩa cứng, xác lập các âm thanh cảnh báo để tắt khi điện bộ pin sắp hết, hiển thị các đồng hồ đo điện cho mỗi bộ pin trong PC, xác lập các chế độ standby và hibernation.

Để hiển thị trình tiện ích Power Options, tất cả những gì bạn phải làm là nhấp vào biểu tượng Power Options trong Control Panel.

Ghi chú

Power Options có sẵn sẽ thay đổi phụ thuộc vào cấu hình phần cứng. Có khả năng nhà sản xuất máy tính xách tay đã đưa vào các trình tiện ích quản lý điện của riêng nó. Bạn nên sử dụng các trình tiện ích này hoặc bổ sung thêm hoặc thay cho các tính năng quản lý điện của Windows XP, vì chúng thường được điều chỉnh theo phần cứng của bạn.

Cài đặt Power Schemes

Cách dễ nhất để quản lý sự tiêu thụ điện của máy tính notebook là sử dụng power scheme của Microsoft. Một power scheme là một tập hợp các xác lập quản lý hoạt động của monitor và ổ đĩa cứng của máy tính, cũng như các chế độ standby và hibernation của máy tính.

Để thay đổi power scheme, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Power Schemes.
2. Khi trình tiện ích Power Options hiển thị, hãy chọn nhãn Power Schemes (như minh họa ở hình 19.4)

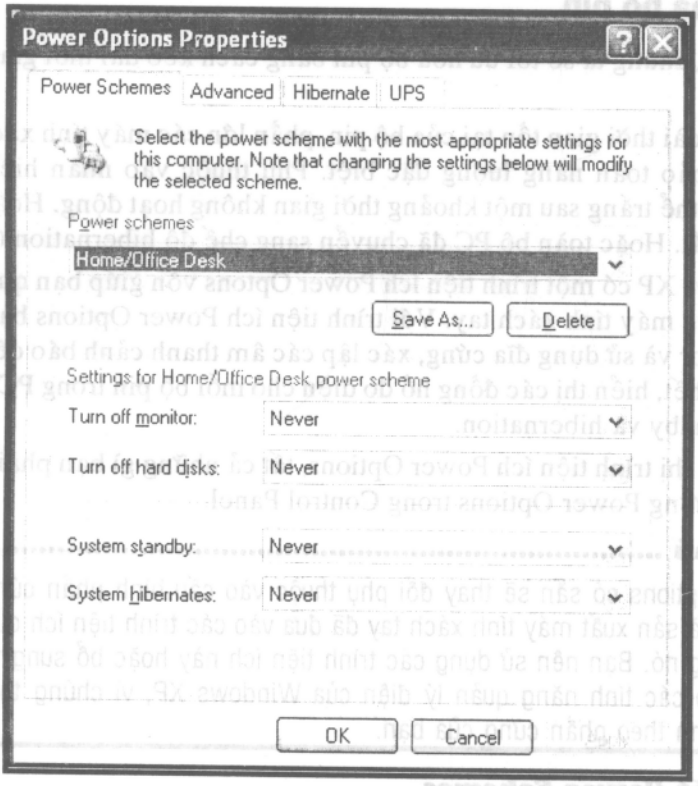

Hình 19.4 Chọn một power svheme để quản lý việc sử dụng bộ pin.

3. Xổ xuống danh sách Power Schemes và chọn một scheme mới. (Các scheme có sẵn được liệt kê trong bảng 19.1.)

4. Nhấp OK.

Bảng 19.1 liệt kê các xác lập chính dành cho mỗi power seheme.

Bảng 19.1 Các xác lập power svheme chính dành cho việc sử dụng bộ pin

Power Scheme	Turn Off Monitor After	Turn Off Hard Disks After	Initiate Standby Mode After	Initiate Hibernate Mode After
Home/Office Desk	2 mins	10 mins	1 min	10 mins
Portable/Laptop	15 mins	20 mins	30 mins	Never
Presentation	Never	5 mins	15 mins	Never
Always On	2 mins	3 mins	5 mins	Never
Minimal Power Management	5 mins	15 mins	5 mins	Never
Max Battery	1 min	3 mins	2 mins	Never

Bạn có thể hiệu chỉnh các scheme này, hoặc tạo các scheme của riêng bạn. Chỉ cần thực hiện một số các thay đổi phù hợp cho các xác lập, sau đó nhấp nút Save As.

Thông thường, bạn muốn tắt monitor hay đĩa cứng nếu bạn không đang sử dụng chúng, để bảo toàn năng lượng cho bộ pin. Nếu bạn dự định đi khỏi máy tính khoảng một lúc, bạn hãy đưa máy tính vào chế độ standby. Chế độ này tiêu thụ rất ít điện. Nếu bạn dự định đi khỏi máy tính trong một khoảng thời gian dài hơn, bạn hãy kích hoạt chế độ hibernation.

Thủ thuật

Cả hai chế độ standby và hibernation đều tiện lợi hơn việc tắt hoàn toàn máy tính. Khi bạn khởi động lại PC từ một trong các chế độ tiết kiệm điện này, nền màn hình được phục hồi giống như khi bạn đã rời khỏi nó.

Xác lập một âm thanh cảnh báo rằng pin sắp hết

Bạn có thể cấu hình Windows XP để nó phát ra một trong hai âm thanh cảnh báo khác nhau cho biết rằng pin sắp hết. Low Battery Alarm thường cảnh báo bạn qua một hộp thoại rằng pin sắp hết. Critical Battery Alarm là thường đưa hệ thống của bạn sang chế độ hibernation, để bạn có thể duy trì công việc hiện tại cho đến khi bạn có thể cắm một ổ cắm điện vào và nạp lại pin.

Ghi chú

Tùy chọn này chỉ có sẵn nếu bạn có một máy tính xách tay hoạt động bằng pin.

Để cấu hình một trong hai âm thanh cảnh báo, hãy thực hiện cac1 bước sau đây:

1. Từ trình tiện ích Power Options, hãy chọn nhãn Alarms.
2. Để kích hoạt một trong hai âm thanh cảnh báo, hãy chọn tùy chọn thích hợp.
3. Điều chỉnh các thanh trượt để xác định khi nào âm thanh cảnh báo sẽ phát ra. Các thanh trượt cho biết lượng điện còn lại trong bộ pin khi âm thanh cảnh báo được kích hoạt.
4. Để thay đổi điều gì xảy ra khi một âm thanh cảnh báo được kích hoạt, hãy nhấp nút Alarm Action. Bạn có thể chọn để tạo một âm thanh cảnh báo, hiển thị một thông báo trên màn hình, chuyển PC sang chế độ hibernation, hay sleep, thoát hoặc chạy một chương trình.
5. Nhấp OK khi đã thực hiện xong.

Làm việc với chế độ Standby

Chế độ standby - đôi khi còn được gọi là chế độ sleep - giúp bạn giảm bớt sự tiêu thụ điện mà không phải tắt máy tính. Khi PC ở chế độ standby, monitor và các đĩa cứng được tắt, mặc dù điện vẫn duy trì ở phần còn lại của hệ thống. Khi bạn thoát khỏi chế độ standby, hệ thống sẽ trở lại trạng thái mà bạn đã rời khỏi nó.

Bạn có thể cấu hình Windows để chuyển PC sang chế độ standby bất khi nào bạn đóng nắp của máy tính notebook hay nhấn nút Power. Tất cả những gì bạn phải làm là chọn nhãn Advanced trong trình tiện ích Power Options (như minh họa ở hình 19.5), và chọn các tùy chọn phù hợp trong mục Power Options.

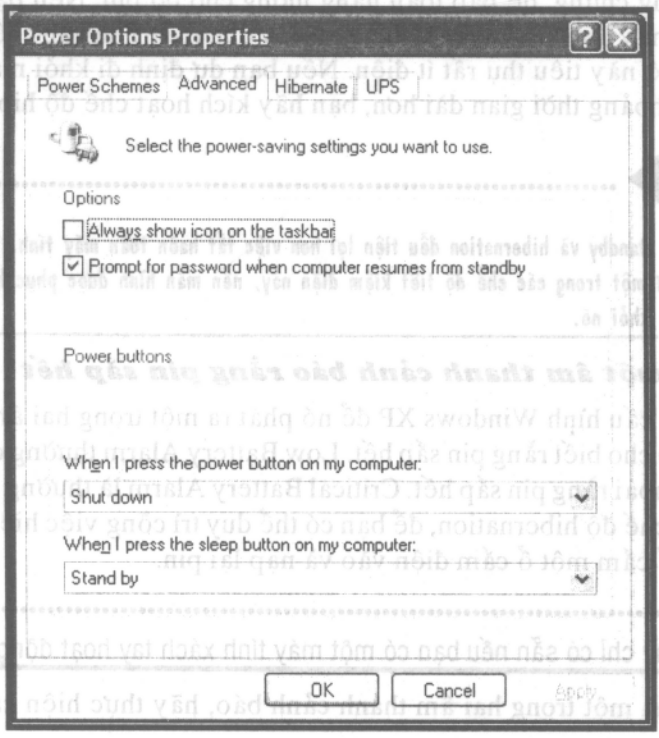

Hình 19.5 Chuyển PC sang chế độ hibernation hoặc standy khi bạn đóng nắp hay nhấn nút Power.

Cảnh báo

Bạn cần lưu công việc của bạn trước khi đưa máy tính vào chế độ standby. Bởi vì thông tin trong bộ nhớ máy tính không được lưu vào đĩa cứng trong khi máy tính đang ở chế độ standby. Nếu bị tắt điện, mọi công việc của bạn sẽ bị mất.

Làm việc với chế độ hibernation

Khi PC ở chế độ hibernation, monitor và đĩa cứng tắt, Windows lưu mọi thứ hiện có trong bộ nhớ vào đĩa cứng, và thật sự tắt máy tính. Khi bạn thoát khỏi chế độ hibernation, thông tin trong bộ nhớ được phục hồi trở lại nền màn hình, và bạn trở lại làm việc như không có gì xảy ra.

Cảnh báo

Bạn phải có đủ khoảng trống đĩa tự do để tạo file hibernation. Nếu bạn đang chạy bộ nhớ 256 MB, file hibernation sẽ có kích cỡ hơn 256 MB một chút.

Bạn có thể cấu hình Windows XP để tự động chuyển máy tính sang chế độ hibernation bất kỳ khi nào bạn đóng nắp hay nhấn nút Power. Mở trình tiện ích Power Options, chọn nhãn Advanced, và chọn các tùy chọn thích hợp trong mu5c Power Buttons.

Nối kết hai PC với một nối kết mạng trực tiếp

Nếu máy tính xách tay là thành phần của một mạng, việc gởi các file tới lui sẽ dễ dàng. Nếu PC không phải là thành phần của một mạng, bạn vẫn có thể chia sẻ các file với một máy tính khác - bạn chỉ phải cài đặt một nối kết trực tiếp giữa hai PC.

Với Windows XP, bạn có thể nối kết hai PC bất kỳ bằng cách sử dụng một cáp nối tiếp hoặc một cáp DirectParallel. (Bạn nên sử dụng phương pháp DirectParallel vì nó nhanh hơn.) Phương pháp này cũng hữu ích cho việc nối kết các thiết bị Windows CE với máy tính để bàn hay máy tính xách tay.

Microsoft gọi loại nối kết này là nối kết mạng trực tiếp. Để nó hoạt động, trước tiên bạn cần nối kết cáp giữa hai PC, sau đó thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Network Connections.
2. Khi trình tiện ích Network Connecions hiển thị, hãy nhấp liên kết Create a New Connection trong ô Network Tasks để mở New Connection Wizard. Nhấp nút Next để tiếp tục.
3. Khi màn hình Network Connection Type xuất hiện, hãy nhấp tùy chọn Advanced Connection, sau đó nhấp Next.
4. Khi màn hình Advanced Connection Options xuất hiện (như minh họa ở hình 19.6), chọn tùy chọn Connect Directly to Another Computer. Nhấp Next.

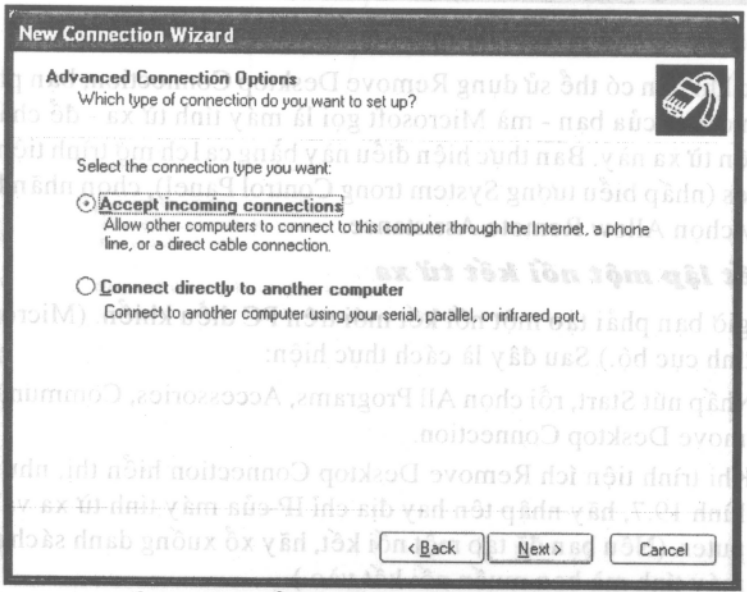

Hình 19.6 Cấu hình PC để nối kết trực tiếp với một máy tính khác.

5. Khi màn hình Hosst or Guest? xuất hiện, hãy chọn tùy chọn Guest nếu bạn đang cấu hình PC sẽ truy cập thông tin trên máy khác. Chọn tùy chọn Host nếu bạn đang cấu hình PC có chứa thông tin mà bạn cần truy cập. Trong phần lớn các trường hợp, máy tính xách tay sẽ là khách và máy tính để bàn là chủ. Nhấp Next bất kỳ khi nào bạn đã sẵn sàng.
6. Khi màn hình Connection Device xuất hiện, hãy chọn cách hai máy tính sẽ được nối kết, sau đó nhấp Next.
7. Khi màn hình Default Connection xuất hiện, hãy bỏ qua mọi thứ và nhấp Next.
8. Khi màn hình cuối cùng xuất hiện, hãy nhập một tên cho nối kết này và sau đó nhấp nút Finish.

Ngay sau khi hai PC đã được nối kết, bạn có thể truyền các file tới như thể bạn đang làm việc trên một mạng.

Điều khiển một máy tính khác bằng Remote Desktop Connection

Bạn phải làm gì nếu bạn đang đi công tác nhưng cần truy cập một file trên PC ở nhà hay ở công ty? Nếu bạn có Windows XP Professional được cài đặt trên máy tính notebook, bạn có thể mở Remove Desktop Connection, và sử dụng PC của bạn qua tính năng điều khiển từ xa - qua một nối kết quay số chuẩn hay qua Internet.

Cảnh báo

PC thực hiện chức năng điều khiển từ xa phải đang chạy Windows XP Professional. Tính năng này không có sẵn trong Windows XP Home Edition - mặc dù máy đang được điều khiển có thể đang chạy Home Edition hay Professional.

Cấu hình máy tính từ xa

Trước khi bạn có thể sử dụng Remove Desktop Connection, bạn phải cấu hình máy tính ở nhà của bạn - mà Microsoft gọi là máy tính từ xa - để chấp nhận loại điều khiển từ xa này. Bạn thực hiện điều này bằng cách mở trình tiện ích System Properties (nhấp biểu tượng System trong Control Panel), chọn nhãn Remove, và chọn tùy chọn Allow Remote Assistance.

Thiết lập một nối kết từ xa

Bây giờ bạn phải tạo một nối kết mới trên PC điều khiển. (Microsoft gọi đây là máy tính cục bộ.) Sau đây là cách thực hiện:

1. Nhấp nút Start, rồi chọn All Programs, Accessories, Communications, Remove Desktop Connection.
2. Khi trình tiện ích Remove Desktop Connection hiển thị, như minh họa ở hình 19.7, hãy nhập tên hay địa chỉ IP của máy tính từ xa vào hộp Computer. (Nếu bạn đã tạo một nối kết, hãy xổ xuống danh sách này và chọn máy tính mà bạn muốn nối kết vào.)

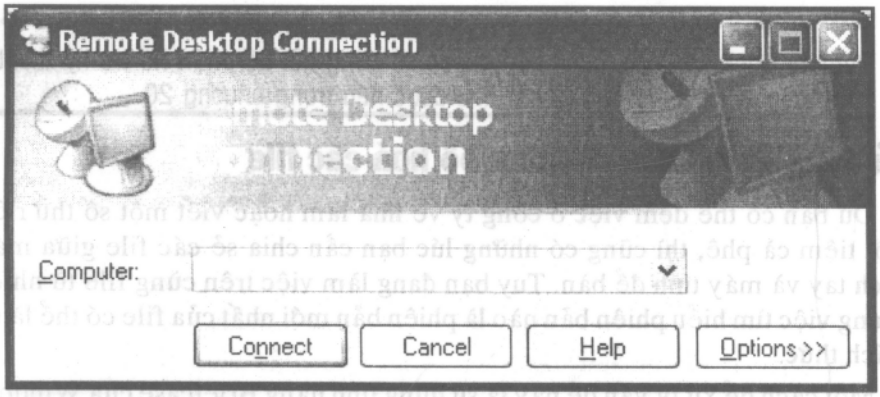

Hình 19.7 Cấu hình máy tính cục bộ để nối kết với máy tính từ xa.

3. Nhấp nút Connect. Nếu bạn đang cố nối kết với một máy tính qua Internet, nhưng bạn chưa nối kết, bạn sẽ được nhắc thực hiện điều này.
4. Windows XP xác định máy tính mà bạn đã chỉ định, sau đó bắt đầu tiến trình log on. Khi hộp thoại Log On to Windows xuất hiện, hãy nhập user name, password, và domain (nếu được yêu cầu).
5. Nhấp OK.

Màn hình trên máy tính từ xa bây giờ sẽ xuất hiện trên máy tính cục bộ. Bây giờ bạn có thể sử dụng máy tính cục bộ để thực hiện bất kỳ điều gì bạn muốn trên máy tính từ xa.

Cấu hình máy tính cục bộ

Việc máy tính từ xa xuất hiện như thế nào trên máy tính cục bộ là tùy thuộc vào bạn. Có nhiều tùy chọn xem và điều khiển mà bạn có thể cấu hình, tất cả nằm trong trình tiện ích Remote Desktop Connection. Chỉ cần nhấp nút Options để mở rộng cửa sổ, sau đó chọn nhãn và xác lập phù hợp.

Sau đây là những gì bạn có thể cấu hình với mỗi nhãn:

- **General** - Sử dụng nhãn này để tự động hoá tiến trình nối kết với máy tính từ xa để lưu các xác lập cấu hình.
- **Display** - Sử dụng nhãn này để cấu hình nền màn hình từ xa chiếm bao nhiêu khoảng trống trên máy tính cục bộ, cũng như số lượng màu được hiển thị.
- **Local Resources** - Sử dụng nhãn này để xác định bạn có nghe âm thanh từ máy tính từ xa hay không, các phím nóng Windows nào mà bạn có thể sử dụng, và bạn có muốn các thiết bị cục bộ của bạn (máy in, ổ đĩa, v.v...) có sẵn đối với máy tính từ xa.
- **Run** - Sử dụng nhãn này để xác lập một chương trình mà bạn muốn chạy tự động khi bạn nối kết với máy tính từ xa.
- **Advanced** - Nhãn này cho phép bạn xác lập các tùy chọn lưu và nén bitmap để tăng tốc độ nối kết từ xa.

Ghi chú

Remote Desktop Connection cũng được sử dụng bởi bộ phận hỗ trợ kỹ thuật để xử lý các sự cố máy tính từ xa, như được nêu trong chương 20.

Sử dụng Briefcase để đồng bộ hoá các file

Dù bạn có thể đem việc ở công ty về nhà làm hoặc viết một số thư riêng tại một tiệm cà phê, thì cũng có những lúc bạn cần chia sẻ các file giữa máy tính xách tay và máy tính để bàn. Tuy bạn đang làm việc trên cùng file từ nhiều PC, nhưng việc tìm hiểu phiên bản nào là phiên bản mới nhất của file có thể là một sự thách thức.

Một cách để xử lý vấn đề này là sử dụng tính năng Briefcase của Windows XP để đồng bộ hoá các file. Briefcase đã có trong nhiều phiên bản của Windows, và về cơ bản vẫn không thay đổi trong Windows XP. Với Briefcase bạn chỉ cần lấy các file từ PC chính vào một folder Briefcase. Bạn có thể sao chép folder Briefcase trong một PC khác hay làm việc trên các file của nó từ một máy tính notebook. Khi bạn sao chép Briefcase vào trở lại PC chính, hay nối kết lại máy tính notebook với mạng, Briefcase tự động cập nhật các file gốc với sự thay đổi gần đây nhất.

Sử dụng Briefcase trên một đĩa mềm

Nếu bạn không được nối kết với một mạng, bạn có thể sao chép các file mà bạn muốn chia sẻ trên một đĩa mềm, và sau đó sử dụng một đĩa mềm đó trên một PC khác.

Để sử dụng Briefcase trên một đĩa mềm, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Tạo một biểu tượng Briefcase trên màn hình (hoặc trong một folder cụ thể) bằng cách nhấp phải vào màn hình và chọn New, Briefcase từ menu bật lên.
2. Để bổ sung một file vào Briefcase, sử dụng My Computer hoặc My Documents để hướng đến folder có chứa file mà bạn muốn. Rê file từ vị trí hiện tại của nó và thả nó lên biểu tượng Briefcase. Lặp lại bước này để bổ sung các file vào Briefcase.
3. Sao chép Briefcase sang một đĩa mềm bằng cách mở My Computer, rê biểu tượng Briefcase từ nền màn hình, và thả nó lên ổ đĩa mềm được chọn. (Biểu tượng desktop sẽ không biến mất).
4. Để sử dụng folder Briefcase trên máy tính khác, bạn chỉ cần đặt đĩa mềm có chứa Briefcase vào PC thứ hai. Mở folder Briefcase (như minh họa ở hình 19.8) trực tiếp từ đĩa mềm Briefcase. Bạn có thể mở, làm việc, và lưu các file trong folder Briefcase.

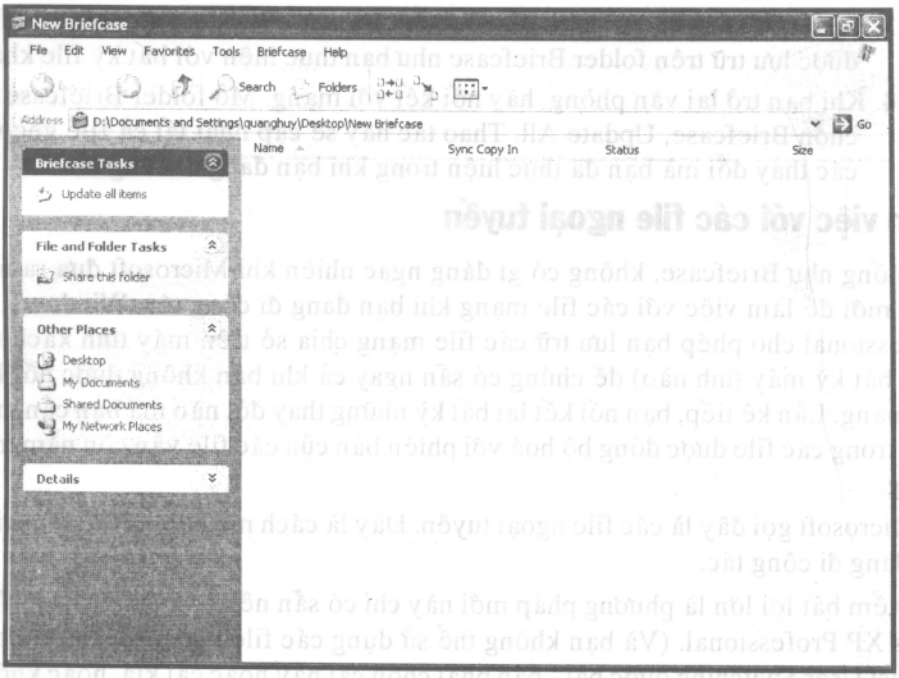

Hình 19.8. Sao chép các file sang folder Briefcase để sử dụng chúng trên một PC khác.

Cảnh báo

Đừng sao chép folder Briefcase sang PC thứ hai! Folder phải vẫn còn trên đĩa mềm để tính năng đồng bộ hoá hoạt động.

5. Để đồng bộ hoá các file Briefcase với các file gốc trên PC chính, hãy đặt đĩa mềm Briefcase vào ổ đĩa mềm của PC chính. Khởi động My Computer và mở ổ đĩa mềm được chỉ định. Rê biểu tượng Briefcase từ ổ đĩa mềm và thả nó lên biểu tượng Briefcase lên màn hình. Briefcase sẽ tự động đồng bộ hoá các file để bạn luôn sử dụng phiên bản mới nhất.

Sử dụng Briefcase trên một mạng

Nếu máy tính laptop của bạn được nối kết các một mạng, bạn có thể sử dụng Briefcase để sao chép các file từ một máy tính khác sang máy tính laptop. Sau đó bạn có thể làm việc trên các file khi bạn đang đi công tác, sử dụng Briefcase để đồng bộ hoá các file khi bạn trở lại văn phòng.

Sau đây là các bước thực hiện:

1. Tạo biểu tượng Briefcase trên nền màn hình của máy tính xách tay (hoặc trong một folder cụ thể) bằng cách nhấp phải vào màn hình và chọn New, Briefcase từ menu bật lên.
2. Để bổ sung một file vào Briefcase, hãy sử dụng My Network Places để định hướng đến PC và folder có chứa file mà bạn muốn. Rê file từ vị trí hiện tại của nó và thả nó lên biểu tượng Briefcase trên máy tính note-

book. Lặp lại bước này để bổ sung nhiều file vào Briefcase.

3. Ngắt nối kết với mạng và đi công tác. Bạn có thể làm việc trên các file được lưu trữ trên folder Briefcase như bạn thực hiện với bất kỳ file khác.
4. Khi bạn trở lại văn phòng, hãy nối kết với mạng. Mở folder Briefcase và chọn Briefcase, Update All. Thao tác này sẽ cập nhật tất cả file gốc với các thay đổi mà bạn đã thực hiện trong khi bạn đang đi công tác.

Làm việc với các file ngoại tuyến

Giống như Briefcase, không có gì đáng ngạc nhiên khi Microsoft đưa ra một cách mới để làm việc với các file mạng khi bạn đang đi công tác. Windows XP Professional cho phép bạn lưu trữ các file mạng chia sẻ trên máy tính xách tay (hay bất kỳ máy tính nào) để chúng có sẵn ngay cả khi bạn không được nối kết với mạng. Lần kế tiếp, bạn nối kết lại bất kỳ những thay đổi nào mà bạn cần thực hiện trong các file được đồng bộ hoá với phiên bản của các file vẫn còn nằm trên mạng.

Microsoft gọi đây là các file ngoại tuyến. Đây là cách mà bạn có thể làm việc khi đang đi công tác.

Điểm bất lợi lớn là phương pháp mới này chỉ có sẵn nếu bạn đang chạy Windows XP Professional. (Và bạn không thể sử dụng các file ngoại tuyến nếu bạn có Fast User Switching được bật - bạn phải chọn cái này hoặc cái kia, hoặc không cái nào cả).

Cấu hình PC cho các file ngoại tuyến

Để cài đặt máy tính cho việc sử dụng các file ngoại tuyến, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, hãy nhấp biểu tượng Folder Options.
2. Khi trình tiện ích Folder Options hiển thị, hãy chọn nhãn Offline Files.
3. Bảo đảm tùy chọn Enable Offline được đánh dấu kiểm.
4. Chọn tùy chọn Synchronize All Offline Files Before Logging Off.
5. Nhấp OK.

Làm cho một file có sẵn ở ngoại tuyến

Một máy tính được cài đặt chính xác, bạn có thể chọn các file hay folder nào mà bạn muốn làm việc ở ngoại tuyến. Thực hiện các bước sau đây:

1. Từ My Computer, hãy mở ổ đĩa mạng hay folder có chứa file hoặc folder con mà bạn muốn đưa ra ngoại tuyến.
2. Chọn file hay folder, sau đó chọn File, Make Available Offline.

Đồng bộ hoá các file ngoại tuyến bằng tay

Theo mặc định, các file ngoại tuyến sẽ được đồng bộ hoá tự động vào lần kế tiếp đến mạng. Nếu bạn muốn đồng bộ hoá một file bằng tay - hoặc cấu hình các xác lập đồng bộ hoá cơ bản - bạn sử dụng Synchronization Manager của Windows XP. (Bạn mở Synchronization Manager bằng cách nhấp nút Start, sau đó

chọn All Programs, Accessories, Synchronization Manager). Tất cả những gì bạn phải làm là chọn các hạng mục mà bạn muốn đồng bộ hoá, và sau đó nhấp nút Synchronize.

Ghi chú

Nếu cả bạn và người sử dụng khác đều thực hiện các thay đổi ngoại tuyến cho cùng file, bạn có thể chọn lưu phiên bản của bạn, phiên bản kia, hoặc cả hai phiên bản.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Khi bạn đi công tác, hãy nhớ nạp điện cho bộ pin trên máy tính xách tay, và ghi nhớ 10 thủ thuật quan trọng sau đây:

1. Bạn có thể cải tiến diện mạo của màn hình máy tính laptop bằng cách bật ClearType. (Mở trình tiện ích Display Propeties, chọn nhãn Appearance, và nhấp nút Effects).

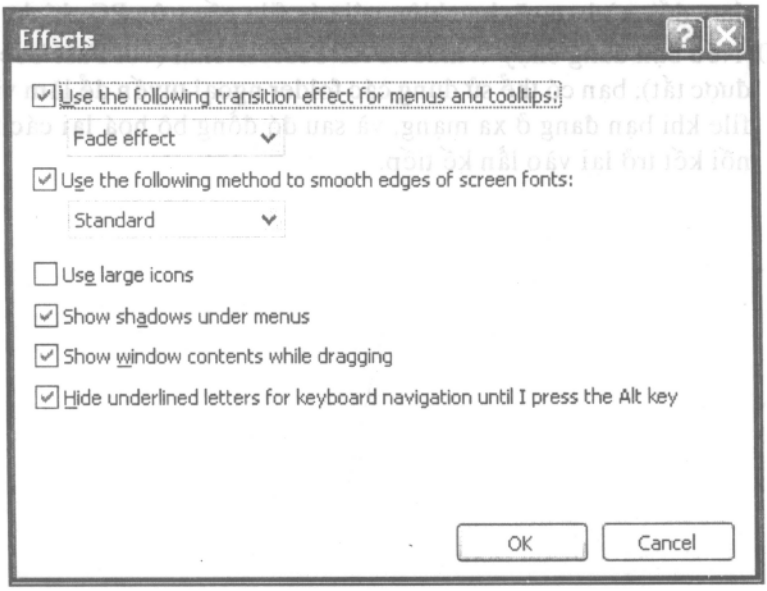

2. Bạn có thể quản lý việc tiêu thụ điện của máy tính laptop bằng cách sử dụng một trong các power scheme đã được chọn sẵn của Windows XP - hoặc bằng cách tạo một trong các power scheme của riêng bạn. (Power scheme của Windows điều khiển việc máy tính ở trạng thái không hoạt động trong bao lâu trước khi nó tắt monitor và các ổ đĩa cứng).
3. Khi bạn đi khỏi máy tính vài phút, hãy chuyển nó sang chế độ standby. Nếu bạn đi khỏi máy tính lâu hơn, hãy chuyển nó sang chế độ hibernation.
4. Nếu bạn mua một máy tính notebook PC mới hơn với Windows XP đã được cài đặt sẵn, XP sẽ "đánh thức" máy tính notebook của bạn từ chế độ standby chưa đầy 1 giây!

5. Bảo đảm bạn cấu hình Power Options của máy tính để nó phát ra âm thanh cảnh báo khi pin sắp hết.
6. Nếu máy tính laptop không được nối kết với mạng, bạn có thể nối kết nó với một PC khác bằng cáp DirectParallel và Direct Network Connection của Windows. Ngay sau khi được nối kết, bạn có truyền các file giống như bạn thực hiện qua một mạng.
7. Nếu bạn muốn truy cập máy tính ở nhà của bạn trong khi bạn đi công tác, hãy cài đặt hệ thống dành cho Remote Desktop Connection. Trình tiện ích mới này cho phép bạn chạy một máy tính khác qua tính năng điều khiển từ xa - như thể bạn đang ngồi phía sau bàn phím của mình tại nhà.
8. Máy tính cục bộ trong một Remote Desktop Connection phải đang chạy XP Professional, nhưng nó có thể điều khiển các nối kết XP Professional hoặc Home Edition.
9. Nếu bạn đang chạy Windows XP Home Edition, bạn có thể sử dụng Briefcase để truyền các file đến một PC khác. Briefcase sẽ đồng bộ hoá các thay đổi mà bạn sẽ thực hiện với các file gốc trên PC chính.
10. Nếu bạn đang chạy Windows XP Professional (với Fast User Switching được tắt), bạn có thể sử dụng các folder ngoại tuyến để làm việc trên các file khi bạn đang ở xa mạng, và sau đó đồng bộ hoá lại các file khi bạn nối kết trở lại vào lần kế tiếp.



PHẦN 6

Bảo trì và xử lý sự cố

20 Nhận sự trợ giúp
21 Cập nhật Windows
22 Giữ cho Windows luôn hoạt động tốt
23 Phục hồi lại khi hệ thống gặp sự cố
24 Xử lý các sự cố thường gặp

Chương 20

Nhận sự trợ giúp

- *Giới thiệu Help and Support Center của Windows XP*
- *Tìm thêm sự trợ giúp trên trực tuyến.*
- *Nhận sự trợ giúp từ xa*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Hệ thống Help trong Windows chưa bao giờ hoàn hảo. Thật vậy Windows Help thường được xem là phần thứ nhất trong toàn bộ hệ điều hành. Trong Windows XP hệ thống Help (bây giờ được gọi là Help and Support Center) được cải tiến rất nhiều và thật sự rất hữu ích trong một số trường hợp, giao diện của Help and Support Center dễ sử dụng hơn nhiều so với hệ thống Help cũ. Microsoft đã đưa nhiều công cụ xử lý sự cố kèm theo các nội dung Help chuẩn. Nhưng trên hết Microsoft đã bổ sung một tính năng mới có tên là Remote Assitance, tính năng này cho phép bạn chuyển quyền kiểm soát máy tính của bạn cho một người dùng khác. Bằng cách này bạn có thể nhờ một người bạn hay một chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật xem xét hệ thống của bạn.

Giới thiệu Help and Support Center của Windows XP

Help and Support Center cũ Windows Xp được truy cập trực tiếp từ Microsoft, bạn chỉ cần nhấp nút Start và chọn Help and Support.

Như bạn có thể thấy trong hình 20.1, Help and Support Center trông không giống bất kỳ hệ thống Help nào trong các phiển bản trước đây của Windows Help Center có diện mạo và hoạt động giống như một trang web vì vậy bạn có thể nhấp Back và Forward để di chuyển qua lại giữa các tài nguyên có liên quan. (hãy các nút ở trên cùng của cửa sổ - chúng giống như các nút Internet Explorer).

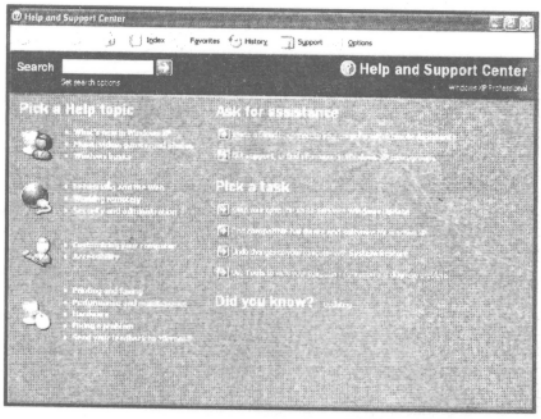

Hình 20.1. Help and Support Center của Microsoft

Help and Support Center được chia thành 5 vùng chính, mỗi vùng đưa ra một kiểu trợ giúp hơi khác nhau.

Dùng câu hỏi để nhận sự trợ giúp

Ở phía trên cùng của cửa sổ, bên dưới thanh công cụ của bộ trình duyệt là một hộp Search lớn. Bạn có thể sử dụng hộp Search để tìm cơ sở dữ liệu Help được cài đặt sẵn trong Windows XP.

Khi bạn nhập vào một câu hỏi bạn không chỉ nhận được một thông tin trợ giúp của Help được cài đặt sẵn trong Windows XP mà còn nhận được thông tin từ MicrosoftKnowledge Base.

Kết quả cuộc dò tìm như minh họa trong hình 20.2, được hiển thị trong ô Search Results. Có 3 loại kết quả:

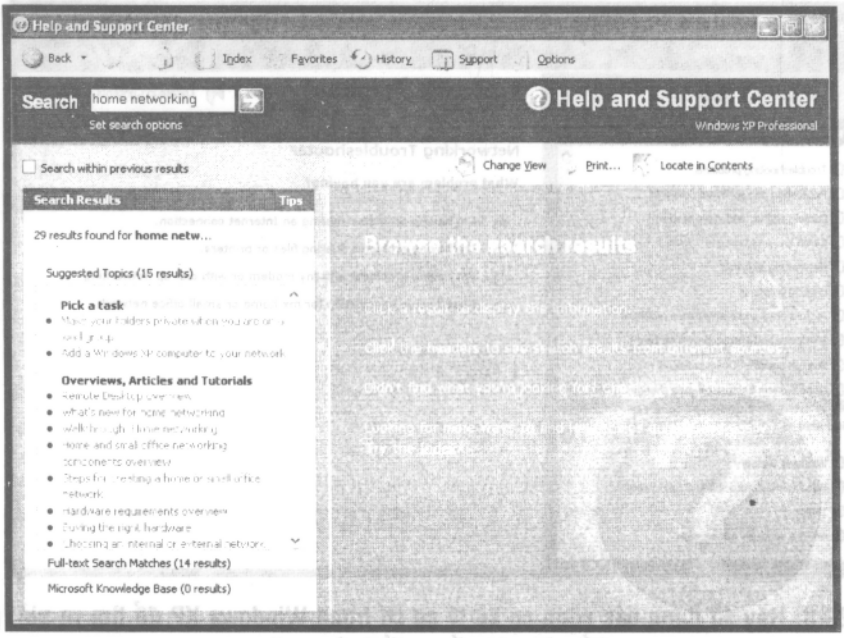

Hình 20.2. Kết quả của một lần tìm sự trợ giúp của Help trong Windows XP.

Hãy nhấp header Suggested Topics bạn sẽ nhận thấy các chủ điểm trong hệ thống Help có liên quan trực tiếp đến câu hỏi của bạn.

- Hãy nhấp header Full - Text Search Matches và bạn sẽ nhìn thấy tất cả những đoạn có chứa những từ trong câu hỏi của bạn.
- Hãy nhấp Microsoft Knowledge Base và bạn sẽ nhìn thấy các đoạn trong
- Knowledge Base có liên quan đến câu hỏi của bạn.

Hãy nhấp một liên kết Search Results để đọc toàn bộ thông tin Help trong ô ở bên phải.

Trình duyệt để tìm sự trợ giúp

Toàn bộ phần bên trái của cửa sổ Help and Support Center là vùng có tiêu đề

Pick a Help Topic. Đây là nơi mà bạn có thể trình duyệt qua các chủ điểm cụ thể, chẳng hạn như Networking and the Web và Customizing Your Computer.

Hãy chú ý liên kết Fixing a Problem phần này. Hãy nhấp liên kết này để truy cập tất cả các công cụ xử lý sự cố Windows XP.

Ví dụ, nếu bạn gặp sự cố với mạng của mình thì hãy khởi động Networking Troubleshooter (xem hình 20.3). Tính năng Troubleshooter này sẽ hỏi bạn một loạt câu hỏi, đưa ra các đề nghị khác nhau để thực hiện ở từng bước. Bạn tiếp tục đọc qua các màn hình và trả lời các câu hỏi cho đến khi sự cố được khắc phục hay cho đến khi không còn các lựa chọn; tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

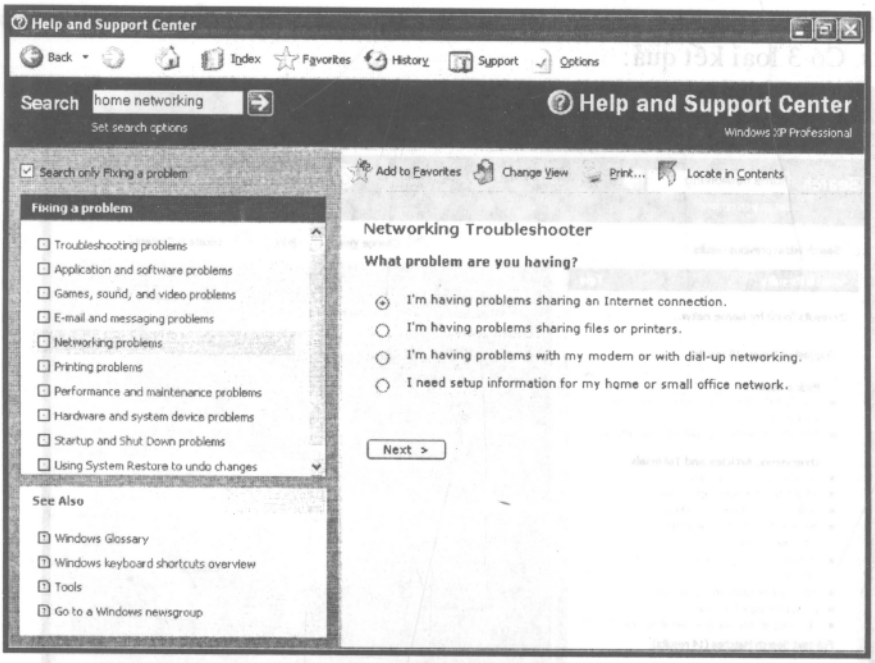

Hình 20.3. Hãy sử dụng các công cụ xử lý sự cố trong Windows XP để tìm ra giải pháp đối với một số sự cố thường gặp.

Lên trực tuyến để tìm sự trợ giúp

Ở góc phải bên trên của cửa sổ Help and Support Center là vùng Ask for Assictance. Vùng này có hai liên kết, mỗi liên kết sẽ giúp bạn một kiểu trợ giúp khác nhau.

Liên kết đầu tiên cho phép bạn mời một người bạn nối kết với máy tính của bạn thông qua Remote Assistance. Đây là cách bạn cho phép những người dùng khác kiểm soát máy tính của bạn từ xa để tìm những sự cố khó phát hiện.

Liên kết thứ hai khi được nhấp sẽ mở phần Support của Help and Support Center - phần này chủ yếu giúp bạn nhận được sự trợ giúp trên trực tuyến. Từ đây bạn có thể vào Web site của Microsoft để tìm thêm thông tin hay liên kết với một trong các newsground.

Microsoft Personal Support Center

Bạn nên luôn chọn tùy chọn Get Help From Microsoft trước. Giả sử bạn đang nối kết với Internet, thì việc nhấp tùy chọn này sẽ chuyển phần bên phải cửa sổ Help thành bộ trình duyệt Web và đưa bạn đến Web site Microsoft Personal Support Center.

Thủ thuật

Bạn có thể truy cập Microsoft Personal Support Center một cách trực tiếp bằng cách gõ nhập support. Microsoft.com/directory/URL into vào Internet Explorer.

Site này như minh họa trong hình 20.4, có chức năng như là một cổng dẫn đến tất cả các dịch vụ hỗ trợ Microsoft, kể cả Microsoft Knowledge Base.



Hình 20.4. Microsoft Personal Support Center - cổng dẫn đến tất cả các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến của Microsoft

Microsoft Knowledge Base là một cơ sở dữ liệu chứa hàng ngàn bài viết về nhiều sự cố và vấn đề kỹ thuật khác nhau đối với tất cả các sản phẩm phần mềm của Microsoft. Đây là nơi bạn có thể tìm thấy giải pháp để xử lý những sự cố phức tạp nhất trong Windows XP.

Thủ thuật

Bạn có thể sử dụng bộ trình duyệt của mình để đi thẳng đến trang Knowledge Base Search tại địa chỉ Search.support.microsoft.com/kb/.

Như bạn có thể thấy ở hình 20.5. trang Knowledge Base Search cho phép bạn thực hiện việc tìm kiếm thông tin trợ giúp bằng một số tham số quan trọng. Bạn bắt đầu bằng cách chọn sản phẩm mà bạn đang gặp sự cố với nó, chọn một Keyword Search và sau đó nhập vào câu hỏi của bạn trong hộp My Qiestion Is. Hãy nhấp biểu tượng Go và câu hỏi của bạn sẽ được chuyển đến Knowledge Base.

Microsoft sẽ hiển thị một danh sách các bài viết trong Knowledge Base và với câu hỏi của bạn. Hãy nhấp tiêu đề một bài viết để đọc toàn bộ của nó.



Hình 20.5. Hãy tìm các giải pháp đối với những sự cố kỹ thuật trong Microsoft Knowledge Base.

Truy cập các công cụ trong hệ thống Windows

Ở giữa phần bên phải của cửa sổ Help and Support Center là gồm Pick a Task. Vùng này không đưa ra phần trợ giúp dựa vào Text theo truyền thống. Thay vào đó, nó liên kết các công cụ khác nhau trong hệ thống Windows XP mà bạn có thể sử dụng để xử lý sự cố, cũng như phục hồi lại và cấu hình hệ thống của bạn.

Đọc các thông tin và những lời cảnh báo

Cuối cùng chúng ta hãy xem vùng ở góc phải bên dưới của cửa sổ Help and Support Center. Vùng này không đưa ra sự trợ giúp mà hiển thị các thông tin mới nhất có liên quan đến hoạt động của Windows XP. Các thông tin này được cập nhật mỗi khi bạn nối kết với Internet và nối kết với các nguồn tài nguyên trực tuyến. Hãy nhấp liên kết để đọc nội dung của thông tin hay lời cảnh báo.

Tìm thêm sự trợ giúp trên trực tuyến

Mặc dù sự hỗ trợ kỹ thuật trên trực tuyến của Microsoft rất tốt, nhưng nó không phải là nơi cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật duy nhất trên Internet.

Sự hỗ trợ kỹ thuật trên Web

Có khá nhiều site nói về máy tính trên Web tỏ ra rất hữu dụng khi bạn cần sự trợ giúp đối với Windows XP, sau đây là một số site hỗ trợ kỹ thuật trên web:

- **Active - Hardware** (www.active.hardware.com). Đây là một site về phần cứng của máy tính, có nhiều bài viết kỹ thuật và nhiều thiết bị cũng như trình điều khiển có thể được tải xuống.
- **Click Et Learn** (www.mkdata.dk/click/). Đây là một site dễ sử dụng với hàng trăm hướng dẫn có minh họa về các chủ điểm kỹ thuật, từ bộ điều hợp đến các ổ đĩa ZIP.
- **CMPnet** (www.cmpnet.com). CMPnet là một trong những mạng lớn gồm các site kỹ thuật trên web.
- **CNET** (www.cnet.com). CNET là một mạng lớn với nhiều site cung cấp thông tin và sự trợ giúp đối với các phần cứng và phần mềm.
- **Computing.Net** (www.computing.net). Đây là nơi hỗ trợ kỹ thuật đối với tất cả các hệ điều hành và các loại máy tính. Ưu điểm lớn nhất của site này là các chuyển đèn hỗ trợ được sắp xếp theo hệ điều hành (Windows 9x, Windows XP, Linux v.v...).
- **DriverGulde.com** (www.driverguide.com). Đây là nơi mà bạn có thể cập nhật các trình điều khiển thiết bị - bạn sẽ cần vào site này nếu bạn dự định nâng cấp hệ thống cũ của bạn lên Windows XP.
- **FixWindows** (www.fixwindows.com). Nếu bạn gặp các sự cố đối với bất kỳ phiên bản nào của Windows thì FixWindows (www.fixwindows,com) chính là site dành cho bạn. Đây là một site rất lý tưởng để tìm các giải pháp khắc phục những sự cố có liên quan đến Windows.
- **Pcsupport.com** (www.pcsupport,com). Site này cung cấp cho bạn các công cụ hỗ trợ trực tuyến đã được tự động hóa.
- **SuperSite for Windows** (www.winsupersite.com). Đây là một trong những site hàng đầu cung cấp thông tin, thủ thuật, và các lời khuyên có liên quan đến tất cả các phiên bản Windows của Microsoft.
- **Tom's Hardware Guide** (www.tomsharware.com). Đây là một trong những site nói về phần cứng máy tính hay nhất trên Internet.

Newsgroup

Khi bạn có một câu hỏi về kỹ thuật cần được trả lời, bạn có thể tìm trong hệ thống Help của Windows XP, hay trình duyệt qua các web site đã được trình bày ở trên ngoài ra, bạn có thể và một Newsgroup Usenet để tìm hiểu các vấn đề kỹ thuật cụ thể của mình. Bạn có thể gửi một câu hỏi đến cho Newsgroup và nhận được các câu trả lời nhanh đến mức ngạc nhiên.

Sau đây là một số Newsgroup và Newsgroup nhỏ hơn có thể giúp ích nếu bạn cần thông tin hay sự trợ giúp về mặt kỹ thuật. Ký tự thay thế (*) ở cuối một tên cho biết có thể có thêm một số Newsgroup nhỏ hơn nữa.

- alt.comp
- alt.comp.hardware.*
- alt.comp.periphs.*
- alt.computer
- comp.misc
- comp.os.ms.windows.*
- comp.periphs
- comp.peripgs.*
- comp.sys.ibm.pc.hardware.*
- microsoft.public.windowsxp.*

Bạn có thể truy cập các Newsgroup này bằng cách nhấp liên kết Go to a Windows Web Site Forum trong cửa sổ Support.

Thủ thuật

Đôi khi bạn có thể tìm thấy các câu trả lời cho những câu hỏi của mình ở những bài viết trong một Newsgroup cũ. Khi bạn muốn tìm các tài liệu lưu trữ trênUsenet, đến Google Groups (groups.google.com). Google gần đây đã mua site Deja.com/DejaNews. Site này đã lưu các bài viết cho nhiều Usenet từ ngày này qua ngày khác. Nếu một người nào đó đã gửi thông tin mà bạn cần bạn có thể tìm thấy nó ở đây.

Nhận sự trợ giúp từ xa

Đối với nhiều người sự trợ giúp kỹ thuật không được tìm thấy trong Windows cũng không được tìm thấy trên trực tuyến, thông thường sự trợ giúp hiệu quả nhất là từ một người nào đó mà bạn quen biết - người này có chuyên môn kỹ thuật cao hơn bạn và có thể hướng dẫn bạn từng bước xử lý các sự cố.

Việc nhờ một người quen có chuyên môn giúp đỡ là một biện pháp rất hay nếu người đó ở gần nhà bạn. Nhưng nếu người đó ở một nơi nào đó khá xa thì sao?

Microsoft đã bổ sung vào Windows XP tính năng Remote Assictance để giúp bạn có thể nhận được sự trợ giúp từ xa.

Bất kỳ người dùng Windows XP nào (Home Edition hay Professional) đều có thể xác nhận được sự trợ giúp từ xa thông qua tính năng Remote Assictance.

Bước đầu tiên trong việc sử dụng Remote Assictance và đề nghị người khác trợ giúp. Bạn phải mở Help and Support Center và nhấp liên kết Remote Assictance trong vùng Ask for Assictance. Khi màn hình Remote Assictance xuất hiện hãy nhấp liên kết Invite Someone to Help You. Khi màn hình tiếp theo xuất hiện (như trong hình 20.6) thì bạn hãy chọn cách mà bạn muốn liên lạc với người trợ giúp.

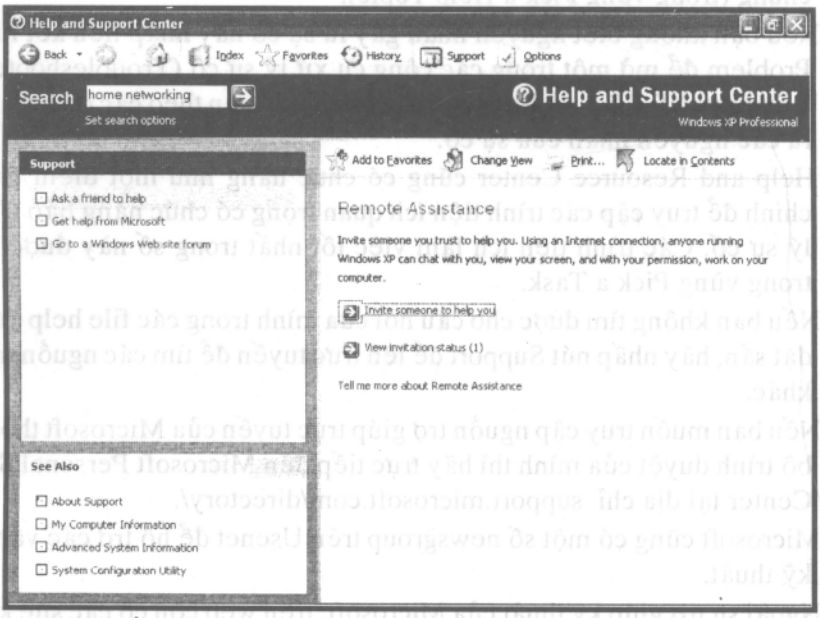

Hình 20.6. Hãy nhờ một người dùng có chuyên môn kỹ thuật cao giúp đỡ bạn thông qua Remote Assictance.

Bạn có thể liên lạc với người trợ giúp bằng Windows Messenger hay bằng cách gửi E-mail. Sử dụng Messenger là bằng cách liên lạc rất hiệu quả nếu người kia cũng sử dụng Messenger và đang ở trên trực tuyến. Gửi E - mail chắc chắn hơn để có thể liên hệ với người kia.

Khi bạn tiến hành công việc này thông qua các màn hình thì bạn sẽ được yêu cầu ấn định thời gian mà bạn muốn người kia thực hiện việc trợ giúp, bạn cũng sẽ phải cho người đó biết password để có thể truy cập từ xa hệ thống của bạn.

Cảnh báo

Phải thật thận trọng khi cho người khác biết password để truy cập đến hệ thống của bạn từ xa. Phải chắc chắn rằng người đó là người mà bạn quen biết và tin tưởng.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Có lẽ việc quan trọng nhất là Moicrosoft đã làm để nâng cao tính năng nâng cao trợ giúp người dùng Windows XP là làm cho hệ điều hành trở nên mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, Windows XP cũng là một sản phẩm của Microsoft và vì vậy nó cũng có thể gặp sự cố khi bạn cần nhận được sự trợ giúp đối với Windows, hãy ghi nhớ 10 điều sau:

1. Microsoft hoàn toàn cải tiến hệ thống Help cũ của mình, bây giờ nó được gọi là Help and Support Center.
2. Để nhận được sự trợ giúp dựa trên text theo kiểu cũ bạn có thể tìm thông tin cụ thể (sử dụng hộp Search) hay trình duyệt hay qua các chủ điểm

chung (trong vùng Pick a Help Topic).

3. Nếu bạn không biết nguyên nhân gây ra sự cố hãy nhấp liên kết Fixing a Problem để mở một trong các công cụ xử lý sự cố (Troubleshooter) của Windows XP. Hãy trả lời các câu hỏi và thực hiện theo các đề nghị để tìm ra các nguyên nhân của sự cố.
4. Help and Resource Center cũng có chức năng như một điểm truy cập chính để truy cập các trình tiện ích quan trọng có chức năng bảo trì và xử lý sự cố. Các trình tiện ích làm việc tốt nhất trong số này được liệt kê trong vùng Pick a Task.
5. Nếu bạn không tìm được cho câu hỏi của mình trong các file help được cài đặt sẵn, hãy nhấp nút Support để lên trực tuyến để tìm các nguồn trợ giúp khác.
6. Nếu bạn muốn truy cập nguồn trợ giúp trực tuyến của Microsoft thông qua bộ trình duyệt của mình thì hãy trực tiếp đến Microsoft Personal Support Center tại địa chỉ support.microsoft.com/directory/.
7. Microsoft cũng có một số newsgroup trên Usenet để hỗ trợ các vấn đề về kỹ thuật.
8. Ngoài sự trợ giúp kỹ thuật của Microsoft, trên web còn có các site khác có thể giúp bạn giải quyết được nhiều sự cố kỹ thuật khác nhau.
9. Nếu bạn không thể tự mình xử lý được các sự cố, hãy sử dụng tính năng Remote Assistance của XP để cho phép một chuyên viên kỹ thuật hay (một người bạn có chuyên môn) xem xét toàn bộ hệ thống của bạn từ xa.
10. Để nhận được sự trợ giúp từ xa, tất cả những gì bạn cần là phiên bản Windows XP Home Edition và một nối kết Internet. Để kiểm soát máy tính khác bạn cần phải chạy Windows XP Professional.

Chương 21

Cập nhật Windows

- *Cài đặt các thành phần cho Windows*
- *Tải xuống và trích các trình điều khiển thiết bị*
- *Cập nhật Windows trên trực tuyến*
- *Chuyển các file và các xác lập*
- *Tạo một đĩa khởi động khẩn*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Trong phiên bản Windows XP này Microsoft cho rằng một số trình tiện ích chỉ được sử dụng bởi một thiểu số người dùng nào đó, vì vậy họ không cài đặt các trình tiện ích này. Dĩ nhiên, chúng cũng có sẵn trong CD cài đặt Windows XP. Nhưng nếu bạn muốn sử dụng chúng, bạn phải cài đặt chúng bằng tay.

Cài đặt các thành phần cho Windows

Có thể sẽ có lúc bạn sử dụng một tính năng nào đó của Windows XP nhưng tính năng đó đã không được cài đặt trên hệ thống của bạn. Windows có thể yêu cầu bạn nạp vào CD cài đặt và cài đặt thành phần còn thiếu đó một cách tự động. Hay bạn phải cài đặt bằng tay các thành phần không được cài đặt theo mặc định.

Nếu bạn có một CD cài đặt Windows XP thì việc cài đặt như thế này rất dễ dàng. Bạn chỉ việc thực hiện các bước sau:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Add or Remove Programs.
2. Khi trình tiện ích Add or Remove Programs mở ra, hãy nhấp nút Add / Remove Windows Components.
3. Nút này sẽ khởi động Windows Components Wizard như minh họa trong hình 21.1. Các thành phần đã được cài đặt được đánh dấu kiểm. Các thành phần chưa được cài đặt không có dấu kiểm.

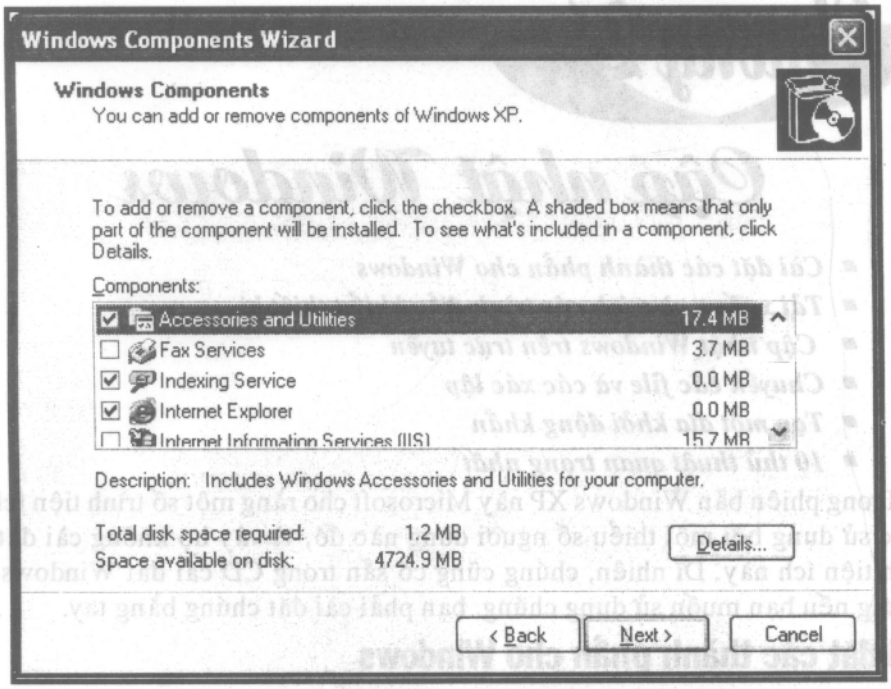

Hình 21.1. Hãy sử Windows Components Wizard để cài đặt các thành phần không được cài đặt theo mặc định trong Windows XP.

4. Chọn các thành phần mới mà bạn muốn cài đặt. Nếu một thành phần nào đó có các thành phần phụ tùy chọn, hãy nhấp nút Details để chọn hay không chọn các thành phần phụ đó.
5. Nhấp nút Next, bảo đảm rằng CD cài đặt đã được nạp, và tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất tiến trình cài đặt.

Tải xuống và trích các trình điều khiển thiết bị

Đôi khi thành phần mới mà bạn cần lại là một trình điều khiển thiết bị. Điều này đặc biệt đúng nếu bạn cài đặt một phần cứng mới và Windows không thể xác định vị trí của một điều khiển ứng dụng cho phần cứng đó bằng các cách thông thường của nó.

Trích từ một file .CAB

Microsoft lưu trữ nhiều file hệ thống, đã được cài đặt sẵn trong các file cabinet. Các file này tương tự như các file Zip, ngoại trừ chúng có phần mở rộng .CAB.

Một file .CAB quan trọng được Windows tải xuống đĩa cứng của bạn trong tiến trình cài đặt là file drive.cab. File nén này, thường nằm trong folder \windows\driver cache\j386\, có chứa hàng nghìn file trình điều khiển nhỏ hơn. Nếu bạn cần một trình điều khiển mới thì trong hầu hết mọi trường hợp bạn có thể tìm thấy nó trong file driver.cab.

Cảnh báo

Do các file .CAB là các file ẩn nằm trong các thư mục ẩn, nên bạn phải xác lập lại các tùy chọn folder của mình để hiển thị các file ẩn này. Bạn thực hiện điều này bằng cách mở trình tiện ích Folder Options (từ bên trong Control Panel), chọn tab View, chọn Show Hidden and Files Option và hủy chọn tùy chọn Hide Protected Operating System Files.

Nếu bạn biết bạn đang tìm file trình điều khiển nào thì việc trích nó từ file driver.cab tương đối dễ dàng. Chỉ cần thực hiện các bước sau:

1. Từ bên trong My Computer hãy định hướng sang folder có chứa file driver.cab.
2. Nhấp phải file driver.cab và chọn Explorer từ menu bật lên.
3. My Computer lúc này hiển thị toàn bộ nội dung của file driver.cab. hãy tìm, file mà bạn muốn trích và nhấp nó.
4. Khi hộp thoại Select a Destination xuất hiện, hãy chọn nơi mà bạn muốn trích file đó, và sau đó nhấp nút Extract.

File do bạn chọn bây giờ sẽ được trích và sẽ được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào mà bạn cần.

Cảnh báo

Trong một số phiên bản trước đây của Windows, hệ điều hành tải xuống toàn bộ nội dung của CD cài đặt (hay các đĩa cài đặt) vào các file .CAB của bạn trên ổ đĩa cứng của bạn. Sau đó bạn có thể tạo một bản sao của CD cài đặt đó bằng cách trích tất cả các file .CAB và ghi chúng lên một CD - R trắng. Tuy nhiên, cách này không thể được thực hiện với Windows XP.

Tải xuống từ Internet

Nếu bạn cần một trình điều khiển thiết bị mới để dùng cho một thiết bị phần cứng nào đó thì có nhiều nơi bạn có thể tìm kiếm trình điều khiển đó, trước tiên, Windows có thể có trình điều khiển dùng cho thiết bị đó. Thứ hai, một trình điều khiển có thể nằm trong file drivers.cab của Windows. Thứ ba, một trình điều khiển có thể nằm trên CD cài đặt đi kèm với phần cứng. Thứ tư, nhà sản xuất phần cứng có thể có các trình điều khiển mới có thể được tải xuống từ Web site chính thức của họ. Thứ năm, Microsoft có thể có các trình điều khiển tại Web site của mình và cuối cùng có thể có các site khác trên Web có file mà bạn cần.

Cập nhật Windows trực tuyến

Nếu bạn muốn hệ điều hành của mình được cập nhật thì bạn có thể đến Web site chính thức của Microsoft vài ngày một lần để tìm xem có hạng mục nào mới không, và sau đó tải chúng xuống và thực hiện cài đặt bằng tay.

Hay bạn có thể yêu cầu Windows thực hiện điều này giúp bạn.

Windows Updates là phần mở rộng trực tuyến của Windows XP giúp bạn giữ hệ điều hành của mình luôn được cập nhật. Khi Windows Update được kích hoạt thì nó sẽ lên trực tuyến theo định kỳ và vào Web site Windows Update chính. Nó

sẽ thông báo cho bạn biết nếu có các chương trình cập nhật. Bạn có thể chọn tải xuống các chương trình cập nhật đó và cài đặt chúng.

Cập nhật tự động

Theo mặc định Windows Update sẽ chạy ở nền và sử dụng Windows để kiểm tra các file hệ thống đã được cập nhật. Sau đó nó sẽ tự động tải xuống và tự động cài đặt các file đó trên máy tính của bạn.

Windows Update chạy mỗi ngày một lần. Nếu nó tìm thấy một chương trình cập nhật thì nó sẽ tải các file xuống một cách tự động. Sau khi các file đã được tải xuống thì bạn sẽ được nhắc cài đặt chúng (vì vậy nó không hoàn toàn tự động - điều này rất tốt vì ít ra nó cũng dành cho bạn một sự lựa chọn trong vấn đề này!).

Thủ thuật

Bạn có thể tắt tính năng cập nhật tự động bằng cách mở hộp thoại System Properties (nhấp System trong Control Panel), chọn tab Automatic Update và thực hiện các thay đổi phù hợp.

Cập nhật bằng tay

Bạn cũng có thể sử dụng Windows Update bằng tay. Từ Help and Support Center, đến vùng Pick a Task và nhấp liên kết Keep Your Computer Up - to - Date with Windows Update. Bây giờ bạn sẽ được nối đến Internet và được đưa đến Web site Windows Update như trong hình 21.2.

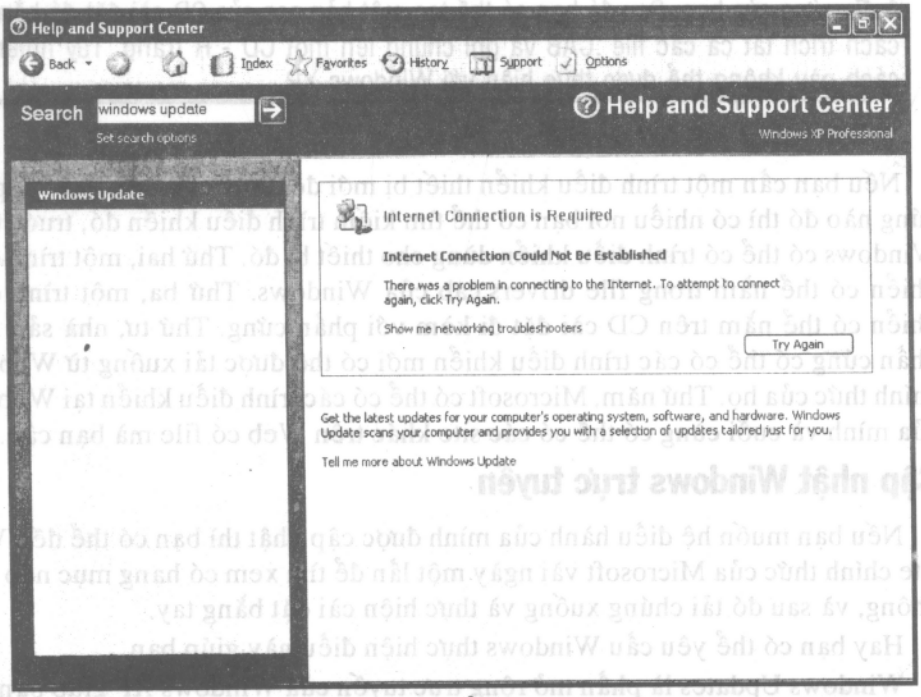

Hình 21.2. Hãy sử dụng Windows Update để làm cho Windows XP luôn luôn được cập nhật.

Site này sẽ cài đặt phiên bản phần mềm mới nhất của nó trên máy tính của bạn và sau đó tiến hành tiến trình quét máy tính của bạn. Hãy nhấp tùy chọn Scan for Update để được cung cấp một danh sách các chương trình cập nhật có thể dùng cho hệ thống của bạn. Hãy tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để cài đặt các chương trình cập nhật cụ thể.

Chuyển các file và các xác lập

Bạn có bao giờ mua một máy tính mới và sau đó bỏ ra nhiều ngày để cấu hình máy tính mới theo đúng máy tính cũ không? Bạn có bao giờ bổ sung bằng tay tất cả các trang mình yêu thích trong Internet Explorer và các địa chỉ liên hệ trong Address Book vào một phần cài đặt mới chưa?

Với Windows XP, bạn sẽ không còn mất công cho những việc như vậy nữa.

Windows XP có một tính năng mới có tên là File and Setting Transfer Wizard. Wizard này cho phép bạn cài đặt các file và các xác lập cấu hình mà bạn muốn giữ lại khi bạn chuyển sang sử dụng một máy tính mới. Bạn sao chép các file, các template và các xác lập vào một thiết bị lưu trữ có thể tháo lắp được mà bạn có thể đưa vào máy tính mới. Sau đó bạn chạy Wizard này trên máy tính mới và sao chép các file và các xác lập cũ vào máy tính mới.

Bạn có thể chạy Files and Settings Transfer Wizard từ bên trong Windows XP hay từ CD cài đặt Windows XP (đối với các hệ thống cũ hơn chạy một phiên bản Windows khác). Trong Windows XP, bạn có thể khởi động wizard này bằng cách nhấp nút Start và sau đó chọn All Programs, Accessories, System Tools, Files and Settings Transfer Wizard.

Sao chép các file và các xác lập cũ của bạn

Sau đây là cách sao chép các file và các xác lập từ máy tính cũ của bạn.

1. Khi Wizard khởi động hãy nhấp Next.
2. Khi màn hình Which Computer Is This? xuất hiện, hãy chọn tùy chọn Old Computer và sau đó nhấp Next.
3. Khi cửa sổ Select a Tranfer Method xuất hiện, hãy chọn cách mà bạn muốn chuyển file - thông qua một mạng nội bộ, sử dụng nhiều đĩa mềm, hay từ một ổ đĩa có thể tháo lắp khác, (chẳng hạn như đĩa Zip) nhấp Next.
4. Khi màn hình What Do You Want to Transfer? xuất hiện (như trong hình 21.3) hãy chọn là bạn muốn sao chép các xác lập, các file hay cả hai.

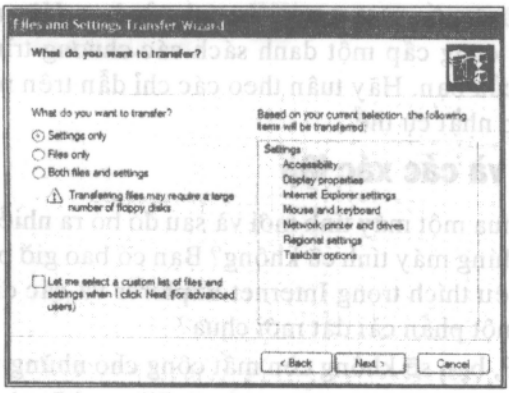

Hình 21.3. Hãy sử dụng Files and Settings Transfer Wizard để sao chép tất cả những phần quan trọng từ máy tính cũ sang máy tính mới.

5. Nếu bạn muốn chọn các file và các xác lập cụ thể để sao chép, hãy chọn tùy chọn Let Me Select a Custom List of Files and Setting. Khi bạn nhấp Next bạn sẽ có thể chọn các hạng mục cụ thể để sao chép.
6. Wizard này bây giờ sẽ tập hợp mọi thứ mà nó cần để sao chép sang máy tính mới, tiến trình này sẽ mất vài phút.
7. Lúc này bạn sẽ được nhắc nạp một đĩa vào ổ đĩa của bạn, hay nối kết với mạng hay thực hiện điều gì cần thiết để bắt đầu tiến trình chuyển giao. Hãy thực hiện theo các chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất tiến trình này.

Chuyển các file và các xác lập của bạn sang một máy tính mới.

Bây giờ bạn phải chuyển các file và các xác lập sang máy tính mới của bạn. Hãy khởi động File and Setting Transfer Wizard trên máy tính mới của bạn và sau đó thực hiện các bước sau:

1. Khi Wizard khởi động hãy nhấp nút Next.
2. Khi màn hình Which Computer Is This? xuất hiện, hãy chọn tùy chọn New Computer, và nhấp Next.
3. Khi màn hình Where Are the Files and Settings xuất hiện hãy chọn cách mà bạn đã lưu các file và sau đó nhấp Next.

Wizard lúc này sẽ chuyển các file và các xác lập sang máy tính mới, nếu bạn được yêu cầu nạp vào các đĩa hãy thực hiện đúng như vậy, nếu không hãy chờ cho đến khi tiến trình hoàn tất. Khi tiến trình này đã thực hiện xong thì có lẽ bạn sẽ khởi động lại máy tính của mình.

Tạo một đĩa khởi động khẩn

Trong các phiên bản trước của Windows bạn đã được nhắc tạo một đĩa trong hệ thống đôi khi được gọi là đĩa khởi động. Trước khi bạn cài đặt hệ điều hành, Bạn sẽ sử dụng đĩa này để khởi động hệ thống của bạn trong trường hợp Windows gặp sự cố và không thể tự khởi động được. Bạn sẽ nạp đĩa hệ thống vào ổ

đĩa A: của máy tính để khởi động.

Khởi động từ CD

Khi bạn cài đặt Windows XP mà không được yêu cầu tạo một d9i4a khởi động thì đó là vì bạn không cần nó nữa. Nếu bạn có một CD cài đặt Windows XP thì bạn có thể khởi động từ CD đó trong trường hợp bạn không thể khởi động Windows hay truy cập đĩa cứng.

Khởi động từ MS-DOS

Mặc dù Windows không còn nhắc bạn tạo một đĩa khởi động Windows nữa và không đưa ra các cách thực hiện việc này, nhưng bạn vẫn có thể gặp phải những sự cố làm cho bạn không thể khởi động được hệ thống. Ví dụ bạn sẽ làm gì khi đĩa cứng của bạn bị hỏng - hay bạn không thể sử dụng ổ đĩa CD để khởi động?

Vì những lý do này, bạn nên có một đĩa hệ thống để khởi động hệ thống của mình. Bạn có thể sử dụng lệnh định dạng của Windows XP để tạo một đĩa mềm MS- DOS có thể khởi động. Sau đó nếu bạn không thể khởi động máy tính của mình bằng bất kỳ cách nào khác thì bạn có thể cài đĩa này vào ổ đĩa A: và có thể cài DOS - và sử dụng các lệnh DOS cơ bản để truy cập đĩa cứng và các thành phần khác trong hệ thống.

Để tạo một đĩa khởi động MS - DOS, hãy thực hiện các bước sau:

1. Cài một đĩa mềm trống vào ổ đĩa mềm của máy tính.
2. Từ My Computer, hãy nhấp phải biểu tượng ổ đĩa mềm và chọn Format từ menu bật lên.
3. Khi hộp thoại Format Floppy xuất hiện (xem hình 21.4) hãy chọn tùy chọn Create an MS - DOS Startup Disk.
4. Nhấp nút Start để định dạng đĩa.

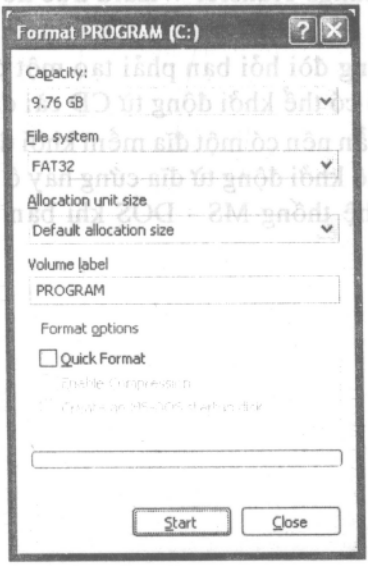

Hình 21.4. Hãy tạo một đĩa khởi động MS - DOS của riêng bạn bằng lệnh định dạng của Windows XP.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Việc làm cho Windows XP luôn luôn được cập nhật là việc làm thường xuyên. Hãy ghi nhớ 10 điều quan trọng sau để máy tính của bạn luôn có phiên bản Windows XP mới nhất:

1. Bạn phải giữ kỹ CD cài đặt Windows XP.
2. Không phải tất cả các thành phần của Windows đều được cài đặt theo mặc định. Các thành phần khác ít được sử dụng hơn cũng có sẵn trên CD cài đặt Windows XP.
3. Bạn cài đặt các thành phần mới bằng cách sử dụng các trình tiện ích Add or Remove Programs và Windows Components Wizard.
4. Các trình điều khiển thiết bị bổ sung có sẵn trong file driver.cab. Để sử dụng một trong các trình điều khiển này mở file driver.cab, tìm file trình điều khiển mà bạn cần và nhấp để trích nó.
5. Nhiều trình điều khiển khác có sẵn trên trực tuyến, tại nhiều site khác nhau.
6. Windows XP có trình tiện ích Windows Update, trình tiện ích này tự động lên trực tuyến để tìm các chương trình cập nhật cho hệ điều hành của bạn. (Bạn có thể kích hoạt này bằng tay bằng cách nhấp liên kết Windows Update trong cửa sổ Help and Support Center).
7. Khi bạn chuyển sang dùng một máy tính mới thì bạn có thể chuyển các file và các xác lập từ máy tính cũ của mình bằng cách sử dụng Files and Settings Transfer Wizard.
8. Nếu máy tính cũ của bạn không có cài đặt Windows XP thì bạn có thể chạy File and Settings Transfer Wizard trực tiếp từ CD cài đặt Windows XP.
9. Windows XP không đòi hỏi bạn phải tạo một đĩa khởi động khẩn vì hệ điều hành của nó có thể khởi động từ CD cài đặt.
10. Tuy nhiên, bạn vẫn nên có một đĩa mềm khởi động để dùng trong trường hợp bạn không thể khởi động từ đĩa cứng hay ổ đĩa CD của mình. Bạn có thể tạo một đĩa hệ thống MS - DOS khi bạn định dạng một đĩa mềm trống.



Giữ cho Windows luôn hoạt động tốt

- *Xóa các file không cần thiết*
- *Hủy phân đoạn đĩa*
- *Thực hiện một tiến trình kiểm tra đĩa cứng với ScanDisk*
- *Xem chế độ làm việc của hệ thống*
- *Xem thêm thông tin về hệ thống*
- *Hiển thị các đặc tính quan trọng của hệ thống*
- *Quản lý các thiết bị*
- *Truy cập thêm thông tin về hệ thống - và các trình tiện ích*
- *Lập kế hoạch bảo trì*
- *Sao lưu dự phòng và phục hồi các file quan trọng*
- *Quản lý Windows Registry*
- *10 thủ thuật quang trọng nhất*

Windows XP có một số trình tiện ích giúp bạn giữ cho hệ thống của mình luôn hoạt động tốt. Các trình tiện ích này hầu như không thay đổi kể từ phiên bản Windows 98.

Sự thay đổi trong XP là các công cụ này được truy cập hơn. Mặc dù bạn có thể tìm các công cụ này bằng cách nhấp Start, All Program, Accessories, System Tool, bạn vẫn có thể tìm thấy một số công cụ quan trọng trong Help and Support Center. Khi bạn nhấp liên kết Use Tool View Your Computer Information trong cửa sổ Help and Support thì Windows sẽ hiển thị một danh sách các công cụ hỗ trợ thường được sử dụng nhất. Hãy nhấp bất kỳ liên kết nào để khởi động công cụ mà bạn cần.

Trong chương này bạn sẽ được giới thiệu trình tiện ích bảo trì hệ thống quan trọng nhất trong Windows XP. Bạn sẽ sử dụng các công cụ này không chỉ khi hệ thống của bạn gặp sự cố mà còn để giữ cho hệ thống của bạn luôn hoạt động tốt.

Xóa những file không cần thiết

Windows XP có một trình tiện ích để giúp bạn xác định và xóa những file không cần thiết chiếm quá nhiều khoảng trống đĩa cứng.

Disk Cleanup là một công cụ rất hữu dụng khi bạn muốn giải phóng thêm khoảng trống đĩa để dồn cho các file thường xuyên được sử dụng hơn. Khi bạn

chạy Disk Cleanup nó sẽ xác định các file không cần thiết và xóa chúng với sự cho phép của bạn.

Để sử dụng Disk Cleanup hãy nhấp nút Start, sau đó chọn All Program, Accessories, System Tool, Disk Cleanup. Disk Cleanup sẽ khởi động và tự động phân tích các thành phần bên trong của ổ đĩa cứng. Khi nó phân tích xong nó sẽ đưa ra một hộp thoại như hình 22.1.

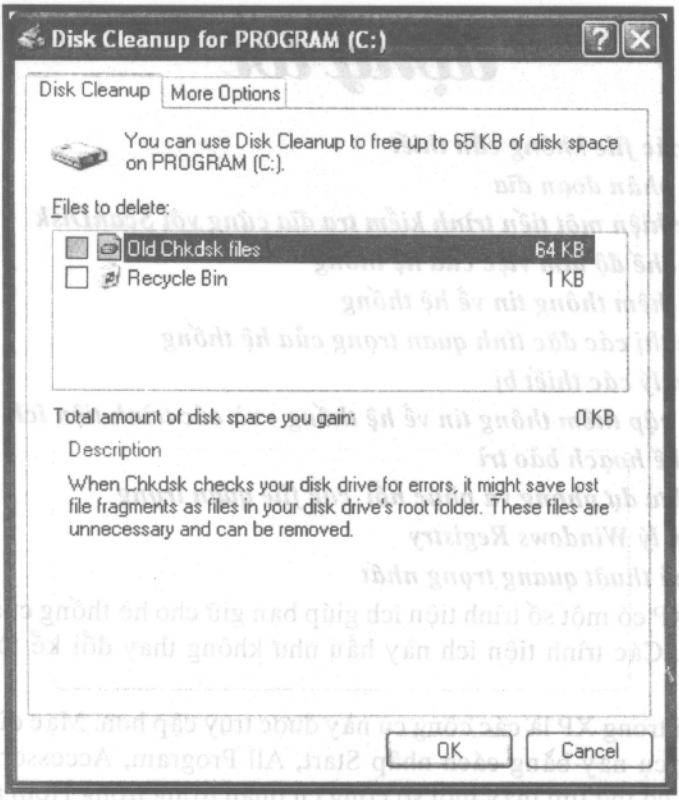

Hình 22.1. Hãy sử dụng Disk Cleanup để xác định và xóa các file không cần thiết khỏi đĩa cứng của bạn.

Hãy bắt đầu bằng cách chọn tab Disk Cleanup. Bạn có thể yêu cầu Disk Cleanup xoá các kiểu file sau:

- Các file chương trình được tải xuống
- Các file Internet tạm thời
- Các trang Web ngoại tuyến
- Các file trong Recycle Bin
- Các file tạm thời
- Các file catalog dùng cho bộ chỉ mục nội dung

Nếu bạn muốn xóa các chương trình không được sử dụng thường xuyên, thành phần trong Windows hay các điểm phục hồi cũ hơn dùng cho trình tiện ích System

Restore, hãy chọn tab More Option và thực hiện các lựa chọn. Nếu không, hãy nhấp OK để bắt đầu thu gọn đĩa cứng của bạn.

Hủy phân đoạn đĩa

Disk Defragmenter của Windows XP không chỉ hủy phân đoạn ổ đĩa cứng của bạn mà còn sắp xếp lại các file trên ổ đĩa đó theo mức độ thường xuyên chúng được sử dụng. Disk Defragmenter đặt các file được sử dụng thường xuyên nhất gần phía trước ổ đĩa cứng của bạn để bạn có thể truy cập chúng một cách nhanh chóng.

Để hủy phân đoạn ổ đĩa cứng của bạn, hãy nhấp nút Start, sau đó chọn All Program, Accessories, System Tool, Disk Defragmenter. Khi trình tiện ích Disk Defragmenter mở ra (như trong hình 22.2) hãy chọn ổ đĩa mà bạn muốn hủy phân đoạn và sau đó nhấp nút Defragment.

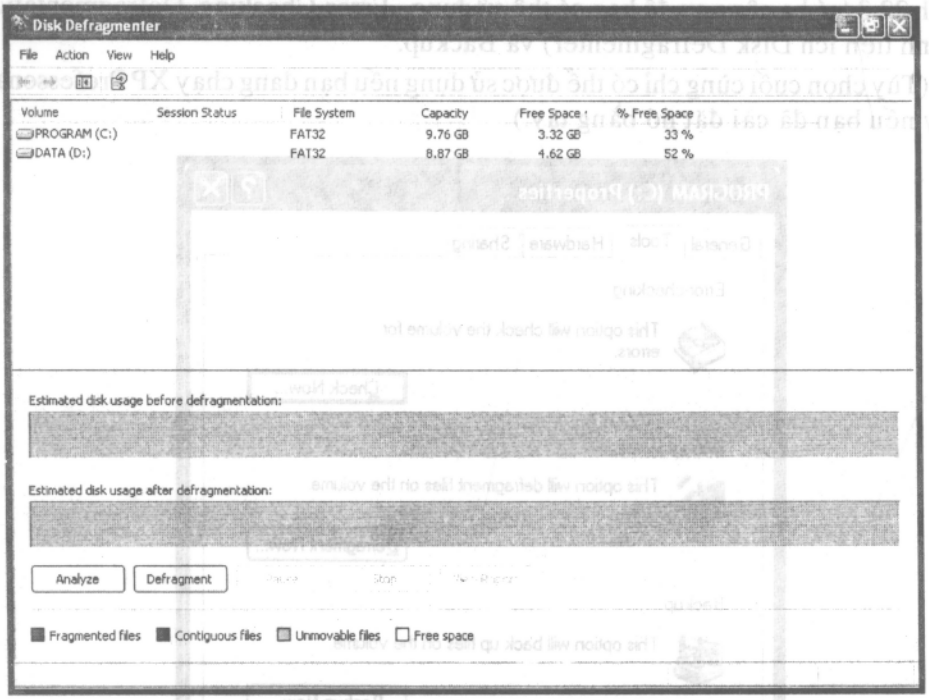

Hình 22.2 Hãy sử dụng Disk Defragmenter để cải thiện hiệu quả làm việc của ổ đĩa cứng.

Tiến trình hủy phân đoạn ổ đĩa có thể mất một khoảng thời gian khá lâu, đặc biệt là nếu bạn có một ổ đĩa cứng lớn hay ổ đĩa của bạn bị phân đoạn quá nhiều.

Cảnh báo

Bạn nên đóng tất cả các trình ứng dụng và ngưng làm việc trên hệ thống của mình trong lúc Disk Defragmenter đang chạy.

Thực hiện một tiến trình kiểm tra đĩa cứng với ScanDisk

Bất kỳ khi nào bạn chạy một trình ứng dụng, di chuyển hay xóa một file hay vô tình tắt nguồn điện trong lúc hệ thống đang chạy thì bạn có thể sẽ đưa các lỗi vào đĩa cứng của mình. Bạn có thể tìm và khắc phục hầu hết các lỗi này từ bên trong Windows XP,

Các phiên bản trước đây của Windows có một trình tiện ích có tên là ScanDisk, trình tiện ích này nằm trong folder System Tools. Trong phiên bản mới này nó được đưa vào các tác vụ dùng cho ổ đĩa cứng của hệ thống. (vì vậy đừng tìm nó trên folder System Tools - và cũng đừng tìm nó theo tên ScanDisk!).

Để tìm và khắc phục các lỗi trên bất kỳ ổ đĩa cứng nào, hãy mở My Computer và nhấp phải lên ổ đĩa mà bạn muốn làm việc. Khi menu bật lên xuất hiện, hãy chọn tùy chọn Properties, và sau đó chọn tab Tools, như bạn có thể thấy trong hình 22.3, có ba công cụ để bạn có thể sử dụng - Error-Checking, Defragmentation (trình tiện ích Disk Defragmenter) và Backup.

(Tùy chọn cuối cùng chỉ có thể được sử dụng nếu bạn đang chạy XP Professonal) hay nếu bạn đã cài đặt nó bằng tay.)

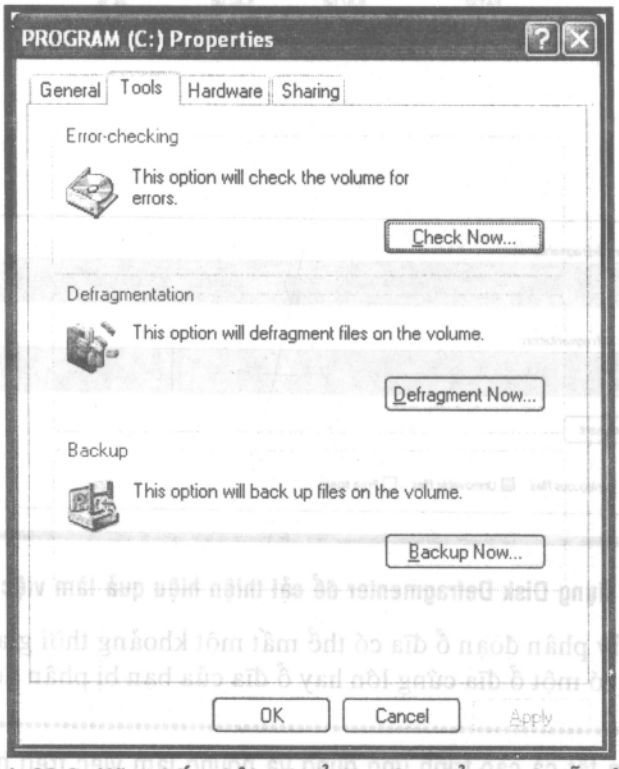

Hình 22.3. Hãy nhấp phải một ổ đĩa cứng để tìm các lỗi của nó

Hãy nhấp nút Check Now và bạn sẽ nhìn thấy hộp thoại Check Disk. Hãy chọn cả hai tùy chọn Automatically Fix File System Error và Scan For and Attempt Recovers of Bad sectors) và sau đó nhấp Start. Windows sẽ kiểm tra đĩa

cứng của bạn và tìm cách khắc phục các lỗi mà nó tìm thấy.

Bạn nên chạy trình tiện này vào bất kỳ lúc nào bạn nghĩ mình đang gặp vấn đề với ổ đĩa cứng.

Xem chế độ làm việc của hệ thống

Windows Task Manager, bây giờ không chỉ được dùng để tắt các trình ứng dụng không cần thiết mà còn có thể được dùng để xem chế độ làm việc của hệ thống. (bạn mở Task Manager bằng cách nhấp phải bất kỳ phần nào của Taskbar và sau đó chọn Task Maneger từ menu bật lên.

Như bạn có thể thấy trong hình 22.4. Task Maneger có 5 tab, tab đầu tiên, Applications, được sử dụng khi bạn cần một trình ứng dụng không được dùng đến. Tab thứ hai Processes, cho thấy mọi tiến trình của hệ thống đang chạy trong bộ nhớ.

Tab thứ ba Performance, hiển thị các đồ họa về việc sử dụng CPU và bộ nhớ của hệ thống. Nó cũng hiển thị các thông tin bằng số về các tham số khác nhau của hệ thống.

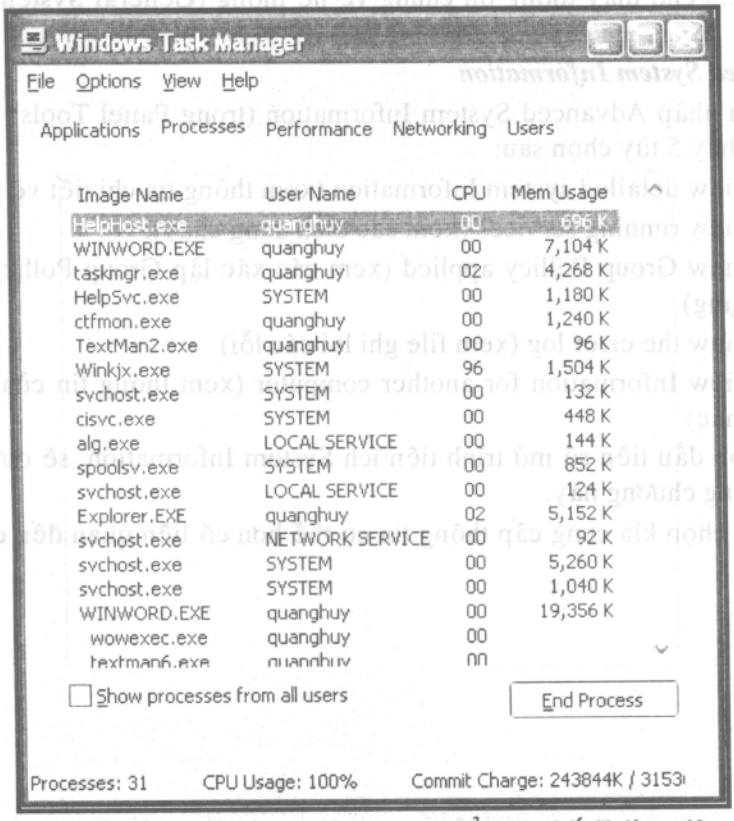

Hình 22.4. Hãy sử dụng Windows Task Maneger để xem chế độ làm việc của hệ thống.

Tab thứ tư, Networking, hiển thị các đồ thị cho thấy các nối kết trên mạng của bạn.

Tab thứ năm User, liệt kê các người dùng đăng nhập vào máy tính của bạn (nó cũng cho phép bạn buộc họ thoát khỏi máy tính hay ngắt nối kết với họ).

Xem thêm thông tin về hệ thống

Để có các thông tin chi tiết hơn về hệ thống của bạn, hãy sử dụng các công cụ có sẵn trong Help and Support Center của Windows XP. Ở đây có hai công cụ, mỗi công cụ cung cấp thông tin với một mức độ chi tiết khác nhau.

My Computer Information

Bắt đầu bằng cách mở Help and Support Center, nhấp liên kết Use Tools (trong vùng Pick a Task) và sau đó nhấp liên kết My Computer Information. Công cụ My Computer Information cho phép bạn xem 4 thông tin khác nhau:

- Thông tin chung về hệ thống
- Tình trạng phần cứng và phần mềm của hệ thống
- Các phần cứng đã được cài đặt
- Các phần mềm của Microsoft đã được cài đặt.

Hình 22.5 cho thấy thông tin chung về hệ thống (General System Information).

Advanced System Information

Khi bạn nhấp Advanced System Information (trong Panel Tools) thì bạn sẽ được trình bày 5 tùy chọn sau:

- View detailed system Information (xem thông tin chi tiết về hệ thống)
- View running services (xem các dịch đang chạy).
- View Group Pollicy applied (xem các xác lập Group Pollicy được áp dụng)
- View the error log (xem file ghi lại các lỗi)
- View Information for another computer (xem thông tin của máy tính khác)

Tùy chọn đầu tiên sẽ mở trình tiện ích System Information, sẽ được đề cập đến sau trong chương này.

Các tùy chọn kia cung cấp thông tin cụ thể hơn có liên quan đến chức năng được chọn.

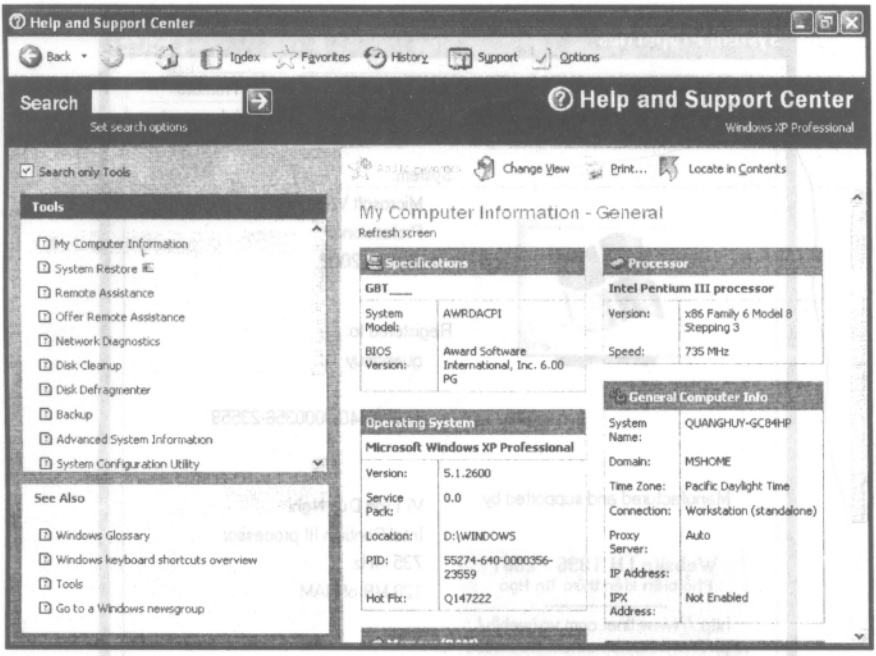

Hình 22.5. Hãy xem tình trạng phần cứng và phần mềm trên máy tính của bạn bằng công cụ My Computer Information.

Hiển thị các đặc tính quan trọng của hệ thống

Một nơi khác để bạn có thể biết thêm các thành phần trên hệ thống của mình là trình tiện ích System Properties, bạn có thể mở trình tiện ích này từ Control Panel (nhấp biểu tượng System) hay nhấp phải My Computer trên desktop và sau đó chọn Properties từ menu bật lên.

Trong Windows XP có 7 tab trong cửa sổ System Properties:

- **General** - tab này (xem hình 22.6) hiển thị thông tin cơ bản nhất về hệ thống của bạn - dù bạn đang sử dụng máy tính nào, đang chạy phiên bản Windows nào, và tên người dùng của bạn là gì.
- **Computern Name** - Tab này hiển thị tên và mô tả máy tính của bạn khi nó xuất hiện trên các máy tính khác trên mạng. Hãy nhấp nút Change để thay đổi thông tin này.

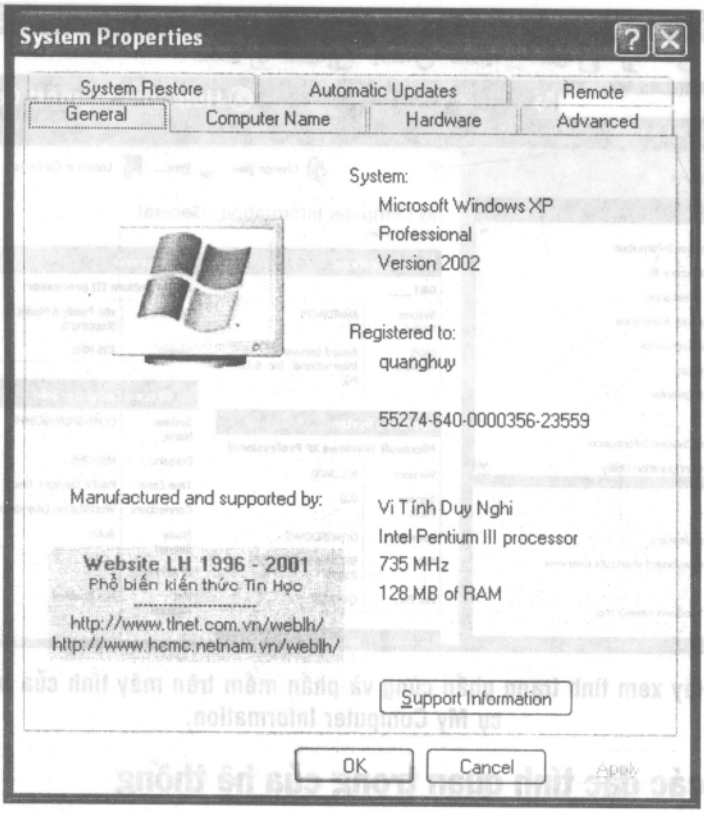

Hình 22.6. Hãy truy cập các đặc tính và các thông tin khác nhau về hệ thống từ hộp thoại System Properties.

Cảnh báo

Bạn nên tánh thay đổi tên máy tính của mình. Nếu bạn đang nối kết vào mạng. Nếu bạn thay đổi tên thì các máy tính khác trên mạng không thể nhận ra máy tính của bạn.

Hardware - tab này có vai trò như một cổng dẫn đến các công cụ và các trình tiện ích khác nhau có liên quan đến phần cứng, bao gồm Add New Hardware Wizard, Device Manager và Hardware Profiles.

Advanced - tab này có chức năng như một cổng đối với các xác lập về việc thực thi, Profile người dùng, khởi động và phục hồi.

System Retore - tab này cho phép bạn tắt/ mở và cấu hình công cụ System Restore.

Automatic Updates - tab này cho phép bạn cấu hình cách thức làm việc của Windows Updates ở nền để tìm và tải xuống các chương trình cập nhật cho hệ điều hành.

Remote- tab này cho phép bạn cấu hình các xác lập để dùng tính năng Remote Asstance.

Quản lý các thiết bị

Khi bạn mở hộp thoại System Properties, chọn tab Hardware và nhấp nút Device Manager, thì bạn sẽ mở một trong các trình tiện ích quan trọng nhất của Windows - Device Manager. Bạn sử dụng Device Manager để xem các đặc tính quan trọng của bất kỳ thiết bị nào được cài đặt trên máy tính của bạn, và thay đổi các đặc tính đó nếu cần thiết.

Cảnh báo

Nếu bạn quen với Device Manager trong Windows 9x/ Me thì có lẽ bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy diện mạo và vị trí của nó hơi thay đổi trong Windows XP. (nó thường là một tab trong hộp thoại System Properties, bây giờ phải nhấp một nút để truy cập nó).

Như bạn có thể thấy trong hình 22.7. Device Manager liệt kê tất cả các thiết bị đang được cài đặt trên hệ thống của bạn. Hãy nhấp một loại thiết bị được liệt kê có một dấu cộng (+) ở kế bên để hiển thị một danh sách tất cả các thiết bị thuộc loại đó.

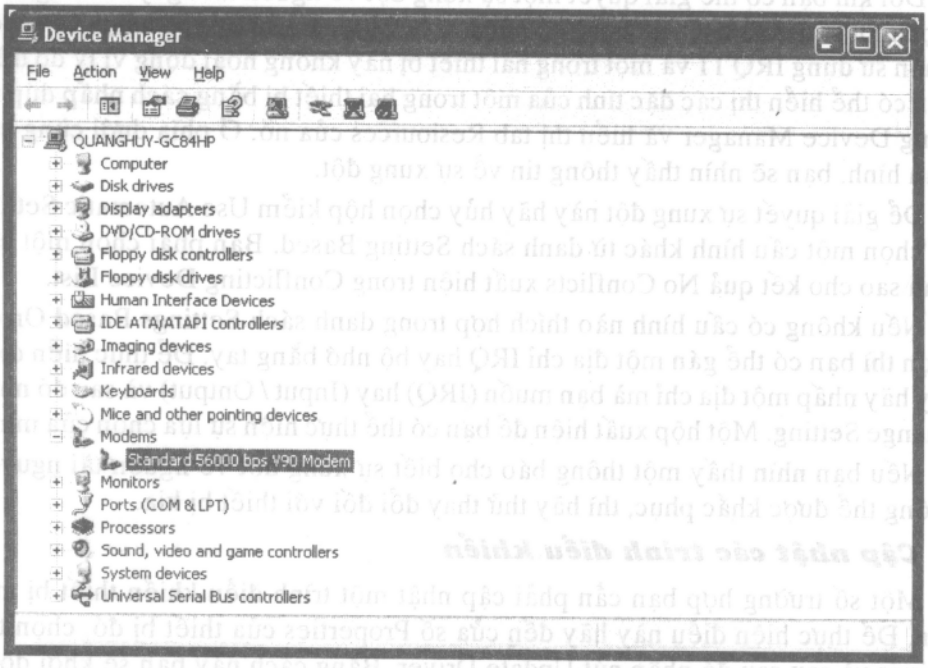

Hình 22.7. Hãy sử dụng Device Manager để hiển thị và thay đổi các đặc tính của bất kỳ thiết bị nào được cài đặt trên hệ thống của bạn.

Ví dụ, khi bạn nhấp hạng mục Ports thì bạn sẽ nhìn thấy một danh sách tất cả các cổng trên hệ thống của bạn, bao gồm các cổng nối tiếp và cổng song song.

Xem các đặc tính của thiết bị - và các xung đột

Có hai cách để bạn sắp xếp các thiết bị trong Device Manager - theo loại thiết bị và theo nối kết. Nói chung, việc sắp xếp chúng theo loại dễ hơn. Bạn có thể

thay đổi cách các thiết bị được hiển thị bằng cách nhấp Menu View và chọn một khung xem khác.

Nếu Windows thông báo có một sự cố với trình điều khiển thiết bị nào đó thì bạn sẽ thấy một ký hiệu đặc biệt ở bên cạnh thiết bị đó. Một dấu chấm than màu đen (!) một nền màu vàng cho biết thiết bị đó đang ở trong tình trạng mà Microsoft gọi là "tình trạng sự cố" một dấu "màu đỏ" cho biết "X" thiết bị đó hiện giờ không sử dụng được - có lẽ vì trình điều khiển thích hợp chưa được tải. Một chữ "i" màu xanh dương trên một nền màu trắng cho biết thiết bị đó đang sử dụng một cấu hình bằng tay thay vì các xác lập mặc định.

Để xem các đặc tính của một thiết bị. Hãy nhấp đúp biểu tượng của thiết bị đó bằng cách này bạn sẽ làm cho một cửa sổ Properties xuất hiện,

Giải quyết các xung đột

Nếu bạn gặp phải một sự xung đột về thiết bị, hãy mở cửa sổ Properties của thiết bị đó và chọn tab General bạn sẽ nhìn thấy một thông báo giải thích vấn đề một cách cơ bản và đưa ra các bước để giải quyết vấn đề đó.

Đôi khi bạn có thể giải quyết một sự xung đột về nguồn tài nguyên bằng cách chọn một cấu hình IRQ và/ hoặc bộ nhớ khác. Ví dụ, giả sử bạn có hai thiết bị đều muốn sử dụng IRQ 11 và một trong hai thiết bị này không hoạt động vì lý do trên. Bạn có thể hiển thị các đặc tính của một trong hai thiết bị bằng cách nhấp đúp nó trong Device Manager và hiển thị tab Resiources của nó. Ở phía dưới cùng của màn hình, bạn sẽ nhìn thấy thông tin về sự xung đột.

Để giải quyết sự xung đột này hãy hủy chọn hộp kiểm Use Automatic Setting và chọn một cấu hình khác từ danh sách Setting Based. Bạn phải chọn một cấu hình sao cho kết quả No Conflicts xuất hiện trong Conflicting Device List.

Nếu không có cấu hình nào thích hợp trong danh sách Settings Based On để chọn thì bạn có thể gán một địa chỉ IRQ hay bộ nhớ bằng tay. Để thực hiện điều này hãy nhấp một địa chỉ mà bạn muốn (IRQ) hay (Input / Ontput) và sau đó nhấp Change Setting. Một hộp xuất hiện để bạn có thể thực hiện sự lựa chọn của mình.

Nếu bạn nhìn thấy một thông báo cho biết sự xung đột về nguồn tài nguyên không thể được khắc phục, thì hãy thử thay đổi đối với thiết bị kia.

Cập nhật các trình điều khiển

Một số trường hợp bạn cần phải cập nhật một trình điều khiển thiết bị mới hơn. Để thực hiện điều này hãy đến cửa số Properties của thiết bị đó, chọn tab Driver và sau sau đó nhấp nút Update Driver. Bằng cách này bạn sẽ khởi động Update Device Driver Wizard. Hãy nhấp nút Next sau đó chọn Search for a Better Driver. Nhấp Next và bạn sẽ được nhấp cho biết vị trí bạn muốn tìm kiếm một trình điều khiển đã được nâng cấp. Nếu bạn có trình điều khiển đó trên đĩa (đĩa cứng, đĩa mềm, hay CD - ROM) hãy chọn một tùy chọn thích hợp, nếu bạn thích lên Internet và vào Web site của Microsoft để tìm một trình điều khiển cập nhật, hãy chọn Microsoft Windows Update. Khi một trình điều khiển mới được tìm thấy, bạn có thể sử dụng phần còn lại của Wizard để cài đặt và cấu hình trình điều khiển mới đó.

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển mới và đột nhiên các thiết bị không còn hoạt động bình thường thì trình điều khiển mới đó đã gặp sự cố, có lẽ đó không phải là một trình điều khiển thích hợp hay file của trình điều khiển đó bị hỏng. Dù nguyên nhân là gì bạn cũng nên bỏ trình điều khiển mới đó và trở lại sử dụng trình điều khiển cũ vẫn còn hoạt động tốt. Bạn có thể thực hiện điều này một cách dễ dàng bằng cách nhấp nút Roll Back Driver. Bạn sẽ khởi động và chạy lại hệ thống.

Truy cập thêm thông tin về hệ thống - và các trình tiện ích

Có một trình tiện ích khác mà bạn cần phải làm quen với nó. trình tiện ích này hiển thị thêm các thông tin có giá trị về hệ thống - và đóng vai trò như một cổng nối với các công cụ mà bạn không thể tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác.

System Information

Trình tiện ích mà bạn cần làm quen có tên là System Information. Bạn mở nó bằng cách nhấp nút Start, và sau đó chọn All Program, Accessories, System Tools, System Information.

Như bạn có thể thấy trong hình 22.8, ô bên trái của cửa sổ System Information hiển thị thông tin về năm thành phần chính của hệ thống. Hardware Recources, Componnets, Software Environment, Internet Explorer và Applocation. Hãy nhấp dấu "+" ở bên cạnh mỗi hạng mục để hiển thị các hạng mục con, khi bạn bật sáng một hạng mục con cụ thể thì thông tin về hạng mục đó sẽ xuất hiện ở ô bên phải.

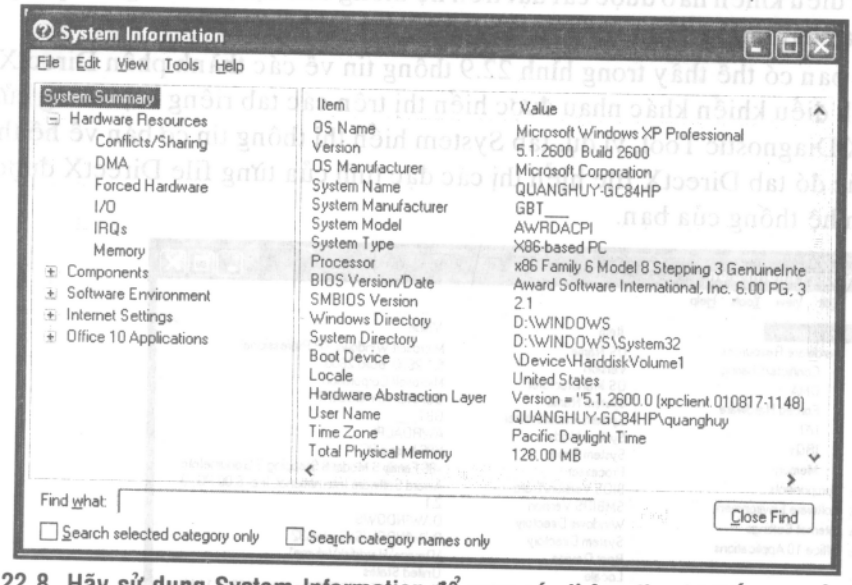

Hình 22.8. Hãy sử dụng System Information để xem các thông tin chi tiết hơn về hệ thống của bạn - và để truy cập nhiều công cụ khác nhau.

System Information rất hữu dụng về việc tìm các xung đột về hệ thống. Hãy mở hạng mục Harware Recources và chọn Conflicts/Sharing. Ô bên phải sẽ hiển thị một danh sách gồm tất cả các IRQ được chia sẻ - một trong số này có thể là nguyên nhân gây ra sự cố. Hãy xác định IRQ gây ra sự cố và sau đó sử dụng Device Manager để cấu hình hoặc cài đặt lại thiết bị để sử dụng một IRQ khác.

Windows XP còn sử dụng System Information là một dạng cổng nối đến một số trình tiện ích hệ thống khác. Phần nhiều các công cụ "ẩn" đều được truy cập từ menu Tools trong cửa sổ System Information. Có lẽ bạn sẽ nhận thấy một vài trình tiện ích trong số này tỏ ra rất hữu ích khi bạn phải thực hiện công việc xử lý sự cố.

Net Diagnostics

Trình tiện ích Net Diagnostics kiểm tra hệ thống của bạn và thu thập thông tin về các nối kết mạng mà bạn đã thiết lập, công cụ này được thiết kế để cung cấp thông tin cần thiết cho việc xử lý nhiều sự cố khác nhau có liên quan đến mạng.

System Restore

Trình tiện ích này sẽ được đề cập chi tiết trong chương 23 "Phục hồi lại khi hệ thống gặp sự cố".

File Signature Verification Utility

File Signature Verification Utility của Windows XP, xác định vị trí của các file đã được ký và chưa được ký trên hệ thống của bạn. Các file đã nhận được chữ ký kỹ thuật số của Microsoft là bản sao nguyên mẫu của các file gốc. Các file có chữ ký ít đáng tin cậy hơn.

DirectX Diagnostic Tool

DirectX Diagnostic Tool cung cấp các thông tin về bất kỳ thành phần DirectX và trình điều khiển nào được cài đặt trên hệ thống của bạn, nó cũng cho phép bạn kiểm tra chất lượng đầu ra của âm thanh và các đồ họa.

Như bạn có thể thấy trong hình 22.9 thông tin về các thành phần DirectX và các trình điều khiển khác nhau được hiển thị trên các tab riêng biệt trong cửa sổ DirectX Diagnostic Tool, ví dụ, tab System hiển thị thông tin cơ bản về hệ thống trong lúc đó tab DirectX file hiển thị các đặc tính của từng file DirectX được cài đặt trên hệ thống của bạn.

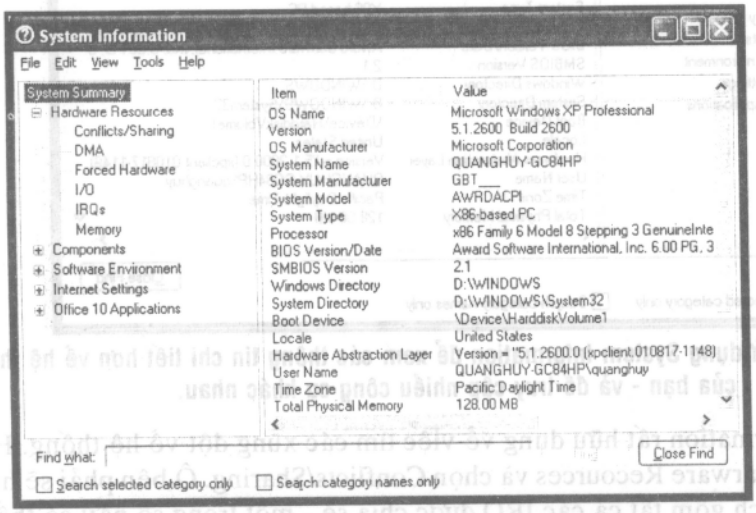

Hình 22.9. Hãy sử dụng DirectX Diagnostic Tool để kiểm tra và cấu hình các thành phần DirectX trên hệ thống của bạn.

Dr.Watson

Dr.Watson như trình bày trong hình 22.10, là một công cụ quen thuộc đối với những người đã từng sử dụng Windows. Nó ghi lại tình trạng của hệ thống mỗi khi có một lỗi của hệ thống xảy ra, điều này sẽ giúp ích rất nhiều trong việc chẩn đoán các sự cố khó.

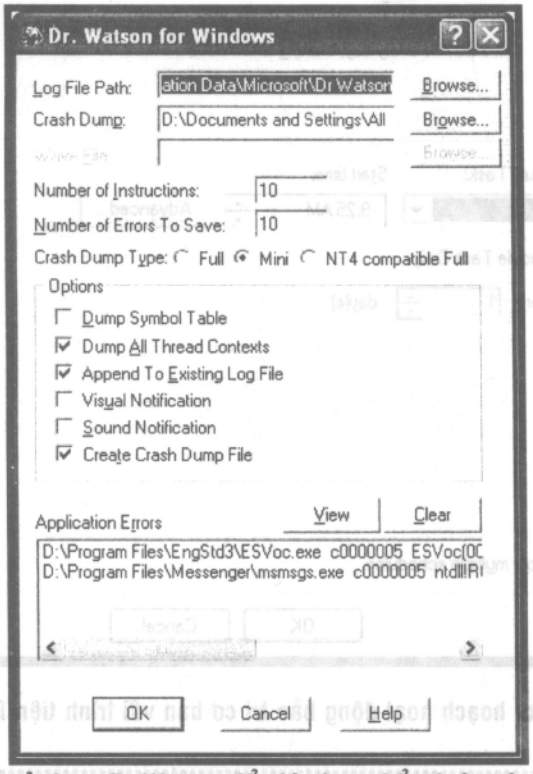

Hình 22.10. Hãy sử dụng Dr.Watson để giúp bạn chẩn đoán các sự cố xảy ra với hệ thống.

Lập kế hoạch bảo trì

Nếu bạn hầu như không có thời gian để thực hiện việc bảo trì cơ bản đối với hệ thống thì bạn có thể yên tâm vì Windows XP đã có một trình tiện ích có tên là Scheduled Task. Trình tiện ích này cho phép bạn chạy nhiều tác vụ bảo trì hệ thống khác nhau - bao gồm Disk Defragmenter và Disk Cleaup.

Để sử dụng trình tiện ích này, hãy nhấp nút Start, sau đó chọn All Program, Accessories, System Tool, Scheduled Task. Khi cửa sổ Scheduled Tasks mở ra bạn sẽ nhận thấy có nhiều tác vụ liên quan đến việc bảo trì được hiển thị. Chúng không được kích hoạt nhưng chúng được hiển thị.

Để kích hoạt một tác vụ nào đó, hãy nhấp biểu tượng của nó để hiển thị một hộp thoại như trong hình 22.11. Hãy nhấp tab Schedule và sau đó chọn mức độ thường xuyên mà bạn muốn chạy tác vụ đó. Nếu bạn muốn lập kế hoạch cho một tác vụ thu gọn đĩa thì hãy chọn một tuần một lần. Nếu bạn lập kế hoạch cho việc

hủy phân đoạn đĩa thì bạn nên chọn mỗi tháng một lần. Hãy nhấp OK để đưa tác vụ đó vào kế hoạch.

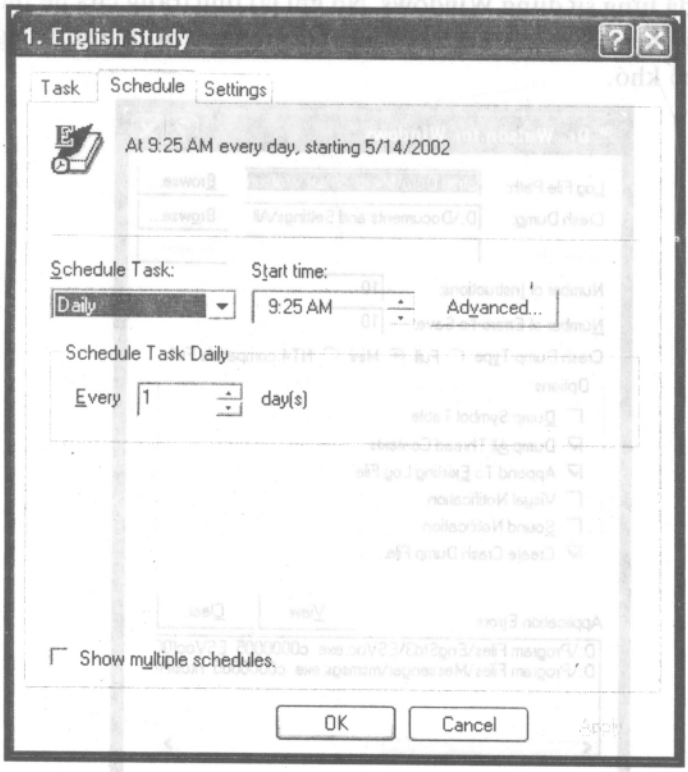

Hình 22.11. Hãy lập kế hoạch hoạt động bảo trì cơ bản với trình tiện ích Scheduled Task.

Cảnh báo

Đối với một tác vụ đã được lập kế hoạch, thì máy tính của bạn phải được bật lên trong suốt các tiến trình bảo trì theo kế hoạch. Windows XP sẽ không thể thay thế bạn bật máy tính lên!, nếu máy tính của bạn không được bật lên vào thời điểm được lập kế hoạch được bảo trì, thì trình tiện ích Scheduled Task sẽ bỏ qua tác vụ đã được lập kế hoạch đó.

Nếu bạn muốn lập kế hoạch cho một tác vụ chưa được tạo trước đó. Hãy nhấp biểu tượng Add Scheduled Task. Bằng cách này bạn sẽ khởi động Schwduled Task Wizard và thực hiện theo các hướng dẫn để chọn và lập kế hoạch cho một tác vụ cụ thể.

Sao lưu dự phòng và phục hồi các file quan trọng

Bạn nên sao lưu dự phòng các file quan trọng trên máy tính của bạn một cách thường xuyên.

Nếu bạn đang chạy Windows XP Home Edition thì có thể bạn sẽ nghĩ rằng Microsoft đã loại bỏ trình tiện ích Microsoft Backup ra khỏi hệ điều hành mới

này. Thực ra không phải như vậy nó vẫn còn ở đó, nhưng không được cài đặt theo mặc định.

Để sử dụng trình tiện ích Backup, bạn cần phải cài đặt nó từ CD cài đặt Windows XP. Sau khi bạn đã cài đặt Microsoft thì bạn có thể sử dụng trình tiện ích này để sao lưu dự phòng các file và các xác lập cá nhân của bạn. Microsoft cho phép bạn lưu các file sao lưu dự phòng trên đĩa mềm, băng từ, đĩa Zip, hay đĩa CD-R/RW.

Mức độ thường xuyên bạn cần sao lưu dự phòng các file tùy thuộc vào mức độ thường xuyên các file thay đổi và mức độ quan trọng của việc thay đổi. Đối với nhiều người dùng việc sao lưu dự phòng chỉ cần được thực hiện mỗi tháng một lần là đủ.

Bạn khởi động Backup hay Restore Wizard bằng cách nhấp phải ổ đĩa mà bạn muốn sao lưu dự phòng và chọn Properties từ menu bật lên. khi hộp thoại Properties xuất hiện hãy chọn tab Tools và sau đó nhấp nút Backup Now.

Khi Wizard này khởi động hãy tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để chọn vị trí mà bạn muốn sao lưu dự phòng các file. những file nào cần được sao lưu dự phòng và kiểu sao lưu dự phòng nào bạn muốn thực hiện. Hãy cất giữ các đĩa sao lưu dự phòng ở nơi an toàn.

Nếu bạn cần phục hồi các file một bản sao lưu dự phòng thì bạn cũng thực hiện điều này từ Backup hay Restore Wizard. Chỉ cần thông báo cho Wizard đó biết bạn phục hồi lại các file và các xác lập, sau đó tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để sao chép các file sao lưu dự phòng trở lại vị trí ban đầu của chúng.

Quản lý Windows Registry

Phần lớn cấu hình hệ thống của bạn được lưu ở một cơ sở dữ liệu lớn có tên là Windows Registry, Registry chứa toàn bộ các đặc tính mà bạn đã thiết lập thông qua Control Panel, các xác lập của mỗi trình ứng dụng được cài đặt trên hệ thống của bạn, và thông tin về cấu hình của tất cả các phần cứng và các thiết bị ngoại vi trên hệ thống của bạn.

Registry được cập nhật tự động mỗi khi bạn thay đổi một cấu hình bằng những cách thông thường. Bạn cũng có thể thực hiện các thay đổi trực tiếp đối với Registry bằng cách sử dụng trình tiện ích có tên là Registry Editor.

Tuy nhiên bạn cần biết rằng việc sửa đổi Registry một cách trực tiếp là một công việc mạo hiểm. Nếu bạn thực hành sai một thao tác nào đó thì bạn có thể làm cho toàn bộ hệ thống không hoạt động được.

Sao lưu dự phòng và phục hồi Registry

Do việc chỉnh sửa Registry có thể gây ra sự cố - dù bạn là một người sử dụng máy tính có nhiều kinh nghiệm - nên bạn phải sao lưu dự phòng các file trong Registry trước khi bạn bắt đầu thực hiện bất kỳ việc chỉnh sửa nào. Điều này sẽ giúp bạn có thể sẽ phục hồi Registry trở lại tình trạng ban đầu nếu có sự cố xảy ra.

Tính năng System Retore trong Wondows XP sẽ tự động sao lưu dự phòng Registry của bạn mỗi khi một điểm phục hồi (restore point) được tạo. Nếu bạn dự định chỉnh sửa Registry của mình thì bạn phải tạo một điểm phục hồi ngay trước khi thực hiện bất kỳ thay đổi nào. Trong trường hợp xảy ra sự cố lúc tiến trình chỉnh sửa đang diễn ra thì bạn có thể sử dụng System Restore để phục hồi hệ thống của bạn tại điểm phục hồi trước đó.

Thủ thuật

Nếu bạn muốn an toàn hơn thì bạn có thể tạo một bản sao lưu dự phòng đối với Registry của bạn và lưu nó trên một đĩa Zip hay đĩa CD - RW. Registry thực ra được tạo bởi hai file ẩn, System.DAT và User.DAT, và nằm trong folder Windows. Tất cả những gì bạn cần làm là hiển thị các file này và sao chép chúng sang một vị trí khác.

Chỉnh sửa Registry

Nói chung, bạn không cần phải chỉnh sửa Registry vì nó làm việc ở nền, tự động được cập nhật mỗi khi bạn thay đổi xác lập hoặc cài đặt một phần cứng hay một phần mềm mới. Tuy nhiên, cũng có trường hợp khi bạn gặp phải một sự cố về hệ thống khó khắc phục và việc chỉnh sửa một giá trị nào đó trong Registry là biện pháp duy nhất.

Registry Editor là trình tiện ích mạnh mẻ chỉnh sửa các giá trị riêng biệt trong Registry. Bạn khởi động Registry Editor bằng cách nhấp nút Start và chọn Run để hiển thị cửa sổ Run nhập vào regedit trong hộp Open, sau đó nhấp OK.

Cửa sổ Registry Editor có hai ô như trong hình 22.12. Ô bên trái hiển thị các tham số hay các xác lập khác nhau được gọi là các khóa (key). Tất cả các khóa có nhiều khóa phụ (subkey) ô bên phải hiển thị các giá trị, hay các thông tin về cấu hình, đối với mỗi khóa hay khóa phụ.

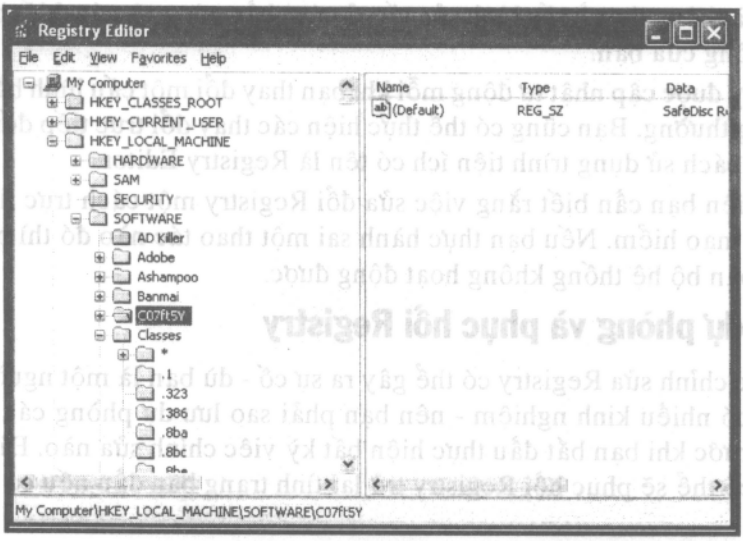

Hình 22.12. Bạn có thể chỉnh sửa các giá trị trong Windows Registry.

Bạn hiển thị các tốc độ khóa phụ khác nhau bằng cách nhấp lên dấu cộng "+" ở bên cạnh một hạng mục cụ thể. bạn chỉnh sửa một giá trị bằng cách bật sáng khóa phụ ở ô bên trái và sau đó nhấp đúp giá trị trong ô bên phải. Bằng cách này bạn sẽ làm hiển thị cửa sổ Edit Value (hay Edit String). Nhập một vào một giá trị mới trong hộp Value Data và nhấp OK.

Cảnh báo

Các xác lập trong Registry sẽ thay đổi khi bạn thực hiện các thay đổi. Do đó, trong Registry Editor không có lệnh "save" và cũng không có lệnh "Undo".

Để bổ sung một giá trị mới vào một khoá phụ, hãy nhấp phải khóa phụ đó và chọn một trong hai tùy chọn New, Value từ menu bật lên. Hãy gõ nhập một tên cho giá trị mới và sau đó nhấp đúp giá trị đó để hiển thị cửa sổ Edit Value (hay Edit String) hãy nhập giá trị mới đó vào hộp Value Data và rồi nhấp OK.

Bạn cũng có thể bổ sung nhiều khóa phụ mới vào Registry. Hãy nhấp phải khóa mà bạn muốn bổ sung khóa phụ và sau đó chọn New, Key từ menu bật lên. Một khóa phụ mới (với một tên tạm thời). Hãy gõ nhập một tên cho khóa phụ mới đó và nhấn Enter.

Để xóa một khóa phụ hay một giá trị, hãy nhấp phải nó và chọn Delete, tuy nhiên, còn phải nhớ rằng tất cả các thay đổi sẽ cho ra kết quả cuối cùng. Một khi một khóa phụ đã bị xóa thì nó sẽ biến mất!

10 thủ thuật quang trọng nhất

Nhiều người dùng không thích bận tâm với các công cụ bảo trì và xử lý sự cố hệ thống. Điều này cũng có lý do của nó, vì các công cụ này thường có tính kỹ thuật quá cao và khá khó hiểu.

Tuy nhiên, bạn cần thực hiện công việc bảo trì hệ thống của mình theo định kỳ. Bạn cũng có thể gặp phải một sự cố đòi hỏi bạn phải sử dụng một trong số các công cụ này vì lý do đó bạn cần phải làm quen với chúng và cần nhớ 10 điều quan trọng sau:

1. Bạn cần thực hiện công việc bảo trì theo định kỳ để giữ cho đĩa cứng của mình hoạt động với hiệu quả cao nhất.
2. Microsoft đã chuyển nhiều trình tiện ích bảo trì từ folder System Tools sang Help and Support Center. Nếu bạn không thể tìm thấy một công cụ nào đó ở nơi này thì tìm nó ở nơi kia!
3. Hai tác vụ bảo trì đĩa cứng quan trọng nhất là xóa các file không cần thiết và hủy phân đoạn đĩa.
4. Mặc dù, ScanDisk không còn là một chương trình độc lập, nhưng nó vẫn còn có chức năng tìm và khắc phục các lỗi trên đĩa cứng. Trong Windows XP tính năng này có thể được truy cập bằng cách nhấp phải một biểu tượng đĩa cứng trong My Computer, chọn Properties, chọn tab Tools, và nhấp nút Check Now.
5. Trong vùng Tools của Help and Support Center. Có nhiều thông tin mới về hệ thống. Hãy nhấp My Computer để hiển thị các thông tin cơ bản về

phần cứng và phần mềm, hay nhấp Advanced System Information để hiển thị các thông tin chi tiết hơn.

6. Hộp thoại System Properties cũng hiển thị nhiều thông tin quan trọng về hệ thống, và đóng vai trò như một cổng dẫn đến các công cụ và trình tiện ích khác - kể cả Device Manager.
7. Bạn sử dụng Device Manager để xem cấu hình lại tất cả các thiết bị gắ vào hay được cài đặt trên máy tính của bạn (bạn cũng có thể sử dụng Device Manager để cài đặt các trình điều khiển thiết bị mới, hay đưa một trình điều khiển đã được cài đặt trước đây trở lại sử dụng trên hệ thống).
8. Nếu bạn nghĩ có sự xung đột về thiết bị, hãy sử dụng trình tiện ích System Information để hiển thị tất cả các nguồn tài nguyên được chia sẻ hệ thống của bạn (bạn cũng có thể sử dụng System Information để truy cập nhiều trình tiện ích "ẩn", bao gồm Windows Report Tool, DirectX Diagnotic Tool, và Dr.Watson).
9. Mặc dù công cụ Microsoft Backup không được cài đặt theo mặc định nhưng nó cũng có trong Windows XP Home Edition. Bạn cần phải cài đặt Backup bằng tay từ CD cài đặt và sau đó có thể sử dụng nó để sao lưu dự phòng các file và các xác lập quan trọng.
10. Windows Registry là nơi lưu tất cả các thông tin về cấu hình. Bạn có thể chỉnh sửa Registry bằng cách sử dụng trình tiện ích Registry Editor.

Chương 23

Phục hồi lại khi hệ thống gặp sự cố

- *Khởi động ở chế độ an toàn*
- *Tìm ra nguyên nhân của sự cố bằng cách sử dụng System Configuration Utility*
- *Phục hồi lại hệ thống bằng cách sử dụng System Restore*
- *Tránh và xử lý trường hợp bị nhiễm vi rút*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Trường hợp sau đây hoàn toàn có thể xảy ra.

Bạn mở máy tính lên và khởi động nó nhưng nó không chịu khởi động hay bị treo trong lúc đang khởi động, hay đưa ra một thông báo lỗi khó hiểu.

Chương này sẽ hướng dẫn bạn một số cách làm cho máy tính của bạn khởi động và chạy trở lại sau khi gặp sự cố.

Khởi động ở chế độ an toàn

Nếu Windows không khởi động được thì có lẽ là do một xác lập nào đó không đúng hay một trình điều khiển nào đó bị trục trặc. Vấn đề ở đây là làm thế nào để bạn có thể vào Windows để khắc phục sự cố khi mà cả việc khởi động Windows không thể thực hiện được?

Cách xử lý tình huống này là chận máy tính của bạn lại khi Windows nắm quyền kiểm soát nó, và buộc nó phải khởi động bất kể nguyên nhân gây ra sự cố là gì?

Bạn chận máy tính lại bằng cách theo dõi màn hình khi máy tính khởi động và ấn phím F8 ngay trước khi Windows bắt đầu tải. Khi bạn ấn F8 máy tính của bạn sẽ hiển thị menu khởi động Windows. Menu này liệt kê một số cách khác nhau mà bạn có thể sử dụng để khởi động Windows. Tất cả các chế độ này sẽ được đề cập trong một phần sau. Bây giờ, hãy sử dụng các phím mũi tên lên và xuống để chọn chế độ an toàn (Safe mode) và nhấn Enter.

Tìm hiểu Safe Mode

Safe mode là một chế độ hoạt động đặc biệt, nó tải Windows với một cấu hình nhỏ nhất mà không cần phải có nhiều trình điều kiển thiết bị, điều này có nghĩ là màn hình sẽ là màn hình VGA, với độ phân giải thấp và bạn sẽ không thể sử dụng nhiều thiết bị ngoại vi (như modem hay máy in của bạn).

Bất kỳ lúc nào bạn cũng có thể tải Windows một cách bình thường, thì bạn nên chuyển sang Safe mode. Thực ra, Windows sẽ tự động khởi động ở chế độ Safe mode nếu nó gặp phải những sự cố lớn trong lúc đang tải. Safe mode là một chế độ rất tuyệt vời đối với việc xử lý sự cố, vì Windows vẫn làm việc và bạn có thể thực hiện bất kỳ thay đổi nào mà bạn cần để làm cho nó khởi động và chạy trở lại chế độ bình thường.

Một khi đã ở trong Safe mode, bạn có thể tìm các xung đột thiết bị, khắc phục các trình điều kiển thiết bị không đúng hay bị hỏng, xử lý sự cố đối với việc khởi động bằng cách sử dụng System Configuration Utility (sẽ được đề cập ở phần sau chương này), hay phục hồi hệ thống của bạn trở lại cấu hình làm việc trước đây bằng cách sử dụng trình tiện ích System Restore.

Các tùy chọn khởi động khác

Nếu bạn nhấn phím F8 khi Windows đang khởi động thì Safe mode chỉ là một trong các tùy chọn trong menu khởi động Windows. Sau đây là một số tùy chọn khác.

- **Normal** - khởi động Windows ở chế độ bình thường- giống như bạn chưa từng ấn phím F8.
- **Safe Mode** - Khởi động Windows với một số trình điều kiển thiết bị được tải nhỏ nhất.
- **Safe Mode with Networking**- Là một phiên bản của Safe mode nhưng cũng tải các trình được mạng quan trọng.
- **Safe Mode with Command Prompt**- Khởi động sang dòng nhắc lệnh DOS cũ thay vì sang giao diện Windows.
- **Enable Boot Logging**- Ghi lại tất cả thao tác khởi động vào qfile BOOTLOG.TXT.
- **Enable VGA Mode**-Tải Windows bình thường, nhưng với một trình điều kiển Video VGA chung. (Bạn nên sử dụng chế độ này nếu bạn nghĩ bạn gặp sự cố với trình điều kiển video của mình.)
- **Last Known Good Configuration**- Sử dụng thông tin của Windows Registry và các trình điều kiển đã được lưu vào lần cuối cùng bạn tắt hệ thống.

Ghi chú

Tùy theo cấu hình hệ thống của bạn, bạn sẽ có nhiều hơn, ít hơn hay các tùy chọn khác nhau có sẵn trên menu startup của Windows. Tùy chọn Safe mode cơ bản sẽ luôn luôn có trên các hệ thống.

Tìm ra sự cố bằng cách sử dụng System Configuration Utility

System Configuration Utility là công cụ được sử dụng khi bạn biết bạn gặp sự cố trong tiến trình khởi động nhưng bạn không biết nguyên nhân gây ra sự cố này. Trình tiện ích này mô phỏng các tiến trình được áp dụng bởi các nhân viên hỗ trợ kỹ thuật của Microsoft khi họ chẩn đoán các sự cố trong cấu hình của hệ thống. Trình tiện ích nay sẽ hướng dẫn bạn từng bước loại dần các thành phần trên hệ

thống của bạn cho đến khi bạn tìm ra nguyên nhân gây ra sự cố.

System Configuration Utility nằm ở vùng Tools của Held and Support Center. Cách dễ nhất để kiểm tra hệ thống của bạn là thực hiện một tiến trình khởi động chẩn đoán. Bạn thực hiện tiến trình này bằng cách chọn tab General(xem hình 23.1) và chọn tùy chọn Diangostic Startup. Khi nhấp OK thì máy tính của bạn sẽ khởi động lại và bạn sẽ nhìn thấy Windows Startup Menu. Hãy chọn Step-by-Step Confirmation, và sau đó chọn cách xử lý tất cả các file.

Windows lúc này sẽ khởi động nhưng chỉ với các thiết bị và dịch vụ cơ bản nhất đã được tải. Nếu sự cố được khắc phục thì bạn biết rằng sự cố là do một trong các trình điều kiển hay dịch vụ mà bạn đã không tải.

Từ đây bạn cần phải trở lại tab General và chọn tùy chọn Selective Startup. Sau đó, bắt đầu với tùy chọn có sẵn đầu tiên, hãy chọn mỗi lần một tùy chọn và khởi động lại hệ thống của bạn. Bằng cách này bạn có thể xác định được file hay dịch vụ nào gây ra sự cố.

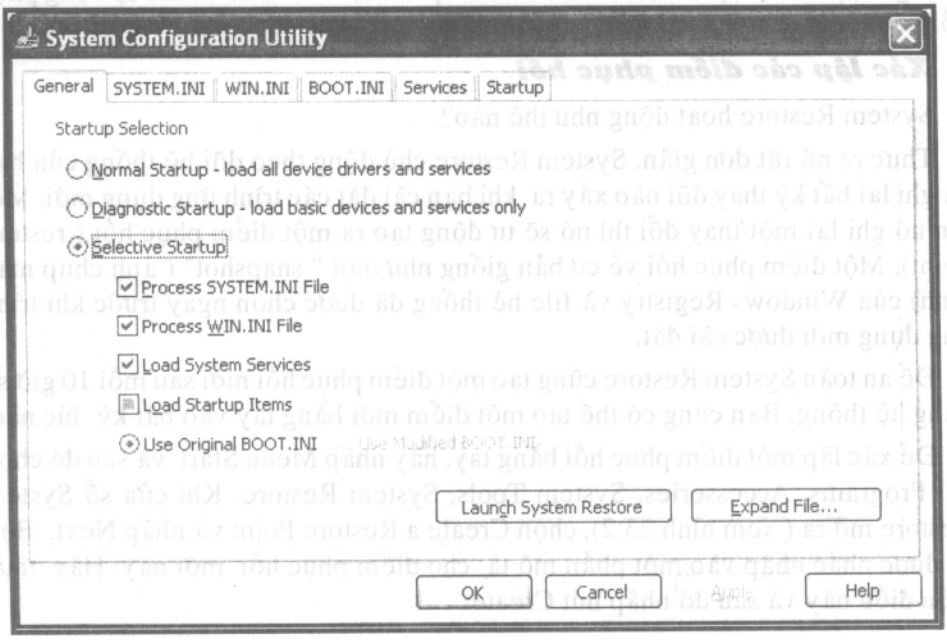

Hình 23.1 Hãy sử dụng System Configuration Utility để tìm ra nguyên nhân của sự cố trong tiến trình khởi động.

Tuy nhiên công việc của bạn vẫn chưa hoàn thành. Bây giờ bạn hãy tìm thành phần nào không file đó gây ra sự cố. Nhấp tab tương ứng với mỗi sự cố và kiểm tra mỗi lần một thành phần bằng cách khởi động lại máy tính của bạn sau khi kích hoạt mỗi thành phần. Đây là một tiến trình rất mất thời gian nhưng nó là một tiến trình của các chuyên viên kỹ thuật sử dụng. Bằng cách kiển tra có phương pháp bạn có thể tìm ra chính xác thành phần gây ra sự cố của bạn. Nếu sau thực hiện tất cả các bước trên mà máy tính của bạn vẫn bị sự cố thì hãy chọn tab Startup. Ở

đây bạn sẽ nhìn thấy một danh sách tất cả các chương trình được khởi động mỗi lần bạn khởi động Windows. Hãy kiểm tra danh sách này từng dòng một (dĩ nhiên bạn phải khởi động lại máy tính của mình sau mỗi thay đổi), để xác định xem một trong các tiến trình này có phải là nguyên nhân gây ra sự cố không.

Dĩ nhiên, khi nguyên nhân của sự cố đã được tìm ra, thì bạn phải khắc phục nó - thường là bằng cách cài đặt lại một file trình điều kiển còn thiếu hay bị hỏng.

Phục hồi lại hệ thống bằng cách sử dụng System Restore

Có lẽ cách tốt nhất khi gặp sự cố là sử dụng trình tiện ích System Restore của Microsoft. Trình tiện ích tương đối mới này đầu tiên được đưa vào sử dụng trong Windows Me, có thể tự động phục hồi hệ thống của bạn trở lại tình trạng ban đầu trước khi sự cố xảy ra.

Trước phiên bản Windows Me, việc phải cài đặt lại toàn bộ hệ điều hành là một chuyện rất bình thường khi máy tính của bạn gặp sự cố. Với System Restore, những việc cài đặt lại như thế đã trở thành quá khứ- bởi vì nó có thể tự động phục hồi hệ thống của bạn trở lại trạng thái làm việc trước đó.

Xác lập các điểm phục hồi

System Restore hoạt động như thế nào?

Thực ra nó rất đơn giản. System Restore chủ động theo dõi hệ thống của bạn và ghi lại bất kỳ thay đổi nào xảy ra khi bạn cài đặt các trình ứng dụng mới. Mỗi lần nó ghi lại một thay đổi thì nó sẽ tự động tạo ra một điểm phục hồi (restore point). Một điểm phục hồi về cơ bản giống như một " snapshot" (ảnh chụp màn hình) của Windows Registry và file hệ thống đã được chọn ngay trước khi trình ứng dụng mới được cài đặt.

Để an toàn System Restore cũng tạo một điểm phục hồi mới sau mỗi 10 giờ sử dụng hệ thống. Bạn cũng có thể tạo một điểm mới bằng tay vào bất kỳ lúc nào.

Để xác lập một điểm phục hồi bằng tay, hãy nhấp Menu Start và sau đó chọn All Programs, Accessories, System Tools, System Restore. Khi cửa sổ System Restore mở ra (xem hình 23.2), chọn Create a Restore Point và nhấp Next. Bạn sẽ được nhắc nhập vào một phần mô tả cho điểm phục hồi mới này. Hãy thực hiện điều này và sau đó nhấp nút Create.

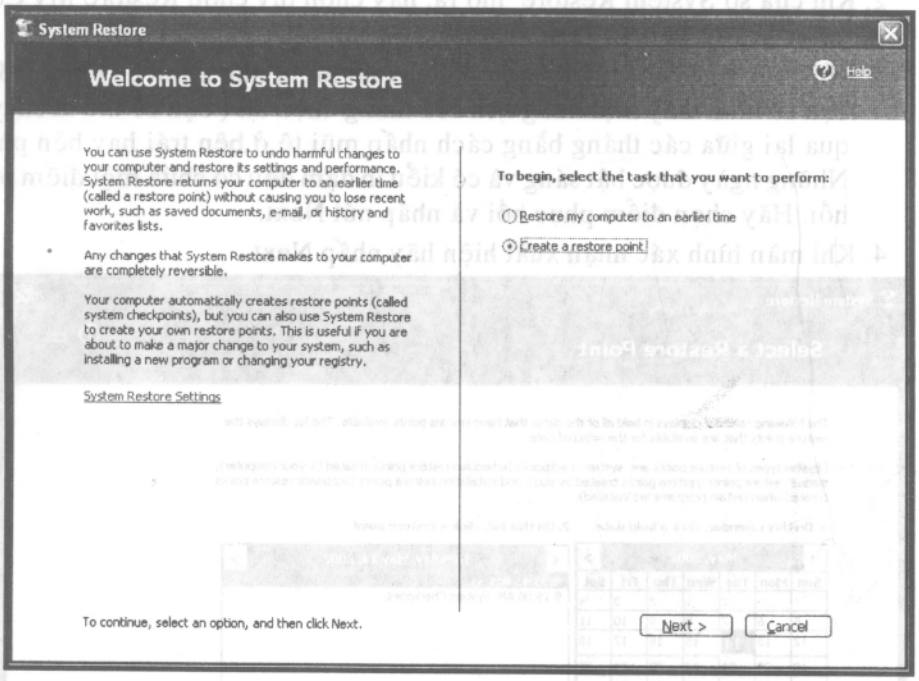

Hình 23.2 Hãy sử dụng System Restore để tạo một điểm phục hồi mới trước khi bạn cài đặt một phần cứng hay phần mềm mới.

Đó là tất cả những gì mà bạn phải làm. Windows ghi lại các xác lập hệ thống vá lưu chúng trong cơ sở dữ liệu của System Restore.

Cảnh báo

Do System Restore chỉ theo dõi các file hệ thống và các xác lập Registry, nên bạn không thể sử dụng nó để phục hồi các file dữ liệu đã bị thay đổi hay bị hỏng. Để an toàn tuyệt đối bạn vẫn cần phải sao lưu dự phòng các file dữ liệu quan trọng bằng tay.

Phục hồi lại hệ thống của bạn

Nếu hệ thống của bạn gặp sự cố thì bạn có thể chạy System Restore để làm cho hệ thống hoạt động trở lại. Hãy chọn một điểm phục hồi trước lúc sự cố đó xảy ra (chẳng hạn như ngay khi một tiến trình cài đặt mới được thực hiện), và System Restore sẽ hủy bỏ bất kỳ thay đổi nào đã được thực hiện đối với các file được nó theo dõi kể từ khi điểm phục hồi đó được tạo. Nó cũng thể thay thế Registry hiện tại bạn Registry được bắt giữ tại điểm phục hồi. Điều này sẽ phục hồi hệ thống của bạn trở lại tình trạng làm việc trước đó.

Để phục hồi lại hệ thống của bạn từ một điểm phục hồi, hãy thực hiện các bước sau:

1. Nhấp nút Start và sau đó chọn All Programs, Accessories, System Tools, System Restore.

2. Khi cửa sổ System Restore mở ra, hãy chọn tùy chọn Restore My Computer To An Earlier Time, và nhấp Next.
3. Khi màn hình Select a Restore Point xuất hiện(như minh họa hình 23.3), bạn sẽ nhìn thấy một trang lịch của tháng hiện tại (bạn có thể di chuyển qua lại giữa các tháng bằng cách nhấp mũi tê ở bên trái hay bên phải). Những ngày được bật sáng và có kiểu in đậm đều có chứa một điểm phục hồi. Hãy chọn điểm phục hồi và nhấp nút Next.
4. Khi màn hình xác nhận xuất hiện hãy nhấp Next.

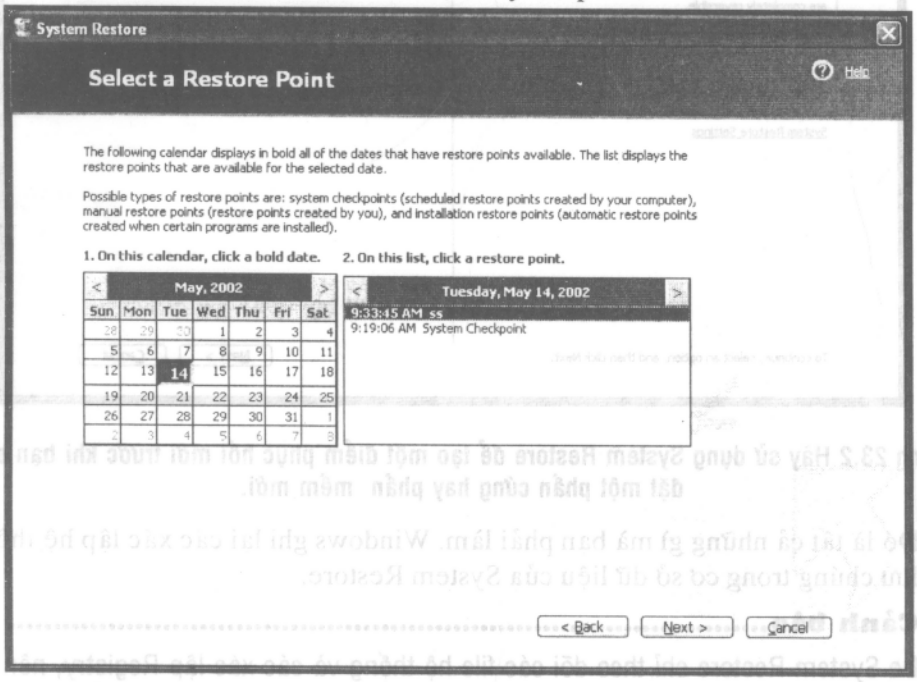

Hình 23.3 Chọn một điểm phục hồi để phục hồi hệ thống của bạn trở lại tình trạng trước đó- khi nó bắt đầu gặp sự cố.

Windows bây giờ sẽ bắt đầu phục hồi lại hệ thống của bạn. Bạn nên chắc chắn rằng tất cả chương trình đang mở đều được đóng vì Windows cần được khởi động lại trong suốt tiến trình này. Và tiến trình này có thể kéo dài hơn nữa giờ đồng hồ.

Tránh và xử lý trường hợp bị nhiễm vi rút

Về một khía cạnh nào đó thì một vi rút máy tính cũng gần giống như một vi rút sinh học xâm nhập vào cơ thể của bạn, tự nhân lên và gây ra sự nguy hại đối với vật chủ (bạn). Cũng vậy một vi rút máy tính xâm nhập vào hệ thống máy tính của bạn, tự nhân lên và gây ra các tổn hại đối với vật chủ (máy tính của bạn).

Tương tự như các vi rút sinh học, các vi rút máy tính cũng có nhiều mức độ nguy hại khác nhau.

Dấu hiệu nhiễm vi rút

Sau đây là những dấu hiệu cho thấy máy tính của bạn đã bị nhiễm vi rút:

- Các thông báo lạ xuất hiện trên màn hình máy tính.
- Các đồ họa lạ xuất hiện trên màn hình máy tính.
- Các tiếng động lạ phát ra từ loa của máy tính.
- Các chương trình vốn hoạt động bình thường bắt đầu có vấn đề.
- Các người bạn cho biết họ đã nhận được một e-mail lạ do bạn gởi- và e-mail có một file đính kèm đáng ngờ.
- Các file bị mất nhưng không phải do bạn xóa.
- Các file chương trình thông thường có kích cỡ tăng lên.
- Hệ thống của bạn bắt đầu hệ thống hơi chậm.
- Hệ thống của bạn không thể khởi động.

Những cách nhiễm vi rút

Mỗi khi bạn chia sẽ dữ liệu với một máy tính khác hay một người dùng khác thì máy tính của bạn có thể bị nhiễm vi rút. Sau đây là những cách mà bạn có thể vô tình làm cho máy tính của mình bị nhiễm vi rút.

- Chia sẽ một đĩa mềm dữ liệu.
- Chia sẽ một file với một người nào đó trên mạng.
- Mở một file được tải xuống từ Internet.
- Mở các file đính kèm vào e-mail.
- Đọc một e-mail ở dạng HTML.
- Đọc một trang Web trong bộ trình duyện Web của bạn.

Nói chung, những công việc mà bạn thường làm với máy tính của mình đều có thể là phương tiện làm lây nhiễm vi rút.

Các biện pháp để phòng

Do những công việc trên là các công việc mà bạn phải thực hiện hàng ngày nên không có cách nào đảm bảo 100% máy tính của bạn không bị nhiễm vi rút. Tuy nhiên, có một số biện pháp có thể giúp bạn làm giảm nguy cơ này:

- Chỉ nên chia sẽ các đĩa và các file với những người mà bạn quen biết và tin tưởng.
- Chỉ tải xuống các chương trình từ những site đáng tin cậy.
- Đừng mở các file đính kèm với e-mail được gởi đến từ những người không quen biết.
- Đừng thực thi các chương trình mà bạn tìm thấy trong các newsreader Usenet.
- Sử dụng phần mềm chống vi rút- bạn có thể mua, cài đặt và chạy một chương trình chống vi rút, chẳng hạn như Norton AntiVirus hay McAfee VirusScan.

Xử lý trường hợp bị nhiễm vi rút

Bạn sẽ làm gì nếu máy tính của bạn bị nhiễm vi rút? Câu trả lời phần lớn tùy thuộc vào loại vi rút mà máy tính của bạn bị nhiễm và mức độ phá hoại do vi rút này gây ra.

Nếu hệ thống của bạn vẫn làm việc và bạn có thể truy cập đến đĩa cứng thì bạn có thể sử dụng một trong các chương trình chống vi rút để " làm sạch" các file đã bị nhiễm vi rút. Nếu một file nào đó không thể làm sạch được thì bạn nên xóa nó.

Nếu bạn không thể khởi động được hệ thống của mình hay không thể truy cập vào đĩa cứng thì bạn phải khởi động thực hiện từ CD cài đặt Windows XP. Từ đây bạn có thể sử dụng một trình tiện ích xử lý đĩa cứng để sửa chữa/ tạo lại/ phục hồi đĩa cứng của bạn. Sau khi hệ thống của bạn đã có thể khởi động và chạy trở lại thì hãy chạy một chương trình chống vi rút để loại trừ chúng.

Dù cho bạn có thể làm cho hệ thống của mình khởi động và chạy trở lại thì bạn vẫn có nguy cơ mất các file dữ liệu quan trọng. Nếu hệ thống của bạn đã bị tấn công thì có lẽ bạn phải bắt đầu lại ngay từ đầu với một hệ thống " mới nguyên". Điều này có nghĩa là bạn đã mất các dữ liệu đã được sao lưu dự phòng trước đó, đây là một trong những nguyên nhân chính khiến mọi người xem vi rút như kẻ thù.

10 thủ thuật quan trọng nhất

Thông tin của chương này sẽ rất hữu ích nếu bạn gặp phải một sự cố xảy ra được với hệ thống của mình. Bạn cũng nên đọc chương 24 " Xử lý các sự cố thường gặp", để biết thêm cách tìm và khắc phục các sự cố xảy ra với hệ điều hành của mình. Và dĩ nhiên bạn cũng nên ghi nhớ mười điều quan trọng sau:

1. Bạn có thể chọn chế độ khởi động Windows nào bằng cách ấn phím F8 trong lúc mt của bạn đang khởi động. (và trước khi Windows tải)
2. Khi Windows gặp một sự cố phức tạp thì nó sẽ cố gắng khởi động lại ở chế độ Safe Mode, với một số trình điều kiển và dịch vụ ít nhất đã được tải.
3. Bạn có thể sử dụng Safe Mode để cài đặt lại các trình điều kiển kém, xác lập lại các thiết lập chưa đúng, và xử lý sự cố trong tiến trình khởi động.
4. Một tùy chọn khác cần được chọn là Last Known Configuration, tùy chọn này sẽ khởi động Windows theo các trước khi lần cuối cùng bạn tắt hệ thống của mình.
5. Hầu hết các sự cố xảy ra trong tiến trình khởi động đều do các trình điều kiển thiết bị bị trục trặc hay chưa đúng. Bạn có thể sử dụng System Configuration Utility để tải có chọn lọc các trình điều kiển, mỗi lần một chương trình để xem chương trình nào gây ra sự cố.
6. Nếu bạn nghĩ rằng sự cố là phần cứng hay phầm mềm mà bạn vừa mới cài đặt thì bạn có thể sử dụng trình tiện ích System Restore để phục hồi thực hiện của bạn trở lại tình trạng trước khi phần cứng hay phần mềm đó được cài đặt.

7. Bạn nên sử dụng System Restore để thiết lập một điểm phục hồi bằng tay mỗi khi bạn cài đặt một phần cứng hay phần mềm mới.
8. Một nguyên nhân khác thường gây ra sự cố cho máy tính là vi rút.
9. Hầu như bất kỳ phương cách nào được bạn sử dụng giao tiếp hay trao đổi dữ liệu với các máy tính khác đều có thể là những con đường làm lây nhiễm vi rút.
10. Do không có cách nào bảo vệ hệ thống của bạn chống lại vi rút một cách tuyệt đối hiệu quả nên bạn phải sử dụng các biện pháp đề phòng khi làm việc với các file lạ.

Chương 24

Xử lý các sự cố thường gặp

- *Các bước cơ bản trong việc xử lý sự cố*
- *Xử lý các sự cố bằng các công cụ kỹ thuật*
- *Những biện pháp đơn giản để xử lý các sự cố thường gặp*
- *10 thủ thuật quan trọng nhất*

Windows XP là một hệ điều hành mạnh hơn nhiều so với Windows 9x/Me vì nó được thiết kế trên 32 bit của Windows NT/2000. Tuy nhiên, không phải lúc nào mọi thứ cũng diễn ra tốt đẹp. Nếu bạn gặp phải các sự cố sau khi bạn cài đặt Windows XP thì hãy sử dụng các thông tin hướng dẫn trong chương này để xử lý các sự cố đó.

Các bước cơ bản trong việc xử lý sự cố

Dù sự cố mà bạn gặp thuộc loại gì thì cũng nên thực hiện các bước cơ bản sau để tìm ra nguyên nhân của sự cố đó.

1. Kiểm tra các lỗi về thao tác. Có lẽ bạn đã nhấp sai nút, ấn sai phím hay sử dụng sai lỗ cắm hoặc cổng.
2. Kiểm tra nguồn điện của tất cả các thiết bị. Hãy kiểm tra kỹ để biết chắc rằng tất cả các cáp đều được nối kết chắc chắn.
3. Bảo đảm bạn phải có các phiên bản trình điều khiển thiết bị mới nhất dành cho tất cả các thiết bị ngoại vi trên hệ thống của bạn.
4. Sử dụng các chương trình chẩn đoán phù hợp trong Windows. Bạn cũng có thể sử dụng các chương trình phía thứ ba.
5. Cố gắng tìm ra nguyên nhân của sự cố dựa vào thời điểm và cách thức sự cố xảy ra. Hãy kiểm tra từng bước trong tiến trình cài đặt để xem bạn có thể phát hiện ra trình điều khiển hay dịch vụ nào gây ra sự cố không.
6. Khi tất cả mọi cách đều không khắc phục được sự cố thì bạn cần phải nhờ đến sự trợ giúp của các chuyên viên.

Xử lý các sự cố kỹ thuật bằng các công cụ kỹ thuật.

Tất cả các công cụ kỹ thuật đều đã được đề cập ở chương 20, 21, 22 và 23. Bây giờ là lúc bạn cần phải sử dụng chúng.

Tìm và khắc phục các sự cố dễ bằng các công cụ xử lý sự cố (Trobleshooter) của Windows.

Trong hầu hết các trường hợp các công cụ xử lý sự cố (Trobleshooter) của Windows XP có thể giúp bạn tìm ra và khắc phục các sự cố hệ thống thường gặp.

Bạn nên thử sử dụng các Trobleshooter trước khi yêu cầu các chuyên viên kỹ thuật trợ giúp - hay bắt đầu cố gắng tìm ra nguyên nhân của sự cố bằng tay.

Để chạy một Trobleshooter, hãy mở Help and Support Center và nhấp liên kết Fixing a Problem. Khi trang kế tiếp xuất hiện (xem hình 24.1)m, hãy nhấp liên kết có liên quan đến loại sự cố mà bạn đang gặp để khởi động một Trobleshooter cụ thể. tất cả những gì bạn phải làm lúc này là tuân theo các chỉ dẫn tương tác để xử lý sự cố.

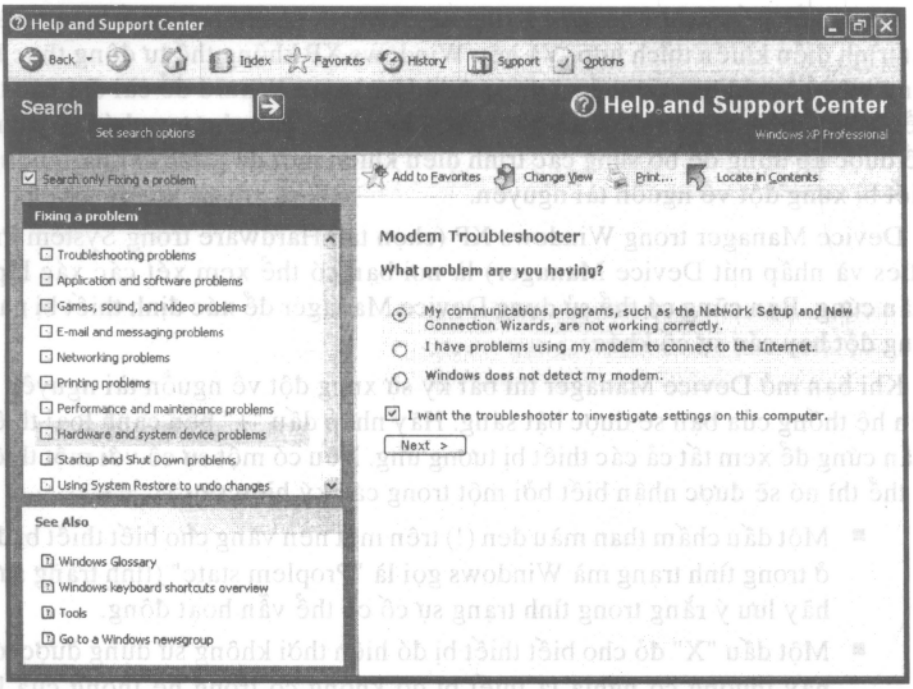

Hình 24.1. Xử lý một sự cố về Modem bằng cách sử dụng Modem Trobleshooter

Tìm và xử lý các IRQ được chia sẻ bằng cách sử dụng System Information

Đôi khi một phần cứng vô tình chia sẻ một IRQ với một phần cứng khác đã được cài đặt trước và gây ra sự cố. Trong Windows XP bạn có thể sử dụng trình tiện ích System Information để kiểm tra bất kỳ hay tất cả các IRQ được chia sẻ trên hệ thống của bạn.

Để mở trình tiện ích này, hãy nhập nút Start, sau đó chọn All Program, Accessories, System Tool, System Information. Khi cửa sổ System Information mở ra, hãy mở vùng Hardware Resources của System Summary và sau đó chọn Conflicts/Sharing. Bằng cách này bạn sẽ hiển thị một danh sách tất cả các IRQ được chia sẻ trên hệ thống của mình. Hãy xác định thiết bị gây ra sự cố và cấu hình lại hoặc cài đặt lại thiết bị đó để nó sử dụng một IRQ khác.

Tìm và xử lý sự cố của trình điều khiển bằng cách sử dụng Device Manager

Đối với bất kỳ phần cứng nào làm việc với Windows thì Windows phải cài đặt và cấu hình một file trình điều khiển thiết bị. Windows XP có các trình điều khiển dùng cho các thiết bị phần cứng phổ biến nhất. Tuy nhiên, nếu bạn có một thiết bị ngoại vi mới hơn hay ít phổ biến hơn thì nhà sản xuất cung cấp trình điều khiển dùng cho thiết bị đó.

Trong hầu hết các trường hợp, Windows XP tự động nhận ra thiết bị mới và cài đặt trình điều khiển thích hợp. Và nếu Windows XP không thể tự động thực hiện công việc này thì bạn có thể sử dụng Add Hardware Wirard để cài đặt các trình điều khiển thích hợp cho các thiết bị mới. Tuy nhiên, các phương pháp này không thể được áp dụng để bổ sung các trình điều khiển mới đã được cải tiến, nếu các thiết bị xung đột về nguồn tài nguyên.

Device Manager trong Windows XP (chọn tab Hardware trong System Properties và nhấp nút Device Manager) là nơi bạn có thể xem xét các xác lập về phần cứng. Bạn cũng có thể sử dụng Device Manager để xác định thiết bị nào bị xung đột hay các sự cố khác.

Khi bạn mở Device Manager thì bất kỳ sự xung đột về nguồn tài nguyên nào trên hệ thống của bạn sẽ được bật sáng. Hãy nhấp dấu "+" bên cạnh loại thiết bị phần cứng để xem tất cả các thiết bị tương ứng. Nếu có một sự cố với một thiết bị cụ thể thì nó sẽ được nhận biết bởi một trong các ký hiệu sau:

- Một dấu chấm than màu đen (!) trên một nền vàng cho biết thiết bị đang ở trong tình trạng mà Windows gọi là "Proplem state" (tình trạng sự cố) hãy lưu ý rằng trong tình trạng sự cố có thể vẫn hoạt động.
- Một dấu "X" đỏ cho biết thiết bị đó hiện thời không sử dụng được. điều này thường có nghĩa là thiết bị đó không có trong hệ thống của bạn, nhưng có một trình điều khiển đã được tải - và cũng có thể có nghĩa là một trình điều khiển đã được tải nhưng không hoạt động tốt.
- Một chữ "i" màu xanh dương trên một nền màu trắng cho biết thiết bị đó hiện không sử dụng các thiếp lập tự động, thay vào đó nó có một cấu hình bằng tay.

Nếu một thiết bị gây ra sự xung đột, hãy nhấp phải thiết bị đó và chọn Properties từ menu bật lên. Bằng cách này bạn sẽ làm hiển thị hộp thoại Properties. Khi bạn chọn tab General bạn sẽ thấy một thông báo cho biết đó là một sự cố cơ bản và đưa ra các bước đề nghị của Windows để xử lý sự cố đó. Thông báo này cũng có thể hiển thị thông tin rất hữu dụng khi bạn tham khảo ý kiến với một chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật.

Để cấu hình lại một thiết bị hãy nhấn tab Resources, trong hộp thoại Properties. (nếu thiết bị này không có tab Resources thì bạn không thể thay đổi các nguồn tài nguyên của nó hay nó không sử dụng bất kỳ xác lập nào về nguồn tài nguyên). Hãy chọn nguồn tài nguyên mà bạn muốn thay đổi. Hủy chọn tùy chọn Use Automatic Setting và sau đó nhấp nút Change Setting khi hộp thoại Edit

Resources hãy chỉnh sửa các nguồn tài nguyên của hệ thống bằng cách phù hợp và nhấp OK khi đã thực hiện xong.

Để cập nhật một trình điều khiển thiết bị, hãy chọn tab Driver trong hộp thoại Properties và sau đó nhấp nút Update Driver. Khi Hardware Update Wizard xuất hiện, hãy chọn vị trí mà bạn muốn tìm một trình điều khiển đã được nâng cấp. Nếu bạn có trình điều khiển mới do nhà sản xuất phần cứng cung cấp, hãy chọn tùy chọn Install From a List or Specific Location, sau đó cài đĩa hay CD - ROM và tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để cài đặt trình điều khiển đó.

Nếu bạn muốn Windows tìm một trình điều khiển tốt hơn, hãy chọn tùy chọn Install the Software Automatically. Windows lúc này sẽ tìm một trình điều khiển thiết bị đã được cập nhật. Nếu nó tìm thấy hãy tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để cài đặt trình điều khiển này. Nếu nó không tìm thấy, hãy sử dụng trình điều khiển hiện tại của bạn.

Tìm và xử lý các sự cố đối với bộ nhớ bằng cách sử dụng hộp thoại Virtual Memory

Nói chung, bạn không cần phải lo lắng về bộ nhớ ảo, vì Windows thực hiện việc cấu hình một cách tự động. Tuy nhiên, nếu khoảng trống còn quá ít thì bạn có thể giảm phần dùng cho bộ nhớ ảo trên đĩa cứng để có thêm khoảng trống lưu trữ dữ liệu thường trực.

Để thay đổi các xác lập về bộ nhớ ảo của Windows, hãy vào Control Panel và nhấp biểu tượng System, khi hộp thoại System Properties xuất hiện hãy chọn tab Advanced và nhấp nút Settings trong vùng Performance.

Khi hộp thoại Performance Options xuất hiện, chọn tab Advanced và sau đó nhấp nút Change. Khi hộp thoại Virtual Memory xuất hiện, hãy chọn đĩa cứng mà bạn muốn sử dụng cho bộ nhớ ảo và sau đó ấn định số Megabyte ban đầu và tối đa mà bạn muốn Windows sử dụng bộ nhớ ảo. Nhấp nút OK khi đã thực hiện xong.

Tìm và xử lý các sự cố phức tạp bằng cách sử dụng System Configuration Utility

Nếu sự cố mà bạn gặp quá phức tạp và bạn không thể khắc phục nó bằng cách sử dụng các Troubleshooter hay Device Manager, thì bạn cần phải sử dụng một công cụ mạnh mẽ hơn. Công cụ này có tên là System Configuration Utility và đã được đề cập chi tiết ở chương 23.

Những giải pháp đơn giản để xử lý các sự cố thường gặp

Trong phần này bạn sẽ được giới thiệu một số sự cố thường gặp nhất và cách xử lý chúng.

Máy tính của bạn không khởi động - nó không phát ra âm thanh cũng không bật sáng.

Hãy kiểm tra ở phía sau hệ thống của bạn. Dây điện đã được cắm vào máy chưa? Bây giờ hãy xem đầu dây bên kia. Nó đã được cắm vào ổ cắm chưa, hãy

kiểm tra đầu dây kia. Nó đã được cắm chắc chắn vào ổ cắm chưa? Hãy kiểm tra công tắc trên tường nó đã được bật lên chưa? Hãy kiểm tra cầu chì và hộp chứa thiết bị ngắt mạch. Cầu chì có bị đứt không hay thiết bị ngắt mạch có bị bật sang vị trí ngắt không? Nếu máy tính của bạn vẫn không hoạt động thì hãy tháo dây điện của máy tính ra khỏi ổ cắm và cắm vào một thiết bị điện mà bạn biết nó còn hoạt động tốt, nếu thiết bị này vẫn không hoạt động thì sự cố là do ổ cắm của bạn không có điện. nếu thiết bị hoạt động thì máy tính của bạn thực sự đã gặp vấn đề. Và lúc này bạn cần phải nhờ đến một chuyên viên sửa chữa máy tính.

Máy tính của bạn không khởi động nhưng nó vẫn phát ra âm thanh cho biết có sự khởi động.

Nếu hệ thống của bạn phát ra âm thì ít nhất bạn cũng biết rằng nó nhận được nguồn điện. Trước tiên hãy kiểm tra monitor của bạn. Nó đã được bật lên chưa? Nó đã được cắm vào ổ điện chưa? Monitor có được nối đúng cổng trên hệ thống không? Nối kết đó có chắc chắn không? Bóng đèn trên monitor có bật sáng không; nếu không, monitor của bạn đã gặp vấn đề về nguồn điện và bạn cần phải nhờ đến sự trợ giúp của một chuyên viên. Nếu chiếc bóng đèn nhỏ màu xanh trên monitor của bạn bật sáng nhưng không có gì xuất hiện trên màn hình thì có lẽ là do card video trong hệ thống của bạn bị lỏng hay không được cài đặt đúng. Hãy ngắt nguồn điện của hệ thống, mở vỏ máy tính ra và kiểm tra card video để biết chắc rằng nó được cài đặt đúng và nằm đúng vị trí. Sự cố cũng có thể là do bàn phím không được nối kết đúng. Hãy kiểm tra tất cả các nối kết trước khi bạn thử khởi động lại.

Máy tính của bạn khởi động nhưng monitor hiển thị một thông báo lỗi

Hệ thống của bạn sử dụng các thông báo lỗi để giao tiếp với bạn khi nó gặp phải một số sự cố nào đó. Bảng 24.1 trình bày chi tiết một số thông báo lỗi mà bạn thường gặp nhất khi khởi động (trước khi Windows tải) và cách khắc phục chúng.

Bảng 24.1. Các thông báo lỗi thường xuất hiện khi máy tính khởi động

Thông báo lỗi	Nguyên nhân/Giải pháp
Non-system disk or disk error	Thông báo này xuất hiện khi trong ổ đĩa A: có một đĩa không khởi động được.
Replace and Press any key when ready	Kiểm tra ổ đĩa mềm và lấy đĩa ra, sau đó ấn bất kỳ phím nào để khởi động lại máy tính của bạn bằng cách sử dụng ổ đĩa cứng. (Dĩ nhiên, bạn có thể khởi động từ ổ đĩa A:, nhưng bạn phải có một đĩa khởi động trong ổ đĩa đó).
Keyboard error, press F2 to continue	Thông báo này xuất hiện khi các thành phần trên hệ thống của bạn hoạt động tốt nhưng máy tính không thể tìm thấy bàn phím. Nếu bạn nhận được thông báo này thì có lẽ bàn phím đã không được

	nối kết, nối kết bị lỏng hay có một phím bị kẹt. Hãy kiểm tra cáp nối kết (ở cả hai đầu) và khởi động lại. Nếu bạn vẫn nhận được thông báo này thì bàn phím của bạn có vấn đề. Hãy xác minh nhận định này bằng cách sử dụng một bàn phím còn hoạt động tốt để thử. Nếu bàn phím của bạn thật sự có vấn đề thì bạn phải mua một bàn phím mới.
File allocation table bad, drive x:	Thông báo này cho biết FAT (File Allocation Table) trên hệ thống của bạn có vấn đề. Đây là phần trên ổ đĩa cứng của bạn có chứa các thông tin cần thiết cho việc hoạt động của hệ thống. Sự cố này thường là do virus. Một nguyên nhân khác là do đĩa cứng của bạn bị hư hỏng về mặt vật lý. Nếu đĩa cứng của bạn thật sự bị hư hỏng về mặt vật lý thì có lẽ bạn cần phải sử dụng một trình tiện ích của phía thứ ba, chẳng hạn như Norton Disk Doctor, để sửa chữa phần bị hư hỏng đó.
General faillure reading drive x Gencral faillure writing drive x	Hai thông báo này cho biết máy tính của bạn gặp sự cố - nhưng không biết đó là sự có gì hãy thử tắt hệ thống của bạn trong vài phút và sau đó khởi động lại, đôi khi các thông báo này xuất hiện khi hệ thống của bạn gặp một trục trặc nhỏ. Tuy nhiên, thông thường nó chỉ xuất hiện khi đĩa cứng của bạn gặp sự cố nghiêm trọng. Nếu đúng như vậy thì bạn hãy mang máy tính của mình đến trung tâm bảo trì.
Invalid drive specification/ Drive not ready	Một trong hai thông báo này cho biết bạn đã gặp sự cố với ổ đĩa mà bạn đang khởi động từ đó. Nếu bạn đang khởi động từ một ổ đĩa mềm thì đĩa mềm khởi động của bạn có thể có vấn đề. Hãy thử sử dụng một đĩa khởi động khác. Nếu sự cố vẫn không được khắc phục, hay nếu bạn đang khởi động từ một ổ đĩa cứng thì sự cố có thể nằm bên trong ổ đĩa. Đôi khi một ổ đĩa cũ hoạt động quá chậm nên không thể khởi động đúng; hãy thử khởi động lại hệ thống của bạn. Nếu sự cố vẫn không được khắc phục thì hãy nhờ một chuyên viên kỹ thuật kiểm tra hệ thống của bạn. Có lẽ bạn cần phải thay ổ đĩa đó.
CMOS RAM error	Khi bạn nhìn thấy thông báo này hay bất kỳ thông báo nào tương tự thì bạn hãy ấn phím F1. Hãy thực hiện thao tác này và điều chỉnh xác lập CMOS của bạn một cách thích hợp. Nếu thông báo lỗi này vẫn

	xuất hiện thì có lẽ bộ pin CMOS của bạn đã hết và bạn nên đem máy tính của mình đến trung tâm bảo trì để thay pin.
Memory size error/ Memory sire mismatch / Not enough memory/ Insufficuient memory/ Parity check xxx/ Parity error x	Bất kỳ thông báo nào trong số này đều cho biết bộ nhớ máy tính của bạn gặp sự cố có lẽ xác lập CMOS của bạn không đúng hay một số chip bộ nhớ bị hỏng hoặc không được đặt đúng vị trí. Cũng có thể bạn vừa mới thêm bộ nhớ vào hệ thống của mình và nó không được cấu hình đúng. Nếu là trường hợp này thì bạn hãy vào menu xác lập xem COMS của mình và cấu hình lại hệ thống để phù hợp với bộ nhớ mới. Nếu bạn không thể khắc phục sự cố này thông qua tiến trình xác lập thì có lẽ bạn phải nhờ đến sự trợ giúp một chuyên viên máy tính.

Máy tính của bạn khởi động nhưng Windows thi không và bạn nhận được một thông báo lỗi.

Nếu Windows không tải hay nếu hệ thống của bạn bị treo sau một tiến trình khởi động chuẩn thì sự cố là có lẽ là do Windows không được cài đặt hay cấu hình đúng cách. Sự cố này thường xảy ra sau khi bạn bổ sung một phần mềm hay phần cứng mới vào hệ thống của mình.

Đó cũng có thể là do Windows gặp trục trặc trong lúc tải. Windows XP 32 bit đôi khi cũng rất phức tạp và bạn cũng rất ngạc nhiên vì những gì nó thực hiện và không thực hiện.

Nếu bạn nhận được một thông báo lỗi trong lúc Windows đang tải thì có thể là do Windows đang cố tải một trình điều khiển thiết bị bị trục trặc hay không đúng. Thông báo lỗi này đôi khi cho bạn biết chính xác trình điều khiển nào gây ra sự cố. Khi bạn biết trình điều khiển nào gây ra sự cố bạn có thể cài đặt lại trình điều khiển đó hay loại bỏ trình điều khiển đó ra khỏi tiến trình tải - bằng cách sử dụng các tùy chọn trong System Configuration Utility.

Nếu thông báo lỗi đó không cho bạn biết trình điều khiển nào gây ra sự cố thì bạn có thể tự mình xác định bằng cách sử dụng System Configuration Utility để thực hiện một tiến trình khởi động có chọn lọc. Hãy khởi động lại Windows trong Safe mode và sau đó chạy System Configuration Utility và tuân theo các chỉ dẫn đã được trình bày ở chương 23.

Nếu bạn không thích thực hiện toàn bộ tiến trình cài đặt có chọn lọc, hãy khởi động trình tiện ích System Restore. Hãy phục hồi hệ thống của bạn trở lại một điểm phục hồi nài đó.

Máy tính của bạn khởi động nhưng Windows thi không và bạn không nhận được một thông báo lỗi.

Điều gì xảy ra nếu bạn không thể tải Windows và không nhận được thông báo lỗi? Trong trường hợp này bạn phải khởi động Windows trong chế độ Safe mode

và sau đó tắt tất cả các chương trình khác đang tải khi Windows khởi động. Hãy nhấp nút Start và chọn All Program, Statup. Hãy sử dụng trỏ chuột để di chuyển tất cả các hạng mục trong menu Start sang menu khác. Bây giờ hãy khởi động lại Windows và xem điều gì xảy ra.

Nếu Windows khởi động tốt thì điều này có nghĩa là một trong các chương trình đã từng khởi động khi Windows khởi động gây ra sự cố. Từng lần một hãy rê các chương trình đó trở lại menu Startup và khởi động lại Windows. Mỗi lần Windows khởi động tốt thì bạn biết rằng chương trình đó cũng có vấn đề. Khi Windows không khởi động tốt thì bạn biết rằng chương trình đó có vấn đề và hãy loại bỏ nó ra khỏi folder Startup của bạn.

Nếu việc xóa các chương trình đó khỏi folder Startup không khắc phục được sự cố thì nguyên nhân là do một trình điều khiển thiết bị nào đó. Nếu bạn thích kỹ thuật (và có tính kiên nhẫn) thì bạn có thể sử dụng System Configuration Utility để tìm ra trình điều khiển có vấn đề.

Một cách chắc chắn hơn là chạy trình tiện ích System Restore và phục hồi hệ thống của bạn trở lại tình trạng trước đây - vào thời điểm trước khi bạn cập nhật hay cài đặt trình điều khiển gây ra sự cố.

Nếu cách này cũng không khắc phục được sự cố thì bạn phải cài đặt lại Windows. Hãy sử dụng CD cài đặt Windows XP của bạn để thực hiện lại từ đầu một tiến trình cài đặt và xác lập hoàn chỉnh - và nếu điều này cũng không khắc phục được sự cố thì bạn phải nhờ đến sự trợ giúp của một chuyên viên kỹ thuật.

Máy tính của khởi động nhưng Windows thì không - và bạn không thể vào chế độ CMOS

Đôi khi chế độ CMOS không đủ an toàn. Bất kỳ trường hợp nào sau đây đều có thể làm cho Windows không thể khởi động trong chế độ CMOS.

Hệ thống của bạn bị nhiễm virus - có lẽ bạn cần phải cài đặt lại Windows để loại bỏ sự ảnh hưởng của virus và sau đó sử dụng một chương trình diệt virus để kiểm tra hệ thống của bạn kỹ hơn.

Các xác lập CMOS trên máy tính của bạn không đúng - suốt tiến trình khởi động hãy kiểm tra các xác lập CMOS của bạn và thực hiện các sửa đổi cho phù hợp. Nếu pin CMOS yếu và không chứa các xác lập của nó thì hãy thay pin mới.

Bạn gặp phải một sự xung đột về phần cứng - một thiết bị nào đó trong hệ thống của bạn xung đột với một thiết bị khác; các xung đột thường gặp nhất là các xung đột IRQ. Hãy nhờ một chuyên viên kỹ thuật (hay một người nào đó biết cách sử dụng DOS) tìm ra thiết bị gây xung đột bằng cách sử dụng tùy chọn Safe Mode with Command Prompt.

Nếu bạn vẫn không thể khởi động ở chế độ Safe mode thì hãy thử chọn tùy chọn Last Known Good Configuration. Nếu cách này cũng không khắc phục được sự cố thì có lẽ bạn phải cài đặt lại Windows XP từ đầu.

Máy tính của bạn khởi động và Windows tự động vào chế độ Safe Mode

Windows tự động ở chế độ Safe mode khi nó nhận thấy có một sự cố phức tạp với trình điều khiển hay có một sự xung đột. Hãy thực hiện các bước trong phần "máy tính của bạn khởi động nhưng Windows thì không - và bạn nhận được một thông báo lỗi" để tìm ra nguyên nhân của sự cố. (Hay khởi động System Restore và phục hồi hệ thống bạn trở lại tình trạng trước đó).

Máy tính của bạn khởi động, Windows khởi động - nhưng một chương trình khác mà bạn không muốn khởi động cũng khởi động.

Nhiều chương trình khi lần đầu tiên được cài đặt có khuynh hướng nghĩ rằng bạn muốn chúng chạy mỗi khi bạn khởi động máy tính của mình. Vì vậy, chúng tự cấu hình để khởi động khi Windows khởi động - dù bạn muốn hay không/

Nếu bạn muốn một chương trình nào đó không khởi động tự động khi Windows khởi động thì bạn phải tìm ra vị trí mà nó khởi động từ đó. Nơi đầu tiên cần kiểm tra là menu Startup. Hãy nhấp nút Start, sau đó chọn All Program. Startup, nếu chương trình gây phiền toái đó nằm ở đây thì hãy nhấp phải nó và chọn Delete từ menu bật lên (bằng cách này bạn sẽ không xóa chương trình đó và chỉ đưa nó ra khỏi menu Startup).

Nếu chương trình gây phiền toái đó không nằm trong menu Startup thì có lẽ nó được tải thông qua một xác lập trong Windows Registry. Có nhiều khóa trong Registry có thể chứa các chỉ lệnh tự tải. Nếu bạn nhìn thấy chương trình đó trong bất kỳ khóa nào, hãy xóa nó!

Sau đây là các khóa cần được kiểm tra, bằng cách sử dụng Registry Editor:

- HKEY_LOCAL_MACHINE\ SOFTWARE\ Microsoft\Windows\ CurrentVerison\ RUN
- HKEY_USERS\DEFAULT\SOFTWARE\Microsoft\Windows\ CurrentVerison\ RUN
- HKEY_CURRENT_USER\SOFTWARE\ Microsoft\Windows\ CurrentVerison\ RUN

Windows bị treo, hệ thống của bạn có điện nhưng bàn phím và / hay chuột không hoạt động

Nếu không có thông báo lỗi nào xuất hiện trên màn hình, nhưng bạn không thể thực hiện việc gõ nhập thì có lẽ bàn phím của bạn chưa được cắm. Hãy cắm nó vào trở lại.

Trường hợp tương tự có thể xảy ra đối với chuột. Hãy kiểm tra xem nó đã được nối kết chắc chắn chưa.

Dĩ nhiên cách giải quyết có thể không đơn giản như vậy. Nếu việc cắm lại bàn phím hay chuột không có tác dụng thì có lẽ bạn phải khởi động lại máy tính để máy tính của bạn nhận biết việc cắm lại (có lẽ bạn sẽ phải tắt nguồn điện của hệ thống - nếu bạn không thể nhấp chuột hay gõ nhập thì bạn không thể thoát khỏi

Windows theo cách bình thường!)

Nếu bạn vẫn gặp khó khăn sau khi khởi động lại thì bộ xử lý của bàn phím hoặc chuột đã bị trục trặc. Hãy thử cắm bàn phím hay chuột khác vào máy tính của bạn hay cắm bàn phím hay chuột của bạn vào máy tính khác để xem thiết bị nào là nguyên nhân gây ra sự cố.

Windows bị treo và một thông báo lỗi xuất hiện

Thông thường, sự cố này là do chương trình hiện tại của bạn bị treo không phải toàn bộ Windows. Trong trường hợp này bạn sẽ nhận được một thông báo lỗi Program Not Responding. Hãy thử ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del để kích hoạt Windows Task Manager và sau đó tắt bằng tay bất kỳ chương trình nào không phản ứng.

Nếu thông báo lỗi mà bạn nhận được xuất hiện trên một màn hình màu xanh dương thì hãy tuân theo các chỉ dẫn trên màn hình để loại bỏ màn hình màu xanh dương đó. Có lẽ bạn sẽ ấn Enter để đóng chương trình sự cố hay ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del để khởi động lại máy tính.

Windows bị treo và không có thông báo lỗi nào xuất hiện, đôi khi Windows bị treo mà không hiển thị bất kỳ một thông báo lỗi nào. Một trong hai trường hợp sau đã xảy ra: (1) chính Windows bị treo, hay (2) trình điều khiển hiện tại của Windows bị treo.

Dù trường hợp nào xảy ra thì cách giải quyết cũng giống nhau: Ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del.

Nếu chính Windows treo thì không có điều gì xảy ra hay bạn sẽ nghe một tiếng "bip" mỗi lần bạn ấn một phím trong trường hợp này bạn cần phải ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del một lần nữa để thực hiện lại một cách hoàn chỉnh, hay bạn phải tắt máy tính của mình bằng nút On/Off (hay tại nguồn điện).

Nếu một chương trình nào đó bị treo thì bạn sẽ thấy Windows Task Manager khi bạn lần đầu tiên ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del. Hãy chọn chương trình "không phản ứng" và nhấp End Task. Nếu và khi hộp thoại Wait/Shudown xuất hiện, hãy tắt chương trình đó.

Nếu Task Manager không xuất hiện hay nếu bạn tắt một chương trình nhưng hệ thống của bạn vẫn bị treo thì bạn phải thực hiện việc khởi động lại một cách hoàn chỉnh bằng cách ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del hai lần liên tục.

Windows không cho phép bạn thoát

Nguyên nhân thường gặp nhất đối với trường hợp này là bạn có một chương trình bị lỗi. Hãy thử đóng tất cả các chương trình đang mở, mở rộng một chương trình, nếu có chương trình nào bị thì hãy sử dụng tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del để đóng chương trình "không phản ứng" đó.

Ngoài nguyên nhân có một chương trình bị lỗi còn có một số nguyên nhân khác có thể làm cho Windows không tắt được. Một trong các nguyên nhân này có thể là do một file âm thanh bị hỏng, để khắc phục sự cố này hãy mở Control Panel và chọn biểu tượng Sound and Audio Device. Khi Sound and Audio Device xuất

hiện hãy chọn tab Sound, sau đó mở danh sách Sound và chọn None. Bây giờ hãy nhấp OK và thử tắt hệ thống của bạn một lần nữa. (nếu bạn thật sự có một file âm thanh bị hỏng thì bạn cài đặt lại file này từ CD cài đặt Windows).

Trường hợp này cũng có thể là do Power Management của Windows không cho phép bạn đóng Windows. Hãy vô hiệu hóa Power Management bằng cách mở Control Panel và chọn biểu tượng Power Option, khi Power Option Properties xuất hiện hãy chọn tab Power Schemes, mở danh sách Power Schemes và chọn Always On.

Nếu bạn vẫn không thể tắt Windows sau khi đã thực hiện tất cả các cách trên thì có lẽ một "phân đoạn" của một chương trình vẫn đang chạy ở một nơi nào đó trong bộ nhớ trong hệ thống. Việc tìm ra phân đoạn đó hầu như không thể thực hiện được, thay vào đó bạn cần khởi động lại bằng cách ấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del hai lần liên tiếp.

Windows không khởi động từ chế độ giờ (Standby Mode)

Bạn phải làm gì khi Windows không khởi động từ chế độ chờ? Bình thường bạn khởi động máy tính từ chế độ chờ bằng cách di chuyển chuột hay ấn bất kỳ phím nào trên bàn phím. Một số bàn phím có các phím khởi động đặc biệt còn phải được ấn để thoát khỏi chế độ chờ. Dù trong trường hợp nào nếu bạn di chuyển và nhấp chuột nhiều lần và sau đó gõ một cách giận dữ lên bàn phím thì bạn sẽ gây ra sự cố. (Tuy nhiên, phải chắc chắn rằng Monitor đã được cắm điện và đã được bật lên, một monitor không có điện thì trông giống như đang ở chế độ chờ!)

Cách giải quyết ở đây là khởi động lại máy tính của bạn. Trước tiên hãy thử sử dụng tổ hợp phím Ctrl+Alt+Del. Tuy nhiên, nếu hệ thống của bạn đã ở trong chế độ chờ khá lâu thì nó có thể không nhận biết được thao tác gõ phím. Vì vậy bạn cần phải tắt hệ thống bằng cách sử dụng công tắc điện chính, chờ vài giây và sau đó thực hiện lại thao tác gõ phím.

Nếu bạn thường xuyên gặp phải sự cố như thế này, hãy vào hộp thoại Power Option Properties, chọn tab Power Chemes và xác lập mọi tùy chọn sao cho tất cả các thành phần máy tính của bạn sẽ luôn luôn hoạt động. Sau đó hãy thực hiện thêm một bước nữa là tắt các trình lưu dưỡng màn hình của hệ thống. Chúng cũng thường gây ra các sự cố như thế này.

Có thể hệ thống của bạn có một chức năng chờ khác được cài đặt trong BIOS của máy tính, nếu như vậy thì bạn cần phải vào xác lập CMOS BIOS trong lúc hệ thống đang khởi động và tắt chế độ chờ ở đây.

Cuối cùng, có lẽ hệ thống của bạn khởi động nhưng monitor thì không, một số monitor có chế độ chờ riêng vì vậy bạn sẽ không biết hệ thống đã khởi động hay chưa. Bạn cần tắt monitor và sau đó mở lên lại (cách này sẽ làm cho monitor khởi động) trong trường hợp sự cố là do monitor chứ không phải là do máy tính.

Windows chạy chậm hơn bình thường

Vấn đề này thường là do bộ nhớ. Bạn có đang chạy các trình ứng dụng mới - hay các trình ứng dụng cũ đã được nâng cấp - vốn có thể chiếm thêm bộ nhớ

không? Bạn có đang chạy bất kỳ chương trình nào ở "nền" trong lúc máy tính đang thực hiện các tác vụ phức tạp không? Chẳng hạn như chương trình Windows Messeger hay ICQ? Có trình tiện ích "ẩn" nào chiếm khoảng trống trong System tray không? Bất kỳ yếu tố nào trên đây đều làm giảm bộ nhớ và khiến cho Windows chạy chậm hơn. Nếu bạn không hài lòng với tốc độ làm việc của Windows thì hãy bổ sung thêm bộ nhớ!

Bạn vô tình xóa một file quan trọng

Bạn sẽ làm gì nếu vô tình xóa một file quan trọng?

Trong Windows XP tất cả các file bị xóa đều được tạm thời lưu trong Recycle Bin. Để phục hồi lại một file trong Recycle Bin. Hãy chọn biểu tượng Recycle Bin trên desktop, sau đó khi cửa sổ Recycle Bin mở ra, hãy chọn hạng mục mà bạn muốn phục hồi lại và chọn Restore This Item từ Recycle Bin Task Panel.

Nếu một file đã bị xóa "vĩnh viễn" khỏi Recycle Bin thì vẫn còn một cách có thể phục hồi lại file đó. Như bạn biết một file không thể truy cập được không có nghĩa là nó đã bị xóa khỏi đĩa cứng của bạn. Thật vậy, tất cả các file bị xóa đều phải tiếp tục nằm trên đĩa cứng của bạn, mặc dù tất cả các phần tham chiếu đến dữ liệu trong bảng phân bổ file (FAT) đã bị xóa, ít nhất là cho đến khi dữ liệu tham chiếu bị viết chồng lên bởi dữ liệu mới hơn. Bạn có thể sử dụng chương trình Norton Utilities, để phục hồi lại các dữ liệu hiện có trong FAT và cách này sẽ phục hồi file bị xóa trở lại đĩa cứng của bạn.

Bạn không thể xóa một file

- **File đó đang được sử dụng bởi một chương trình khác** - Hãy đóng chương trình đó và xóa file.
- **File đó nằm trên một đĩa mềm đã được bảo vệ chống ghi** - Nếu bạn muốn xóa một file trên một đĩa mềm, thì hãy gạt cái nút nhỏ ở góc trái bên dưới để đóng lỗ lại và sau đó thực hiện lại tiến trình.
- **Các thuộc tính của file đó đã được xác lập để bạn không thể xóa nó** - Tất cả các file đều có nhiều thuộc tính khác nhau. Một trong các thuộc tính đó có thể làm cho một file trở thành file chỉ đọc, có nghĩa là bạn không thể xóa hay viết lên nó. Để thay đổi các thuộc tính của một file, hãy nhấp phải file đó trong My Computer, và chọn Properties từ menu bật lên. Khi hộp thoại Properties xuất hiện, hãy hủy chọn thuộc tính Read-Only, và sau đó nhấp OK.

Bạn muốn thực hiện một tác vụ đối với một file và nhận được một thông báo lỗi của Windows

Các thông báo lỗi của Windows thường xuất hiện để cho biết bạn đã nhấp hay gõ nhập sai. Vì vậy nếu bạn nhận được một thông báo lỗi như vậy thì cách đầu tiên là phải luôn luôn thử lại tác vụ đó, lần này cẩn thận hơn. Nhưng bạn vẫn nhận được thông báo lỗi dù bạn đã thực hiện thao tác rất cẩn thận thì hãy xem bảng 24.2 để biết nguyên nhân và cách khắc phục sự cố mà bạn gặp phải.

Bảng 24.2 Các thông báo lỗi của Windows về file

Thông báo lỗi	Nguyên nhân và cách khắc phục
Cannot find file	Thông báo này thường xuất hiện khi file đó bị mất hay bị hỏng. Bạn cũng có thể cài đặt lại file đó nếu cần thiết.
Cannot read from drive x	Windows tìm một file trên ổ đĩa x: (có lẽ là ổ đĩa A:) và không có đĩa nào trong ổ đĩa đó. Hãy cài vào một đĩa để chấm dứt vòng lặp tìm kiếm của Windows. Nếu bạn đã cài một đĩa vào ổ đĩa x: mà vẫn nhận được thông báo lỗi này thì đĩa của bạn đã bị hỏng (hay chưa được định dạng), hay ổ đĩa của bạn có vấn đề.
Folder xxx does not exist	Bạn đã ấn định một folder không hiện hữu. Hãy kiểm tra cách viết chính tả của folder đó và tên đường dẫn. Có lẽ bạn cũng nên thử chọn View, Refresh để làm mới cách hiển thị file/folder.
File already exists. Overwrite?	Bạn đang tạo hoặc lưu một file có tên trùng với tên của một file khác. Windows hỏi bạn có muốn viết chồng lên file hiện có không? Nếu muốn, hãy trả lời "yes". Nếu không muốn, hãy trả lời "no", và gán một tên mới cho file của bạn.
Fils is missing	Khi Windows tải, nó sẽ cố gắng tải bất kỳ chương trình nào nằm trong folder Startup. Thông báo này xuất hiện khi một trong các file này không còn hiện hữu hay đã được nhập vào không đúng. Hãy sử dụng My Computer để mở folder Startup và kiểm tra tất cả các chương trình, xóa bỏ hay chỉnh sửa các chương trình không đúng.
Not a valid filename	Bạn đã gõ nhập một tên file không có hiệu lực. Hãy gõ nhập lại.
The specified path is invalid	Bạn đã gõ nhập một đường dẫn sai. Hãy kiểm tra đường dẫn đó và gõ nhập lại.
Write protected disk	File này nằm trên một đĩa đã được bảo vệ chống ghi. Hãy thay đổi đĩa hay gạt nút bảo vệ chống ghi sang vị trí cho phép ghi.

Một chương trình phần mềm không chịu chạy

Có vài yếu tố làm cho một chương trình không chịu chạy:

- **Chương trình đó không tương thích với phiên bản Windows của bạn** - Một số chương trình Windows cũ tương thích với Windows XP. Nếu một số chương trình Windows cũ không chịu chạy và đưa ra một thông báo lỗi thì có thể chương trình đó không tương thích. Bạn cần nâng cấp

phần mềm này lên phiên bản Windows 2000 hay Windows XP - hay kích hoạt chế độ Compatibility Mode của Windows XP. Hãy nhấp phải biểu tượng của chương trình đó và chọn Properties, tiếp theo chọn tab Shortcut. Chọn tùy chọn Run In , sau đó chọn một phiên bản khác của Windows mà bạn biết rằng chương trình đó tương thích. Cách này sẽ làm cho chương trình đó nghĩ rằng nó đang chạy trên một phiên bản cũ hơn của Windows và sự cố có thể được khắc phụ.

- **Hệ thống của bạn không đủ bộ nhớ để chạy chương trình đó** - Hãy đóng các trình ứng dụng khác của Windows trước khi bạn khởi động chương trình này, hay bổ sung thêm bộ nhớ cho hệ thống của bạn.
- **Máy tính của bạn không đủ khoảng trống đĩa để chạy chương trình đó** - Nếu máy tính của bạn không có đủ khoảng trống đĩa có thể sử dụng được thì bạn không thể chạy được một số chương trình. Hãy xóa các file không cần thiết khỏi đĩa cứng của bạn trước khi khởi động chương trình đó.

Nếu bạn không thể chạy một chương trình nào đó thì trước tiên phải bảo đảm rằng chương trình đó được tham chiếu đúng từ hạng mục menu hay biểu tượng mà bạn đã chọn. Hãy nhấp phải hạng mục hay biểu tượng đó và chọn Properties từ menu bật lên. Khi hộp thoại Properties xuất hiện (xem hình 24.2), hãy chọn tab Shortcut và chú ý file và đường dẫn của nó trong hộp Target. Bây giờ hãy sử dụng My Computer để đi đến vị trí đóvà kiểm tra để biết chắc rằng file đích thật sự nằm ở vị trí đó. Nếu file đích không có ở đó, hãy sử dụng trình tiện ích Search để tìm file đó, và sau đó nhập vào vị trí đúng trong hộp Target của biểu tượng tắt.

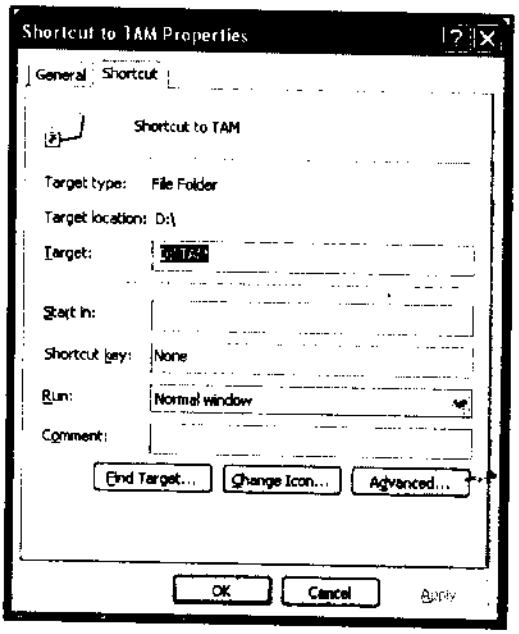

Hình 24.2 Hãy sử dụng hộp thoại Properties để biết chắc rằng file đích được tham chiếu bởi biểu tượng tắt được cho - hay để chạy chương trình này trong chế độ Compatibility.

Nếu file đó ở đúng vị trí nhưng nó không khởi động khi được chọn thì bạn hãy thoát khỏi Windows, khởi động lại máy tính, và khởi động lại chương trình. Cách này thường có thể khắc phục được sự cố.

Nếu chương trình đó vẫn không khởi động thì phải chắc chắn rằng chương trình đó đã được cài đặt đúng. Nếu bạn nghi ngờ thì hãy hủy cài đặt chương trình đó (bằng cách chọn biểu tượng Add or Remove Programs từ Control Panel) và sau đó cài đặt lại. (Nhiều sự cố có thể được khắc phục bằng cách cài đặt lại phần mềm.)

Bạn cũng phải kiểm tra để biết chắc rằng chương trình đó tương thích với cấu hình phần cứng trên máy của bạn.

Một chương trình phần mềm bị treo

Windows XP là một môi trường làm việc rất an toàn. Khi một trình ứng dụng riêng biệt bị treo, thì rất ít khi nó làm cho toàn bộ hệ thống của bạn ngưng hoạt động. Bạn có thể sử dụng Windows Task Manager để đóng trình ứng dụng bị sự cố mà không làm ảnh hưởng đến các chương trình khác của Windows.

Khi một trình ứng dụng của Windows gặp sự cố, hãy thực hiện các bước sau:

1. Ấn Ctrl+Alt+Del.
2. Khi Windows Task Manager mở ra, hãy chọn tab Applications, và sau đó chọn trình ứng dụng gặp sự cố từ danh sách. Bây giờ hãy nhấp nút End Task.
3. Sau vài giây, cửa sổ Wait/Shutdown xuất hiện; hãy cho biết bạn muốn tắt trình ứng dụng đã được chọn.
4. Nhấp nút End Task.

Bằng cách này bạn sẽ đóng trình ứng dụng gặp sự cố và có thể tiếp tục công việc của mình trong Windows.

Bạn không thể khởi động một file tài liệu

Nguyên nhân của vấn đề này thường là do kiểu file của tài liệu không phù hợp với kiểu file của chương trình. Khi bạn chọn một file tài liệu thì nó sẽ khởi động chương trình có liên quan. Nếu Windows hiển thị hộp thoại Open With thay vì khởi động một chương trình thì bạn cần phải chọn một trình ứng dụng để kết hợp với file đó.

Bạn cũng có thể kết hợp các file với các trình ứng dụng bằng tay. Hãy xem chương 3 để biết thêm chi tiết.

Một thiết bị ngoại vi mới được cài đặt không hoạt động

Có thể là do hệ thống của bạn không nhận biết thiết bị mới. Tùy thuộc vào thiết bị mà bạn đã cài đặt, bạn phải thực hiện một trong các cách sau:

- Thay đổi các xác lập CMOS (thường là đối với bộ nhớ và các ổ đĩa)
- Tải các trình điều khiển mới thông qua Add Hardware Wizard
- Điều chỉnh các jumper và các nút chuyển trên motherboard hay các thiết bị khác

Sau khi bạn thêm một thiết bị ngoại vi mới thì một thiết bị khác trên hệ thống của bạn không còn hoạt động tốt

Sự cố này thường là do sự xung đột về nguồn tài nguyên giữa thiết bị mới và thiết bị cũ. Sự xung đột về nguồn tài nguyên thường liên quan đến các xác lập IRQ và/hay cổng.

Cách nhanh nhất và dễ nhất để xử lý sự cố này là chạy System Restore và phục hồi tất cả các trình điều khiển và các xác lập của bạn trở lại thời điểm trước khi thiết bị mới được thêm vào. Bạn cũng có thể sử dụng Device Manager để phục hồi một trình điều khiển mà bạn nghĩ rằng nó đã bị ghi chồng bởi phần cài đặt mới nhất.

Nếu bạn muốn xử lý nguyên nhân gây ra sự cố này, thì bạn nên bắt đầu bằng cách thay đổi các cổng. (Loại sự cố này thường là do sự xung đột về cổng hay IRQ.) Nếu cách này không có tác dụng (hay nếu bạn đã cài đặt một thiết bị ở bên trong) thì bạn cần phải thay đổi các xác lập IRQ đối với một hay cả hai thiết bị gây ra sự xung đột.

Modem của bạn không hoạt động

Nếu modem của bạn không hoạt động, thì trước tiên bạn phải kiểm tra tất cả các nối kết - đặc biệt là nối kết với đường dây điện thoại. Tiếp theo, bạn nên kiểm tra xem modem của bạn có giao tiếp với máy tính không. Trong Windows XP, bạn có thể thực hiện điều này bằng cách vào hộp thoại Properties của modem, chọn tab General, và nhấp nút Troubleshoot.

Modem của bạn hoạt động nhưng không quay số

Vấn đề này có thể là do bạn đang thực hiện một nối kết Internet trong lúc một nối kết cũ vẫn còn. (Bạn không thể quay số hai nơi cùng một lúc!). Nếu không phải trường hợp này, thì bạn hãy kiểm tra đường dây điện thoại nối kết modem của bạn có làm việc không. Nếu đường dây điện thoại có sự cố thì hãy kêu người đến sửa lại đường dây.

Nếu đường dây của bạn có sử dụng thư thoại (voice mail), thì một số hệ thống thư thoại sẽ thay đổi tín hiệu quay số để cho bạn biết có các tin nhắn đang chờ. Một số modem không thể nhận biết các tín hiệu quay số đã bị biến đổi này. Hãy trả lời thư thoại để tín hiệu quay số trở lại bình thường và sau đó thực hiện việc quay số lại.

Sự cố cũng có thể là do cấu hình bên trong Windows không đúng. Hãy bảo đảm bạn đã chọn đúng cổng COM và kiểm tra các xác lập của modem. Bạn cũng nên kiểm tra xác lập Maximum Port Speed trong tab Modem của hộp thoại Properties. Bạn nên giảm xác lập này nếu modem của bạn gặp khó khăn trong việc giao tiếp với máy tính của bạn. Hãy kiểm tra xem có sự xung đột về cổng COM giữa modem của bạn và một thiết bị khác, chẳng hạn như chuột, không. Bạn nên luôn luôn kiểm tra các xác lập về cổng từ bên trong Windows để biết chắc rằng chúng được cấu hình đúng. Bạn có thể thực hiện điều này từ trình tiện ích Device Manager.

Nếu Windows đã được cấu hình đúng như modem vẫn không quay số thì hãy kiểm tra modem. Nhiều modem có các nút phải được bật sang một vị trí nào đó thì thiết bị này mới hoạt động được. Hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng modem của bạn để bật các nút này sang đúng vị trí của chúng.

Modem của bạn quay số nhưng không nối kết được

Nguyên nhân của sự cố này thường cũng giống như nguyên nhân của sự cố trước - phần cứng hay phần mềm của bạn không được xác lập đúng cách. Nếu vậy, hãy đọc lại phần trước.

Cũng có thể là do modem của bạn quay không đúng số hay có vấn đề trục trặc ở nhà cung cấp dịch vụ Internet. Hãy chắc chắn rằng loa của modem đã được bật lên và lắng nghe nó. Nếu bạn nghe modem quay số nhưng không nhận được sự hồi đáp từ nhà cung cấp dịch vụ Internet thì hãy kiểm tra số điện thoại mà bạn đã nhập vào. Nếu số điện thoại đó đúng thì có thể nhà cung cấp dịch vụ của bạn đang gặp sự cố và tạm thời không thể nhận các cuộc gọi đến. Nếu bạn nghe tín hiệu báo bận sau khi quay số thì điều này có nghĩa là có quá nhiều người đang quay số cùng một lúc và nhà cung cấp dịch vụ của bạn hiện thời không thể nhận thêm bất kỳ cuộc gọi này, hãy chờ vài phút và sau đó quay số lại.

Nối kết của bạn đột nhiên bị ngắt

Bạn có thể bị ngắt nối kết khi đang ở trên trực tuyến nếu trong nhà của bạn có nhiều hơn một máy điện thoại mắc vào cùng một đường dây. Nếu một người nào đó nhấp máy điện thoại phụ lên trong lúc bạn đang ở trên trực tuyến thì nối kết của bạn sẽ bị ngắt. Đôi khi nối kết có thể được phục hồi lại bằng cách gác điện thoại phụ và cũng có lúc bạn phải hủy bỏ toàn bộ nối kết và bắt đầu lại từ đầu.

Tính năng chờ cuộc gọi (Call Waiting) cũng có thể là nguyên nhân gây ra sự cố này. Bạn cũng có thể tắt tính năng này khi bạn ở trên trực tuyến bằng cách chỉnh sửa các xác lập trong tab Dialing Rules của trình tiện ích Phone and Modem Options.

Một số nhà cung cấp dịch vụ Internet và một số dịch vụ trực tuyến thương mại sẽ ngắt nối kết với bạn nếu bạn không thực hiện bất kỳ thao tác nào trong một thời gian quá lâu. (Họ không muốn người dùng vẫn nối kết mà không thực hiện điều gì cả.) Nếu bạn muốn giữ nối kết thì hãy thực hiện một điều gì đó sau mỗi vài phút. Bạn có thể kiểm tra hộp thư e-mail hay nhấp vào một Web site khác. Đôi khi một sự cố có liên quan đến Windows cũng có thể gây ra vấn đề này. Nếu Windows còn ít bộ nhớ thì nó có thể không đủ nguồn tài nguyên để cho phép modem của bạn hoạt động. Nếu thật sự như vậy thì bạn hãy đóng một số trình ứng dụng trong Windows và sau đó khởi động lại modem. Nếu bạn vẫn còn gặp phải sự cố này thì có lẽ bạn cần phải bổ sung thêm bộ nhớ vào hệ thống.

Một nguyên nhân khác ngày càng phổ biến là đường dây điện thoại bị nhiễu. Bạn có thể yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại của bạn để nó không bị nhiễu quá mức.

Modem của bạn làm cho chuột không hoạt động bình thường - hay ngược lại

Đây là một sự cố thường xảy ra và nguyên nhân là do sự xung đột về nguồn tài nguyên.

Trước tiên, hãy kiểm tra các xác lập cổng của chuột và modem. Nếu chúng được cấu hình để sử dụng cùng một cổng COM, thì hãy thay đổi các xác lập của một trong hay thiết bị để chúng sử dụng cổn khác nhau.

Nếu cả hai thiết bị đều được xác lập để sử dụng các cổng COM có số chẵn (COM2 và COM4) thì hãy cấu hình lại một trong hai thiết bị để nó sử dụng một cổng có số lẻ.

Tương tự, nếu cả hai thiết bị đều được cấu hình để sử dụng các cổng COM có số lẻ (COM1 và COM3), thì hãy xác lập một trong hai thiết bị để nó sử dụng một cổng có số chẵn.

Nếu bạn đang chạy modem của mình trên COM2 nhưng hệ thống của bạn không có COM1 thì modem của bạn có thể không hoạt động được. Điều này là vì Windows tìm các cổng COM theo thứ tự, và nếu COM1 không hiện hữu thì bạn sẽ gặp sự cố. Hãy gán lại modem của bạn sang COM1 để khắc phục sự cố.

Máy tính của bạn có biểu hiện lạ sau khi bạn tải xuống một file hay mở một file đính kèm e-mail

Có lẽ bạn đã tải xuống một file có chứa virus, hãy xem chương 23 để biết cách đề phòng và xử lý trường hợp bị nhiễm virus.

Bạn không tìm thấy một máy tính khác trên mạng của mình

Bạn mở My Network Places để tìm một máy tính khác trên mạng của mình nhưng nó không có ở trên đó. Bạn phải tìm nó bằng cách nào?

Trước tiên, hãy nhấp View Network Computers trong panel Network Tasks. Bằng cách này bạn sẽ hiển thị tất cả các máy tính được nối kết.

Nếu máy tính đó vẫn không có ở đó, thì bạn hãy nhấp nút Search trong thanh công cụ My Network Places. Khi Search Companion xuất hiện, hãy nhập tên của máy tính đó vào và nhấp Search. Nếu bạn không biết tên của máy tính đó, thì hãy nhập vào một dấu sao (*). Cách này sẽ giúp bạn tìm thấy tất cả các máy tính trên mạng.

Nếu bạn vẫn không tìm thấy nó, thì hãy kiểm tra xem nó đã được bật lên chưa. (Các máy tính chưa được bật lên không được hiển thị trên mạng. Nó đã được nối kết vào mạng chưa? Nếu bạn đang ở trên một mạng Ethernet, thì bạn phải kiểm tra để biết chắc rằng máy tính của bạn và máy tính kia đều được nối vào ổ cắm (hub), và ổ cắm đó được cung cấp nguồn điện.

Bạn đã chạy Home Networking Wizard trên máy tính thứ hai chưa? Nếu chưa, bây giờ hãy chạy nó,từ máy tính cài đặt Windows XP. (Có lẽ bạn phải chạy XP Home Networking Wizard trên tất cả các máy tính được nối vào mạng.) Hãy thử chạy wizard đó một lần nữa. (Đôi khi bạn phải chạy wizard này đến hai lần để tất

cả các máy tính đều được nhận biết.) Bây giờ hãy khởi động lại cả hai máy tính để xem chúng đã nhận ra nhau chưa.

Đối với trường hợp phức tạp hơn, hãy mở Help and Support Center, nhấp liên kết Fixing Problem, nhấp Networking Problems, và sau đó chạy Home and Small Office Networking Troubleshooter. Sự cố thường có thể được giải quyết bằng cách này.

Có thể một trong hai máy có sự nối mạng kém. Để khắc phục một nối kết kém, hãy mở trình tiện ích Network Connections (từ Control Panel). Nhấp phải nối kết có sự cố và chọn Repair từ menu bật lên. Nếu cách này vẫn không được thì hãy xóa nối kết có sự cố khỏi máy tính thứ hai và sau đó chạy lại Home Networking Wizard để cài đặt lại mạng. Có lẽ bạn cũng cần phải chạy lại wizard này trên máy tính của bạn (để nhận biết máy tính mới).

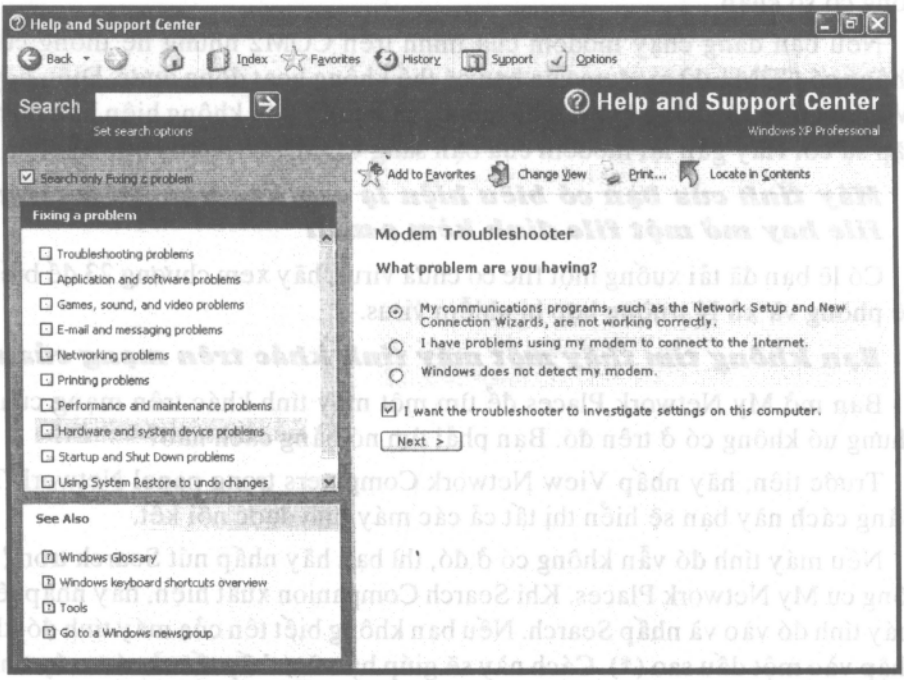

10 thủ thuật quan trọng nhất

Qua chương này bạn đã biết cách xử lý sự cố của Windows XP mà bạn có thể gặp phải một cách có hệ thống. Và sau đây là những điều quan trọng mà bạn cần phải ghi nhớ.

1. Nguyên nhân chủ yếu của hầu hết các sự cố chính là bạn! Phải chắc chắn rằng bạn đã không nhấp lộn nút, ấn sai phím, hay nối kết sai cổng không chính xác.
2. Phải đảm bảo tất cả các cáp đều được nối kết chắc chắn - và nối kết vào đúng vị trí.
3. Phải bảo đảm rằng phần mềm của bạn tương thích với Windows XP. Nếu

không hãy chạy chương trình đó trong chế độ Compatibility Mode của Windows XP, hay nâng cấp chương trình đó lên phiên bản Windows XP.

4. Đừng đoán mò. Hãy sử dụng tất cả các công cụ chẩn đoán của Windows XP để giúp bạn tìm ra nguyên nhân của sự cố. Hãy phân tích sự cố một cách logic. Điều gì đã xảy ra? Xảy ra khi nào? Bạn đã thực hiện điều gì ngay trước khi sự cố xảy ra? Sự cố xảy ra có liên quan đến phần cứng hay phần mềm mà bạn vừa mới cài đặt không? Hãy suy nghĩ một cách thận trọng và có hệ thống để tìm ra nguyên nhân gây ra sự cố.
6. Nếu bạn muốn sử dụng một giải pháp đơn giản, thì hãy chạy trình tiện ích System Restore của Windows. Công cụ này có thể phục hồi hệ thống của bạn trở lại thời điểm trước khi sự cố xảy ra.
7. Hãy nhờ một người có chuyên môn kỹ thuật giúp đỡ khi cần thiết.
8. Nếu bạn có một người bạn hay một đồng sự có chuyên môn kỹ thuật nhưng ở xa thì hãy đề nghị họ giúp đỡ thông qua tính năng Remote Assistance của Windows XP.
9. Windows XP là một hệ điều hành rất tốt, nó có một sự cải tiến đáng kể so với Windows 98 và Windows Me, và nó sẽ phục vụ bạn rất tốt.
10. Bạn có thể lên trực tuyến để tìm những thông tin và những hướng dẫn mới nhất về hệ điều hành này.

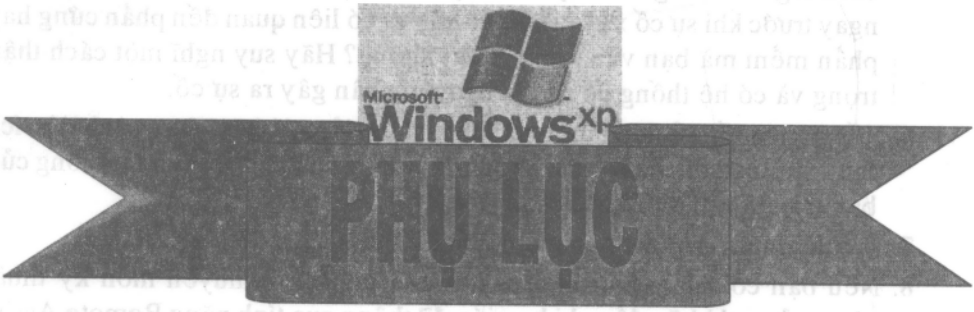

A. Nâng cấp lên Windows XP
B. Các chương trình phụ của Windows
C. Các tùy chọn truy cập

Phụ lục A

Nâng cấp lên Windows XP

- *Cài đặt nâng cấp điển hình*
- *Cài đặt sạch*
- *Kích hoạt và đăng ký Windows*
- *Hủy cài đặt Windows XP*

Việc cài đặt Windows XP thì đơn giản hơn nhiều so với việc cài đặt bất kỳ phiên bản trước đó của Windows. Nếu bạn nâng cấp một máy tính hiện có lên thành Windows XP, bạn sẽ có lựa chọn cài đặt nâng cấp hay cài đặt sạch. Đối với hầu hết những người sử dụng cài đặt nâng cấp là cách dễ dàng nhất để thực hiện.

Bất cứ kiểu cài đặt nào bạn chọn bạn sẽ thấy rằng phải mất một giờ hoặc đại loại như vậy để cài đặt phần mềm Windows XP. Để cài đặt phần mềm Windows XP, bạn sẽ cần một ổ đĩa CD - ROM được nối với PC, vì toàn bộ sự cài đặt đều được thực hiện từ CD. Nó cũng trợ giúp nếu bạn được nối kết với Internet vì phần mềm cần được kích hoạt bởi chính nó để hoạt động.

Cài đặt nâng cấp điển hình

Cài đặt nâng cấp là cách nhanh nhất để chuyển đổi một PC thành Windows XP. Không phải mọi phiên bản của Windows trước đây đều có cùng một đường dẫn nâng cấp. Kiểm tra bảng A.1 để xem bạn có thể nâng cấp và nâng cấp như thế nào từ hệ điều hành hiện tại của bạn.

Bảng A.1 Các tùy chọn nâng cấp cho Windows XP

Nếu bạn có phiên bản sau đây của Windows	Bạn có thể nâng cấp thành phiên sau đây của Windows XP
Windows 3.1	Không thể nâng cấp; yêu cầu cài đặt sạch
Windows 95	Không thể nâng cấp; yêu cầu cài đặt sạch
Windows 98 (ấn bản đầu tiên)	Windows XP Home Edition hay Windows XP Professional
Windows 98 Special Edition (SE)	Windows XP Home Edition hay Windows XP Professional
Windows Millennium Edition (Me)	Windows XP Home Edition hay Windows XP Professional
Windows NT 3.51 Workstation	Không thể nâng cấp; yêu cầu cài đặt sạch

Windows NT 4 Workstation	Windows XP Professional
Windows 2000 Professional	Windows XP Professional

Ngoài ra, bạn có thể dễ dàng nâng cấp từ Windows XP Home Edition thành Windows XP Professional.

Trước khi nâng cấp

Trước khi nâng cấp, hãy nỗ lực tải xuống phần mềm mới nhất của tất cả trình điều khiển phần mềm chính. Đi đến Web site của nhà sản xuất hay đến DriverGuide.com, và tìm phiên bản Windows 2000 hay Windows NT của tất cả các trình điều khiển. (Bởi vì XP chạy trên Windows NT/2000, nó sử dụng những trình điều khiển đó chứ không phải trình điều khiển được sử dụng trong Windows 9X/Me.) Hãy lưu trữ những trình điều khiển này trong một folder tiện lợi trên ổ đĩa phòng hờ trường hợp bạn cần cài đặt những trình điều khiển đó.

Đầu tiên khi bạn phải cài đặt chương trình Windows XP, nó chạy một trình tiện ích gọi là Windows Upgrade Advisor. Chương trình nhỏ này phân tích tất cả phần cứng và phần mềm trên hệ thống của bạn và chuẩn bị báo cáo liệt kê bất kỳ hạn mục vốn có thể gây ra sự cố trên nền Windows XP.

Hãy kiểm tra báo cáo này một cách cẩn thận trước khi cài đặt. Nếu bạn thấy một thành phần quan trọng mà Windows nghĩ có thể gây ra sự cố, hãy hủy cài đặt và tải xuống bất kỳ trình điều khiển mới vốn có thể sửa chữa sự cố. (Hãy nhớ tìm các trình điều khiển của Windows 2000 hoặc NT - nếu các trình điều khiển Windows XP cụ thể không có sẵn.) Nếu dường như càng có nhiều sự cố hơn khả năng mà bạn có thể giải quyết, hãy hoãn cài đặt đến khi bạn có thể thảo luận tình trạng của bạn với chuyên viên kỹ thuật Microsoft.



Bạn luôn luôn đóng tất cả chương trình đang chạy trước khi cố cài đặt phần mềm mới nào. Ngoài ra, hãy nhớ tắt bất kỳ chương trình chống virus vốn có thể chạy trong nền.

Trong suốt quá trình cài đặt

Khi bạn tự chuẩn bị để có thể giải quyết bất kỳ sự cố thì bạn có thể cài đặt.

Sau khi chạy Windows Update Advisor, chương trình cài đặt Windows XP tạo một bản sao lưu dự phòng của hệ điều hành đó. Theo cách này, nếu tiến trình cài đặt bị hỏng, bạn có thể hủy cài đặt XP và cài đặt lại bản trước của Windows.

Từ thời điểm này trở đi, tiến trình cài đặt một cách tự động. Tiến trình cài đặt hơi chậm khá chắc chắn. Bạn không gặp phải quá nhiều sự cố (nếu có). Hãy kiên nhẫn đợi đến khi toàn bộ hoạt động hoàn tất. Sau cùng bạn có thể bắt đầu sử dụng Windows XP.

Cài đặt "sạch"

Một cài đặt sạch xoá mọi thứ ra khỏi đĩa cứng và cài đặt XP thành những gì mà bây giờ được gọi là một đĩa sạch hoàn toàn. Đây là một kiểu cài đặt khá gây ấn

tượng vì nó cũng xoá bất kỳ chương trình và các file cá nhân nằm trên đĩa. Điều này cũng có nghĩa rằng bạn sẽ phải cài đặt lại tất cả các chương trình sau khi cài đặt lại Windows.

Vậy khi nào nên cài đặt sạch? Nếu hệ thống cũ của bạn không chạy một cách chính xác hoặc đôi khi bị trục trặc theo cách này hay cách khác, một kiểu cài đặt sạch sẽ bảo đảm rằng các sự cố trước đây của bạn sẽ không phải buộc bạn chuyển sang hệ điều hành khác. Một kiểu cài đặt sạch cũng được yêu cầu nếu bạn đang chạy Windows 3.1, Windows 95, hay Windows NT 3.51. Những phiên bản của Windows không thể dễ dàng nâng cấp do đó bạn phải bắt đầu lại ngay từ đầu nếu bạn muốn chạy Windows XP.

Có một lý do khác mà bạn có thể muốn xem xét việc cài đặt sạch. Khi bạn nâng cấp, nhiều file từ hoạt động cũ được giữ lại. Khi bạn thực hiện một tiến trình cài đặt, bạn không có những file cũ này nằm quanh quẩn để làm bề bộn đĩa cứng của bạn. Hãy so sánh kích cỡ 2.9 GB của Windows XP được cài đặt qua sự nâng cấp với kích cỡ 1.7 GB sau một tiến trình cài đặt sạch. Bạn có thể phục hồi nhiều khoảng trống đĩa bị lãng phí bằng cách cài đặt sạch.

Một khi bạn quyết định cài đặt sạch, tiến trình rất tương tự như tiến trình cài đặt nâng cấp. Chỉ việc thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình và chắc chắn bạn đang có một vài tạp chí để đọc trong khi chương trình cài đặt thực hiện công việc của nó. (Mặc dù một ưu điểm khác của cài đặt sạch là nó chỉ mất khoảng nửa thời gian của tiến trình cài đặt nâng cấp.)

Kích hoạt và đăng ký Windows

Sau khi tiến trình cài đặt hoàn tất, bạn sẽ được nhắc kích hoạt bản sao của Windows XP. Đây là một điều mới mẻ và hoàn toàn riêng biệt với tiến trình đăng ký bình thường.

Windows Product Action (WPA) kết hợp bản sao Windows của bạn với hệ thống máy tính riêng của bạn. Nếu bạn cố cài đặt bản sao đó của Windows trên một PC khác, nó sẽ không hoạt động. Điều này hạn chế bạn chỉ sử dụng một PC trên mỗi bản sao, điều này khác với những phiên bản trước đây của Windows (và hầu hết các chương trình phần mềm), nhằm cho phép bạn cài đặt trên hai máy (máy để bàn và máy xách tay).

Bạn nhận thấy rằng bạn cần mua một bản sao chuyên biệt của Windows XP dành cho mỗi máy tính trong gia đình.

Một số nhà phê bình e rằng bởi vì WPA ghi lại thông tin về cài đặt phần cứng của bạn và gởi nó cùng với Microsoft để tạo mã kích hoạt sản phẩm duy nhất của bạn, Microsoft sẽ biết riêng về hệ thống máy tính cá nhân của bạn. Các chuyên viên có khuynh hướng xem nhẹ vấn đề này, dĩ nhiên Microsoft cũng vậy. Dường như sự kích hoạt sản phẩm hoàn toàn độc lập và hoàn toàn riêng biệt với việc đăng ký sản phẩm.

Trong khi Microsoft đã không làm lộ ra cách tạo mã kích hoạt sản phẩm, nhưng Fully Licensed GmbH (www.licenturion.com/xp/), một công ty tư vấn Đức

đã thực hiện công việc phân tích WPA và đưa ra danh sách những thành phần sau đây mà Microsoft theo dõi để tạo mã. Danh sách này bao gồm số seri volume Windows, địa chỉ MAC adapter mạng, ổ đĩa CD-ROM, adapter đồ hoạ, số seri CPU, ổ đĩa cứng, adapter chủ SCSI, bộ điều khiển IDE, loại bộ xử lý, lượng RAM, PC có thể được neo cố định hay không. Nếu bạn đã thay đổi hơn bốn hạng mục trong một khoảng thời gian đã xác định, Windows sẽ không khởi động. Nếu điều này xảy ra đối với bạn, bạn sẽ cần gọi đến Microsoft và giải thích tình trạng cụ thể của bạn và hy vọng Microsoft sẽ cung cấp cho bạn một mã mới để khởi động và chạy lại hệ điều hành của bạn.

Phiên bản của WMP trong phiên bản vận chuyển của XP đã giảm đi ở mức độ từ những gì mà Microsoft đã dự định ban đầu. Mục đích ban đầu là kích khởi sử bảo vệ WPA nếu bốn hạng mục được thay đổi bất cứ lúc nào trong thời gian hoạt động của PC. Việc trang bị lại WPA để kích khởi nếu các thay đổi được thực hiện trên khoảng thời giới hạn sẽ có thể được chấp nhận nhiều hơn đối với những người dùng thường thay đổi với hệ thống của họ. Ví dụ, nếu bạn nâng cấp RAM hàng tháng, cài đặt một ổ đĩa CD-ROM mới trong tháng tiếp theo và sau đó đợi sáu tháng để thêm một ổ đĩa cứng mới và một adapter mạng, các thay đổi sẽ cách xa nhau đủ để không kích hoạt sự bảo vệ WPA. (Tuy nhiên, nếu bạn đã thực hiện tất cả những thay đổi đó cùng một lúc) Dù gì đi nữa bạn cũng phải kích hoạt Windows XP để sử dụng nó. Bạn được nhắc kích hoạt XP vào cuối tiến trình cài đặt, mặc dù bạn có thể trì hoãn sự kích hoạt lên đến 30 ngày nếu bạn muốn. Để kích hoạt XP sau tiến trình cài đặt, hãy nhấp nút Start, sau đó chọn All Programs, Accessories, System Tools, Activate Windows.

Khi bạn thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình, bạn sẽ có một lựa chọn để kích hoạt trực tuyến hoặc qua điện. Nếu bạn có một nối kết modem hay qua Internet, hãy chọn tùy chọn trực tuyến, bởi vì tùy chọn này sẽ tự động hoá toàn bộ thủ tục. Về phía bạn không cần phải thực hiện thêm điều gì.

Nếu bạn chọn kích hoạt qua điện thoại, bạn sẽ được cung cấp một số điện thoại miễn phí 24/7 để gọi. Bạn sẽ phải cung cấp cho Microsoft số kích hoạt mà Windows XP đã được tạo. Đáp lại, nhân viên điều hành sẽ cung cấp cho bạn một số điện thoại khác để nhập vào XP nhằm hoàn tất sự kích hoạt. Khi những số này cực kỳ dài, tiến trình này sẽ là một điều rất khó khăn. Lần nữa, hãy chọn tùy chọn kích hoạt trực tuyến.

Một khi bạn đã kích hoạt Windows XP, thì bạn có thể đăng ký chương trình. Tương tự như các phiên bản trước đó của Windows, tiến trình đăng ký được tùy ý áp dụng và thật sự không mang lại cho bạn nhiều lợi ích ngoại trừ bạn có thể truy cập đến văn phòng hỗ trợ kỹ thuật của Microsoft. Không giống như sự kích hoạt, nếu bạn không đăng ký bản sao của XP, nó không ngừng hoạt động.

Tóm lại, sự kích hoạt là một tiến trình khác với sự đăng ký. Sự đăng ký yêu cầu phải sử dụng bản sao của Windows và hoàn toàn độc lập. Sự đăng ký thì tùy ý và yêu cầu bạn đệ trình một số thông tin cá nhân. Bạn phải kích hoạt nhưng bạn không cần phải đăng ký.

Hủy cài đặt Windows XP

Sự cố không thường xuyên xảy ra nhưng trong một thời gian dài một khi sự cố xảy ra trở nên quá nghiêm trọng đến nỗi bạn buộc phải hủy cài đặt Windows XP. Thật sự đây là một tiến trình khá dễ dàng trong Windows XP, vì một bản sao của hệ điều hành trước được lưu giữ trên đĩa cứng, chỉ dành cho mục đích này.

Để hủy cài đặt Windows XP, hãy thực hiện các bước sau đây:

1. Từ Control Panel, nhấp biểu tượng Add or Remove Programs.

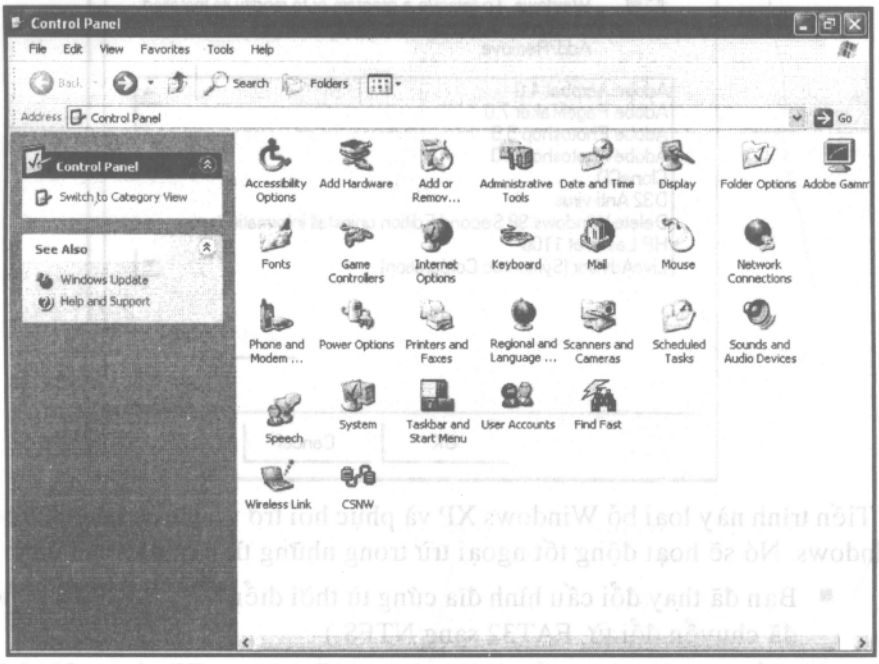

2. Khi trình tiện ích Add or Remove Programs được mở ra, hãy nhấn nút Change or Remove Programs.
3. Cuộn xuống danh sách các chương trình, chọn Windows XP, rồi nhấp nút Change/Remove.
4. Khi được nhắc, chọn Uninstall Windows XP, sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để loại bỏ hệ điều hành.

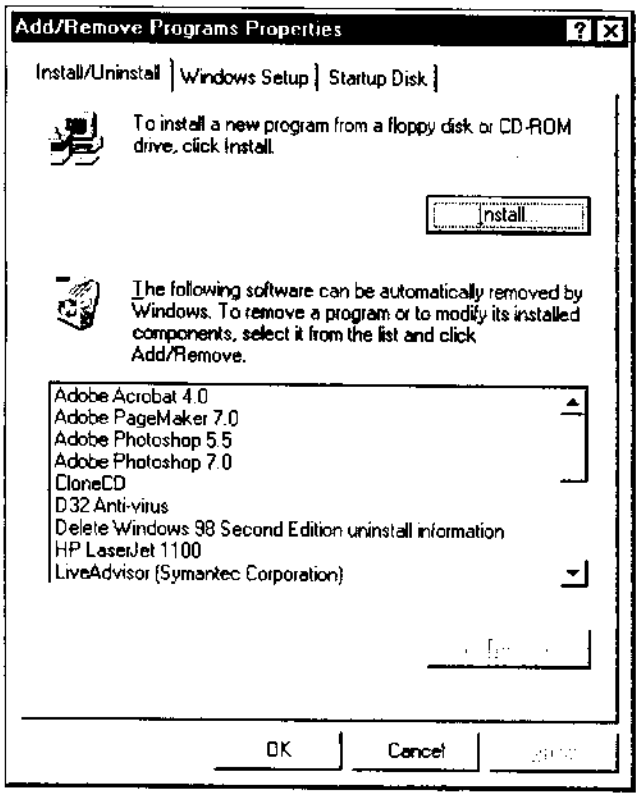

Tiến trình này loại bỏ Windows XP và phục hồi trở về phiên bản trước đó của Windows. Nó sẽ hoạt động tốt ngoại trừ trong những tình huống sau đây:

- Bạn đã thay đổi cấu hình đĩa cứng từ thời điểm cài đặt. (Ví dụ, nếu bạn đã chuyển đổi từ FAT32 sang NTFS.)
- Nếu bạn đã nâng cấp từ Windows NT 4.0 hay Windows 2000 Professional.

Cảnh báo

Bất kỳ trình ứng dụng phần mềm mà bạn đã thêm hay chỉnh sửa kể từ lần cài đặt Windows XP có thể sẽ không hoạt động một cách chính xác khi bạn phục hồi trở về hệ điều hành trước đó. Windows XP sẽ cảnh báo cho bạn biết về hầu hết những sự cố có thể xảy ra trước khi tiến trình hủy cài đặt bắt đầu.

Phụ lục B

Các chương trình phụ của Windows XP

- *Calculator*
- *Character Map*
- *Clipboard Viewer*
- *Games*
- *HyperTerminal*
- *Notepad*
- *Paint*
- *Sound Recorder*
- *WordPad*

Windows XP, tương tự như tất cả phiên bản trước của Windows, chứa một số chương phụ cài đặt sẵn mà bạn có thể sử dụng cho nhiều tác vụ khác nhau. Hầu hết những chương trình này đã được sử dụng cho một số phiên bản do đó có thể bạn đã quen thuộc với cách hoạt động của chúng.

Calculator

Đây là một máy tính cơ bản trên màn hình, với một cải tiến giao diện hấp dẫn cho Windows XP. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Calculator.

Character Map

Chương trình phụ này cho phép bạn thêm những ký tự đặc biệt vào các tài liệu của bạn. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, System Tools, Charater Map.

Clipboard Viewer

Chương trình phụ này cho phép bạn xem nội dung của Windows Clipboard. Sử dụng Clipboard Viewer để xem nội dung mà bạn đã cắt hay sao chép gần đây. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, System Tools, Clipboard Viewer.

Games

Windows XP cung cấp nhiều trò chơi đơn giản mà bạn có thể chơi một mình, hoặc trong một số trường hợp thì bạn có thể chơi trên Internet với những người

dùng khác. Ngoài trò chơi Solitaire cũ, các trò chơi XP mới gồm có Spider Solitaire và các phiên bản của Internet Backgammon, Checkers, Hearts, Reversi, và Spades. Truy cập những trò chơi này bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Games.

HyperTerminal

Đây là một bộ quay số modem cơ bản chạy trên Windows. Bạn có thể sử dụng nó để nối kết bất kỳ dịch vụ trực tuyến chưa được nối kết Internet. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Communications, HyperTerminal.

Notepad

Đây là bộ hiệu chỉnh text gốc, thích hợp cho những tài liệu rất nhỏ, đơn giản. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Notepad.

Paint

Microsoft Paint là một chương trình hiệu chỉnh hình ảnh rất cơ bản. Nó được nâng cấp để sử dụng cho Windows và bây giờ nó có thể xử lý các kiểu file nhiều hơn trước đó. Chức năng của nó cũng vẫn còn bị giới hạn và chỉ hữu dụng đối với việc hiệu chỉnh các hình ảnh bitmap. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Paint.

Sound Recorder

Đây là một chương trình ghi kỹ thuật số cơ bản nhất. Bạn có thể sử dụng nó để ghi các file .WAV riêng của bạn, miễn là bạn có một microphone nối với hệ thống của bạn. (Nó cũng có thể ghi từ bất kỳ thiết bị hiện đang mở trên hệ thống của bạn.) Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Entertainment, Sound Recorder.

Wordpad

Wordpad đã được sử dụng để thay thế Notepad, vì nó có thể xử lý các tài liệu lớn hơn, cung cấp một số định dạng cơ bản và lưu các tài liệu theo dạng Rich Text Format (RTF). Chương trình này không đa năng hơn một chương trình xử lý từ thật sự, chẳng hạn như Microsoft Word. Khởi động nó bằng cách nhấp nút Start và chọn All Programs, Accessories, Wordpad.

Phụ lục C

Các tùy chọn truy cập

- *Các tùy chọn truy cập (Accessibility Options) của Control Panel*
- *Các công cụ truy cập (Accessibility Tools) khác*
- *Sử dụng Accessibility Wizard*

Windows XP có thể được cấu hình để cải tiến khả năng truy cập cho những người dùng bị khiếm thị, khiếm thính hay gặp khó khăn trong di chuyển. Bạn không cần bất kỳ phần cứng hay phần mềm bổ sung để tận dụng những tùy chọn truy cập này

Bạn có thể truy cập những tùy chọn này từ Windows Control Panel, bằng cách chạy Accessibility Wizard.

Các tùy chọn truy cập của Control Panel

Các tùy chọn truy cập chính của Windows XP được tìm thấy trong trình tiện ích Accessibility Option, trình tiện ích này được truy cập từ Control Panel. Nhấp biểu tượng Accessibility Option trong Control Panel để hiển thị hộp thoại Accessibility Option.

Hộp thoại này gồm có 5 tab. Mỗi tab phục vụ làm một cổng nối cho các công cụ truy cập riêng biệt.

Keyboard Options

Keyboard cho phép bạn mở hay tắt công ba công cụ khác nhau:

- **StickKeys** - Cho phép bạn thực hiện các thao tác bằng nhiều phím (chẳng hạn như Ctrl + phím hay Alt + phím) bằng cách nhấn mỗi lần một phím.
- **FilterKeys** - Điều chỉnh sử đáp ứng của bàn phím, làm cho nó ít nhạy hơn với các thao tác gõ phím được vô ý lặp lại.
- **ToggleKey** - Tạo ra một âm thanh khi các phím Caps Lock, Num Lock, và Scroll Lock được kích hoạt.

Tab này cũng cung cấp tùy chọn hiển thị sự trợ giúp bàn phím phụ trong các chương trình.

Sound Options

Tab cho phép bạn mở hay tắt hai công cụ khác nhau:

- **SoundSentry** - Luôn hiển thị một cảnh báo bằng hình ảnh khi máy tính của bạn phát ra một âm thanh.
- **ShowSounds** - Yêu cầu các trình ứng dụng hiển thị các lời bình chú cho những âm thanh mà chúng tạo ra.

Display Options

Display cho phép bạn mở hay tắt tùy chọn High Contrast, điều này có thể giúp cho những người khiếm thị có thể đọc có thể đọc màn hình. Nó cũng cho phép bạn thay đổi bề rộng và tốc độ nhấp nháy của cursor Windows.

Mouse Options

Tab cho phép bạn tắt hay mở công cụ MouseKeys, công cụ này cho phép điều khiển chuột từ phím số của PC.

General Options

Tab General cho phép bạn cấu hình cách sử dụng các tùy chọn truy cập trên máy tính của bạn.

Các công cụ truy cập khác

Có những công cụ truy cập khác được tìm thấy ở một nơi khác không phải trong hộp thoại Accessibility Options. Những công cụ này là:

- **Magnifier** - Phóng to một phần đã chọn của màn hình. Bạn chọn Magnifier bằng cách nhấp nút Start rồi chọn All Programs, Accessories, Accessibility, Magnifier.
- **Narrator** - Sử dụng công nghệ chuyển đổi text thành giọng nói để đọc to nội dung của màn hình. Bạn khởi động Narrator bằng cách nhấp nút Start rồi chọn All Programs, Accessories, Accessibility, Narrator.
- **On-Sreen Keyboard** - cho phép người dùng gặp khó khăn trong việc di chuyển có thể gõ nhập trên màn hình bằng chuột hay thiết bị trỏ. Bạn kích hoạt bàn phím trên màn hình bằng cách nhấp nút Start rồi chọn All Programs, Accessories, , On-Sreen Keyboard.

Sử dụng Accessibility Wizard

Cách dễ dàng để kích hoạt nhiều tùy chọn truy cập này là sử dụng Accessibility Wizard. Giống như hầu hết các wizard, wizard này hướng dẫn bạn qua một tiến trình chọn, sau đó kích hoạt những công cụ thích hợp cho tình huống đặc biệt của bạn.

Bạn khởi động Accessibility Wizard bằng cách nhấp nút Start rồi chọn All Programs, Accessories, Accessibility Wizard.

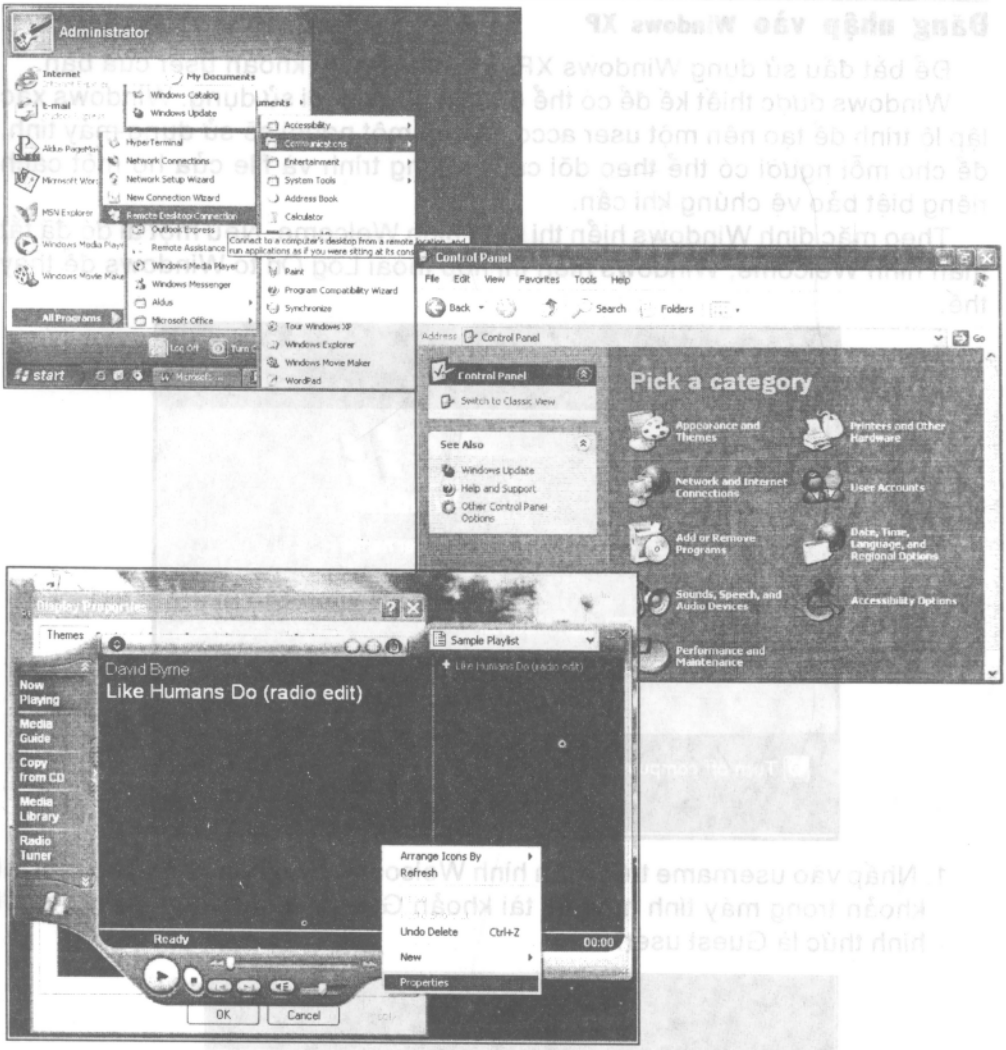

Thủ Thuật Học Nhanh Windows XP Bằng Hình

Đăng nhập vào Windows XP

Để bắt đầu sử dụng Windows XP, hãy tải vào tài khoản user của bạn.

Windows được thiết kế để có thể được nhiều người sử dụng. Windows xác lập lộ trình để tạo nên một user account của một người sẽ sử dụng máy tính, để cho mỗi người có thể theo dõi các chương trình và file của họ một cách riêng biệt bảo vệ chúng khi cần.

Theo mặc định Windows hiển thị màn hình Welcome. Nếu một ai đó đã tắt màn hình Welcome, Windows hiển thị hộp thoại Log On to Windows để thay thế.

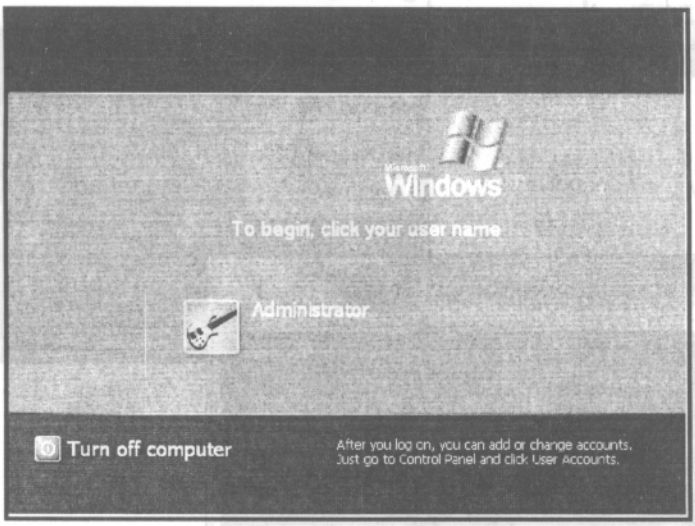

1. Nhấp vào username trên màn hình Welcome. Nếu bạn không có một tài khoản trong máy tính này, thì tài khoản Guest có sẵn, hãy tải vào dưới hình thức là Guest user.



2. Nếu bạn cần nhập vào một password để tải thì Windows hiển thị hộp Type Your Password.

Để xem những gợi ý về password (nếu bạn có), hãy nhấp nút Password Hint.

3. Windows hiển thị password hint.
   Gõ nhập password rồi nhấn Enter.
   Windows tải và hiển thị Desktop.

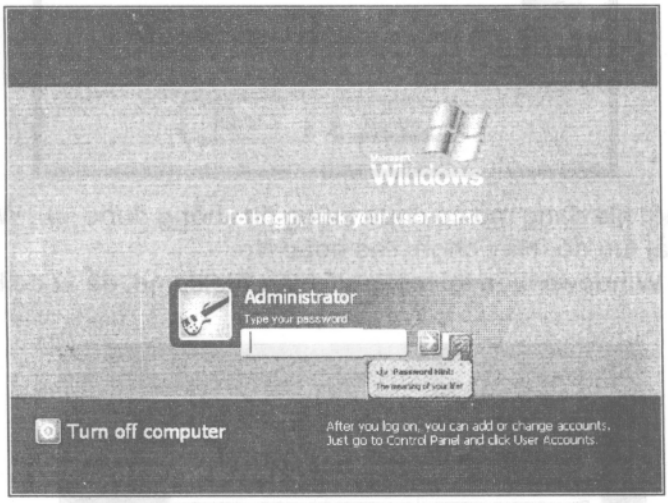

Thoát Windows XP

Tương tự như phần tải vào, ta khảo sát phần thoát Windows. Lúc bạn làm việc xong trong Windows, bạn có thể thoát để kết thúc chuyên mục của người dùng. Lúc bạn thoát Windows đóng bất cứ chương trình file nào mà bạn hiện đang mở. Nếu các file chứa các thay đổi không được lưu, thì Windows nhắc bạn phải lưu chúng. Tốt nhất là bạn phải đóng tất cả các chương trình và các file theo cách bình thường trước khi thoát bởi vì bạn dễ dàng xem loại trình ứng dụng nào bạn đang làm việc lúc Windows nhắc bạn phải thoát.

1. Nhấp nút Start.
   Nhấp nút Log Off.

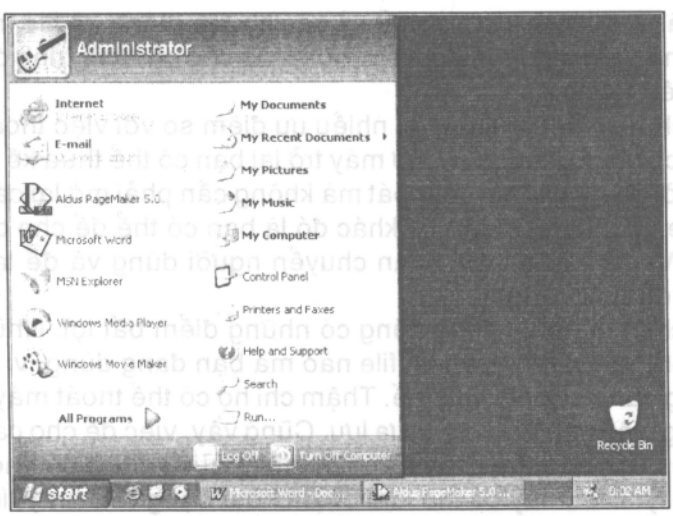

2. Windows hiển thị màn hình Log Off Windows.
Nhấp nút Log Off.

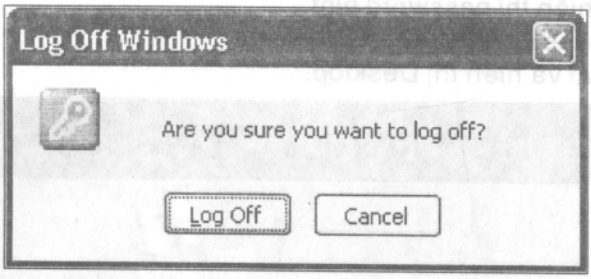

3. Nếu một file đang mở có chứa thông tin không được lưu, Windows nhắc bạn phải lưu nó. Hãy chọn Yes hoặc No.
Sau đó Windows hiển thị một màn hình Welcome, để từ đó bạn có thể tải vào

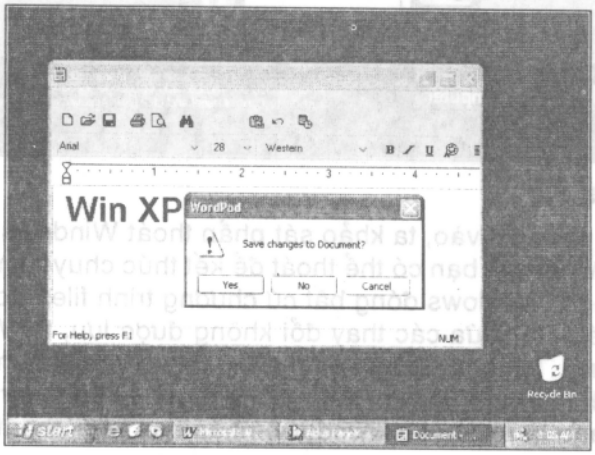

Chuyển dịch từ người dùng này sang người dùng khác

Thay vì thoát Windows và đóng tất cả các chương trình và file mà bạn đã dùng, bạn có thể hoán chuyển người dùng và để cho chương trình đang chạy cũng như file tiếp tục mở.

Việc hoán chuyển người dùng có nhiều ưu điểm so với việc thoát chương trình. Ưu điểm chính đó là lúc bạn mở máy trở lại bạn có thể thừa kế công việc của mình tại thời điểm mà bạn đã thoát mà không cần phải mở lại các chương trình và các file. Một điểm thuận lợi khác đó là bạn có thể để cho các tác vụ tiếp tục chạy. Ví dụ bạn có thể hoán chuyển người dùng và để lại một nội dung lớn đang được tải trên nền.

Việc hoán chuyển người dùng cũng có những điểm bất lợi. Những người dùng khác không thể xem thấy loại file nào mà bạn đang dùng, vì thế họ có thể thử sử dụng cùng các file như thế. Thậm chí họ có thể thoát máy tính, làm mất bất cứ công việc nào mà bạn chưa lưu. Cũng vậy, việc để cho các chuyên mục của người dùng tiếp tục chạy trên nền sẽ phải sử dụng bộ nhớ và công suất của bộ xử lý. Điều này có thể làm chậm hoạt động của máy tính đối với người dùng hiện đang hoạt động.

1. Nhấp nút Start.
   Nhấp nút Log Off.

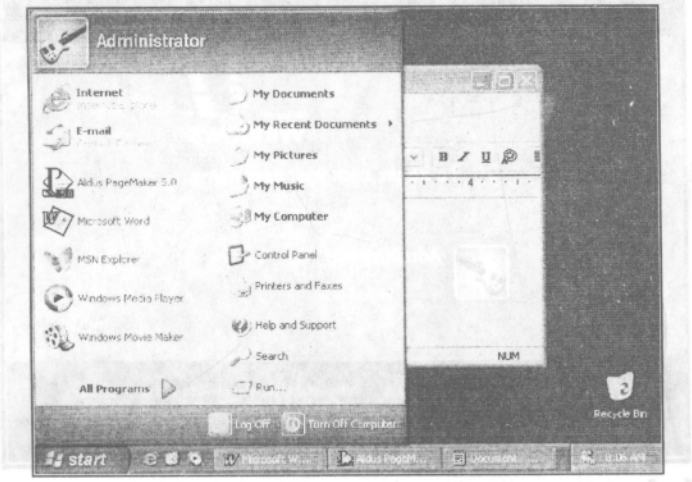

2. Windows hiển thị màn hình Log Off Windows.
   Nhấp nút Switch User.



3. Windows hiển thị màn hình Welcome, từ đó những người dùng khác có thể tải vào hoặc bạn có thể thừa kế chuyên mục Windows của mình bằng cách nhấp lên username của bạn.

Chuyên mục tác vụ mà bạn đang làm vẫn giữ hoạt động, các chương trình và các file mà bạn đã dùng thì vẫn tiếp tục được mở.

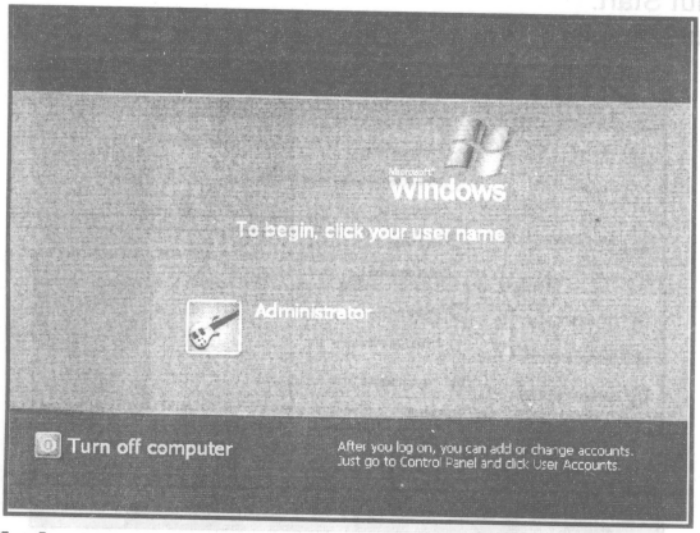

Thoát Windows

Lúc đã hoàn tất công việc bằng cách dùng máy tính trong một ngày, một tuần hoặc một tháng, hãy thoát Windows và tắt điện trên máy tính.

Trước khi thoát Windows, hãy đóng bất cứ chương trình nào đang mở và file đang mở để bảo đảm rằng không có người dùng nào khác thất thoát chuyên mục đang hoạt động của họ. Nếu bạn thoát Windows trong khi những người dùng khác vẫn sử dụng nó, thì họ sẽ bị mất bất cứ công việc nào không được lưu trong chương trình mà họ đã dùng.

1. Nhấp nút Start. Windows hiển thị menu Start.
   Nhấp nút Turn Off Computer. Windows hiển thị màn hình Turn Off Computer.

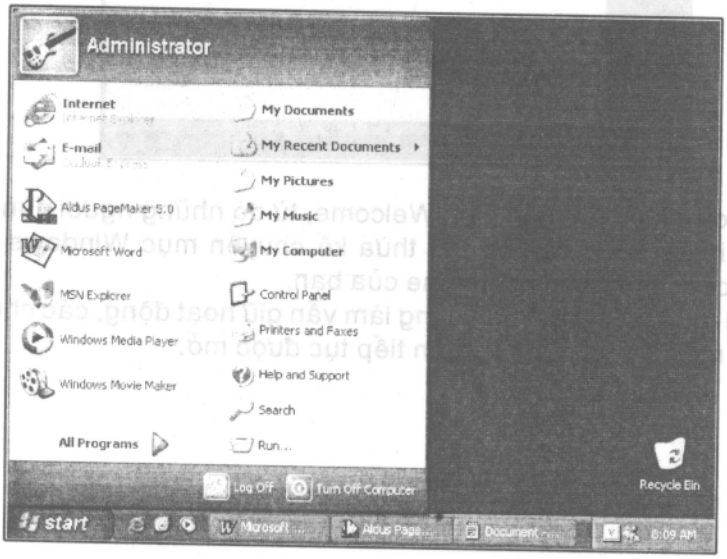

2. Nhấp nút Turn Off.

Windows đóng và tắt máy tính của bạn

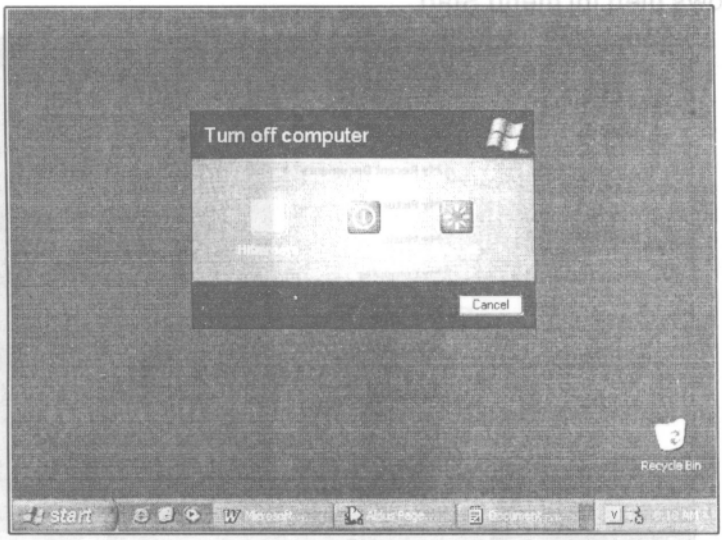

Lời khuyên của chuyên viên

- ❖ Bạn cũng có thể hiển thị màn hình Turn Off Computer bằng cách nhấn nút power trên nhiều máy tính.
- ❖ Windows tự động tắt điện hầu hết các máy tính. Nếu bạn có một máy tính cũ hơn, bạn có thể cần phải tắt nó bằng tay.
- ❖ Nếu bạn không bảo đảm được những người dùng khác vẫn còn tải vào máy tính của bạn hay không, hãy sử dụng Task Manager để tìm hiểu việc này.
- ❖ Từ màn hình Turn Off Computer, bạn có thể khởi động lại máy tính của mình bằng cách nhấp lên nút Restart.
- ❖ Nếu máy tính của bạn hỗ trợ cho tính năng ngủ đông, bạn có thể đưa nó vào tính năng ngủ đông bằng cách nhấp nút Hibernate. Nếu máy tính của bạn hỗ trợ cho tính năng standby, bạn có thể đưa nó vào trạng thái standby bằng cách nhấp nút Stand By.

Sử dụng menu Start

Menu Start và các menu con của nó cung cấp cho bạn một cách nhanh chóng để truy cập vào các chương trình, các cài đặt, các file và chuyên mục trợ giúp.

Diện mạo cơ bản của menu Start thì vẫn giữ như cũ, nhưng nội dung của nó thì thay đổi. Tên của user hiện tại xuất hiện ở đầu của menu Start. Một chuyên mục của menu Start tự động thay đổi để hiển thị các chương trình mà bạn vừa mới dùng. Bạn có thể giữ cố định các chương trình bằng tay cho chuyên mục này của menu Start sao cho chúng luôn luôn sẵn có. Bạn cũng có thể tạo tùy biến cho các phần khác trên menu Start.

Lúc bạn cài đặt một chương trình, thì lộ trình xác lập của nó thường bổ sung hạng mục tạo dành cho chương trình đó vào menu con All Programs của menu Start.

1. Nhấp nút Start.
Windows hiển thị menu Start.

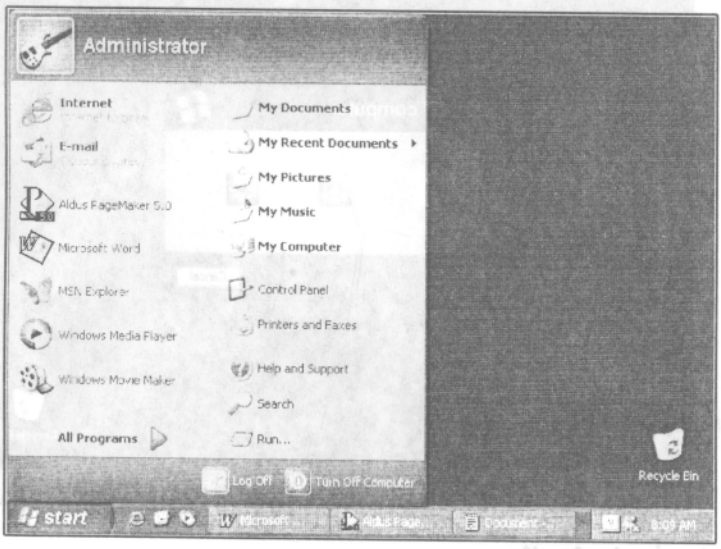

2. Nhấp một trong các hạng mục trên menu Start để mở nó.
Vùng được đánh dấu nằm ở khung bên trái có chứa các chương trình vừa mới được dùng. Các hạng mục khác nằm trên menu vẫn giữ ở đó trừ khi bạn tạo tùy biến cho menu.

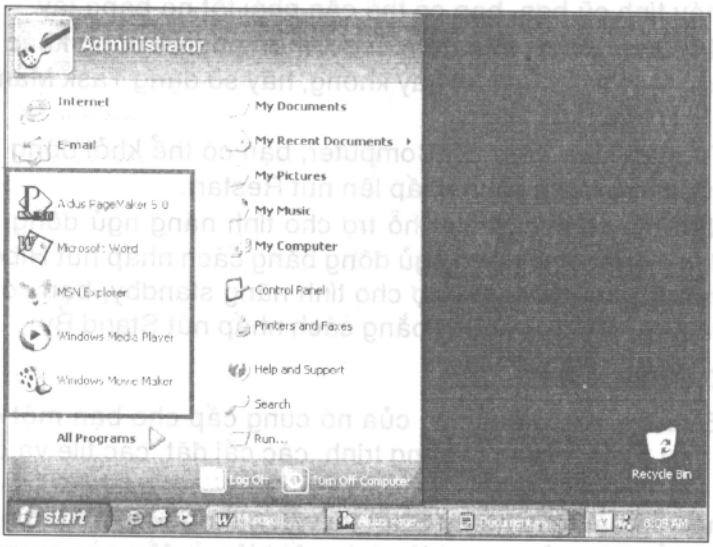

3. Nếu chương trình hoặc hạng mục không xuất hiện trên phần đầu tiên của menu Start, hãy nhấp nút All Programs.
Chọn một hạng mục để mở nó, hoặc mở một menu con (được chỉ định bởi một mũi tên) để truy cập vào các hạng mục chuyên sâu hơn.
Những phần chiếu sáng chỉ ra các hạng mục mới.

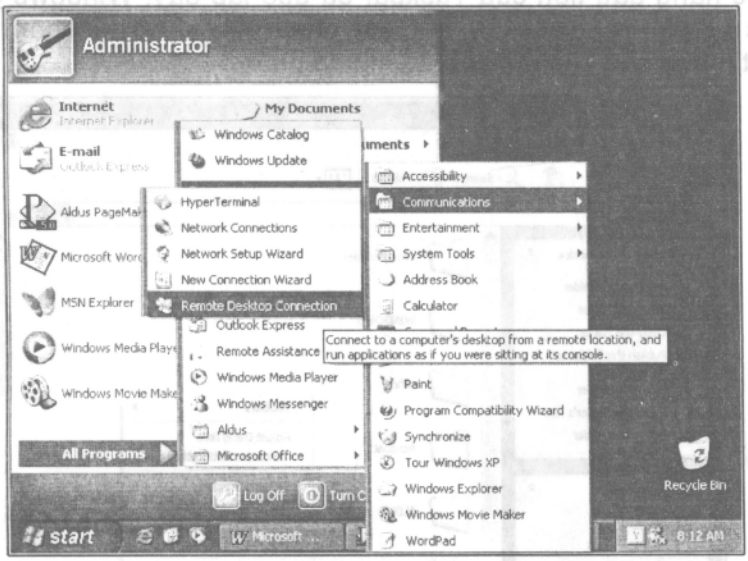

Sử dụng thanh tác vụ để truy cập vào cửa sổ

Thanh tác vụ (Taskbar) cho phép bạn truy cập nhanh chóng và quản lý các cửa sổ mà bạn mở.

Thanh tác vụ hiển thị một nút cho mỗi một cửa sổ mở hoặc một nhóm các cửa sổ. Cửa sổ mà bạn đang làm việc được gọi là cửa sổ hoạt động (active window). Nút Taskbar dành cho cửa sổ hoạt động hoặc nhóm cửa sổ thường được bật sáng. Ví dụ, trong Windows XP theme, nút dành cho cửa sổ hoạt động hoặc nhóm cửa sổ sẽ xuất hiện theo một màu xanh sẫm. Trong Classic theme, nút xuất hiện sáng hơn và được nhấn chìm.

1. Nhấp nút Taskbar một lần để hiển thị cửa sổ. Nhấp nút này một lần nữa để thu nhỏ cửa sổ về nút Taskbar của nó.

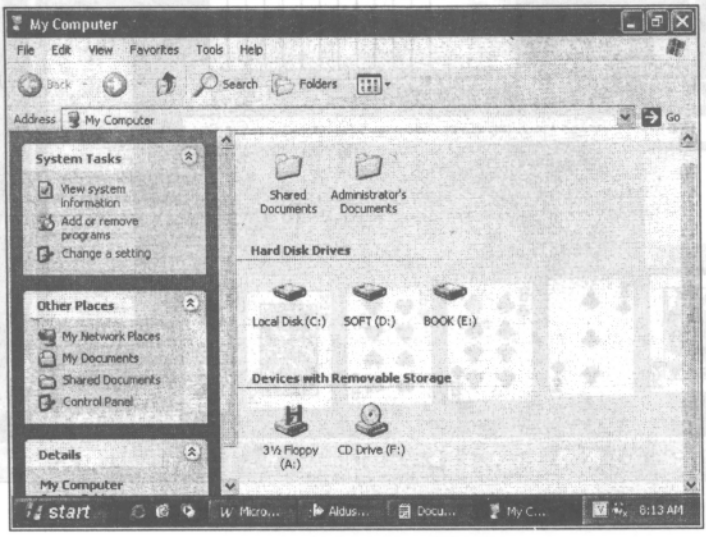

2. Lúc hàng đầu tiên của Taskbar đã đượ lấp đầy, Windows gom nhóm các nút dành cho các cửa sổ giống nhau. Hãy nhấp nút nhóm để hiển thị một menu của các nút cửa sổ mà nó chứa.

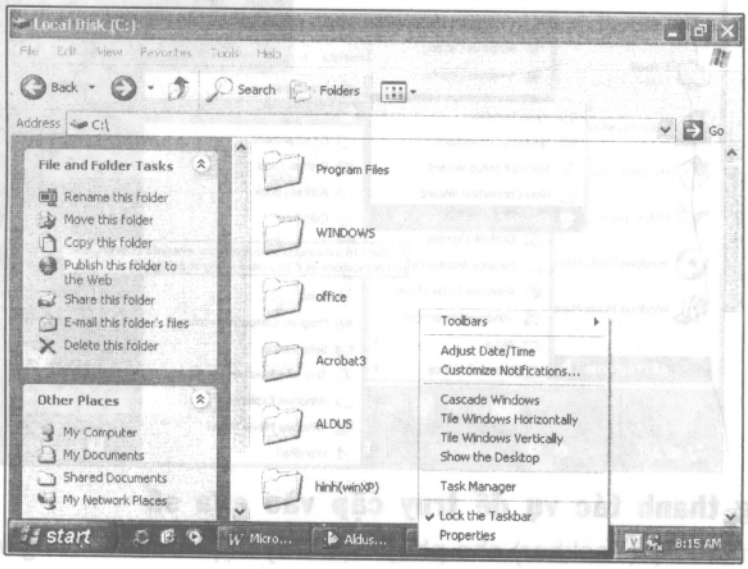

3. Lúc các nút dành cho các cửa sổ mở và các nhóm không vừa phù hợp trên một hàng, Taskbar hiển thị các nút cuộn để truy cập vào các hàng kế tiếp.

Hãy nhấp các nút cuộn để cuộn lên hoặc cuộn xuống một hàng các nút.

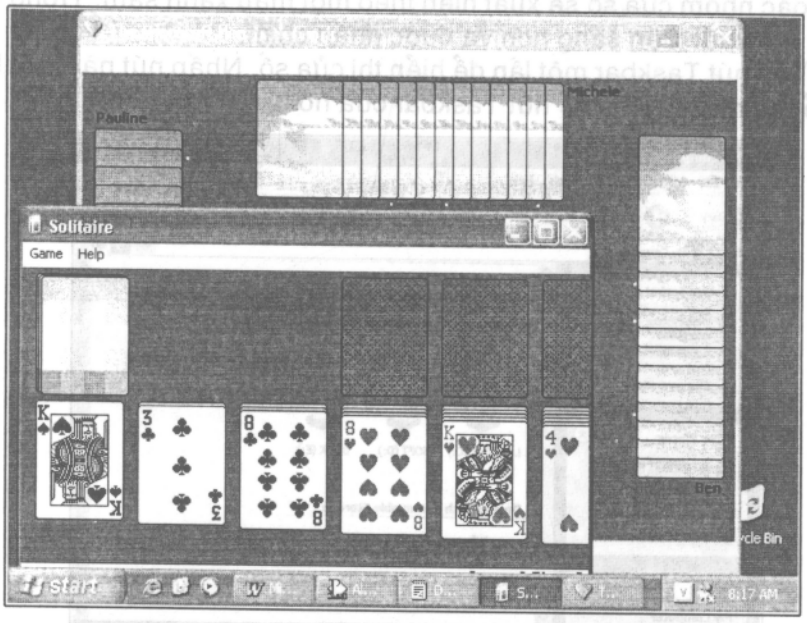

Định lại kích thước, di chuyển, và đóng cửa sổ

Mỗi một chương trình có thể hiển thị một hoặc nhiều cửa sổ - tức là những hình chữ nhật (hoặc những hình có dạng tương tự hình chữ nhật) có chứa thông tin. Nhiều chương trình sử dụng nhiều cửa sổ. Ví dụ, Word for Windows thì sử dụng một cửa sổ riêng biệt cho mỗi một tài liệu mà bạn tạo hoặc mở.

Để hiển thị các chương trình mà bạn cần làm việc, hãy định lại kích thước và di chuyển cửa sổ xung quanh màn hình. hầu hết các cửa sổ đều có thể xuất hiện theo ba trạng thái:

- ❖ Phóng lớn tối đa: Cửa sổ được mở rộng và lấp đầy Desktop (một phần từ vùng Taskbar).
- ❖ Thu nhỏ tối thiểu: Cửa sổ được thu nhỏ về nút Taskbar của nó, để lại Desktop trống dùng cho các cửa sổ khác.
- ❖ Normal: Cửa sổ không được phóng lớn hoặc thu nhỏ tối thiểu, nhưng có một kích thước phù hợp nằm ở giữa.

1. Mở một hoặc nhiều cửa sổ chương trình. Để phóng lớn tối đa một cửa sổ, nhấp nút Maximize. Windows phóng lớn tối đa cửa sổ và thay thế nút Maximize của nó bằng nút Restore Down.

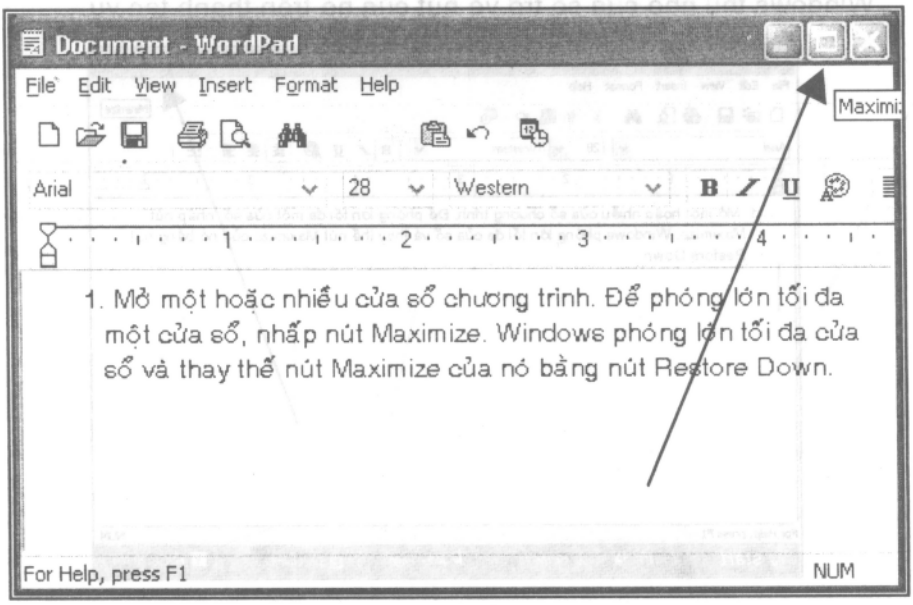

2. Để phục hồi một cửa sổ đã được phóng lớn tối đa trở về với trạng thái bình thường, hãy nhấp nút Restore Down.
   Windows phục hồi cửa sổ trở về với kích thước trước đây của nó và thay thế nút Restore Down của nó với nút Maximize.

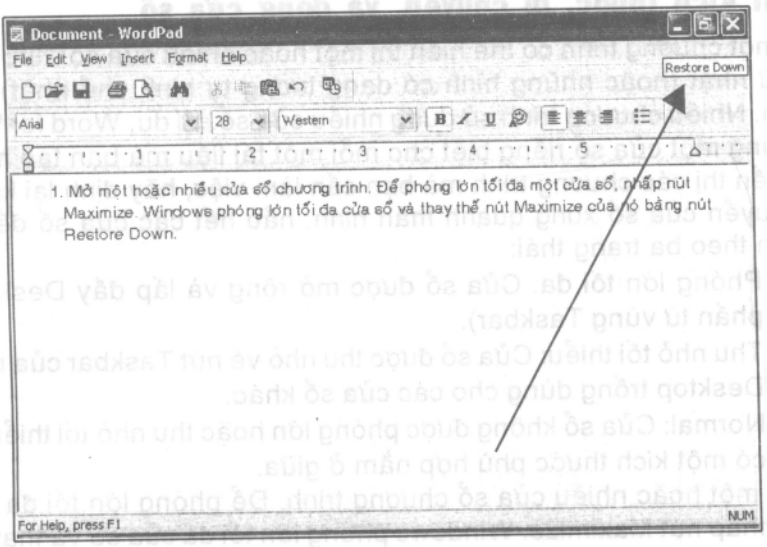

3. Để thu nhỏ tối thiểu một cửa sổ, hãy nhấp nút Minimize.
Windows thu nhỏ cửa sổ trở về nút của nó trên thanh tác vụ.

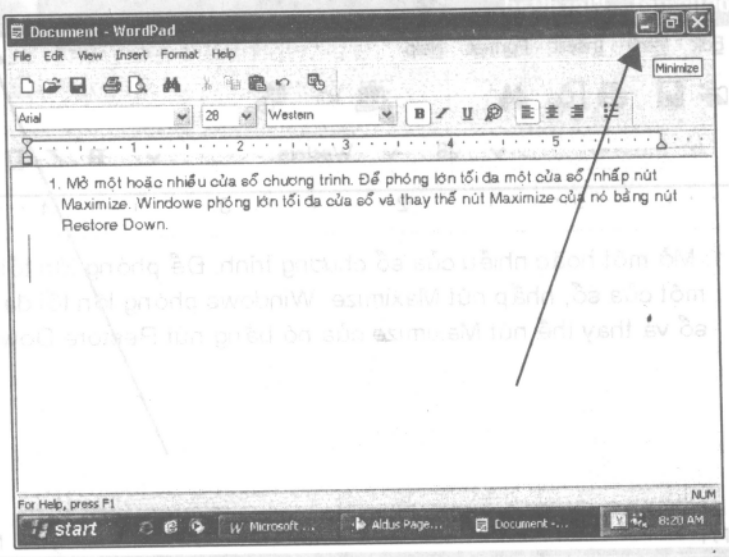

Định lại kích thước, di chuyển, và đóng cửa sổ (tiếp theo)

4. Để phục hồi một cửa sổ đã được thu nhỏ tối thiểu, hãy nhấp lên nút Taskbar của nó.
Windows phục hồi cửa sổ trở về với trạng thái trước đây, tức là trạng thái được phóng lớn tối đa hoặc trạng thái bình thường.

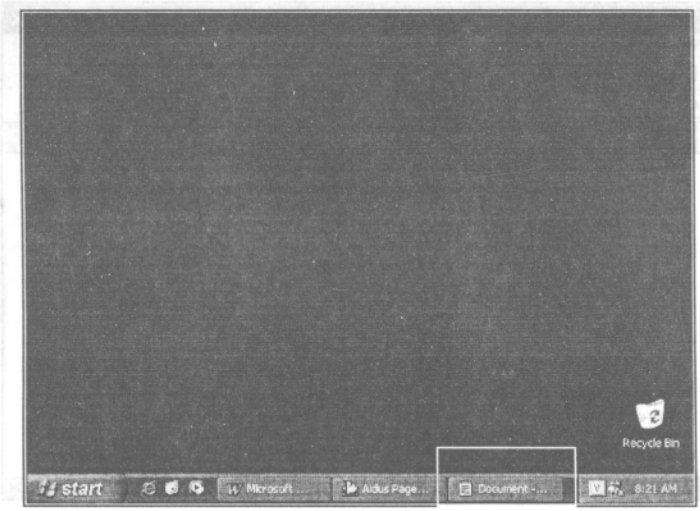

5. Để định lại kích thước một cửa sổ, hãy di chuyển con trỏ chuột lên trên một cạnh hoặc một góc của cửa sổ để cho con trỏ chuyển sang một mũi tên có hai đầu.
   Nhấp và rê cạnh của cửa sổ hoặc góc cửa sổ đến kích thước mà bạn muốn.

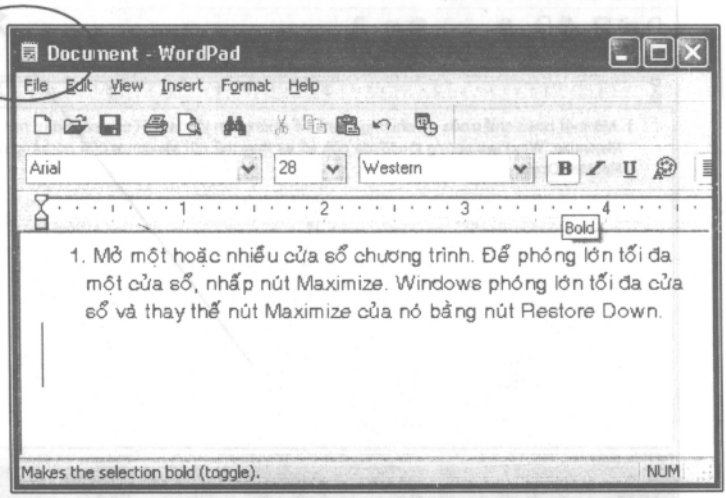

6. Để di chuyển một cửa sổ, hãy nhấp thanh tiêu đề và rê cửa sổ đến vị trí mới của nó.

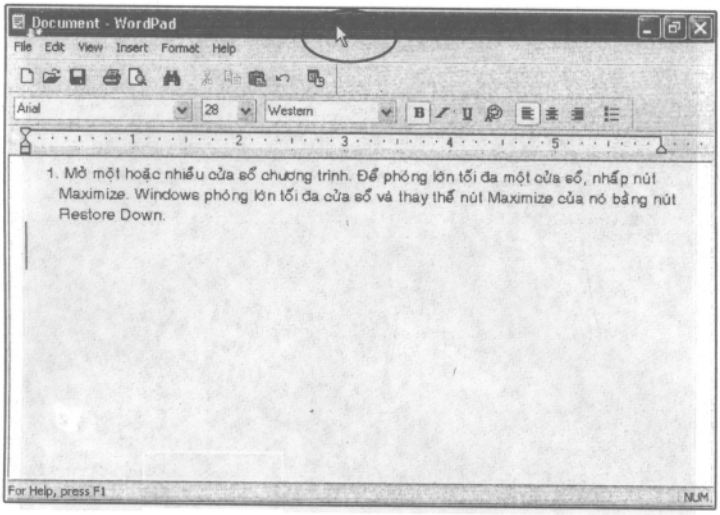

7. Để đóng cửa sổ, hãy nhấp nút Close. Windows đóng cửa sổ. Nếu Windows có chứa thông tin không được lưu, thì chương trình sẽ nhắc bạn phải lưu nó.

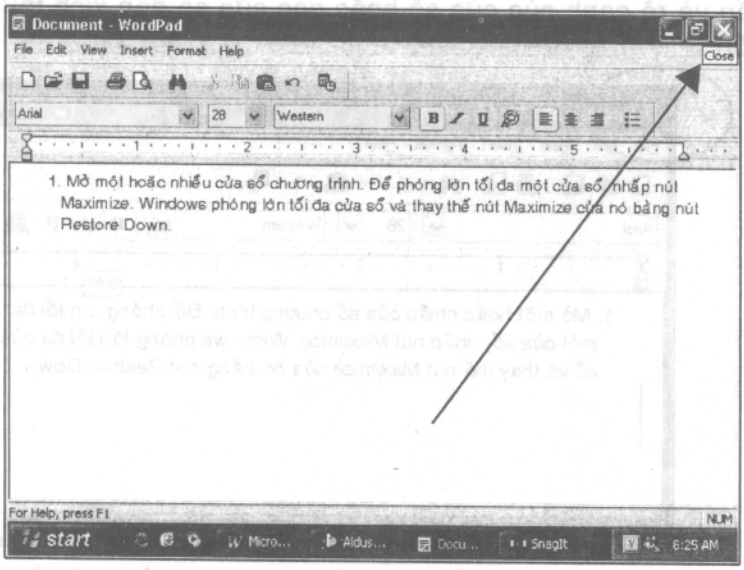

Sắp xếp các cửa sổ bằng cách sử dụng thanh tác vụ

Windows cung cấp cho bạn các lệnh đã được tự động hóa để sắp xếp các cửa sổ một cách dễ dàng.

- Cascade Windows: Hiển thị các cửa sổ không được thu nhỏ tối thiểu để chúng chồng lấp lên nhau sao cho bạn có thể xem thấy thanh tiêu đề của mỗi một cửa sổ.
- Undo Cascade: Phục hồi các cửa sổ trở về vị trí chúng đã có trước khi được xếp chồng lên nhau, .
- Tile Windows Horizontally: Thực thi một sơ đồ xếp ngói theo hướng

nằm ngang cho tất cả các cửa sổ không được thu nhỏ tối thiểu.

- ❖ Tile Windows Vertically: Thực thi một sơ đồ theo hướng xếp ngói thẳng đứng dùng cho tất cả các cửa sổ không được thu nhỏ tối thiểu.
- ❖ Undo Tile: Phục hồi cửa sổ trở về với các vị trí mà chúng đã có trước khi đã xếp ngói.
- ❖ Show the Desktop: Hiển thị Desktop bằng cách thu nhỏ tối thiểu tất cả các cửa sổ vốn chưa được thu nhỏ tối thiểu.
- ❖ Show Open Windows: Phục hồi các cửa sổ đến các vị trí mà chúng đã có trước khi được thu nhỏ tối thiểu thông qua lệnh Show the Desktop.

1. Nhấp phải vùng khai báo (notification area) hoặc không gian mở trên Taskbar. Windows hiển thị menu tắt.
   Chọn lệnh phù hợp dành cho hành động mà bạn muốn thực hiện.



2. Cấp phát lệnh Show the Desktop để thu nhỏ tối thiểu tất cả cửa sổ . Để phục hồi các cửa sổ trở về với vị trí trước đây của nó , hãy cấp phát lệnh Show Open Windows.

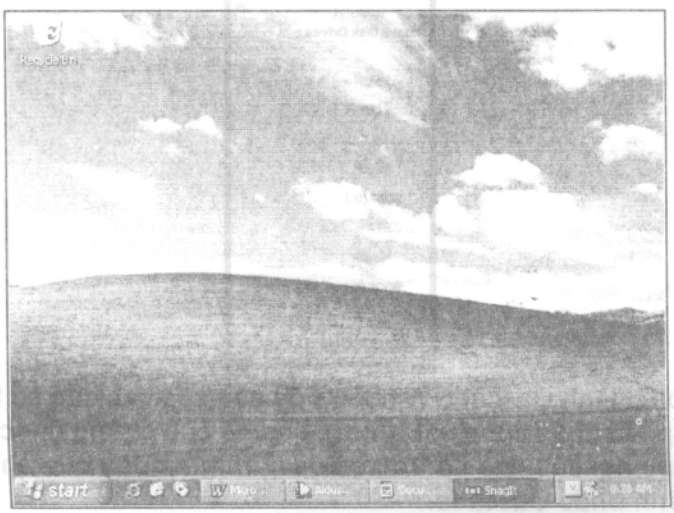

3. Cấp phát lệnh Tile Windows Horizontally để ếp ngói các cửa sổ theo mẫu nằm ngang.
Để phục hồi các cửa sổ trở về với vị trí trước đây của nó , hãy cấp phát lệnh Undo Tile.

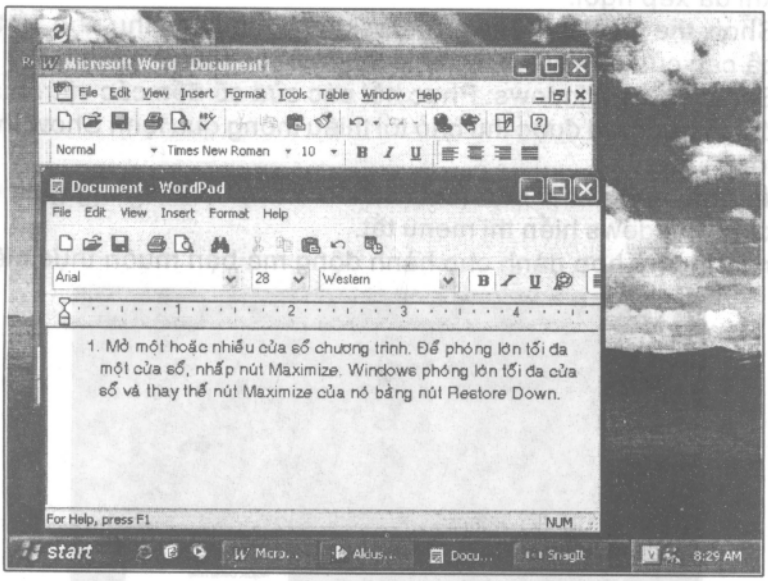

4. Cấp phát lệnh Tile Windows Vertically để xếp ngói các cửa sổ theo mẫu thẳng đứng.
Để phục hồi các cửa sổ trở về với vị trí trước đây của nó, hãy cấp phát lệnh Undo Tile.



5. Cấp phát lệnh Cascade Windows để sắp xếp các cửa sổ theo một mẫu phủ lấp lên nhau cùng với với các tiêu đề của chúng được hiển thị.
Để phục hồi các cửa sổ trở về với vị trí trước đây của chúng, hãy cấp phát lệnh Undo Cascade.

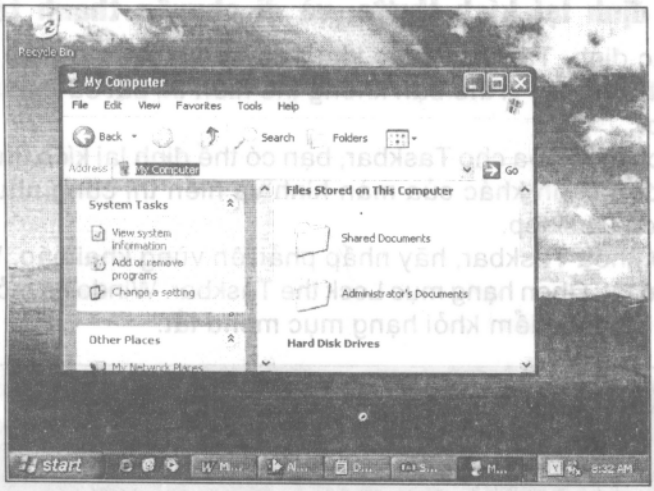

6. Để phóng lớn tối đa một cửa sổ , hãy nhấp phải lên nút Taskbar của nó rồi chọn Maxizime từ menu tắt.

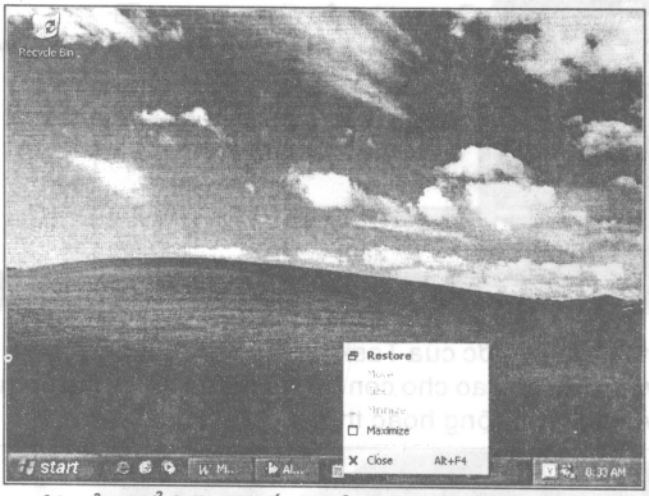

7. Để đóng một cửa sổ hãy nhấp phải lên nút Taskbar và chọn Close từ menu tắt.

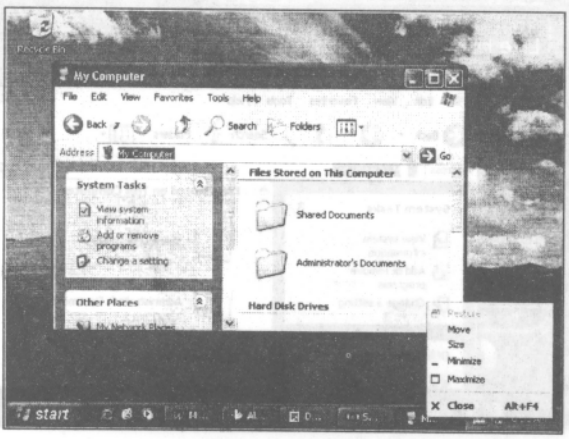

Mở khóa, định lại kích thước, và di chuyển thanh tác vụ

Theo mặc định, Taskbar được khóa để nó không thể định lại kích thước hoặc được di chuyển, vì thế bạn không thể hiển thị bất cứ thanh công cụ nào của Desktop.

Bằng cách mở khóa cho Taskbar, bạn có thể định lại kích thước của nó , di chuyển nó đến cạnh khác của màn hình và hiển thị cũng như sử dụng các thanh công cụ Desktop.

1. Để mở khóa Taskbar, hãy nhấp phải lên vùng khai báo. Windows hiển thị menu tắt. Chọn hạng mục Lock the Taskbar. Windows mở khóa Taskbar và xóa bỏ dấu kiểm khỏi hạng mục menu tắt.

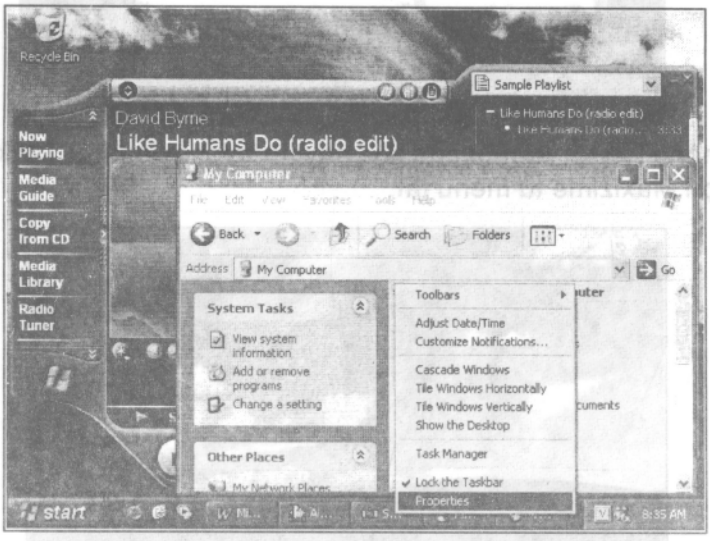

2. Để định lại kích thước của Taskbar, hãy di chuyển con trỏ chuột lên trên đường viền của nó sao cho con trỏ trở thành một mũi tên hai đầu. Hãy rê đường viền để mở rộng hoặc thu nhỏ Taskbar.

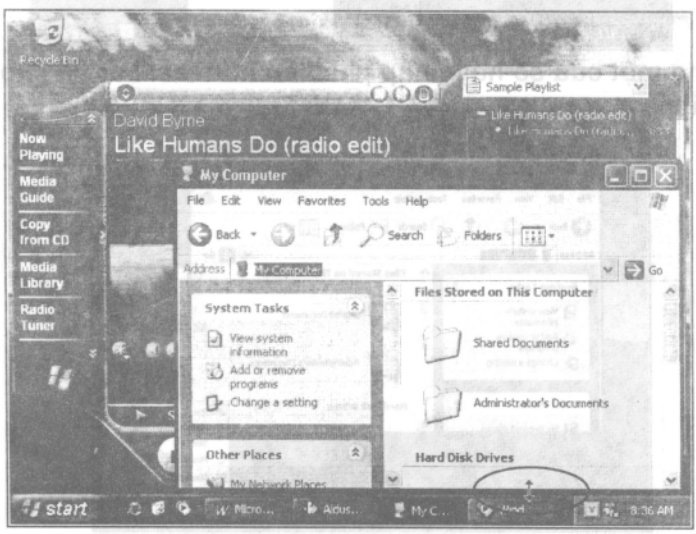

3. Để di chuyển Taskbar đến một cạnh khác của màn hình, hãy nhấp lên vùng mở trên nó (open space), rồi rê nó trở về cạnh mà bạn muốn. Windows di chuyển Taskbar. Để khóa Taskbar tại kích thước mới hoặc vị trí mới của chúng, hãy nhấp phải lên vùng khai báo rồi chọn Lock the Taskbar.

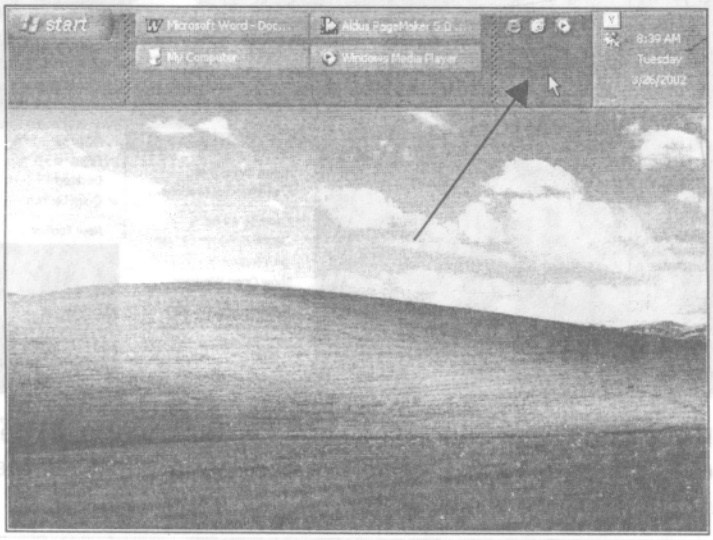

Hiển thị và sử dụng các thanh công cụ Desktop

Để nhanh chóng truy cập vào các chương trình và các tính năng, Windows cung cấp cho bạn bốn thanh công cụ Desktop: thanh công cụ Quick Launch, thanh công cụ Desktop, thanh công cụ Address, và thanh công cụ Links.

Bạn có thể hiển thị bất cứ thanh công cụ nào hoặc tất cả các thanh công cụ ở đây. Hầu hết người ta đều thấy rằng thanh công cụ Quick Launch và thanh công cụ Desktop dễ sử dụng hơn là thanh công cụ Address hoặc thanh công cụ Links.

Lúc bạn hiển thị một thanh công cụ Desktop, bạn có thể định lại kích thước hoặc định lại vị trí của nó bằng cách rê tay núm bằng nét chấm nằm tại phần cuối bên trái hoặc phần cuối bên trên. (Trước tiên phải mở khóa cho Taskbar.)

1. Nhấp phải lên vùng khai báo. Windows hiển thị menu tắt.
   Hãy chọn hạng mục Toolbar. Windows hiển thị menu con.
   Hãy chọn thanh công cụ. Windows hiển thị thanh công cụ.

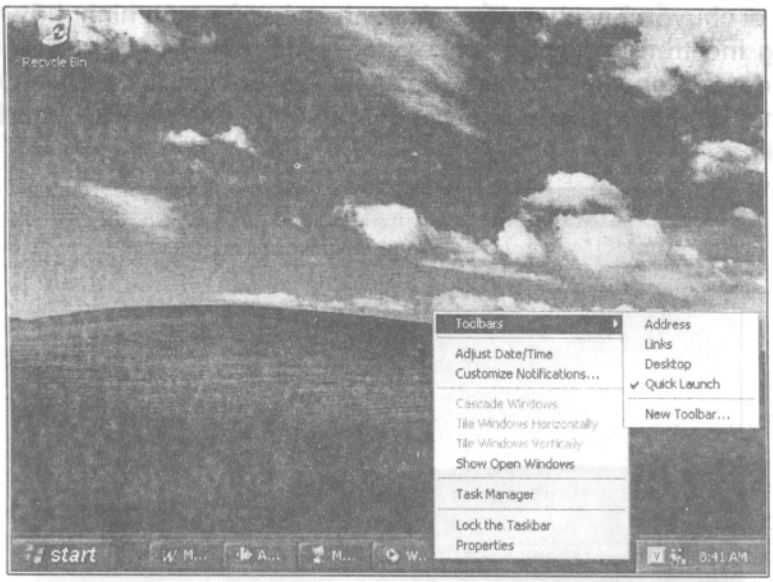

2. Thanh công cụ Quick Launch có chứa các biểu tượng tắt để khởi động Internet Explorer, biểu thị Desktop và khởi động Windows Media Player (từ trái sang phải).

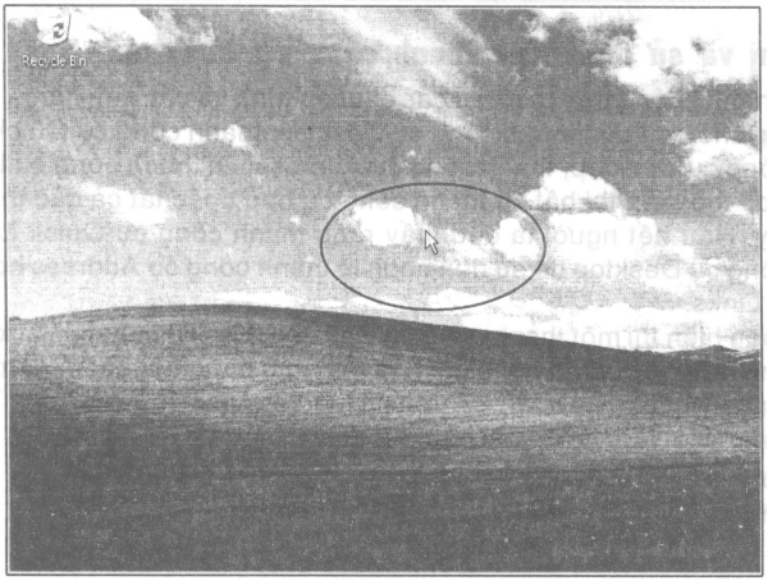

3. Thanh công cũ Desktop có chứa các biểu tượng tắt dành cho các hạng mục trên Desktop, dành cho các hạng mục chính trên menu Start và dành cho Internet Explorer.
Thanh công cụ này thường hữu ích với tiêu đề của nó và nút >> được hiển thị.

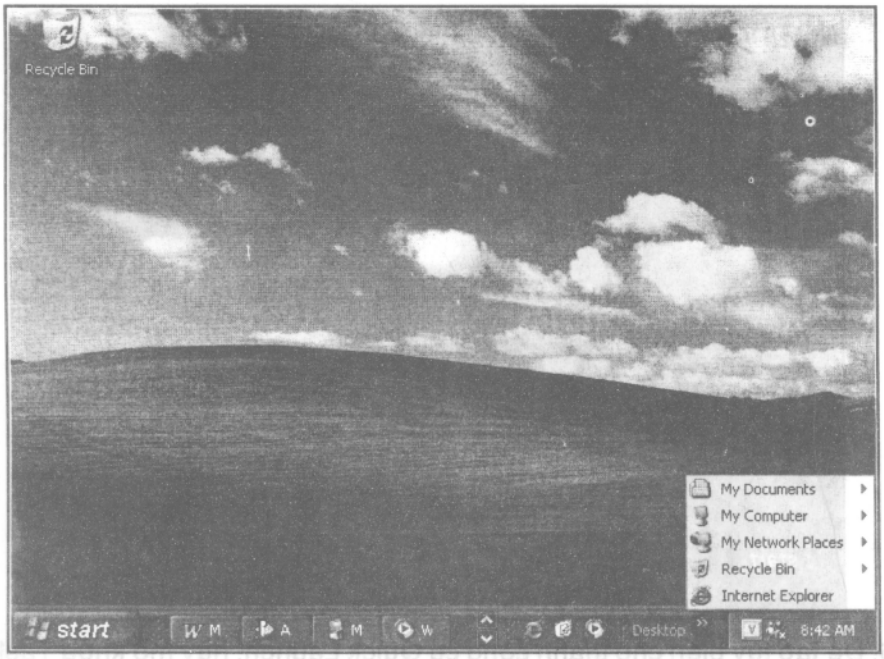

4. Thanh công cụ Address có chứa một hộp địa chỉ và một nút Go. Nhập vào một URL hoặc một vị trí mạng rồi nhấp nút Go để mở một cửa sổ Internet Explorer dành cho site hoặc folder đó.

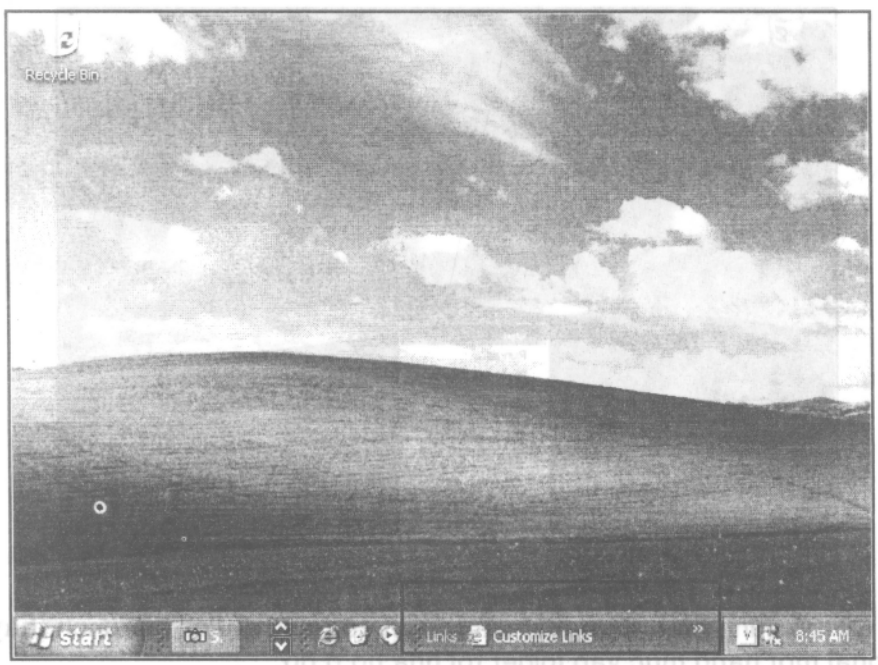

5. Thanh công cụ Links hiển thị các liên kết từ Internet Explorer. (Bạn có thể tạo tùy biến cho các liên kết này trong Internet Explorer.) Nhấp một liên kết để hiển thị nó trong Internet Explorer.

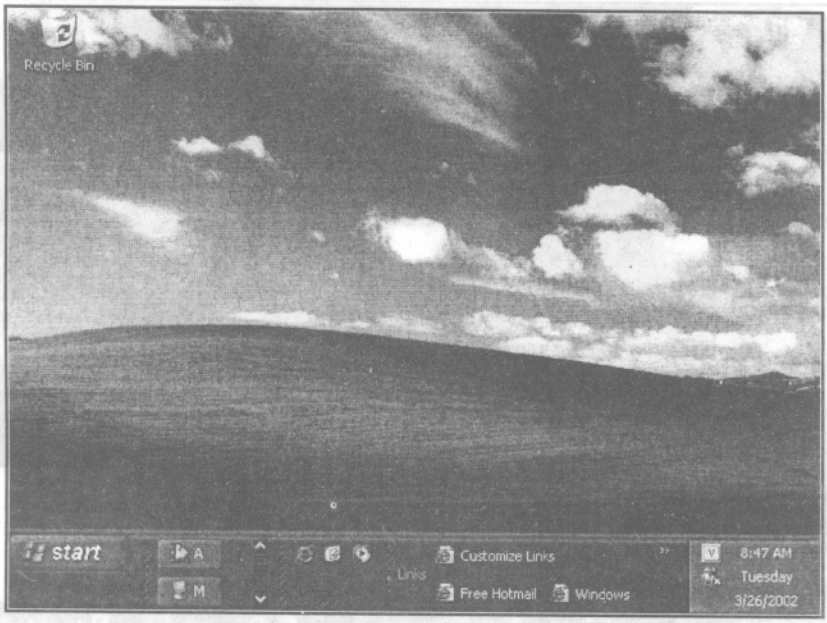

6. Để tạo tùy biến cho thanh công cụ Quick Launch, hãy mở khóa Taskbar, nhấp phải núm của thanh công cụ Launch và chọn Open Folder từ menu tắt.
Windows hiển thị folder Quick Launch.



7. Để bổ sung biểu tượng tắt vào thanh công cụ Quick Laaunch, hãy rê phải một hạng mục vào folder rồi nhả nó ở đó.
Windows hiển thị menu tắt.
Hãy chọn Create Shortcuts Here. Windows tạo ra một biểu tượng tắt dành cho hạng mục.

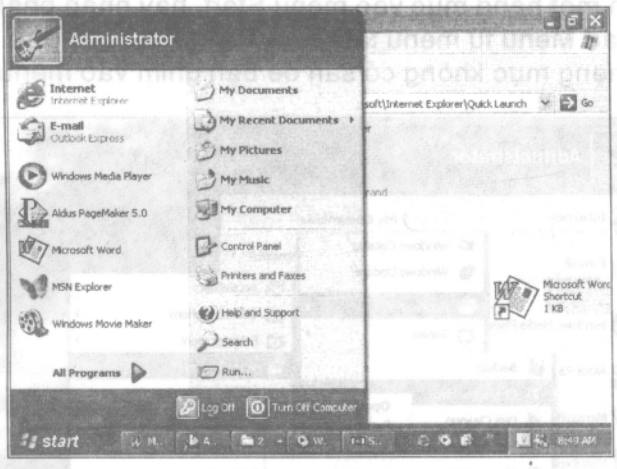

Tạo tùy biến cho menu Start

Bạn có thể tạo tùy biến cho menu Start để nó có chứa các hạng mục mà bạn cần . Bởi vì menu Start là một phần trọng yếu của Windows XP, cho nên bạn có thể tiết kiệm thời gian và làm cho máy tính hoạt động dễ dàng bằng cách tạo tùy biến cho nó. Ngoài ra, mỗi một người dùng có một tài khoản user riêng biệt có thể tạo tùy biến cho menu Start mà không ảnh hưởng đến những người dùng khác.

Cách dễ dàng nhất để tạo tùy biến cho menu Start đó là đính một hạng mục vào cho nó, neo hạng mục đó ở một vị trí vĩnh viễn, hoặc đến khi bạn chọn để nhổ neo cho nó. Bạn có thể dễ dàng xóa bỏ một hạng mục khỏi vùng các chương trình vừa mới được dùng trên menu Start. Chỉ cần một ít cố gắng, bạn có thể tạo tùy biến cho menu Start một cách hiệu quả.

1. Nhấp nút Start. Windows hiển thị menu Start.

   Để xóa bỏ một hạng mục khỏi vùng chương trình vừa mới được dùng, hãy nhấp phải lên nó rồi chọn Remove từ menu This List from the shortcut.

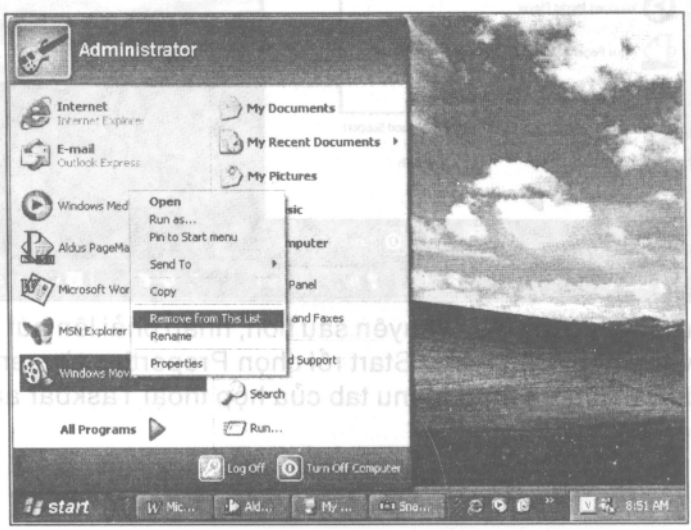

2. Để ghim một hạng mục vào menu Start, hãy nhấp phải lên nó và chọn Pin to Start Menu từ menu tắt.
Một vài hạng mục không có sẵn để bạn ghim vào menu Start.

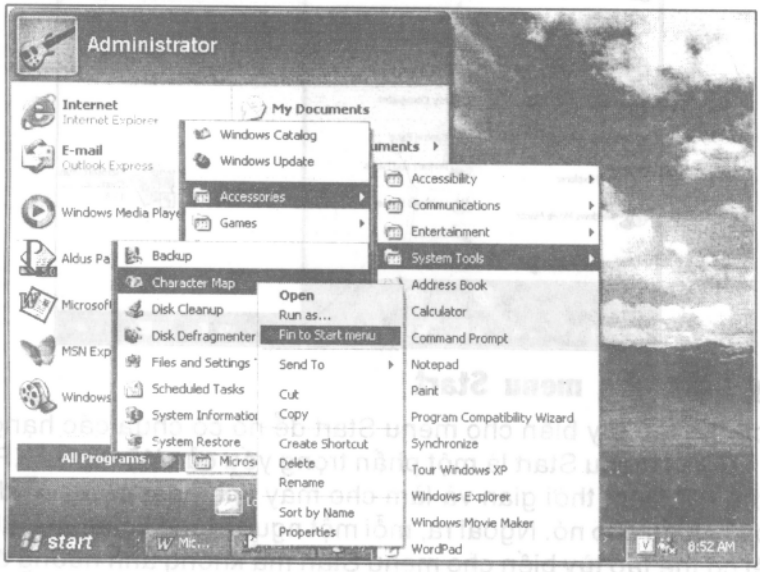

3. Để xóa bỏ một hạng mục đã được ghim, hãy mở ghim cho nó bằng cách nhấp phải lên nó rồi chọn Unpin from Start Menu từ menu tắt.

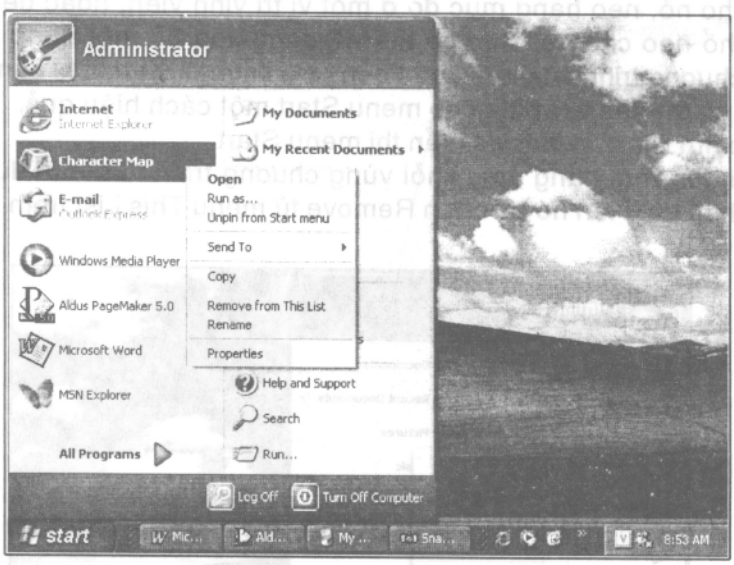

4. Tính năng tạo tùy biến chuyên sâu hơn, nhấp phải lên nút Start hoặc mở một vùng nằm trên menu Start rồi chọn Properties từ menu tắt.
Windows hiển thị Start Menu tab của hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties.

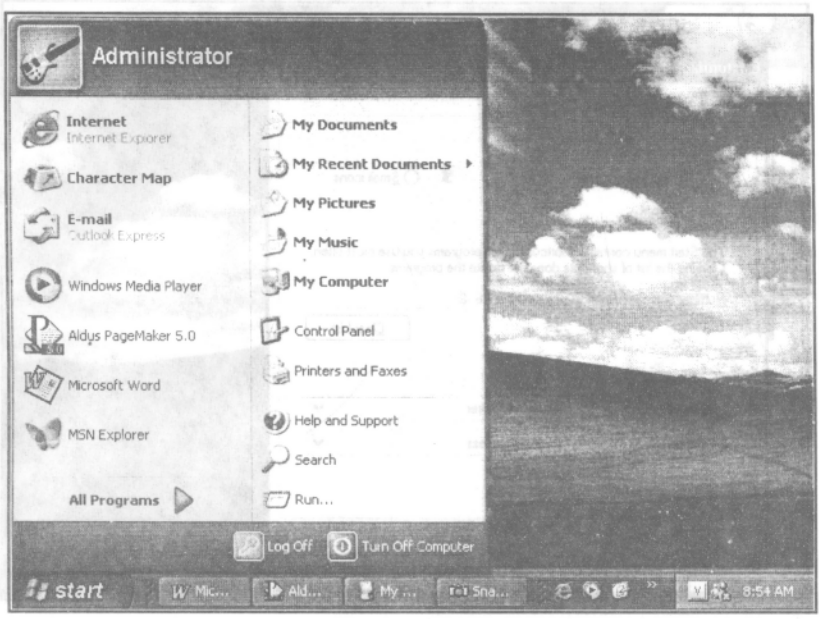

5. Nhấp nút the upper Customize.
Windows hiển thị nhãn General tab của hộp thoại Customize Start menu.

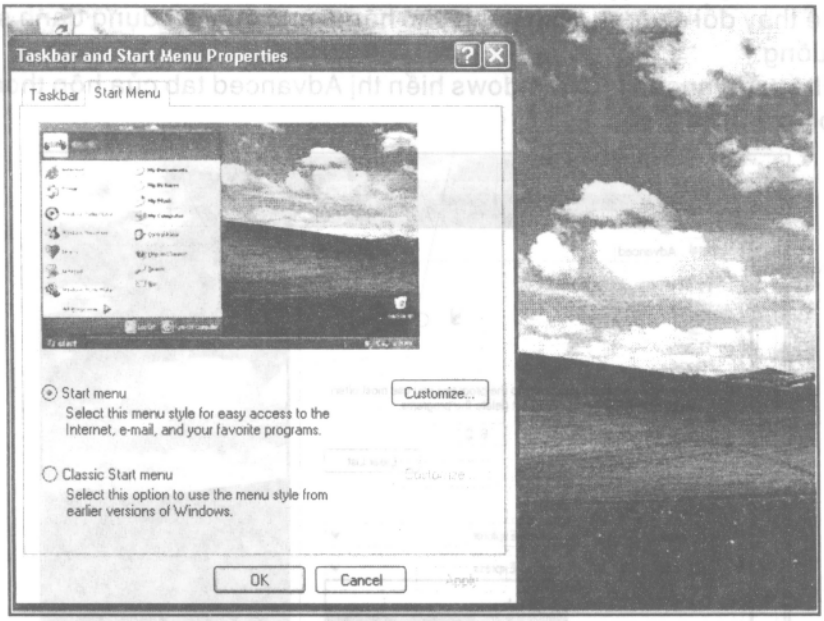

6. Chọn một kích thước biểu thị cho chương trình.
Chỉ định số các chương trình để hiển thị trên menu Start (hoặc xóa danh sách).

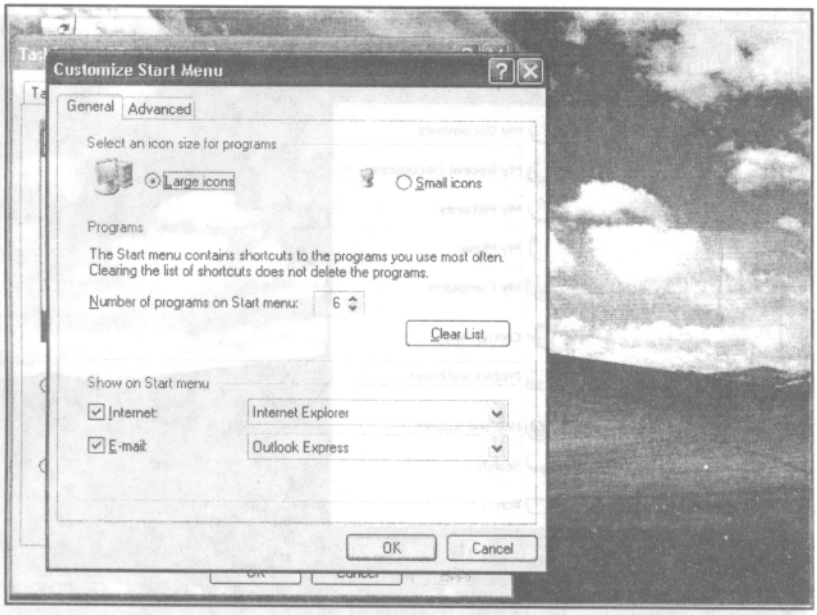

7. Để xóa bỏ một hạng mục Internet hoặc một hạng mục E-mail khỏi menu Start, hãy xóa hộp kiểm của nó.
   Để thay đổi chương trình dành cho hạng mục, hãy sử dụng danh sách xổ xuống.
   Nhấp Advanced tab. Windows hiển thị Advanced tab của hộp thoại Customize Start Menu.

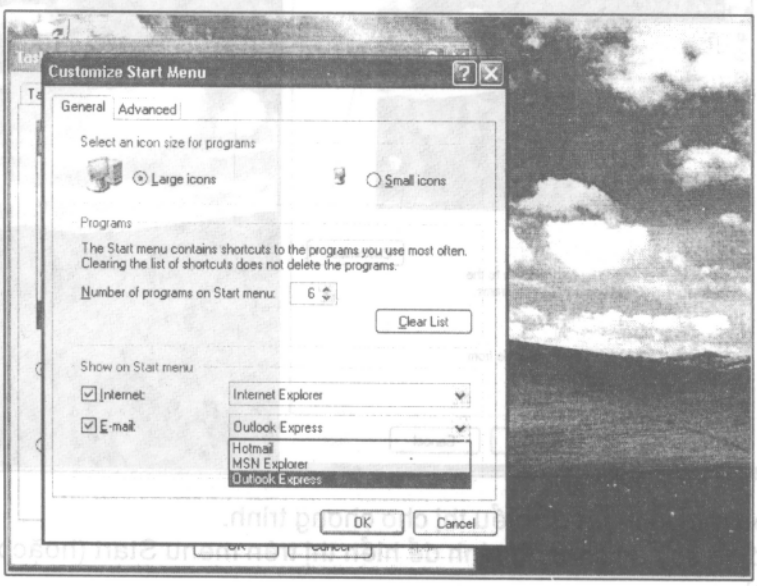

8. Chọn để quyết định xem bạn có thể các menu con hay không bằng cách bạn lượn chuột lên trên chúng (thay vì có chúng) và bạn có thể hiển thị một chế độ chiếu sáng chương trình vừa mới cài đặt.

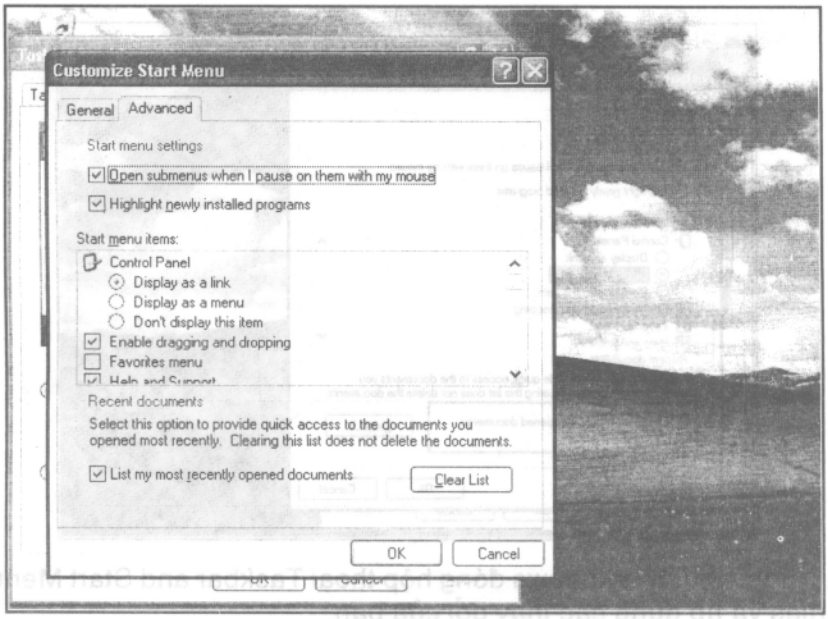

9. Chọn hạng mục nào phải hiển thị trên menu Start và tính năng nào phải hoạt động (ví dụ, rê và nhả).
   Đối với một vài hạng mục bạn có thể chọn giữa chế độ hiển thị hạng mục dưới dạng một liên kết (mặc định) dưới dạng một menu, hoặc không hiển thị nó gì cả.

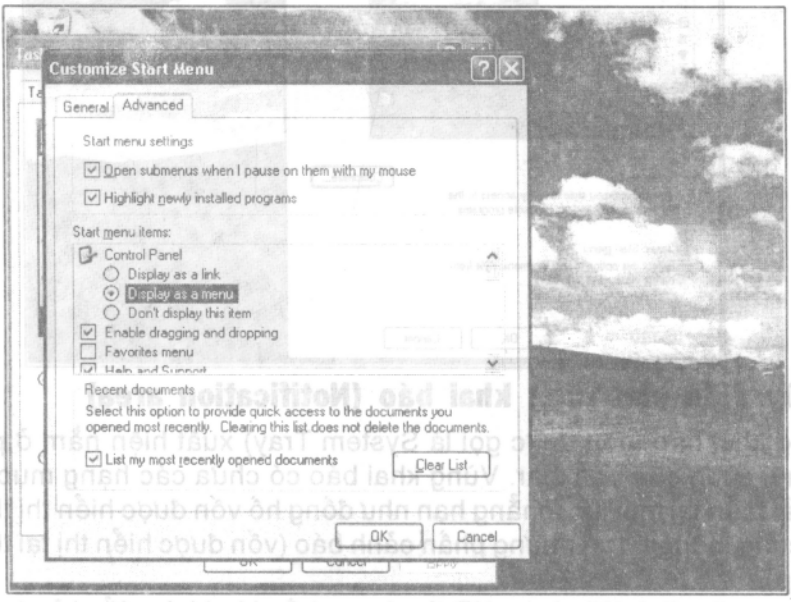

10. Chọn hộp kiểm List My Most Recently Opened Document nếu bạn muốn menu Start phải có chứa một menu của các tài liệu mới được dùng (như các phiên bản trước đây của Windows).
    Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Customize Start Menu.

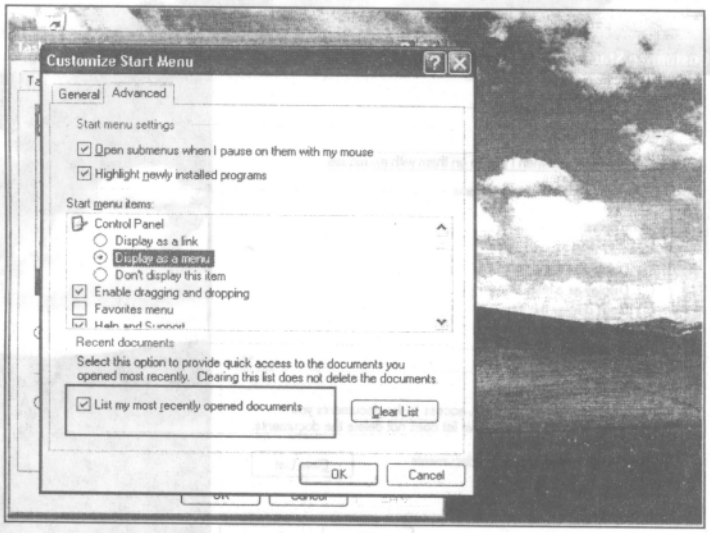

11. Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties và áp dụng các thay đổi của bạn.

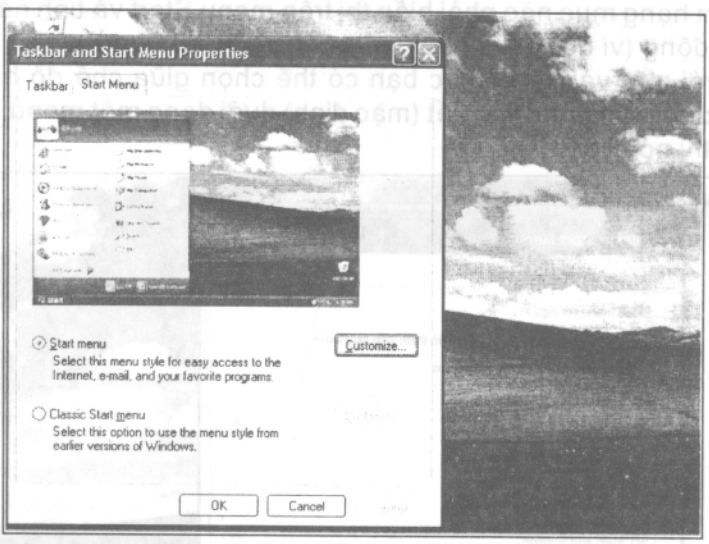

Tạo tùy biến cho vùng khai báo (Notification area)

Vùng khai báo (còn được gọi là System Tray) xuất hiện nằm ở phía bên phải cuối cùng của Taskbar. Vùng khai báo có chứa các hạng mục hữu ích cần phải hiển thị mọi lúc (chẳng hạn như đồng hồ vốn được hiển thị theo mặc định), cùng thông tin và những phần cảnh báo (vốn được hiển thị tại thời điểm phù hợp).

Theo mặc định Windows XP thu hẹp phần khai báo để chỉ có các biểu tượng mà bạn vừa mới dùng hiển thị. Để hiển thị các biểu tượng khác trên vùng khai báo, hãy nhấp nút < nằm ở bên trái ngoài cùng của vùng khai báo.

1. Nhấp phải vùng khai báo và chọn Customize Notifications từ menu tắt. Windows hiển thị hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties, ngay đằng

trước nó , hộp thoại Customize Notifications.

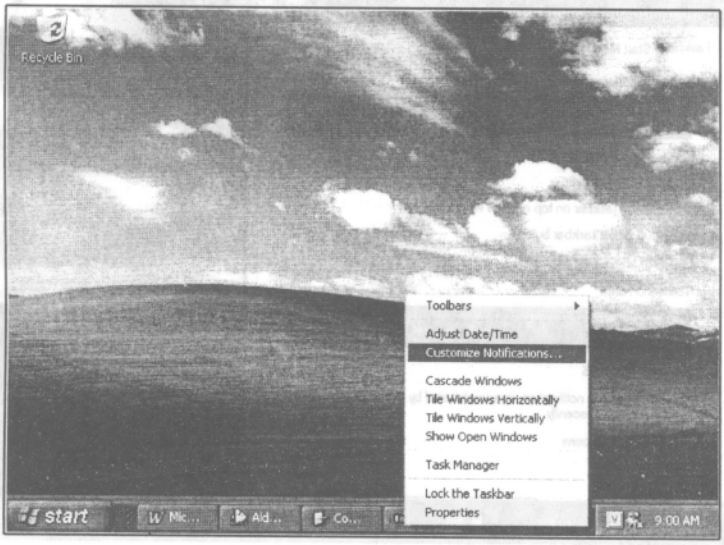

2. Sử dụng danh sách xổ xuống Behavior để chỉ định lúc nào phải hiển thị một hạng mục. Chọn Hide when Inactive, Always Hide, hay Always Show cho phù hợp.
   Nhấp nút Restore Default nếu bạn muốn cài đặt mặc định cho vùng khai báo.
   Nhấp nút OK, Windows đóng lại hộp thoại Customize Notifications.

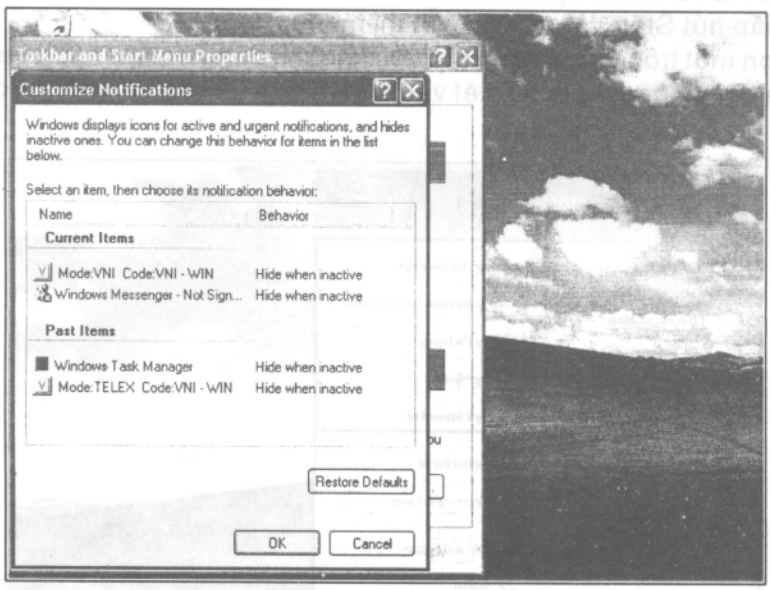

3. Chọn hoặc xóa hộp kiểm Clock. Nếu bạn không muốn Windows làm ẩn các biểu tượng không hoạt động, hãy xóa hộp kiểm Hide Inactive Icons. Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Taskbar and Start Menu Properties.

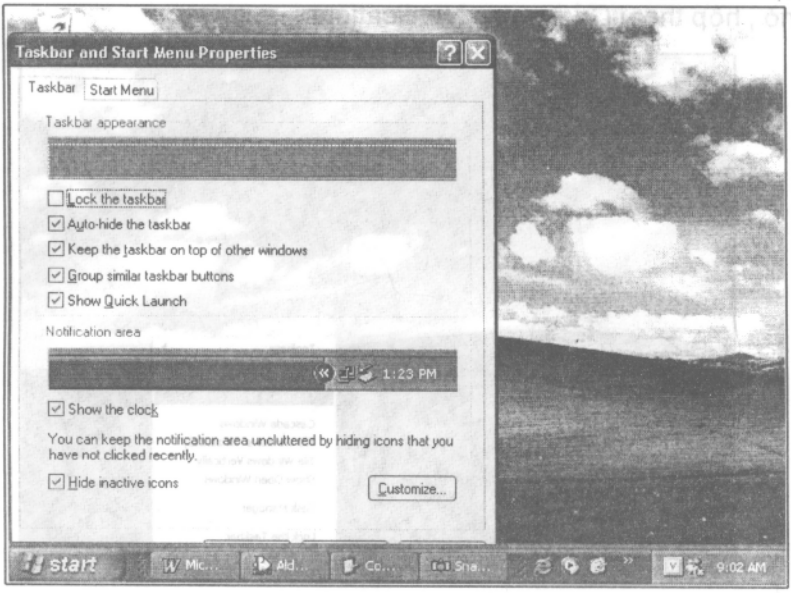

Di chuyển trong Explorer

Windows Explorer là một chương trìnhxem và xử lý nội dung của các ổ đĩa và các folder trên máy tính của bạn.

Bạn có thể sử dụng Explorer cho nhiều tác vụ đa dạng bao gồm việc tạo, xóa bỏ và đặt lại các file và folder; di chuyển và sao chép các file và folder; tìm kiếm các file và folder bị thất thoát.

1. Nhấp nút Start. Windows hiển thị menu Start.
   Chọn một trong năm liên kết được khoanh vòng tròn từ nó. Nếu máy tính của bạn không được nối kết vào một mạng, thì bạn sẽ không có một liên kết My Network Places.

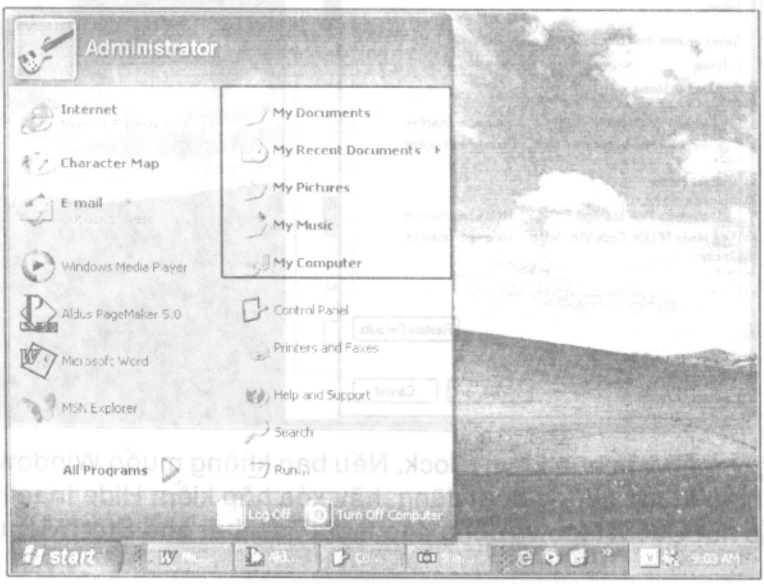

2. Liên kết My Document có hiển thị folder My Document, qua đó Windows tự động đưa các file mà bạn tạo không nằm trong lĩnh vực đồ họa, âm nhạc, hoặc hình ảnh. Folder này có chứa folder My Pictures, folder My Music, và folder My Video.

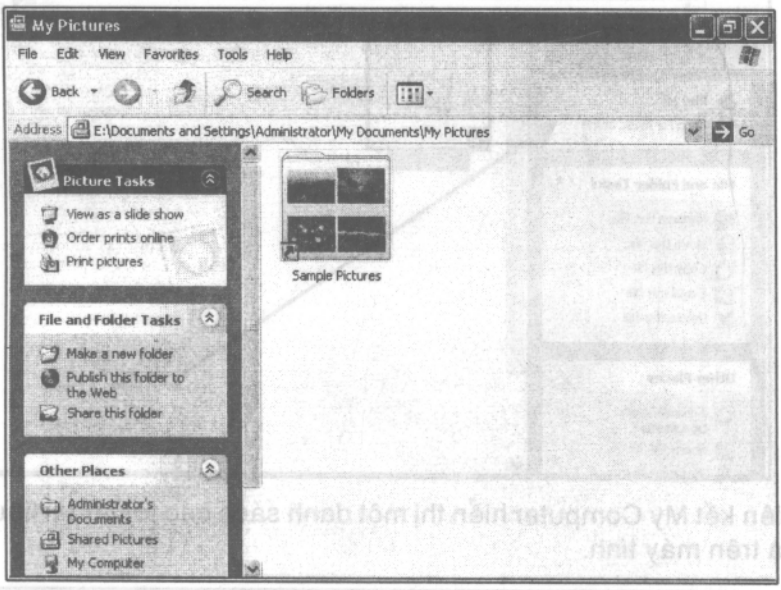

3. Liên kết My Pictures hiển thị folder My Pictures, qua đó Windows tự động đặt các file hình ảnh tạo và tải. Folder này có chứa các tính năng và các liên kết dùng để xử lý hình ảnh.

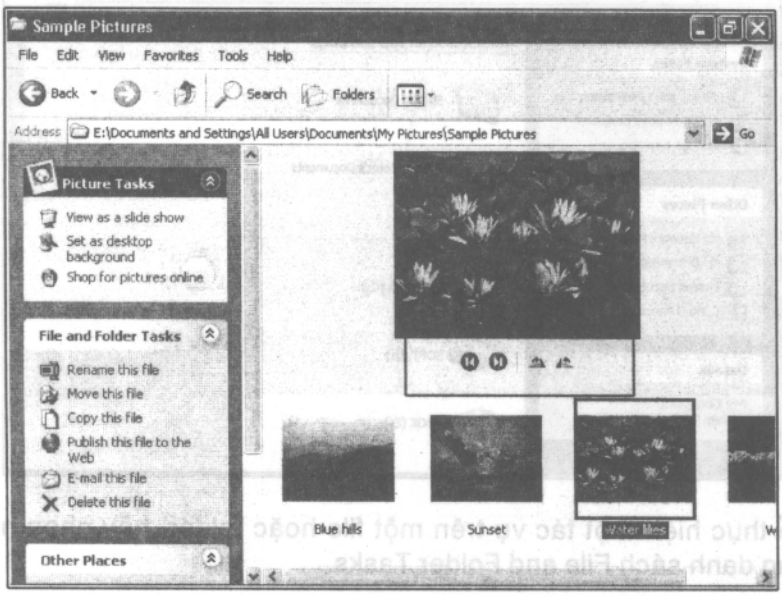

4. Liên kết My Music hiển thị folder My Music, để qua đó Windows tự động đưa các file âm nhạc bạn tạo và tải. Folder này có chứa các tính năng và các liên kết để làm việc với cac1 file âm nhạc.

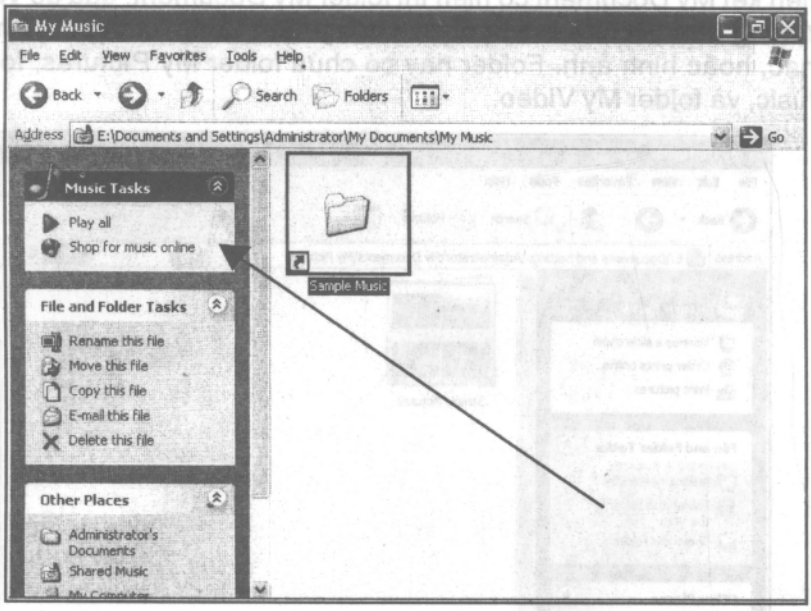

5. Liên kết My Computer hiển thị một danh sách các folder tài liệu và các ổ đĩa trên máy tính.

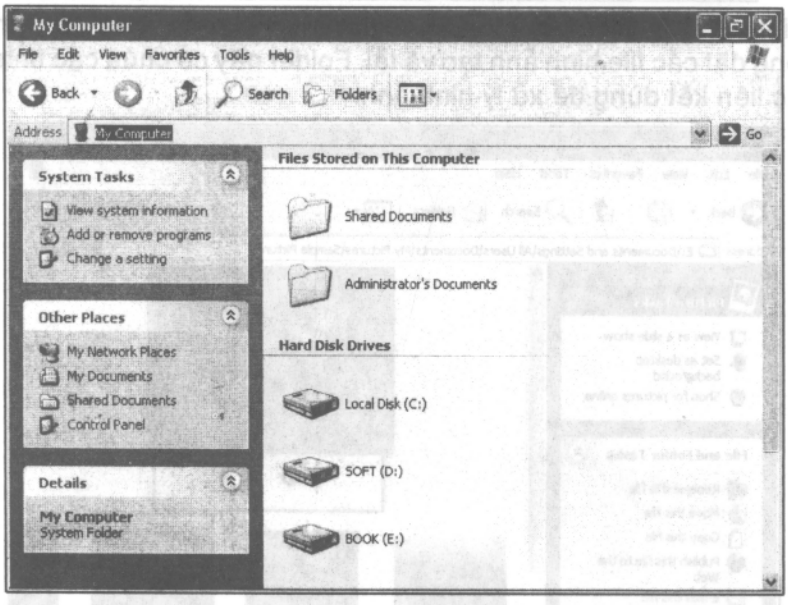

6. Để thực hiện một tác vụ trên một file hoặc folder, hãy chọn nó rồi sử dụng danh sách File and Folder Tasks.

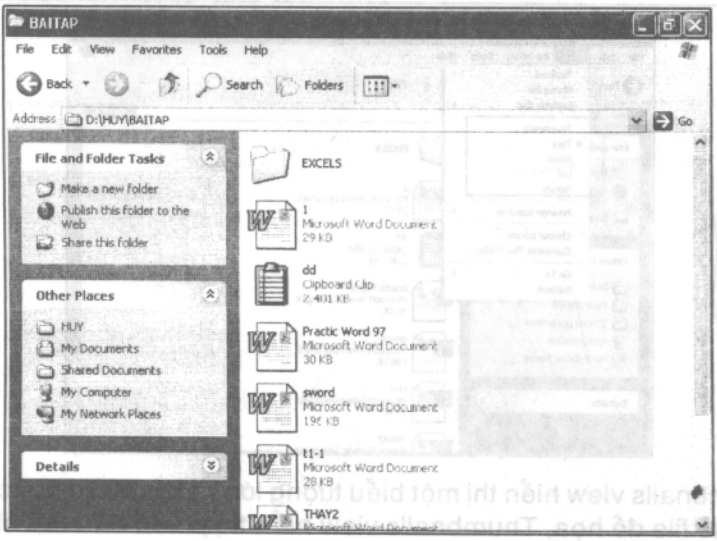

7. Để di chuyển sang các nơi khác và các folder khác được dùng thường xuyên, hãy sử dụng danh sách Other Places.
Để mở một folder hoặc file, hãy nhấp đúp lên nó.

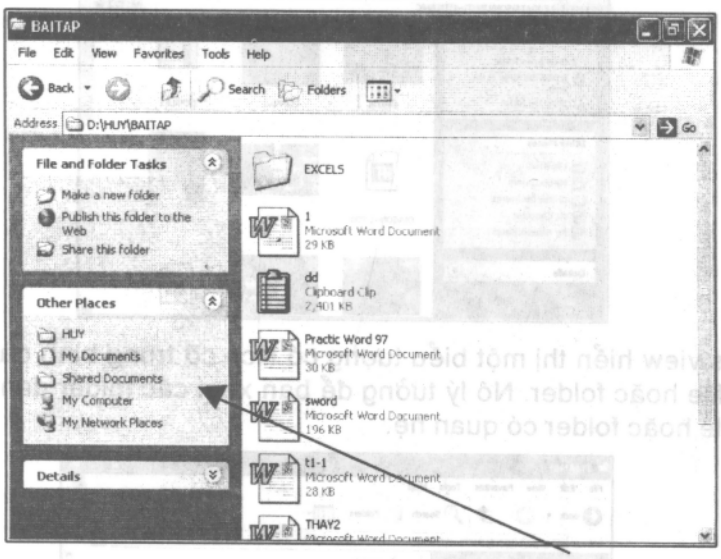

Sử dụng các view (khung xem) trong Explorer

Explorer cung cấp năm view để bạn xem nội dung của tất cả các file và folder cùng với khung xem chuyên biệt dành cho folder chứa các đồ họa. Các view khác nhau được thiết kế để giúp bạn dễ dàng làm việc với các kiểu nội dung folder khác nhau.

Một vài folder tùy biến cũng có các view của riêng chúng. Bạn có thể áp dụng các view này từ menu View.

1. Hiển thị menu View, rồi chọn một trong các view từ nó.

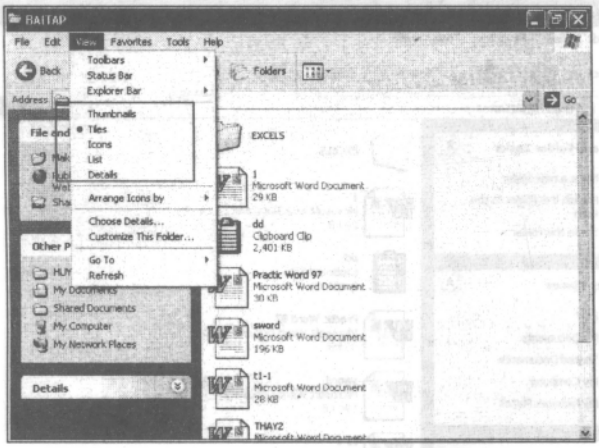

2. Thumbnails view hiển thị một biểu tượng lớn của một file hoặc folder. Đối với các file đồ họa, Thumbnails view hiển thị phiên bản thu nhỏ của mỗi một hình đồ họa.

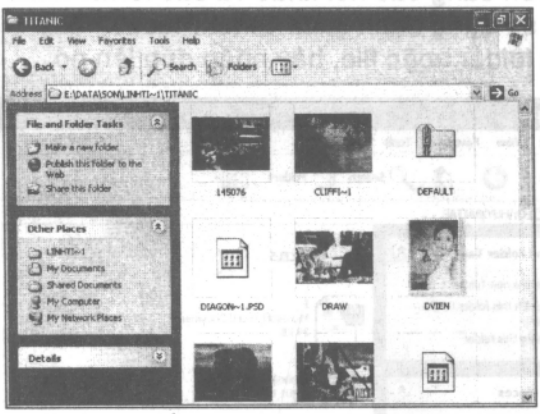

3. Tiles view hiển thị một biểu tượng có kích cỡ trung bình dành cho mỗi một file hoặc folder. Nó lý tưởng để bạn xem các folder đang chứa một vài file hoặc folder có quan hệ.



4. Icons view hiển thị một biểu tượng tương đối nhỏ dành cho một file hoặc folder. Nó lý tưởng giúp cho bạn xem các folder đang chứa một số các file hoặc folder trung bình.

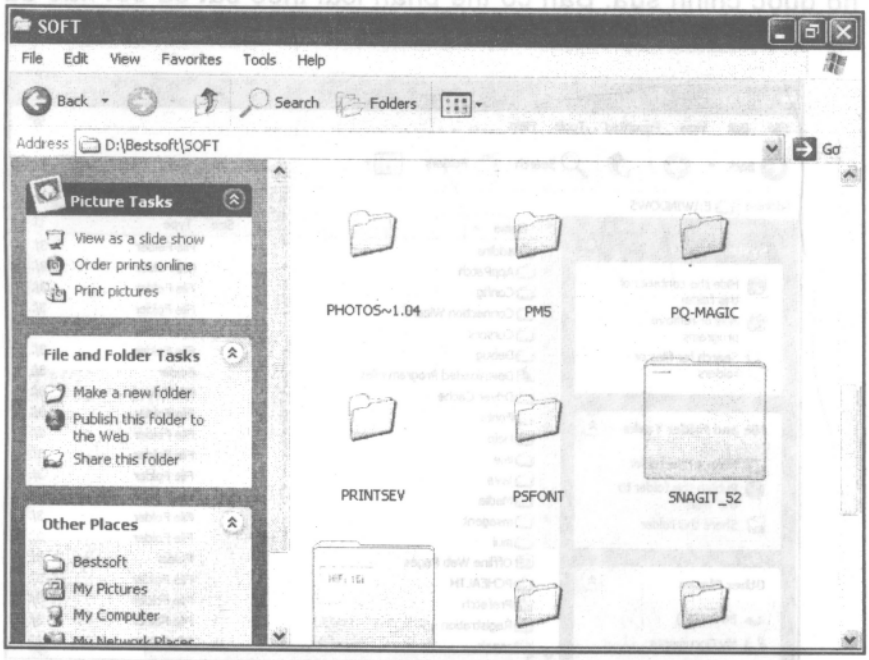

5. List view hiển thị một danh sách các folder và file, vốn chỉ biểu thị tên file hoặc tên folder và một biểu tượng nhỏ cho mỗi một biểu tượng đó. Nó lý tưởng để giúp bạn xem các folder có chứa số các file hoặc folder lớn.

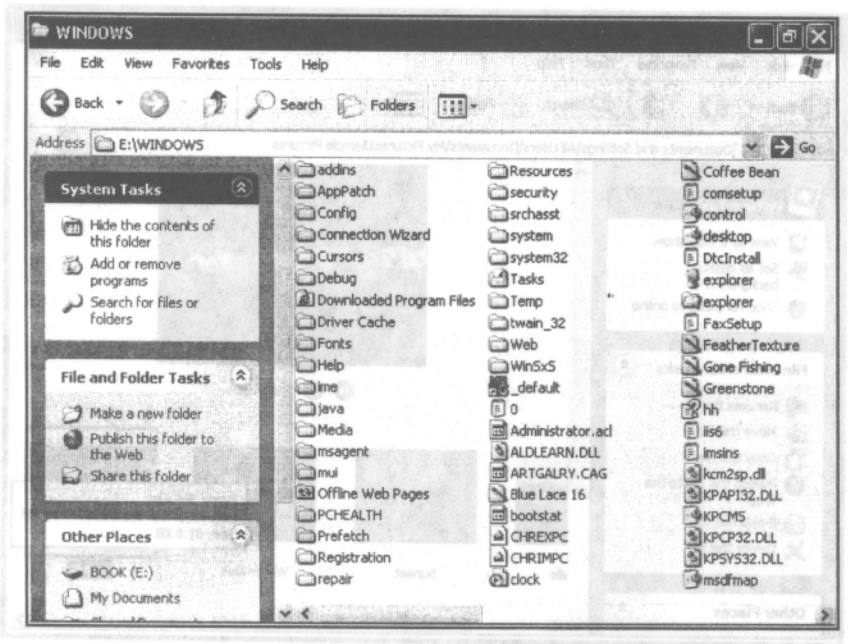

6. Details view hiển thị một danh sách các file và folder bao gồm tên file hoặc tên folder, một biểu tượng nhỏ, kích thước file, kiểu file, và ngày mà nó được chỉnh sửa. Bạn có thể phân loại theo bất cứ cột nào đã được hiển thị.

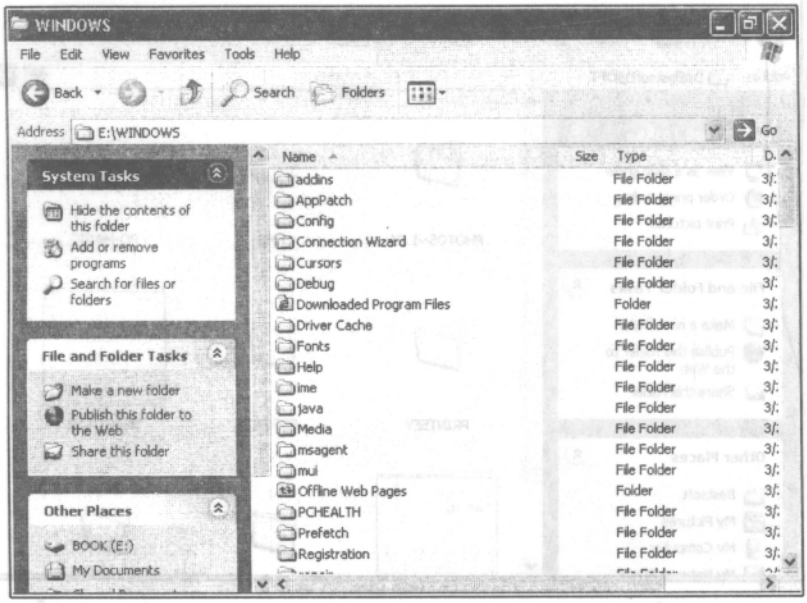

7. Folder My Pictures và folder Shared Pictures cũng có một Filmstrip view được thiết kế để cuộn qua một folder các hình ảnh.

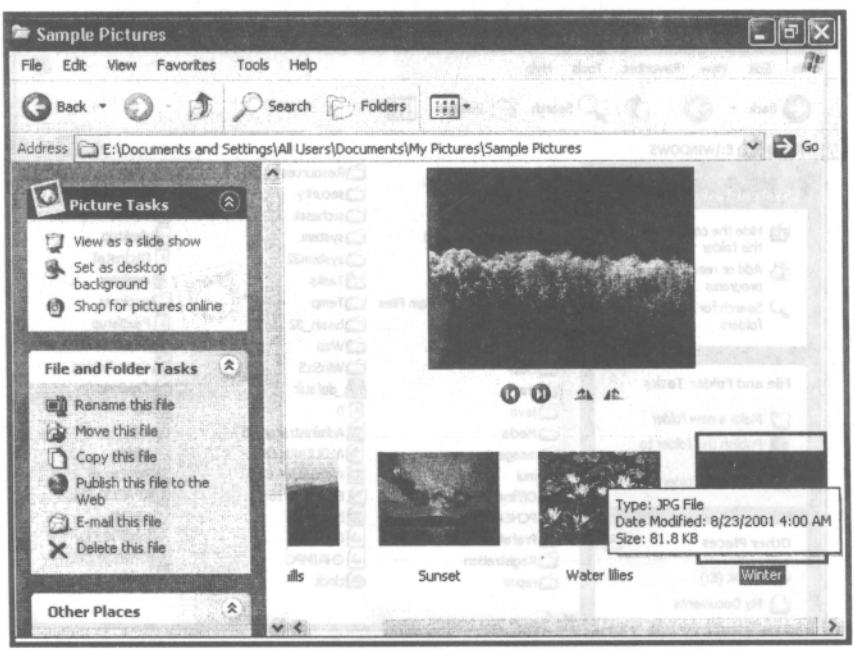

Chọn và hủy chọn các file

Để xử lý các file và các folder trong Explorer, trước tiên bạn cần chọn chúng.

Kỹ thuật chọn dễ dàng nhất đó là chuột và bàn phím. (Bạn cũng có thể chọn các file bằng cách chỉ sử dụng bàn phím.) Các kỹ thuật chọn lựa này hoạt động giống nhau trên Desktop, trong hầu hết các hộp thoại phổ biến trong trình ứng dụng Windows, và trong một vài trình ứng dụng của Windows.

1. Để chọn một file hoặc folder, hãy nhấp lên nó. Khung Details hiển thị thông tin về file và folder đó.

   Để hủy chọn một file hoặc folder đã chọn, hãy nhấp lên vùng trống nằm trong cửa sổ.

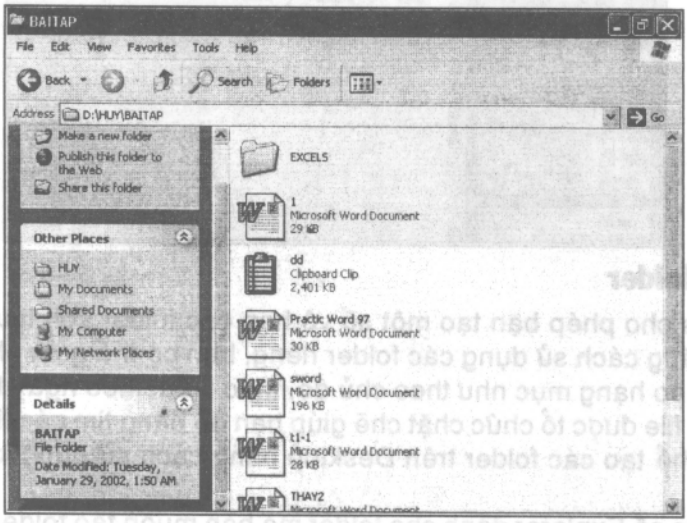

2. Để chọn một nhóm các file nằm kề nhau, hãy nhấp lên file đầu tiên, rồi nhấn giữ phím Shift rồi nhấp lên file cuối cùng trong nhóm.

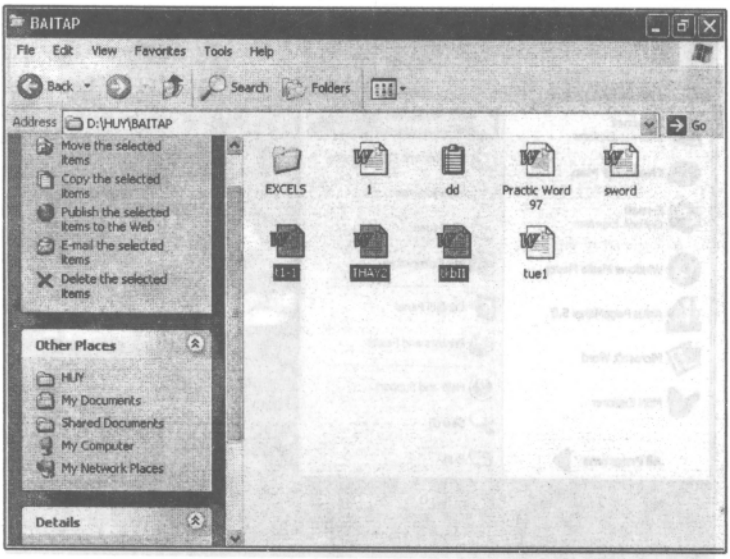

3. Để chọn một nhóm các file không nằm kề nhau, hãy chọn file đầu tiên, nhấn giữ phím Ctrl, rồi nhấp lên mỗi một file khác.
   Để hủy chọn một file nằm trong một nhóm vừa mới được chọn, nhấn giữ Ctrl rồi nhấp lên file đó.

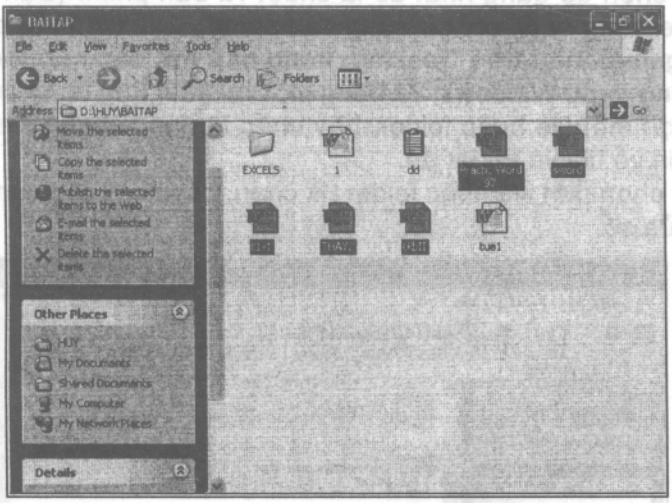

Tạo một folder

Windows cho phép bạn tạo một số vô hạn các folder vốn lưu trữ các file của bạn. Bằng cách sử dụng các folder riêng, bạn có thể gom nhóm các file của mình theo hạng mục như theo chủ đề, theo kiểu, theo ngày tháng, đồng thời giữ các file được tổ chức chặt chẽ giúp bạn dễ dàng tìm các file cần thiết.

Bạn có thể tạo các folder trên Desktop bằng cách sử dụng kỹ thuật nêu trên đây.

1. Mở cửa sổ Explorer dành cho folder mà bạn muốn tạo folder mới. Ví dụ, chọn Start > My Documents nếu bạn muốn tạo folder mới trong folder My Document.

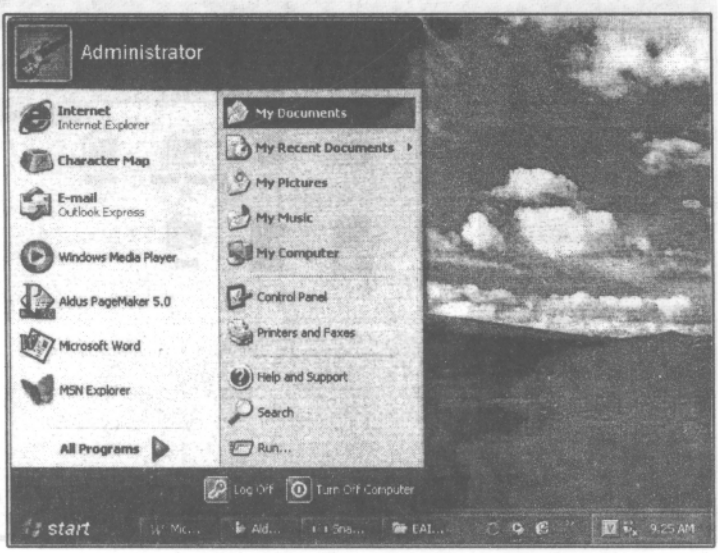

2. Nhấp liên kết Make a New Folder.
Windows tạo một folder mới có tên là New Folder hoặc một tên tương tự (New Folder 1, New Folder 2, và ...) rồi hiển thị một hộp edit bao quanh tên.

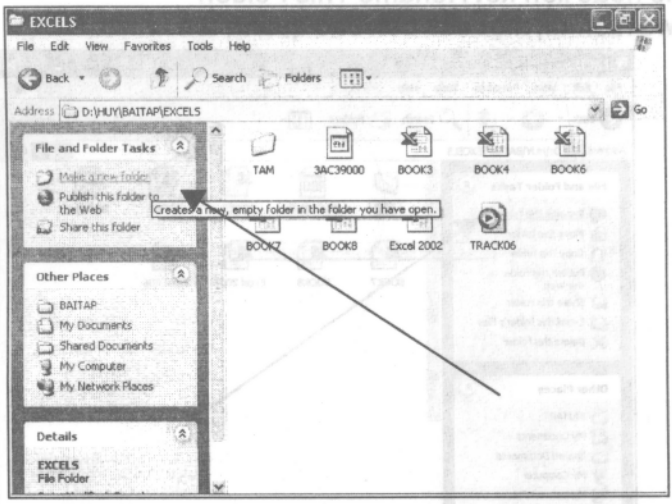

3. Gõ nhập tên dành cho folder rồi nhấn Enter. Windows đặt laại tên của folder.

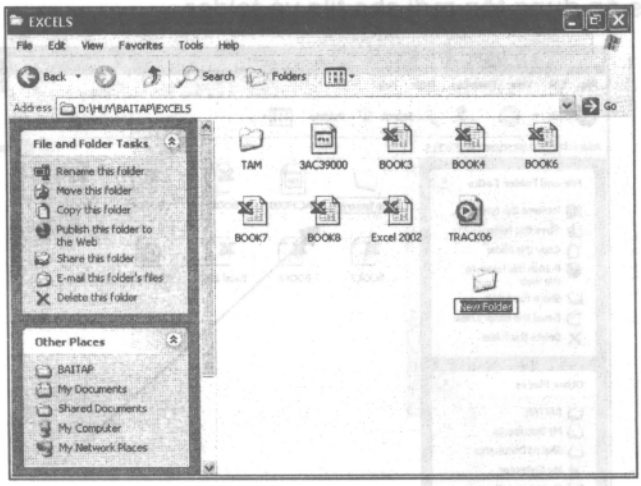

Đặt lại tên một file hoặc folder

Thường, bạn cần đặt lại tên một file hoặc một folder, để làm cho tên của nó ngắn hơn , dài hơn, rõ ràng hơn, hoặc đơn giản chỉ khác với các tên của các file khác hoặc các folder nằm trong cùng một folder này. Bằng cách đưa vào ổ đĩa và đường dẫn folder cho nó, một tên file có thể lên đến 25 ký tự vì thể bạn có thể ước giản nếu cần.

Các tên file không thể có chứa các ký tự sau đây: dấu forward slashe (/), dấu backslashe (\), dấu hai chấm (:), dấu asterisks (*), dấu hỏi (?), dấu ngoặc kép ("), dấu nhỏ hơn (<), dấu lớn hơn (>), hoặc ký tự vạch thẳng đứng.

Để đặt lại tên cho một file hoặc folder, hãy mở cửa sổ Explorer cho folder phù hợp và tuân theo các bước sau đây:

1. Chọn file hoặc folder mà bạn muốn đặt lại tên. Nhấp liên kết Rename This File hoặc liên kết Rename This Folder.
   Windows hiển thị một edit box bao quanh tên.

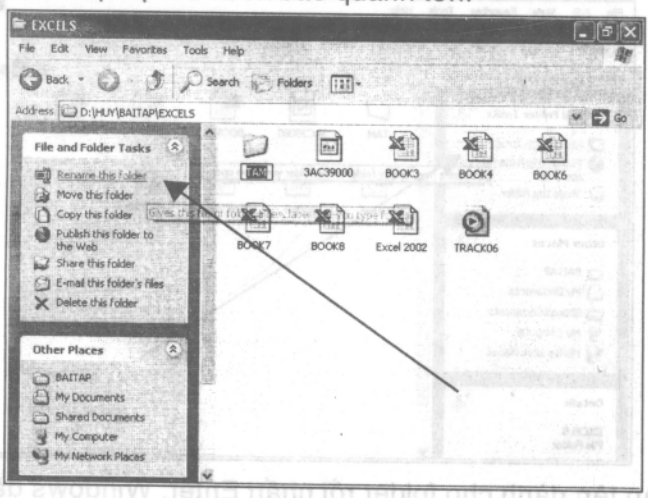

2. Gõ nhập tên mà bạn muốn, rồi nhấn phím Enter.
   Windows áp dụng tên mới cho file và folder.

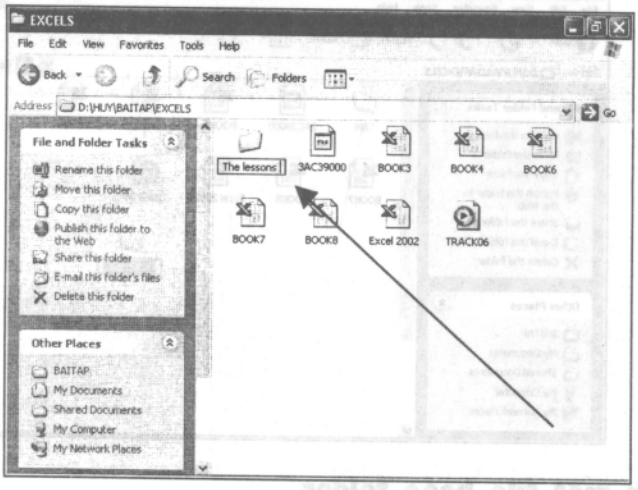

Lời khuyên của chuyên viên

- Thay vì nhấp lên liên kết Rename This File hoặc liên kết Rename This Folder, thì bạn có thể hiển thị một edit box bao quanh tên file hoặc folder bằng cách nhấp lên nó một lần nữa trong một lúc sau khi đã chọn nó.
- Kỹ thuật hai cú nhấp này hoạt động trên Desktop và trong các hộp thoại phổ biến cũng như trong cửa sổ Explorer.
- Nếu bạn không thể giữ cho việc nhấp hai lần đủ chậm , thì hãy chọn

file và folder rồi nhấn F2 hoặc nhấp phải lên nó rồi chọn Rename từ menu ngữ cảnh.

Sao chép hoặc di chuyển một file hoặc folder

Thường bạn cần phải sao chép các file hoặc folder - ví dụ, để bạn có thể phục hồi các bản sao trong một vị trí an toàn hoặc bạn có thể chia sẻ các file và folder với những người dùng khác.

Tương tự như vậy, bạn có thể cần phải di chuyển các file hoặc folder từ vị trí hiện tại sang một vị trí khác một cách thường xuyên. Ví dụ bạn có thể cần phải di chuyển một file hoặc folder bằng cách từ folder My Document đến folder Shared Document để những người dùng khác có thể làm việc với nó.

Windows cung cấp nhiều cách để sao chép hoặc di chuyển một file hoặc folder. Trang này chỉ cho bạn cách dễ dàng nhất và cách nhất quán nhất để thực hiện mỗi một thao tác.

1. Chọn file hoặc folder.

   Để sao chép nó, hãy nhấp liên kết Copy This File hoặc liên kết Copy This Folder. Tiến hành bước 2.

   Để di chuyển nó, hãy nhấp liên kết Move This File hoặc liên kết Move This Folder. Tiến hành bước 3.

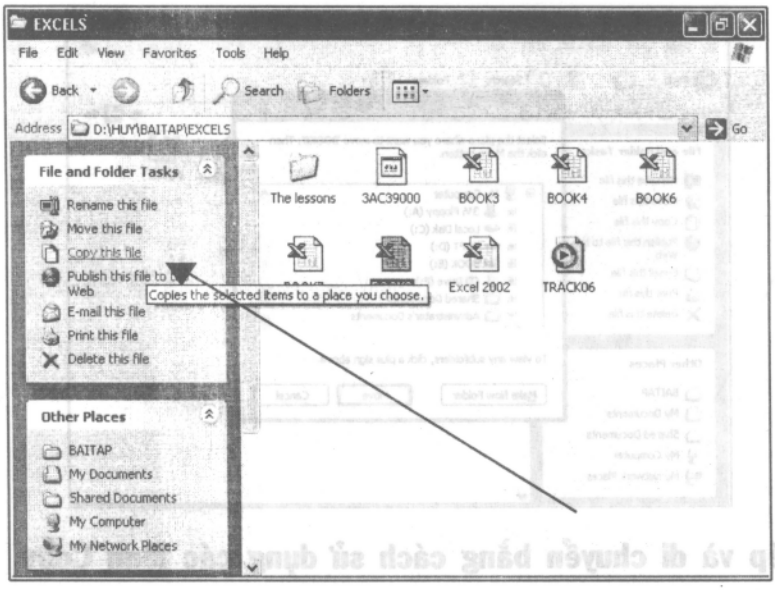

2. Định hướng folder mà bạn muốn Windows phải đặt bản sao của file hoặc folder này.

   Nhấp nút Copy. Windows đóng hộp thoại Copy Items và sao chép file hoặc folder.

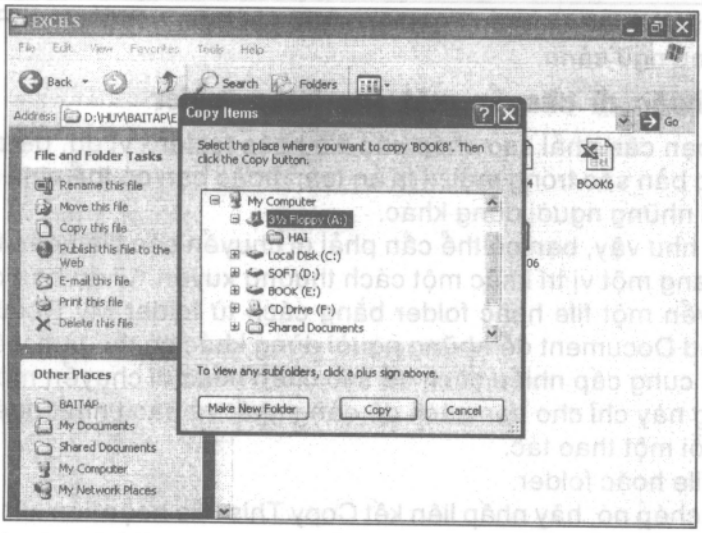

3. Định hướng folder mà bạn muốn Windows di chuyển file hoặc folder. Nhấp nút Move. Windows đóng hộp thoại Move Items và di chuyển file hoặc folder.

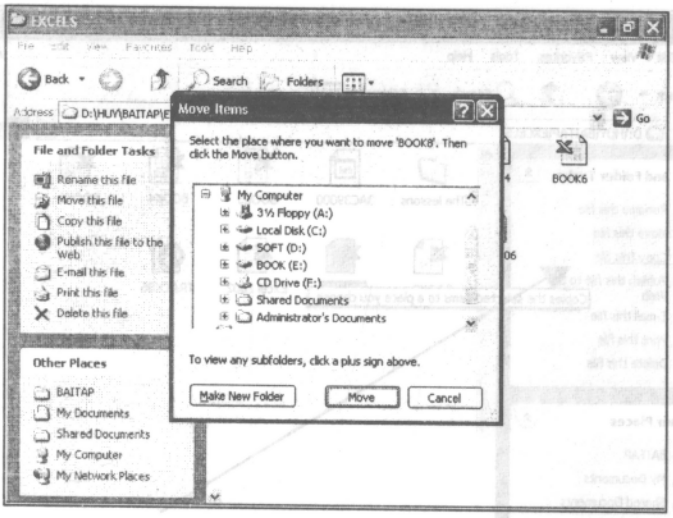

Sao chép và di chuyển bằng cách sử dụng các lệnh Copy, Cut, và Paste

Bạn có thể di chuyển một file hoặc folder bằng cách sử dụng các lệnh Copy và Paste, và di chuyển một file hoặc folder bằng cách sử dụng các lệnh Cut và Paste.

Các lệnh Copy, Cut và Paste hữu ích nhất trong việc sao chép và di chuyển các file và folder lúc có hai cửa sổ Explorer cùng mở, một cửa sổ biểu thị folder nguồn và một cửa sổ kia biểu thị folder đích. Nhưng bạn cũng có thể sử dụng các lệnh Copy, Cut và Paste trong một cửa sổ riêng biệt nếu bạn thấy chúng dễ dàng hoặc thuận lợi.

1. Mở hai cửa sổ Explorer và xếp chúng để bạn có thể xem thấy cả hai luôn.
   Trong một cửa sổ Explorer, hãy định hướng đến folder nguồn.
   Trong cửa sổ Explorer kia, hãy định hướng đến folder đích.

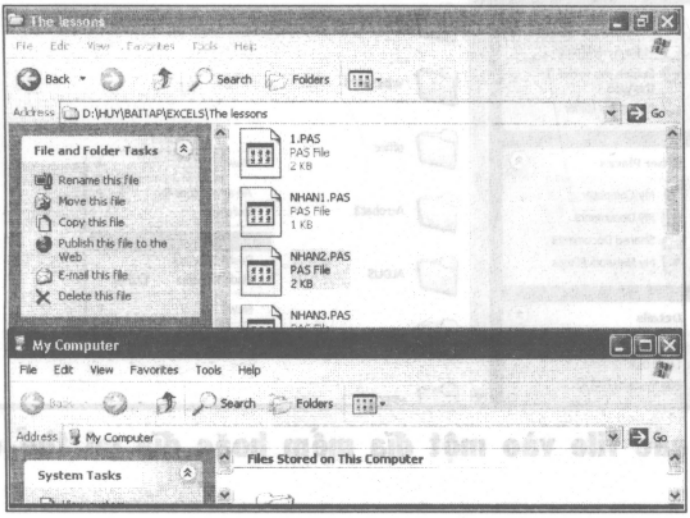

2. Trong folder nguồn, hãy nhấp phải file hoặc folder mà bạn muốn sao chép hoặc di chuyển.
   Từ menu tắt, hãy chọn Copy (để sao chép hạng mục) hoặc Cut (để di chuyển nó).

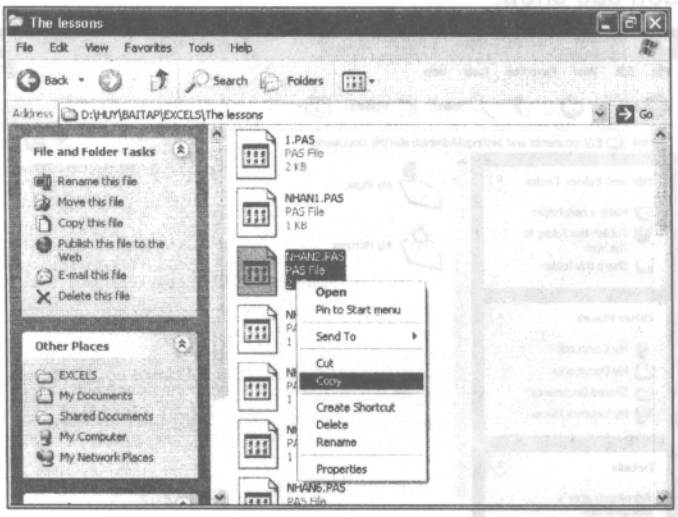

3. Nhấp phải lên vùng mở trong folder đích.
   Từ menu tắt, hãy chọn Paste
   Windows dán bản sao của file hoặc folder, hoặc tự chính folder của nó, vào folder đích.

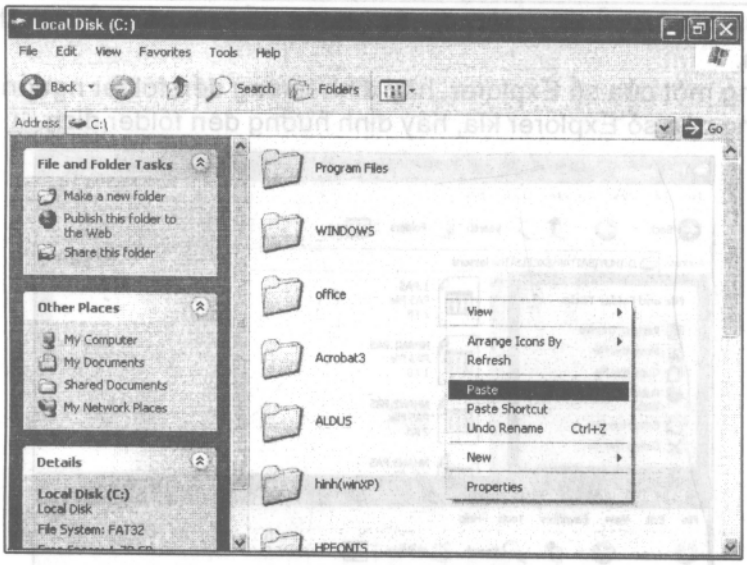

Sao chép các file vào một đĩa mềm hoặc đĩa có thể di chuyển được

Bởi vì bạn thường xuyên cần phải sao chép các file vào một đĩa mềm hoặc một đĩa có thể di chuyển được (chẳng hạn như ổ đĩa Zip), Windows cung cấp cho bạn một cách thuận lợi để thực hiện điều này.

1. Mở một cửa sổ Explorer dành cho folder đang chứa file hoặc folder mà bạn muốn sao chép.

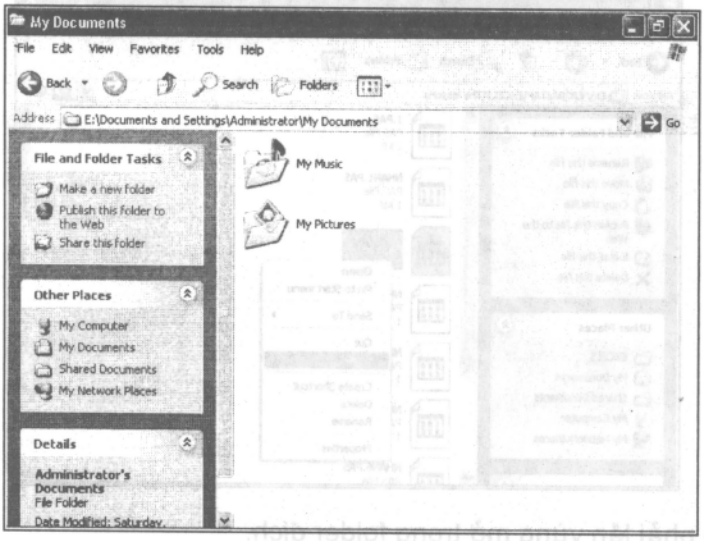

2. Nhấp phải file hoặc folder. Windows hiển thị menu tắt.
   Chọn Send To. Windows hiển thị menu con.
   Chọn hạng mục dành cho đĩa mềm hoặc đĩa có thể di chuyển. Windows sao chép file hoặc folder.

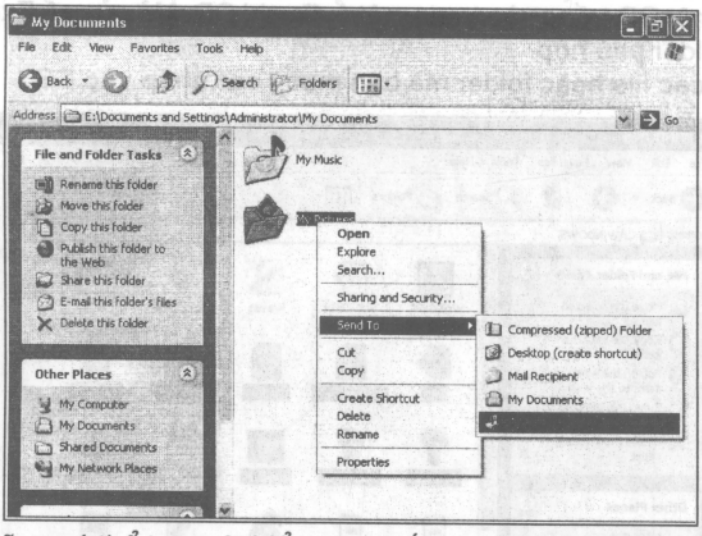

3. Bạn cũng có thể tạo một biểu tượng tắt trên Desktop dành cho file hoặc folder bằng cách sử dụng kỹ thuật tương tự.
Nhấp phải file hoặc folder rồi chọn Send To > Desktop.
Windows tạo một biểu tượng tắt trên Desktop.

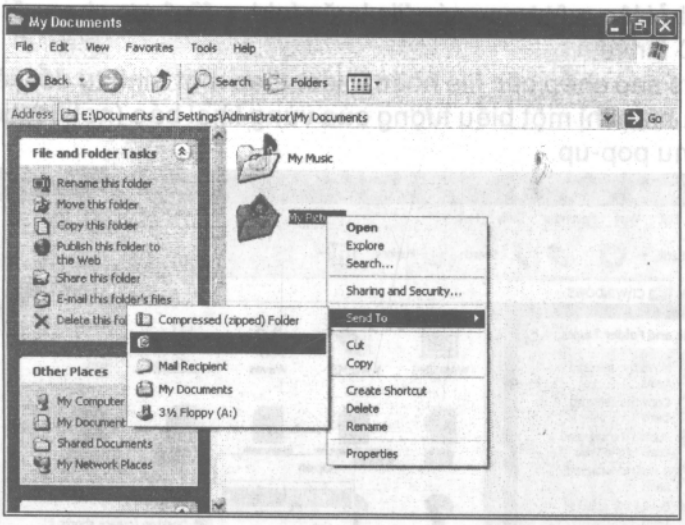

Sao chép file hoặc folder vào đĩa CD có thể ghi được

Nếu bạn có một ổ đĩa CD có thể ghi được (CD-R) hoặc một ổ đĩa CD có thể viết lại được (CD-RW), thì bạn có thể sao chép các file hoặc folder vào một CD có thể ghi được.

Bởi vì CD có thể ghi , có dung lượng lớn, không quá đắt tiền, có độ bền, và (ít nhất về mặt lý thuyết) thời gian bảo quản tương đối lâu.

Windows cũng cung cấp các tính năng để ghi một audio CD mà bạn có thể thực thi trên hầu hết các CD player, audio player cũng như các CD của máy tính.

1. Đưa một CD trống vào trong một ổ đĩa ghi CD. Mở cửa sổ Explorer sang một folder phù hợp.
   Chọn các file hoặc folder mà bạn muốn sao chép vào CD.

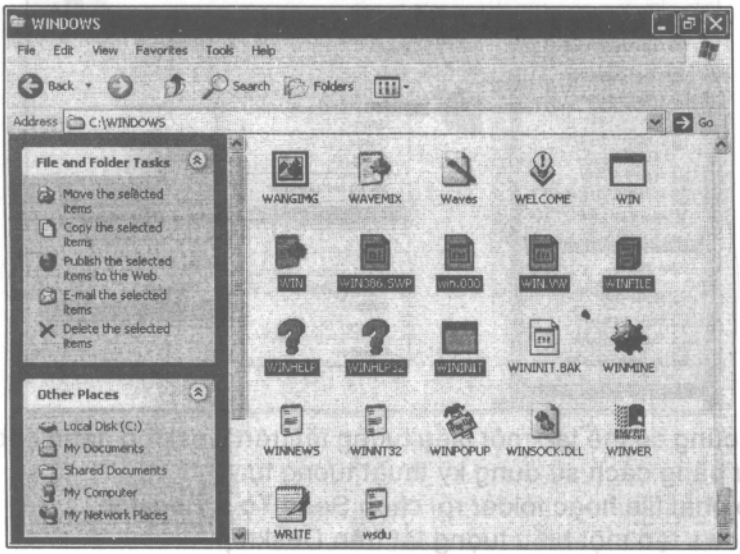

2. Nhấp phải lên một trong các file hoặc folder đã được chọn rồi chọn Send To > CD Drive.
   Windows sao chép các file hoặc folder theo một trình tự để viết sang một ổ CD và hiển thị một biểu tượng của vùng khai báo (notification area) và một menu pop-up.

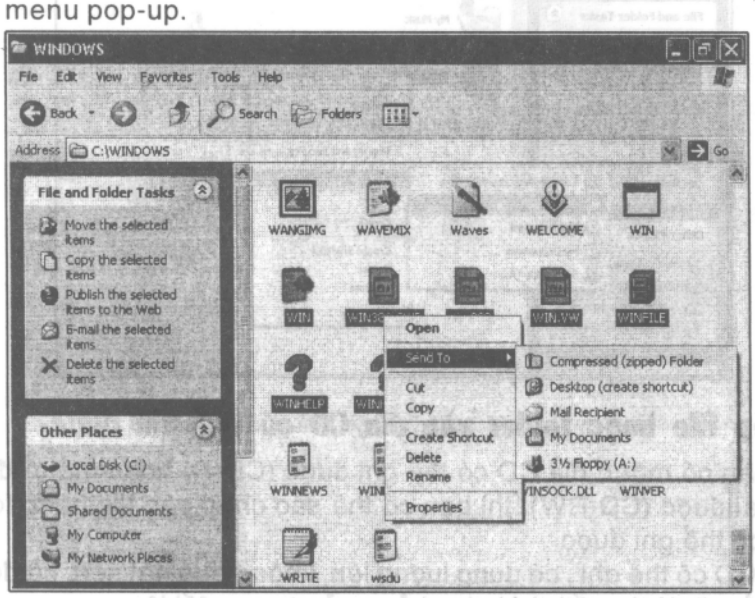

3. Bổ sung các file hoặc folder chuyên sâu vào danh sách CD nếu cần.
   Nhấp lên menu pop-up của notification-area để mở một cửa sổ Explorer qua đó hiển thị ổ đĩa CD. (Nếu menu pop-up biến mất, hãy chọn Start > My Computer, rồi nhấp đúp vào CD.)

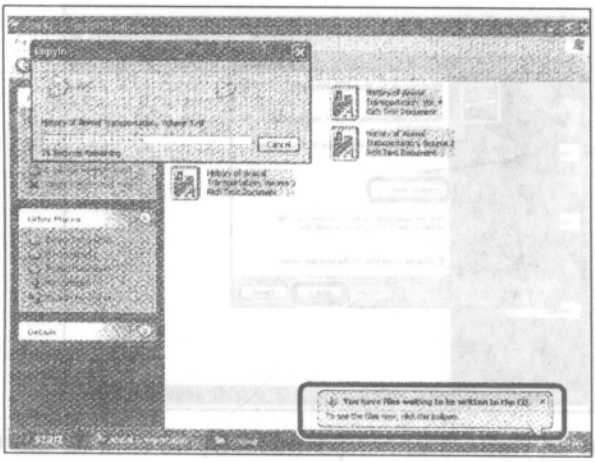

4. Nhấp liên kết Write These Files to CD. Windows bắt đầu CD Writing Wizard.

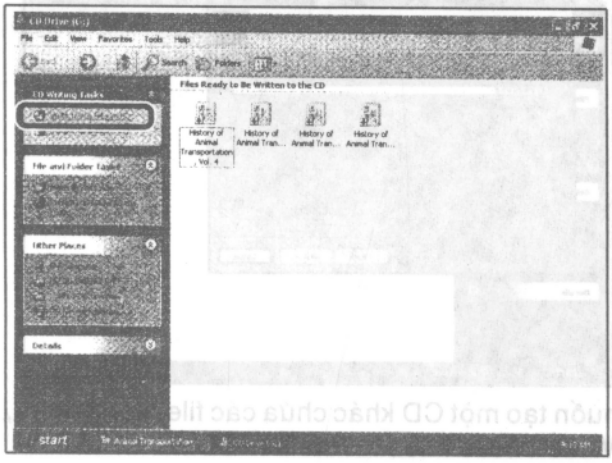

5. Thay đổi hoặc điều chỉnh tên dành cho CD. (Wizard đề nghị ngày hiện tại dành cho tên của CD.)
   Nhấp nút Next. Wizard bắt đầu viết các file vào CD.

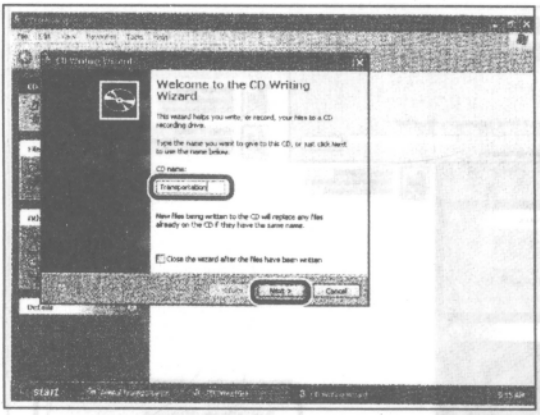

6. Lúc Wizard đã hoàn thành việc viết CD, nó nhả ra đĩa CD và hiển thị trang Completing the CD Writing Wizard.

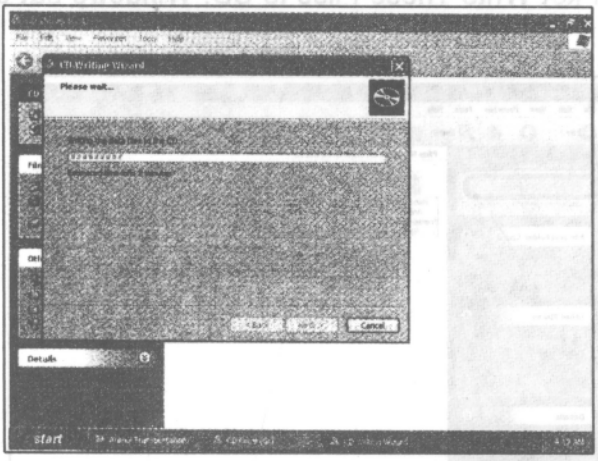

7. Nếu bạn muốn tạo một CD khác chứa các file giống nhau, hãy chọn hộp kiểm Yes, Write These Files to Another CD.
Nhấp nút Finish. Wizard đóng hoặc khởi động lại cho phù hợp.

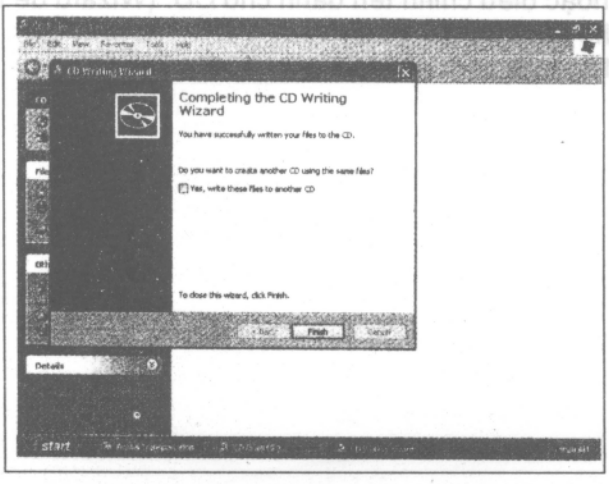

Xóa bỏ một file hoặc folder

Khi bạn không cần một file nữa, thì bạn xó nó để loaại bỏ nó ra khỏi ổ đĩa của bạn. Theo mặc định, việc xóa bỏ một file trên một đĩa cứng thì gởi file đó đến Recycle Bin, từ đó bạn có thể truy xuất nó nếu cần. Việc xóa bỏ một file trên một đĩa có thể chuyển dời được, trên một đĩa mềm, hoặc trên một ổ mạng, có thể tạo nên rủi ro cho file này ngay lập tức.

Đừng thử xóa bỏ bất cứ file Windows nào. Bằng cách thực hiện điều này bạn có thể làm cho Windows không chạy được. Mặc dầu bình thường Windows đơn giản chỉ cài đặt lại các file lúc nó khám phá chúng bị thiếu, vì thế việc xóa bỏ chúng không đạt được hiệu quả gì.

Tương tự như vậy, tốt nhất là đừng xóa bỏ bất cứ file chương trình nào. Thay vì đó hãy sử dụng tính năng Windows Remove Programs để xóa bỏ chương trình như thảo luận ở phần sau này.

1. Chọn một file mà bạn bảo đảm rằng không cần nữa. Nhấp Delete This File link.

   Windows hiển thị hộp thoại Confirm File Delete.

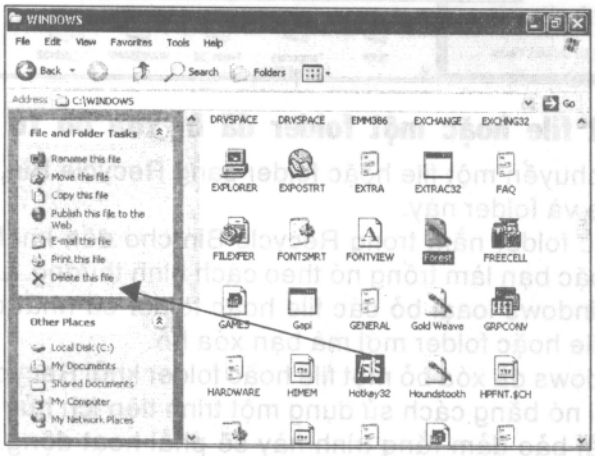

2. Nhấp nút Yes.

   Phụ thuộc vào nơi mà file đang được lưu trữ, Windows di chuyển file này sang Recycle Bin hoặc xóa bỏ nó.

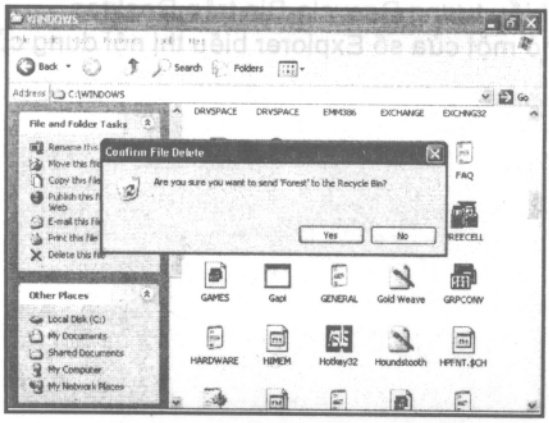

3. Để xóa bỏ một folder, hãy chọn nó rồi nhấp liên kết Delete This Folder. Windows hiển thị hộp thoại Confirm Folder Delete, hỏi bạn có muốn xóa bỏ folder và tất cả nội dung của nó hay không. Hãy nhấp nút Yes.

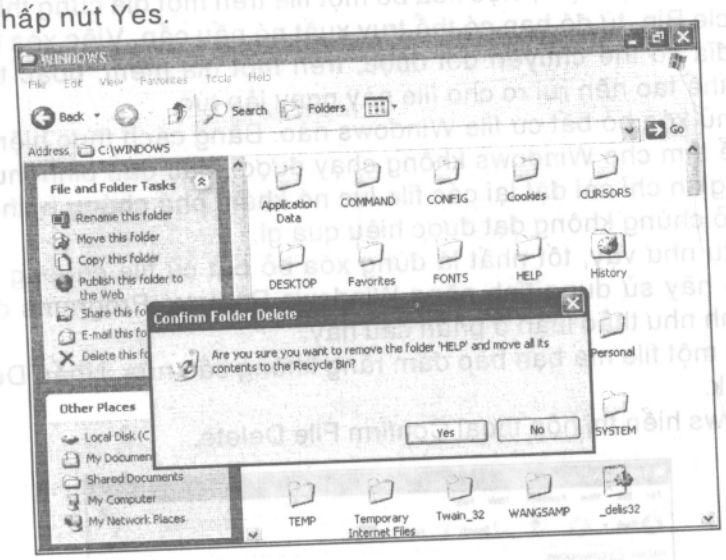

Phục hồi một file hoặc một folder đã bị xóa bỏ từ Recycle Bin

Nếu bạn di chuyển một file hoặc folder sang Recycle Bin, thì bạn vẫn có thể phục hồi file và folder này.

Các file hoặc folder nằm trong Recycle Bin cho đến khi Recycle Bin đã nhận đủ chỗ hoặc bạn làm trống nó theo cách bình thường. Lúc Recycle Bin đã đầy chỗ, Windows loaại bỏ các file hoặc folder cũ nhất để tạo nên chỗ trống cho các file hoặc folder mới mà bạn xóa bỏ.

Một khi Windows đã xóa bỏ một file hoặc folder khỏi Recycle Bin, bạn vẫn có thể phục hồi nó bằng cách sử dụng một trình tiện ích hủy xóa bỏ chuyên biệt, nhưng phải bảo đảm rằng trình này sẽ phải hoạt động. Vì thế lúc bạn xóa bỏ một file hoặc folder do nhầm lẫn, tốt nhất phải phục hồi nó ngay lập tức. Lúc bạn phục hồi một file hoặc folder, Windows loại bỏ nó khỏi Recycle Bin và phục hồi nó trở về với folder trước đây đang chứa nó.

1. Nhấp đúp biểu tượng Recycle-Bin trên Desktop.
   Windows mở một cửa sổ Explorer biểu thị nội dung của Recycle-Bin.

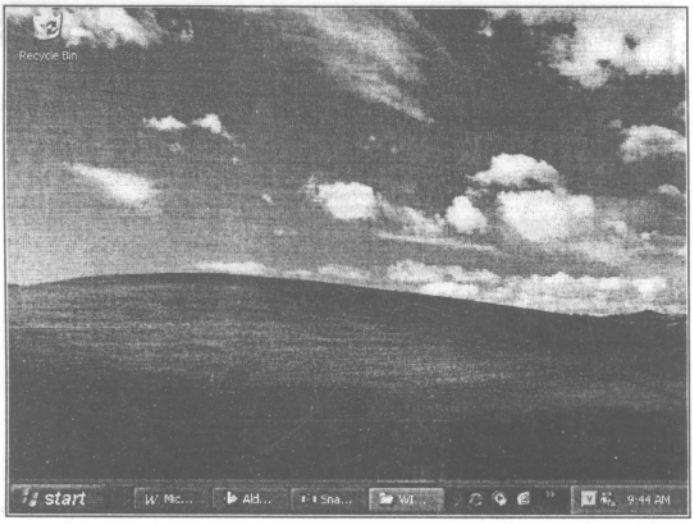

2. Chọn file hoặc folder.
   Nhấp liên kết Restore This Items.
   Để phục hồi tất cả file và folder trong Recycle-Bin, hãy nhấp liên kết Restore All Items mà không cần chọn file hoặc folder.

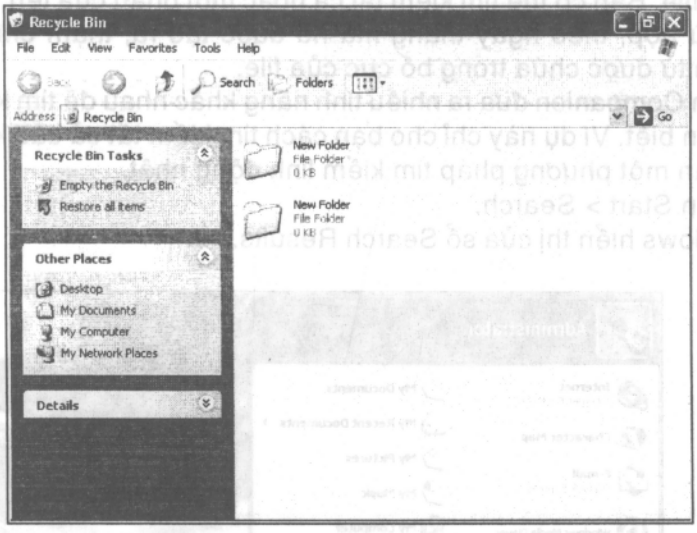

3. Để tránh rủi ro đưa các file và folder trở lại Recycle-Bin, hãy nhấp liên kết Empty the Recycle-Bin. Windows hiển thị hộp thoại Confirm Multiple File Delete.
   Nhấp nút Yes

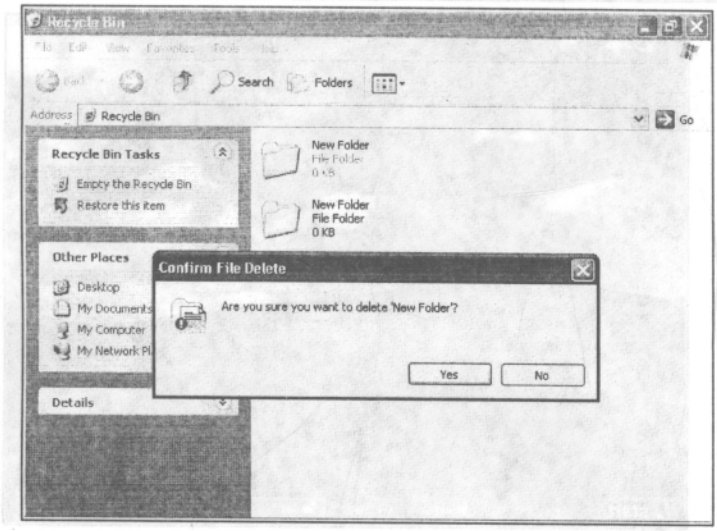

Tìm kiếm các file

Nếu bạn tạo nhiều file, có lẽ bạn quên vị trí một hoặc nhiều file đang được lưu trữ quá lâu trước đây.

Windows cung cấp một tính năng được gọi là Search Companion để tìm kiếm các file. Bạn có thể tìm kiếm tất cả hoặc một phần của tên file, theo kích thước phù hợp, theo ngày tháng mà nó được tạo ra, thậm chí theo một từ hoặc cụm từ được chứa trong bố cục của file.

Search Companion đưa ra nhiều tính năng khác nhau để tìm kiếm các kiểu file chuyên biệt. Ví dụ này chỉ cho bạn cách tìm kiếm tất cả các kiểu file bởi vì nó cho bạn một phương pháp tìm kiếm linh động nhất.

1. Chọn Start > Search.

   Windows hiển thị cửa sổ Search Results.



2. Nhấp liên kết All Files and Folder.
Search Companion hiển thị một panel của các tùy chọn tìm kiếm.

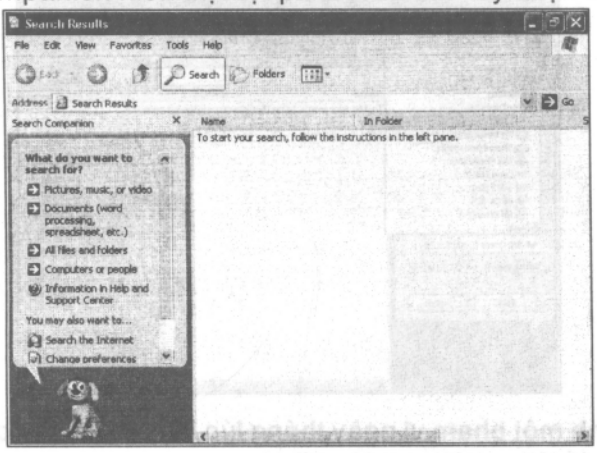

3. Để tìm kiếm theo tên file, hãy đưa vào một phần của tên file trong hộp text All or Part of the Filename.

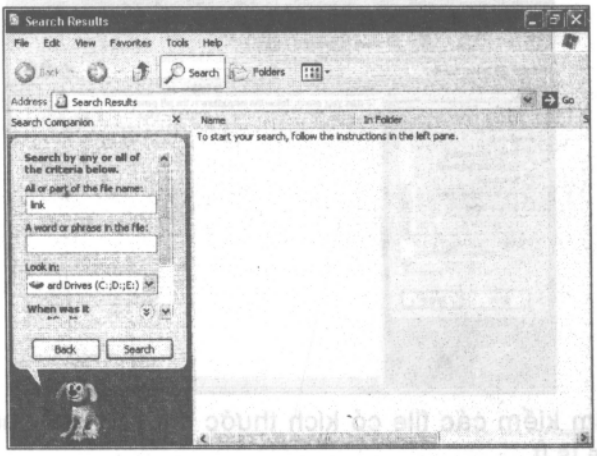

4. Để tìm kiếm theo nội dung, để thu hẹp phạm vi tìm kiếm theo tiêu chuẩn khác, bạn có thể nhập vào một từ hoặc một cụm từ để phân biệt trong hộp text Word or Phrase in the File.

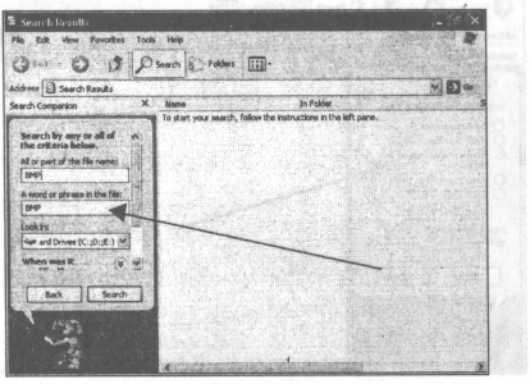

5. Chỉ định ổ đĩa hoặc folder phải tìm kiếm.

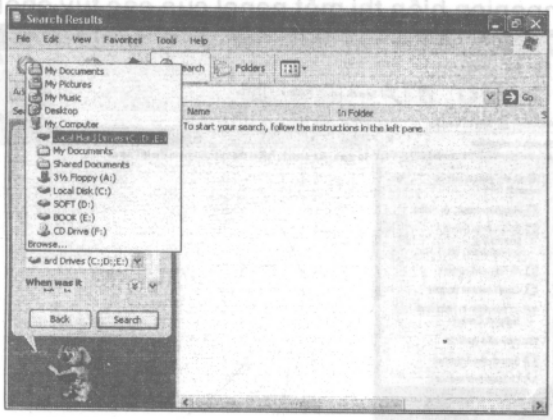

6. Để chỉ định một phạm vi ngày tháng lúc mà file đã được chỉnh sửa, hãy nhấp tiêu đề When Wast It Modified.
Sử dụng các tùy chọn để chỉ định một khoảng thời gian.

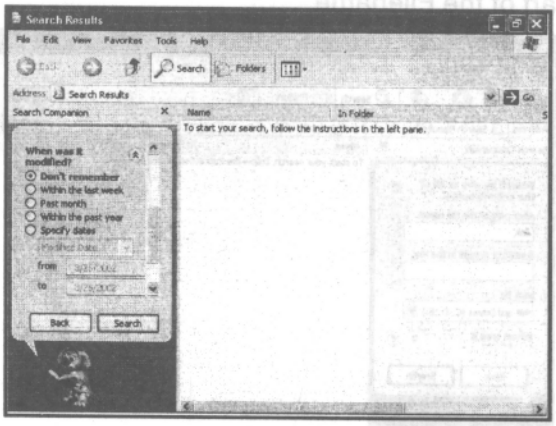

7. Để chỉ tìm kiếm các file có kích thước chuyên biệt, hãy nhấp tiêu đề What Size Is It.
Sử dùng các tùy chọn để chỉ định một kích thước phù hợp.

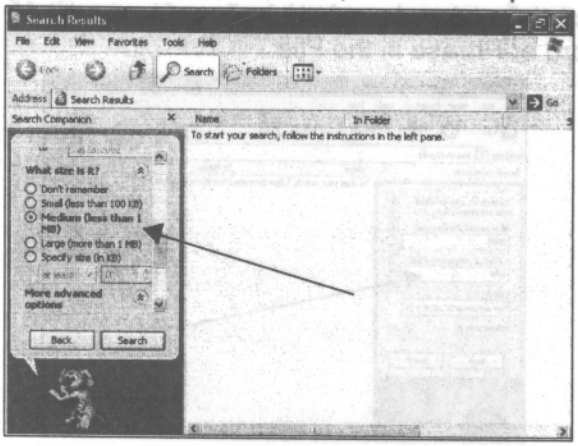

8. Để chỉ định các tùy chọn cao cấp, chẳng hạn như tìm kiếm một băng sao chép dự phòng, hãy nhấp tiêu đề More Advanced Options.
Theo mặc định, Search Companion tìm kiếm các folder hệ thống và các folder con.

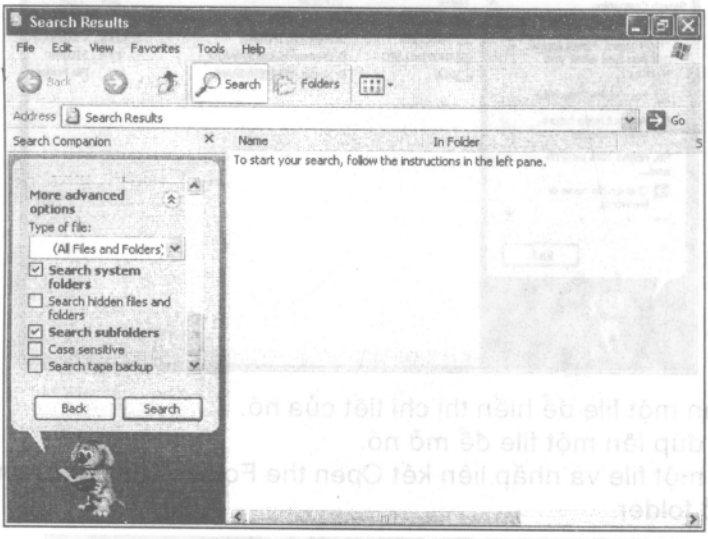

9. Nhấp nút Search. Search Companion thực hiện thao tác tìm kiếm và đưa ra một danh sách chứa bất cứ liên kết nào mà nó tìm thấy.

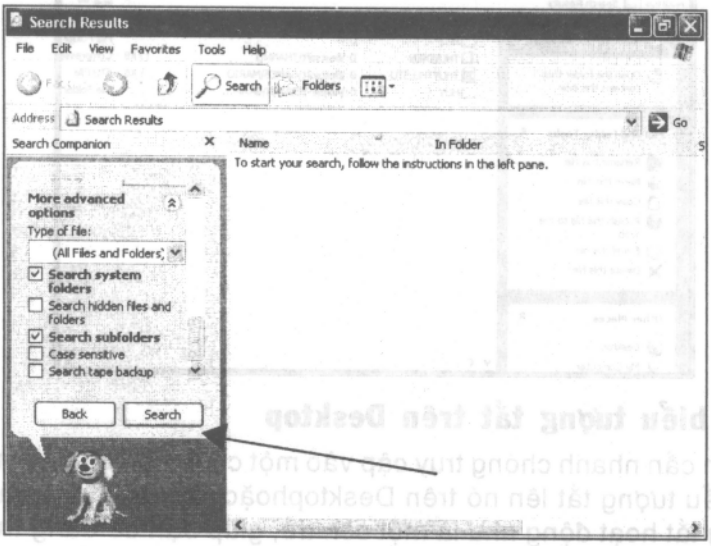

10. Nếu Search Companion không tìm thấy các liên kết đúng, hãy sử dụng các liên kết No, Refine This Search And ... để tìm kiếm lại.
Ngược lại, hãy nhấp liên kết Yes, Finished Searching để đóng Search Companion.

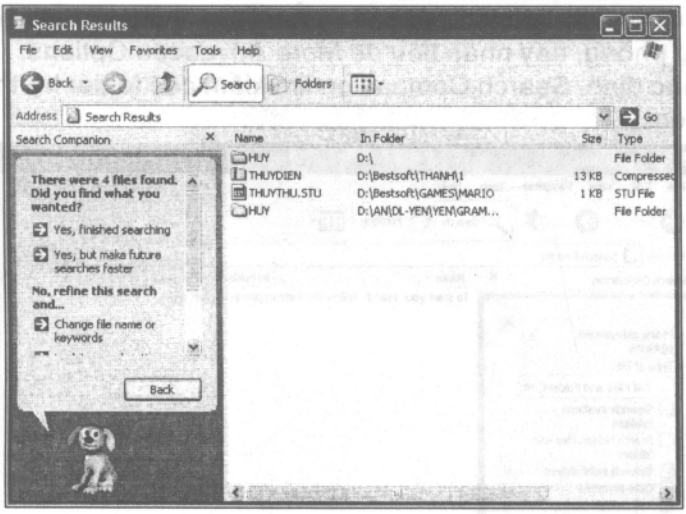

11. Chọn một file để hiển thị chi tiết của nó.
Nhấp đúp lên một file để mở nó.
Chọn một file và nhấp liên kết Open the Folder That Contain This Items để mở folder.

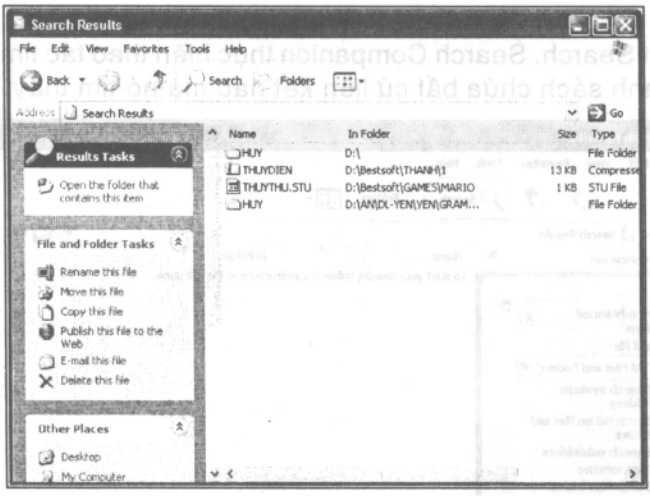

Tạo một biểu tượng tắt trên Desktop

Nếu bạn cần nhanh chóng truy cập vào một chương trình hay một file, hãy đặt một biểu tượng tắt lên nó trên Desktophoặc lên một nơi thuận lợi khác. Biểu tượng tắt hoạt động như là một con trỏ, giúp bạn dễ dàng truy cập vào chương trình hoặc file. Bạn có thể tạo bất cứ biểu tượng tắt nào cho bất cứ chương trình hoặc file nào.

Bạn có thể tạo một biểu tượng tắt theo nhiều cách khác nhau. Phần dưới đây chỉ cho bạn hai cách dễ nhất để tạo một biểu tượng tắt.

1. Nhấp phải vùng trống trên Desktop. Windows hiển thị menu tắt.
Chọn New > Shortcut.

Windows khởi động Create Shortcut Wizard.

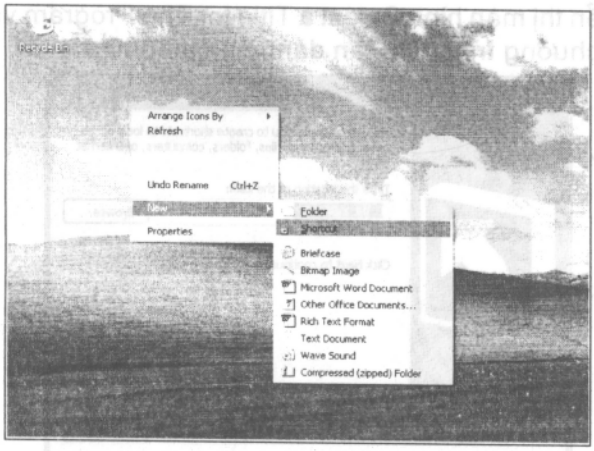

2. Nhấp nút Browse
Windows hiển thị hộp thoại Browse for Folder.

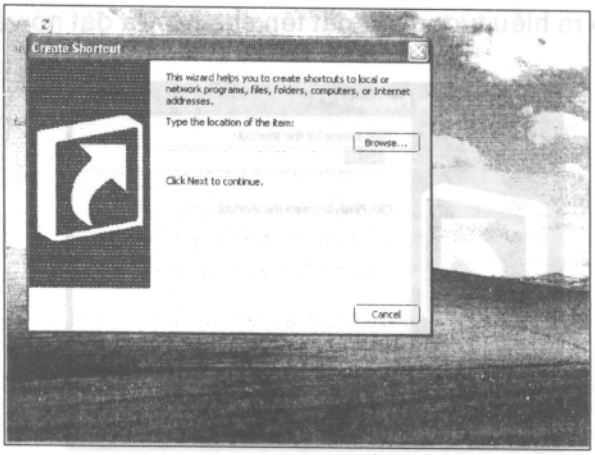

3. Định hướng đến chương trình hoặc file và chọn nó.
Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Browse for Folder rồi nhập vào đường dẫn và tên file trong Create Shortcut Wizard.

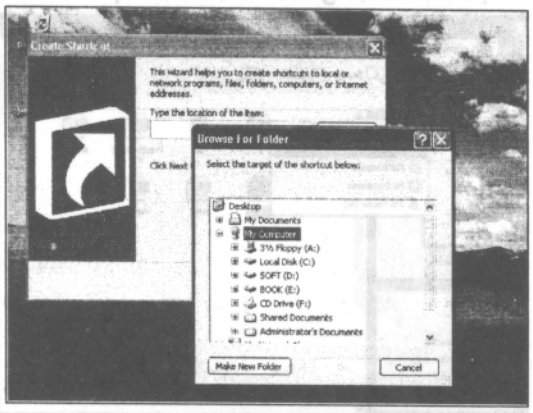

4. Nhấp nút Next.
Wizard hiển thị màn hình Select a Title for The Program và đề nghị tên file hoặc tên chương trình làm tên dành cho biểu tượng tắt.

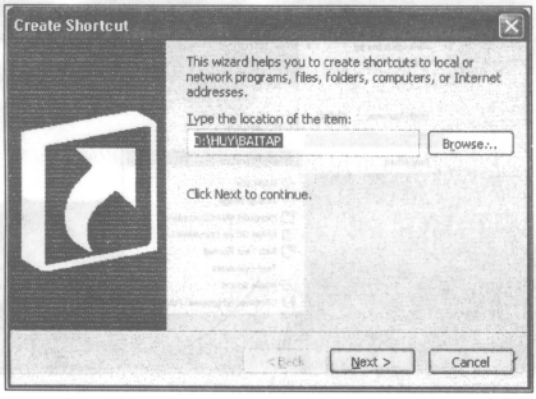

5. Thay đổi tên nếu cần.
Nhấp nút Finish.
Wizard tạo ra biểu tượng tắt, đặt tên cho nó, và đặt nó vào Desktop của bạn.

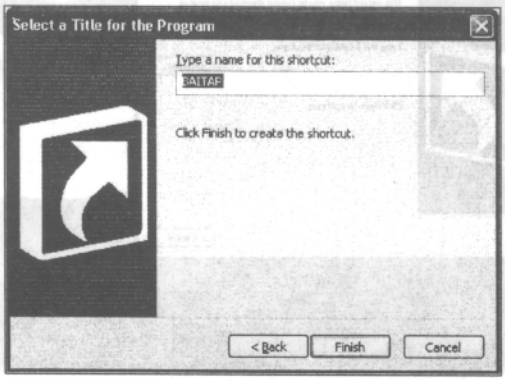

6. Bạn cũng có thể tạo một biểu tượng tắt từ cửa sổ Explorer.
Chọn file. Sau đó chọn File > Send To > Desktop (Create Shortcut).
Windows tạo một biểu tượng tắt trên Desktop.

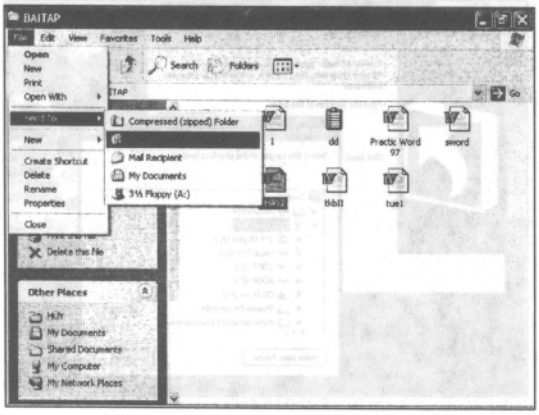

7. Thay đổi tên của biểu tượng tắt nếu cần.
   Windows đặt tên biểu tượng tắt được tạo theo cách này là Shortcut to và đặt tên file.



Thay đổi độ phân giải màn hình

Nếu bạn muốn hiển thị ít nhiều thông tin trên màn hình ngay lập tức, hãy thay đổi độ phân giải của màn hình. Độ phân giải lớn thì cho phép bạn xem được nhiều thông tin trên màn hình tại một thời điểm, nhưng mọi thứ được hiển thị tương đối nhỏ, còn độ phân giải thấp thì hiển thị ít thông tin, nhưng nội dung lại hiển thị lớn hơn.

1. Nhấp phải Desktop rồi chọn Properties từ menu tắt.
   Windows hiển thị hộp thoại Display Properties.

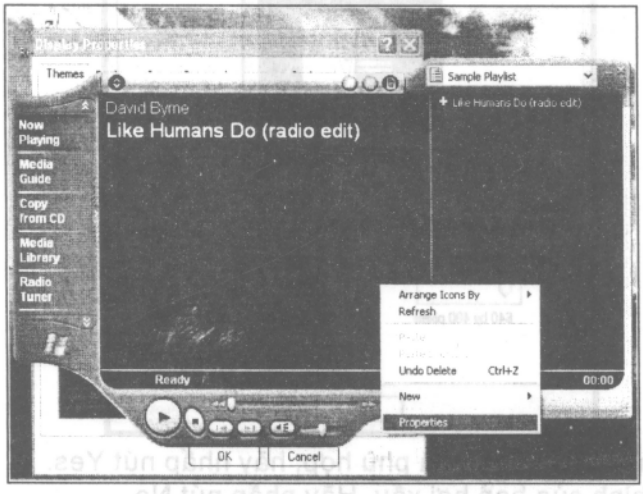

2. Nhấp Settings tab. Windows hiển thị Settings tab.



3. Rê thước trượt trong chuyên mục Screen Resolution về phía trái để giảm độ phân giải hoặc về phía phải để tăng độ phân giải.
Nhấp nút Apply. Windows hiển thị hộp thoại Monitor Settings.

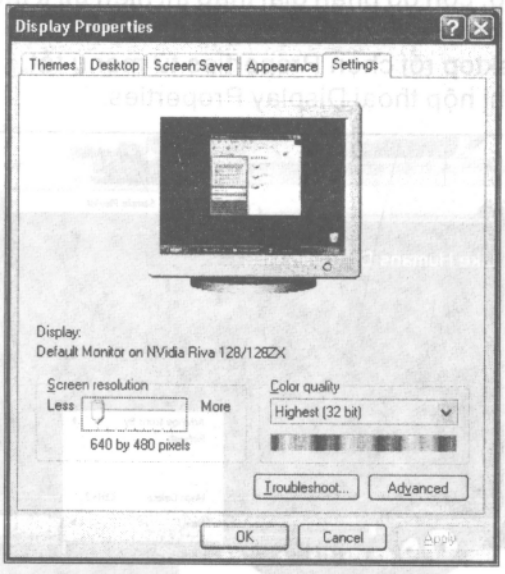

4. Nếu màn hình của bạn đã phù hợp, hãy nhấp nút Yes.
Nếu bạn hình của bạn hơi xấu, Hãy nhấp nút No.
Nếu màn hình của bạn không thể phán đoán được, hãy chờ 15 giây.

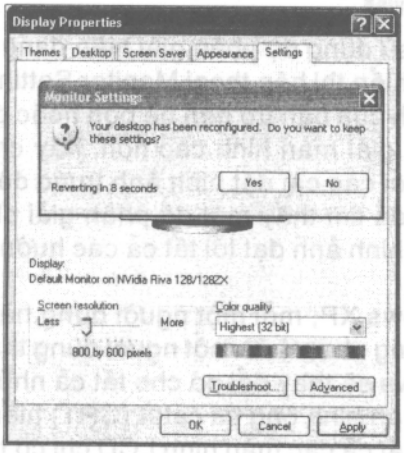

5. Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Display Properties.



6. Windows hiển thị Desktop theo kích thước mới. Nếu bạn tăng độ phân giải, bạn xem thấy nhiều nội dung trên màn hình , nhưng mọi thứ xuất hiện nhỏ hơn. Còn nếu bạn giảm nó, thì bạn xem thấy ít nội dung, nhưng mọi thứ lại xuất hiện lớn hơn.

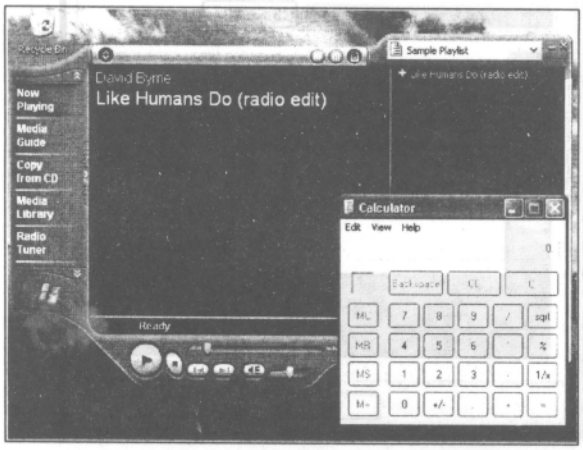

Lời khuyên của chuyên viên

- ❖ Nếu bạn đã sử dụng độ phân giải hiện đang được áp dụng, thì Windows không hiển thị hộp thoại Monitor Settings.
- ❖ Nếu màn hình của bạn trở nên bể bộn hoặc đục mờ lúc bạn áp dụng một độ phân giải màn hình cao hơn, hạy chờ đợi 15 giây, và Windows phục hồi các cài đặt hình ảnh trước đây một cách tự động.
- ❖ Một khi bạn đã tìm thấy một độ phân giải phù hợp, hãy điều chỉnh màn hình để hình ảnh đạt tới tất cả các hướng ứng với mỗi cạnh của màn hình.
- ❖ Trong Windows XP, mỗi một người dùng hãy sử dụng độ phân giải màn hình giống nhau. Lúc một người dùng thay đổi độ phân giải màn hình, Windows sẽ thay đổi nó cho tất cả những người dùng khác.
- ❖ Tất cả các màn hình ống tia catốt (CRT) hiển thị nhiều độ phân giải khác nhau. Tất cả các màn hình LCD chỉ có thể hiển thị một độ phân giải theo một mức độ rõ ràng có thể chấp nhận được.

Cài đặt bộ dưỡng màn hình (My Pictutes Slideshow)

Bộ dưỡng màn hình My Pictures Slideshow cho phép bạn để cho Windows tự động hiển thị một slideshow các hình ảnh trong một folder chuyên biệt lúc bạn không sử dụng máy tính.

Trước khi xác lập My Pictures Slideshow, hãy gom nhóm các hình ảnh mà bạn muốn dùng cho slideshow trong một folder phù hợp. Cài đặt mặc định đó là sử dụng folder My Pictures, nhưng bạn có thể sao chép hoặc di chuyển sang một hình ảnh sang một folder con của folder My Pictures hoặc sử dụng folder chia sẻ thay vì sử dụng tất cả hình ảnh trong folder My Pictures.

1. Nhấp phải Desktop và chọn Properties. Windows hiển thị hộp thoại Display Properties.
   Nhấp Screen Saver tab. Windows hiển thị Screen Saver tab.

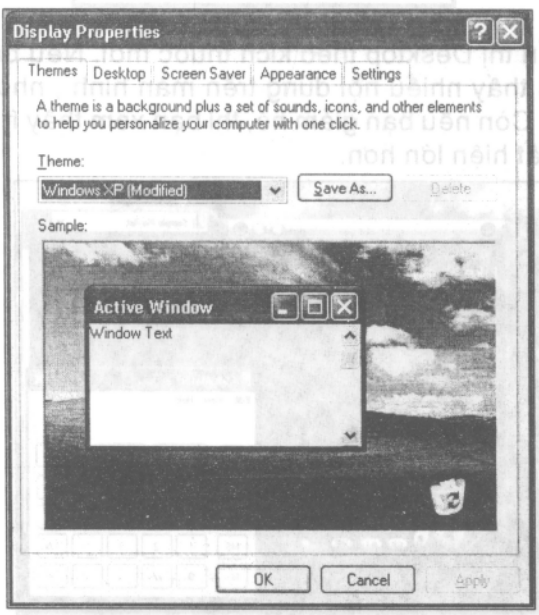

2. Nhấp nút mũi tên hướng xuống trên danh sách xổ xuống Screen Saver. Chọn hạng mục My Pictures Slideshow.

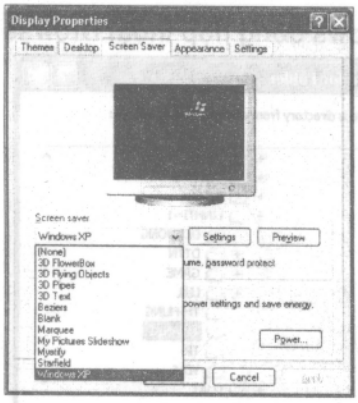

3. Nhấp nút Settings. Windows hiển thị hộp thoại My Pictures Screen Saver Options.

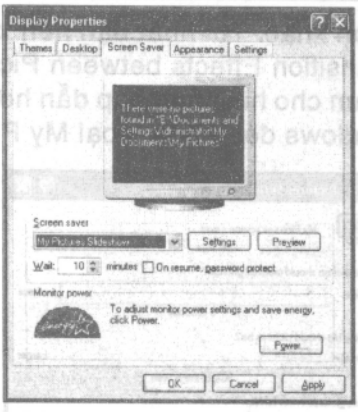

4. Rê thước trượt để chỉ định bao lâu một lần thì các hình ảnh thay đổi và số lượng màn hình mà chúng chiếm giữ.
Nhấp nút Browse. Windows hiển thị hộp thoại Browse for Folder.

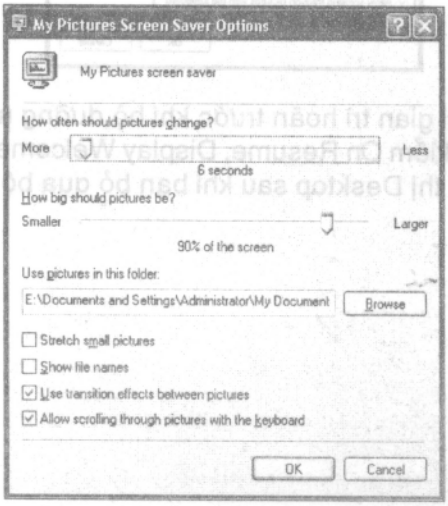

5. Định hướng và chọn folder có chứa các hình ảnh mà bạn muốn dùng cho slideshow.
Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Browse for Folder.

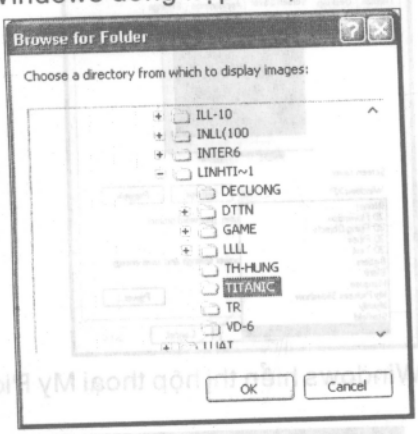

6. Chọn các tùy chọn khác. Tốt nhất bạn nên xóa phần chọn kiểm trong hộp kiểm Use Transition Effects between Pictures, từ đó tạo nên hiệu ứng chuyển tiếp làm cho hình ảnh hấp dẫn hơn.
Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại My Pictures Screen Saver Options.

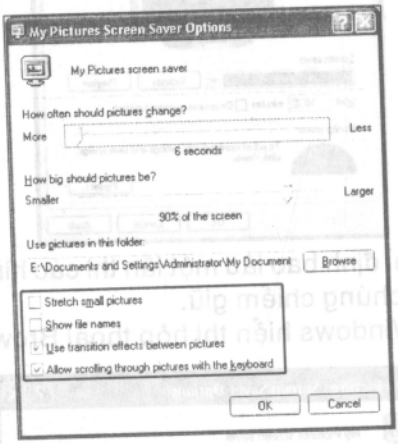

7. Nhập vào thời gian trì hoãn trước khi bộ dưỡng màn hình khởi động. Xóa chọn hộp kiểm On Resume, Display Welcome Screen nếu bạn muốn Windows hiển thị Desktop sau khi bạn bỏ qua bộ dưỡng màn hình.
Nhấp nút OK.



Cài đặt một nối kết Dial-Up Internet

Để nối kết Internet thông qua một nối kết quay số, bạn cần phải cung cấp cho Windows các chi tiết về nối kết, công nghệ nào đang dùng, số nào phải gọi ...

Bạn có thể chọn để xác lập nối kết làm nối kết mặc định của máy tính, hoặc lưu trữ username và password hoặc yêu cầu mỗi người dùng phải cung cấp chúng và thực hiện một username và password được lưu trữ và có sẵn cho tất cả các người dùng.

Trước khi bắt đầu xác lập một nối kết Internet quay số, phải chắc chắn rằng modem của bạn được nối kết vào máy tính, và nó được nối kết vào một tuyến điện thoại đang hoạt động, và nguồn điện đã được mở.

1. Chọn Start > Control Panel.
   Nhấp liên kết Network and Internet Connections.
   Windows hiển thị màn hình Network and Internet Connections.

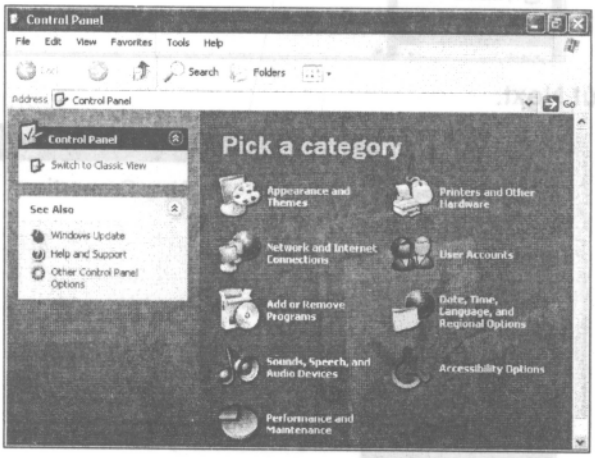

2. Nhấp liên kết Network Connections.
   Windows hiển thị màn hình Network Connections.

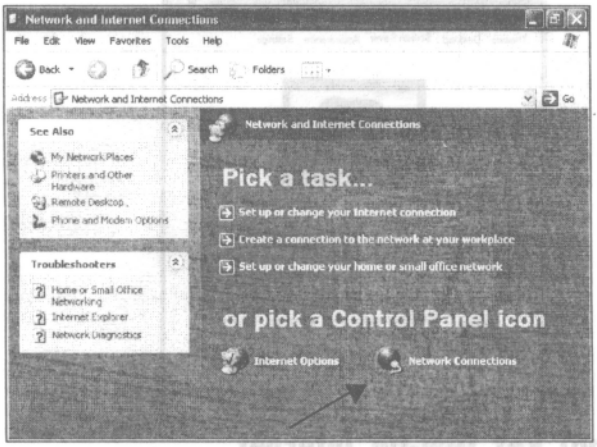

3. Nhấp liên kết Create a New Connections.
Windows khởi động New Connections Wizard.

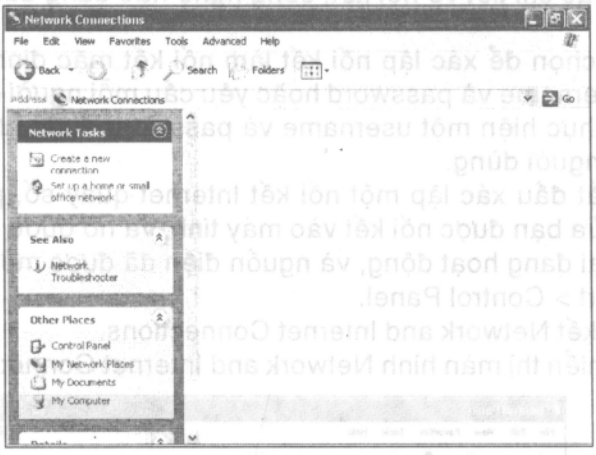

4. Nhấp nút Next.



5. Phải chắc chắn rằng nút tùy chọn Connect to the Internet được chọn. Nhấp nút Next.

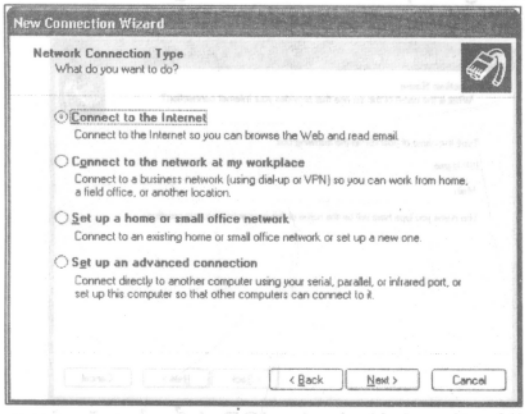

6. Chọn nút tùy chọn Set Up My Connections Manually. Nhấp nút Next.

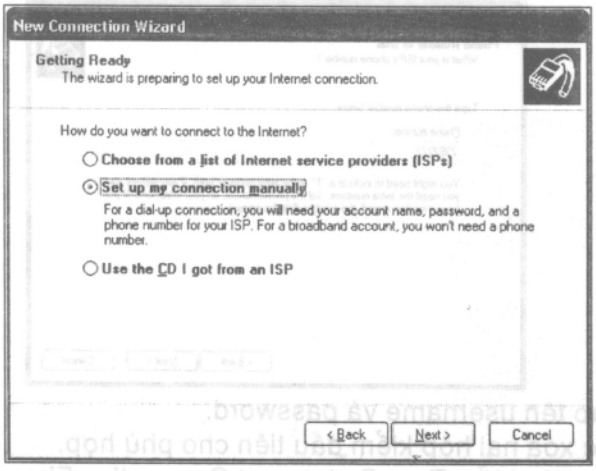

7. Chọn nút tùy chọn Connections Using a Dial-up Modem. Nhấp nút Next.

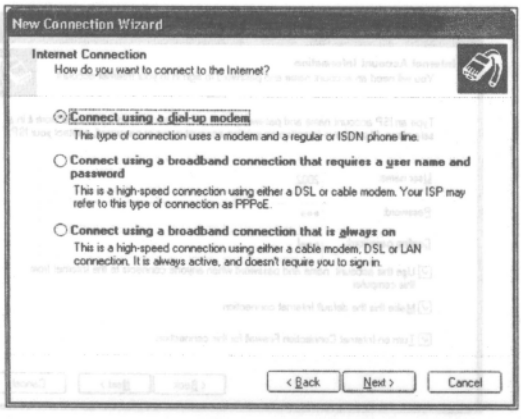

8. Nhập vào tên mà bạn muốn dùng cho nối kết (tên này không trùng với tên của ISP, nhưng nó phải là tên rõ ràng nhất.)
Nhấp nút Next.

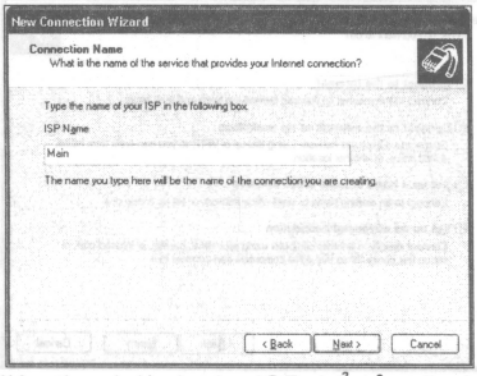

9. Nhập vào số điện thoại dành cho ISP, kể cả mã vùng và mã đường dài nếu cần.
Nhấp nút Next.

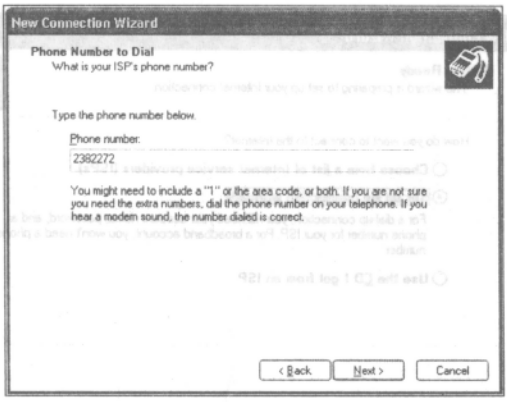

10. Nhập vào tên username và password.
Chọn hoặc xóa hai hộp kiểm đầu tiên cho phù hợp.
Hãy để cho hộp kiểm Turn On Internet Connection Firewall for This Connections được chọn.
Nhấp nút Next.



11. Chọn một hộp kiểm Add a Shortcut to This Connection to My Desktop nếu thích hợp.
Nhấp nút Finish. Wizard tạo ra nối kết, và tự nó đóng lại, rồi hiển thị hộp thoại Connect dành cho nối kết. Nối kết được mô tả trong mục kế tiếp.

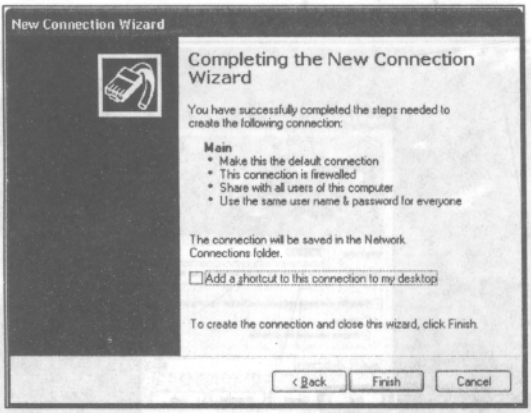

Sử dụng một quay số để nối kết Internet

Lúc bạn xác lập một nối kết Internet quay số (như mô tả ở các trang trước đây)

Windows lưu trữ chi tiết và nối kết để bạn có thể nối kết nó trở lại một cách nhanh chóng.

Nếu bạn không lưu trữ tên username và password trong nối kết Internet, bạn cần phải nhập chúng mỗi khi sử dụng nối kết. Việc lưu trữ thông tin này có thể phần nào không bảo đảm tính an toàn cho bạn, nhưng nó lại giúp cho bạn xác lập nối kết một cách nhanh chóng đáng kể .

1. Chọn Start > Contect To
Chọn Internet Connetion từ menu con Connection.
Windows hiển thị hộp thoại Connect dành cho nối kết.

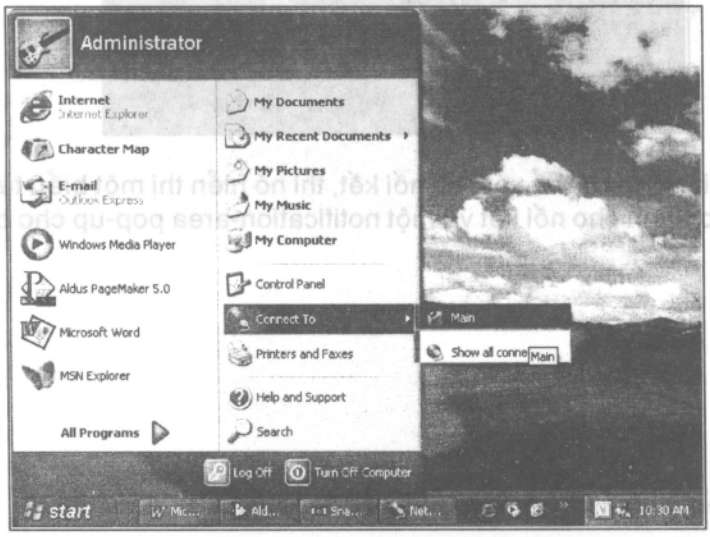

2. Nhập vào username và password nếu cần.
Chọn hộp kiểm Save This User Name and Password for the Following Users nếu thích hợp. Nếu bạn thực hiện điều này, hãy chọn nút tùy chọn Me Only hoặc nút tùy chọn Anyone Who User This Computer.

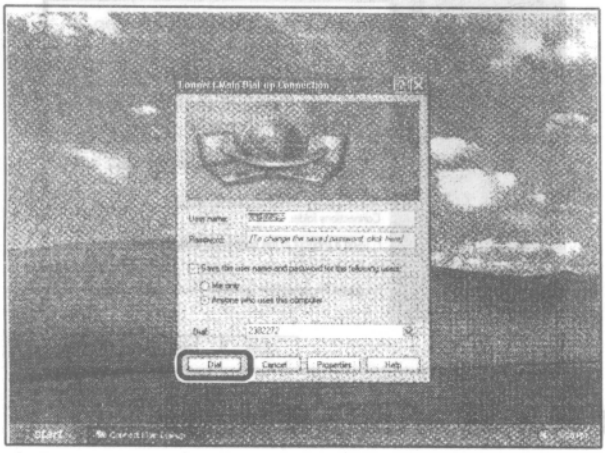

3. Nhấp nút Dial, Windows quay số cuộc nối kết.

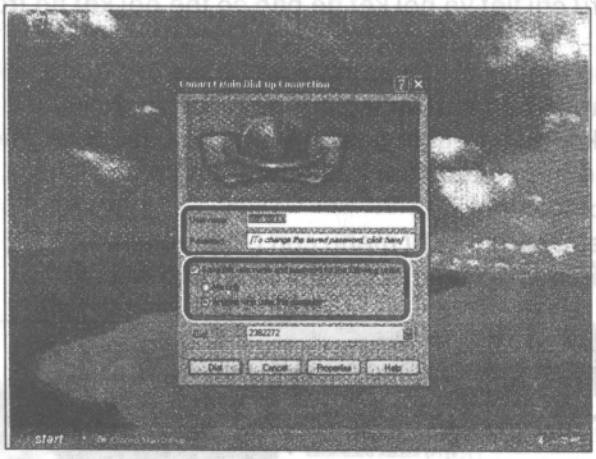

4. Nếu Windows có thể xác lập nối kết, thì nó hiển thị một biểu tượng vùng khai báo dành cho nối kết và một notification-area pop-up cho biết tốc độ nối kết.

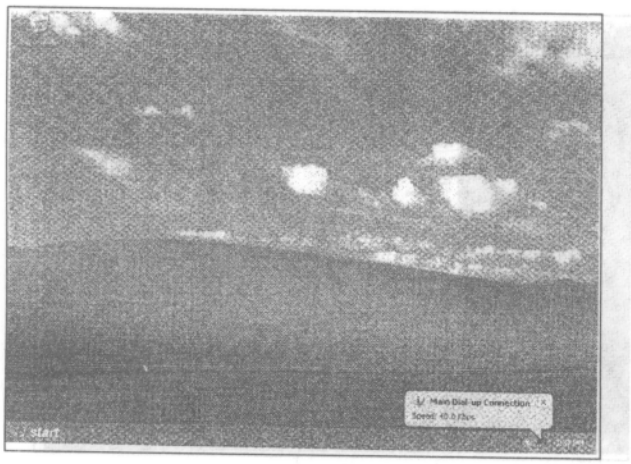

5. Để xem thông tin tóm lược về trạng thái của nối kết, hãy lượn con trỏ chuột lên trên biểu tượng notification-area.
Windows hiển thị một menu pop-up để chỉ các số lượng thống kê.



6. Để xem thông tin chi tiết về trạng thái nối kết, hãy nhấp biểu tượng notification-area.
Windows hiển thị hộp thoaại Status dành cho nối kết.
Nhấp nút Close để đóng lại hộp thoại Status.

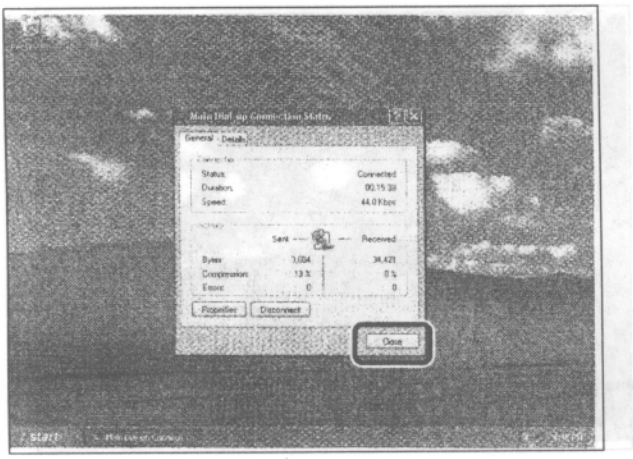

7. Để hủy nối kết, hãy nhấp phải lên biểu tượng notification-area và chọn Disconnect từ menu tắt.

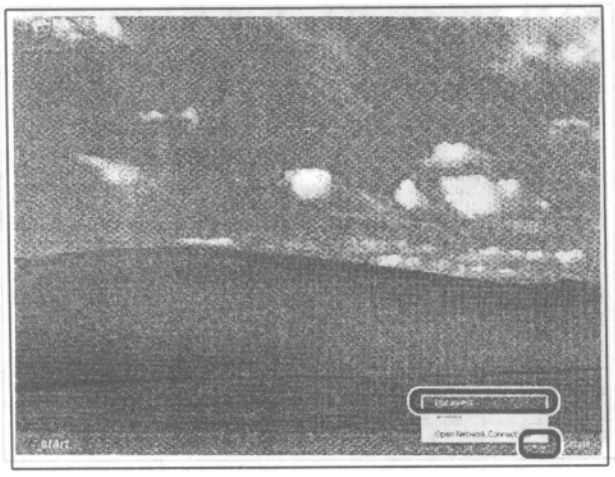

Trình duyệt Web

Windows XP có chứa Internet Explorer, một chương trình mạnh để trình duyệt Web. Internet Explorer có thể hiển thị nhiều kiểu nội dung Web khác nhau kể cả dạng text, mẫu, đồ họa, và các kiểu hoạt hình khác nhau.

Một khi bạn đã nối kết với Internet, bạn có thể truy cập vào bất cứ trang Web nào bằng cách nhập địa chỉ của nó. Địa chỉ Wen được gọi là một Uniform Resource Locator, hoặc URL. Nhiều trang Web có chứa các hyperlink (để nhảy) đến URL khác. Bạn có thể truy cập các URL này bằng cách nhấp lên các siêu liên kết.

1. Chọn Start > Internet. Windows khởi động Internet Explorer, sau đó hiển thị các trang chủ của bạn.

Nếu bạn không được nối kết với Internet, thì Windows nhắc bạn phải nối kết.



2. Để mở một trang Web, hãy nhấp thanh Address. Internet Explorer bật sáng nội dung hiện tại của Address bar.

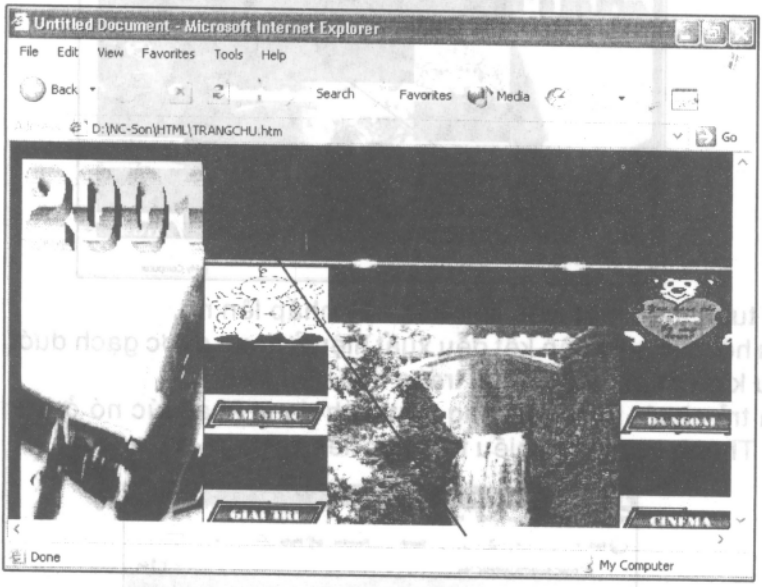

3. Gõ nhập URL dành cho Web site mà bạn muốn hiển thị. Bạn có thể bỏ qua chữ http:// xuất hiện ở đầu của nhiều URL. Internet Explorer bổ sung nội dung này một cách tự động.



4. Nhấn phím Enter hoặc nhấp nút Go. Internet Explorer hiển thị trang Web.

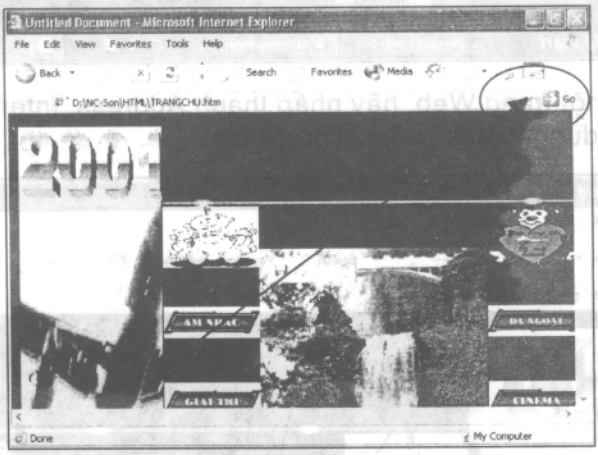

5. Để tuân theo một siêu liên kết, hãy nhấp lên nó.
Hầu hết các siêu liên kết đều xuất hiện ở dạng được gạch dưới, theo một màu khác hẳn, hoặc ở hai trạng thái nêu trên.
Con trỏ chuột thay đổi sang một hình dạng khác lúc nó ở trên siêu liên kết. Thanh trạng thái biểu thị được liên URL.

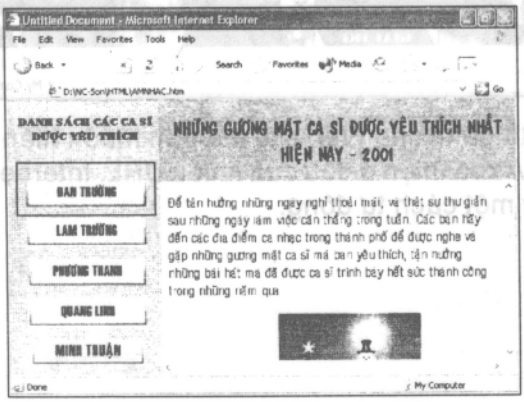

6. Để di chuyển trở về với trang Web trước đây bạn đã tham quan, hãy nhấp nút Back.
   Để di chuyển tới lại sau khi đã trở lùi, hãy nhấp nút Forward.

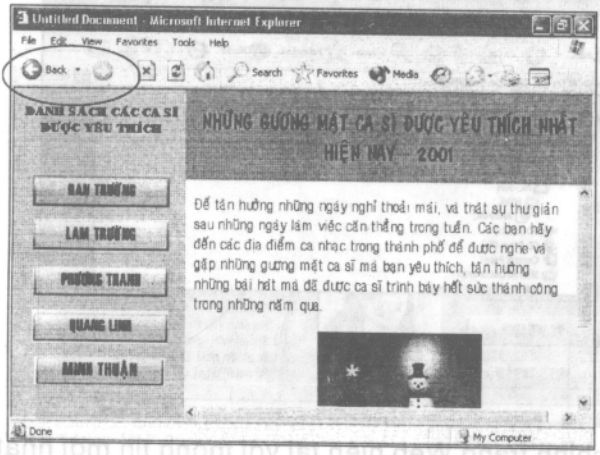

7. Để di chuyển tới lùi nhiều trang, hãy nhấp nút mũi tên trên nút Back hoặc nút Forward rồi chọn trang từ danh sách.

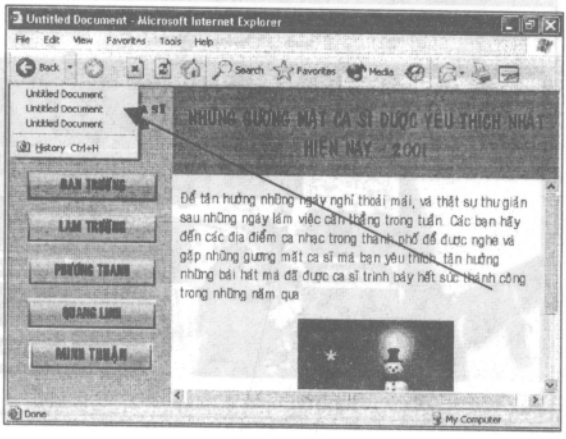

8. Để ngưng một trang hiện đang được hiển thị (ví dụ, nếu trang đó quá dài), hãy nhấp nút Stop.



9. Để trở về với một URL mà bạn vừa mới tham quan, hãy nhấp nút mũi tên trên thanh Address rồi chọn URL từ danh sách.

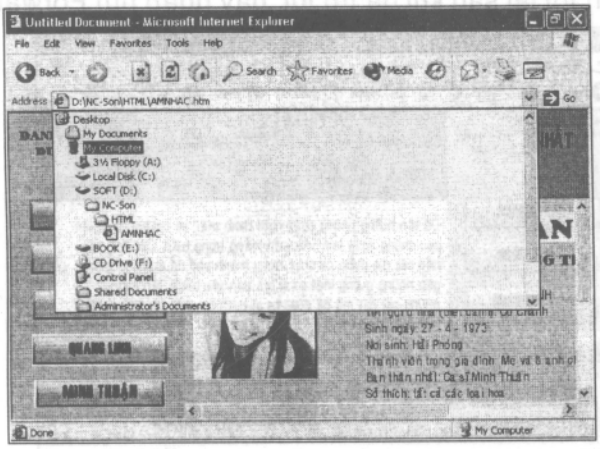

10. Để tinh chỉnh trang Web hiện tại với thông tin mới nhất, hãy nhấp nút Refresh hoặc nhấn phím F5.

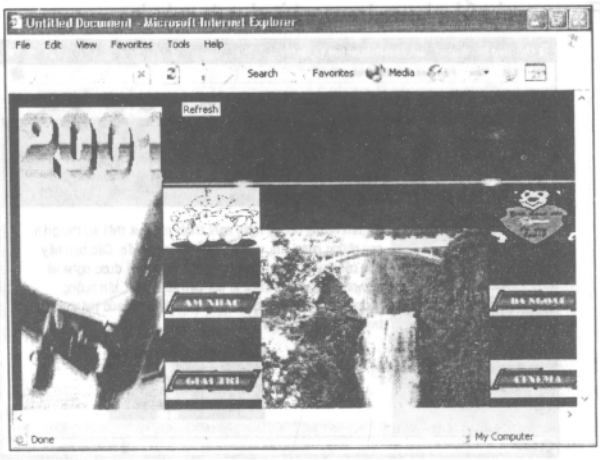

11. Để thoát Internet Explorer, hãy chọn File > Close hoặc nhấp nút Close.

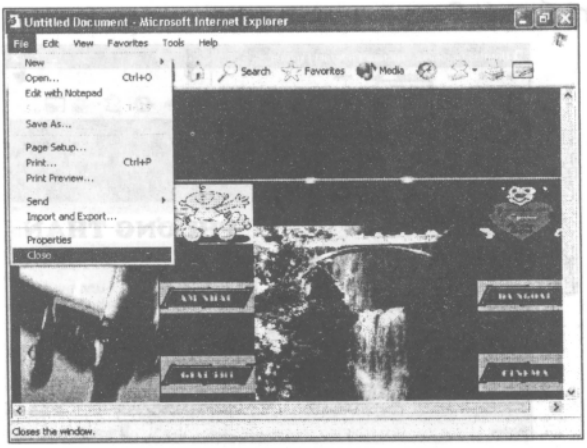

Thay đổi trang chủ (Home page)

Trang chủ là trang mà Internet Explorer tự động mở lúc bạn khởi động nó. Bạn cũng có thể hiển thị trang chủ của mình vào bất cứ lúc nào bằng cách nhấp lên nút Home trên thanh công cụ hoặc nhấn Alt+Home.

Internet Explorer sử dụng MSN làm trang chủ mặc định. Bạn cũng có thể thay đổi trang chủ này sang một site khác do bạn chọn để có thể xem thấy thông tin mà bạn quan tâm lúc bạn khởi động Internet Explorer. Bạn cũng có thể sử dụng bất cứ URL đúng nào dành cho trang chủ của mình. Còn một cách khác nữa, bạn cũng có thể sử dụng một file hoặc folder cục bộ làm trang chủ. Ví dụ, bạn có thể tạo một file HTML chứa các liên kết đến các site mà bạn thích nhất và sử dụng file đó làm trang chủ để nhanh chóng truy cập vào các site này.

1. Định hướng đến trang Web, file cục bộ, hoặc folder mà bạn muốn dùng làm trang chủ.

   Chọn Tools > Internet Options. Internet Explorer hiển thị General tab của hộp thoại Internet Options.

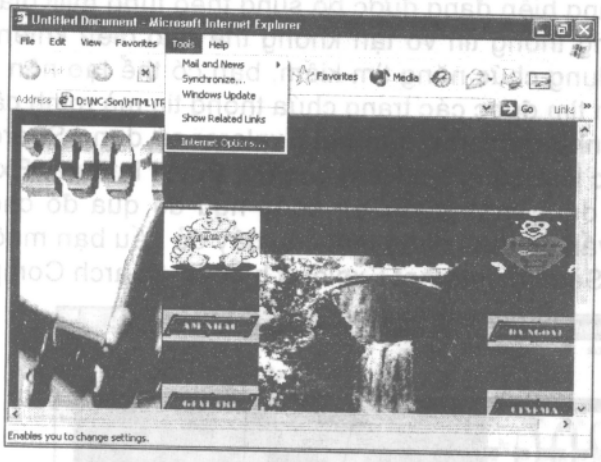

2. Nhấp nút Use Current.

   Nhấp nút OK. Internet Explorer đóng hộp thoại Internet Options.

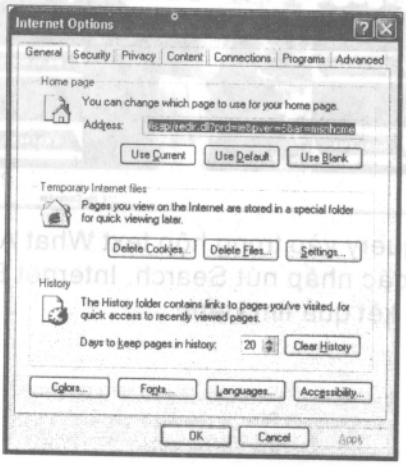

3. Để truy cập trang chủ của mình, hãy nhấp nút Home.

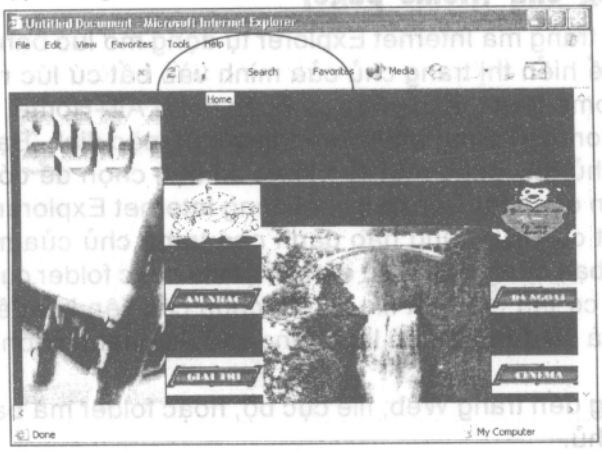

Tìm kiếm Web

Với nhiều trang hiện đang được bổ sung theo từng milli giây, Web dường như là một luồng thông tin vô tận không thể nào điều khiển được. Nhưng bằng cách sử dụng chức năng tìm kiếm, bạn có thể tạo nên một vài trật tự hoặc ít nhất bạn tìm được các trang chứa thông tin mà mình cần.

Cũng giống như Explorer, Internet Explorer sử dụng Search Companion để trình bày các khả năng tìm kiếm của nó. Bởi vì Internet Explorer, Search Companion sử dụng một giao diện ngôn ngữ để qua đó cho bạn tạo nên những cụm từ vấn tin dưới dạng một câu đầy đủ nếu bạn muốn.

1. Nhấp nút Search. Internet Explorer hiển thị Search Companion.

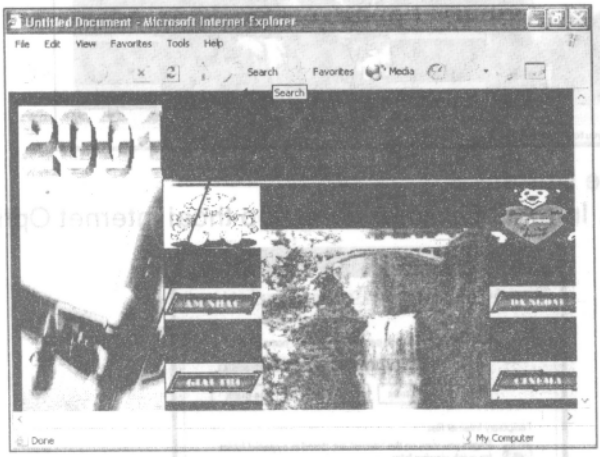

2. Nhập câu vấn tin query vào trong hộp text What Are You Looking For. Nhấn phím Enter hoặc nhấp nút Search. Internet Explorer thực thi việc tìm kiếm và hiển thị kết quả tìm kiếm.

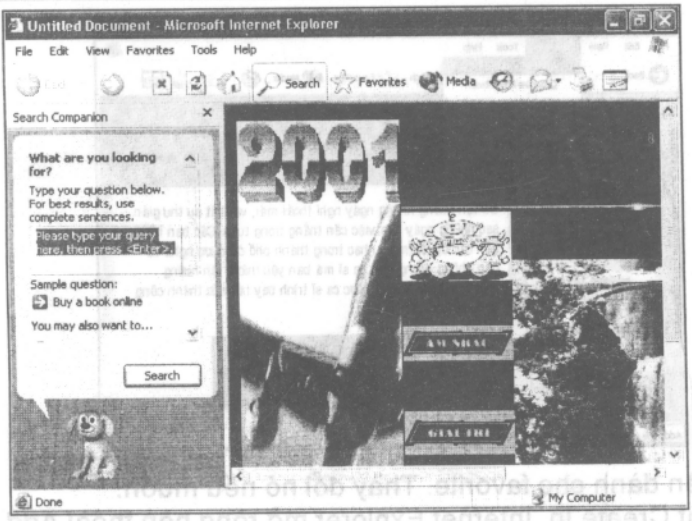

3. Nhấp kết quả để hiển thị trang của nó.
   Còn một cách khác nữa, hãy tuân theo một trong cac1 liên kết tìm kiếm trong Search Companion.
   Nhấp nút Search một lần nữa để làm ẩn Search Companion.

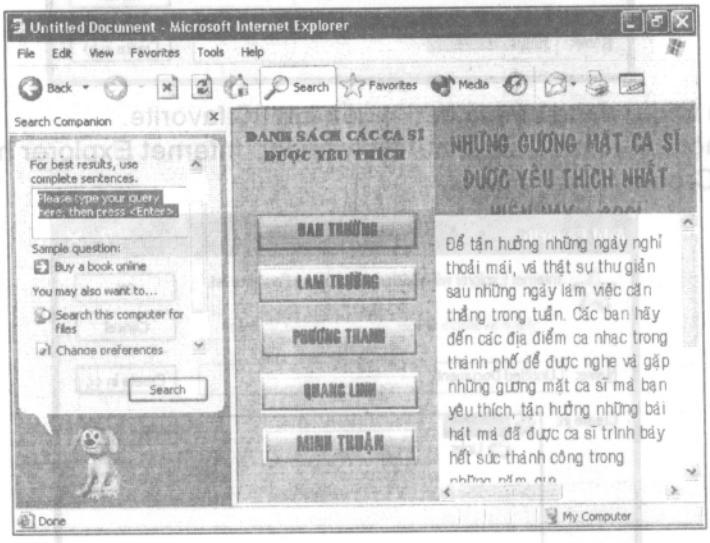

Tạo và truy cập favorites

Tính năng favorites của Internert Explorer cho phép bạn giữ một danh sách các trang Web (hoặc các file cục bộ, hoặc các file) mà bạn muốn có thể truy cập vào một cách nhanh chóng. Bạn có thể chia các favorite của mình thành các folder để giữ chúng một cách có hệ thống, và bạn có thể xuất danh sách các favorite để sao chép dự phòng hoặc để sử dụng trên một máy tính khác.

1. Mở trang Web, file, hoặc folder mà bạn mốn tạo một favorite.
   Chọn Favorites > Add to Favorites. Internet Explorer hiển thị hộp thoại Add Favorites.

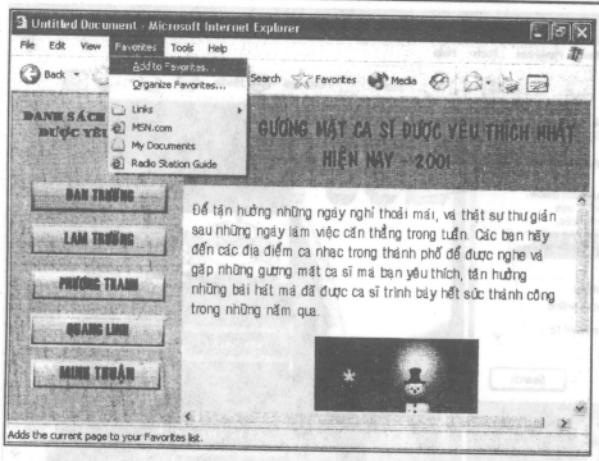

2. Chọn tên dành cho favorite. Thay đổi nó nếu muốn.
Nhấp nút Create In. Internet Explorer mở rộng hộp thoại Add Favorites

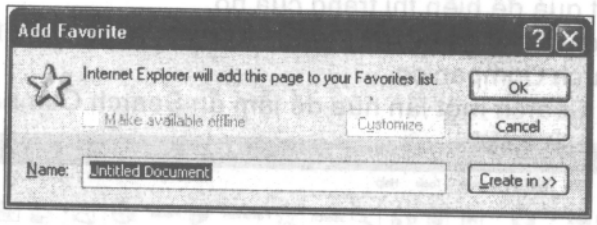

3. Chọn folder đang có mà bạn muốn lưu trữ favorite.
Tạo một folder mới, nhấp nút New folder. Internet Explorer hiển thị hộp thoại Create New Folder.

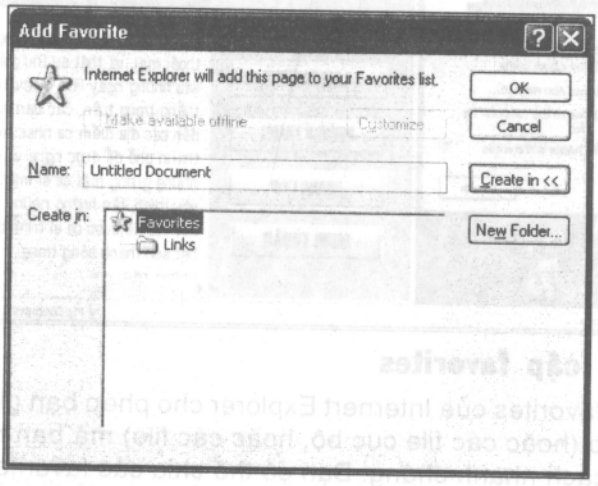

4. Nhập vào tên của folder.
Nhấp nút Ok, Internet Explorer đóng hộp thoại, tạo folder, và chọn nó trong hộp thoại Add Favorite.

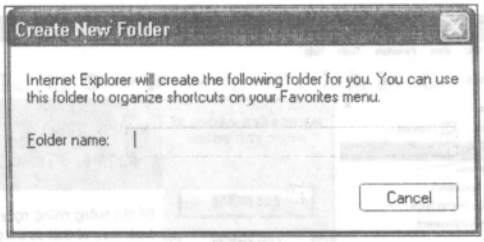

5. Nhấp nút OK. Internet Explorer đóng hộp thoại và tạo favorite.

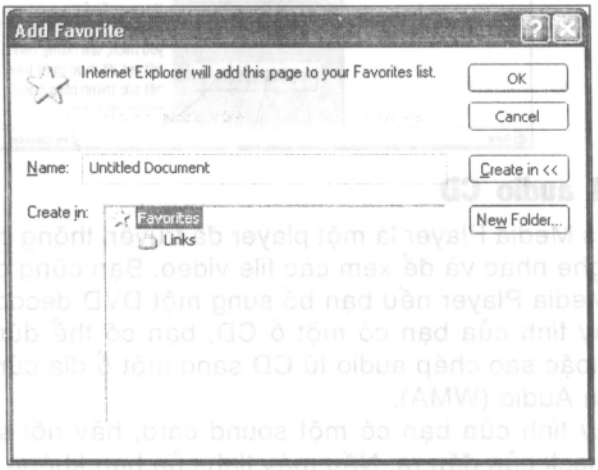

6. Để truy cập vào một favorite, chọn nó từ menu Favorites.

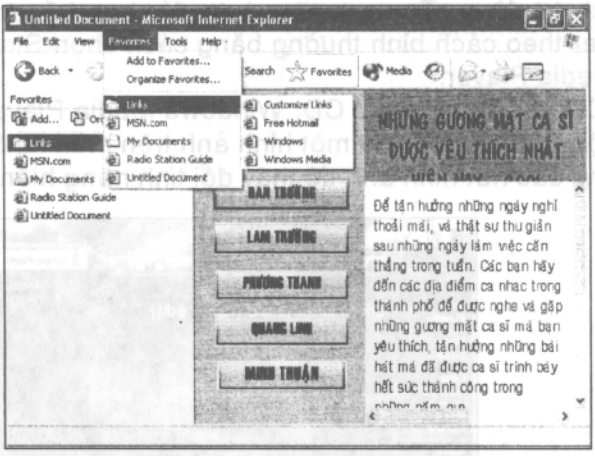

7 Để trình duyệt và truy cập các favorite, hãy sử dụng thanh Favorite Explorer.

Nhấp nút Favorites trên thanh công cụ. Internet Explorer hiển thị thanh Favorites Explorer.

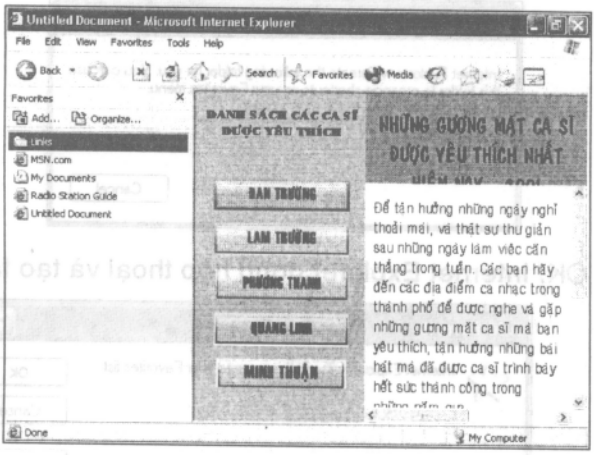

Nghe một audio CD

Windows Media Player là một player đa truyền thông có khả năng mà bạn dùng để nghe nhạc và để xem các file video. Bạn cũng có thể xem DVD với Windows Media Player nếu bạn bổ sung một DVD decoder vào Windows.

Nếu máy tính của bạn có một ổ CD, bạn có thể dùng nó để nghe một audio CD hoặc sao chép audio từ CD sang một ổ đĩa cứng làm các file Windows Media Audio (WMA).

Nếu máy tính của bạn có một sound card, hãy nối speaker hoặc headphone vào jack của đầu ra. Nếu máy tính của bạn không có một sound card, hãy nối speakers hoặc headphones vào jack của đầu ra trên ổ CD. Nếu Audio không hoạt động trên máy tính của bạn, thì CD sẽ không bắt đầu thực thi một cách tự động. Trong trường hợp đó, bạn hãy khởi động Windows Media Player theo cách bình thường bằng cách chọn Start > All Programs > Windows Media Player.

1. Đưa CD vào trong ổ đĩa CD. Windows Media Player mở tự động, hãy khởi động CD và hiển thị một hình ảnh trên màn hình Now Playing. Sử dụng các nút hình ảnh để thay đổi tính năng hiển thị hình ảnh.

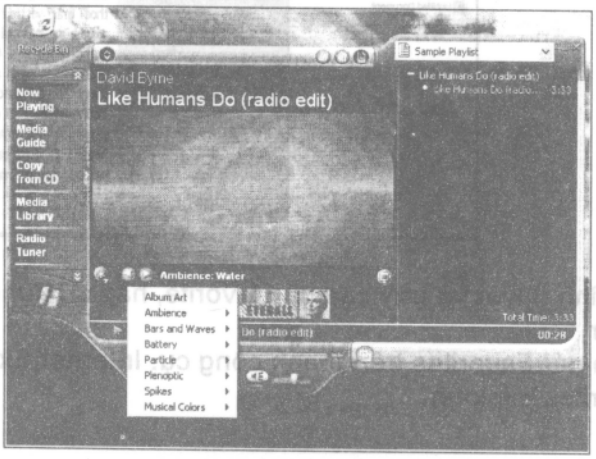

2. Sử dụng play control để điều khiển cuộc trình diễn.
Rê thước trượt Volume slider để điều khiển âm lượng.
Nhấp nút Mute/Sound để làm câm và nghe lại âm thanh.

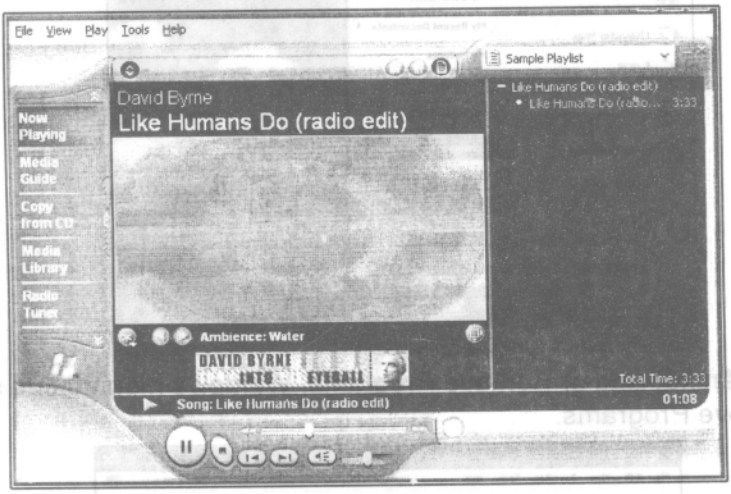

3. Để nhảy đến một bài hát, hãy nhấp đúp nó trên playlist.

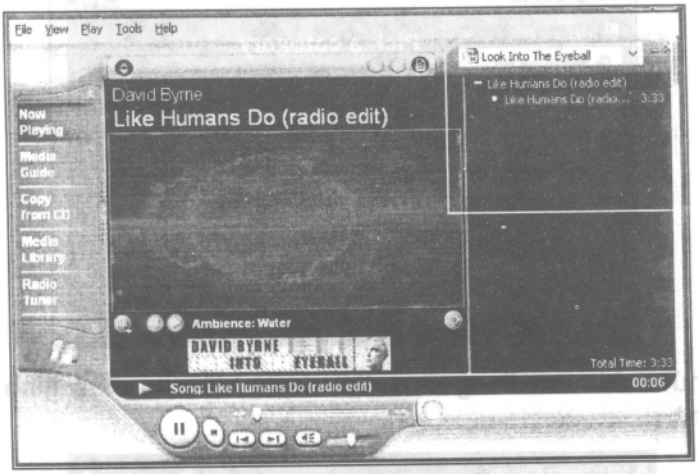

Cài đặt một chương trình

Windows đưa ra các mục chọn lựa hiện đại nhất của các chương trình bị giới hạn (chẳng hạn như Notepad, WordPad, và Paint), nhưng bạn có thể bổ sung nhiều chương trình đa dạng cho chúng.

Nếu bạn nhận được chương trình trên một phương tiện vật lý, chẳng hạn như đĩa mềm, CD-ROM, DVD, hay một đĩa có thể chuyển dời được, thì hãy đưa đĩa vào trong ổ đĩa phù hợp. Nếu bạn tải file, bạn chỉ cần biết nơi mà bạn đã lưu nó.

Trước khi cài đặt một chương trình, tốt nhất bạn hãy đóng tất cả các chương trình đang mở. Điều này không phải luôn luôn cần thiết, nhưng cũng có thể xảy ra trường hợp các file mà bạn đang cài đặt sẽ làm xung khắc với các file hiện đang được dùng bởi các chương trình đang mở.

1. Chọn Start > Control Panel. Windows hiển thị Control Panel.



2. Nhấp liên kết Add or Remove Programs. Windows hiển thị cửa sổ Add or Remove Programs.

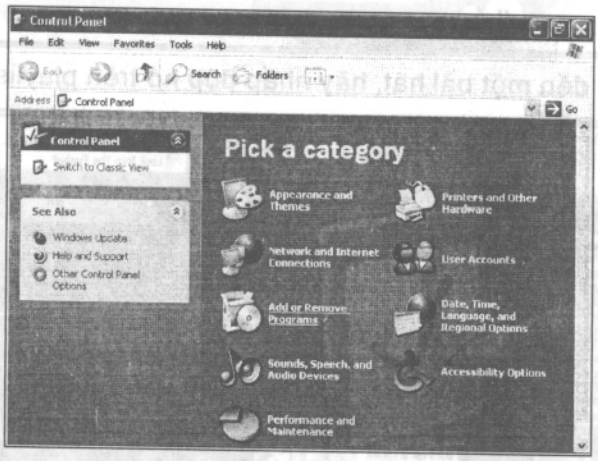

3. Nhấp nút Add New Programs. Windows hiển thị màn hình Add New Programs.

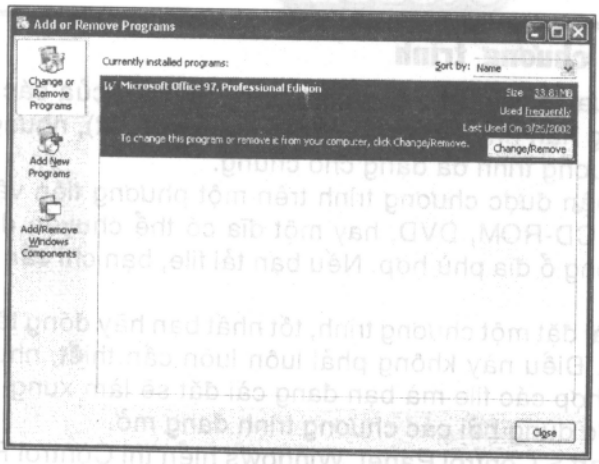

4. Nhấp nút CD or Floppy. Windows hiển thị Install Programs từ Floppy Disk hoặc từ màn hình CD-ROM.

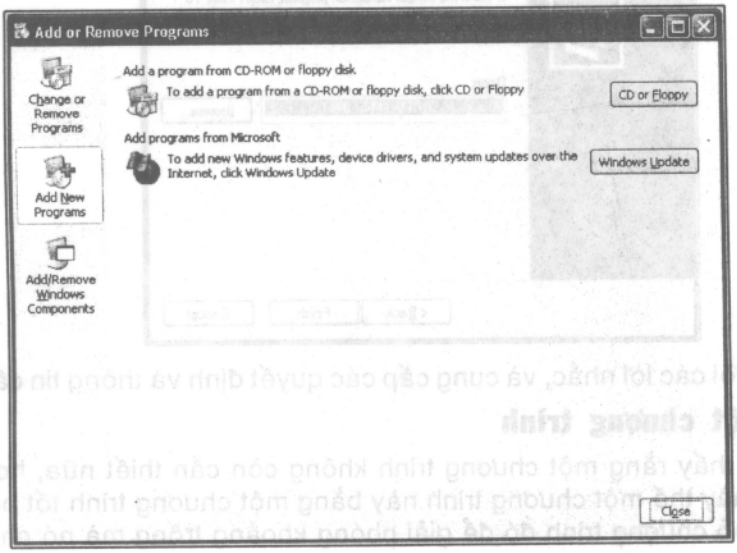

5. Nếu chương trình hiện đang ở trên một CD hoặc một đĩa mềm, và bạn đã không chèn đĩa, thì hãy thực hiện điều này ngay bây giờ.
Hãy nhấp nút Next. Windows tìm kiếm ổ đĩa mềm và ổ CD để cài đặt file và hiển thị hộp thoại Run Installation Programs.

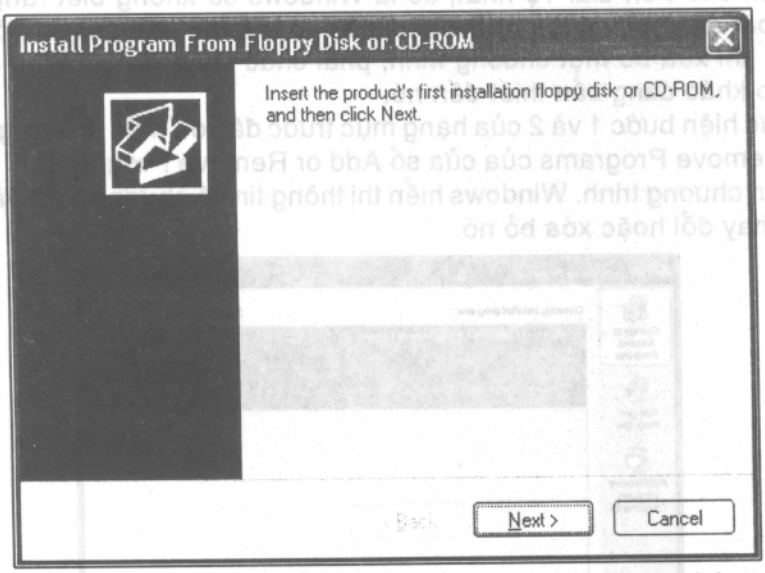

6. Nếu Windows tìm thấy một file cài đặt, thì nó liệt kê trong hộp text Open. Phải chắc chắn rằng đây là file đúng. Nếu không, hoặc nếu Windows không tìm thấy file, thì hãy nhấp lên nút Browse và sử dụng hộp thoại Browse để định vị trí file cài đặt.
Nhấp nút Finish. Windows khởi động thường trình cài đặt dành cho chương trình.

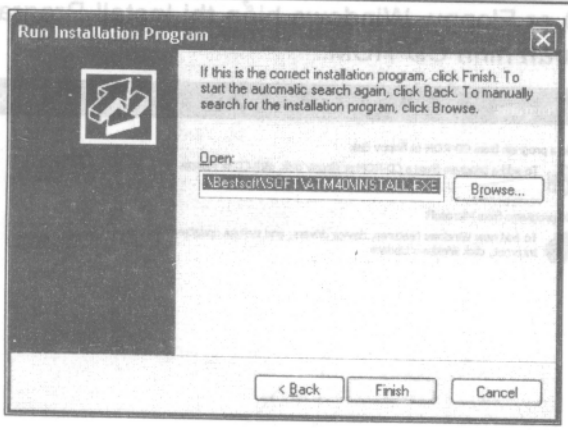

7. Theo dõi các lời nhắc, và cung cấp các quyết định và thông tin cần thiết.

Xóa bỏ một chương trình

Nếu bạn thấy rằng một chương trình không còn cần thiết nữa, hoặc nếu bạn muốn thay thế một chương trình này bằng một chương trình tốt hơn, bạn có thể xóa bỏ chương trình đó để giải phóng khoảng trống mà nó chiếm giữ trên đĩa.

Để xóa bỏ một chương trình, hãy luôn luôn sử dụng thủ tục được minh họa trong trang này. Nếu bạn thử xóa bỏ một chương trình bằng cách xóa bỏ các file của nó thì bạn sẽ chỉ có thể xóa bỏ một phần của nó mà thôi, vì thế nó sẽ vẫn chiếm chỗ trên đĩa. Tệ nhất, đó là Windows sẽ không biết rằng bạn đã ngưng hoạt động chương trình và điều này có thể tạo nên các sự cố.

Trước khi xóa bỏ một chương trình, phải chắc chắn rằng không có người dùng nào khác đang cần thiết đến nó.

1. Thực hiện bước 1 và 2 của hạng mục trước đây để hiển thị trang Change or Remove Programs của cửa sổ Add or Remove Programs.
   Chọn chương trình. Windows hiển thị thông tin về chương trình và các nút để thay đổi hoặc xóa bỏ nó.

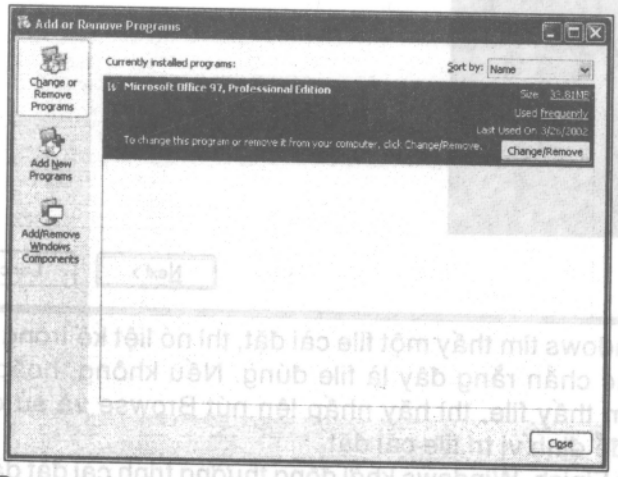

2. Nhấp nút Remove hoặc nút Change/Remove. Windows khởi động thường trình hủy cài đặt dành cho chương trình đó.

Hầu hết các thường trình hủy cài đặt hiển thị một vài kiểu hộp thoại khẳng định.

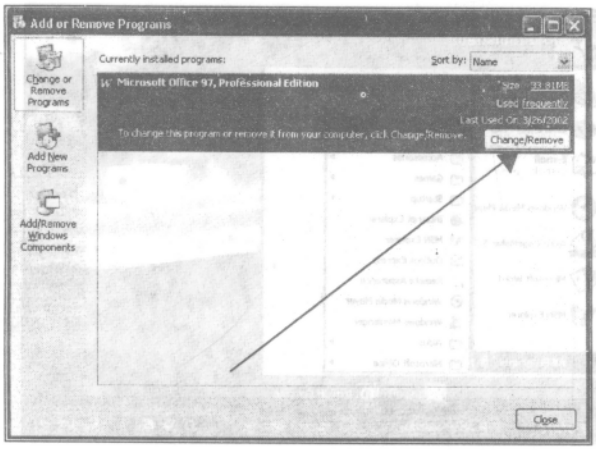

3. Chọn nút confirmation trong bất cứ hộp thông tin khẳng định nào.

Bạn cũng có thể cần phải chọn các tùy chọn hủy cài đặt và khẳng định việc xóa bỏ một vài file.

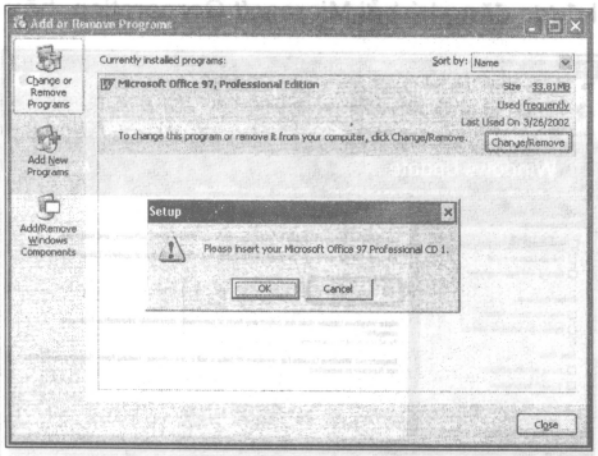

Giữ cho Windows được cập nhật với chương trình Windows Update

Windows Update giữ bản sao khác tính năng cập nhật Windows và tính năng an toàn bằng cách tải và cài đặt các chương trình cập nhật mới nhất, các mục bổ sung và các tính năng an toàn mà Microsoft đưa ra. Để sử dụng Windows Update, máy tính của bạn cần phải được nối kết với Internet.

Theo mặc định, Windows Update từ bản thân nó sẽ chạy một cách định kỳ, tải các file cập nhật mà bạn muốn cài đặt, và nhắc bạn phải cài đặt chúng. Nếu muốn, bạn có thể chạy Windows Update bằng tay như được mô tả trong mục này. Bạn cũng có thể chạy Windows Update từ Help and Support Center.

Bởi vì Windows Update được thực thi thông qua Microsoft Web site, cho nên giao diện có thể thay đổi so với các màn hình mà bạn xem thấy ở đây.

1. Chọn Start > All Programs > Windows Update. Windows mở một cửa sổ Internet Explorer cho Windows Update Web site.

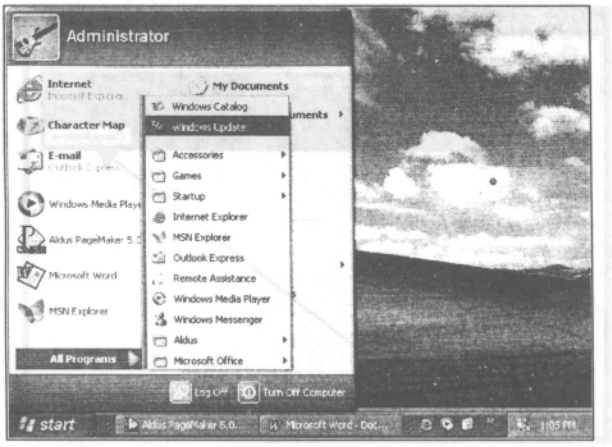

2. Nhấp liên kết Scan for Updates. Windows quét chụp các nội dung cập nhật có sẵn và đưa ra một danh sách.
Nếu bạn xem thấy hộp thoại Security Warning yêu cầu bạn phải cài đặt các control được đăng ký bởi Microsoft Corporation, hãy chọn nút Yes.

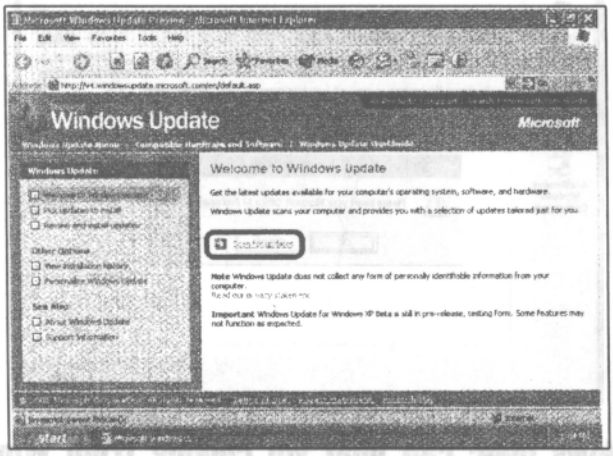

3. Nhấp liên kết Review and Install Update. Windows hiển thị thông tin về nội dung cập nhật.
Nếu không có các nội dung cập nhật đúng tiêu chuẩn, bạn có thể chọn các nội dung cập nhật khác trong Pick Update to Install area.

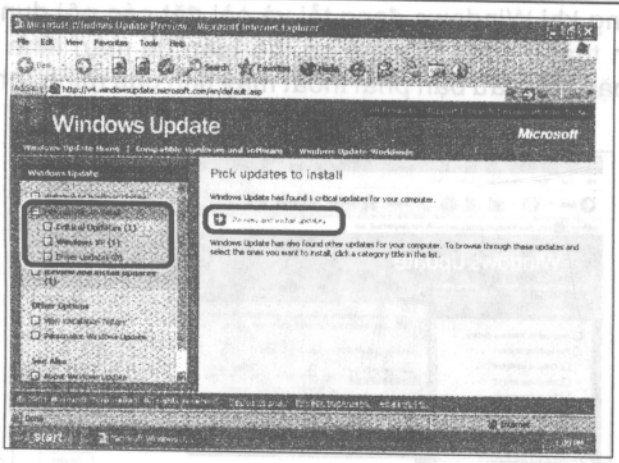

4. Nhấp nút Remove để xóa bỏ bất cứ nội dung cập nhật nào mà bạn không muốn cài đặt.
   Nhấp nút Install Now. Windows có thể hiển thị một đề nghị về bản quyền

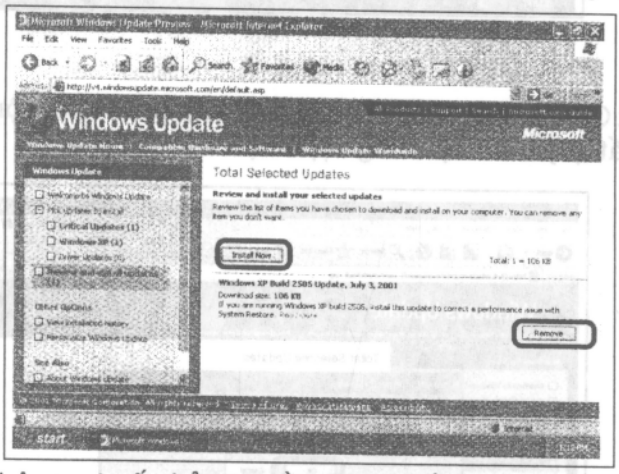

5. Nhấp nút Accept nếu bản quyền được chấp nhận.

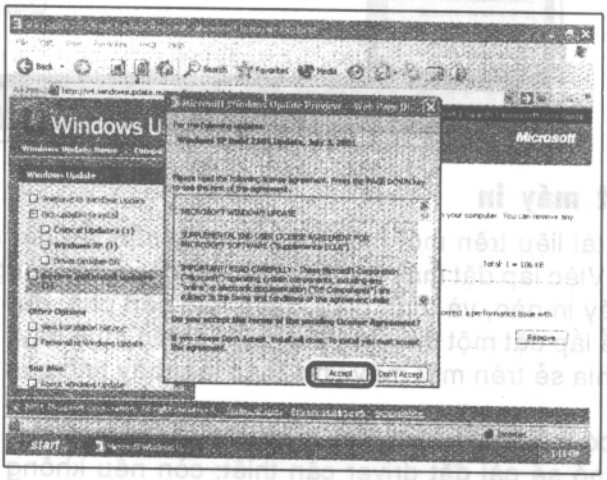

6. Chờ đợi trong khi Windows đang tải và cài đặt các nội dung cập nhật. Lúc đã hoàn thành công việc nó có thể hiển thị màn hình INstallation Complete hoặc yêu cầu bạn phải thoát máy tính của mình (như minh họa ở đây).

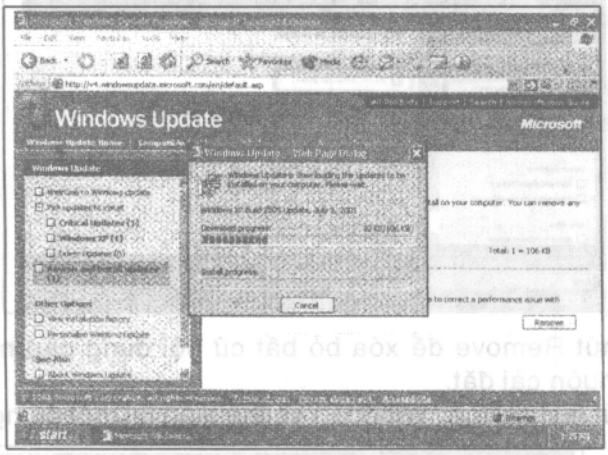

7. Nhấp nút OK để khởi động lại máy tính. Windows khởi động lại máy tính và hoàn tất quy trình nội dung cập nhật.

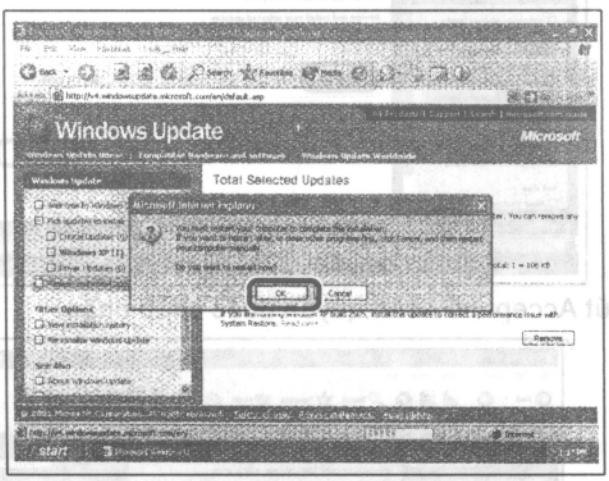

Cài đặt một máy in

Để in các tài liệu trên một máy in, bạn phải cần lắp đặt máy in trên máy tính của bạn. Việc lắp đặt máy in cho phép Windows biết rằng máy in đang có ở đó, kiểu máy in nào, và trình điều khiển nào cần phải dùng cho nó.

Bạn có thể lắp đặt một máy in (như mô tả trong mục này) hoặc nối kết vào một máy in chia sẻ trên một máy tính khác mà máy tính của bạn đã được kết mạng.

Windows có thể dò tìm một máy in cục bộ lúc bạn cài đặt nó vào máy tính. Nếu vậy, thì nó sẽ cài đặt driver cần thiết; còn nếu không thì nó nhắc bạn

phải khởi động quy trình cài đặt. Nếu Windows không dò tìm máy in, có thể bạn cài đặt nó theo cách thức bằng tay như minh họa ở đây.

1. Chọn Start > Control Panel, Windows hiển thị Control Panel.

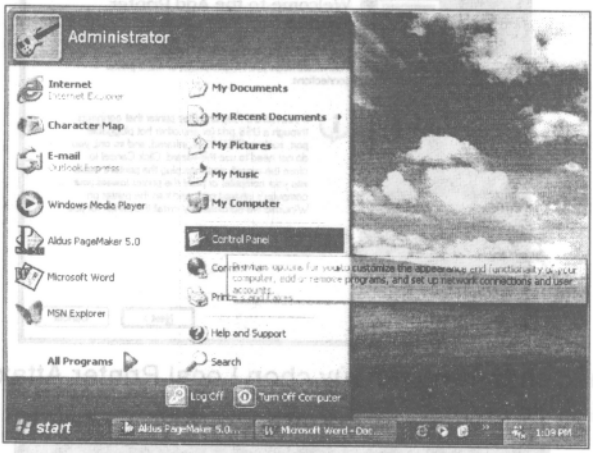

2. Nhấp liên kết Printers and Other Hardware. Windows hiển thị màn hình Printers and Other Hardware.

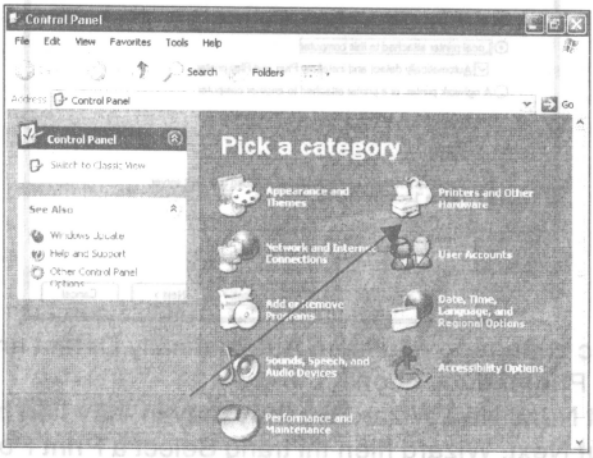

3. Nhấp liên kết Add a Printer, Windows khởi động Add Printer Wizard, qua đó hiển thị màn hình đầu tiên của nó.

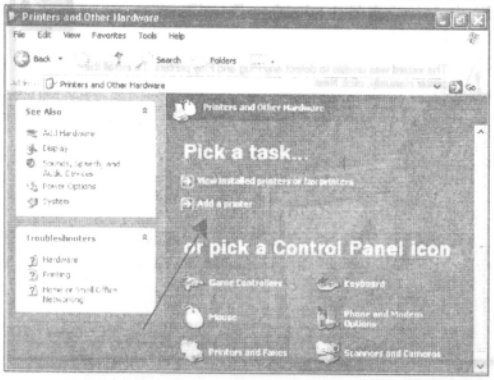

4. Nhấp nút Next. Wizard hiển thị màn hình Local or Network Printer



5. Phải chắc chắn rằng nút tùy chọn Local Printer Attaxhed to This Computer đã được chọn.

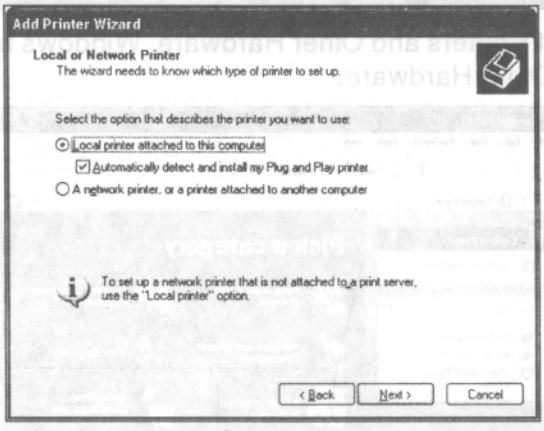

Phải chắc chắn rằng hộp kiểm Automatically Detect and Install My Plug and Play Printer được chọn.

Nhấp nút Next. Nếu Wizard tìm thấy máy in, hãy tiến hành bước 12.

6. Nhấp nút Next. Wizard hiển thị trang Select a Print Port.

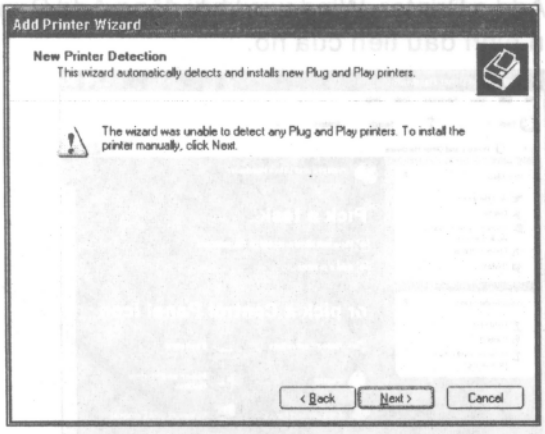

7. Chọn cổng trong danh sách xổ xuống Use the Following Port.
Nhấp nút Next. Wizard hiển thị màn hình Install Printer Software.

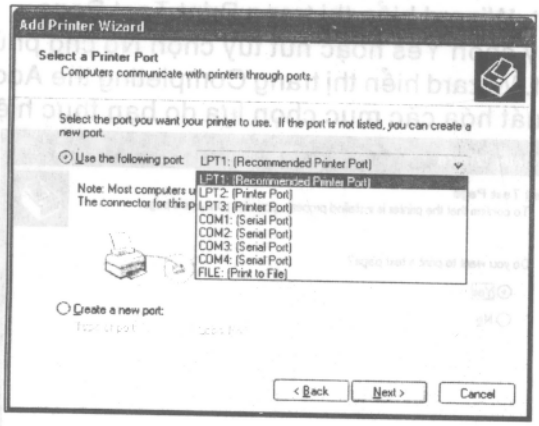

8. Chọn nhà sản xuất và mẫu máy in.
Nhấp nút Next. Wizard hiển thị màn hình Name Your Printer.

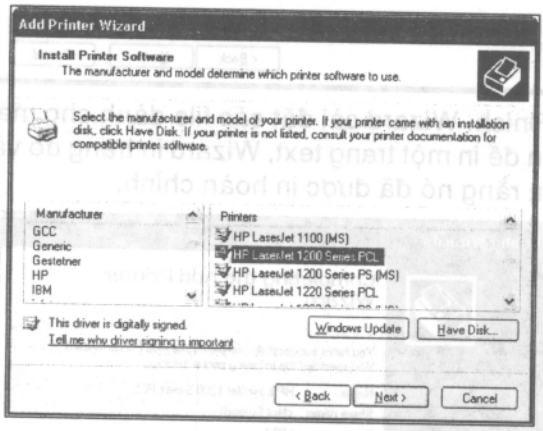

9. Thay đổi tên dành cho máy in nếu bạn muốn.
Nhấp nút Next. Wizard hiển thị trang Printer Sharing.

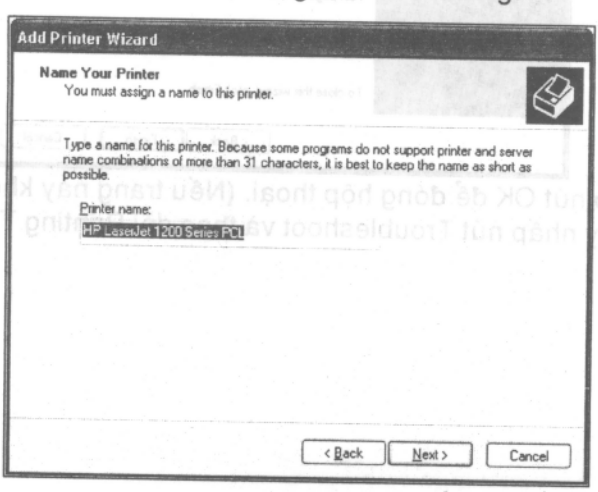

10. Nếu bạn muốn chia sẻ máy in với những máy tính khác, hãy chọn nút tùy chọn Share Name rồi nhập vào tên trong text box.
Nhấp nút Next. Wizard hiển thị trang Print Test Page.
11. Chọn nút tùy chọn Yes hoặc nút tùy chọn No cho phù hợp.
Nhấp nút Next. Wizard hiển thị trang Completing the Add Printer Wizard, sau đó khái quát hóa các mục chọn lựa do bạn thực hiện.

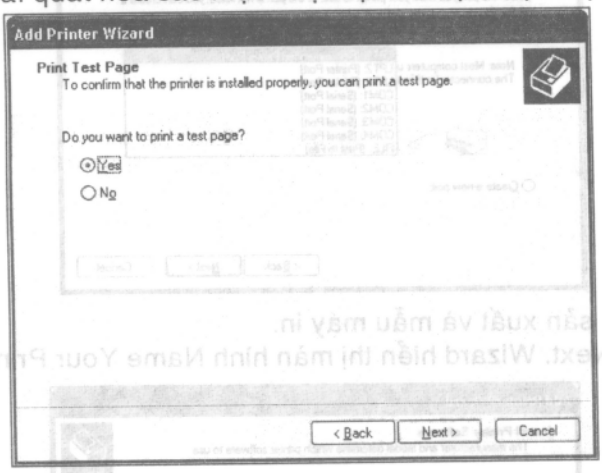

12. Nhấp nút Finish. Wizard cài đặt các file dành cho máy in.
Nếu bạn chọn để in một trang text, Wizard in trang đó và hiển thị một hộp thoại kiểm tra rằng nó đã được in hoàn chỉnh.

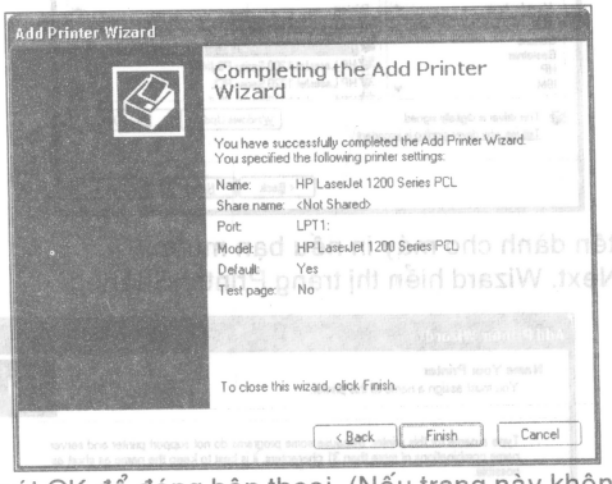

13. Nhấp nút OK để đóng hộp thoại. (Nếu trang này không in hoàn chỉnh, bạn hãy nhấp nút Troubleshoot và theo dõi Printing Troubleshooter.)

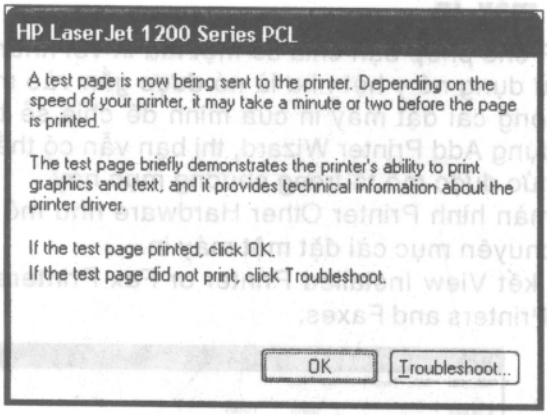

14. Máy in mặc định được gán bởi một khoanh tròn màu đen có chứa một dấu kiểm trắng.
Để cài đặt một máy in mặc định, hãy nhấp phải lên máy in đó rồi chọn Set As Default Printer từ menu tắt.

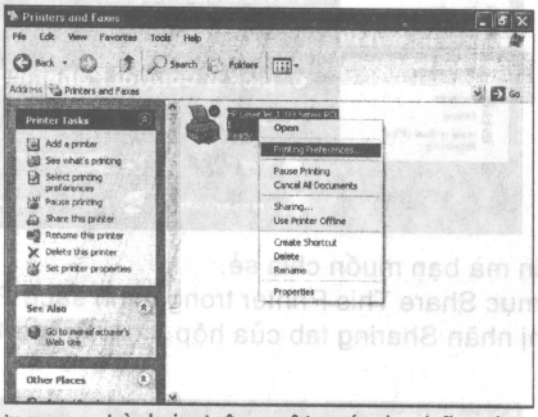

15. Để tạm ngưng quy trình in trên một máy in, hãy chọn nó và nhấp liên kết Pause Printing trong danh sách Printer Tasks.
Để tiếp tục in, hãy nhấp liên kết Resume Printing tạo thành trong danh sách Printer Tasks.

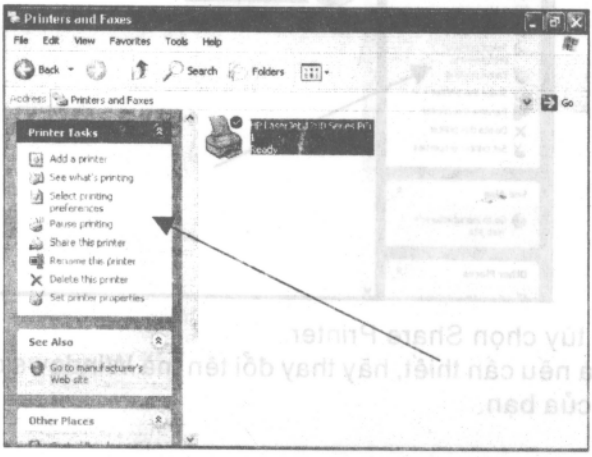

Chia sẻ một máy in

Windows XP cho phép bạn chia sẻ một má in với những người dùng khác để họ có thể sử dụng nó y hệt như là nó được gắn vào máy tính của họ.

Nếu bạn không cài đặt máy in của mình để chia sẻ trong lúc cài đặt nó bằng cách sử dụng Add Printer Wizard, thì bạn vẫn có thể xác lập nó để chia sẻ theo cách thức được mô tả trong chương mục này.

1. Hiển thị màn hình Printer Other Hardware như mô tả trong bước 1 và bước 2 ở chuyên mục cài đặt một máy in.
   Nhấp liên kết View Installed Printer or Fax Printers. Windows hiển thị màn hình Printers and Faxes.

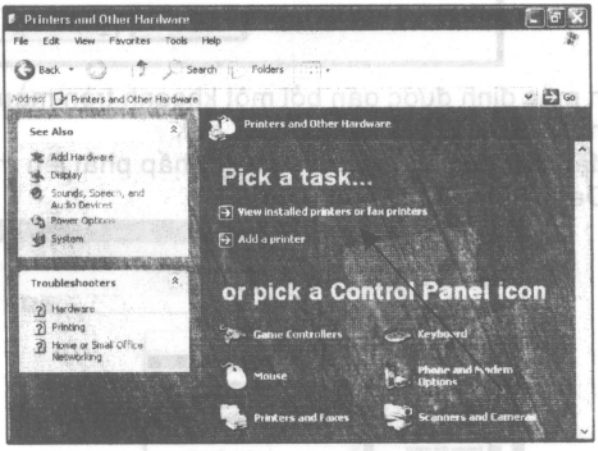

2. Chọn máy in mà bạn muốn chia sẻ.
   Nhấp hạng mục Share This Printer trong danh sách Printer Tasks. Windows hiển thị nhãn Sharing tab của hộp thoại Properties dành cho máy in.

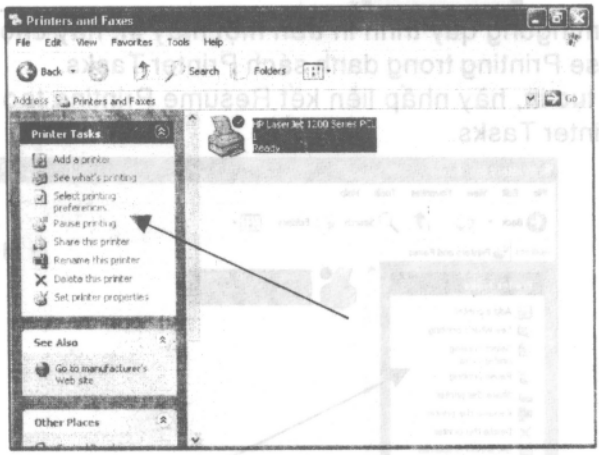

3. Chọn nút tùy chọn Share Printer.
   Kiểm tra và nếu cần thiết, hãy thay đổi tên mà Windows đề nghị cho máy in chia sẻ của bạn.

Nhấp nút OK. Windows chia sẻ máy in và đóng hộp thoại Properties.

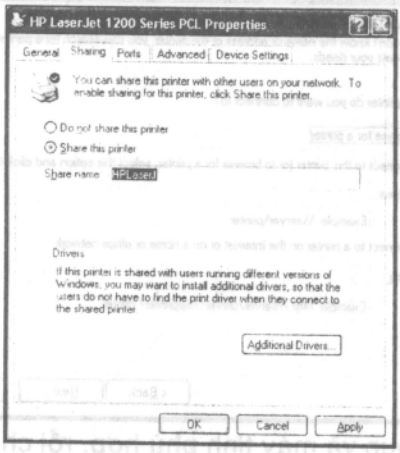

Nối kết vào một máy in chia sẻ

Thay vì cài đặt một máy in cục bộ, bạn có thể nối kết vào máy in chia sẻ bởi một máy tính mà máy tính của bạn được kết mạng. Một máy in như thế được gọi là một máy in mạng (network printer). Bạn có thể in sang một máy in mạng y hệt như bạn in trên một máy in cục bộ.

1. Hiển thị nhãn Local or Network Printer của Add Printer Wizard và tuân theo các bước 1 cho đến bước 4 ở phần cài đặt máy in.
   Chọn một Network Printer, hoặc một nút tùy chọn Printer Attached to Another Computer. Nhấp nút Next.

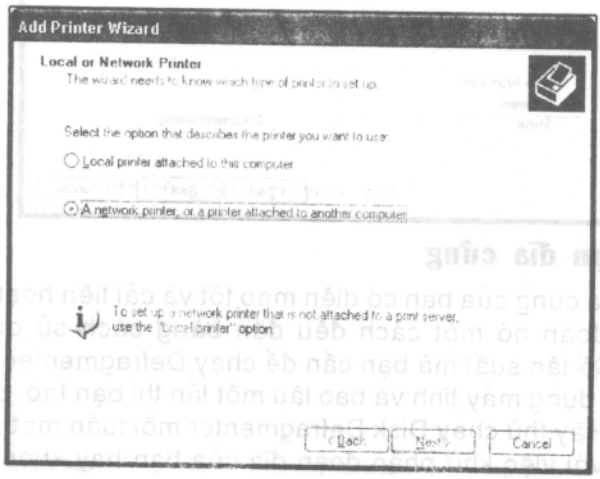

2. Phải chắc chắn nút tùy chọn Browse for a Printer đã được chọn. Nhấp nút Next. Wizard hiển thị màn hình Browse for Printer.

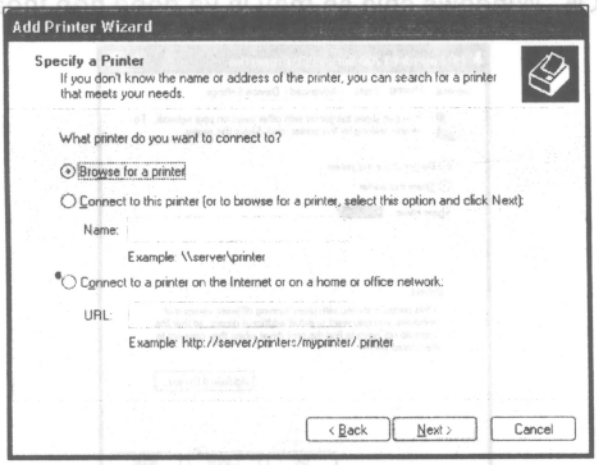

3. Mở rộng workgroup và máy tính phù hợp, rồi chọn máy in chia sẻ. Tuân theo các bước còn lại của Wizard để chỉ định đây là máy in mặc định và hoàn tất Wizard (hãy xem lại phần cài đặt máy in)

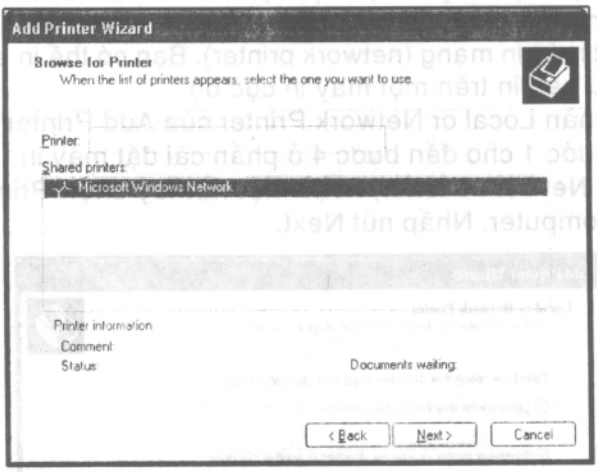

Khử phân đoạn đĩa cứng

Để giữ cho đĩa cứng của bạn có diện mạo tốt và cải tiến hoạt động của đĩa, hãy khử phân đoạn nó một cách đều đặn bằng cách sử dụng trình Disk Defragmenter. Số tần suất mà bạn cần để chạy Defragmenter phụ thuộc vào cách mà bạn sử dụng máy tính và bao lâu một lần thì bạn tạo, chỉnh sửa hoặc xóa bỏ các file. Hãy thử chạy Disk Defragmenter mỗi tuần một lần và xem thử nó có phù hợp với việc khử phân đoạn đĩa của bạn hay không. Nếu không, bạn hãy giảm tần suất chạy Disk Defragmenter.

Việc khử phân đoạn một dung lượng (một ổ đĩa) có thể mất nhiều giờ, vì thế không nên sử dụng máy tính trong quy trình khử phân đoạn. Hãy xác lập Disk Defragmenter để cho phép hoạt động khi bạn không sử dụng máy tính trong nhiều giờ ví dụ, vào ban đêm.

Trước khi khử phân đoạn một máy tính, hãy đóng tất cả chương trình đang chạy và chắc chắn rằng không có gì khác được tải vào máy tính của bạn.

1. Chọn Start > All Programs > Accessories > System Toolss > Disk

Defragmenter. Windows khởi động Disk Defragmenter.

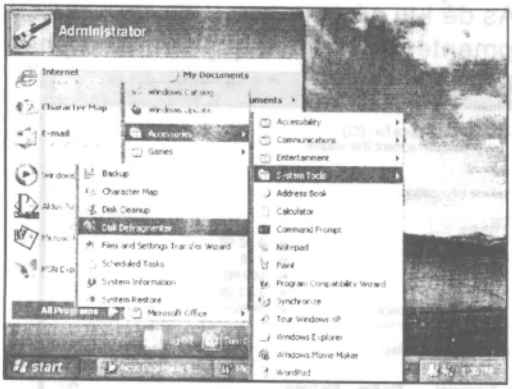

2. Chọn dung lượng mà bạn muốn khử phân đoạn. Nhấp nút Analyze. Disk Defragmenter phân tích dung lượng và hiển thị một phần báo cáo tóm lược.

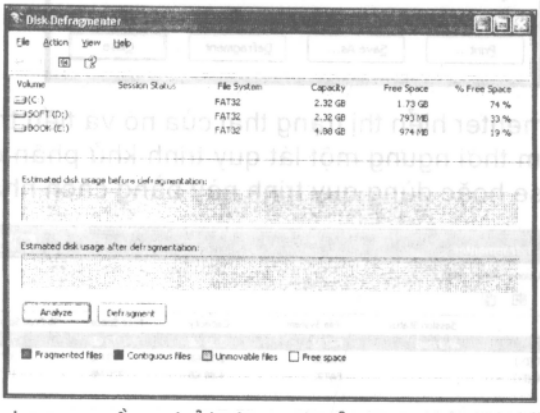

3. Nếu dung lượng cần phải được khử phân đoạn, hãy nhấp nút View Report. Trình Disk Defragmenter hiển thị hộp thoại Analysis Report. Nếu dung lượng không cần phải khử phân đoạn, hãy nhấp nút Close và tiến hành đến bước 7.



4. Nếu bạn muốn, hãy nhấp nút Print để in bản báo cáo phân tích hoặc nhấp nút Save As để lưu nó.
   Nhấp nút Defragmenter để bắt đầu quy trình khử phân đoạn.



5. Trình Defragmenter hiển thị trạng thái của nó và tiến trình của nó.
   Bạn có thể tạm thời ngưng một lát quy trình khử phân đoạn bằng cách nhấp nút Pause hoặc dừng quy trình này bằng cách nhấp nút Stop.



6. Lúc quy trình khử phân đoạn đã hoàn chỉnh, Defragmenter hiển thị một hộp thoại Disk Defragmenter khác để báo cho bạn điều đó.
   Hãy nhấp nút View Report để hiển thị báo cáo về quy trình khử phân đoạn và trạng thái của dung lượng hoặc nhấp nút Close để đóng hộp thoại.

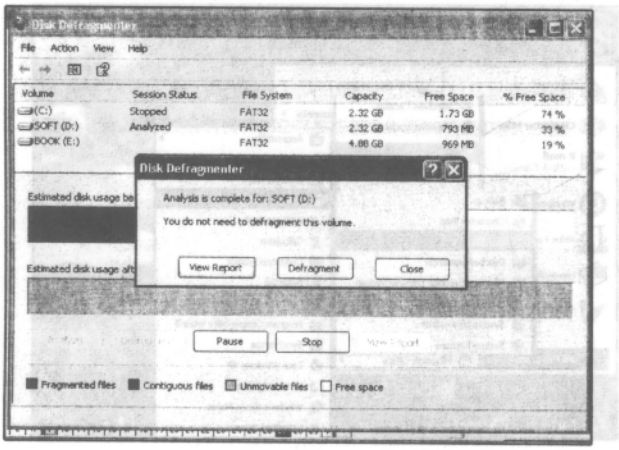

7. Hãy khử phân đoạn cho các dung lượng khác nếu cần.
Chọn File > Exit. Disk Defragmenter đóng lại.
Bây giờ bạn có thể hoạt động máy tính theo cách thức bình thường.

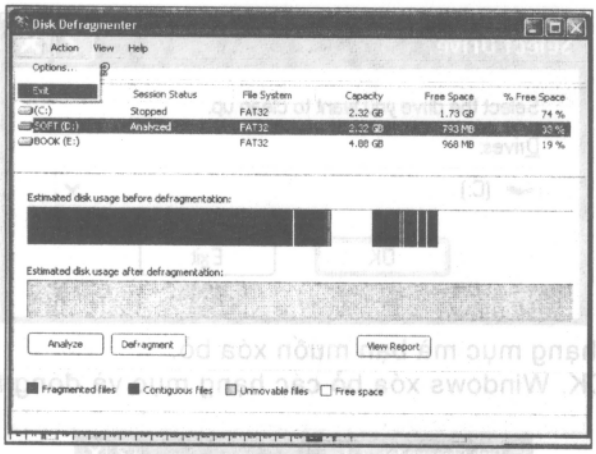

Chạy Disk Cleanup

Tính năng Disk Cleanup của Windows cho phép bạn giữ đĩa cứng theo thứ tự bằng cách xóa bỏ các file tạm thời, làm trống Recycle Bin và nén các file cũ. Bằng cách loại bỏ các file cũ, bạn có thể tiết kiệm được khoảng trống trên đĩa.

Tốt nhất bạn nên chạy chương trình Disk Cleanup vài tuần một lần nếu bạn thấy khó nhớ việc chạy Disk Cleanup, hãy lập thời biểu cho nó để chạy một cách tự động tại một thời điểm phù hợp như mô tả trong phần dưới đây.

1. Chọn Start > All Programs > Accessories > System Tools > Disk Cleanup.
Windows khởi động Disk Cleanup, qua đó hiển thị hộp thoại Select Drive.

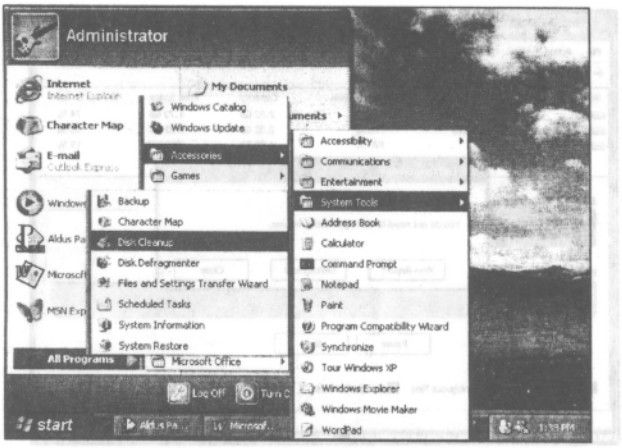

2. Chọn ổ đĩa để xóa sạch.
Nhấp nút OK. Trình Disk Cleanup quét chụp ổ đĩa và hiển thị hộp thoại Disk Cleanup.

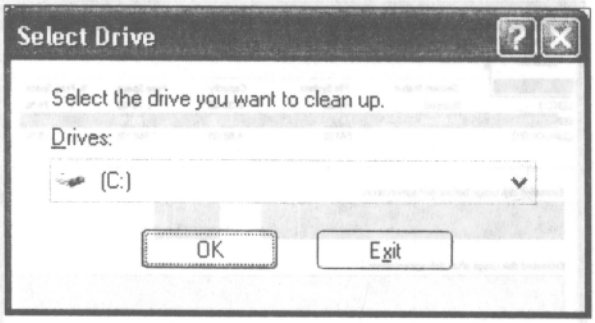

3. Chọn các hạng mục mà bạn muốn xóa bỏ.
Nhấp nút OK. Windows xóa bỏ các hạng mục và đóng hộp thoại Disk Cleanup.

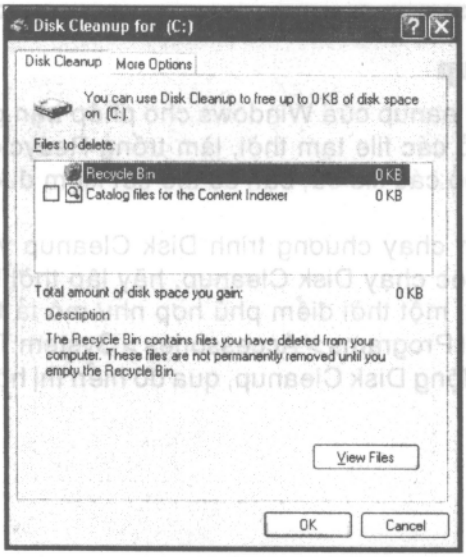

Lập thời biểu cho tác vụ để chạy một cách tự động

Bạn có thể lập thời biểu các tác vụ để chạy tự động tại các thời điểm và các tần suất phù hợp với nhu cầu của bạn. Việc lập thời biểu các tác vụ có thể hữu ích đối với những tác vụ vốn chạy tối ưu một cách tự động lúc mà không ai khác sử dụng máy tính, vào một giờ ngoài giờ làm việc hoặc theo một thời biểu định kỳ vốn làm cho chúng thật khó nhớ. Bạn cũng có thể lập thời biểu các tác vụ mà bạn cần để chỉ chạy một lần tại một điểm nào đó trong tương lai - hoặc tại một thời điểm đặc biệt hoặc lúc có một sự cố đặc biệt xảy ra, chẳng hạn như có một người dùng nào đó đang tải vào máy.

1. Chọn Start > All Programs > Accessories > System Tools > Scheduled Tasks.
   Windows hiển thị folder Acheduled Tasks

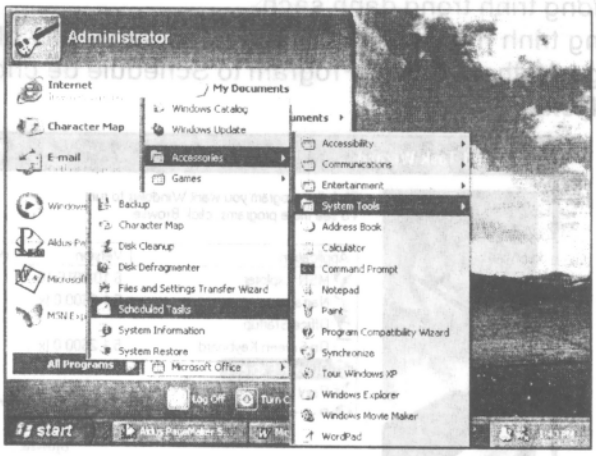

2. Nhấp đúp biểu tượng Add Acheduled Tasks. Windows khởi động Acheduled Tasks Wizard.

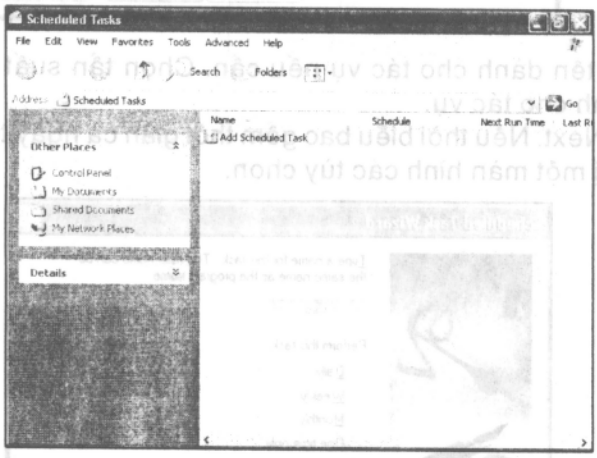

3. Nhấp nút Next. Wizard hiển thị trang kế tiếp.

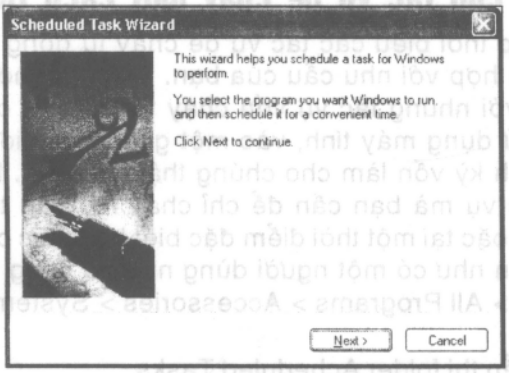

4. Chọn chương trình trong danh sách.
   Nếu chương trình này không có trong danh sách, hãy nhấp nút Browse và sử dụng hộp thoại Select Program to Schedule để chọn chương trình. Nhấp nút Next.

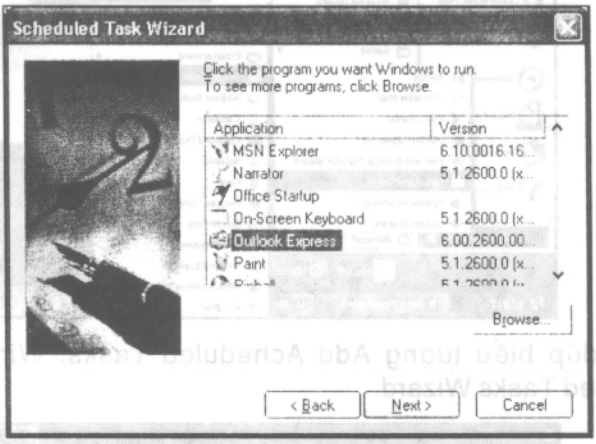

5. Thay đổi tên dành cho tác vụ nếu cần. Chọn tần suất hoặc thời điểm xảy ra dành cho tác vụ.
   Nhấp nút Next. Nếu thời biểu bao gồm thời gian cả ngày tháng, thì Wzard sẽ hiển thị một màn hình các tùy chọn.

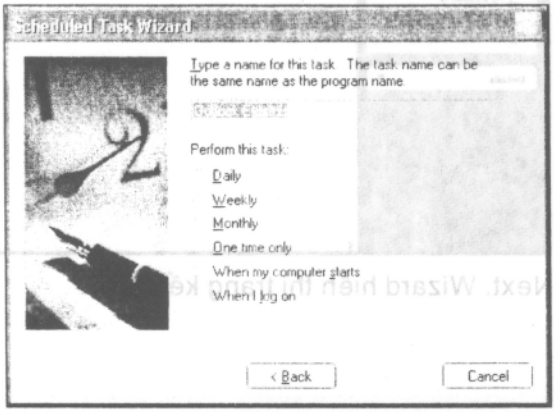

6. Chọn các tùy chọn thời biểu cho phù hợp.
   Nhấp nút Next. Wizard hiển thị tên và màn hình password.

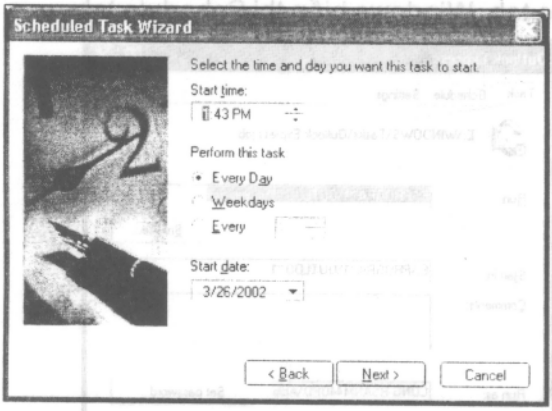

7. Chỉ định username và password để qua đó chạy tác vụ. Wizard đề nghị username của bạn.
   Nhấp nút Next. Wizard hiển thị màn hình sau cùng của nó.

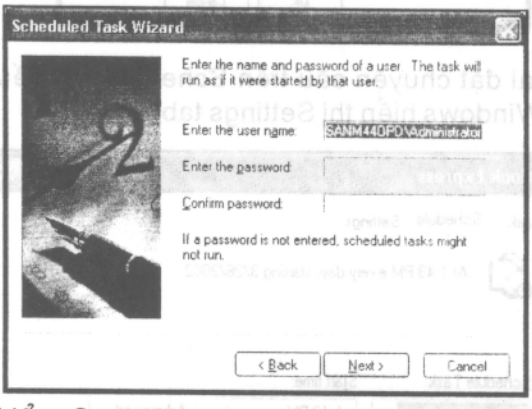

8. Chọn hộp kiểm Open Advanced Properties for This Task when I Click Finish.
   Nhấp nút Finish. Wizard bổ dung tác vụ vào thời biểu của bạn và hiển thị hộp thoại Properties dành cho tác vụ đó.

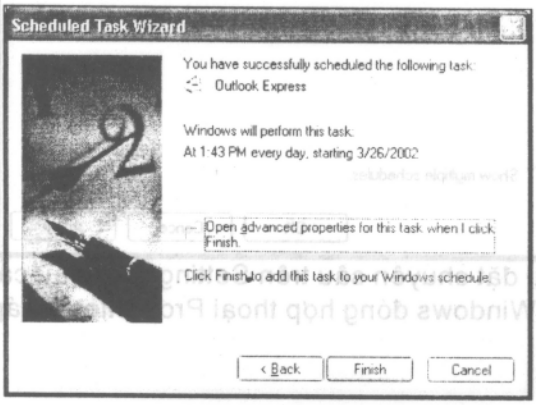

9. Bạn có thể mở hoặc tắt tác vụ bằng cách chọn hoặc xóa hộp kiểm Enabled.
Nhấp Schedule tab. Windows hiển thị Schedule tab.

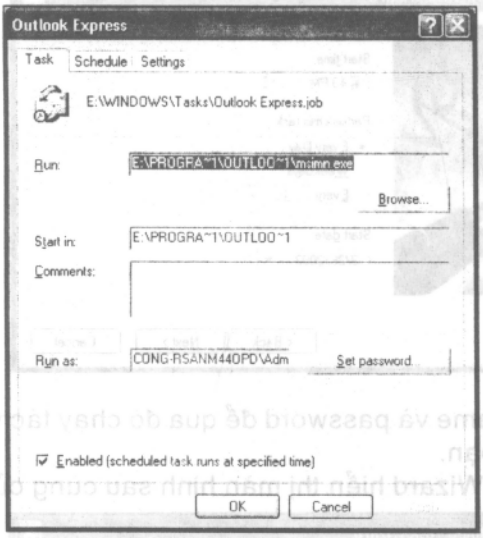

10. Chọn các cài đặt chuyên sâu trên Schedule tab nếu thấy cần. Nhấp Settings tab. Windows hiển thị Settings tab.

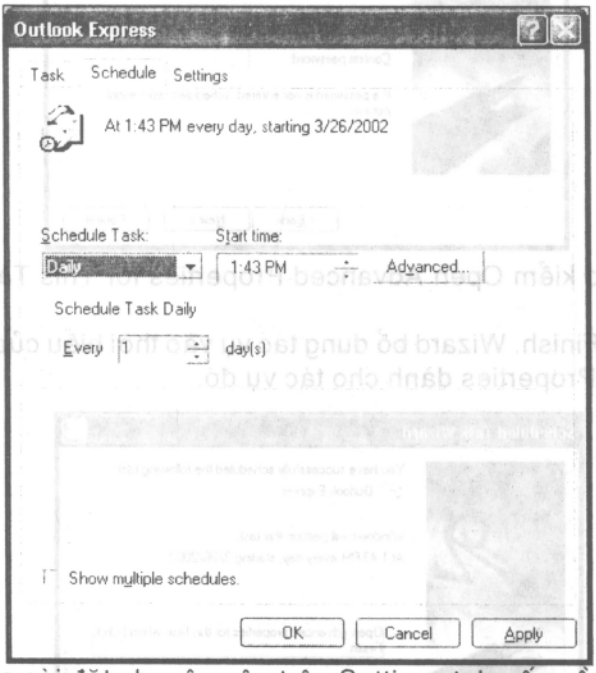

11. Chọn các cài đặt chuyên sâu trên Settings tab nếu cần.
Nhấp nút OK. Windows đóng hợp thoại Properties và áp dụng các thay đổi của bạn.



Cài đặt các thời điểm phục hồi hệ thống

Tính năng System Restore cho phép bạn quay ngược trở về lại với trạng thái phần mềm của máy tính trước đó nhằm theo dõi một phần mềm vốn không thỏa mãn được yêu cầu của bạn. Ví dụ, bạn có thể cập nhật một trình điều khiển thiết bị nhưng thấy rằng trình điều khiển mới này không hoạt động hoàn chỉnh. Hoặc bạn có thể cài đặt một chương trình vốn không hoạt động theo như ý muốn và cũng không thể nào hủy cài đặt một cách chính xác.

System Restore cho phép bạn đưa máy tính của mình trở về với một thời điểm phục hồi hệ thống được tạo ra trong quá khứ. Windows tự động tạo nên các thời điểm phụ hồi hệ thống cả định kỳ lẫn lúc bạn sử dụng chương trình Windows Update, và bạn có thể tạo chúng bằng tay bất cứ lúc nào muốn ví dụ trước khi cài đặt hoặc cập nhật phần mềm. Với các kiểu cài đặt tiêu biểu, Windows giữ lại giá trị của các điểm phục hồi từ hai cho đến ba tuần, , cho bạn một tính năng linh động hơn trong việc phục hồi các sự cố phần mềm và phần cứng.

1. Chọn Start > All Programs > Accessories > System Tools > System Restore. Windows khởi động System Restore.

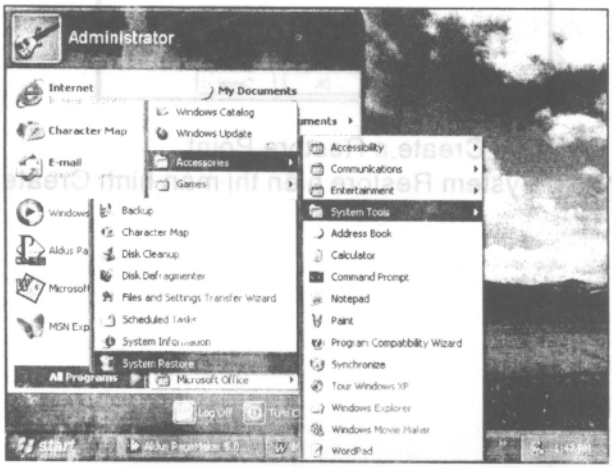

2. Nhấp liên kết System Restore Settings. System Restore hiển thị System Restore tab của hộp thoại System Properties.

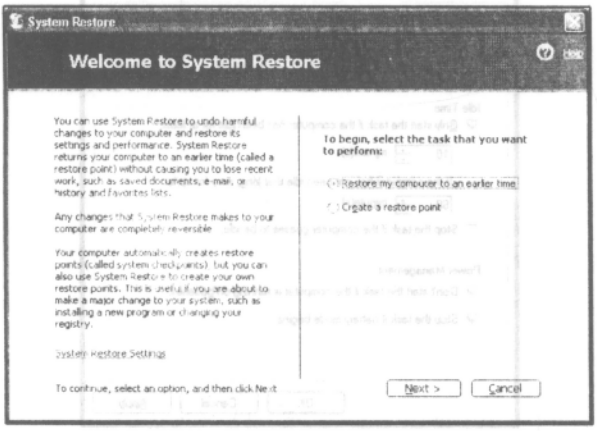

3. Nếu cần, hãy sử dụng Disk Space to Use slider để điều chỉnh lượng khoảng trống mà System Restore sử dụng. (Nếu hệ thống của bạn có nhiều ổ đĩa, hãy nhấp nút Settings và sử dụng hộp thoại Settings.) Nhấp nút OK.



4. Chọn nút tùy chọn Create a Restore Point.
Nhấp nút Next. System Restore hiển thị màn hình Create a Restore.

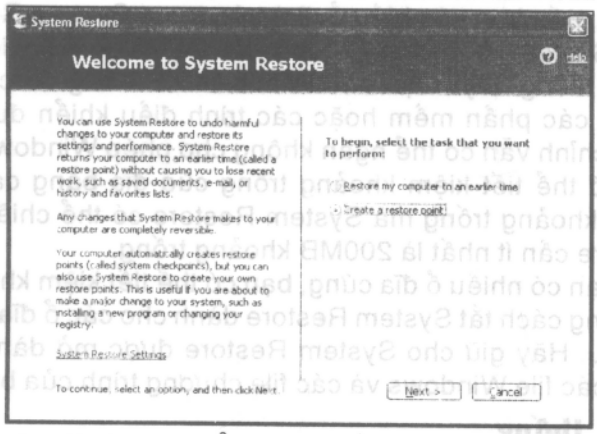

5. Nhập vào tên dành cho điểm phục hồi.
Nhấp nút Create. System Restore tạo nên điểm phục hồi và hiển thị màn hình Restore Point Created.

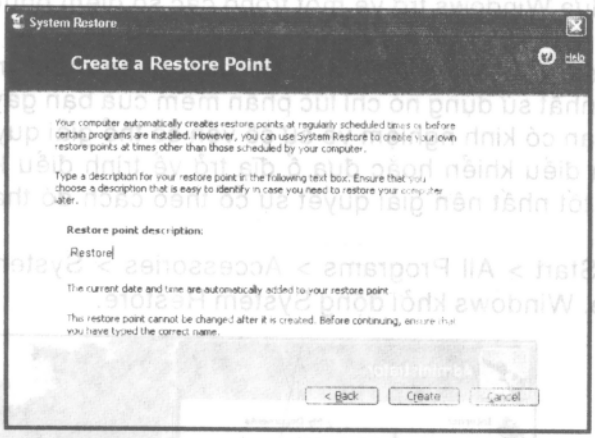

6. Nhấp nút Close. System Restore đóng lại.

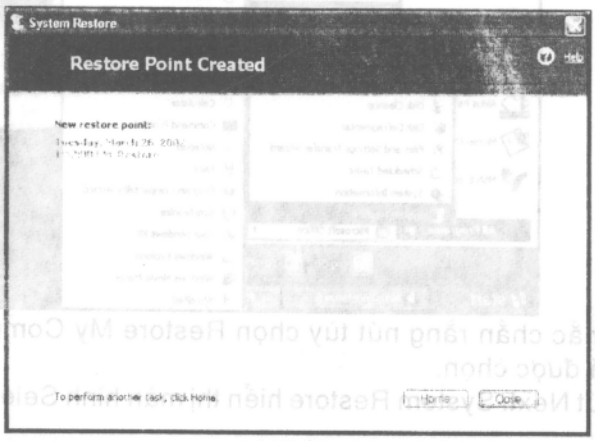

Lời khuyên của chuyên viên

❖ Bạn có thể tắt System Restore bằng cách chọn hộp kiểm Turn Off System Restore (hoặc hộp kiểm Turn Off System Restore on All

Drives, nếu bạn có nhiều ổ đĩa) trên trang System Restore của hộp thoại System Properties, nhưng việc thực hiện điều đó không phải là một ý tưởng hay: Mặc dầu Windows XP đáng tin cậy và ổn định, nhưng các phần mềm hoặc các trình điều khiển được việc không hoàn chỉnh vẫn có thể ngăn không cho phép Windows chạy. Nhưng bạn có thể tiết kiệm khoảng trống của đĩa bằng cách giảm thiểu lượng khoảng trống mà System Restore có thể chiếm giữ. System Restore cần ít nhất là 200MB khoảng trống.

- Nếu bạn có nhiều ổ đĩa cứng, bạn có thể tiết kiệm khoảng trống của đĩa bằng cách tắt System Restore dành cho các ổ đĩa chỉ dễ sử dụng dữ liệu. Hãy giữ cho System Restore được mở dành cho ổ đĩa có chứa các file Windows và các file chương trình của bạn.

Phục hồi hệ thống

Lúc có một phần mềm được cài đặt hoặc một trình điều khiển được cập nhật nhưng lại không hoạt động theo như ý mình, bạn có thể sử dụng System Restore để đưa Windows trở về một trong các số điểm phục hồi mà bạn hoặc Windows đã tạo.

Bởi vì System Restore thay đổi cấu hình phần mềm trong máy tính của bạn, nên tốt nhất sử dụng nó chỉ lúc phần mềm của bạn gây ra các lỗi nghiêm trọng. Nếu bạn có kinh nghiệm về sự cố vốn có thể giải quyết bằng cách thay đổi một trình điều khiển hoặc đưa ổ đĩa trở về trình điều khiển được cài đặt trước đó, thì tốt nhất nên giải quyết sự cố theo cách đó thay vì sử dụng System Restore.

1. Chọn Start > All Programs > Accessories > System Tools > System Restore. Windows khởi động System Restore.

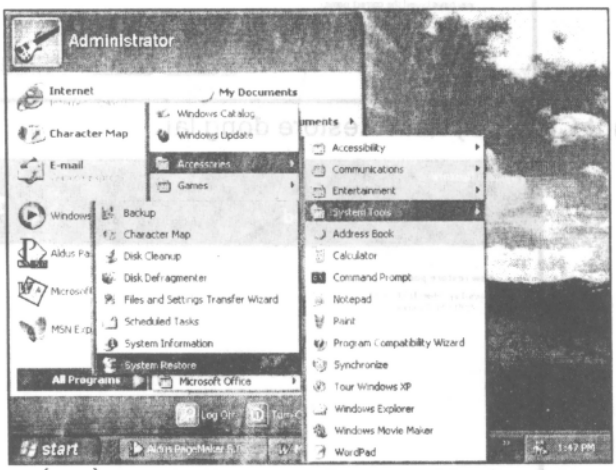

2. Phải chắc chắn rằng nút tùy chọn Restore My Computer to an Earlier Time đã được chọn.

   Nhấp nút Next. System Restore hiển thị màn hình Select a Restore Point.

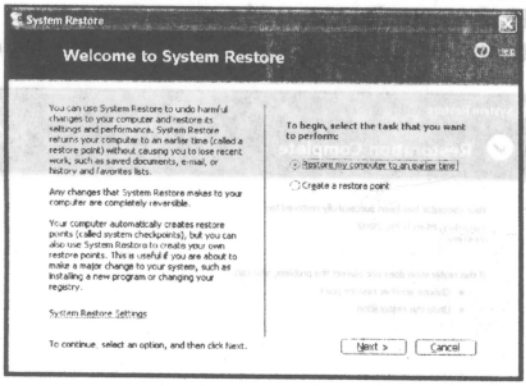

3. Sử dụng lịch để dò tìm ngày mà bạn muốn phục hồi máy tính. Các ngày được in đậm chỉ ra các điểm phục hồi.
   Chọn một điểm phục hồi trong danh sách ngày tháng.
   Nhấp nút Next. System Restore hiển thị màn hình Confirm Restore Point Selection.

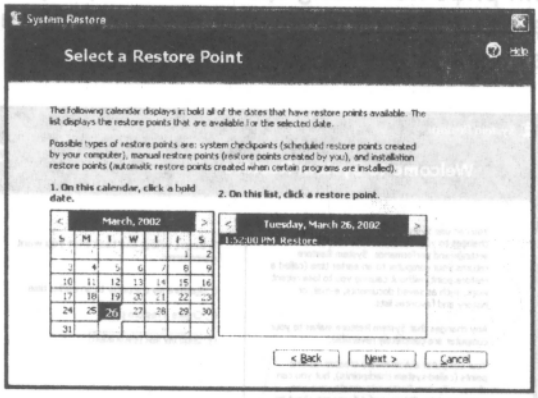

4. Đóng bất cứ chương trình nào khác đang mở.
   Nhấp nút Next. System Restore phục hồi hệ thống của bạn đến điểm phục hồi mà bạn chọn, rồi khởi động Windows và hiển thị màn hình Restore Complete sau khi bạn đã tải vào.

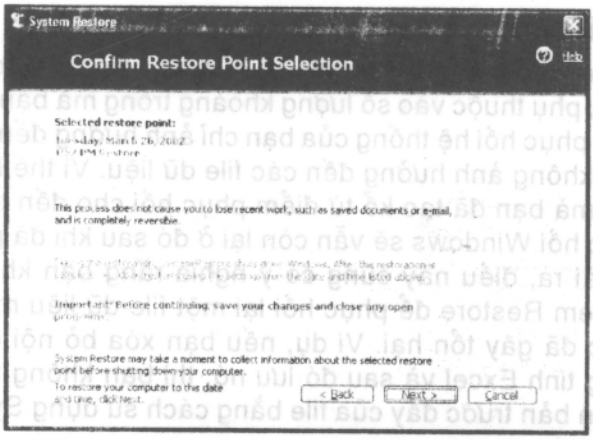

5. Nhấp nút OK. System Restore đóng.
Kiểm tra hệ thống của bạn để xem nó có chạy hoàn chỉnh hay không.

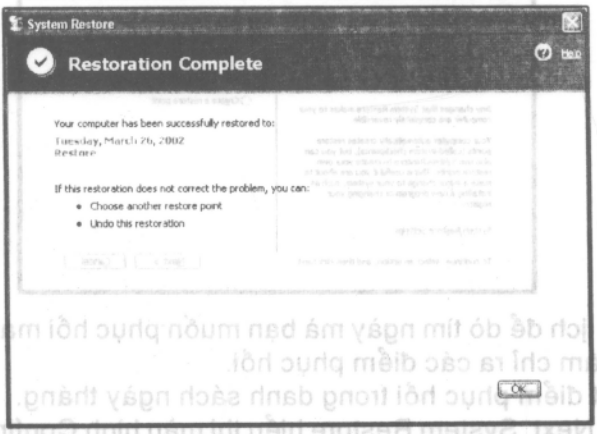

6. Nếu quy trình phục hồi không tạo nên các hiệu quả theo như ý muốn, bạn phải chạy lại System Restore. Bạn có thể hoặc chọn một điểm phục hồi chuyên sâu hơn trong quá khứ hoặc xóa bỏ điểm phục hồi vừa mới thực hiện.

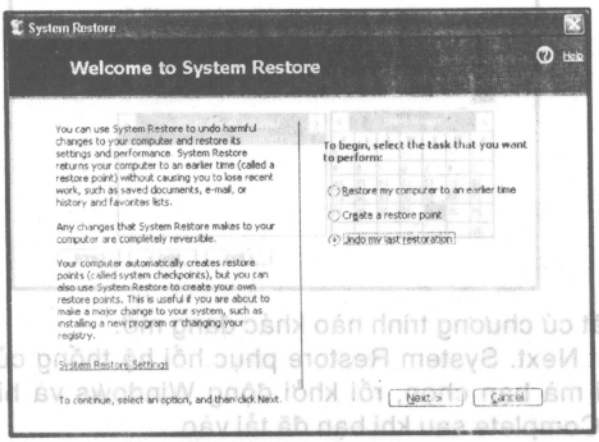

Lời khuyên của chuyên viên

- System Restore lưu trữ giá trị của các điểm phục hồi trong nhiều tuần, phụ thuộc vào số lượng khoảng trống mà bạn cấp phát cho nó.
- Việc phục hồi hệ thống của bạn chỉ ảnh hưởng đến các fil ehệ thống - nó không ảnh hưởng đến các file dữ liệu. Vì thế bất cứ file dữ liệu nào mà bạn đã tạo kể từ điểm phục hồi cho đến thời điểm mà bạn phục hồi Windows sẽ vẫn còn lại ở đó sau khi đã phục hồi.
- Ngoài ra, điều này cũng có ý nghĩa rằng bạn không thể sử dụng System Restore để phục hồi lại một file dữ liệu mà bạn đã xóa bỏ hoặc đã gây tổn hại. Ví dụ, nếu bạn xóa bỏ nội dung của một sổ bảng tính Excel và sau đó lưu nó, thì bạn không thể phục hồi một phiên bản trước đây của file bằng cách sử dụng System Restore.

Chia sẻ các file hoặc folder với những người dùng khác trên máy tính của bạn

Để chia sẻ một file hoặc folder với những người dùng khác trên máy tính của bạn, hãy sao chép hoặc di chuyển đến folder Shared Document hoặc một trong các folder con của nó. Windows cung cấp folder Shared Document dành cho các tài liệu chia sẻ, folder Shared Pictures dành cho các file âm nhạc chia sẻ, folder Shared Pictures dành cho các hình ảnh chia sẻ, folder Shared Video (lúc bạn bắt đầu làm việc với hình ảnh) dành cho các file hình ảnh chia sẻ.

Nếu bạn sao ché file hoặc folder (như mô tả trên đây), bạn có thể giữ lại gốc cho chính mình. Nếu bạn di chuyển file hoặc folder, bất cứ ai cũng có thể thay đổi gốc.

1. Mở cửa sổ Explorer dành cho folder đang chứa file hoặc folder này.

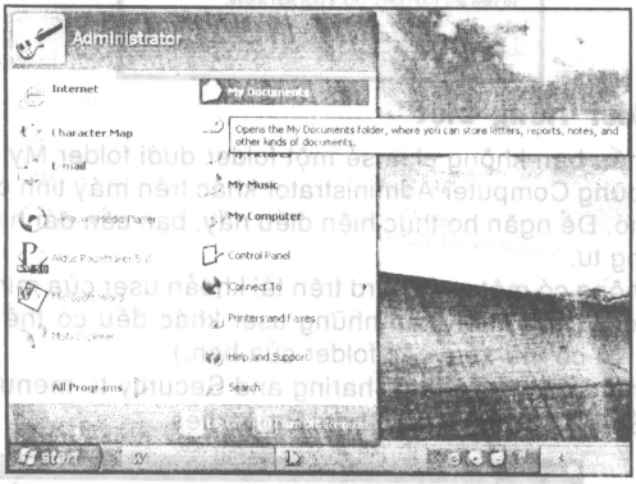

2. Chọn file hoặc folder.

   Nhấp liên kết Copy This File hoặc liên kết Copy This Folder. Windows hiển thị hộp thoại Copy Items.

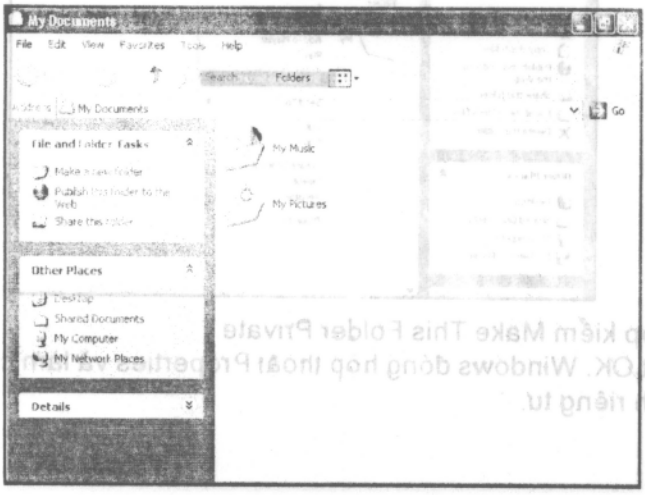

3. Chọn biểu tượng Shared Document.
   Nhấp nút Copy.
   Windows sao chép file hoặc folder sang folder Shared Document



Giữ một folder riêng biệt

Thậm chí nếu bạn không chia sẻ một folder dưới folder My Document, thì những người dùng Computer Administrator khác trên máy tính của bạn có thể truy cập vào nó. Để ngăn họ thực hiện điều này, bạn cần đánh dấu các folder mang tính riêng tư.

Nếu bạn không có một password trên tài khoản user của mình, thì bạn cần phải xác lập đó. (Nếu không thì những user khác đều có thể tải vào với tư cách của bạn và có thể xem các folder của bạn.)

1. Nhấp phải folder rồi chọn Sharing and Security từ menu tắt. Windows hiển thị Sharing tab của hộp thoại Properties.

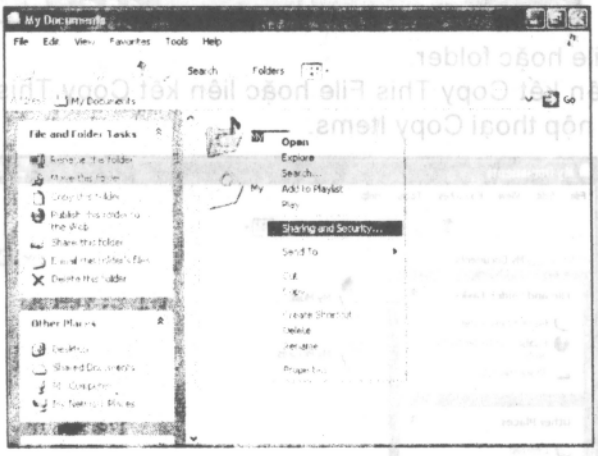

2 Chọn hộp kiểm Make This Folder Private.
Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Properties và làm cho folder này mang tính riêng tư.

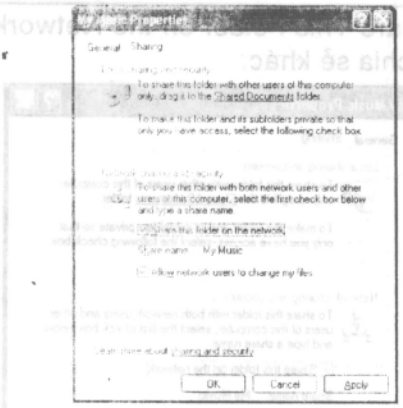

Lời khuyên của chuyên viên

- Nếu bạn không có một password trên tài khoản user của mình, thì Windows hiển thị một hộp thoại Sharing cảnh báo cho bạn biết rằng bởi vì bạn không có một password, cho nên bất cứ ai đều có thể tải vào với tư cách của bạn rồi truy cập vào folder mà bạn đã thực hiện với tính riêng tư.
- Nhấp nút Yes trong hộp thoại Sharing. Windows hiển thị màn hình Create a Password for Your Account của User Account.
- Nhập vào password trong hai hộp text trên cùng.
- Nếu muốn, hãy nhập vào một từ hoặc cụm từ đã được mã hoá dành cho một password.
- Nhấp nút Create Password.

Windows áp dụng password vào tài khoản của bạn. Sau đó folder được giữ bí mật và mang tính riêng tư.

Chia sẻ folder trên mạng

Thay vì chia sẻ folder chỉ với những người khác đang sử dụng máy tính của bạn, bạn có thể chia sẻ nó với họ với những người khác vốn đang sử dụng các máy tính được kết mạng với bạn.

1. Chọn folder.

   Nhấp liên kết Share This Folder. Windows hiển thị Sharing tab của hộp thoại Properties dành cho folder này.

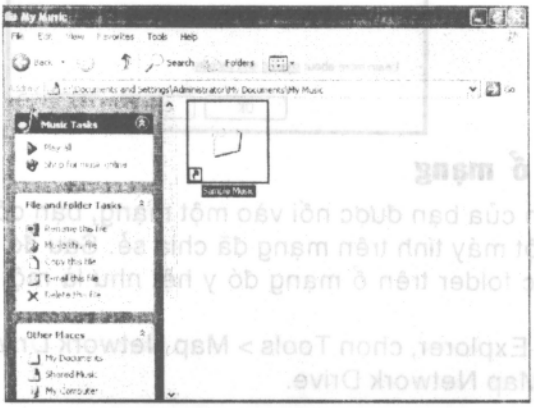

2. Chọn hộp kiểm Share This Folder on the Network. Windows làm hoạt động các tùy chọn chia sẻ khác.



3. Điều chỉnh tên chia sẻ nếu muốn.
   Chọn hoặc xóa hộp kiểm Allow Network Users to Change My Files cho phù hợp.
   Nhấp nút OK. Windows chia sẻ folder.

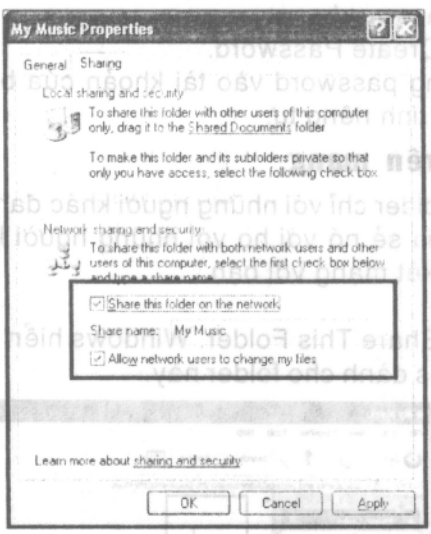

Nối vào một ổ mạng

Nếu máy tính của bạn được nối vào một mạng, bạn có thể nối kết vào bất cứ ổ nào mà một máy tính trên mạng đã chia sẻ. Sau đó bạn có thể làm việc với các file hoặc folder trên ổ mạng đó y hệt như là một ổ đĩa trên máy tính của bạn.

1. Từ cửa sổ Explorer, chọn Tools > Map Network Drive. Windows hiển thị hộp thoại Map Network Drive.

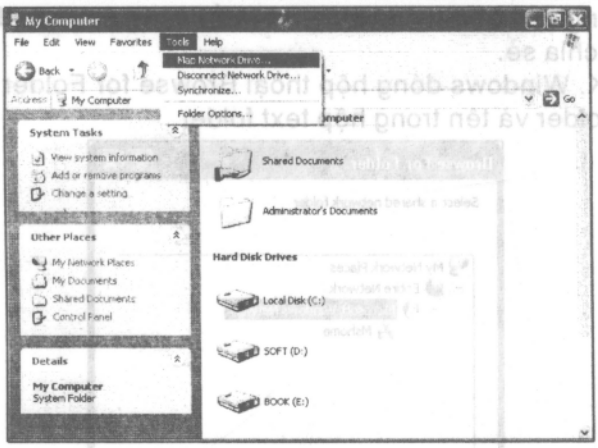

2. Chỉ định mẫu tự dành cho ổ đĩa phải dùng trên ổ mạng. Windows bắt đầu với mẫu tự Z, tức là mẫu tự được dùng cuối cùng.
Hãy nhấp nút Browse. Windows hiển thị hộp thoại Browse for Folder.

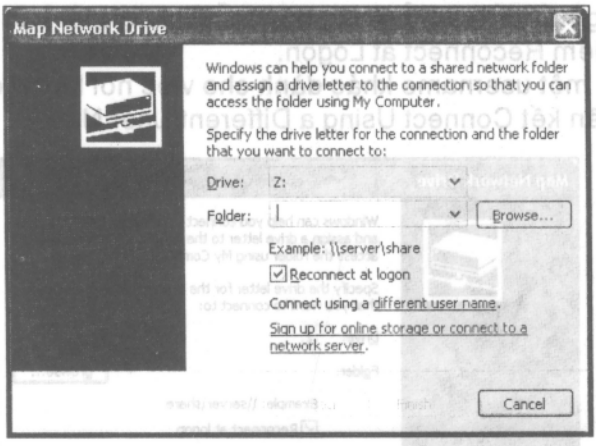

3. Mở rộng hạng mục Microsoft Windows Network.
Mở rộng hạng mục nhóm phù hợp.



4. Mở rộng hạng mục dành cho máy tính vốn đang chứa folder chia sẻ.
   Chọn folder chia sẻ.
   Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Browse for Folder rồi nhập vào đường dẫn folder và tên trong hộp text folder.



5. Để tự động nối kết vào ổ mạng này mỗi khi bạn tải vào máy tính, hãy chọn hộp kiểm Reconnect at Logon.
   Để chỉ định một username khác dành cho việc nối kết vào một ổ mạng, hãy nhấp liên kết Connect Using a Different User Name.

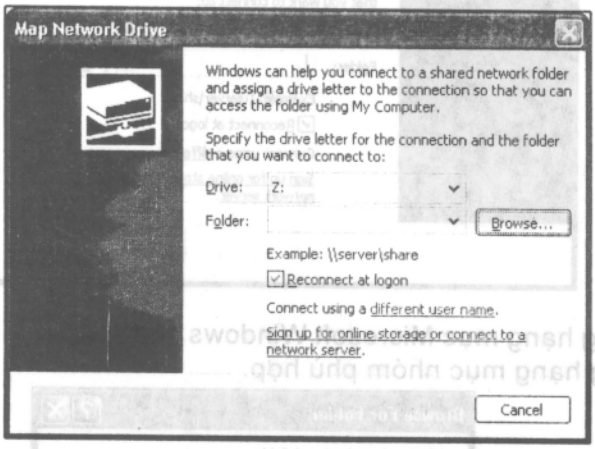

6. Nhập username của bạn. Nếu cần, hãy giới thiệu nó bằng một tên máy tính và bằng một dấu backslash.
   Nhập vào password.
   Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Connect As.
7. Nhấp nút Finish. Windows đóng hộp thoại Map Network Drive và tạo sơ đồ của ổ đĩa.

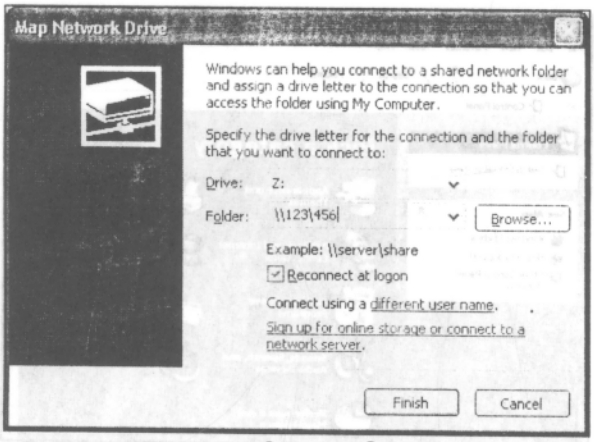

Thay đổi một Driver (trình điều khiển)

Bạn có thể thường xuyên cải tiến hoạt động của thiết bị bằng cách cập nhật driver của nó, tức là phần mềm nhằm làm cho Windows giao tiếp với nó. Hầu hết các nhà sản xuất phần cứng đều đưa ra các driver đã được cập nhật theo định kỳ dành cho phần cứng của họ để gỡ rối và bổ sung các tính năng mới. Một khi bạn đã tải driver, bạn có thể được cài đặt nó như được mô tả trong chương mục dưới đây.

Nếu một driver mới không hoạt động hoàn chỉnh theo ý muốn, bạn có thể trở về lại với driver trước đây (như được mô tả trong mục kế tiếp) hoặ sử dụng tính năng System Restore để phục hồi trạng thái hệ thống của bạn về lại trạng thái trước khi cài đặt driver này.

1. Chọn Start > Control Panel. Windows hiển thị Control Panel.
   (Còn một cách khác nữa, hãy nhấn Winkey+Break và trực tiếp đi vào bước 4.)

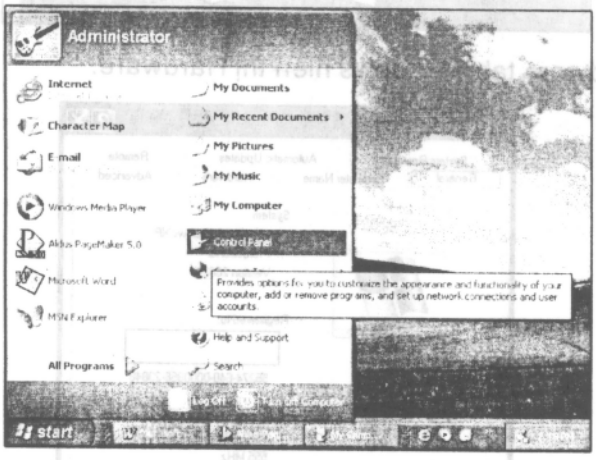

2. Nhấp liên kết Performance and Maintenance. Windows hiển thị màn hình Performance and Maintenance.



3. Nhấp liên kết System. Windows hiển thị hộp thoại System Properties.

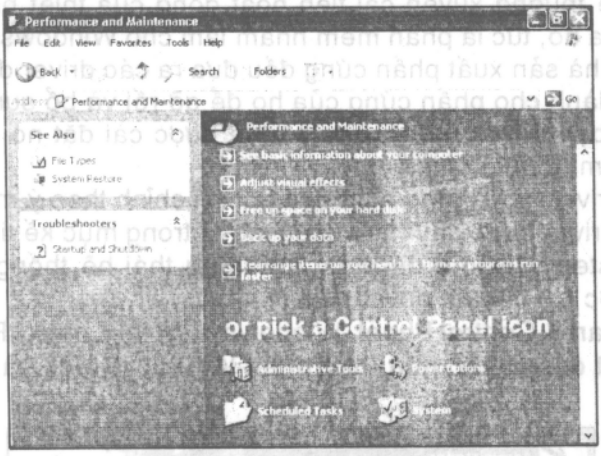

4. Nhấp Hardware tab. Windows hiển thị Hardware.

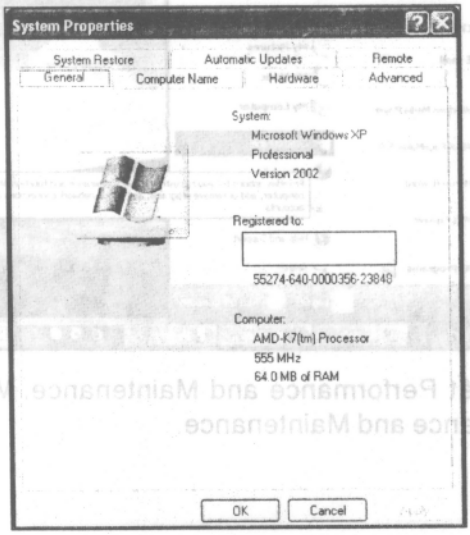

5. Nhấp nút Device Manager. Windows hiển thị Device Manager.

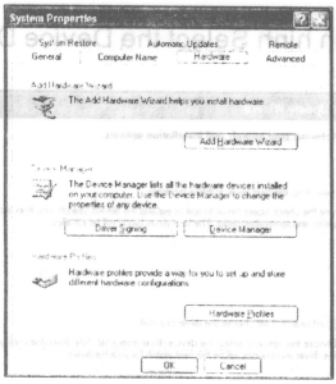

6. Chọn thiết bị mà bạn muốn thay đổi driver.
Nhấp nút Update Driver. Windows khởi động Hardware Update Wizard.

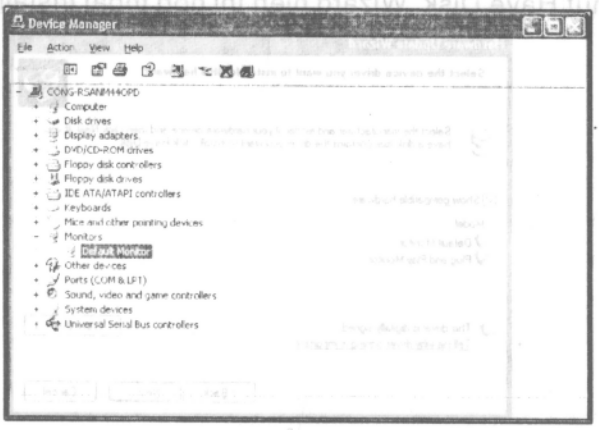

7. Chọn nút tùy chọn Install from a List or Specific Location.
Nhấp nút Next. Wizard hiển thị màn hình Please Choose Your Search and Installation Options.

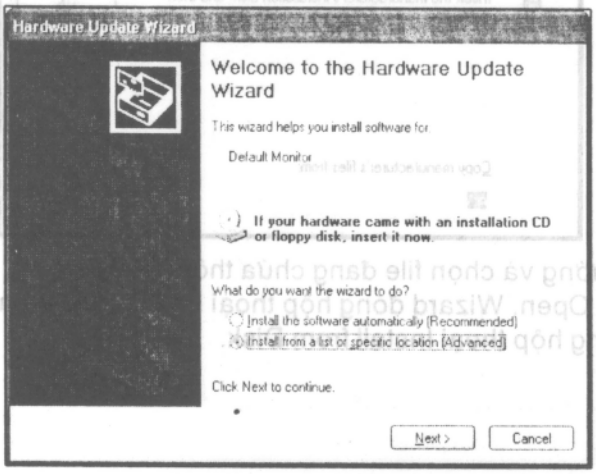

8. Chọn nút tùy chọn Don't Search. I Will Choose the Driver to Install. Nhấp nút Next.
Wizard hiển thị màn hình Select the Device Driver You Want to Install for This Hardware.

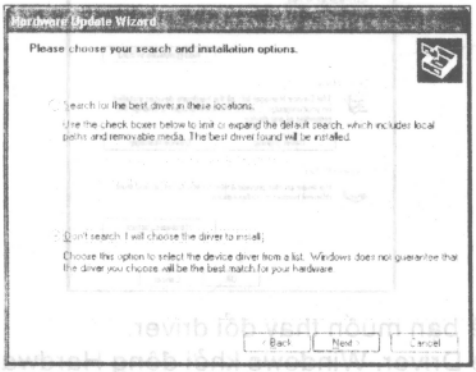

9. Nhấp nút Have Disk. Wizard hiển thị hộp thoại Install from Disk.

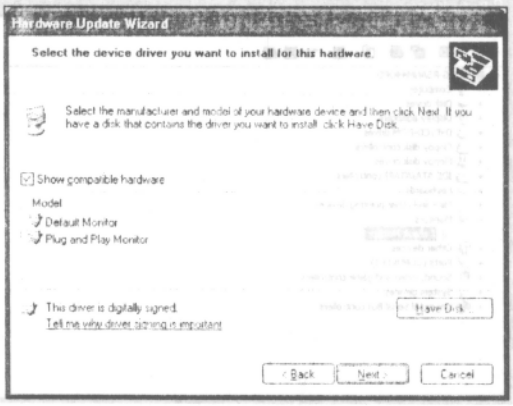

10. Nhấp nút Browse. Wizard hiển thị hộp thoại Locate File.

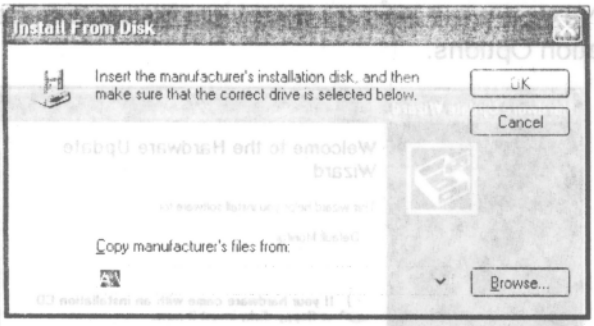

11. Định hướng và chọn file đang chứa thông tin driver. Nhấp nút Open. Wizard đóng hộp thoại Locate File và nhập vào tên của driver trong hộp thoại Install from Disk.

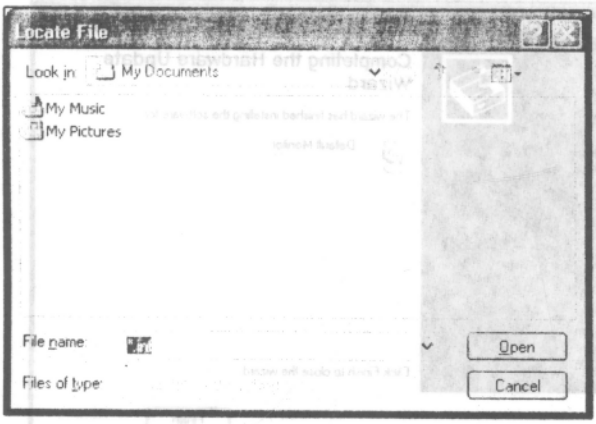

12. Nhấp nút OK. Wizard đóng hộp thoại Install from Disk và nhập vào tên driver trong màn hình Select the Device Driver You Want to Install fo This Hardware.

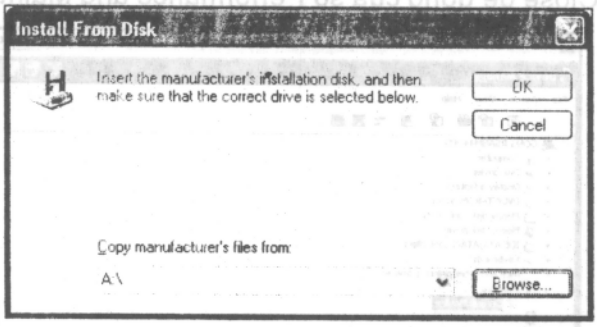

13. Nhấp nút Next. Wizard cài đặt phần mềm và hiển thị màn hình cuối cùng của Wizard.

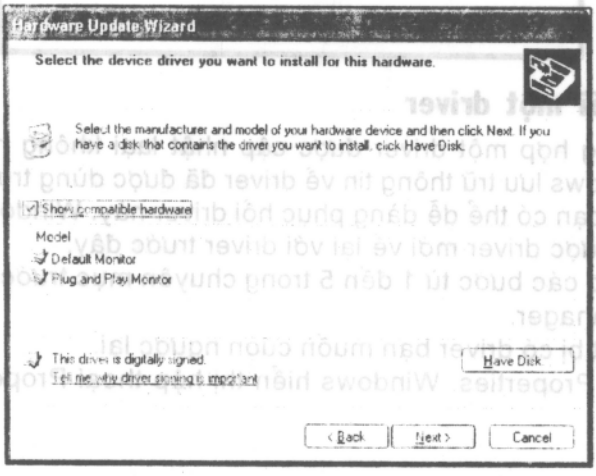

14. Nhấp nút Finish. Wizard đóng lại.

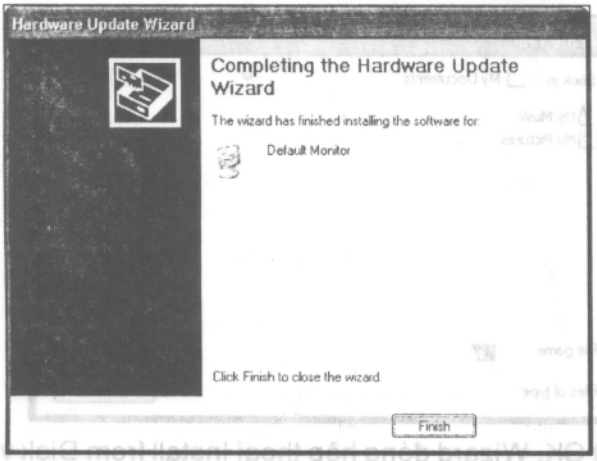

15. Nhấp nút Close để đóng Device Manager.
Nhấp nút Close để đóng hộp thoại System Properties.
Nhấp nút Close để đóng cửa sổ Performance and Maintenance.

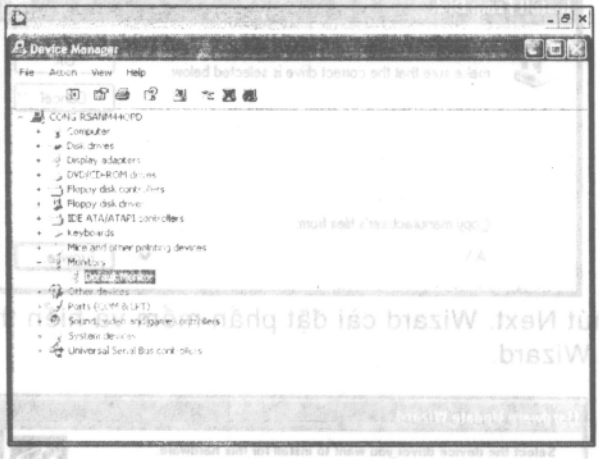

Trở về lại với một driver

Trong trường hợp một driver được cập nhật laại không hoạt động hoàn chỉnh, thì Windows lưu trữ thông tin về driver đã được dùng trước đó dành cho phần cứng để bạn có thể dễ dàng phục hồi driver này. Windows gọi quy trình này là cuộn ngược driver mới về lại với driver trước đây.

1. Tuân theo các bước từ 1 đến 5 trong chuyên mục trước đây để hiển thị Device Manager.
Chọn thiết bị có driver bạn muốn cuộn ngược lại.
Nhấp nút Properties. Windows hiển thị hộp thoại Properties dành cho driver.

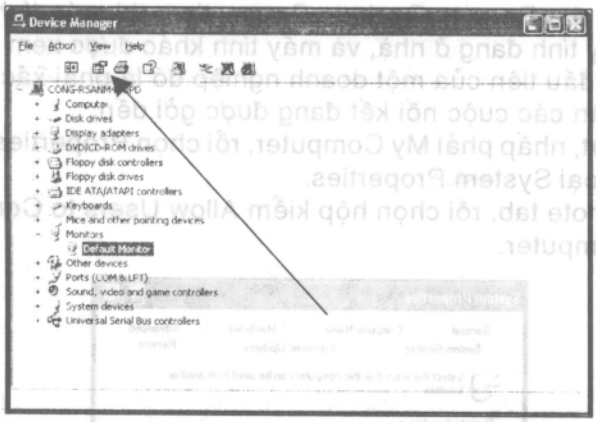

2. Nhấp Driver tab. Windows hiển thị Drives tabcủa hộp thoại.
Nhấp nút Roll Back Driver. Windows hiển thị một hộp thoại khẳng định.



3. Nhấp nút Yes. Windows phục hồi driver trước đó.
Nhấp nút OK. Windows đóng hộp thoại Properties.
Hãy đóng cửa sổ Device Manager, the Performaance and Maintenance, và hộp thoại System Properties.

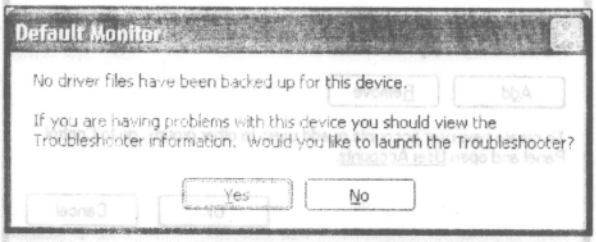

Xác lập việc nối kết Desktop từ xa trên một máy tính từ xa

Bạn sử dụng Remote Desktop Connection để kiểm soát một máy tính khác thông qua một kết nối quay số, một mạng cục bộ hoặc Internet. Bạn cũng có thể muốn sử dụng Remote Desktop Connection chẳng hạn để nối kết vào máy tính văn phòng của bạn từ nhà nếu bạn quên một vài file ở nhà mà bạn lại muốn làm việc ngay bây giờ.

Lúc bạn cài đặt Remote Desktop Connection, thì máy tính của bạn được xem như là máy tính đang ở nhà, và máy tính khác được xem như là máy tính từ xa. Yêu cầu đầu tiên của một doanh nghiệp đó là phải xác lập máy tính từ xa để chấp nhận các cuộc nối kết đang được gởi đến.

1. Nhấp Start, nhấp phải My Computer, rồi chọn Properties từ menu tắt để mở hộp thoại System Properties.
   Nhấp Remote tab, rồi chọn hộp kiểm Allow Users to Connect Remotely to This Computer.

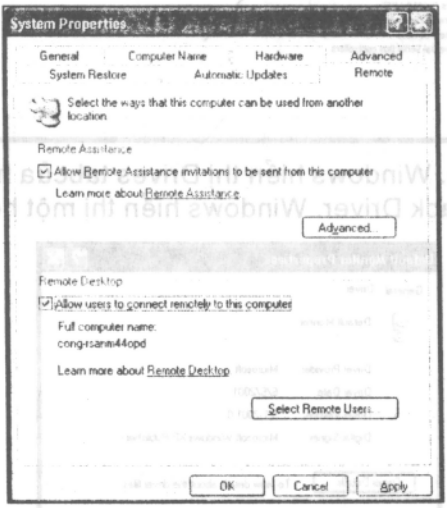

2. Nhấp nút Select Remote Users để mở hộp thoại Remote Desktop Users.

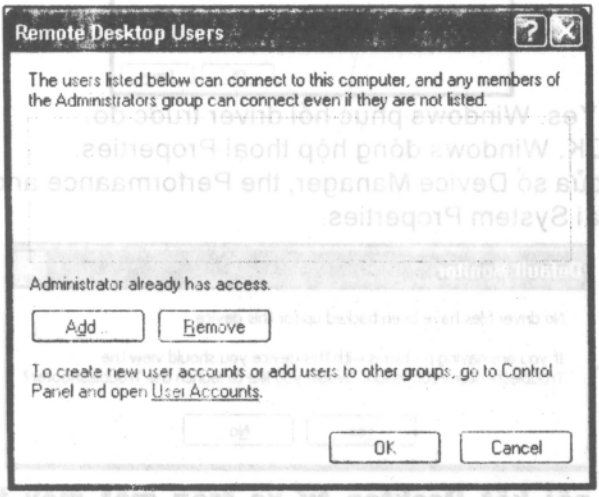

3. Nhấp nút Add để mở hộp thoại Select Users.
   Trong hộp Enter the Object Names To Select, hãy nhập vào tên user, rồi sau đó nhấp OK.
   Nhấp thêm OK hai lần để đóng hộp thoại Remote Desktop Users và hộp thoại System Properties.

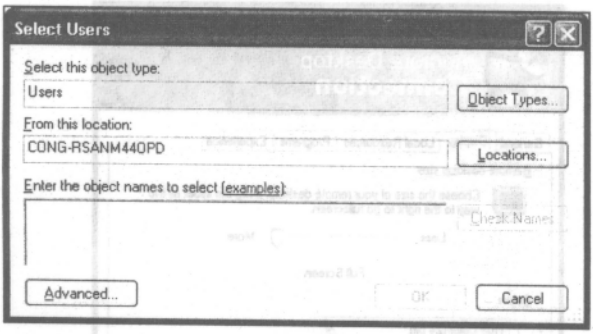

Xác lập việc nối kết Desktop từ xa trên một máy tính ở nhà

Sau khi bạn đã làm hoạt động Remote Desktop Connection trên một máy tính từ xa, bạn cần phải cài đặt máy tính của bạn (máy tính ở nhà). Sau khi bạn đã xác lập các tùy chọn sau đây, hãy nhấp nút Connect trong General tab của hộp thoại Remote Desktop Connection nhằm xác lập một nối kết vào máy tính từ xa. Sau đó bạn có thể điều hành máy tính từ xa và sử dụng nó y hệt như Desktop này là của riêng bạn.

1. Chọn Start > All Programs > Accessories > Communication > Remote Desktop Connection để mở hộp thoại Remote Desktop Connection ở một trạng thái đã được thu nhỏ.
   Nhấp Options để hiển thị hộp thoại Remote Desktop Connection.

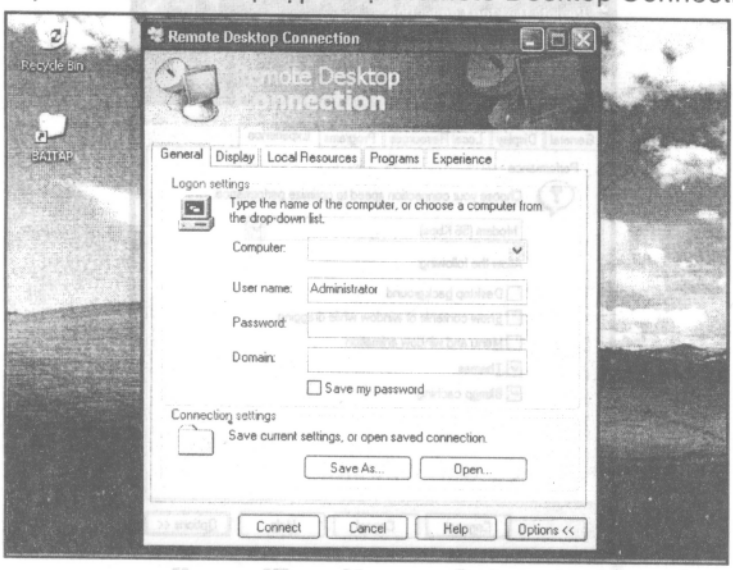

2. Sử dụng các tùy chọn trên Display tab để chỉ định cách mà bạn muốn hiển thị Desktop từ xa.
   Nhấp Locate Resources tab và sử dụng các tùy chọn của nó để chỉ định cách mà âm thanh, bàn phím, các ổ đĩa, in, và các cổng nối tiếp sẽ được xử lý.
   Trên Programs tab, hãy chỉ định rằng Windows phải chạy một chương trình đặc biệt lúc bạn nối kết.

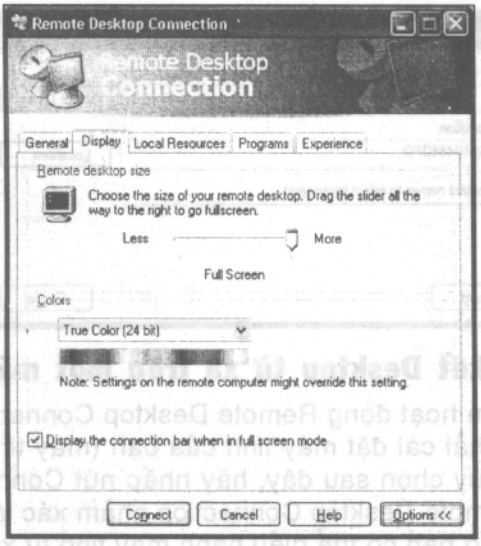

3. Trên Experience tab, hãy chọn tốc độ nối kết, và chọn các tùy chọn hiển thị.

Nhấp nút Connect để nối kết, hoặc trở về lại với General tab, nhấp nút Save As nếu bạn muốn lưu các cài đặt của mình.

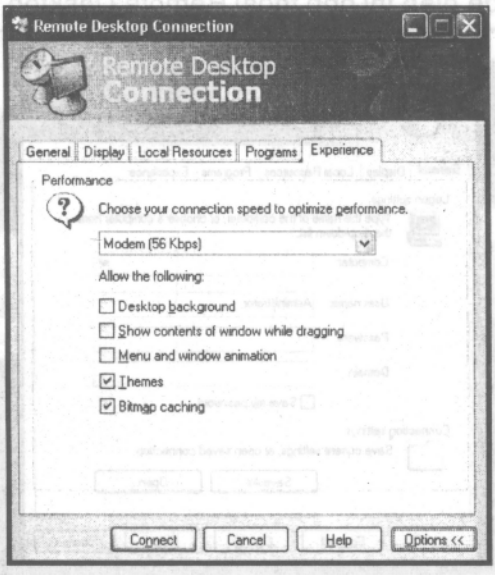

Làm hoạt động Internet Connection Firewall

Một firewall (bức tường lửa) là một hệ thống an toàn nhằm ngăn những người không có trách nhiệm khỏi phải truy cập vào hệ thống máy tính của bạn lúc bạn đang nối kết với Internet. Windows XP Professional có chứa một hệ thống bức tường lửa cá nhân gọi là Internet Connection Firewall. Nếu bạn có một nối kết Internet đang hoạt động, chẳng hạn như DSL hoặc modem cáp, bạn cần phải bảo đảm rằng Internet Connection Firewall đang hoạt động, mặc dầu chắc chắn rằng không nhất thiết bạn phải có một hệ thống bảo vệ

bức tường lửa mà bạn đang có một hệ thống nối kết quay số. Thông tin trên hệ thống máy tính thật là quan trọng đối với bạn.

1. Chọn Start > Connect To > Show All Connection để mở folder Network Connections.

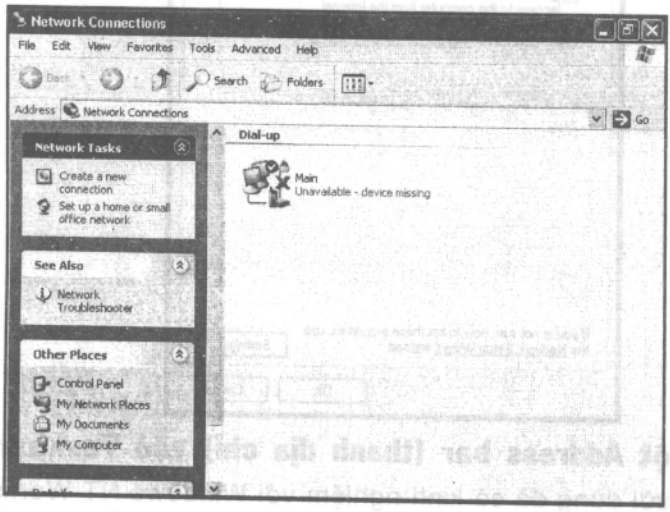

2. Nhấp phải lê biểu tượng dành cho nối kết Internet của bạn, rồi chọn Properties từ menu tắt để hộp thoại Properties dành cho cuộc nối kết của bạn.

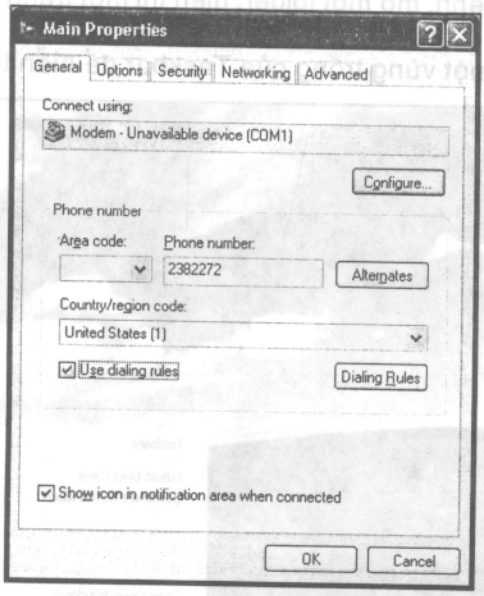

3. Nhấp Advanced tab.
Nhấp hộp kiểm trong mục Internet Connection Firewall, rồi nhấp OK.

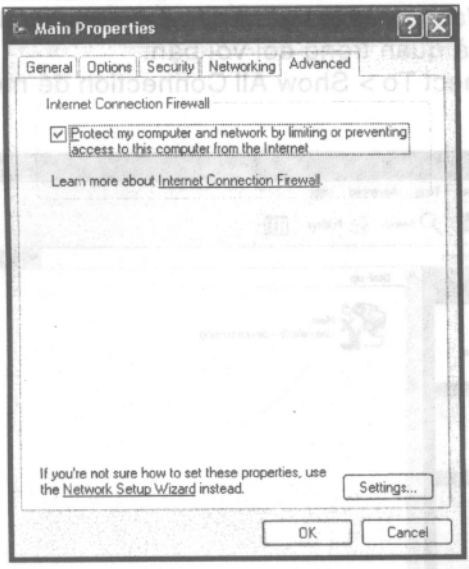

Bổ sung một Address bar (thanh địa chỉ) vào Taskbar

Những người dùng đã có kinh nghiệm với Windows NT Workstation hoặc Windows 2000 Professional đều quen thuộc với cách sử dụng dòng lệnh để nhanh chóng truy cập vào các chương trình, các file, ... Nhưng bạn cũng có thể dễ dàng bổ sung một Address bar vào Taskbar để có thể dùng nhằm gõ nhập và thực thi một lệnh, mở một folder, hiển thị một trang Web, và nhiều thứ nữa.

1. Nhấp phải lên một vùng trống của Taskbar để hiển thị menu tắt.

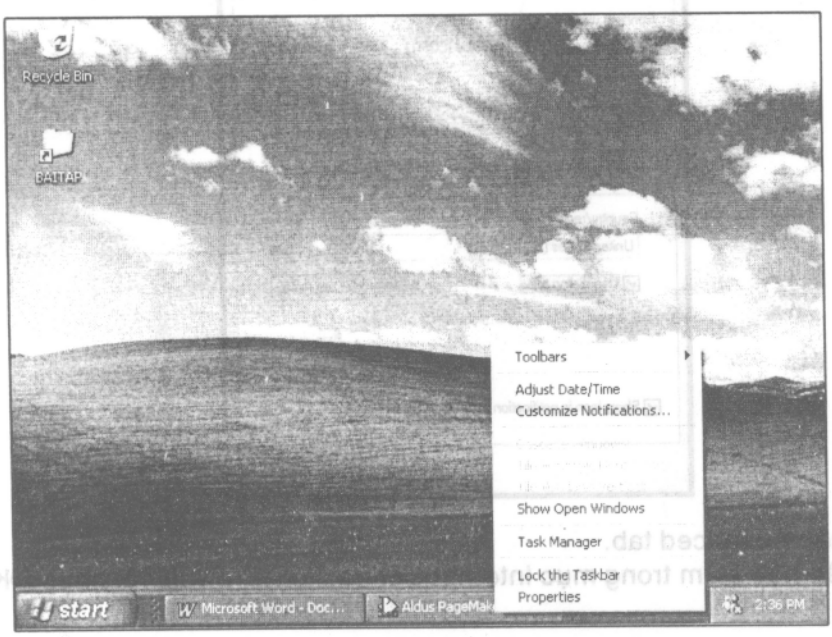

2. Nhấp Toolbar để hiển thị một menu con.



3. Nhấp Address để hiển thị Address bar trên Taskbar.

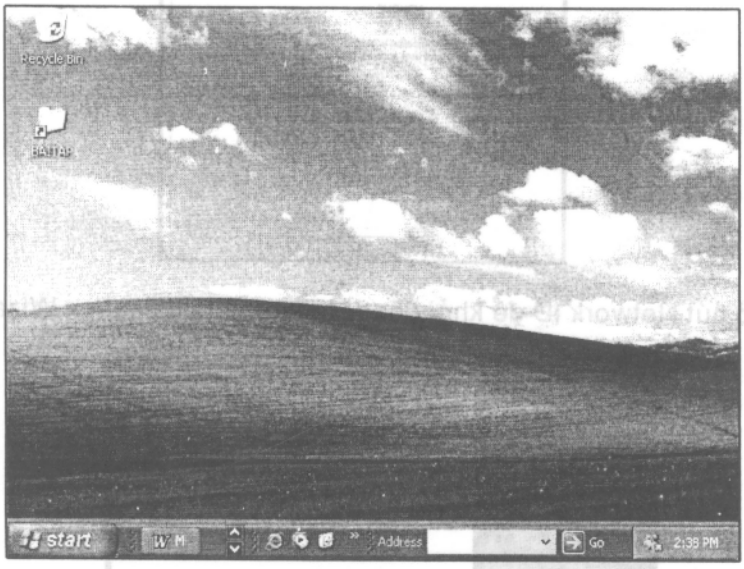

Gia nhập vào một Domain

Nếu bạn làm việc trên một mạng peer-to-peer, thì có lẽ bạn phải nối kết vào một workgroup, nhưng nếu bạn làm việc trên một mạng client-server lớn hơn, thì bạn cần nối kết vào một domain truy cập vào mạng. Để nối kết vào một domain, bạn cần phải có các thông tin sau đây: tên user, password, tên domain mà bạn muốn gia nhập, tên máy tính của bạn, và tên domain của máy tính của bạn.

1. Nhấp Start, nhấp phải My Computer, rồi chọn Properties từ menu tắt để mở hộp thoại System Properties.

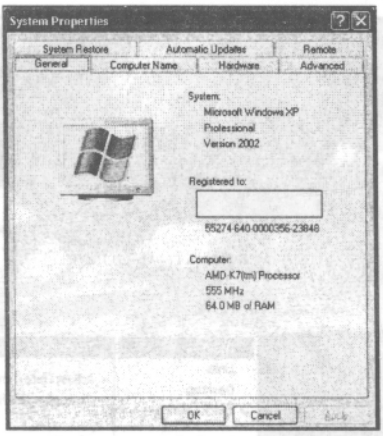

2. Nhấp Computer Name tab.

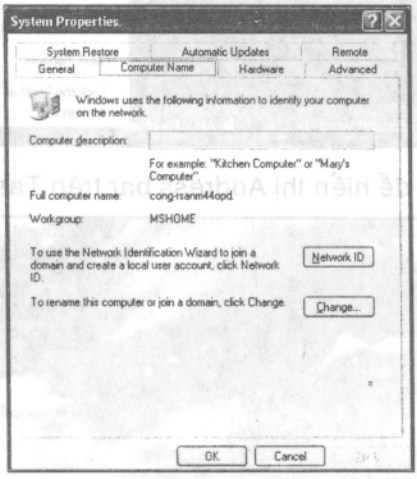

3. Nhấp nút Network ID để khởi động Network Identification Wizard.

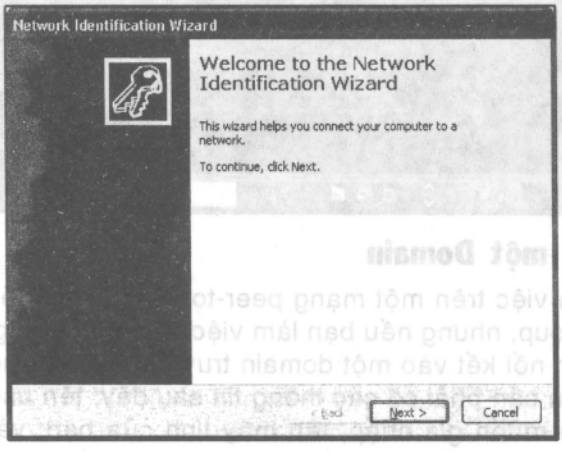

4. Nhấp Next để mở màn hình Connecting to the Network, nhấp tùy nhằm báo cho Windows XP là một mạng doanh nghiệp, rồi nhấp Next.

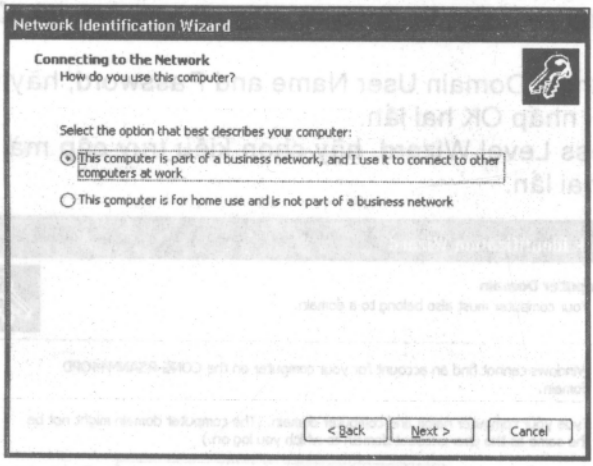

5. Trên màn hình Connecting to the Network, hãy nhấp tùy chọn nhằm báo cho Windows XP rằng mạng của bạn có một domain, sau đó nhấp Next. Phải bảo đảm rằng bạn có tất cả thông tin liệt kê trên màn hình Network Information, rồi nhấp Next.

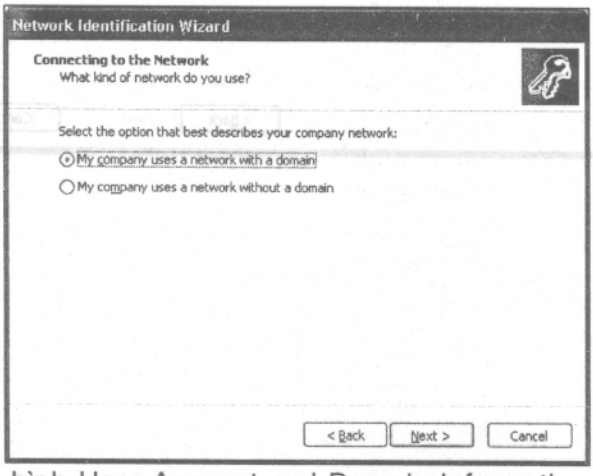

6. Trên màn hình User Account and Domain Information, hãy nhập tên user, password, và tên domain, rồi nhấp Next.

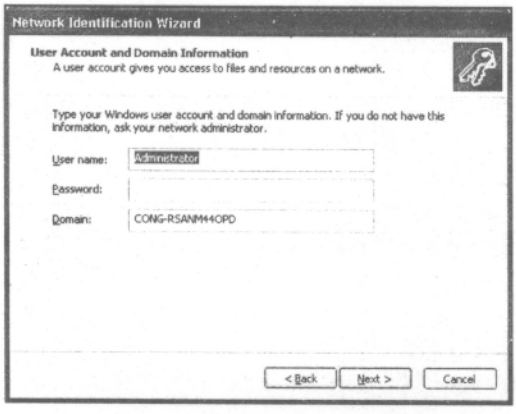

7, Trên màn hình Computer Domain, hãy nhập thông tin của bạn, sau đó nhấp Next.

Trong hộp thoại Domain User Name and Password, hãy nhập thông tin của bạn, rồi nhấp OK hai lần.

Trong Access Level Wizard, hãy chọn kiểu truy cập mà bạn muốn, rồi nhấp Next hai lần.

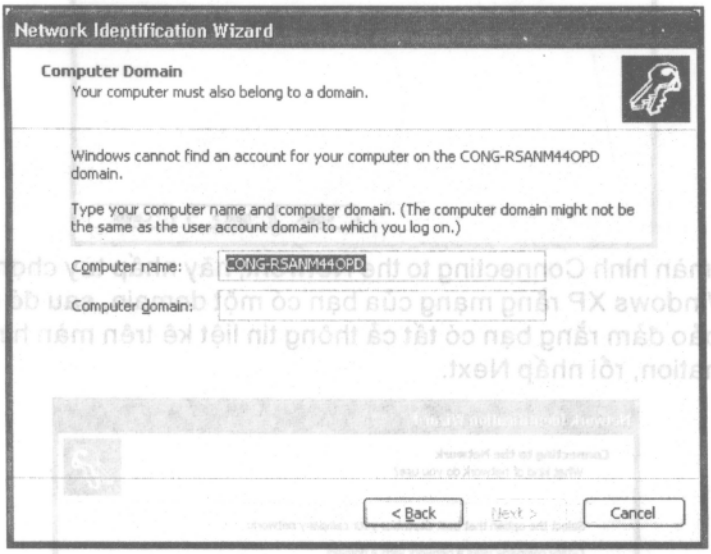

MỤC LỤC

PHẦN 1
Tìm hiểu Windows XP

Chương 1 : Đối với những người đã từng sử dụng Windows: Những điểm mới và những điểm đã được thay đổi 8

Đôi nét về Windows XP 8
Các phiên bản khác 10
Hệ điều hành 11
Những diện mạo mới của Windows XP 15
Những tính năng mới cho việc sử dụng Internet 20
Những tính năng mới cho đa người dùng và đa máy tính 22
Những tính năng mới về audio và video 23
Những trình tiện ích mới 26
Tính năng trợ giúp 26
10 thủ thuật quan trọng nhất 29

Chương 2 : Thay đổi diện mạo và cách hoạt động của Windows 31

Tìm hiểu và sử dụng Control Panel 31
Tinh chỉnh màn hình 35
Cấu hình nền desktop 37
Làm việc với các bước tắt desktop 43
Làm việc với các thanh công cụ, Taskbar, và System Tray 47
Quản lý menu Start 53
Thay đổi thao tác nhấp 58
Sử dụng một bộ dưỡng màn hình 59
Thay đổi các âm thanh hệ thống 60
Thêm và loại bỏ các font 61
Cấu hình các cài đặt hệ thống khác 63
Cá nhân hóa nhiều hơn với Tweak UI 65

Làm cho Windows XP có diện mạo và cách hoạt động giống như Windows 9X/Me 67
10 thủ thuật quan trọng nhất 69

PHẦN 2

Làm việc với các File, chương trình và các thiết bị ngoại vi

Chương 3 : Quản lý các File 72

Tìm hiểu các File và Folder 72
Các công cụ quản lý File của Windows XP 73
Cấu hình các khung xem File và Folder 78
Sự định hướng và các hoạt động cơ bản 85
Sự quản lý File cơ bản 88
Nén và giải nén các File 91
Làm việc với các kiểu File và các phần kết hợp 93
10 thủ thuật quan trọng nhất 95

Chương 4 : Chạy các chương trình 96

Bổ sung và xóa phần mềm 96
Cài đặt các chương trình từ Interet 99
Khởi động các chương trình 102
Khởi động các chương trình khi Windows khởi động 104
Chuyển đổi giữa các chương trình 104
Sắp xếp các cửa sổ trên nền màn hình 105
Đóng các chương trình bị làm đông 107
10 thủ thuật quan trọng nhất 108

Chương 5 : Điều khiển máy in 109

Bổ sung và xóa máy in 109
Cấu hình máy in 112
Quản lý tiến trình in 114

Chương 6 : Bổ sung phần cứng mới 117

Tìm hiểu các cổng 117

Cài đặt các thiết bị ngoại vi mới 119
Cập nhật các trình điều khiển thiết bị 121
Giải quyết các xung đột thiết bị 122
Các thiết bị ngoại vi phổ biến nhất 123
làm việc với các file phần cứng 131
10 thủ thuật quan trọng nhất 133

PHẦN 3

Đưa Windows lên trực tuyến

Chương 7 : Thực hiện sự nối kết 136

Cấu hình một Account mới 136
Nối kết qua MSN 139
Tìm hiểu Broadband Internet 139
Chia sẻ một nối kết Internet 141
Kích hoạt firewall 144
10 thủ thuật quan trọng nhất 146

Chương 8 : Trình duyệt Web với Internet Explorer 148

Giới thiệu Internet Explorer 6 148
Cá nhân hóa giao diện của bộ trình duyệt 150
Cấu hình bộ trình duyệt 152
Trình duyệt an toàn 157
Tăng tốc bộ trình duyệt 160
Làm việc với các Web Site 162
Các bộ trình duyệt khác 166
10 thủ thuật quan trọng nhất 166

Chương 9 : Gởi và nhận E -Mail bằng Outlook Express 168

Giới thiệu Outlook Express 6 168
Cấu hình Outlook Express 169
Ngăn ngừa các vi rút E-mail 173
Gởi và nhận E-mail 174
Gởi các thông báo thú vị 177
Nối kết với Web Mail 179

Làm việc với các Folder và các quy tắc thông báo 180
Sử dụng Address Book 182
Sử dụng Outlook Express với các Newsgroup. 184
Các Client E-mail/ Newsreader khác 188
10 thủ thuật quan trọng nhất 189

Chương 10 : Tán gẫu trực tuyến với Windows Messenger 190

Giới thiệu Windows Messenger 191
Nối kết 192
Tìm các Contact mới 193
Gởi thông báo một đối một 195
Tán gẫu theo nhóm 197
Gọi điện thoại qua Internet 197
Hội thảo bằng Video 198
10 thủ thuật quan trọng nhất 198

PHẦN 4

Âm thanh và hình ảnh

Chương 11 : Làm việc với hình ảnh 201

Làm việc với My Picture 201
Theo dõi chi tiết 202
Các khung xem khác nhau 204
Hiệu chỉnh các file ảnh 206
Làm việc với các file ảnh 208
10 thủ thuật quan trọng nhất 210

Chương 12 : Làm việc với các camera kỹ thuật số và máy quét 212

Cài đặt và cấu hình một camera kỹ thuật số hay máy quét 212
Quét ảnh 213
Tải lên các ảnh từ camera kỹ thuật số 214
Làm việc với các ảnh trong camera 216
10 thủ thuật quan trọng nhất 217

Chương 13 : Sử dụng Windows Media Player 219

Tìm hiểu các file Media kỹ thuật số 219
Giới thiệu Windows Media Player 220
Cấu hình WMP 222
Mở các file Audio 227
Nghe radio trên Internet 228
Xem các phim DVD 230
Sắp xếp các file Media 233
Sử dụng các Media Player khác 236
10 thủ thuật quan trọng nhất 237

Chương 1 4: Mở và ghi audio MP3 và WMA 239

Giới thiệu Audio kỹ thuật số 239
Tìm kiếm và tải xuống các file audio kỹ thuật số 243
Sao chép (cắt) các CD Track sang PC 244
Sao chép các file Audio sang một CD 247
Các bộ cắt và bộ sao chép 249
10 thủ thuật quan trọng nhất 250

Chương 15 : Mở và hiệu chỉnh phim kỹ thuật số 251

Giới thiệu Windows Movie Maker 251
Tập hợp nội dung nguồn 253
Hiệu chỉnh Video 256
Lưu phim 261
10 thủ thuật quan trọng nhất 263

PHẦN 5

Windows XP trong gia đình và môi trường di động

Chương 16 : Làm việc với nhiều người sử dụng 265

Lập kế hoạch cho nhiều người sử dụng (User) 265
Các loại User 266
Cài đặt các user mới 267

Hiệu chỉnh các xác lập user 268
Chuyển đổi các User 272
Chia sẻ hay không chia sẻ các file và folder 274
10 thủ thuật quan trọng nhất 275

Chương 17 : Chơi game 277

Cài đặt và cấu hình các bộ điều khiển game 277
Tạo một hệ thống chơi game tốt hơn 279
Tìm hiểu DirectX 279
Xử lý các sự cố game 280
10 thủ thuật quan trọng nhất 282

Chương 18 : Cài đặt một mạng gia đình hay mạng doanh nghiệp nhỏ 284

Tìm hiểu các loại mạng khác nhau 285
Cài đặt mạng 287
Chạy Network Setup Wizard 289
Cài đặt sự chia sẻ mạng 290
Truy cập các File, máy in và các máy tính khác trên mạng 293
10 thủ thuật quan trọng nhất 295

Chương 19 : Sử dụng Windows XP trên máy tính xách tay 297

Cải tiến màn hình với ClearType 297
Tối ưu hóa bộ pin 299
Nối kết hai PC với một nối kết mạng trực tiếp 303
Điều khiển một máy tính khác bằng Remote Desktop Connection 304
Sử dụng Briefcase để đồng bộ hoá các file 306
Làm việc với các file ngoại tuyến 308
10 thủ thuật quan trọng nhất 309

PHẦN 6

Bảo trì và xử lý sự cố

Chương 20 : Nhận sự trợ giúp 312

Giới thiệu Help and Support Center của Windows XP 312
Nhận sự trợ giúp từ xa 318
10 thủ thuật quan trọng nhất 319

Chương 21 : Cập nhật Windows 321

Cài đặt các thành phần cho Windows 321
Tải xuống và trích các trình điều khiển thiết bị 322
Cập nhật Windows trực tuyến 323
Chuyển các file và các xác lập 325
Tạo một đĩa khởi động khẩn 326
10 thủ thuật quan trọng nhất 328

Chương 22 : Giữ cho Windows luôn hoạt động tốt 329

Xóa những file không cần thiết 329
Hủy phân đoạn đĩa 331
Thực hiện một tiến trình kiểm tra đĩa cứng với ScanDisk 332
Xem chế độ làm việc của hệ thống 333
Xem thêm thông tin về hệ thống 334
Hiển thị các đặc tính quan trọng của hệ thống 335
Quản lý các thiết bị 337
Giải quyết các xung đột 338
Truy cập thêm thông tin về hệ thống - và các trình tiện ích 339
Lập kế hoạch bảo trì 341
Sao lưu dự phòng và phục hồi các file quan trọng 342
Quản lý Windows Registry 343
Sao lưu dự phòng và phục hồi Registry 343
10 thủ thuật quang trọng nhất 345

Chương 23 : Phục hồi lại khi hệ thống gặp sự cố 347

Khởi động ở chế độ an toàn 347
Tìm ra sự cố bằng cách sử dụng System Configuration Utility 348
Phục hồi lại hệ thống bằng cách sử dụng System Restore 350
Tránh và xử lý trường hợp bị nhiễm vi rút 352
10 thủ thuật quan trọng nhất 354

Chương 24 : Xử lý các sự cố thường gặp 356

Các bước cơ bản trong việc xử lý sự cố 356
Xử lý các sự cố kỹ thuật bằng các công cụ kỹ thuật. 356
Những giải pháp đơn giản để xử lý các sự cố thường gặp 359
10 thủ thuật quan trọng nhất 374

Phụ lục A : Nâng cấp lên Windows XP 377

Cài đặt nâng cấp điển hình 377
Cài đặt "sạch" 378
Kích hoạt và đăng ký Windows 379
Hủy cài đặt Windows XP 381

Phụ lục B : Các chương trình phụ của Windows XP 383

Calculator 383
Character Map 383
Clipboard Viewer 383
Games 383
HyperTerminal 384
Notepad 384
Paint 384
Sound Recorder 384
Wordpad 384

Phụ lục C : Các tùy chọn truy cập 385

Các tùy chọn truy cập của Control Panel 385
Các công cụ truy cập khác 386
Sử dụng Accessibility Wizard 386

Thủ Thuật Học Nhanh Windows XP Bằng Hình 387

Đăng nhập vào Windows XP 388
Thoát Windows XP 389
Chuyển dịch từ người dùng này sang người dùng khác 390
Thoát Windows 392
Sử dụng menu Start 393
Sử dụng thanh tác vụ để truy cập vào cửa sổ 395
Định lại kích thước, di chuyển, và đóng cửa sổ 397
Định lại kích thước, di chuyển, và đóng cửa sổ (tiếp theo) 398
Sắp xếp các cửa sổ bằng cách sử dụng thanh tác vụ 400
Mở khóa, định lại kích thước, và di chuyển thanh tác vụ 404
Hiển thị và sử dụng các thanh công cụ Desktop 405
Tạo tùy biến cho menu Start 409
Tạo tùy biến cho vùng khai báo (Notification area) 414

Di chuyển trong Explorer 416
Sử dụng các view (khung xem) trong Explorer 419
Chọn và hủy chọn các file 423
Tạo một folder 424
Đặt lại tên một file hoặc folder 425
Sao chép hoặc di chuyển một file hoặc folder 427
Sao chép và di chuyển bằng cách sử dụng các lệnh Copy, Cut, và Paste . 428
Sao chép các file vào một đĩa mềm hoặc đĩa có thể di chuyển được 430
Sao chép file hoặc folder vào đĩa CD có thể ghi được 431
Xóa bỏ một file hoặc folder 435
Phục hồi một file hoặc một folder đã bị xóa bỏ từ Recycle Bin 436
Tìm kiếm các file 438
Tạo một biểu tượng tắt trên Desktop 442
Thay đổi độ phân giải màn hình 445
Cài đặt bộ dưỡng màn hình (My Pictutes Slideshow) 448
Cài đặt một nối kết Dial-Up Internet 451
Sử dụng một quay số để nối kết Internet 455
Trình duyệt Web 458
Thay đổi trang chủ (Home page) 463
Tìm kiếm Web 464
Tạo và truy cập favorites 465
Nghe một audio CD 468
Cài đặt một chương trình 469
Xóa bỏ một chương trình 472
Giữ cho Windows được cập nhật với chương trình Windows Update 473
Cài đặt một máy in 476
Chia sẻ một máy in 482
Nối kết vào một máy in chia sẻ 483
Khử phân đoạn đĩa cứng 484
Chạy Disk Cleanup 487
Lập thời biểu cho tác vụ để chạy một cách tự động 489
Cài đặt các thời điểm phục hồi hệ thống 493
Phục hồi hệ thống 496
Chia sẻ các file hoặc folder với những người dùng khác trên máy tính của bạn 499
Giữ một folder riêng biệt 500

Chia sẻ folder trên mạng 501
Nối vào một ổ mạng 502
Thay đổi một Driver (trình điều khiển) 505
Trở về lại với một driver 510
Xác lập việc nối kết Desktop từ xa trên một máy tính từ xa 511
Xác lập việc nối kết Desktop từ xa trên một máy tính ở nhà 513
Làm hoạt động Internet Connection Firewall 514
Bổ sung một Address bar (thanh địa chỉ) vào Taskbar 516
Gia nhập vào một Domain 517

WINDOWS XP CHO MỌI NHÀ

HOÀNG MINH MẪN

Chịu trách nhiệm xuất bản
CÁT VĂN THÀNH

Biên tập : THANH THẢO
Sửa bản in : KIM ANH
Bìa : PHAN LÊ THẮNG

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
98 Thụy Khuê , Tây Hồ; Hà Nội – ĐT :8457290

Sách được phát hành tại :Nhà Sách 45 Đinh Tiên Hoàng
Địa chỉ :45 Đinh Tiên Hoàng, P.Bến Nghé; Q1; TP HCM
ĐT :8880820-9100787

In 1000 cuốn khổ 16x24 tại Công Ty In Bao Bì & Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp. Địa chỉ : số 1 Bis Hoàng Diệu; Q.4; TP.HCM. Số giấy phép xuất bản: 104/XB-QLXB , CXB cấp ngày : 30/012002 . In xong và nộp lưu chiểu tháng 08 / 2002



windows xp cho mọi người

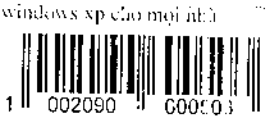

Giá : 74.000 đ